895.922 3
B 305 B

rần Mai Hạnh

BIÊN BẢN CHIẾN TRANH

1-2-3-4.75

(Tái bản lần thứ ba, có bổ sung)

THAIHABOOKS
Phụng sự để dẫn đầu

Nhà xuất bản Chính trị quốc

BIÊN BẢN
CHIẾN TRANH
1-2-3-4.75

Biên mục trên xuất bản phẩm
của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Trần Mai Hạnh

Biên bản chiến tranh 1-2-3-4.75 / Trần Mai Hạnh. - Tái bản. - H. : Chính trị Quốc gia, 2016. - 568tr. ; 24cm

Thư mục: tr. 399-400. - Phu lục: tr. 401-522

1. Văn học hiện đại 2. Tiểu thuyết lịch sử 3. Việt Nam

895.922334 - dc23

CTL0023p-CIP

Giấy chứng nhận đăng ký Quyền tác giả số:
1882/2014/QTG
(Ghi rõ nguồn khi viện dẫn tư liệu,
thông tin từ cuốn sách này)

Mã số: 9(V)2
CTQG-2016

895.922 351
B 305 B

Trần Mai Hạnh

BIÊN BẢN CHIẾN TRANH 1-2-3-4-75

(Tái bản lần thứ ba, có bổ sung)

THƯ VIỆN TỈNH
BÌNH PHƯỚC
VC/ VH63

THAIHABOOKS
Phụng sự để dẫn đầu

Nhà xuất bản
Chính trị quốc gia - Sự thật

Hà Nội - 2016

Chú thích ảnh bìa 1:

Phóng viên Thông tấn xã Việt Nam Trần Mai Hạnh (đeo kính)
cùng các đồng nghiệp Thông tấn xã Giải phóng
tại cửa ngõ Sài Gòn sáng sớm 30-4-1975
(Ảnh Văn Bảo - Tư liệu Thông tấn xã Việt Nam).

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Đã hơn bốn thập kỷ trôi qua, nhưng những hồi ức về cuộc chiến tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước vẫn chưa phai nhạt trong lòng người dân Việt Nam. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975 giành được thắng lợi vang dội đầu tiên với trận mở đầu Buôn Ma Thuột và Chiến dịch Tây Nguyên, tiếp đó là Chiến dịch Huế - Đà Nẵng, Chiến dịch Xuân Lộc và cuối cùng là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử toàn thắng. Đúng 11 giờ 30 phút ngày 30-4-1975, lá cờ cách mạng phấp phới tung bay trên cột cờ cao nhất Dinh Độc Lập, đánh dấu thời điểm kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta.

Thời gian ngày càng lùi xa thì diễn biến những sự kiện lịch sử Ngày giải phóng miền Nam (30-4-1975) càng được sàng lọc, kiểm nghiệm và thông điệp gửi lại cho chúng ta hôm nay càng sâu sắc hơn. Nhằm đáp ứng yêu cầu của bạn đọc, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật tái bản lần thứ ba có bổ sung cuốn tiểu thuyết tư liệu lịch sử ***Biên bản chiến tranh 1-2-3-4.75*** của nhà báo, nhà văn Trần Mai Hạnh. Cuốn sách do Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật xuất bản lần đầu tháng 4-2014, tái bản lần thứ nhất tháng 4-2015, tái bản lần thứ hai tháng 4-2016, được dư luận hoan nghênh, đông đảo bạn đọc đón nhận và đánh giá cao. Trong hai năm, tác phẩm liên tiếp giành được những giải thưởng danh giá trong nước và khu vực: Giải thưởng Văn học năm 2014 của Hội Nhà văn Việt Nam và Giải thưởng Văn học ASEAN năm 2015.

Trong lần tái bản này, chúng tôi giữ nguyên phần tư liệu ở cuối sách. Đây là những tài liệu mà tác giả được tiếp cận sau ngày 30-4-1975 liên quan trực tiếp đến cuộc chiến, trong thời gian diễn ra sự sụp đổ được xem là tuyệt mật của "phía bên kia", gần như lần đầu được công bố toàn văn. Những tài liệu này, Nhà xuất bản chưa có điều kiện để kiểm chứng từ những văn bản gốc, nhưng chúng tôi vẫn tôn trọng ý kiến của tác giả và coi đây là những tài liệu tham khảo phục vụ nhu cầu nghiên cứu, tìm hiểu về những ngày tháng sụp đổ cuối cùng của chính quyền Việt Nam Cộng hòa.

Đồng thời, nhằm giúp bạn đọc có thêm tư liệu trong việc cảm nhận, đánh giá tác phẩm, Nhà xuất bản lược trích giới thiệu ý kiến nhận xét của Hội đồng Giải thưởng Văn học năm 2014 của Hội Nhà văn Việt Nam; nhận xét của nhà thơ Hữu Thỉnh, Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam; nhận xét của ông M.R. Sukhumbhand Paribatra, Chủ tịch Hội đồng Giải thưởng Văn học ASEAN 2015 về cuốn tiểu thuyết tư liệu lịch sử ***Biên bản chiến tranh 1-2-3-4.75*** tại Lễ trao giải; hai bài phát biểu tại Lễ trao Giải thưởng Văn học năm 2014 và Lễ trao Giải thưởng Văn học ASEAN 2015, bài tham luận *Văn chương vì phẩm giá hiện tại và tương lai* tại Diễn đàn Văn học Đông Nam Á tổ chức tại Bangkok, Thái Lan ngày 16-12-2015 của nhà báo, nhà văn Trần Mai Hạnh và lời cảm nhận của TS. Nguyễn Mạnh Hùng - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần sách Thái Hà.

Từng là phóng viên chiến tranh của Thông tấn xã Việt Nam ở chiến trường miền Nam, đầu năm 1975, tác giả được cử tham gia Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử với nhiệm vụ là phóng viên đặc biệt của Thông tấn xã Việt Nam đi trong đoàn do đích thân Tổng giám đốc Thông tấn xã Việt Nam khi đó dẫn đầu. Bám sát các binh đoàn chủ lực, tác giả đã theo các đoàn quân tiến vào giải phóng hầu hết các thành phố, thị xã suốt từ Huế tới Sài Gòn và may mắn có mặt, chứng kiến những giờ phút lịch sử trưa ngày 30-4-1975 tại Dinh Độc Lập. Những tài liệu nguyên bản thu được, những trang ghi chép tại chỗ trong quá trình tham gia chiến dịch và trong những ngày tháng đầu tiên của Sài Gòn giải phóng cùng với những tư liệu quý giá từ phía chính quyền Sài Gòn mà tác giả tiếp xúc, khai thác đã giúp tác giả viết nên cuốn sách.

Cuốn tiểu thuyết gồm 19 chương cùng với phần phụ lục gồm 21 tài liệu tham khảo nguyên bản được in toàn văn đã phác họa sinh động sự sụp đổ cùng chân dung của hầu hết tướng lĩnh quân đội và số phận những người cầm đầu chính quyền tay sai Sài Gòn trong bốn tháng cuối cùng của chiến tranh giải phóng miền Nam (từ tháng 1 đến tháng 4-1975), làm nổi bật chiến thắng vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của quân và dân ta dưới sự lãnh đạo sáng suốt và tài tình của Đảng ta.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 5 năm 2016

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

LỜI TÁC GIẢ

Bạn đọc kính mến!

Ý định xây dựng cuốn sách này nảy sinh trong tôi từ những ngày đầu tiên của Sài Gòn giải phóng. Vì những sự kiện lịch sử chỉ diễn ra một lần, cũng như đời mỗi con người chỉ sống có một lần, nên tôi đã cố gắng ghi chép thật nhiều những gì có cơ may chứng kiến, sưu tập thật nhiều những tài liệu nguyên bản từ phía bên kia mà mình có cơ duyên tiếp xúc, với mong muốn phục dựng lại trung thực sự thật đã diễn ra trong những ngày tháng cuối cùng của Việt Nam Cộng hòa (chính quyền Nguyễn Văn Thiệu). Tôi xây dựng cuốn tiểu thuyết tư liệu lịch sử *Biên bản chiến tranh 1-2-3-4.75* với mong muốn tác phẩm vừa có giá trị văn chương, nhưng trước hết phải có giá trị vững chắc về sự thật lịch sử, trên những nguồn tài liệu sau:

- Biên bản trả lời phỏng vấn và lời tự thú của nhiều nhân vật từng giữ các chức vụ chủ chốt trong bộ máy quân sự và dân sự của chính quyền Sài Gòn cùng các cố vấn gần gũi, thân cận nhất với Nguyễn Văn Thiệu, Tổng thống Việt Nam Cộng hòa, sau ngày giải phóng chạy ra sống ở nước ngoài.

- Biên bản lời khai cùng biên bản tường trình về những diễn biến chi tiết trong quá trình diễn ra sự sụp đổ tại các tuyến phòng thủ, tại các địa bàn chiến lược và những ngày cuối cùng tại Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn của nhiều tướng lĩnh quân đội Sài Gòn ở cả bốn vùng chiến thuật, thuộc các quân binh chủng bị ta bắt tại trận hoặc sau ngày giải phóng ra trình diện chính quyền cách mạng.

- Những tài liệu nguyên bản của phía bên kia gồm: các thư từ, điện văn của Tổng thống Mỹ Nixon và G. Ford gửi Nguyễn Văn Thiệu và trả lời của Thiệu; biên bản một số cuộc họp "Hội đồng An ninh quốc gia" của Thiệu; văn bản đệ trình của Bộ Tổng tham mưu, các báo cáo phân tích tình báo của quân đội Sài Gòn và đại sứ quán Mỹ, điện chỉ huy tác chiến của Nguyễn Văn Thiệu và Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn trong toàn bộ quá trình diễn ra sự sụp đổ; phúc trình của tướng lĩnh các quân đoàn, sư đoàn, các tướng lĩnh thuộc Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn nộp cho Nguyễn Văn Thiệu và Cao Văn Viên, Đại tướng, Tổng tham mưu trưởng Quân lực Việt Nam Cộng hòa trình bày chi tiết về diễn biến quá trình sụp đổ và trách nhiệm cá nhân sau khi thất thủ tại các mặt trận và để mất các tỉnh thuộc Quân khu 1, Quân khu 2 và Quân khu 3.

- Biên bản cuộc phỏng vấn do Viện Nghiên cứu chiến lược RAND (Hoa Kỳ) công bố sau khi thực hiện đối với 27 nhân vật từng là lãnh đạo chủ chốt của giới quân sự và dân sự chính quyền Sài Gòn sau giải phóng chạy ra sống ở nước ngoài, trong đó có Nguyễn Cao Kỳ cùng 14 cấp tướng và các cố vấn của Nguyễn Văn Thiệu - Tổng thống, Trần Thiện Khiêm - Thủ tướng về tình hình nội bộ và những diễn biến chi tiết trong quá trình sụp đổ. Những tài liệu do Trung tâm Lịch sử quân sự lục quân Hoa Kỳ tổ chức tổng kết, biên soạn, xuất bản phân tích về nguyên nhân cũng như những diễn biến chi tiết sự sụp đổ của quân đội Sài Gòn tại các mặt trận, các tuyến phòng thủ, các quân đoàn, sư đoàn.

- Báo, tạp chí ở Mỹ, các nước phương Tây, báo Sài Gòn, tin tức trên đài Sài Gòn (được ghi âm và giải băng) cùng các tài liệu tham khảo đặc biệt được lưu giữ tại Trung tâm Thông tin - Tư liệu Thông tấn xã Việt Nam về diễn biến trên chính trường Sài Gòn những ngày diễn ra sự sụp đổ, cùng tài liệu tác giả thu thập được trong quá trình tham gia Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử với nhiệm vụ là phóng viên đặc biệt của Thông tấn xã Việt Nam

và đã may mắn được chứng kiến, viết bài tường thuật đầu tiên về những giờ phút lịch sử trưa ngày 30-4-1975 tại Dinh Độc Lập.

- Những tư liệu tác giả đã công bố bước đầu trong hai cuốn sách *Sụp đổ và tự thú* và *Ngày tận thế* do Nhà xuất bản Quân đội nhân dân ấn hành năm 1985, 1987.

Quá trình sưu tầm, tập hợp, đối chiếu, thẩm định những tài liệu nguyên bản và những tư liệu từ nhiều nguồn của phía bên kia (phía Việt Nam Cộng hòa và phía Hoa Kỳ) ở cả trong nước và nước ngoài đã nêu trên đây, không ngờ mất một thời gian dài đến như vậy. Khi tài liệu, tư liệu đã tập hợp đầy đủ, với sự dung tưởng của một nhà văn, tác giả đã hóa thân sang phía bên kia để tái tạo và phục dựng lại những ngày tháng sụp đổ cuối cùng của Việt Nam Cộng hòa (chính quyền Nguyễn Văn Thiệu) trong khuôn khổ của một cuốn tiểu thuyết tư liệu lịch sử với một cái nhìn khách quan, không thiên kiến, tôn trọng sự thật lịch sử, nhân văn trước số phận những người thuộc phía bên kia, đảm bảo sự trung thực của ngòi bút trước các sự kiện, sự việc, tình tiết đã diễn ra.

Trong lần tái bản có bổ sung vào tháng 4-2015, bước đầu tác giả chọn in trong phần phụ lục một số tài liệu tác giả đang lưu giữ. Đó đều là các tài liệu được đánh máy nguyên văn từ gần 40 năm trước theo đúng các tài liệu gốc thu được tại phòng làm việc và nơi ở của Nguyễn Văn Thiệu, Tổng thống Việt Nam Cộng hòa tại Dinh Độc Lập và phòng làm việc của Cao Văn Viên, Đại tướng, Tổng tham mưu trưởng Quân lực Việt Nam Cộng hòa tại trụ sở Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn vào trưa và chiều ngày 30-4-1975. Cách trình bày, những chữ viết tắt, những câu tiếng Anh xen kẽ trong các tài liệu được giữ nguyên như tài liệu gốc, và có bảng chữ viết tắt để tiện sử dụng.

Thời gian chẳng những không làm phai nhạt mà trái lại càng làm rõ nét hơn Đại thắng mùa Xuân năm 1975 - cuộc Tổng tấn công và nổi dậy oanh liệt nhất, vĩ đại nhất, có tầm quốc tế lớn lao và có tính thời đại sâu sắc của quân và dân ta, mà nổi bật và có ý

nghĩa quyết định nhất là sự lãnh đạo sáng suốt và tài tình của Đảng ta. Ở một bình diện khác, những tài liệu từ phía bên kia và do chính phía bên kia thừa nhận đã đưa ra nhiều tư liệu cụ thể, tin cậy và rất đáng quan tâm, phản ánh khá trung thực, sống động quá trình hoang mang, tan rã, sụp đổ của Việt Nam Cộng hòa (chính quyền Nguyễn Văn Thiệu)...

Số phận cuốn sách không may gắn với cuộc đời làm báo nhiều sóng gió, thăng trầm của tác giả, cuối cùng đã được Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật thẩm định, xuất bản vào cuối tháng 4-2014. Bạn đọc đón nhận sự ra mắt muộn mằn của cuốn sách *Biên bản chiến tranh 1-2-3-4.75* với sự cảm thông và lượng thứ trước những thiếu sót, khiếm khuyết không sao tránh khỏi, đã mang đến cho tác giả niềm động viên, khích lệ. Cuốn sách đã giành được Giải thưởng Văn học năm 2014 của Hội Nhà văn Việt Nam và Giải thưởng Văn học ASEAN năm 2015.

Lòng biết ơn sâu sắc là điều tác giả mong muốn được bày tỏ tới cố Tổng giám đốc Thông tấn xã Việt Nam Đào Tùng, nguyên Tổng giám đốc Thông tấn xã Việt Nam Đỗ Phượng, thủ trưởng kính mến trực tiếp của tác giả, các đồng chí và các cơ quan có thẩm quyền trong và ngoài quân đội cùng Trung tâm Thông tin - Tư liệu Thông tấn xã Việt Nam đã giúp tác giả tiếp cận những tư liệu quý giá và cho nhiều ý kiến quý báu trong quá trình viết cuốn sách này.

Do nguồn tài liệu chủ yếu khai thác từ phía bên kia, *Biên bản chiến tranh 1-2-3-4.75* viết về những ngày cuối cùng của Việt Nam Cộng hòa kể từ chiến thắng Phước Long (tháng 1-1975) của Quân giải phóng tới những giờ phút lịch sử trưa ngày 30-4-1975 tại Dinh Độc Lập, bao gồm trọn vẹn bốn tháng: 1, 2, 3, 4-1975 chắc chắn không tránh được những thiếu sót, nhược điểm. Rất mong nhận được sự phê bình và ý kiến đóng góp của bạn đọc.

Hà Nội, ngày 1-1-2016
TRẦN MAI HẠNH

1
LỄ GIÁNG SINH CUỐI CÙNG

Noel năm 1974 đến với Sài Gòn thật chậm. Chưa năm nào Giáng sinh đến với thành phố từng được mệnh danh "Hòn ngọc viễn đông" này muộn mằn như thế. Bộ mặt phồn vinh giả tạo của các thành thị miền Nam đã bắt đầu rạn nứt từ cuối năm 1972 khi Mỹ rút quân và ngưng các công trình xây dựng phục vụ cho Mỹ tại miền Nam. Nạn thất nghiệp gia tăng với cấp số nhân. Gần một triệu dân ở nông thôn bị quân đội Sài Gòn cưỡng bức khỏi các vùng do cách mạng giải phóng, dồn vào các trại tị nạn. Đồng tiền Sài Gòn liên tục mất giá. Trong không khí chiến tranh gia tăng được phản ánh hằng ngày trên các mặt báo, hai tuần lễ trước Noel, người Sài Gòn lại thất vọng vì các biện pháp kinh tế mùa đông khắc khổ, bế tắc do chính phủ Thiệu ban hành. Cận kề ngày Chúa giáng sinh, bầu trời thành phố lại đột ngột u ám vì ảnh hưởng của cơn bão Jidy tràn qua. Noel năm 1974 này dường như chỉ là "ngày của mọi ngày". Sự trang hoàng tại các nhà thờ, ngay cả Vương Cung Thánh Đường (Nhà thờ Đức Bà) cũng thật đơn giản. Không thấy nữa những ngôi sao giáng sinh được kết thành dây đèn chăng từ những ngọn tháp chót của các nhà thờ sà xuống tận mặt đất. Phải vào tận sâu trong các nhà thờ mới bắt gặp những ngôi sao Noel, nhưng lác đác thôi. Hang đá - nơi đặt tượng Chúa hài đồng, Noel này được làm bằng những tấm giấy cứng với mái nhà nhỏ bằng rơm. Những chuỗi kim tuyến

óng ánh cùng những cây thông lớn thường thấy ở đây trong những mùa Giáng sinh trước, nay không hề có. Đã thế, một trận mưa không nhỏ lại bất ngờ đổ xuống lúc chiều tối...

Nhưng rồi đến giờ của nó, đường phố cũng chật cứng những dòng người. Đại lộ Tự Do, Lê Lợi, Công Lý... không còn chỗ chen chân; lòng đường toàn người và xe gắn máy ùn tắc, khói xăng mù mịt. Các vũ trường chật ních người, quay cuồng trong tiếng nhạc xập xình khiến người Sài Gòn chợt nhớ lại tiếng nhạc cuồng loạn của phong trào Hippi từng một thời du nhập, thịnh hành ở thành phố này. Trong lúc những kẻ lắm tiền nhốt mình trong các vũ trường, hộp đêm với tiếng sâmbanh nổ bôm bốp (giá một chai sâmbanh vào đêm Noel lên tới 15.000 - 20.000 đồng) thì giới trẻ với đủ mốt quần áo mới lạ tràn ra đường phố, kéo về Nhà thờ Đức Bà. Ngoài mặt nạ, vương miện, mũ giả, người đi chơi Noel đêm nay không hẹn mà mang theo rất nhiều hoa giấy vụn ném tung lên đầu con gái. Mặc dù lực lượng an ninh, quân cảnh được tăng cường tối đa, nhưng Noel này Sài Gòn cũng không bỏ được lệnh giới nghiêm. Thánh lễ lẽ ra được tiến hành lúc nửa đêm tại các giáo đường thì nay được cử hành sớm: Nhà thờ Regina Pacis làm lễ lúc 20 giờ, Bùi Phát lúc 21 giờ, Nhà thờ Đức Bà lúc 22 giờ. Và khi chuông lễ của Nhà thờ Đức Bà còn gióng giả thì xe của Tổng cục dân vận chiêu hồi đã kêu réo dân chúng về nhà trước giờ giới nghiêm, trong khi xe quân cảnh rúc còi inh ỏi trên các ngả đường. Mới 11 giờ đêm, đèn nến ở các nhà thờ đã tắt lịm, các giáo đường trở lại cõi thanh vắng, thâm u. Giáo dân than thở đêm Noel năm nay ngắn ngủi quá, khắc khổ quá và bài thánh ca quen thuộc "... Đêm thánh vô cùng, phút giây tưng bừng..." trở thành lạc lõng... Thoáng chốc, các đại lộ ướt át vì trận mưa lúc chiều tối trở nên tạnh vắng, chỉ còn mặt đường nhựa loáng nước trải đầy

những hoa giấy nát vụn, ướt nhèm. Bầu trời thành phố u ám những nét giông bão, chốc chốc lại sáng bừng lên vì những trái hỏa châu từ căn cứ sân bay Tân Sơn Nhất bắn lên... Từ trong thành Cộng hòa - nơi Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn đặt tổng hành dinh và cũng là nơi ở của các tướng lĩnh, chiếc Mercedes phóng ra, lao vun vút trên đường phố vắng tanh. Đã quá giờ giới nghiêm, chỉ còn quân cảnh gác ở các ngã tư đường. Xe cắm cờ tướng nên không bị chặn xét. Xe xịch đỗ trước biệt thự sang trọng của Lý Long Thân ngay trung tâm Chợ Lớn. Trung tướng Dư Quốc Đống trong bộ quân phục tư lệnh lính dù, cao lớn, vạm vỡ, lông mày rậm, mắt to bước ra. Mặc dù gần ba tháng nay được Thiệu bổ nhiệm làm Tư lệnh Quân đoàn 3 - quân đoàn quan trọng nhất đảm trách việc phòng thủ Sài Gòn và vùng phụ cận, nhưng Tướng Đống vẫn giữ bộ đồ lính dù, bộ đồ mà Đống cho là đã mang lại nhiều may mắn cho cuộc đời binh nghiệp của mình. Cầm súng theo thực dân Pháp từ rất trẻ, từng được Pháp đưa sang Mẫu quốc học lớp huấn luyện nhảy dù, tốt nghiệp khóa sĩ quan Đà Lạt năm 1951, Dư Quốc Đống chính là tư lệnh thứ tư của Sư đoàn dù - lực lượng dự bị chiến lược từng được mệnh danh là "anh cả đỏ" của quân đội Sài Gòn. Đống được coi là đại ca của những viên tướng như Thiếu tướng Nguyễn Khoa Nam, Tư lệnh Quân đoàn 4, Quân khu 4; Trung tướng Ngô Quang Trưởng, Tư lệnh Quân đoàn 1, Quân khu 1; Thiếu tướng Phạm Văn Phú, Tư lệnh Quân đoàn 2, Quân khu 2,...

Lý Long Thân chực sẵn, đón Đống ngay cửa xe.

- Xin chào Trung tướng! Lâu quá mới có dịp hội kiến Trung tướng.

Đống vỗ vỗ lên vai Lý Long Thân, giọng rất thân mật:

- Xin lỗi! Xin lỗi! Tôi về từ hồi chiều, nhưng mắc tường trình chuyện Phước Long với Tổng thống nên giờ này mới tới.

- Không sao. Mời Trung tướng vào. Tướng Khuyên, Tướng Toàn vẫn đang chờ Trung tướng.

Dư Quốc Đống bước vào đã thấy Trung tướng Đồng Văn Khuyên, Tham mưu trưởng Bộ Tổng tham mưu kiêm Tổng cục trưởng Tổng cục tiếp vận và Trung tướng Nguyễn Văn Toàn, nguyên Tư lệnh Quân đoàn 2, Quân khu 2 bị huyền chức ngồi chờ sẵn ở phòng khách. Vào giờ này chỉ còn ánh sáng của những ngọn đèn đường, nhà dân trong cả dãy phố tối om. Thế nhưng riêng biệt thự của Lý Long Thân thì vẫn sáng trưng ánh điện. Đã thành lệ, Noel nào Lý Long Thân - một tư sản người Hoa khét tiếng, đầy thế lực, "ông vua sắt thép và bông vải sợi của toàn miền Nam" cũng tổ chức cuộc tiếp khách quan trọng như thế này. Khách của Lý Long Thân thường là các tướng lĩnh và những nhân vật trọng yếu trong chính phủ. Mục đích buổi tiếp khách vào dịp Noel thường năm này rất rõ ràng và sòng phẳng. Đây là dịp Lý Long Thân trả ơn rất đậm những người đã giúp đỡ, che chắn cho Thân trong các phi vụ làm ăn và cũng là dịp nghe ngóng chiều hướng chiến tranh sẽ ra sao. Cuộc chiến còn tiếp tục, Nam Việt Nam còn đứng vững ít ra vài năm nữa thì mới có chuyện Thân đổ của làm ăn, bằng không thì phải lo cuốn gói sớm, chuyển vốn liếng ra nước ngoài. Nếu tính sai, chỉ một nước thôi là sạt nghiệp. Là tư sản cỡ bự, chuyên đấu thầu với Tổng cục tiếp vận quân đội Sài Gòn, mỗi hợp đồng Lý Long Thân kiếm cả tỷ đồng tiền Sài Gòn. Mấy năm trước, chỉ riêng việc trúng thầu thu gom sắt thép phế liệu toàn miền Nam, Lý Long Thân cũng hốt được cả triệu đôla Mỹ.

Không khí đám ma đổ sụp xuống canh bạc cuối năm, khi Dư Quốc Đống vừa đặt tấm thân nặng nề xuống ghế sôpha đã thốt lên: "Phước Long cầm chắc vào tay cộng sản rồi!". Toàn, Khuyên đều là trung tướng, đánh hơi thấy ngay hệ lụy khôn lường nếu

Phước Long, tỉnh lỵ đầu tiên nằm ngay vành đai bảo vệ Sài Gòn thất thủ, nên gạn hỏi Đống nội dung cuộc gặp với Thiệu vừa diễn ra hồi chiều. Đống cho biết tình hình Phước Long là tuyệt vọng nếu Sài Gòn không tung quân ứng cứu tức khắc. Lương thực dự trữ đã cạn kiệt. Tiếp vận đường bộ bị chặn đánh. Tiếp vận đường không bị tên lửa Sam 7 của quân đội Bắc Việt kéo vào từ bao giờ không rõ khống chế; mấy ngày qua, nhiều máy bay của không lực Sài Gòn bay lên Phước Long đều bị bắn hạ. Áp lực đè nặng buộc Đống ngày 23-12-1974 phải lệnh cho Sư đoàn 5 điều gấp Tiểu đoàn 2, Trung đoàn bộ binh số 7 từ Lai Khê đến Sông Bé bằng trực thăng và cầu cứu Thiệu cho một bộ phận của Sư đoàn dù từ Quân khu 1 đến tăng viện cho Phước Long. Nhưng Đặng Văn Quang, Cố vấn an ninh quốc gia của Thiệu thông báo là yêu cầu của Đống bị bác bỏ, vì vậy Đống phải bay trực thăng về gặp Thiệu. Thiệu đã toan tính chuyện này nên Đống mới mở lời đã bị gạt phắt. Thiệu không giải thích mà nói gọn như ra lệnh cho Đống: "Tung quân cứu viện Phước Long là chuyện bất khả kháng. Nhưng Phước Long phải tử thủ, tử thủ bằng mọi giá!" - "Nếu vậy, thưa Tổng thống, không đầy tuần nữa Phước Long sẽ mất!" - "Đó là chuyện của anh và Quân đoàn 3. Tôi đang phải điều lực lượng dự trữ chiến lược về gia tăng phòng thủ Sài Gòn!". Đoạn đối thoại giữa Đống và Thiệu được Đống thuật lại đã đánh dấu chấm hết cho bữa tiệc làm ăn cuối năm. Đống nói, ngay sau đây, Đống sẽ trở lại căn cứ lính dù của mình ở sân bay Tân Sơn Nhất để tinh mơ sáng mai bay trở lại Phước Long...

Chiến sự bùng phát ác liệt, cả tỉnh lỵ Phước Long có nguy cơ thất thủ đã phủ bức màn u ám lên cuộc sống thường nhật của người dân và cả chính trường Sài Gòn. Noel năm 1974 sẽ là lễ Giáng sinh cuối cùng. Đó là cảm nhận của không ít nhà phân tích

thời cuộc và các nhà báo không chỉ của miền Nam Việt Nam mà cả quốc tế. "Lần này là một lễ Thiên Chúa giáng sinh ảm đạm đối với Nam Việt Nam, nơi mà cuộc chiến tranh đã bị một phần lớn thế giới bên ngoài lãng quên vừa bùng nổ một cách ác liệt hơn tất cả kể từ khi Hiệp định ngừng bắn giả vờ được ký kết ở Paris cách đây hai năm..." (Tuần báo *The Economist* ngày 28-12-1974). "Lễ Noel và Tết của dân Công giáo năm nay đã đánh dấu giai đoạn mới trên con đường vác cây thánh giá đẫm máu mà quân đội Sài Gòn vừa đi vừa vấp ngã đã bao nhiêu năm nay rồi..." (*L'Aurore* ngày 4-1-1975).

*

* *

Không khí chiến tranh hầm hập Sài Gòn khi dòng người tị nạn thất thần từ Phước Long đổ về, khi bản đồ chiến sự Phước Long và sân bay Biên Hòa bị pháo kích được in to tướng trên trang mặt các báo. Cùng với đó là cuộc diễn tập báo động ứng biến ở khu vực sân bay Tân Sơn Nhất và Biên Hòa; thông báo của Tổng cục Thực phẩm quốc gia là sẽ không tổ chức chợ Tết cho công chức và quân nhân như mọi năm vì không có hàng hóa gì bày bán trong lúc vật giá leo thang chóng mặt; tin sắp phát hành giấy bạc mới mệnh giá 5.000 đồng và 10.000 đồng... làm xáo động cuộc sống của người dân Sài Gòn. Trong bầu không khí hoang mang ấy, sáng ngày 3-1-1975, Thiệu triệu tập cuộc họp nội các tại Dinh Độc Lập. Tham dự có Phó Tổng thống Trần Văn Hương; Thủ tướng Trần Thiện Khiêm; Trung tướng Đặng Văn Quang, Cố vấn an ninh quốc gia của Thiệu; Trung tướng, Tham mưu trưởng Bộ Tổng tham mưu kiêm Tổng Cục trưởng Tổng cục tiếp vận Đồng Văn Khuyên; Tổng Tham mưu trưởng

Quân lực Việt Nam Cộng hòa, Đại tướng Cao Văn Viên. Trong hồi ký của mình, Cao Văn Viên đã kể lại chi tiết nội dung cuộc họp này. Tướng Đống trình bày tình hình nguy cấp của Phước Long và Quân đoàn 3, yêu cầu Thiệu và Bộ Tổng tham mưu điều ngay một Sư đoàn bộ binh hoặc Sư đoàn dù ứng cứu. Chỉ lên tấm bản đồ chiến sự, Đống yêu cầu cho quân tăng viện đổ xuống hướng bắc Phước Long với sự yểm trợ tối đa của không quân. Đống trình bày chưa dứt, Thiệu đã đứng lên yêu cầu các thành viên nội các trước hết hãy cho ý kiến có nên tung lực lượng dự trữ chiến lược vào mặt trận Phước Long hay không? Vốn đã biết ý Thiệu nên không thành viên nào dự họp nêu ý kiến quyết liệt về việc phải tung quân giữ Phước Long đến cùng. Từ khi Hiệp định Paris được ký kết năm 1973, Thiệu đề ra quốc sách "bốn không" (không để lọt vào tay đối phương bất cứ lãnh thổ nào, tiền đồn nào do quân đội Sài Gòn chiếm giữ; không liên hiệp; không thương lượng; không có hoạt động của cộng sản hoặc đối lập ở trong nước) thì không chỉ các buổi họp nội các mà tất cả các buổi họp bất thường hay hằng tháng với tư lệnh các quân khu, quân đoàn, tư lệnh các quân, binh chủng cũng đều diễn ra tại Dinh Độc Lập thay vì ở Bộ Tổng tham mưu như trước đây, và được đặt dưới quyền chủ tọa của Thiệu như là Tổng tư lệnh tối cao của Quân lực Việt Nam Cộng hòa. Kết luận của Thiệu là dấu chấm hết cho những hy vọng mong manh muốn cứu và giữ Phước Long. Thiệu nói:

"Muốn giải vây ít nhất phải có hai trung đoàn bộ binh triển khai vào cuộc hành quân và phải có lính nhảy dù xuống tăng viện cho Phước Long. Căn cứ lực lượng địch trong vùng, chúng ta thấy địch có thể phản ứng mạnh và gây thương vong nặng nề cho quân đội (Sài Gòn). 20 máy bay bị bắn hạ ở Phước Long bằng tên lửa Sam 7 chứng tỏ sự hiện diện của quân đội Bắc Việt

ở trong vùng rất mạnh. Một khi đã chiếm lại được Phước Long thì lại phải đưa quân tới đấy để bảo vệ. Một số đơn vị bị giam chân ở đấy, đồng thời gây ra những khó khăn nghiêm trọng về tiếp tế, hậu cần. Vì vậy, tốt nhất nên dành lực lượng để phòng thủ các khu vực khác có giá trị chiến lược hơn".

Đống lập tức đứng lên xin từ chức với lý do không đủ khả năng giải quyết tình hình quân sự của vùng 3, và với Liên đoàn 81 biệt kích dù, đơn vị dự bị cuối cùng, Quân đoàn 3 không thể tự xoay xở việc giải cứu Phước Long. Yêu cầu từ chức của Đống sau ba tháng nhậm chức Tư lệnh Quân đoàn 3 (từ ngày 1-11-1974) bị Thiệu bác bỏ thẳng thừng. Ngay sau cuộc họp ngày 3-1-1975, Thiệu lệnh cho Bộ Tư lệnh Quân đoàn 3 gửi một bức điện đến tiểu khu Phước Long, có đoạn viết: "Tổng thống đã họp nội các phiên đặc biệt ngày 3-1 để cứu xét tình hình quý tiểu khu. Rất thông cảm. Tổng thống và Quân lực Việt Nam Cộng hòa ưu ái gửi tặng các chiến hữu 3,2 triệu đồng tiền thưởng, khen ngợi và mong các chiến hữu cố gắng tử thủ". Nhưng chưa thực hiện được phần thưởng nói trên thì Phước Long đã thất thủ. Thời khắc đó được đánh dấu bằng sự kiện không thể bi đát hơn khi vào 16 giờ chiều ngày 6-1-1975, Đại tá, Tỉnh trưởng Phước Long Đỗ Công Thành trúng đạn chết trong đám loạn quân khi đang cố vượt hàng rào đạn phía bắc để chạy qua Sông Bé. Trong mưa đạn, trực thăng liều mạng đáp xuống cứu sĩ quan và hàng trăm lính biệt động hoảng loạn, vô vọng trong vây hãm tứ bề của Quân giải phóng. 5.400 sĩ quan và lính của Trung đoàn 7 ném vào Phước Long chỉ còn chưa đầy 850 người sống sót. Căn cứ viễn thông có vị trí chiến lược ngay trên đỉnh núi Bà Đen, một cao điểm lớn khống chế tất cả vùng xung quanh thị xã Tây Ninh và cả hành lang về Sài Gòn cũng thất thủ ngay sau đó. Nhiều phát rốckét, đạn pháo của Quân giải phóng rót vào các cơ

quan đầu não quân sự của quân đội Sài Gòn tại thị xã Tây Ninh. Các cửa hiệu lớn cửa đóng, then cài, đồ đạc quý giá theo gia chủ chạy về Sài Gòn. Mặc dù lúc ấy đang cữ gió đông bắc khô hanh, nhưng không hiểu sao đúng ngày Phước Long thất thủ, những cơn mưa xối xả đã đổ xuống cả Phước Long và Sài Gòn. Nhận xét về sự dị biệt này của thời tiết, một tờ báo của Sài Gòn ngày ấy viết: "Dường như ngay cả ông trời cũng rơi nước mắt khóc cho Phước Long".

Ngay trong đêm 6-1, Hội đồng An ninh quốc gia của Thiệu họp khẩn cấp cứu xét tình hình. Ngay ngày hôm sau, ngày 7-1, Thiệu tuyên bố trên đài Sài Gòn: "Toàn quốc dành ba ngày truy điệu, cầu nguyện cho Phước Long" và kêu gọi "kiên quyết lấy lại Phước Long". Ngày 8-1, quyền Ngoại trưởng Việt Nam Cộng hòa Ngô Khắc Tỉnh chủ trì buổi họp báo gồm đầy đủ các ký giả và ngoại giao đoàn. Nhưng buổi họp báo mà không trả lời bất cứ câu hỏi nào của nhà báo, không trình bày thêm bất cứ điều gì ngoài việc đọc và phát cho các ký giả bản Tuyên cáo ngày 8-1 của Chính phủ Việt Nam Cộng hòa về tình hình Phước Long. Bản tuyên cáo có đoạn:

"- Chính phủ Việt Nam Cộng hòa luôn để mở cửa thương nghị tại La Celle-Saint-Cloud và Tân Sơn Nhất. Thái độ với phái đoàn Việt cộng tại Tân Sơn Nhất không thay đổi.

- Việc tái chiếm Phước Long là bổn phận chung của Quân lực Việt Nam Cộng hòa nhưng thời gian và kế hoạch chưa thể tiết lộ.

- Bộ Tổng tham mưu có chủ định gửi quân tiếp viện để giữ vững Phước Long nhưng vì diễn biến tình hình quá mau lẹ và nhất là bị thời tiết xấu nên quân tiếp viện đến trễ một ngày và sau đó chịu luôn.

- Đại tá Đỗ Công Thành, Tỉnh trưởng Phước Long khi còn

liên lạc đã bị thương nhưng sau đó mất liên lạc và hiện chưa rõ số phận...".

Trái lại, cuộc họp báo sau đó mấy ngày (ngày 11-1-1975) của Đoàn đại biểu quân sự Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tại Tân Sơn Nhất do Đại tá Võ Đông Giang chủ trì lại hết sức sôi động. Đến dự cuộc họp báo có 38 phóng viên đại diện cho 30 tờ báo, hãng thông tấn, phát thanh và truyền hình trong và ngoài nước có mặt tại Sài Gòn. Dưới đây là một số câu hỏi và trả lời:

Mỹ Cơ (*Đại Dân Tộc*): - Thưa Đại tá, xin Đại tá cho biết lý do đánh chiếm Phước Long và đó có phải là hành động vi phạm Hiệp định Paris không?

Khiêm Cát (*CBS*): - Đại tá nói, Sài Gòn là trung tâm đầu não của chính quyền Sài Gòn. Vậy lực lượng giải phóng có giải phóng Sài Gòn theo cách giải phóng Phước Long không?

Terzanni (Báo *Tây Đức Spiegel*): - Nếu quý vị cứ tiếp tục tấn công như hiện nay, để bảo vệ Hiệp định Paris thì Đại tá có thấy nguy cơ Hoa Kỳ trở lại can thiệp trực tiếp không?

Mỹ Cơ (*Đại Dân Tộc*): - Xin hỏi câu cuối cùng. Xin Đại tá cho biết nếu có đề nghị ngừng bắn vào dịp Tết cổ truyền sắp tới thì phản ứng của phía quý vị sẽ ra sao?

Đại tá Võ Đông Giang đã trả lời tất cả các câu hỏi, và cuối cùng ông kết luận: "Một lần nữa xin nói rõ rằng chúng tôi tiến hành cuộc đấu tranh chính nghĩa trên cả ba mặt trận: chính trị - quân sự - ngoại giao. Sự đánh giá của chúng tôi là, thứ nhất, không loại trừ khả năng Hoa Kỳ sẽ can thiệp trắng trợn hơn nữa vào miền Nam Việt Nam. Gần đây nhất chính ông Gayler, Tư lệnh các lực lượng Hoa Kỳ ở Thái Bình Dương cũng đã nói thế. Thứ hai, nếu Hoa Kỳ dại dột làm một việc như vậy thì kết quả Hoa Kỳ sẽ không nhận được gì ngoài thất bại nặng nề hơn mà thôi...".

Ba ngày rầm rộ tưởng niệm Phước Long thất thủ, Thiệu cấm tất cả các hoạt động vui chơi, đóng cửa tất cả các vũ trường, quán bar, phòng trà. Ngày 9-1, Thiệu đến Vương Cung Thánh Đường (Nhà thờ Đức Bà) dự lễ cầu nguyện cho "chiến sĩ và đồng bào Phước Long" (theo cách nói trong Tuyên cáo của Thiệu). Thánh lễ cầu nguyện do cha Huỳnh Văn Nghi chủ lễ. Tham dự có đầy đủ bộ sậu của chính quyền Việt Nam Cộng hòa lúc đó: chủ tịch hạ viện, chủ tịch tối cao pháp viện, chủ tịch giám sát viện, Phó Thủ tướng Nguyễn Văn Hảo, các tổng, bộ trưởng và rất nhiều tướng lĩnh quân đội Việt Nam Cộng hòa. Thủ tướng Trần Thiện Khiêm thì tới dự lễ cầu nguyện tại "Việt Nam quốc tự". Sáng ngày 10-1, một cuộc mít tinh lớn được chính quyền Sài Gòn tổ chức tại công trường Lam Sơn, trước cửa hạ viện để "tố cáo cộng sản xâm phạm Hiệp định Paris và ủng hộ chính quyền". Tất cả công chức, tư chức tại các xí nghiệp, học sinh trung học bị dồn tới cuộc mít tinh. Riêng học sinh lớp 10 ở Gia Định được xe camnhông chở sang. Còn dân chúng tại các phường, khóm thì có giấy sức tới tận nhà, khi nhận phải ký tên, trình diện tại văn phòng các khối để tập trung tới trước tòa đô chánh. Dự tính huy động tới 50.000 người dự mít tinh, nhưng cuối cùng chỉ có 18.000 người. Sau khi đặt vòng hoa, Chủ tịch Hội đồng Đô thành Võ Quốc Thanh lên kêu gọi đồng bào, kế đến là Chủ tịch hội đồng Gia Định, Phước Long lên diễn đàn "phản đối Việt cộng tấn chiếm Phước Long". Chủ tịch Hội đồng Đô thành Võ Quốc Thanh, theo kịch bản thống thiết thỉnh cầu Đô trưởng Đỗ Kiến Nhiễu đóng cửa các tụ điểm ăn chơi, nhà tắm hơi và trừng phạt tất tật người dân nào lui tới chốn ăn chơi. Đô trưởng Đỗ Kiến Nhiễu thì cho biết sẽ có cuộc quyên tiền lớn trong đô thành để giúp dân Phước Long tản cư về Sài Gòn và gia tăng bảo đảm an ninh cho đô thành. Trong lúc đó thì Thiệu lên đài

phát thanh Sài Gòn "nói chuyện với đồng bào về biến cố Phước Long", và ngay sau đó, rồi có lẽ tới cả tuần lễ sau trên đài phát thanh và đài truyền hình Sài Gòn suốt ngày ra rả phát bài hát "Phước Long anh hùng".

Tin tức về chiến sự tại Nam Việt Nam lại bùng phát, nổi bật trên trang nhất các báo, kể cả báo chí ngoại quốc. "Việc Phước Long thất thủ đã làm sống dậy cơn ác mộng Việt Nam trong đầu hàng triệu người dân Mỹ mà họ tưởng đã thoát khỏi cách đây hai năm nhờ Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam..." (*Henri Pierre - Le Monde* ngày 17-1-1975). Đặc biệt tuần báo Mỹ *Guardian* số ra ngày 1-1-1975, ngay trước ngày Phước Long thất thủ đã đăng trên mục "Quan điểm" bài "Việt Nam anh dũng" gây xôn xao dư luận. Bài báo có đoạn:

"Bọn đế quốc từ lâu đã khét tiếng đạo đức giả. Điều đó không bao giờ lộ liễu bằng lúc xảy ra cuộc ném bom dã man ở Hà Nội, Hải Phòng và nhiều vùng đông dân cư ở Bắc Việt Nam cách đây hai năm. Chuông nhà thờ thì gióng giả "hòa bình trên trái đất" và các làn sóng điện thì đầy rẫy những bức điện về "tình huynh đệ" ngọt như mía lùi phát lên không trung đúng lúc tái diễn những trận bom rải thảm B.52. Không điều gì làm người ta quên đi trận ném bom B.52 tàn bạo vào Hà Nội trong dịp Noel cách đây hai năm. Nhưng thắng lợi cuối cùng của nhân dân Việt Nam - điều có thể sớm xảy ra nếu nhân dân Mỹ lại một lần nữa góp phần vào việc làm cho Hoa Kỳ chấm dứt mọi sự dính líu vào Việt Nam - sẽ giúp đóng chiếc quan tài cuối cùng của chủ nghĩa đế quốc thì "hoà bình trên thế giới" mới thật sự ở trong tầm tay mà thôi...".

Thiệu hò hét lấy lại Phước Long, tổ chức truy niệm, mít tinh rầm rộ, nhưng trên thực tế không có bất cứ hành động quân sự nào được triển khai. Phía Mỹ lúc đầu hùng hổ cho tàu chở máy

bay chạy bằng năng lượng nguyên tử Enterprise dẫn một lực lượng đặc nhiệm của Hạm đội 7 từ Philippines tiến về phía bờ biển Việt Nam, ra lệnh Sư đoàn 3 thủy quân lục chiến Mỹ ở Okinawa trong tình trạng báo động khẩn cấp... Nhưng rồi cuối cùng Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ James Schlesinger buộc phải bỏ qua "sự kiện Phước Long" và tuyên bố với báo chí: "Đây chưa phải là một cuộc tiến công ồ ạt của Bắc Việt Nam". Còn Đại sứ Hoa Kỳ ở Sài Gòn, Graham Martin thông báo với Nguyễn Văn Thiệu: "Việc yểm trợ của Hoa Kỳ lúc này là chưa được phép".

Bửu Viên, cố vấn của Thủ tướng Trần Thiện Khiêm có mặt trong buổi họp nội các khi Thiệu thông báo Phước Long thất thủ, kể lại rằng ông ta thấy rõ thái độ lo lắng, thất thần trong giọng điệu lên gân của Thiệu. Thái độ đó khác hẳn với vẻ tự tin, quyết đoán, đôi lúc khôi hài của Thiệu. Bửu Viên nêu ra dẫn chứng so sánh và kể rằng: "Tôi nhớ lại phiên họp khi Bộ trưởng Kinh tế công bố tin tức phát hiện ra mỏ dầu ở ngoài khơi Nam Việt Nam. Với một thái độ hí hửng ra mặt, Thiệu gật gù nói: về việc đặt mua các xe mới cho các chuyến thăm nhà nước sắp tới, bây giờ anh cứ đặt hẳn 10 chiếc chứ không phải hai chiếc nữa. Rồi Thiệu khôi hài: có thể trong tương lai, chúng ta chỉ cần có trong chính phủ một vị tổng thống và một vị bộ trưởng dầu lửa mà thôi"[1].

---

1. Xem: "Tài liệu tham khảo đặc biệt" số: 002, 005, 007, 011, 029, 030-TTX từ ngày 2-1-1975 đến ngày 5-2-1975 dịch nội dung bài viết trên các báo: *L'Aurore, The Economist, The Times, The New York Times, Guardian, Le Monde*; Đọc báo *Sài Gòn* số: 046, 049-TTX-1974; 002, 008, 010, 011, 012-TTX-1975 từ ngày 24-12-1974 đến 14-1-1975 trích đăng nội dung các báo: *Điện Tín, Bút Thép, Chính Luận, Quật Cường, Sóng Thần, Đại Dân Tộc, Đông Phương*; Biên bản cuộc phỏng vấn 27 nhân vật chủ chốt của giới quân sự và dân sự chính quyền Sài Gòn sau giải phóng chạy ra sống lưu vong ở nước ngoài do Viện Nghiên cứu chiến lược RAND (Hoa Kỳ) công bố.

2
SÀI GÒN NƠM NỚP ĐÓN TẾT ẤT MÃO

Mặc dù chính quyền Thiệu đã cách ly binh lính sống sót chạy từ Phước Long về, không cho tiếp xúc với báo chí và dân chúng, nhưng sự hỗn loạn, chết chóc bi thảm của Phước Long và của quân lính Sài Gòn phút thất thủ vẫn nhanh chóng bị phơi bày trên mặt báo. Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn ra lệnh đình chỉ giải ngũ và tuyên bố sẽ đưa một số sĩ quan và hạ sĩ quan cảnh sát sang bộ binh để bổ sung cho các chiến trường xung yếu. Trần Văn Hương, Phó Tổng thống tuyên bố sẽ nhanh chóng công bố lệnh tổng động viên sau thất thủ ở mặt trận Phước Long. Một tuần trước Tết, phong trào nhân dân chống tham nhũng do linh mục Trần Hữu Thanh khởi xướng thu được chữ ký của 301 linh mục trong tổng số 1.700 linh mục ở toàn Nam Việt Nam lại tung ra bản "Cáo trạng số 1". Cáo trạng nêu rõ bốn trọng tội của Thiệu và đòi Thiệu phải ra đi. Điều làm Thiệu điên đầu là cáo trạng chĩa thẳng vào Thiệu, tố cáo đích danh những hành động tham nhũng của Thiệu, những người trong gia đình Thiệu và những tay chân thân tín của Thiệu kể cả trong nội các và các tướng lĩnh. Bản cáo trạng tố cáo Thiệu hốt của trong đổi chác đất đai nhà cửa; bao che cho người anh em vợ tích trữ, đầu cơ phân bón; để cho vợ Thiệu kiếm chác không biết cơ man nào là tiền của qua việc xây dựng một bệnh viện tư lấy tên là "Vì Dân" với danh nghĩa

là để giúp đỡ người nghèo; cho tay chân thân tín lộng hành kiếm tiền trong mạng lưới buôn lậu bạch phiến rộng lớn; nhắm mắt làm ngơ trước việc buôn bán lúa gạo gian lận ở miền Trung của người cô ruột Thiệu. Trong lúc Thiệu hô hào chống tham nhũng, lên án tình trạng tham nhũng tràn lan là "quốc hận, quốc nhục" thì cáo trạng là một cái tát nảy lửa vào mặt Thiệu. Trừ báo của Thiệu là tờ *Quật Cường*, tất cả 9 tờ báo còn lại ra ngày thứ hai, 3-2-1975 gồm: *Chính Luận*, *Độc Lập*, *Trắng Đen*, *Tia Sáng*, *Bút Thép*, *Đông Phương*, *Sóng Thần*, *Điện Tín*, *Đại Dân Tộc* đều bị tịch thu vì đăng bản "Cáo trạng số 1". Đêm ngày 2-2, rạng sáng ngày 3-2 cảnh sát ập vào khám xét các nhà in, bắt giam 19 ký giả. Hai nhà văn lão thành Vũ Bằng và Mặc Thu thuộc cơ sở Đất Sống cũng bị bắt giữ tại Bộ Tư lệnh cảnh sát quốc gia. Chủ tịch Hội chủ báo Việt Nam, nghị sĩ Tôn Thất Đính ra thông báo cho biết tất cả các báo đã quyết định đình bản kể từ sau số báo 6-2 xuất bản chiều ngày 5-2-1975 cho đến khi có lệnh mới để phối hợp hành động phản đối chính quyền đàn áp báo chí. Bài "Việt Nam giáp Tết, Sài Gòn nơm nớp đón chờ" đăng trên trang nhất tờ *Le Figaro* ngày 10-2, trước Tết Ất Mão một ngày lan truyền khắp Sài Gòn. Đầu bài báo vẽ Thiệu chân tay đang bị cùm vào cái gông mà chiếc chìa khóa là đồng đôla Mỹ. Bài báo có đoạn: "... Còn mấy ngày nữa thì Tết, và dân chúng Sài Gòn đang nơm nớp chờ đợi. Việc công bố cáo trạng chính trị của phong trào nhân dân chống tham nhũng do linh mục Trần Hữu Thanh khởi xướng chĩa thẳng vào Thiệu, sự xuất hiện liên tiếp của không biết cơ man nào là ủy ban, phong trào có xu hướng chống Thiệu. Bầu cử quốc hội vào tháng 8 và tổng thống vào tháng 10. Thượng nghị sĩ Vũ Văn Mẫu, thủ lĩnh các

lực lượng hòa giải được sự ủng hộ của giới phật tử đối lập, phát biểu là giờ đây không một ai có thể đưa ra nổi dự đoán tình hình cả về chiến trường và chính trường Sài Gòn sau một tháng nữa sẽ ra sao". Trong tình cảnh đó, trước Tết hai ngày, ngày 9-2-1975, AFP phát đi từ Sài Gòn một bài báo gây xôn xao các chính giới. Bài báo có tên "Năm con mèo và tuổi con chuột". Bài báo viết rằng: ... Những ngày cuối năm Dần, các thầy tướng xem tử vi, tướng tay, tướng đất đều cùng ý kiến tiên đoán năm mới, năm con mèo bắt đầu vào ngày 11-2 là năm cực xấu với Nam Việt Nam và đặc biệt nguy hiểm với Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu. Để hỗ trợ tiên đoán của mình họ nhắc lại rằng năm Quý Mão 1963 là năm tai họa với Tổng thống Ngô Đình Diệm vì Diệm cũng tuổi Tý.

Ông Hoàng Liên là người từ 10 năm nay vẫn cho xuất bản một cuốn niên lịch bán rất chạy, riêng ở Pari bán tới 5.000 cuốn, đã cho rằng lá số tử vi của Thiệu xấu đến nỗi ông ta không còn có thể trông cậy những yếu tố giải cách... Ông Liên đặc biệt phàn nàn, với việc hạn chế hiếm có, kỳ nghỉ Tết này còn một ngày rưỡi, chính phủ đã quyết định ngày mùng 2 Tết là ngày làm việc đầu tiên. Theo âm lịch, ngày mùng 2 Tết năm nay (12-2-1975) là một ngày khởi sự đặc biệt xấu vì nó bị hai hành tương khắc nhau, thủy khắc hỏa, khiến cho ngày đó vô phương giải thoát. Ông Liên còn cho rằng nguyệt thực cách đây vài tháng là một dấu hiệu đặc biệt đáng lo ngại. Nó là điềm báo rằng ở châu Á, hai hay ba tổng thống, quốc trưởng sẽ chết hoặc bị lật đổ.

Tố cáo đích danh Thiệu phạm bốn trọng tội "với chánh thể, chế độ, với quân đội, với nhân dân và với hoà bình" đồng loạt trên tất cả các báo xuất bản ở Sài Gòn trong cùng một ngày, yêu cầu Thiệu phải tức khắc ra đi, đó là điều chưa từng có

trong tám năm Thiệu làm tổng thống. Công khai lá số tử vi tuổi chuột của Thiệu ngay trước thềm năm con mèo Ất Mão trên mặt các báo ở cả Sài Gòn và một vài báo phương Tây, đoan chắc vận mạng Thiệu đã đi tong, không còn phương cứu vãn cũng là điều chưa từng có. Thiệu không bỏ qua điều đó, bởi Thiệu là kẻ cực kỳ mê tín và đa nghi. Thiệu có thầy tử vi, tướng số rất giỏi chuyên xem cho Thiệu. Đó là lão thầy tướng tự xưng danh "Quỷ Cốc" ở đường Trương Minh Giảng. Quỷ Cốc người gầy đét, mặc bộ đồ thầy nho, chân đi guốc mộc, rất lập dị. Lão nghiện thuốc phiện nặng, đầu tóc, quần áo lúc nào cũng tẩm đẫm mùi heroin. Trên cái cổ khẳng khiu với những đường mạch máu nổi cộm là khuôn mặt gầy choắt của tuổi 70, da mặt nhăn nheo như tấm bánh tráng, nước da màu thịt trâu tái. Sinh khí duy nhất trên bộ mặt của Quỷ Cốc là đôi mắt cực sáng, gian manh với ánh nhìn phóng ra như luồng điện. Trước mỗi quyết định quan trọng, Thiệu đều hỏi ý Quỷ Cốc, nhưng Thiệu cũng thừa biết điều gì Quỷ Cốc nói đúng và điều gì là nói chiều theo ý của Thiệu. Một tổng thống, tổng tư lệnh tối cao của Quân lực Việt Nam Cộng hòa, có trong tay hơn một triệu quân mà lại giỏng tai nghe lời phán của một lão thầy tướng thì quả là chuyện nực cười. Cái nực cười đến kỳ quái này cũng có cái lẽ của nó. Một là Thiệu là một kẻ rất tin tử vi, tướng số. Hai là Quỷ Cốc nhờ mấy tên cò mồi cấp tướng gần gũi Thiệu, biết được nhiều bí mật đời tư và toan tính của Thiệu nên phán đâu Thiệu chịu đó.

Trưa ngày 27 Tết, sau chuyến bay chớp nhoáng thị sát Sư đoàn 23 bộ binh của Quân đoàn 2 đảm trách nhiệm vụ bảo vệ Tây Nguyên, về tới Sài Gòn, Thiệu cho cận vệ đón Quỷ Cốc tới phòng làm việc riêng của Thiệu trên tầng ba Dinh Độc Lập. Đó là căn phòng không số kề liền với ba phòng: bên trái là phòng

báo cáo hành quân, bên phải là phòng thông tin liên lạc, đối diện là phòng lớn - phòng tác chiến và cũng là phòng họp của Hội đồng An ninh quốc gia. Phòng làm việc riêng của Thiệu có đầy đủ các thiết bị thông tin liên lạc qua vệ tinh, rất hiện đại, giúp Thiệu có thể chỉ đạo tác chiến trực tiếp tới tư lệnh các quân đoàn, khi cấp bách tới tận sư đoàn. Không ai được bước chân vào phòng làm việc riêng của Thiệu, kể cả các cố vấn thân cận nhất và cả vợ Thiệu. Quỷ Cốc là trường hợp gần như duy nhất ngoại lệ. Làm việc với Bộ Tư lệnh Sư đoàn 23 sáng nay, Thiệu đã cảnh báo Chuẩn tướng Lê Trung Tường, Tư lệnh Sư đoàn là trong Tết hay ngay sau Tết, quân đội Bắc Việt sẽ đánh Đức Lập, Bản Đôn và Kon Tum để nối liền tuyến vận chuyển xuống đồng bằng. Mất Phước Long, Mỹ phản ứng yếu ớt, áp lực đè nặng trên toàn miền, Thiệu đoán chắc cuộc tổng tấn công của Quân giải phóng sẽ nổ ra vào dịp Tết như từng nổ ra hồi Tết Mậu Thân, chỉ có điều không biết nổ ra ở mặt trận nào mà thôi. Đó là điều Thiệu muốn nghe ngóng từ Quỷ Cốc. Lật lá số tử vi của Thiệu ra bàn, Quỷ Cốc giảng giải cặn kẽ mọi điều theo chủ ý của mình. Vừa nghe Quỷ Cốc phán bóng phán gió về cơn vận hạn của mình, Thiệu đã giật thót người. Nhưng vốn là kẻ quỷ quyệt, ranh ma, làm bộ tỉnh không, Thiệu kín đáo đưa ra lời thăm dò:

- Theo tiên sinh, cơn vận hạn năm con mèo này là nhằm vào cá nhân tôi?

- Trình Tổng thống! Vận hạn của cá nhân Tổng thống nhưng cũng là vận hạn của cả quốc gia này!

- Chắc tiên sinh muốn nói tới vận hạn trên chiến trường?

Quỷ Cốc rất cáo. Không hề để lộ những bí mật biết được qua một số tướng tá tâm phúc của Thiệu đang có chuyện cậy nhờ mình, Quỷ Cốc nói giọng tỉnh không:

- Trình Tổng thống! Tôi không quan tâm và cũng chẳng biết gì về thắng bại trên chiến trường. Đó là chuyện của các vị tướng dưới quyền Tổng thống. Tôi chỉ căn cứ vào tử vi, tướng số để đoán định vận hạn.

Giấu kín ý định của mình, Thiệu tiếp tục thăm dò:

- Tiên sinh cho lời đoán định về vận hạn này!

Quỷ Cốc chiếu ánh mắt ranh mãnh quan sát Thiệu. Lão không bói bài, gieo quẻ mà chỉ xem tử vi, vân tay, tướng mạo mà đoán định. Để Thiệu phải nóng lòng chờ đợi một lúc, lão mới buông ra lời phán mập mờ nhưng đầy ngụ ý:

- Theo cung vận hạn, thời khắc này cái vòm nhà số phận của Tổng thống sắp bị một lỗ hổng lớn. Mưa gió tai họa sẽ trút xuống từ đấy!

Thiệu lại một lần nữa giật mình. Vẻ bối rối trên mặt Thiệu dẫu chỉ thoáng qua cũng không lọt được con mắt ranh mãnh của lão thầy tướng. Thiệu từng nghe các nhà chiến lược quân sự ví Tây Nguyên là cái vòm nhà của Nam Việt Nam. Lỗ hổng trên cái vòm nhà số phận mà lão thầy tướng phán phải chăng là ám chỉ Tây Nguyên. Chuyến thị sát Sư đoàn 23 sáng nay đang khiến Thiệu thực sự lo lắng. Trên đường bay về Sài Gòn, trở đi trở lại trong tâm trí Thiệu câu hỏi, nếu bị tiến công tổng lực, Kon Tum, Pleiku, Đắk Lắk có giữ được không? Nếu cộng sản chiếm được Tây Nguyên, vận mệnh Nam Việt Nam và số phận Thiệu sẽ ra sao?

Nhằm đúng lúc Thiệu đang trong tâm trạng hoang mang, Quỷ Cốc bồi luôn đòn quyết định để nuốt cho trôi cục tiền đút lót của Tướng Nguyễn Vĩnh Nghi bị huyền chức, đang nhờ Quỷ Cốc bẫy Thiệu dùng lại mình. Quỷ Cốc nịnh khéo Thiệu:

- Tổng thống tướng mạo phúc hậu, đôi tai như tai Phật. Khỏi lo. Vận hạn thì tạm lánh mà nó cũng có thời. Chỉ cốt sao

Tổng thống phải cẩn mật trong chuyện dùng người, không dùng kẻ làm phản và cũng không được bỏ qua những tướng tài cột trụ của quốc gia, nhất là trong cơn tai biến này!

- Ý tiên sinh muốn nói tới nhân vật cụ thể nào?

Quỷ Cốc thủng thẳng đáp:

- Cùng với Tổng thống, có ba người nữa làm thành tứ trụ của quốc gia. Có đủ cả bốn người thì cơ đồ sẽ vững như bàn thạch.

- Tiên sinh có thể nói rõ ba người ấy?

- Trong ba người phải luôn có bên mình, Tổng thống đã dùng hai, chỉ còn một người nữa hiện đang bị thất sủng. Đó là Tướng Nguyễn Vĩnh Nghi. Sao chiếu mệnh của ông Nghi hiện còn lu mờ, nhưng tới đây sẽ tỏ vượng không kém gì sao chiếu mệnh của Tổng thống. Tôi đã xem sao chiếu mệnh, thâm nghiệm nhiều lần và đều thấy như vậy.

Thiệu im lặng. Đụng đến cái gì cần có quyết định trực diện là lập tức Thiệu co mình lại thế thủ. Thiệu tuyệt không đả động gì đến chuyện Nguyễn Vĩnh Nghi, nhưng trong cơn nguy khốn sau đó chính Thiệu lại dùng Nguyễn Vĩnh Nghi như lời khuyên của Quỷ Cốc khi cử Nghi làm Tư lệnh Quân đoàn 3 tiền phương đóng ở Phan Thiết để chỉ huy phòng thủ từ Phan Rang trở vào khiến Nguyễn Vĩnh Nghi là viên tướng đầu tiên của quân đội Sài Gòn bị Quân giải phóng bắt sống tại trận. Sau một hồi im lặng Thiệu đột ngột hỏi Quỷ Cốc:

- Nếu tôi từ chức, ai, kể cả Minh lớn (tức Dương Văn Minh) là người có thể thay tôi?

Bị độp bất ngờ nhưng Quỷ Cốc rất nhanh, y nịnh khéo Thiệu:

- Nếu Tổng thống từ chức, không một ai có thể thay được Tổng thống, kể cả Minh lớn!

Thiệu cười:

- Nếu quả không ai có thể thay tôi, như tiên sinh nói, thì chính cộng sản nó sẽ thay tôi!

Quỷ Cốc ngỡ ngàng một chút rồi cười phá lên trước câu nói hóm hỉnh, mà y cho là bông đùa của Thiệu[1].

Quỷ Cốc ra về, Thiệu duyệt xét lại "Thông điệp Tết Ất Mão" để ngay sau đấy đọc trước máy bá âm của đài Sài Gòn. Thiệu chữa lại cẩn thận lời nhắn gửi và lời hô hào năm mới rỗng tuếch của mình như sau: "... Những khó khăn của đất nước đã theo năm cũ trôi qua nhưng với năm mới đang đến, đất nước còn phải đương đầu với nhiều khó khăn to lớn hơn nữa... Vì vậy tôi đề ra cho năm mới ba nỗ lực: - Hỗ trợ tối đa cho tiền tuyến - Ổn định tối đa hậu phương - Tích cực tăng gia sản xuất. Năm Ất Mão này sẽ là năm quyết chiến quyết thắng của dân quân miền Nam chúng ta..."[2].

---

1. Chuyện này sau đó Thiệu đem kể lại cho các thành viên thân tín trong Hội đồng an ninh quốc gia nghe. Sau ngày sụp đổ, trả lời phỏng vấn của Viện Nghiên cứu chiến lược RAND (Hoa Kỳ), Trần Văn Đôn, Bộ trưởng Quốc phòng cuối cùng của Sài Gòn cũng nhắc lại chuyện này.

2. Thông điệp Tết Ất Mão Thiệu đọc trên đài bá âm Sài Gòn dài hơn 1.500 từ được Thông tấn xã Việt Nam ghi âm, giải băng in trong "Tài liệu tham khảo đặc biệt" số 035-TTX-13-2-1975 cùng các tập "Tài liệu tham khảo đặc biệt" số 030, 040-TTX-tháng 1, 2-1975 và các tập *Đọc báo Sài Gòn* số: 029, 035-TTX-tháng 2-1975 cùng các tài liệu thu thập được giúp tác giả xây dựng chương sách này.

3
NƯỚC CỜ ĐỊNH MỆNH

Thiệu sống cô độc - đêm nay cũng vậy. Trước bước ngoặt của chiến tranh với những hiểm họa không thể lường, từ chập tối, Thiệu thu lu trong góc phòng toan tính một mình. Thiệu không tin bất cứ ai. Lúc nào Thiệu cũng nơm nớp lo sợ bị giết, bị lật đổ vì một cuộc đảo chính của các tướng lĩnh, mặc dù tư lệnh ở cả bốn vùng chiến thuật đều là những tay chân tâm phúc do Thiệu trực tiếp bổ nhiệm. Phòng làm việc riêng của Thiệu đầy những con số, bản đồ và máy điện thoại. Đại tá Lansdale, con người đồng thời của cả Bộ Quốc phòng, CIA và Bộ Ngoại giao Mỹ đã cho lắp đặt thiết bị này từ năm 1955. Hệ thống này đi song song và hoàn toàn không phụ thuộc vào hệ thống thông tin liên lạc của Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn. Nó ngày càng được hoàn chỉnh qua thời gian và tới những năm cuối cùng của cuộc chiến tranh, đã trở thành một hệ thống thông tin viễn thông cực kỳ hiện đại. Nhờ nó mà bất cứ lúc nào Thiệu cũng có thể nói chuyện trực tiếp với tư lệnh các quân khu, quân đoàn và sư đoàn ở bốn vùng chiến thuật.

12 giờ đêm. Tiếng chuông cuối cùng của Nhà thờ Đức Bà chìm sâu trong màn đêm, trùm phủ thành phố sau cơn giông lớn từ chập tối. Thiệu cứ ngồi lặng thinh như thế. Điếu thuốc đã cháy hết, Thiệu lại cắm luôn điếu khác vào tẩu - Thiệu quen hút thuốc bằng tẩu. Tám năm làm tổng thống của chính thể

Việt Nam Cộng hòa, chưa bao giờ Thiệu điên đầu như đêm nay. Phạm Văn Phú, Tư lệnh Quân đoàn 2, Quân khu 2 vừa bị Thiệu gọi điện truy xét. Phú báo cáo do sáng ngày 11-3, không quân bị tên lửa Sam 7 của đối phương uy hiếp nên hoảng hốt ném nhầm hai trái bom làm sập hoàn toàn trung tâm hành quân của Sư đoàn bộ binh 23 và Bộ Chỉ huy tiểu khu Đắk Lắk, liên lạc bị mất hoàn toàn, tình hình rối loạn không kiểm soát được. Chuẩn tướng Lê Trung Tường, Tư lệnh Sư đoàn 23 đảm trách chỉ huy cuộc trực thăng vận giải vây Buôn Ma Thuột bị thương phải vào bệnh viện và lính biệt động đổ xuống Buôn Ma Thuột đã bị đánh tan tác. Thực ra có hai điều quan trọng Phú đã giấu kín, không hé răng với Thiệu. Một là, trong cả thâm tâm và hành động của mình, Phú đã chần chừ không muốn tăng viện ngay cho Buôn Ma Thuột, vì muốn làm như vậy, Phú phải giảm bớt sự phòng thủ Pleiku và Kon Tum lúc đó cũng đang bị áp lực rất nặng. Và vì, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 2 của Phú nằm ở Pleiku, Phú cảm thấy uy danh của mình nằm ở đấy, không muốn trở thành tướng bại trận khi chỉ huy sở của mình bị tấn công. Điều đó ám ảnh Phú rất nhiều, vì Phú đã từng bị bắt làm tù binh ở Điện Biên Phủ khi làm lính đánh thuê cho thực dân Pháp. Hai là, Tướng Tường lúc đó quá lo lắng cho vợ con đang bị kẹt trong thị xã Buôn Ma Thuột, từ trên máy bay đã thúc lính đưa vợ con Tường tới trung tâm huấn luyện ở đông nam Buôn Ma Thuột, đồng thời lệnh cho liên đoàn biệt động quân đến từ Buôn Hồ đang tiến về giải vây Buôn Ma Thuột phải quay lại bảo vệ bãi đáp trực thăng để bốc vợ con Tường đi. Trực thăng của Tường bị đạn súng máy chạm phải, Tường chỉ bị thương nhẹ nhưng nhân đó chuồn thẳng vào bệnh viện để tránh trách nhiệm trước sự tan rã của Sư đoàn 23 do Tường chỉ huy.

Như sực tỉnh, Thiệu gạt phăng bức công điện tuyệt mật "Lệnh tử thủ Buôn Ma Thuột" để trên bàn. Bức điện do Cao Văn Viên, Đại tướng, Tổng Tham mưu trưởng soạn thảo theo lệnh Thiệu, đã được điện cho Phú hồi 11 giờ 21 phút ngày 12-3-1975. Nội dung bức công điện mang tay tuyệt mật số BVS. 8.162-TTM-T3.41 ấy như sau:

"Bộ Tổng tham mưu chuyển đến quý Bộ, lệnh của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa như sau:

1. Buôn Ma Thuột phải được giữ bằng mọi giá.

2. Trách nhiệm chỉ huy thống nhất tất cả mặt trận này phải được trao cho tư lệnh Sư đoàn 23-BB đảm trách.

3. Quân đoàn 2 giám sát, yểm trợ thật nhanh chóng và dồi dào để giải quyết chiến trường.

4. Bộ Tổng tham mưu tăng cường quý quân đoàn một liên đoàn biệt động quân.

5. Công điện này xác nhận cuộc điện đàm giữa Đại tướng Tổng Tham mưu trưởng Quân lực Việt Nam Cộng hòa với tư lệnh Quân đoàn 2, Quân khu 2 lúc 10 giờ 45 phút ngày 12-3-1975.

Đại tướng Cao Văn Viên

Tổng tham mưu trưởng QLVNCH".

Bức điện giờ đây trở thành một trò cười. Buôn Ma Thuột đã đi đứt. Tình thế này Pleiku, Kon Tum cũng khó mà giữ được. Điều nguy hiểm nhất là cuộc tổng tấn công đã nổ ra, nhưng đối phương lại không có mặt ở những địa điểm mà bộ máy quân sự và tình báo của Thiệu đã chỉ ra trên tấm bản đồ to tướng treo ở phòng tác chiến này. Thằng Lung đúng là đồ ăn hại - Thiệu điên tiết. Cách đây mấy ngày, trong bản tổng hợp tin tình báo đệ trình, Lung không hề đả động gì đến khả năng Buôn Ma Thuột

có thể bị tiến công. Lung vẫn khẳng định rằng Pleiku, Kon Tum là mục tiêu chủ yếu. Hoàng Ngọc Lung là Đại tá, Trưởng phòng 2 (tức phòng tình báo) Bộ Tổng tham mưu, hằng tuần đều đệ trình Thiệu bản "Tóm tắt tổng hợp tình báo hằng tuần". Ngày 30-4-1975, khi đánh chiếm Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn, ta đã thu được trên bàn làm việc của Cao Văn Viên bảy bản "Nhận định và ước tính tình hình" các tuần trong thời gian từ ngày mùng 1-3 đến ngày 19-4-1975. Bản nhận định tuần từ ngày 9 đến ngày 15-3, Lung đệ trình một ngày trước khi cuộc tiến công Buôn Ma Thuột nổ ra, ghi rõ: "Chiến dịch tiến công quy mô đầu năm 1975 của cộng sản đã khai diễn... Tại cao nguyên, địch vẫn tiếp tục cố gắng thanh toán mặt trận Đắk Lắk. Với sự tăng cường của F.316 mới xâm nhập, F.32 đang có chiều hướng triển khai hoạt động xuống Cam Ranh, Khánh Hòa để ngăn chặn quân ta giải vây. Trong khi đó thành phần F.968 và lực lượng còn lại của F.10 có thể gia tăng hoạt động trở lại trên mặt trận tây nam Pleiku và bắc Kon Tum để phá tan nỗ lực của ta. Riêng phi trường Cù Hanh (Pleiku) hiện trở thành mục tiêu trọng yếu địch nhằm khống chế bằng hỏa lực sau khi đã phong tỏa được các trục lộ giao thông dẫn đến cao nguyên...".

Tất cả đã đảo lộn sau cú đánh bất ngờ ở Buôn Ma Thuột. Phải hành động ngay, chậm trễ sẽ không thể cứu vãn. Là người nắm toàn quyền chỉ huy cuộc chiến, Thiệu đánh hơi rõ những hiểm họa đang đến. Thiệu nhấc điện thoại gọi trực tiếp cho Viên, Quang, Khiêm - ba thành viên thân tín nhất của Hội đồng An ninh quốc gia đến họp gấp...

*

* *

Cũng như mọi lần Thiệu triệu họp, Đặng Văn Quang đến đầu tiên. Y nặng nề chui ra khỏi xe, hai tay khuỳnh khuỳnh lên thẳng phòng Thiệu. Dưới ánh điện, tấm thân phì nộn của Quang trông kệch cỡm, tức cười. Cả Sài Gòn biết Quang và Thiệu là hai kẻ đồng lõa tội ác: cả hai cùng đi lính khố đỏ cho thực dân Pháp những năm 1948-1949, cùng được quan Tây cho đi học lớp võ bị ở Huế, gọi là khóa học Bảo Đại. Hồi Ngô Đình Thục và Ngô Đình Cẩn làm mưa làm gió ở Huế, Thiệu và Quang rủ nhau vào làm "con nuôi" của "cố Bát ấm" - em rể của Thục và Diệm. Rồi cả hai rủ nhau bỏ đạo Phật theo đạo Thiên chúa. Việc Thiệu thay đạo đã làm cho cả gia đình phẫn nộ. Nguyễn Văn Trung, bố Thiệu đã định từ "thằng con mất gốc". Sau này bố chết, gia đình giằng co mãi, cuối cùng Thiệu cũng chịu làm ma cho bố theo đạo Phật và đưa bố lên chùa. Vừa ngoi lên Tổng thống, Thiệu đưa ngay Quang về làm "phụ tá đặc biệt về an ninh và quân sự". Quang là mối liên hệ chủ yếu của Thiệu tới CIA và sứ quán Mỹ, là kẻ thay Thiệu đứng ra tổ chức các đường dây buôn lậu thuốc phiện, các vụ áp phe lớn và thanh toán những đối thủ nguy hiểm cho Thiệu. Còn người Mỹ thì coi Quang là nhân vật chống cộng số hai sau Thiệu. Táo tợn và vênh váo, Quang thường ngậm xì gà Corona, ba hoa với tay chân: "Các tướng Lãm, Thi, Đính, Du đều bị Mỹ bắt đi học Fort Leonard Wood[1], chớ tao đây, tao cóc cần đi học, cứ giết nhiều cộng sản là tao được thăng tướng. Bọn cộng sản khố rách áo ôm, một đồng đôla không dính túi, sức mấy mà chống lại thế giới tự do, chống lại Hoa Kỳ, Nhật Bản. Hố ! Hố ! Hố !".

Trần Thiện Khiêm, Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Quốc phòng đến sau Quang ít phút. Tiếp đó là Cao Văn Viên. Ra khỏi xe,

---

1. Trường quân sự Mỹ đào tạo tham mưu cấp sư đoàn.

Viên còn chỉnh trang lại quần áo rồi mới chậm rãi bước lên bậc thềm Dinh Độc Lập. Đêm khuya mà Viên ăn vận vẫn hết sức chỉnh tề. Chẳng những mũ mãng, quân hàm đầy đủ mà trên ngực Viên còn lủng lẳng những mề đay, huy chương. Tác phong của Viên được xem là mẫu mực của quân phong quân kỷ quân đội Sài Gòn. Mưa chẳng đến lượt, nắng chẳng đến lần, Viên cứ đủng đỉnh, đĩnh đạc như vậy. Các giới chức chính trị, quân sự Sài Gòn gọi Viên là "Tổng Tham mưu trưởng bất đắc dĩ". Bởi lẽ, Viên đã bảy lần viết đơn từ chức mà Thiệu không chịu. Viên được giữ chức Tổng Tham mưu trưởng Quân lực Việt Nam Cộng hòa hơn 10 năm liền, kể từ ngày 1-10-1965, lúc đó Viên mang quân hàm Thiếu tướng. Tuy khả năng binh nghiệp tồi, nhưng do tính tình dễ dãi, không có tham vọng chính trị lớn, nên Viên được Thiệu tin dùng. Đã có lần Thiệu nói với Đặng Văn Quang rằng: "Một người như Tướng Viên sẽ không bao giờ tham gia những cuộc đảo chính".

Đảo chính và ám sát là cơn ác mộng luôn ám ảnh Thiệu, kể từ cuộc đảo chính Ngô Đình Diệm vào tháng 11-1963. Lúc đó Thiệu đang là Sư đoàn trưởng Sư đoàn 5 ở Biên Hòa. Thiệu bị tướng Dương Văn Minh, cựu Tổng Tư lệnh Quân đội Sài Gòn, người được ban cho cái chức cố vấn đặc biệt không chút quyền hạn, gọi về Sài Gòn để tham dự cuộc đảo chính lật Diệm. Vào đêm đảo chính, nhiệm vụ của Thiệu là đánh chiếm Dinh Tổng thống. Vợ Thiệu biết chuyện này, vì muốn bảo vệ chồng nên đã lén bỏ thuốc ngủ vào cà phê của chồng, nhưng Thiệu vẫn gượng thức dậy được và sáng sớm hôm sau (1-11-1963) vẫn chỉ huy cuộc tấn công vào Dinh Tổng thống. Khi từ Dinh Tổng thống về đến trụ sở Bộ Tổng tham mưu, Thiệu thấy chiếc xe bọc thép đưa Diệm và Nhu từ Chợ Lớn về đậu ở sân trụ sở. Thiệu lệnh cho lái xe mở cửa hậu. Trên sàn thép đẫm máu, thi thể Diệm, Nhu lỗ

chỗ vết đạn và vết lê đâm. Bị cảnh tượng này ám ảnh, Thiệu luôn ghê sợ sự mưu sát do Mỹ chủ mưu. Khi leo lên ghế Tổng thống của Việt Nam Cộng hòa, Thiệu lại càng lo sợ bị ám sát hơn nữa. Thiệu thay đổi chỗ và buồng ngủ hằng đêm. Mỗi khi rời Dinh Tổng thống lên xe đến trụ sở quốc hội ở đường Tự Do, Thiệu lại lo sợ CIA có thể đặt kế hoạch khử Thiệu rồi đổ hành động đó cho Quân giải phóng. Thiệu biết rằng những phòng làm việc, phòng nghỉ của mình đều bị Mỹ đặt máy nghe trộm và luôn sống trong trạng thái lo sợ cho tính mạng của mình. Có lần Thiệu bộc lộ với Nguyễn Tiến Hưng, tiến sĩ kinh tế và là cố vấn thân cận của Thiệu: "Tôi chỉ thấy thoải mái trên sân quần vợt. Cứ bỏ vợt xuống là nỗi ám ảnh về một cuộc đảo chính lại ập đến trong tôi". Vì vậy Thiệu hài lòng có Tướng Cao Văn Viên, một người trung dung, ít nói, không nóng nảy lắm làm Tổng Tham mưu trưởng. Và Thiệu cũng không muốn Bộ Tổng tham mưu và bốn bộ tư lệnh vùng hợp tác với nhau. Thiệu luôn lo sợ một chính phủ của các tướng lĩnh. Thậm chí Thiệu cũng không muốn họ gặp nhau, và cho rằng nếu những người này ngồi lại với nhau để bàn về chuyện quân sự thì thế nào họ cũng bàn về tình hình chính trị và tiến hành một cuộc đảo chính.

Bầu không khí trong phòng tác chiến thật nặng nề. Khiêm, Viên, Quang ngồi im lặng trước chiếc bàn làm việc bóng loáng vì chưa thấy Thiệu nói gì. Thiệu vẫn lặng lẽ đốt điếu xì gà Schimmel Pennick dài, khuỷu tay phải chống xuống bàn, năm ngón tay bóp lấy cái trán hói bóng. Mặt Thiệu trơn bóng không một nếp nhăn, chỉ có vài sợi bạc hai bên mái tóc chải mượt. Mắt Thiệu sắc cạnh như kim cương lóe sáng từ bên trong với cái nhìn ranh mãnh, gian hùng. Thiệu vẫn chưa lên tiếng. Hôm nay là một trong những ngày căng thẳng nhất của Thiệu. Buổi sáng, cùng lúc với tin tức tuyệt vọng từ cuộc giải vây Buôn Ma Thuột,

Thiệu phải lao vào cuộc tranh cãi với Ngô Quang Trưởng, Trung tướng, Tư lệnh Quân đoàn 1, Quân khu 1 vừa từ Đà Nẵng bay về theo lệnh Thiệu. Thiệu cho Trưởng biết sẽ rút Sư đoàn dù từ vùng 1 về Sài Gòn. Đây là sư đoàn ứng cứu chủ yếu thuộc lực lượng tổng trù bị của quân đội Sài Gòn. Cuộc tranh cãi đã suýt đổ vỡ nếu như cuối cùng Thiệu không nhượng bộ Trưởng, hãm bớt tốc độ rút sư đoàn dù lại. Buôn Ma Thuột mất. Cả vùng Tây Nguyên rộng lớn nguy ngập. Vùng 1 bị đe dọa cắt đứt. Chỉ mới vài ba ngày mà tình hình đột nhiên đổ sụp xuống. Như một con bạc thua đau khát nước đang lâm thế bí, sau khi cô độc duyệt xét lại toàn bộ tình hình, Thiệu đã đi đến nước cờ định mệnh: rút bỏ Tây Nguyên - vùng chiến lược quan trọng có tính sống còn với Nam Việt Nam. Và bây giờ, Thiệu triệu phiên họp khẩn cấp của Hội đồng An ninh quốc gia, có cả Trưởng vừa từ Đà Nẵng bay về dự họp.

Sau khi Ngô Quang Trưởng chấm dứt tường trình về vùng 1, Thiệu lên tiếng phân tích tình hình chung, nhất là quân viện đang rất khó khăn. Thiệu nói mất Phước Long mà Hoa Kỳ không phản ứng mạnh, có nghĩa nếu cộng sản Bắc Việt mở cuộc tổng tấn công cũng không chắc Hoa Kỳ sẽ can thiệp. Tiếp đó, Thiệu tỏ ý thông cảm về khó khăn, thiếu thốn mà các quân đoàn đang phải gánh chịu. Chỉ lên tấm bản đồ chiến sự lớn đánh dấu sự hiện diện của rất nhiều sư đoàn chủ lực của miền Bắc áp sát vùng 1, vùng 2, Thiệu tuyên bố: "Trong hoàn cảnh như vậy, quân đội không thể làm được gì khác hơn là thay đổi chiến lược, tái phối trí lại lực lượng để giữ các vùng đất phì nhiêu, giàu tài nguyên. Nếu chúng ta phải bỏ một số vùng rừng núi cho cộng sản để giữ lại lãnh địa mầu mỡ, giàu khoáng sản gồm cả thềm lục địa và mỏ dầu mới vừa khoan được ngoài khơi, thì chúng ta cũng chấp nhận!".

Vấn đề tái phối trí do Thiệu tự nghĩ ra, không đưa ra bàn bạc, không trao đổi trước với bất cứ ai. Thành thử khi Thiệu tuyên bố đột ngột như vậy, các thành viên dự họp, trừ Khiêm và Viên, đều ngỡ ngàng. Lúc Thiệu thông báo quyết định rút bỏ Tây Nguyên, Khiêm đã đưa mắt nhìn Viên hất hàm, Viên kín đáo gật đầu, biểu lộ sự đồng tình. Cả hai nhìn Thiệu với cái nhìn đầy hàm ý: "Đấy, thấy chưa. Việc phải đến đã đến". Cách đây ba tháng, ngày 10-12-1974, Hội đồng An ninh quốc gia đã họp phiên toàn thể, bàn biện pháp đối phó với cuộc tiến công năm 1975 của Quân giải phóng. Dự họp có Thiệu, Viên, Quang, Khiêm; các tư lệnh hải quân, lục quân, không quân, biệt động quân, lính dù và tư lệnh của cả bốn quân đoàn, tư lệnh cảnh sát quốc gia. Tại cuộc họp, Khiêm và Viên đã nêu ra chủ trương cần tập trung quân lại phòng thủ những khu vực quan trọng. Bữa đó Thiệu đã trừng mắt, đập bàn, quy kết cho Khiêm và Viên có tư tưởng chủ bại. Thiệu vẫn khăng khăng chủ quyết "bốn không" của mình - Cái "không" quan trọng nhất là "Không để lọt vào tay cộng sản bất cứ một lãnh thổ, một tiền đồn nào mà quân đội Sài Gòn đang chiếm giữ". Nay thì Thiệu đã phải từ bỏ cái "không" cốt lõi ấy.

Không thấy mọi người phản ứng gì, Thiệu nói tiếp: "Như vậy, theo kế hoạch tái phối trí lực lượng thì Sư đoàn dù sẽ rời vùng 1, tiếp theo là Sư đoàn thủy quân lục chiến, nếu tình hình vùng 1 không bị ảnh hưởng. Rút hai sư đoàn sẽ cho phép quân đội tái lập lại lực lượng tổng trù bị. Cùng với rút quân ở vùng 1, Quân đoàn 3 sẽ rút quân khỏi An Lộc, đem lực lượng đó tăng cường cho việc phòng thủ vùng 3. Đây là chiến lược "nhẹ ở phía trên, nặng ở phía dưới". Lịch trình rút sư đoàn dù khỏi vùng 1 tôi đã thống nhất với Tướng Ngô Quang Trưởng!".

Sau khi hỏi, không thấy ai có ý kiến gì về việc tái phối trí

lại lực lượng theo chiến lược "nhẹ ở phía trên, nặng ở phía dưới" vừa đưa ra, Thiệu kết luận:

"Vậy có thể xem xét đến điểm tiếp theo của chương trình nghị sự. Đó là, Buôn Ma Thuột mất thì phải đem sức mà chiếm lại Buôn Ma Thuột. Buôn Ma Thuột chính là chìa khóa của vùng Tây Nguyên. Ai kiểm soát được Buôn Ma Thuột thì kiểm soát được cửa ngõ phía tây vào Sài Gòn. Nhưng làm sao mà chiếm lại được Buôn Ma Thuột? Quân của Quân đoàn 2 của Tướng Phú phần bị tiêu diệt, phần tan tác và phần còn lại đang bị căng ra khắp vùng". - Thiệu dừng lại, đằng hắng, rồi thì thầm: "Sẽ phải bỏ Kon Tum và Pleiku thôi. Những cuộc rút lui chiến lược "nhẹ ở trên, nặng ở dưới" bắt đầu từ đó. Quân đoàn 2 phải nhanh chóng dồn quân về phía biển, tổ chức lại lực lượng để chiếm lại bằng được Buôn Ma Thuột".

- Thưa Tổng thống! Chắc Tổng thống đã tham khảo ý kiến đại sứ Mỹ về chuyện này! - Quang hỏi.

- Không! Martin đang nghỉ ở Mỹ. Lehmann, Phó đại sứ Mỹ không giúp được gì. Vả lại báo cho sứ quán Mỹ biết sẽ lộ - Thiệu trả lời.

Nghe nhắc đến Lehmann, Viên chợt nhớ:

- Trình Tổng thống, chiều qua Lehmann có yêu cầu Bộ Tổng tham mưu giúp cứu một viên chức Mỹ tên là Struharic mắc kẹt trong thị xã Buôn Ma Thuột. Tôi đã trả lời là không thể thực hiện được.

- Y cũng có gọi điện cầu cứu tôi - Thiệu đáp - Tôi cũng nói điều đó là bất khả kháng. Nghe nói sau đó Washington thúc mạnh, y có thuê một chiếc trực thăng của Hãng hàng không Mỹ bay lên Buôn Ma Thuột, nhưng đạn cộng sản bắn tùm lum nên không đáp xuống khu nhà lãnh sự Mỹ được.

Sau đó, lại một khoảng im lặng kéo dài.

Không ai nói gì cả, vậy thì - Thiệu nói tiếp - Phải suy tính cách rút từ Pleiku, Kon Tum về Nha Trang. Có bảo toàn được quân mới mong tái chiếm lại Buôn Ma Thuột. Trưa mai chúng ta sẽ bay xuống Cam Ranh gặp tướng Phú để định đoạt cụ thể việc này!

Quang hỏi:

- Vậy cuộc họp ngày mai chỉ thêm có Phú?

Thiệu trả lời:

- Đúng, chỉ có Phú và thêm Đại tá Đức vừa được tôi cử làm Tư lệnh Sư 23 thay tướng Tường. Tôi đã điện triệu họ về Cam Ranh.

Viên thắc mắc:

- Nếu chỉ có Phú và Đức, sao Tổng thống không triệu họ về Sài Gòn cho thuận?

Thiệu đáp:

- Không được! Triệu họ về Sài Gòn, tụi báo chí phương Tây săn tin đưa tùm lum, tình báo cộng sản có thể đoán được ý định rút bỏ cao nguyên của ta. Không bảo đảm tuyệt mật, Quân đoàn 2 không thể rút an toàn. Ta không những không giữ bí mật chuyện đi Cam Ranh, mà còn cho công bố trên báo chí tin này. Nghe tin Tổng thống, Thủ tướng và cả Tổng Tham mưu trưởng đến tận nơi duyệt xét tình hình chiến sự tại Quân khu 2, cộng sản sẽ lầm tưởng ta quyết chiến ở Tây Nguyên. Đúng lúc ấy ta rút toàn bộ lực lượng ở Pleiku, Kon Tum về. Mấy ngày sau cộng sản có phát hiện được ta cũng đã về tới ven biển rồi!

Khiêm, Viên và Quang đều chịu là Thiệu cao kiến.

Chia tay, Thiệu nhắc tất cả phải im lặng, không ai được hé răng chuyện này, kể cả với người Mỹ.

Đúng ngày 16-3-1975, ngày Quân đoàn 2 rút khỏi Pleiku, Kon Tum, báo *Dân Chủ* của Thiệu đăng trên trang nhất và đóng khung đậm tin ngắn sau đây:

"Tổng thống đi Quân khu 2.

Sáng 14-3-1975, lúc 10 giờ, Tổng thống Việt Nam Cộng hòa đã đến Quân khu 2 xét duyệt tình hình chiến sự tại quân khu này.

Cùng đi với Tổng thống có Thủ tướng chính phủ và Đại tướng Tổng Tham mưu trưởng Quân lực Việt Nam Cộng hòa.

Cuộc thăm viếng chấm dứt vào 14 giờ cùng ngày".

*

* *

Chiếc máy bay DC.6 hạ thấp độ cao. Vùng biển Cam Ranh đầy sóng gió hiện ra xanh đến nhức mắt dưới ánh nắng chói chang của một ngày khô nắng điển hình ở miền Trung. Ngoài phi hành đoàn, hai cận vệ của Thiệu, chỉ có Thiệu, Quang, Khiêm và Viên. Thiệu ngồi ở ghế cuối cùng, sát cửa sổ máy bay chăm chú xem những tin tình báo kỹ thuật mới thu được. Suốt 45 phút bay, Thiệu không nói gì, đốt thuốc liên tục, gương mặt căng thẳng. Khiêm và Viên ngồi trên cùng, chốc chốc lại chụm đầu vào nhau, thì thào bàn bạc. Còn Quang béo thì ngủ suốt từ lúc cất cánh. Máy bay lượn một vòng rồi đáp xuống đường băng dài gần hai dặm trên bãi cát Cam Ranh. Phú và Đức đã túc trực sẵn. Trực thăng của Phú đậu ở cuối đường băng. Đêm qua, được Thiệu triệu gấp về Cam Ranh họp, chỉ về một mình chứ không được phép mang theo bất cứ một sĩ quan tham mưu nào, Phú đã linh cảm cuộc họp này có ý nghĩa sinh tử với Quân đoàn 2 và sinh mạng của mình. Từ lâu Phú là một sĩ quan chiến trường được Thiệu tin dùng. Cả Phú và Thiệu đều được cất nhắc trong quân đội do thực dân Pháp huấn luyện và được Mỹ ủng hộ. Khi Thiệu trở thành Tổng thống thì con đường binh nghiệp của Phú

cứ thế mà đâm hoa kết trái. Các tướng tá dưới quyền đều đánh giá Phú là một tướng tồi, năng lực chỉ huy yếu kém, chẳng dám quyết đoán điều gì. Phú được Thiệu tin cẩn giao cho làm tư lệnh Quân đoàn 2, Quân khu 2 gồm cả đặc khu Cam Ranh và các tỉnh, kể từ phía bắc vào là: Kon Tum, Bình Định, Pleiku, Phú Bồn, Phú Yên, Đắk Lắk, Khánh Hòa, Quảng Đức, Tuyên Đức, Ninh Thuận và Lâm Đồng.

Từ đường băng, Thiệu và bộ sậu đi thẳng vào phòng họp trong căn cứ hải quân Cam Ranh. Cuộc họp bắt đầu đúng 11 giờ trưa. Trong phòng chỉ có Thiệu, Khiêm, Quang, Viên, Phú và Đức.

Vừa đặt người xuống ghế, Thiệu đã hất hàm về phía Phú:

- Nào, xin mời Thiếu tướng!

Phú đứng lên trình bày tình hình chiến sự Quân khu 2 một cách lúng túng:

- Trình Tổng thống, ngày 9-3, được tin cộng sản gia tăng hoạt động tại Buôn Ma Thuột và Quảng Đức, tôi đã bay lên thanh sát tại chỗ và đã chỉ thị: Đại tá Đức, Tư lệnh phó Sư đoàn 23 làm Tư lệnh chiến trường, cho kiểm soát ngay toàn bộ hệ thống phòng thủ thị xã, lệnh phân phối và phân tán các kho xăng, kho đạn...

- Thôi khỏi - Thiệu khoát tay - Anh hãy nói thẳng vào thực trạng chiến trường hiện nay. Vì sao cuộc giải vây Buôn Ma Thuột chậm trễ và không thực hiện được? Tình thế này anh có giữ được Pleiku, Kon Tum không? Giữ được bao lâu?

- Trình Tổng thống, được lệnh, tôi đã cho tăng viện giải tỏa Buôn Ma Thuột ngay. Lực lượng sử dụng gồm hai Trung đoàn 44 và 45 của Sư đoàn 23 và tôi cũng đã giao trọn quyền cho Tướng Tường chỉ huy. Trong lúc đó Sư đoàn 53, Liên đoàn 21 biệt động quân, lực lượng địa phương quân tại Buôn Hồ và Phước An vẫn ra sức chống đỡ. Bộ Tổng Tham mưu có

phái trực thăng từ Quân đoàn 1 đến giúp chuyển quân. Nhưng do máy bay thiếu và hư hỏng nhiều nên tới hôm nay, Trung đoàn 45 mới đổ quân xong. Tất cả khoảng 1.500 lính với bốn khẩu 105 ly và một ít đạn. Tướng Tường bị thương, quân tăng phái đổ xuống bị đánh bật lại. Trong khi đó, tiểu khu Đắk Lắk và Sư 23 đã không ngăn được nạn rã ngũ, di tản về phía Khánh Dương. Địa phương quân tại Phước An và Trung đoàn 24 địa phương dao động mạnh cũng rã ngũ trong ngày đó...

Thiệu cắt lời:

- Đứng trước tình hình đó, anh nghĩ sao?

- Tôi xin tử thủ Buôn Ma Thuột bằng mọi giá - Phú nói mạnh - Tôi sẽ chiến đấu và chết ở đấy.

- Chưa tái chiếm, anh tử thủ bằng cách gì?

- Trình Tổng thống, nếu Bộ Tổng tham mưu tăng viện hữu hiệu, Quân đoàn 2 sẽ chiếm lại Buôn Ma Thuột.

Thiệu lại hỏi:

- Còn Pleiku và Kon Tum anh giữ được bao lâu?

- Tôi giữ được một tháng nhưng phải tăng quân yểm trợ, cung cấp thêm đạn dược và quân tăng viện khi trận đánh nổ ra.

Thiệu trừng mắt nhìn Phú, lắc đầu, rồi quay sang hỏi Viên:

- Còn quân trù bị để tăng cường cho Quân đoàn 2 không?

Viên trả lời:

- Không có!

Thiệu lại quay sang truy Phú:

- Nếu không có quân tăng viện, anh giữ được bao lâu?

Phú loanh quanh:

- Tôi có thể giữ được một tháng nhưng với điều kiện...

- Thôi! Thiệu đứng lên cắt lời Phú - Vấn đề như vậy là đã rõ. Buôn Ma Thuột là chìa khóa của Tây Nguyên. Tây Nguyên

là cái vòm nhà của Nam Việt Nam, nhưng làm sao mà tái chiếm Buôn Ma Thuột. Lực lượng Quân đoàn 2 phần bị tiêu diệt, phần bị căng khắp vùng. Quân tăng viện không có. Nếu chần chừ, Pleiku, Kon Tum bị ngăn cách, cô lập chẳng chóng thì chầy cũng rơi vào tay cộng sản. Vì vậy - Thiệu đằng hắng - Lối thoát duy nhất là bỏ cả Pleiku, Kon Tum, đem quân đó tăng cường cho miền biển rồi đánh chiếm lại Buôn Ma Thuột. Nếu tái chiếm được Buôn Ma Thuột sẽ có cơ may lấy lại Pleiku và Kon Tum. Đêm qua Hội đồng An ninh quốc gia họp bất thường đã quyết định rút một số vùng không chỉ ở Quân khu 1, mà còn cả Quân khu 2 để tập trung bảo vệ những vùng trọng yếu. Những cuộc rút lui chiến lược "nặng ở dưới, nhẹ ở trên" bắt đầu từ đây - Thiệu dừng lại rồi gật gù hỏi Phú:

- Anh định rút bằng đường nào một lực lượng lớn như vậy?

Vốn sống dựa dẫm và không dám quyết đoán, Phú lưỡng lự nhìn Viên cầu cứu. Viên bước tới bản đồ treo chính giữa phòng họp, trình bày với Thiệu:

- Trình Tổng thống, có hai đường: Quốc lộ 14 chạy từ Kon Tum qua Pleiku, nơi đặt đại bản doanh của Bộ Tư lệnh Quân đoàn 2, xuống Buôn Ma Thuột rồi về Quảng Đức...

Viên vừa nói tới đây, Thiệu đã xua tay:

- Không được! Về qua Buôn Ma Thuột, làm sao rút được, còn đường nào nữa?

- Đường thứ 2 là quốc lộ 19 chạy ngang qua trung tâm khu vực, từ Pleiku về thẳng Quy Nhơn.

- Đường này rút được không? - Thiệu hỏi.

Viên trả lời ra vẻ am hiểu:

- Trong lịch sử chiến tranh Đông Dương, chưa có lực lượng nào rút theo đường 19 mà lại không bị tiêu diệt.

- Những lực lượng nào vậy? - Thiệu hỏi.

Cũng là nói đại vậy thôi, không ngờ bị Thiệu truy, Viên lúng túng. Ngần ngừ một lúc, Viên nói quặt sang chuyện khác:

- Đường 19 hiện bị cộng quân chốt chặn ở một số chỗ.

Thiệu lại truy:

- Những chỗ nào?

Viên lại lúng túng, Phú vội đỡ lời:

- Trình Tổng thống, cộng quân chốt ở đèo An Khê, và một cao điểm cách Quy Nhơn vài chục cây số.

Thiệu hỏi cả Viên và Phú:

- Đường 19 bị cộng quân chốt chặn ở đèo An Khê và nhiều cao điểm khác. Làm sao vừa đánh mở đường vừa rút cả một quân đoàn với hàng vạn binh lính, chiến xa, chiến cụ mà không bị lộ? Nếu lộ, cộng sản tập trung binh pháo, hỏa lực chặn đánh làm sao rút? Vậy ta chọn đường nào? Đường nào có thể rút bất ngờ và lẹ được?

Phú chần chừ không phát biểu. Viên nói sau một hồi suy nghĩ:

- Lực lượng Quân đoàn 2 hiện có không bảo đảm chọc thủng những chốt chặn của đối phương để rút bằng đường 14 và 19 được. Như vậy chỉ duy nhất còn đường 7B từ Pleiku đi qua Thuần Mẫn, thị trấn Hậu Bổn, thị xã Phú Bổn về Tuy Hòa. Đây là đường vận chuyển của những người lấy gỗ, chất lượng mặt đường xấu, lâu không dùng, cầu cống có chỗ hư hỏng. Tuy nhiên công binh có thể khắc phục được. Nếu sử dụng đường 7B có hai thuận lợi lớn. Một là không có quân đối phương ngăn chặn, hai là hoàn toàn bất ngờ.

- Sao, đường 7B có được không? - Thiệu hỏi tất cả.

Không ai trả lời, kể cả Phú là đương sự cũng làm thinh, không phản đối cũng không hẳn chấp thuận.

Thấy tất cả nín thinh, Thiệu đứng dậy, hai tay chống mép bàn:

- Như vậy có thể kết luận: Tất cả các lực lượng thường trực

của Quân đoàn 2 sẽ triệt thoái khỏi Pleiku và Kon Tum và đi về hướng biển, với mục đích cuối cùng là tăng viện chiếm lại Buôn Ma Thuột. Việc rút quân phải thật bí mật, thật nhanh, chỉ vài ngày và sẽ rút theo đường 7B - Thiệu ngừng một chút, quay lại phía Phú, vừa nói vừa giơ tay phải cầm tẩu răn đe: - Anh phải nhớ là chỉ được rút lực lượng thường trực, chính quy, tất cả lực lượng địa phương, dân vệ cùng gia đình binh lính, dân sự và các đơn vị thuộc cơ cấu hành chính tại Pleiku, Kon Tum không được rút. Bị bỏ ở lại, họ buộc phải chiến đấu với cộng sản, và như thế họ đã gián tiếp hỗ trợ cho cuộc rút lui. Ngược lại, nếu để lộ, họ bám theo cả vạn người gây hỗn loạn tất cả, anh đừng hòng mà về tới Tuy Hòa, Nha Trang.

Vừa dứt lời, Thiệu đã quay gót định bước ra khỏi phòng họp. Như chợt tỉnh, Phú vội đứng dậy:

- Trình Tổng thống! Vậy thời điểm rút quân sẽ là ngày nào? Giờ nào?

Thiệu gạt phăng và nói:

- Thời điểm đó tùy anh. Chỉ có điều càng nhanh càng tốt. Quyết định ngày rút, anh báo ngay cho Sài Gòn biết.

Phú vội đề nghị Thiệu về toan tính mới nảy sinh trong đầu mình:

- Trình Tổng thống! Xin Tổng thống vinh thăng Chuẩn tướng cho Đại tá Phạm Duy Tất, Chỉ huy trưởng biệt động quân của Quân đoàn!

Phú đề nghị miệng đột xuất như vậy là vì biệt động quân là lực lượng quan trọng nhất bảo đảm an ninh lộ trình cho cuộc lui binh. Thăng tướng cho Tất là khích lệ và cột chặt Tất vào trách vụ mà Phú biết sẽ rất nặng nề và đầy hiểm họa. Thiệu cực kỳ thông minh, hiểu ngay ý Phú nên hất hàm về phía Cao Văn Viên. Viên lập tức đồng tình:

- Trình Tổng thống! Chuyện đó không có gì trở ngại.

Thiệu nói với Phú:

- Được, thăng Chuẩn tướng cho Tất. Cho mang một sao để đủ uy tín chỉ huy đoàn quân (lui binh).

Nói rồi Thiệu ra thẳng máy bay. Cả bộ sậu lật đật chạy theo. Chiếc DC.6 của Thiệu vừa cất cánh khỏi đường băng, Phú cũng nhảy vội vào trực thăng, bay về trụ sở bộ tư lệnh của mình ở thị xã Pleiku.

Lúc đó là 14 giờ ngày 14-3-1975[1].

---

1. Khi đánh chiếm Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn, ta thu được bản tường trình của Phạm Văn Phú, tư lệnh và nhiều tướng lĩnh Quân đoàn 2. Bản tường trình của Phạm Văn Phú nộp cho Cao Văn Viên đề ngày 7-4-1975 trình bày diễn biến và những biến cố quan trọng trên chiến trường Quân khu 2 từ ngày 10-3-1975 đến ngày 2-4-1975, trong đó có thuật lại nội dung cuộc họp tuyệt mật ngày 14-3-1975 tại Cam Ranh. Bản tường trình của Phạm Văn Phú, ý kiến kết luận của Nguyễn Văn Thiệu trong các cuộc họp Hội đồng An ninh quốc gia cũng như trả lời phỏng vấn và hồi ký sau ngày chạy sang sống lưu vong ở Mỹ của Cao Văn Viên do Trung tâm Lịch sử quân sự Lục quân Hoa Kỳ biên soạn đã giúp tác giả xây dựng chương "Nước cờ định mệnh" trong cuốn sách này.

4
"... TRÊN BỐN PHƯƠNG TRỜI ĐI TÌM SỰ THẬT..."

Vào lúc chiếc DC.6 của Thiệu từ Cam Ranh bay về đáp xuống phi trường Tân Sơn Nhất thì Paul Leandri đánh chiếc Citroen 404 của phân xã AFP tại Sài Gòn ra khỏi gara. Bà Hancy Leandri, người gốc Đức theo chồng ra tận mặt đường. Linh cảm làm bà Hancy lo lắng. Lần đầu tiên chồng bà, ông Leandri, phóng viên hãng thông tấn Pháp AFP bị mời lên Sở Cảnh sát đô thành. Lúc viên cảnh sát theo dõi các phóng viên ngoại quốc đến đưa giấy gọi, đang bận hoàn chỉnh bản tin tổng quát về tình hình chiến sự tại cao nguyên, ông Leandri đã xin lui hẹn đến sáng mai. Nhưng viên cảnh sát nói "Phải lên ngay, sở cảnh sát đang chờ". Đó là chuyện gì, bà Hancy không hiểu, nhưng ông Leandri thì biết rất rõ. Ngày hôm qua, nhiều báo và hãng thông tấn quốc tế đã đưa lại bản tin của ông - bản tin chỉ cái đầu đề của nó thôi cũng đủ gây xôn xao cho một phần thế giới: "Quân giải phóng tiến công và đã hoàn toàn làm chủ Buôn Ma Thuột, thị xã cao nhất trên cao nguyên Trung phần". Tại cuộc họp báo sáng qua, Lê Trung Hiền, người phát ngôn quân sự của Thiệu, trước sự chất vấn dồn dập của các nhà báo, còn cãi bừa rằng: "Buôn Ma Thuột vẫn còn, bảo Buôn Ma Thuột thất thủ là sai", thì bản tin của ông đúng là một cái tát. Tổng giám đốc hãng thông tấn Pháp AFP, ông Rean Marin đã đích thân

gọi điện đánh giá cao bản tin của ông. Và bây giờ đã đến lúc ông phải đối chứng với cái chính quyền chuyên bưng bít sự thật này. Nở nụ cười cho vợ yên lòng, ông hôn nhẹ lên má bà, rồi nổ máy chiếc xe tốc độ không lấy gì làm nhanh lắm, tới Sở Cảnh sát đô thành.

Không hiểu cuộc đối chất đã diễn ra như thế nào, chỉ biết đúng ba tiếng đồng hồ sau, tin ông Leandri bị bắn chết ở sở cảnh sát đã loan đi. Bà Hancy chết ngất, sứ quán Pháp choáng váng. Chính phủ Pháp công phẫn. Phóng viên các nước có mặt tại Sài Gòn kinh hoàng. Điện thoại truy hỏi, xác minh liên hồi réo tới Tổng Nha cảnh sát quốc gia và Sở Cảnh sát đô thành. Các giới chức ở Sài Gòn nháo lên...

Ở Cam Ranh về, mệt mỏi và căng thẳng, lúc nhận được tin này Thiệu đã nổi điên, chửi rủa đám tay chân một trận thậm tệ. Thiệu lệnh cho Tổng giám đốc Nha cảnh sát phải thu xếp ngay vụ này cho ổn: "Không thể có chuyện cảnh sát chủ tâm bắn chết nhà báo người nước ngoài về chuyện đưa tin. Mà đó lại là tin đúng. Cần thì lập hồ sơ giả, hiện trường giả, cãi băng đi" - Thiệu quát lên trong máy. Từng nhiều phen giáp mặt với báo chí nên Thiệu có chút ít kinh nghiệm. Vụ các báo Sài Gòn đăng "Bản cáo trạng số 1" tố cáo Thiệu tham nhũng, vụ ký giả Sài Gòn sôi sục xuống đường đi ăn mày - Thiệu giở mánh khóe để né tránh. Có thể đem xe tăng, đại bác bắt các nghị sĩ, dân biểu đối lập cứng đầu cứng cổ phải vào khuôn phép, nhưng với đám báo chí thì hãy coi chừng. Bắn chết một nhà báo nước ngoài chỉ vì một cái tin, mà đó lại là tin đúng. Vài ngày nữa thì cả Pleiku, Kon Tum cũng sẽ mất. Thiệu đã dự tính phải lên tivi để làm cái gọi là "tường trình với quốc dân đồng bào về chuyện rút bỏ cao nguyên"...

Ngay trưa ngày hôm sau, Tổng Nha cảnh sát tổ chức cuộc họp báo. Một cuộc họp náo nhiệt, sôi sục chưa từng có. Cảnh sát

trưng lên một tấm sơ đồ lớn vẽ lại hiện trường. Viên cảnh sát trưởng lúng túng tường trình lại sự vụ. Y nói đại ý: Paul Leandri do phải chờ đợi gần ba tiếng đồng hồ nên không kìm được sự giận dữ, đã nhảy lên ôtô phóng gần 20 mét vượt qua hàng rào đặt ở cổng ra vào. Thấy vậy, lính gác hốt hoảng nổ súng thị uy, không ngờ lại trúng đầu người cầm lái...

Viên cảnh sát trưởng vừa nói tới đấy, các nhà báo đã ầm ầm phản đối. Nhà báo Pháp Jeanco Novilon, đồng nghiệp của Leandri, nhảy bổ lên diễn đàn, giật phăng chiếc que trong tay viên cảnh sát trưởng, chỉ lên tấm sơ đồ:

- Trước hết - Ông ta nói, mặt tái đi vì tức giận - Từ chỗ ông Leandri để xe ra tới cổng sở cảnh sát không phải 20 mét mà là 200 mét. Hơn nữa không có chuyện hàng rào chắn, vì đêm nào cửa trụ sở cảnh sát đô thành cũng đóng kín như bưng. Và sau nữa, tất cả những cảnh sát trên thế giới đều có những biện pháp dễ dàng để chặn đứng một ôtô, người ta sẽ bắn vào lốp xe, chứ không bắn vỡ sọ người cầm lái. Đây không phải là chuyện ngộ sát, mà là vụ giết người - Ông ta thét lên - Một vụ giết người, giết một nhà báo vì đã đưa tin đúng sự thật nhưng trái ý muốn của chính quyền.

Cảnh sát trưởng cứng họng. Cuộc họp biến thành cuộc chất vấn, tranh cãi loạn xạ.

Và ngay sáng hôm sau, tin nhà báo Paul Leandri bị cảnh sát Sài Gòn bắn chết, đã chạy trên trang nhất tất cả các báo trên thế giới[1]. Báo *Le Figaro* ngày 17-3 đăng lại tin Buôn Ma Thuột

---

1. Tài liệu tham khảo đặc biệt số 063-TTX-18-3-1975 dịch đăng hàng loạt bài phản ứng về vụ cảnh sát Sài Gòn bắn chết nhà báo Paul Leandri đăng trên các báo Anh, Pháp ngày 17-3-1975, gồm các báo: *Le Monde*, *L'Humanité*, *Libération*, *LeFigaro*, *L'Aurore*, *The Times*, *International Herald Tribune*...

thất thủ của Paul Leandri đánh đi từ Sài Gòn ngày 13-3 và viết: "Mật thám Sài Gòn tìm mọi cách móc ở Leandri tên người cung cấp thông tin Buôn Ma Thuột thất thủ. Trung thành với lời thề danh dự của một nhà báo, Leandri đã từ chối và ông ta đã chết vì thế...". Lễ truy điệu Leandri được tổ chức trọng thể. Trong lời điếu của ông tổng giám đốc AFP có đoạn: "Các nhà báo là công cụ của một quyền hạn không được ghi chép ở đâu hết. Quyền hạn làm cho dư luận quảng đại công chúng biết tình hình. Cũng chính vì thực hiện quyền hạn đó mà Paul Leandri đã bị hạ sát một cách hèn hạ. Paul Leandri, nhân chứng liêm khiết và chính xác đã vĩnh biệt chúng ta. Giết hại ông, cảnh sát Sài Gòn đã kéo dài thêm bảng kê khai tội ác của họ... Đây là cái chết của một con người, một nhà báo trên bốn phương trời đi tìm sự thật, đi tìm những tin tức nóng hổi của một thế giới đang lên cơn sốt..." - Lời điếu của ông Rean Marin, Tổng giám đốc AFP đã làm bao người rơi nước mắt. Cùng ngày nhận được đơn kiện của bà Hancy, chính quyền Thiệu còn nhận công hàm của Chính phủ Pháp, cực lực phản đối và yêu cầu phải mở ngay cuộc điều tra để làm sáng tỏ vụ này...

"Quân giải phóng tiến công và đã làm chủ hoàn toàn Buôn Ma Thuột, thị xã quan trọng nhất trên cao nguyên Trung phần" - Những dòng tin đó với sự đổi mạng của người viết, đã như những xung điện cực mạnh, làm rung động thế giới. Tình hình chiến sự tại Nam Việt Nam lại đột ngột bùng lên, trở thành câu chuyện thời sự nóng bỏng của thế giới thường ngày...

5
"... CHƯƠNG BI THẢM NHẤT CỦA CHIẾN TRANH..."

Chiếc HU.1A của Phú từ Cam Ranh về thẳng phi trường Cù Hanh (thị xã Pleiku). Phú vừa ra khỏi máy bay đã thấy Lê Khắc Lý, Đại tá, Tham mưu trưởng và Phạm Duy Tất, Đại tá, Chỉ huy trưởng biệt động quân của Quân đoàn 2 chờ sẵn.

- Trình Thiếu tướng, tôi có mặt đợi lệnh! - Lý giập gót, giơ tay chào.

Quên cả bắt tay Lý và Tất, Phú giao nhiệm vụ luôn:

- Ông Lý! Ông triệu ngay cuộc họp Bộ Tư lệnh Quân đoàn!

- Trình Thiếu tướng! Họp ngay chiều nay?

- Ngay chiều nay. Tình hình rất khẩn trương - Vừa nói, Phú vừa giơ tay xem đồng hồ - Bây giờ là 15 giờ, cuộc họp bắt đầu ngay sau đây một tiếng. Họp tại văn phòng Bộ Tư lệnh.

Trong lúc Lý bước vội ra chiếc xe Jeep đang nổ máy chờ, Phú quay sang Tất:

- Tôi mang tin mừng cho ông đây! Tổng thống vừa quyết định vinh thăng quân hàm chuẩn tướng cho ông.

- Xin cảm ơn Thiếu tướng. Được điện, từ Bộ Tư lệnh binh đoàn 2 kỵ binh tôi về thẳng đây. Tôi cũng đã tới Liên đoàn 4 biệt động quân, truyền lệnh của Thiếu tướng giao liên đoàn đảm trách phòng thủ căn cứ 92 và sục sạo giải tỏa quốc lộ đoạn từ căn cứ 93 tới đèo Mang Giang, để hoàn trả Lữ đoàn 2 kỵ binh về Bộ Tư lệnh Quân đoàn.

Phú kéo Tất lại sát, nói nhỏ chỉ vừa đủ hai người nghe:

- Chuyện đó khỏi cần. Chúng ta sẽ rút lui khỏi Tây Nguyên.

Tất tròn xoe mắt:

- Trình Thiếu tướng! Toàn quân đoàn?

- Đúng, rút toàn quân đoàn. Tôi sẽ phổ biến cụ thể trong cuộc họp chiều nay.

Đúng 16 giờ, cuộc họp tại văn phòng Bộ Tư lệnh Quân đoàn 2 diễn ra dưới sự chủ trì của Phú trong không khí nháo nhác. Dự họp có Chuẩn tướng Cẩm (phụ tá hành quân), Chuẩn tướng Sang (Tư lệnh Sư đoàn 6 không quân), Chuẩn tướng Tất (Chỉ huy trưởng biệt động quân kiêm Tư lệnh mặt trận Kon Tum - Pleiku) và Đại tá Lê Khắc Lý, Tham mưu trưởng quân đoàn.

Phú phổ biến quyết định của cuộc họp Cam Ranh:

- Tổng thống Thiệu lệnh cho chúng ta phải nhanh chóng triệt thoái khỏi Pleiku, Kon Tum, về Nha Trang lập Bộ Chỉ huy Quân đoàn 2 ở đấy và làm kế hoạch nhanh chóng chiếm lại Buôn Ma Thuột.

Cẩm, Sang và Lý tròn xoe mắt ngạc nhiên trước quyết định Phú đưa ra, trừ Tất đã gặp riêng Phú trước khi đến họp. Mọi người không ai tin lời Phú vừa nói. Đại tá Lý hỏi lại Phú:

- Phải chăng chúng ta rút khỏi Pleiku, Kon Tum, thưa Thiếu tướng?

Phú trả lời:

- Tổng thống Thiệu và Hội đồng An ninh quốc gia đã quyết như vậy. Chúng ta không cần bàn bạc gì nữa?

Lý lại hỏi:

- Vậy chúng ta rút đi như thế nào, bằng phương cách nào?

Phú đáp:

- Triệt thoái bằng đường bộ. Chỉ một số rất ít đơn vị đi bằng máy bay.

Lý chất vấn:

- Đường bộ cụ thể là đường nào?

- Đường 7B đi qua Phú Bổn - Phú đáp - Vấn đề này cũng đã được quyết định, không bàn bạc nữa. Đấy là lệnh của Tổng thống và Bộ Tổng tham mưu.

Với tư cách là tham mưu trưởng phụ trách kế hoạch hành quân của quân đoàn, Lý nói với Phú:

- Thiếu tướng hãy cho tôi một tuần hoặc ít nhất ba ngày để tôi chuẩn bị và trình bày kế hoạch triệt thoái.

Phú trả lời:

- Không! Chúng ta không còn thời gian. Ngay ngày mai, mọi việc phải bắt đầu.

Lý và mọi người há mồm, tròn xoe mắt nhìn Phú.

Phú tiếp tục:

- Ngày mai tôi bay đi Nha Trang. Ông Tất sẽ chỉ huy chung. Ông Cẩm và ông Lý ở lại cùng ông Tất lo toan, đôn đốc việc rút quân. Kế hoạch là như vậy. Ngay đêm nay, Bộ tham mưu Quân đoàn phải gấp rút chuẩn bị để ngày mai bắt đầu triển khai kế hoạch triệt thoái.

Kết thúc phiên họp, tất cả long trọng cam kết việc bảo mật, thống nhất chỉ dùng lệnh miệng, không dùng điện đài để tránh đối phương bắt được sóng liên lạc. Phú nhắc lại lần cuối:

- Mệnh lệnh rút lui chỉ được phổ biến trước một giờ cho các chỉ huy trưởng, và các anh nhớ là chỉ được rút các đơn vị chủ lực.

Lý hỏi thêm:

- Thế còn các đơn vị của tỉnh, quận, cảnh sát, quân địa phương, dân vệ và gia đình binh lính thì sao?

Phú trả lời, giọng ráo hoảnh:

- Hãy bỏ mặc họ. Các anh không có trách nhiệm gì về họ. Nếu các anh để họ biết tin này, các anh sẽ không thể chỉ huy

cuộc hành quân, mọi sự hỗn loạn và các anh không thể nào về đến Tuy Hòa.

Vốn là một sĩ quan rất có năng lực, mẫn cán và trách nhiệm, tối hôm đó, Lý tìm cách thuyết phục Phú không rút theo đường 7B mà rút theo đường 19. Lý giải thích với Phú lý lẽ của mình như sau:

- Đường 19 chất lượng tốt, mặc dù bị đối phương chốt chặn, vẫn có thể khai thông bằng cách cùng lúc mở hai cuộc hành quân sục sạo, phía tây từ Pleiku và phía đông từ Sư đoàn bộ Sư 22. Đường tốt, huy động tối đa phương tiện cơ giới, chắc chắn trong hai, ba ngày sẽ về tới Tuy Hòa. Trong lúc đó đường 7B rất xấu, có rất nhiều mìn của cả đối phương và lực lượng đặc nhiệm của ta gài lại, cầu cống sập nhiều. Muốn mở đường, muốn làm cầu công binh phải chuyên chở trang thiết bị nặng tới và phải có thời gian. Nếu quân Mỹ còn ở đây, họ có thể dùng cần cẩu bay chở thiết bị nặng tới. Đành rằng triệt thoái bằng đường 7B có bất ngờ, nhưng chúng ta phải mất quá nhiều thời gian làm cầu, mở đường, và đối phương có thừa thời gian để vượt qua sự bất ngờ ấy.

Phú trả lời gọn lỏn:

- Không được. Vấn đề này Tổng thống đã quyết định. Bộ Tổng tham mưu đã biết và có kế hoạch yểm trợ cuộc triệt thoái. Các anh cứ rút bằng đường 7B. Kẻ địch có đến được, các anh cũng về tới Tuy Hòa rồi.

Ngay sáng hôm sau (15-3), vào khoảng 7 giờ, Phú lên máy bay tót về Nha Trang, mang theo một số sĩ quan tham mưu chủ chốt. Tức giận vì sự sắp xếp về chỉ huy của Phú, Cẩm (người được giao giám sát chung) cũng tuyên bố sẽ rút trước bằng máy bay về Tuy Hòa. Đến đây Lý thấy một mình mình phải gánh chịu toàn bộ trách nhiệm về cuộc lui binh mà

không có ban tham mưu, không có kế hoạch chung, không có bất kỳ sự chỉ đạo nào của Bộ Tổng tham mưu tại Sài Gòn. Trong tình cảnh ấy, phải rút lui cả một quân đoàn trang thiết bị hiện đại với hơn 165.000 quân lính, thật là câu chuyện khủng khiếp với Lý.

*

* *

Cũng sáng ngày 15-3, tại văn phòng Bộ Tổng tham mưu, Trung tướng Đồng Văn Khuyên, Tham mưu trưởng Bộ Tổng tham mưu kiêm Tổng cục trưởng Tổng cục Tiếp vận triệu tập các sĩ quan Tổng cục Tiếp vận từ cấp Đại tá trở lên để phổ biến tổng quát tình hình chiến trường từ sau khi Phước Long thất thủ tới sự nguy ngập của Buôn Ma Thuột. Thực ra lúc ấy, Buôn Ma Thuột đã mất nhưng Khuyên vẫn giấu kín. Sau cuộc họp, Khuyên dùng cơm trưa tại Câu lạc bộ Tổng tham mưu với Chuẩn tướng Trần Đình Thọ, Trưởng phòng 3, Đại tá Hoàng Ngọc Lung, Trưởng phòng 2 và Đại tá Phạm Bá Hoa, Tham mưu trưởng Tổng cục Tiếp vận. Ngồi lại bên tách cà phê và khói thuốc, Khuyên tâm sự với các chiến hữu thân cận, giọng rất buồn:

- Tình hình trầm trọng lên rất nhiều sau khi Phước Long thất thủ. Thực ra Buôn Ma Thuột đã mất. Tổng thống lệnh tuyệt mật tin này, nên trong cuộc họp với anh em vừa rồi tôi không dám nói. Theo tin tức tình báo thì cộng sản chủ trương giải quyết miền Nam trong năm nay. Trong khi đó chỉ có vấn đề tổng động viên để có thêm quân số mà không ai dám quyết. Tổng thống bảo Thủ tướng thi hành. Thủ tướng thì bảo Tổng thống ký sắc lệnh chứ không phải ông. Cứ đưa qua đưa lại,

hơn tháng nay rồi vẫn còn nguyên đó. Đại tướng Tổng Tham mưu trưởng thì không chỉ huy nổi tư lệnh các quân đoàn, mỗi quân đoàn là một giang sơn riêng và đi thẳng tới Tổng thống, tới Thủ tướng. Mỹ nó sắp bỏ rơi miền Nam rồi. Nó không muốn viện trợ thêm nên đưa qua quốc hội để dễ đổ thừa. Tướng hai sao Smith nói với tôi là Hoa Thịnh Đốn đã có kế hoạch di tản sang Mỹ độ 8.000 người. Có điều là tôi chưa rõ lý do nó bỏ miền Nam, vì miền Nam thối nát quá, hay Mỹ quá mệt mỏi rồi. Sụp đổ tới nơi mà tôi có cảm giác chẳng ông lớn nào tỏ ra lo lắng cho đất nước...

Khuyên nói với tất cả sự xúc động của mình về tương lai u ám của cuộc chiến. Không rõ Cao Văn Viên có cho Khuyên biết chuyện tuyệt mật về việc Quân đoàn 2 triệt thoái khỏi Tây Nguyên không, nhưng kết thúc buổi nói chuyện, Khuyên dặn dò Hoa:

- Anh nghe rõ chưa? Anh lệnh ngay cho các đơn vị tiếp vận ở Pleiku xếp loại xem món hàng nào quý thì đóng thùng chở về Sài Gòn hoặc đâu đó tùy anh, miễn là đem đi khỏi Pleiku. Điều quan trọng là anh phải ra lệnh ngay và thi hành ngay hôm nay. Anh rõ chưa?

- Rõ, thưa Trung tướng!

- Phần anh xong, anh về lo thi hành ngay đi!

Phạm Bá Hoa ra về, Khuyên còn giữ Lung và Thọ ở lại đàm đạo tiếp.

Về văn phòng, Hoa điện thoại ngay ra Quy Nhơn truyền đạt lệnh của Khuyên cho Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy 2 tiếp vận (cơ quan chỉ huy các đơn vị tiếp vận thuộc quyền Tổng cục Tiếp vận, gồm cả Pleiku). Hoa điện thoại trực tiếp cho Chỉ huy trưởng Liên đoàn 322 tại Pleiku yêu cầu đóng thùng các vũ khí tồn kho, các máy vô tuyến, các vật dụng quang học. Mọi việc

phải làm xong trong đêm 15-3 và sáng ngày 16-3 đưa ra sân bay, Hoa sẽ cho C.130 lên chở về Quy Nhơn.

Sau đó, Hoa, Lung, Thọ và Loan, Tổng cục phó Tổng cục Tiếp vận thắc mắc với nhau. Lung, Trưởng phòng tình báo Bộ Tổng tham mưu đưa ra suy luận: "Vậy là Pleiku sắp trở thành chiến trường quan trọng rồi, vì thế phải chuyển các dụng cụ tồn kho về phía sau chiến trường. Thế nhưng có điều lạ là, nếu chuẩn bị chiến trường sao không lệnh cho Tổng cục Tiếp vận lo lương thực, đạn dược. Vậy có phải Pleiku sắp thành chiến trường không? Nếu không thì việc gì đang xảy ra ở đó trong ý nghĩa của lệnh mật và khẩn trương như vậy?". Suy luận mãi cũng không giải đáp được gì, cuối cùng Hoa, Loan, Lung và Thọ tạm chấp nhận với nhau là Pleiku đang chuẩn bị chiến trường với những trận đánh lớn.

Chiều tối hôm đó, tướng Khuyên điện thoại trực tiếp cho Hoa yêu cầu:

- Quân đoàn 2 sẽ xin máy bay vận tải. Nhiệm vụ của anh là phải cấp đầy đủ. Làm sao huy động cho đủ máy bay vận tải là chuyện của anh.

Hoa điện thoại lên Quân đoàn 2 gặp Đại tá Lê Khắc Lý, Tham mưu trưởng quân đoàn:

- Ngày mai anh có cần máy bay chuyên chở gì không? Cần bao nhiêu máy bay cho tôi biết để lo cho kịp. Riêng tôi sẽ có một C.130 sáng mai lên đó chở dụng cụ tiếp vận của tụi tôi về Quy Nhơn.

- Tôi rất cần - Lý đáp gấp gáp trong máy - Sáng mai anh cho tôi tất cả máy bay vận tải anh có. Tôi cần trọn ngày. Dụng cụ tiếp vận của anh tôi lo luôn.

- Anh chở gì mà cần dữ vậy? Tôi chỉ có tối đa là 9 hoặc 10 chiếc C.130 thôi!

- Chở lặt vặt thôi. Anh cứ cho C.130 lên hết đi, đừng hỏi nữa.

Sau khi điện thoại cho chuẩn tướng tham mưu trưởng không quân về việc chu cấp toàn bộ C.130 khả dụng cho Quân đoàn 2 ngày 16-6, Hoa lại thắc mắc với Loan, Tổng cục phó tiếp vận:

- Không hiểu chuyện gì xảy ra ở Pleiku, ở Bộ Tư lệnh Quân đoàn 2 mà nói chuyện với ai họ cũng giữ bí mật quá sức?

- Tôi chịu - Loan lắc đầu.

Sáng hôm sau, thứ bảy ngày 16-3, khoảng 8 giờ 30 phút, trung tâm hành quân báo cho Hoa biết năm chiếc C.130 đang ở trên không phận phi trường Pleiku, nhưng không đáp được vì sân bay rất đông người và hỗn độn, nếu 15 phút nữa mà không đáp được thì sẽ cho phi cơ đáp xuống Nha Trang chờ lệnh. Hoa yêu cầu giữ liên lạc với đoàn phi cơ và chờ Hoa điện cho Quân đoàn 2.

Hoa dùng đường điện thoại ưu tiên gọi lên Pleiku gặp tướng Cẩm. Hoa yêu cầu Cẩm cho Lý ra ngay sân bay lập lại trật tự thì máy bay mới đáp xuống được. Hoa hỏi thêm: "Việc gì đang xảy ra vậy?". Cẩm trả lời: "Tôi sẽ cho Lý ra sân bay ngay. Còn việc gì xảy ra thì không tiện nói"...

*

* *

- A lô! Tôi nghe đây!

- Đại tá Lý phải không?

- Vâng!

- Tôi Lê Trung Hoàn, Tham mưu phó chiến tranh chính trị Quân đoàn đây. Xin Đại tá đến ngay cho, sân bay hỗn loạn, không sao cất cánh được!

Lý đập mạnh ống nghe xuống máy, tức giận:

- Mẹ kiếp! Lệnh di tản chưa phát, tất cả đã rối loạn.

Chiếc xe Jeep của Lý bóp còi inh ỏi, cố vượt lên dòng người và xe cộ đang tranh nhau thục mạng đổ về phi trường Cù Hanh. Những tốp người vừa đi vừa chạy, mặt mày nhớn nhác, hốt hoảng. Tiếng thét gọi lẫn trong tiếng còi tranh đường của đủ loại ôtô và trong đám bụi mù không dứt của cao nguyên đất đỏ. Cửa sắt của các nhà buôn lớn đóng sập, vợ chồng con cái hối thúc nhau gói ghém đồ đạc. Mới đêm qua còn yên tĩnh, sáng nay cái thị xã cao nguyên Trung phần này đã náo động như ong vỡ tổ. Trong cuộc họp khẩn cấp tại văn phòng bộ tư lệnh, các thành viên: Phú, Tư lệnh Quân đoàn; Cẩm, Chuẩn tướng phụ tá hành quân; Sang, Chuẩn tướng, Tư lệnh Sư đoàn 6 không quân; Tất, Chuẩn tướng (vừa được vinh thăng), Chỉ huy trưởng biệt động quân Quân đoàn cùng với Lý, đã long trọng bảo mật với nhau. Ngày mai, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 2 mới rút khỏi Pleiku, vậy mà sáng nay tất cả đã lộn nhào. Vất vả lắm chiếc xe Jeep của Lý mới len được vào sân bay. Xe vừa phanh kít, Lý đã nhảy bổ xuống, đi như chạy ra đường băng. Lê Trung Hoàn chạy đến, quần áo nhàu nát, vẻ mặt hốt hoảng. Hoàn cho Lý biết, ngay đêm qua, họp Bộ Tư lệnh về, Sang đã cho Sư đoàn 6 không quân bắt đầu cuộc triệt thoái. Sang nói với đám sĩ quan dưới quyền là cần rút ngay, chờ hợp đồng rút cùng bộ binh thì sẽ lộ, Quân giải phóng pháo kích vào đường băng thì hết đường. Thế là ngay trong đêm, các sĩ quan tranh xe phóng về thị xã Pleiku, cuống cuồng thu xếp, đưa gia đình vào sân bay để di tản. Máy bay ồ ạt cất cánh ngay trong đêm, khiến thị xã náo động và lộ từ đấy. Sáng nay, chuyến C.130 đầu tiên chở lính bị thương

vừa cất cánh thì sân bay đã bị tràn ngập. Chuyến thứ hai, Hoàn đi chuyến này, đã không sao rời đường băng được.

Lý rút khẩu Côn nổ mấy phát chỉ thiên mà vẫn không sao lập lại trật tự được. Dân thường và lính, cả trăm người vẫn xông lên tranh chỗ trên máy bay. Giữa cảnh hỗn loạn ấy, Chuẩn tướng Cẩm, phụ tá hành quân gạt phăng đám đông, chạy đến vẻ mặt hằm hằm:

- Ông Lý! Đ... mẹ, tướng Phú đã về Nha Trang sáng nay với cả bộ sậu. Đã vậy tôi cũng đi, tôi chỉ là người giám sát thôi. Ông với ông Tất ở lại điều hành việc lui binh. Tôi chờ gặp ông ở Tuy Hòa.

Lý chưa kịp trả lời đã nghe thấy những tiếng rít như xé vải và liền đó là cả chuỗi tiếng nổ. Loạt đạn pháo đầu tiên của Quân giải phóng rót tới, nổ ngay trong khu vực sân bay. Đám đông vẫn bu chặt chiếc C.130 trên khoang đã chật ních người, một số người vì hoảng sợ dạt ra. Lợi dụng cơ hội đó, viên phi công cho máy bay cất cánh. Trong làn khói bụi mờ mịt, Lý thấy Cẩm đang cắm đầu chạy về phía trực thăng của mình, theo sau là Hoàn, Tham mưu phó chiến tranh chính trị của quân đoàn... Chiếc trực thăng bốc lên. Một loạt đạn của tên lính tức giận quạt theo. Đạn pháo của Quân giải phóng vẫn tiếp tục rót vào. Cả ngàn người chen lấn, la thét. Súng nổ loạn xạ. Vũ khí vứt lại cả đống. Lý lắc đầu chán nản, không còn kiểm soát được nữa, sân bay đã lâm vào tình cảnh tuyệt vọng...

Chuông điện thoại liên hồi. Không phải một mà tất cả các máy trong văn phòng Bộ Tư lệnh cùng lúc đổ chuông. Mệt mỏi và tức giận, Lý ngồi rũ ra, thắt lưng và bao súng ngắn quăng trên bàn. Suốt từ chập tối đến giờ, Lý phải trả lời không biết cơ man nào là người hỏi: Cơ quan CIA, lãnh sự Mỹ, cơ quan DAO,

các đơn vị trưởng, các cơ quan xung quanh Bộ Tư lệnh, tỉnh, thị trưởng, cảnh sát Pleiku... Những câu hỏi đại loại như:

- Có phải Quân đoàn 2 triệt thoái khỏi Pleiku không?

- Tướng Phú đâu?

- Bao giờ rút? Rút đường nào? Tập kết ở đâu?

Trả lời một lúc từng ấy câu hỏi dồn dập, Lý nổi điên. Vừa nhấc máy, không chờ người hỏi cất tiếng, Lý đã quát tướng lên: - Đi đi, đừng hỏi nữa, tùy nghi!

Và bây giờ thì Lý cũng không còn hơi sức đâu mà nhấc máy, mà quát tháo nữa. Chuông điện thoại cứ thi nhau réo và Lý cứ ngồi rũ ra đấy, chai Whisky uống dở quăng trên bàn. Ngoài trời đêm đã chụp tấm màn đen kịt xuống núi rừng cao nguyên. Đêm nay, đêm cuối cùng ở cái "thị xã Pleiku buồn muôn thuở" thế nhưng Lý không hề có cảm giác của sự chia tay. Đầu óc Lý rối bời. Cả một núi công việc đang đè bẹp Lý xuống.

Bây giờ thì Phú và tất cả các trưởng phòng 1, 2, 3 đã vù đi Nha Trang. Sang và Sư đoàn 6 không quân cũng đã tót về nơi ở mới trong sân bay Nha Trang rồi. Cẩm tót đi Tuy Hòa. Tất vừa được thăng chuẩn tướng cũng đã phóng về căn cứ cũ của Sư đoàn 4 ở núi Hàm Rồng, để lo cho biệt động quân. Còn Lê Văn Thân, Chuẩn tướng, Tư lệnh phó Quân đoàn đi thị sát Sư đoàn bộ binh 22 ở Quy Nhơn, thấy tình hình nguy ngập đã không về Bộ Tư lệnh Quân đoàn nữa, mà chạy thẳng xuống Nha Trang đón Phú. Thế là hết, bao nhiêu tướng cuốn gói sạch. Cả Bộ Tư lệnh Quân đoàn 2 chỉ còn mình Lý giơ đầu chịu báng. Phải rút một đội quân tới 165.000 lính, hàng ngàn xe pháo, hàng trăm tấn vũ khí trang bị nặng mà không được chuẩn bị, không có kế hoạch chu đáo. Thật không sao hiểu nổi. Quyết định duy nhất trong cuộc họp, vì để bảo mật nên chỉ quyết định bằng mồm là Lữ đoàn 2 kỵ binh gồm ba

thiết đoàn 3, 19 và 21 được tăng phái thêm hai Liên đoàn biệt động quân 6, 23 sẽ đảm trách việc mở và an ninh lộ trình. Liên đoàn 25 biệt động quân rút sau cùng làm nhiệm vụ chặn hậu. Kế hoạch thỏa thuận bằng mồm chỉ có vậy, và ngay sáng mai cuộc triệt thoái khỏi Pleiku, Kon Tum đã phải bắt đầu...

Dân chúng Pleiku đổ cả ra đường thực hiện "một đêm không ngủ". Nhưng không phải biểu tình chống ai cả, mà là cuống cuồng chất đầy đồ đạc, hàng hóa, bàn ghế và đủ thứ vật dụng lên xe chạy khỏi thị xã. "Cuộc tắm máu của cộng sản" với đủ thứ chuyện hoang đường, khủng khiếp mà hằng ngày loa tâm lý chiến trên đường phố nặn ra, réo vào tai họ, nhất là từ ngày Buôn Ma Thuột thất thủ. Cuộc tắm máu ấy chưa thấy đâu, trong lúc cuộc tắm máu do chính binh lính Sài Gòn gây ra đã phơi bày trên đường phố kể từ sáng nay, khi đoàn xe cả nghìn chiếc của Quân đoàn 2 đùng đùng rút chạy. Và cũng lúc ấy, sự kiểm soát tuột khỏi tay chính quyền. Quân cảnh, cảnh sát bỏ nhiệm sở, không còn một mống. Trên đường phố, từng đoàn, từng đoàn lính người Thượng, lính địa phương tức giận vì bị bỏ rơi, đã kéo nhau đi cướp của, giết người, hiếp dâm. Chúng xả súng vô tội vạ vào người đi đường, vào các cửa hiệu buôn, phóng hỏa bất cứ ngôi nhà nào mà chúng ngứa mắt. Súng nổ, máu người đổ lênh láng, lửa cháy đùng đùng trong các dãy phố chính, trong cả các đường ngang, ngõ tắt... Thị xã như "kẻ động kinh" lên cơn hấp hối. Các đoàn xe đủ loại: xe ôtô, xe honda, xe bò kéo, xe ngựa và xe đạp thồ, xe ba gác chở ông bà già, trẻ thơ và chất đầy đồ đạc - đến mức không thể chèn thêm một thứ gì - nối đuôi nhau đuổi theo hướng đoàn quân xa đang rút chạy. Hàng hàng lớp lớp đàn bà tay ẵm trẻ thơ, đàn ông buộc túm đồ đạc, không có phương tiện, hối hả chạy trong nỗi khiếp đảm.

Những người già yếu, bệnh tật không còn lê bước nổi, đành đứng trên ngưỡng cửa nhìn theo con cháu dẫn nhau đi, khóc nấc lên. Hoàng hôn chụp xuống khoảng đất đỏ lạnh lùng. Người ra đi, nước mắt tức tưởi, chốc chốc lại ngoái nhìn. Phía sau họ là những tiếng nổ lớn. Từng cột lửa bùng lên trong ánh chiều chạng vạng. Khói như những đám mây đen kịt cuộn mù mịt trên bầu trời thị xã. Đó là lửa khói của các kho súng đạn, những bồn xăng dầu do lính Sài Gòn thiêu hủy. Đó còn là lửa từ các đám cháy của hàng trăm ngôi nhà bị lũ lính cướp phóng hỏa, của kho bạc ước khoảng 300 triệu, mà tỉnh trưởng Pleiku trước khi rút chạy ra lệnh đốt. Trưởng ty ngân khố bị bỏng nặng trong lúc tưới xăng đốt kho bạc, bị quẳng lại quằn quại bên ngọn lửa. Buổi hoàng hôn chưa dứt hẳn thì đêm tối kinh hoàng đã ập xuống trên cao nguyên Trung phần...

*

* *

Sáng ngày 16-3, bất ngờ được tin Quân đoàn 2 đang triệt thoái khỏi Pleiku, sứ quán Mỹ choáng váng. Tướng Timmes cấp tốc bay trực thăng lên Pleiku cứu viên lãnh sự Mỹ và các nhân viên của cơ quan CIA, DAO tại Pleiku. Timmes nói, từ trên máy bay không còn tin vào mắt mình nữa, bởi vì "chỉ qua một đêm, những con đường lớn chủ chốt đổ vào đường 7B đã như trở thành những con sông đầy những dòng người hỗn loạn, kinh hoàng, chẳng khác gì đàn kiến vĩ đại di chuyển trong cơn lốc mù mịt khói xăng và bụi đường...".

Từ khắp các thị xã, thị trấn bị tàn phá ở núi rừng Tây Nguyên, đoàn người trốn chạy vì hoảng loạn đổ ra, ùn ùn nối đuôi nhau, kéo dài tít mù tắp. Đoàn quân rút chạy bị chặn ở

chân đèo Cheo Reo. Lúc những loạt AK bất thần nổ vang trên đỉnh đèo, Lý thấy đất dưới chân mình như sụt lở. Thế là hết, sự bất ngờ - vị cứu tinh duy nhất của cuộc lui binh khốn khổ này không còn nữa. Chưa có áp lực của đối phương mà cuộc rút lui đã là cuộc chạy loạn... - Lý không dám nghĩ tiếp nữa. Mới hơn một ngày một đêm thôi, kể từ lúc rời Pleiku, Lý đã phải chứng kiến bao nhiêu chuyện khủng khiếp. Dễ chừng có đến nửa triệu dân thường, cả dân ở Pleiku và dân ở dọc đường đoàn quân rút qua, cuốn theo. Làm gì còn đội hình và làm gì còn cái gọi là sự chỉ huy nữa. Dân, lính và hàng mấy ngàn xe pháo xen trộn vào nhau rối rắm vô cùng. Mạnh ai nấy chạy, mạnh ai nấy sống. Đạp lên nhau mà chạy, thanh toán nhau mà sống. Lính biệt động, lính thiết giáp bỏ cả nhiệm vụ hộ tống, xông lên trước. Đường xấu, xe chở quá nặng, gẫy trục, vỡ lốp ngổn ngang dọc đường. Cụ già, trẻ thơ kiệt sức gục ngã. Xe cứ cán thẳng lên người mà đi. Lính luôn mồm chửi thề, chửi cả Thiệu và sẵn sàng cho cấp chỉ huy xơi đạn. Một tiểu đoàn trưởng pháo binh bị mấy tên lính biệt động quân bắn chết chỉ vì muốn cướp chiếc đồng hồ đeo tay...

Thiết đoàn 18 kỵ binh và Thiết đoàn 21 chiến xa cùng hàng trăm lính của Liên đoàn 6 biệt động quân liều mạng mở chốt, bị đánh bật, tháo chạy tán loạn xuống chân đèo. Tướng Tất và Nguyễn Văn Đồng, Đại tá, Tư lệnh trưởng Lữ đoàn 2 kỵ binh hớt hải chạy tới gặp Lý:

- Đại tá Lý, ta tính sao?

- Sống chết cũng phải mở chốt - Lý nói, nét mặt căng thẳng. Chỉ còn cách xin không yểm và dùng xung lực đánh thốc lên đỉnh đèo.

Tất ngần ngừ:

- Để bảo mật, đã quy định chỉ dùng khẩu lệnh, nay lại lên máy gọi Sài Gòn, Nha Trang xin không quân lên, tôi e...

Tất nói chưa dứt, Lý đã gạt đi:

- Đã chạm súng với chủ lực địch là lộ rồi. Chần chừ lúc này là chết.

Đặng Đình Siêu, Đại tá, Tư lệnh phó Lữ đoàn kỵ binh cũng bỏ xe chạy tới. Lý, Tất, Đồng, Siêu sau một hồi bàn bạc quyết định xin Phú lúc đó đang ở Nha Trang, cho máy bay ném bom lên...

Khi Lý và Tất dẫn đám tàn quân tơi tả tới được một làng người Thượng thì mặt trời đã khuất núi. Loạt bom đầu mà máy bay của sư đoàn không quân của Tướng Sang ném xuống lại trúng vào Liên đoàn 6 biệt động quân đang xốc lại đội hình ở lưng đèo, để chuẩn bị xung phong mở chốt. Một đại đội biệt động và ba xe bọc thép bị tiêu diệt. Đoàn người kinh hoàng đạp lên nhau chạy lộn trở lại. Lính biệt động, lính kỵ binh cũng chạy thục mạng không còn nghĩ đến chuyện mở chốt nữa. Tư lệnh Lữ đoàn kỵ binh, Đại tá Đồng lẳng lặng rời xe, thay áo quần dân thường rồi lẩn mất. Lý, Tất và Siêu chạy lại tìm, xe chỉ huy vẫn nổ máy, nhưng trong xe chỉ còn lại bộ quân phục đại tá, mũ, sao, giày và cả súng ngắn Đồng quăng lại. Lý, Tất và Siêu nhìn nhau lắc đầu ngao ngán.

Vạt nắng cuối cùng vương trên cánh rừng trước mặt đã mất hẳn. Súng ngừng nổ và trời Tây Nguyên cũng đã trầm mặc vào chiều. Trong lúc những tốp lính biệt động, lính kỵ binh không ai cản được, bỏ xe kéo gia đình luồn rừng tìm về Phú Bổn, thì Lý lệnh cho lính lui lại tạm trú ở một làng người Thượng nằm ven đường 7B, cách đông nam Phú Bổn chừng hai cây số. Đói, khát, tuyệt vọng, đêm đó, lũ lính đã cướp bóc, tàn sát, biến làng người Thượng này thành một làng máu...

Trận bom lạc hướng lần thứ hai vào sáng hôm sau, trong lúc

hỗ trợ mở chốt Cheo Reo đã xóa sổ thêm một tiểu đoàn biệt động quân và một số xe bọc thép nữa. Khi những đám người tơi tả đầu tiên ùa vào, thị xã Phú Bổn lập tức rơi vào cảnh hỗn loạn. Cướp bóc, bắn phá như một thứ bệnh dịch tràn vào cái thị xã nhỏ bé, yên tĩnh ít người biết đến này. Giao thông tắc nghẽn, đường phố chật cứng mà những dòng người và xe cộ vẫn cứ đổ vào. Chập choạng tối, khi những loạt đạn pháo đầu tiên của Quân giải phóng rót vào nổ tung trong lòng thị xã thì sự hỗn loạn cũng lên tới cực điểm. Trong đêm tối bịt bùng, đoàn người lại rùng rùng chạy tiếp, cuốn theo cả vạn dân Phú Bổn. Những chiến cụ nặng còn tha được đến đây, đành vứt bỏ, có phá hủy cũng không kịp nữa. Kể từ lúc ấy, bảy liên đoàn biệt động quân, ba thiết đoàn kỵ binh, hai trung đoàn bộ binh - một phần lớn lực lượng của Quân đoàn 2 đã hoàn toàn tan rã. Lý và Tất áo quần tơi tả cắm đầu chạy trong đám loạn quân. Nếu 7B là "con đường của địa ngục" thì thung lũng Sông Ba chính là "thung lũng của tử thần". Trưa đó, Lý đã chết sững trên bờ sông. Con sông rộng tới 300 mét này không hề có bóng dáng một cây cầu nào như công binh hứa hẹn. Lý chỉ còn biết ôm đầu mà kêu trời. Trời nắng gắt, mồ hôi vã như hạt bắp trên khuôn mặt vuông chữ điền bê bết bùn đất của Lý. Lý giơ tay lên gạt những giọt mồ hôi đang nối dòng trào vào hốc mắt sâu hoắm. Phía sau Lý, cả vạn người đang ùn ùn kéo tới. Trước mặt Lý, dòng sông Ba cuộn chảy loáng nắng như chiếc khăn xô trắng khổng lồ dài đến bất tận. Sát cánh với Lý giờ đây chỉ còn Tất. Siêu, Đại tá, Lữ đoàn phó kỵ binh 2 cũng đã tách đường chuồn một mình từ Phú Bổn. Trong lúc Lý lên máy cầu cứu Phú, thì Tất lồng lộn trên mép sông, vung tay chửi thề: "Đ... mẹ tụi công binh!", "Đ... mẹ tụi công binh!".

Thế rồi trực thăng Chinook chở vỉ sắt PSP tới để công binh

bắc cầu. Hàng đàn trực thăng khác cũng nối nhau tới quần thảo trên thung lũng Sông Ba, ném bánh mỳ, lương khô xuống cứu cả chục vạn con người đang lả đi vì đói khát. Người sống không có cái mà ăn, người chết không có cái mà chôn, cứ co quắp trên đất mà lặng trút đi hơi thở cuối cùng với một mảnh vải nhàu nhụa che mặt. Có những bà mẹ không nỡ rời xác con, cứ thất thểu, điên dại ôm theo đứa con yêu đã chết lạnh, tím ngắt từ mấy hôm rồi. Ban ngày, mặt trời như lò gang khổng lồ sôi sục trút lửa xuống; ban đêm hơi đất, sương núi bốc lên mù mịt. Thung lũng Sông Ba trở thành nghĩa trang khổng lồ của chết chóc - chết vì đói, vì bệnh tật, vì thanh toán nhau như thú dữ để giành nắm lương khô cuối cùng.

Lý kiệt sức, ngất xỉu khi vừa nhoài được người vào trong khoang trực thăng. Chiếc HU.1A do Phú phái tới phải liều mạng đáp xuống giữa biển người náo loạn để cứu Lý. Tất đâu không thấy. Khi trực thăng bốc lên thì cầu nổi dã chiến cũng vừa bắc xong. Cả chục vạn người lại ùa xuống bến chen nhau sống mái để qua cầu, hàng trăm người lộn nhào, chìm nghỉm dưới lòng sông sâu.

Quạ! Quạ!... Ngày hôm sau, thung lũng dậy lên những tiếng kêu rợn người. Trên khúc sông dài, hàng trăm xác người vật vờ trên mặt nước. Khi quạ đánh hơi thấy xác chết, kéo tới cả đàn, thì dòng người đen kịt vẫn ùn ùn xuống bến...

*

* *

Chỉ một thoáng bay, chiếc HU.1A cất cánh từ Tuy Hòa đã đáp xuống phi trường Nha Trang. Trên trực thăng, ngoài tổ lái chỉ có Phạm Duy Tất, Chuẩn tướng, Chỉ huy trưởng

biệt động quân và Lê Khắc Lý, Đại tá, Tham mưu trưởng Quân đoàn 2. Thoát chết ở thung lũng Sông Ba, vừa về tới Tuy Hòa, Tất đã hối thúc Lý đi Nha Trang ngay. Thế nhưng, vốn là một sĩ quan mẫn cán, có tinh thần trách nhiệm trước công vụ, Lý khuyên Tất nên nán lại Tuy Hòa. Chiều qua, đón những tốp di tản đầu tiên chạy thoát về tới Tuy Hòa, nắm thêm tình hình, trưa nay Lý mới cùng Tất bay ra Nha Trang gặp Phú. Phú đích thân ra tận phi trường đón Lý và Tất. Còn một chút lương tâm nên Phú ngượng vì đã phủi tất cả trách nhiệm của mình trong cuộc lui binh khốn khổ này cho Lý và Tất.

Lý vừa nhảy ra khỏi trực thăng, Phú đã bước nhanh tới ôm choàng lấy Lý - một cử chỉ thân thiện hiếm có. Trong bộ quân phục nhàu nát, Lý giập gót giơ tay chào:

- Trình Thiếu tướng! Tham mưu trưởng Quân đoàn 2 có mặt.

Phú vồn vã:

- Sao, khỏe cả chứ ông Lý, ông Tất - Phú vừa nói vừa rối rít quay sang bắt tay Tất.

Lý đáp, giọng rầu rầu:

- Trình Thiếu tướng, nhờ ơn bề trên tôi và Tướng Tất thoát nạn, còn lại các chiến hữu... Nói tới đây Lý bỗng im bặt. Lý nghĩ, qua điện đàm Phú đã biết thiệt hại nặng nề của Quân đoàn 2 nên lúc này không nên nhắc tới chuyện đó làm gì. Lý quay sang chào Chuẩn tướng Thân, Tư lệnh phó quân đoàn và Trung tá Hoàn, Tham mưu phó chiến tranh chính trị của quân đoàn, cũng có mặt với Phú ở phi trường lúc đó.

Đoàn xe chở Phú và bộ sậu, có quân cảnh hộ tống vào tới trung tâm thành phố Nha Trang, khi đường phố đã hết sức nhốn nháo. Những dòng người đầu tiên về được Tuy Hòa, đã chạy tiếp thâu đêm về tới Nha Trang sau đúng 10 ngày đêm,

kể từ buổi hoàng hôn hãi hùng chạy khỏi Pleiku. Cả ngàn người tóc rối bời, mặt đầy bùn đất và những vệt máu của chính họ đông cứng lại. Họ mang theo đủ thứ trên xe, cả xác thân nhân chết dọc đường chưa kịp chôn. Người di tản và người từ Sài Gòn, các tỉnh đổ về tìm đón người thân lộn nhào vào nhau làm náo loạn cả thành phố ven biển đẹp và yên tĩnh nhất Nam Việt Nam này. "Võ Tánh", "Huyền Trân", "Kỹ Thuật" - ba trung tâm tiếp cư mới vừa mở ra ở Nha Trang đã lập tức bị làn sóng người như triều dâng thác đổ, từ cao nguyên hoảng loạn túa về nhấn chìm. Người di tản tràn đầy các đường phố. Ngay trung tâm thị xã, trên đoạn đường quốc lộ 1A chạy qua, lính biệt động của tướng Tất thoát nạn, đã đặt một bàn thờ dã chiến ngay trên chiếc xe Jeep đỏ lầm bụi đất. Hàng chục lính biệt động, áo quần rách nát, người đầu quấn đầy băng bê bết bùn, máu, nằm ngồi la liệt bên vệ đường. Nến cháy sáng trên bàn thờ trong xe với lỏng chỏng hương hoa, đồ ăn của người thập phương dâng để tạ ơn thoát nạn. Trông thấy đám lính biệt động quân, Phú hét đỗ xe. Phú chỉnh trang bộ quân phục cấp tướng, rồi nhảy xuống để làm cái trò "đích thân úy lạo binh sĩ và bà con tị nạn cộng sản".

Vừa thấy Phú, Thân rồi cả Tất trong bộ đồ cấp tướng xuất hiện, đám lính biệt động quân đã vùng dậy, vung tay, hua nạng chửi thề. Đám nhà báo từ Sài Gòn lên săn lùng tin, thấy vậy cũng đổ xô tới. Đứng giữa vòng vây các nhà báo, trong cảnh tắc nghẽn xe cộ, đường phố sôi sục, Phú bỗng nổi máu yêng hùng. Phú giới thiệu bộ sậu tháp tùng rồi huênh hoang với đám nhà báo:

- Xin giới thiệu với các ký giả! Đây là Đại tá Lê Khắc Lý, Tham mưu trưởng Quân đoàn 2 và Chuẩn tướng Phạm Duy Tất, Tư lệnh biệt động quân, vừa trực tiếp chỉ huy việc lui quân ở Tây Nguyên. Ông Lý và ông Tất là những người hùng trong cuộc Đông tiến vĩ đại này.

Ngụy biện cho cuộc tháo chạy tán loạn khỏi Tây Nguyên, Phú dùng chữ "đông tiến" với cái ý đây là cuộc tiến quân về phía biển.

Phóng viên báo *Dân Chủ* (cơ quan ngôn luận Đảng Dân chủ của Thiệu) phỏng vấn Phú:

- Xin Thiếu tướng đánh giá tổng quát về cuộc lui binh.

Phú ba hoa:

- Không phải là lui binh, mà là cuộc triển khai quân về phía biển trong khung cảnh tái phối trí lại lực lượng của Quân lực Việt Nam Cộng hòa. Cuộc Đông tiến vĩ đại của 20 vạn quân dân các tỉnh Pleiku, Kon Tum, Buôn Ma Thuột nằm trong ý đồ tái phối trí lực lượng bảo vệ vùng duyên hải, đã được hoàn tất tốt đẹp vào hồi 17 giờ chiều ngày hôm qua (25-3), sau đúng tám ngày đêm ròng rã vượt hơn 300km đường dài...

- Có tin nói đoàn di tản bị cộng quân chặn đánh thiệt hại nặng, có rất nhiều thảm cảnh trên đường liên tỉnh 7B? - Phóng viên báo *Dân Chủ* hỏi tiếp.

- Không! Đó là những tin tức thất thiệt - Phú phủ nhận thẳng thừng, và tiếp tục ba hoa - Đoàn người di tản đã được quân đội, đặc biệt là lính biệt động quân của Tướng Tất đây bảo vệ tối đa. Quân đội đã đánh địch ngăn chặn phía trước, đánh địch bôn tập mặt sau, vừa đi vừa làm đường, làm cầu vì có tới cả trăm cây số xuyên qua vùng hoang vu...

Phóng viên báo *Dân Chủ* hỏi tiếp:

- Xin Thiếu tướng cho biết cụ thể đã có bao nhiêu cây cầu được làm mới hoặc sửa chữa trên đường di tản từ Pleiku về tới Tuy Hòa?

Phú quay lại hỏi Thân và Tất. Cả ba rì rầm trao đổi một lúc, sau đó Phú quay lại dõng dạc tuyên bố với đám nhà báo:

- Công binh đã bắc tất cả 28 cây cầu để vượt sông - Tôi nhắc

lại: 28 cây cầu vượt sông to, suối nhỏ, xuyên qua vùng hoang vu. Trong 28 cây cầu đó, cầu Sông Ba được xem là công phu nhất với 300 mét độ dài. Tám ngày đêm ròng rã trên đường, vượt bao hiểm nguy với 28 cây cầu bắc qua quả là một kỳ tích. Sự dắt díu nhau di chuyển nhịp nhàng, nghiêm chỉnh là dẫn chứng hùng hồn nói lên tinh thần đoàn kết quân dân keo sơn của chúng ta.

Vừa nghe Phú nhắc tới cầu Sông Ba, Lý đã rùng mình. Thung lũng Sông Ba hãi hùng với cảnh cướp bóc, chém giết cùng hàng ngàn xác chết hiện ra. Trước cảnh đám nhà báo chen lấn, máy ảnh lóe sáng, và những lời tán dương trơ trẽn của Phú, Lý lắc đầu ngán ngẩm. Thấy vậy, Chuẩn tướng Thân, Tư lệnh phó quân đoàn, vốn hiềm khích với Phú quay sang nói với Lý, giọng mỉa mai:

- Đúng là thành công phải không ông Lý! Nhưng là thành công của một đám ma được tổ chức chu đáo.

Lý đáp, giọng không kém phần chua chát:

- Tôi tán đồng với nhận xét xác đáng của Chuẩn tướng. Đúng là thành công của một đám ma. Nhưng một đám ma hỗn loạn đến tận phút hạ huyệt.

Phóng viên báo *Dân Chủ* cắm đầu ghi chép. Toàn bộ cuộc phỏng vấn với những lời ngụy biện trơ trẽn của Phú, được đăng tải trên trang nhất báo *Dân Chủ* số ra ngày 28-3-1975. Bài phỏng vấn được thực hiện với một giọng văn bồi bút đến phát lợm. Duy có lời nhận xét của Chuẩn tướng Thân và Đại tá Lý về cuộc lui binh hỗn loạn và thảm cảnh của hàng chục vạn người di tản, phóng viên báo *Dân Chủ* không hề đả động tới. Thế nhưng, sự thật bi đát có một không hai trong lịch sử chiến tranh này, lại được phơi bày trên mặt báo *Chính Luận* và nhiều báo khác ở Sài Gòn ra cùng ngày... Còn trước đó mấy ngày, tin

tức về cuộc triệt thoái của Quân đoàn 2 khỏi Tây Nguyên đã tràn ngập trên báo chí phương Tây, với nhận xét chung, đây là "chương bi thảm nhất của chiến tranh"[1]...

---

1. Những bản phúc trình, tường trình cùng lời khai thu được tại Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn của các tướng tá Quân đoàn 2, Quân khu 2 gồm: Thiếu tướng Phạm Văn Phú, Tư lệnh Quân đoàn 2; Chuẩn tướng Lê Văn Thân, Phó tư lệnh Quân đoàn 2; Chuẩn tướng Lê Trung Tường, Tư lệnh Sư 23; Chuẩn tướng Phạm Duy Tất, Chỉ huy trưởng biệt động quân Quân khu 2; Đại tá Lê Khắc Lý, Tham mưu trưởng Quân đoàn 2.

- Văn bản kết luận của Ủy ban đặc biệt điều tra về cuộc lui binh khỏi Pleiku, Kon Tum của Quân đoàn 2 do Nguyễn Văn Thiệu lập ra.

- Tài liệu "Đọc báo Sài Gòn" các số: 061, 063, 064-TTX từ ngày 19 đến ngày 21-3-1975.

- "Tài liệu tham khảo đặc biệt" các số từ 064-TTX-19-3-1975 đến 071-TTX-27-3-1975.

6
"NGƯỜI MỸ MUỐN GÌ ĐÂY?"

Trong phòng làm việc riêng của Thiệu có bức ảnh khổ lớn chụp Thiệu đang bắt tay Tổng thống Mỹ Nixon tại cuộc gặp ở San Clemente ngày 2 và 3-4-1973. Đây là cuộc gặp gỡ đầu tiên và duy nhất giữa Nixon và Thiệu sau khi Hiệp định Paris được ký kết. Trước khi ký Hiệp định, quan hệ của Thiệu và Nixon hết sức căng thẳng. Trả lời phỏng vấn của Viện Nghiên cứu chiến lược RAND (Hoa Kỳ), Bùi Diễm, nguyên đại sứ chính quyền Sài Gòn ở Washington từ năm 1967 đến 1972, kể lại: "Thiệu kiên quyết chống Hiệp định Paris vì điều khoản cho phép quân đội Bắc Việt Nam được ở lại miền Nam Việt Nam. Nhưng cuối cùng Thiệu buộc phải ký vì sức ép của Mỹ. Vấn đề đặc biệt bi đát nằm trong hàng loạt ý kiến của Tổng thống Nixon gửi Thiệu trong các thư từ trao đổi về bản dự thảo Hiệp định, trong đó có một số thư Nixon viết bằng những lời lẽ cứng rắn nhất mà trong công tác ngoại giao chưa hề có. Ví dụ những câu: "Tôi hoàn toàn tin rằng phương án khác thay thế cho việc ngài không chịu ký Hiệp định là việc Mỹ sẽ cắt bỏ hoàn toàn viện trợ cho nước ngài...", "Nếu ngài từ chối không chịu nghe theo chúng tôi, trách nhiệm và mọi hậu quả sẽ do chính quyền Nam Việt Nam phải gánh chịu", "Nếu ngài không trả lời đồng ý vào 12 giờ giờ Washington ngày 21-1-1973, tôi sẽ cho phép tiến sĩ Kissinger ký tắt Hiệp định, thậm chí không cần có sự đồng ý của chính phủ

ngài". Vì vậy cuộc gặp với Nixon ở San Clemente đã làm hài lòng Thiệu vì đã ra được một bản thông báo chung đe dọa rằng Mỹ sẽ "có phản ứng mạnh mẽ" nếu Hà Nội vi phạm ngừng bắn. Bùi Diễm sau nhiệm kỳ đại sứ ở Washington về làm cố vấn của Thiệu, tháp tùng Thiệu trong chuyến đi này cho biết, lời lẽ phát biểu ngoài (không chính thức) còn mạnh mẽ hơn. Ví dụ như: "Mỹ sẽ có hành động đối phó lại với bất cứ trường hợp vi phạm thô bạo nào của địch" và "ngài có thể tin vào tôi". Thiệu hài lòng với kết quả cuộc họp đến mức mở chai sâmbanh để uống mừng ngay sau khi máy bay của Thiệu cất cánh. Nhưng chưa đầy hai năm sau, niềm tin của Thiệu vào sự cam kết của Mỹ đã lung lay dữ dội. Mất Phước Long rồi mất cả Buôn Ma Thuột, Thiệu kêu gào sự can thiệp, răn đe nhưng Hoa Kỳ vẫn chưa có bất cứ một phản ứng nào.

Cuối cùng thì tín hiệu chờ mong từ Washington cũng đến với Thiệu vào chiều ngày 15-3-1975, khi chỉ sáng mai thôi, cuộc rút lui của Quân đoàn 2 khỏi Pleiku, Kon Tum sẽ bắt đầu. Từ phòng khánh tiết, Thiệu và Phó đại sứ Lehmann, đại diện lâm thời Sứ quán Mỹ tại Sài Gòn bước ra. Cuộc hội kiến đã diễn ra được gần một giờ. Không có ai trong phòng ngoài hai người. Thiệu tiễn Lehmann ra tận xe lúc đó đang đậu sát bậc thềm Dinh Độc Lập. Cả hai còn dừng lại ở cuối tấm thảm đỏ có hình con rồng bay trải suốt từ phòng đại lễ ra, nói chuyện một lúc rồi mới chia tay.

- Chào Tổng thống!

- Xin chào ngài Phó đại sứ!

- Gútbai!

Chiếc Chevrolet đặc biệt màu đen của đại sứ Mỹ có vỏ ngoài chống đạn vừa chuyển bánh, Thiệu đã vội vã lên phòng riêng đọc thư của Martin do Lehmann chuyển. Đây là tín hiệu đầu tiên

của Washington mà Thiệu mong chờ kể từ sự kiện Buôn Ma Thuột thất thủ. Thiệu đọc đi đọc lại bức thư, nghiền ngẫm, gạch bằng bút đỏ không phải một, mà hai, ba gạch dưới những đoạn quan trọng.

Washington, ngày 14 tháng 3 năm 1975

Tổng thống Thiệu thân mến!

Tôi có thể bảo đảm với ngài rằng, sẽ có đạn dược cho Việt Nam, nhưng chúng tôi có thể đạt được khoản này nhanh hơn và với số lượng nhiều hơn nếu như chúng tôi có một vài chiến thắng vang dội để làm bằng cớ chứng tỏ khả năng thật sự của Quân lực Việt Nam Cộng hòa...

Tôi cũng xin nói rằng, ngài nên chỉ thị cho Tướng Quang, Tướng Bình nên hỏi ý kiến ông Lehmann và ông Polgar về ảnh hưởng đối với dư luận công chúng Mỹ bất cứ hành động nào trong tương lai như những vụ bắt cóc nhà báo gần đây...

Trên chiến trường Việt Nam thời gian tới sẽ là một thời kỳ gay go. Tôi chắc rằng Bộ Quốc phòng Mỹ sẽ chắc chắn đồng ý với đánh giá của ngài là hiện nay ngài đang vấp phải một cuộc tổng tiến công mà cường độ của nó rất có thể vượt cuộc tổng tấn công năm 1972. Ở Washington mặt trận đấu tranh trong thời gian tới cũng sẽ gay go và tôi tin rằng nếu tôi ở lại đây một thời gian nữa, tôi có thể bảo đảm chắc chắn với ngài rằng, Tổng thống và các ông Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Ngoại giao đều quyết tâm rằng khi cuộc tranh cãi ở Washington chấm dứt thì ngài cũng sẽ nhận được những nguồn của cải này...

Nếu ngài muốn liên lạc với tôi thì ông Lehmann có thể chuyển bất cứ bức điện nào qua các sóng tuyệt đối an toàn của Nhà Trắng.

Kính thư!

Graham Martin

Mới có chuyện bắt bớ mấy nhà báo mà Martin đã cuống lên

nhắc nhở. Nay lại xảy ra chuyện sát hại nhà báo Pháp. Rắc rối quá, Washington sẽ còn choáng váng nữa - Thiệu nghĩ - Trước mắt không thể có chiến thắng vang dội nào như Martin yêu cầu. Mà chỉ sáng mai thôi, cuộc triệt thoát khỏi Pleiku, Kon Tum đã bắt đầu. Phú vừa điện tuyệt mật báo như vậy. Cho đến phút này người Mỹ vẫn chưa hay biết gì. Cuộc hội kiến vừa rồi Thiệu cũng không hé gì với Lehmann. Thiệu chỉ nói tình hình hiện tại rất căng, tương quan lực lượng hết sức bất lợi. Tuy nhiên, quân đội Sài Gòn sẽ tái chiếm lại Buôn Ma Thuột. Thiệu cũng không nói gì về chuyện bỏ Tây Nguyên và cũng không đả động gì đến khả năng phải rút khỏi một số vùng ở Quân khu 1. Tình hình vùng 1 cũng đang hết sức nguy kịch. Thiệu vừa nhận được báo cáo của Trưởng cho biết, vùng 1 đang dao động mạnh, Huế, Đà Nẵng đứng trước sức ép của đối phương ngày một tăng. Trưởng kiến nghị Thiệu nên để Sư dù ở lại Đà Nẵng thêm ít ngày nữa.

Thiệu đọc lại một lần nữa thư của Martin rồi đứng dậy. Thiệu vẫn ngậm điếu xìgà trên môi, đi đi lại lại. Phải rút ngay Sư dù - Thiệu nghĩ - Không thể chậm trễ. Có thể phải rút cả Sư thủy quân lục chiến nữa. Sài Gòn đang rung động mạnh. Tòa lâu đài không khéo sụp đổ đến nơi. Bước trên tấm thảm dạ đỏ dày mượt, nhưng Thiệu cảm thấy rất rõ những rạn vỡ trong mỗi bước chân mình. Đấy là dân chúng mới chỉ biết tin Buôn Ma Thuột thất thủ. Còn sáng mai, chỉ sáng mai thôi, cả vùng Tây Nguyên rộng lớn sẽ bị chặt phăng khỏi cái thân thể Nam Việt Nam này. Không cần phải đến ngày Sài Gòn sụp đổ, mà bất kể lúc nào, nếu không nắm chặt bàn tay thép, Thiệu cũng sẽ bị bọn đảo chính đưa ra hành quyết. Cái thi thể phì nộn đẫm máu của Diệm, những cuộc đảo chính thanh toán nhau xoành xoạch ở cái xứ sở miền Nam này, luôn như cơn ác mộng ám ảnh Thiệu. Tối qua, Nguyễn Cao Kỳ và Trần Hữu Thanh, linh mục, kẻ khởi

xướng phong trào chống tham nhũng, đã ngang nhiên tổ chức một cuộc họp báo ngay trước mũi Thiệu, trong Câu lạc bộ sĩ quan Tân Sơn Nhất. Một thằng tướng không quân bị Thiệu cho ra chầu rìa, đăng đàn diễn thuyết mà cũng có cả chục nhà báo lăng xăng hưởng ứng. Rõ ràng Nguyễn Cao Kỳ đang lợi dụng tình thế quân sự khó khăn, lòng người ly tán nhảy ra tập hợp tay chân hòng thanh toán mối cừu hận với Thiệu...

Thiệu bước nhanh tới ngồi phịch xuống chiếc ghế bành bọc da đỏ, cầm bút viết bức điện thượng khẩn cho Trưởng, hủy bỏ thỏa thuận vừa mới hôm trước. Thiệu lệnh cho Sư dù phải tức khắc rút về Sài Gòn, việc chuyển quân phải hoàn tất chậm nhất trong một tuần lễ...

Trong lúc bức điện được đưa qua phòng thông tin liên lạc kề bên chuyển cho Trưởng, Thiệu trầm ngâm giở lại tập hồ sơ lưu những bức thư và điện mà Tổng thống Mỹ Nixon và G. Ford gửi. Thiệu không muốn đọc lại những thúc ép của Nixon xung quanh "sự kiện chảy máu của Hiệp định Paris" - Những bức thư với lời lẽ cứng rắn chưa từng có trong lịch sử ngoại giao của Nixon, cảnh cáo Thiệu nếu cứ khăng khăng phản đối thì Mỹ sẽ phớt lờ cái chính phủ Việt Nam Cộng hòa của Thiệu, và sẽ ký hiệp định một mình. Rốt cuộc Thiệu cũng đã ký, nhưng chưa ráo mực, Thiệu đã tuyên bố thẳng thừng sẽ chống Hiệp định Paris, chống cộng sản tới cùng. Cái hiệp định này - Thiệu nói - "Cứ như một thứ đầu hàng cộng sản".

"Người Mỹ muốn gì đây?" - Kể từ ngày Weyand cuốn cờ, đưa đội quân viễn chinh Mỹ về nước, câu hỏi đó luôn ám ảnh Thiệu. Nỗi lo sợ cứ lớn dần theo thời gian. Thiệu đọc lại những bức điện, thư của G. Ford- Tổng thống đương nhiệm. Ngay sau ngày lên nhậm chức Tổng thống thay Nixon bị đổ vì vụ Watergate, G. Ford đã viết thư cho Thiệu.

Nhà Trắng, ngày 10 tháng 8 năm 1974

Tổng thống Thiệu thân mến!

Tôi đã nhận nhiệm vụ Tổng thống nước Mỹ, một trong những suy nghĩ đầu tiên của tôi là về các cuộc tấn công vũ trang tàn bạo mà các lực lượng vũ trang của ngài đang chống lại một cách thành công và lòng dũng cảm gan dạ. Tôi nghĩ là tôi không cần thiết phải báo với ngài rằng chính sách đối ngoại của Mỹ xưa nay vẫn mang tính chất nổi bật quan trọng là tính kế thừa và mang nội dung lưỡng đảng. Điều đó ngày nay được thể hiện đúng sự thực hơn. Những cam kết của Mỹ đã tiến hành trước đây vẫn còn giá trị và sẽ được tôn trọng đầy đủ dưới chính quyền của tôi.

Thân!

G.R. Ford

Hơn hai tháng sau, trong bức thư đề ngày 20-10-1974, G. Ford lại khẳng định: "...Chính sách của Mỹ vẫn không có gì thay đổi dưới chính quyền này của tôi. Chúng tôi tiếp tục ủng hộ mạnh mẽ những cố gắng của chính phủ ngài... Tôi bảo đảm chắc chắn với ngài rằng, chính quyền của tôi sẽ tiếp tục cố gắng hết sức để cung cấp viện trợ mà ngài cần...".

Ngay sau khi nhận được hai bức thư của Tổng thống Mỹ G. Ford, Thiệu đã đem ra đọc cho toàn thể thành viên nội các nghe để khích lệ tinh thần đám thành viên chính phủ. Thiệu phấn khích nói: "Hoa Kỳ đã cam kết trừng phạt, răn đe nếu cộng sản vi phạm Hiệp định Paris, vi phạm ngừng bắn. Tôi đã nói với Hoa Kỳ rằng: Các ngài đã hy sinh trên năm vạn người trong chiến tranh, 20 vạn người bị thương. Các ngài đã chi 150 tỷ đôla. Có thời điểm tại đây quân Mỹ đã lên trên 50 vạn. Các ngài đã gửi gắm uy tín của Mỹ vào nước Nam Việt Nam tự do. Làm sao mà chúng tôi lại có thể nghĩ có một lúc nào đó các ngài lại bỏ rơi Nam Việt Nam!".

Nhưng đấy là những lời cam kết mạnh mẽ trên giấy. Cái mà Thiệu cần là những phản ứng quyết liệt nhất của Hoa Kỳ trước "những vi phạm trắng trợn Hiệp định Paris của Bắc Việt", như Nixon đã hứa ở San Clemente. Sau khi Phước Long thất thủ và mất căn cứ núi Bà Đen (Tây Ninh) trong hai ngày liên tiếp, Thiệu đã viết hai thư kêu gọi Hoa Kỳ hãy ném bom tức khắc, trừng phạt tức khắc để "chặn cộng sản Bắc Việt lại". Không phải bỗng dưng mà Thiệu kêu gọi Hoa Kỳ nếu chưa cho B.52 thì cũng cho ngay máy bay ném bom của Mỹ từ căn cứ không quân Nakhon Phanom - Thái Lan sang chi viện cho Thiệu và răn đe cộng sản. Bộ Tổng tham mưu của Tướng Viên, theo lệnh Thiệu, đã cùng với phòng tùy viên quân sự Mỹ (DAO) vạch ra một kế hoạch quy định các thủ tục yêu cầu chi viện không quân khi cộng sản mở cuộc tấn công. Các đường thông tin trực tiếp (đường dây nóng) giữa các bộ chỉ huy ở Nam Việt Nam và căn cứ không quân Mỹ ở Nakhon Phanom tại Thái Lan đã được thiết lập. Các đường thông tin "nóng" này đã được mở ra giữa Nakhon Phanom với Bộ Tổng tham mưu và Bộ Tư lệnh không quân Sài Gòn cùng bốn bộ tư lệnh vùng để sử dụng khi có yêu cầu về oanh tạc. Nhiều tướng lĩnh Bộ Tổng tham mưu, Bộ Tư lệnh không quân và các bộ tư lệnh vùng đã có các chuyến sang Nakhon Phanom bàn về việc trong tình hình khẩn cấp máy bay Mỹ sẽ cất cánh từ Nakhon Phanom ném bom xuống các mục tiêu do Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn chỉ dẫn để chặn bước tiến của cộng sản lại.

Thế nhưng trên thực tế, Mỹ đã không có hành động răn đe đáng kể nào. Mãi một tháng sau mới có hồi đáp của G. Ford.

Nhà Trắng, ngày 26 tháng 2 năm 1975

Tổng thống Thiệu thân mến!

Những bức thư đầy suy tư của ngài đề ngày 24 và 25 tháng 1

đã đến với tôi vào lúc mà vấn đề Việt Nam là vấn đề luôn ở trong đầu óc tôi và những người Mỹ cũng như nhân dân thế giới. Tôi xin chia sẻ cùng ngài về nỗi lo ngại về việc Bắc Việt Nam không thực hiện những điều khoản căn bản nhất của Hiệp định Paris. Tôi xin cam đoan với ngài rằng chính phủ Mỹ sẽ tiếp tục gây áp lực buộc thực hiện đầy đủ Hiệp định này.

... Chúng tôi sẽ hết sức cố gắng cung cấp viện trợ, điều rất cần thiết cho cuộc đấu tranh của ngài, cho đến khi đạt được hòa bình...

Thân!

G.R. Ford

Bây giờ thì Hiệp định Paris đã bị Bắc Việt xé toạc - Thiệu nghĩ - Mất Phước Long, mất Buôn Ma Thuột và mất cả Tây Nguyên rồi. Tình thế này nếu Mỹ không nhảy ngay vào thì Huế, Đà Nẵng cũng sẽ mất. Thiệu lấy cây bút dạ mực đỏ viết lên giấy những dòng chữ to và nguệch ngoạc:

- Người Mỹ sẽ phản ứng thế nào về việc rút bỏ Tây Nguyên?

- Liệu bỏ Tây Nguyên đột ngột có gây được sức ép, buộc Quốc hội Mỹ thông qua khoản viện trợ đột xuất bổ sung để Nam Việt Nam cứu vãn được những gì còn lại không?

- Muốn đứng vững trên phần đất còn lại, tái chiếm những lãnh thổ đã mất, Quân lực Việt Nam Cộng hòa cần người Mỹ đáp ứng những yêu cầu cụ thể gì?

Những vấn đề này Thiệu sẽ giao cho Cao Văn Viên, Đặng Văn Quang, Trần Thiện Khiêm và Hoàng Đức Nhã nghiên cứu đệ trình gấp để trên cơ sở đó có một văn bản chính thức yêu cầu người Mỹ. Những đề nghị cụ thể của quân viện cũng sẽ được nêu trong bức thư riêng gửi G. Ford mà Thiệu sẽ viết nay mai...

7
HUẾ NGỢP THỞ

Điện của Thiệu tới vào lúc cuộc họp khẩn cấp của Bộ Tư lệnh Quân đoàn 1 sắp kết thúc. Cuộc họp do Trưởng chủ trì bàn kế hoạch phòng thủ mới với sự có mặt đầy đủ các tướng tá chóp bu của vùng 1 chiến thuật: Thiếu tướng Hoàng Văn Lạc và Chuẩn tướng Lâm Quang Thi, Tư lệnh phó quân đoàn; các tư lệnh Sư đoàn 1, 2, 3 (bộ binh), Sư dù, Sư thủy quân lục chiến, Sư đoàn 1 không quân, Tư lệnh hải quân vùng 1 duyên hải, Tham mưu trưởng quân đoàn, Tỉnh trưởng Thừa Thiên Huế và Tỉnh trưởng Đà Nẵng.

Bức điện được giải mã và chuyển ngay vào phòng họp. Đại tá Đang, Tham mưu trưởng quân đoàn nhận điện. Đọc lướt thấy nội dung quan trọng nhưng Đang không đưa ngay được, vì lúc đó Trưởng đang phát biểu kết thúc. Đứng trước tấm bản đồ bọc nilông, dáng người cao gầy, nước da đen, gương mặt khắc khổ đầy mụn trứng cá, Trưởng vung tay nói với đám tướng tá:

- Hiện nay lực lượng địch tại Quân khu 1 đã lên tới sáu sư đoàn, có xe tăng và pháo binh yểm trợ. Các trục đường giao thông được cải thiện, hỏa lực mạnh cùng với sự tham chiến của chiến xa khiến địch có thể tấn công bất cứ điểm nào trên tuyến phòng thủ kéo dài và rất khó bảo vệ của ta. Với hai cuộc tấn công chiếm hai quận Tiên Phước, Hậu Đức ngày 10-3, ý đồ địch đã rõ. Mặt nam nhằm bao vây, đánh chiếm Tam Kỳ, chia cắt Đà Nẵng với Chu Lai, Quảng Ngãi. Mặt bắc vây ép mạnh Quảng Trị

dồn từ phía Mỹ Chánh, Hương Điền xuống nhằm chia cắt Huế với Đà Nẵng, tiến tới giai đoạn chốt bao vây khu vực Đà Nẵng. Như vậy, Đà Nẵng là khu chính tâm, là gốc, ngọn bắc là Quảng Trị, ngọn nam là Quảng Ngãi. Muốn trụ vững thì ngọn phải nhẹ nhàng, gốc phải nặng và mạnh mẽ kể cả về phương diện quân số lẫn quân dụng và vũ khí. Kế hoạch phòng thủ mới này tôi cũng đã phác thảo với Tổng thống và hôm nay đã được quý vị tư lệnh đây chấp thuận. Tôi quyết định những việc phải làm tức thì - Nghỉ lấy hơi một chút, Trưởng tuyên bố:

- Một: Lệnh bỏ tức khắc các quận Tiên Phước, Trà Bồng, Sơn Hòa, rút về khu đồng bằng để bảo toàn lực lượng.

- Hai: Lệnh các tiểu khu trưởng có kế hoạch rút bỏ các khu vực tuy quan trọng, nhưng xét ra không thể phòng thủ được, để lấy lực lượng tổ chức thêm các đơn vị xung kích lưu động.

- Ba: Rút Sư đoàn thủy quân lục chiến từ Quảng Trị về Đà Nẵng, để thế chân cho Sư đoàn dù phải trả về Sài Gòn. Việc thay quân phải được thực hiện lần lượt từng bước, theo lịch trình đã được tư lệnh Sư đoàn dù và tư lệnh Sư đoàn thủy quân lục chiến hoạch định. Theo thỏa thuận, cuối tháng này phải trả xong Sư dù. Tôi vừa thỉnh thị xin lui hạn lại mươi ngày để Quân đoàn 1 có đủ thời gian tái phối trí lại lực lượng. Tuy nhiên, đến phút này vẫn chưa nhận được tín hiệu gì, vậy ta cứ kế hoạch đã bàn mà khai triển.

Trưởng vừa nói tới đây thì Đang đứng dậy:

- Trình Trung tướng! Có điện thượng khẩn của Tổng thống!

Đang bước tới đưa bức điện cho Trưởng. Vừa đọc lướt một lần, Trưởng đã nổi cáu đập mạnh tay xuống bàn:

- Quý vị xem - Trưởng chìa bức điện ra trước mặt đám tướng tá - Lệnh tác chiến mà cứ thay đổi xoành xoạch. Đ... mẹ! Chỉ chết thằng tướng cầm quân ngoài mặt trận!

Điện của Thiệu được đọc lên và lập tức nổ ra cuộc tranh cãi loạn xạ. Người phản ứng quyết liệt nhất là Lâm Quang Thi, Chuẩn tướng, Tư lệnh phó quân đoàn và Nguyễn Văn Điểm, Chuẩn tướng, Tư lệnh Sư đoàn 1 bộ binh. Điều đó dễ hiểu vì Thi là Chỉ huy trưởng Bộ Tư lệnh tiền phương (còn gọi là Bộ Tư lệnh nhẹ) Quân đoàn 1, đóng tại Hương Điền, còn Sư đoàn 1 của Điểm thì đứng chân tại Quảng Trị. Sư dù rút, Bộ Tư lệnh tiền phương của Thi và Sư đoàn 1 của Điểm tức khắc bị đe dọa. Thi nói, giọng gay gắt:

- Cần phải kiến nghị lại. Tuân lệnh này khác nào phanh ngực cho đối phương bắn. Ngay sáng mai, một Lữ đoàn thủy quân lục chiến đã phải rút khỏi Quảng Trị, thế chân cho Lữ đoàn dù đầu tiên lên máy bay ở Phú Bài về Sài Gòn. Chỉ có một tuần, thời gian đó không đủ để tái phối trí lại các tuyến phòng thủ ở Quảng Trị và bắc Huế. Lấy lực lượng đâu để trám vào lỗ hổng lớn do Sư thủy quân lục chiến rút đi. Mặt trận Quảng Trị bị xuyên thủng, tức khắc mất Huế, và Đà Nẵng nằm trong tầm pháo. Chưa nói tới chuyện Bắc Việt tấn công, cứ làn sóng người, vợ con binh lính chạy loạn đổ vào trong cảnh bị vây hãm tứ bề thì Đà Nẵng cũng đến ngợp thở mà chết.

Thi quay lại phía Trưởng nói tiếp:

- Còn một vấn đề nữa Trung tướng cần lưu tâm. Từ trước ngày cộng sản chiếm Buôn Ma Thuột, khắp vùng 1 đã loan tin đồn về một thỏa thuận ngầm chia cắt đất đai. Dân chúng hoang mang vì theo tin đồn đó, Sài Gòn đã ký nhượng cho cộng sản toàn bộ vùng 1. Giới tuyến mới lui sâu nữa xuống phía nam, sẽ chạy chéo từ Buôn Ma Thuột xuống Nha Trang. Trong lúc chính quyền trung ương và ngay cả Tổng cục chiến tranh chính trị của quân đội cũng chưa một lần cải chính, Sư dù và Sư thủy quân lục chiến lại đùng đùng rút khỏi địa bàn. Làm thế, khác

nào ta công nhận chuyện chia cắt đất đai là có. Dân chúng sẽ hoảng hốt kéo chạy về phía nam, trước hết là dồn vào Huế, vào Đà Nẵng. Tắc nghẽn và hỗn loạn tất cả, quân đội còn đánh chác cái gì? Trung tướng cần cân nhắc lại kỹ đi?

Trưởng đáp, hai tay buông xuôi, nỗi thất vọng hiện rõ trên mặt:

- Những điều Chuẩn tướng Thi phân tích, tôi cũng đã nghĩ tới. Sự tái phối trí lực lượng vội vã trước sức ép nặng nề của đối phương lúc này, rất có thể gây ra những thảm họa. Sẽ phải kiến nghị lại. Hoặc tôi bay về Sài Gòn, hoặc một phái đoàn cao cấp của Chính phủ và Bộ Tổng tham mưu phải cấp thời hiện diện tại đây, để giúp vùng 1 giải quyết cả loạt vấn đề đang tuột khỏi tầm tay. Thế nhưng việc rút cấp tốc Sư dù mà đích thân Tổng thống ra lệnh thì không thể trì hoãn. Tôi đã tranh cãi với Tổng thống vụ này, tôi biết, không đảo ngược được quyết định đó đâu!...

Cuộc họp rốt cuộc lại phải kéo dài. Chỉ có Tư lệnh Sư đoàn dù và Tư lệnh Sư đoàn thủy quân lục chiến rút trước để lo đốc thúc việc chuyển quân sáng mai. Các thành viên còn lại đâm đầu vào cuộc tranh cãi, hoạch định kế hoạch phòng thủ mới cho mặt trận bắc Huế. Kế hoạch trì hoãn chiến gồm ba giai đoạn do Điềm, Tư lệnh Sư 1 vạch ra, cuối cùng cũng được Trưởng và Thi chấp thuận. Kế hoạch đó như sau:

Giai đoạn một: Phòng thủ tuyến đen (tức tuyến sông Thạch Hãn). Giai đoạn này sẽ sử dụng lực lượng trù bị mạnh để hàn lại tuyến khi bị chọc thủng, sẽ bằng mọi giá bảo vệ Thành cổ Quảng Trị, động Ông Do và đồi 300.

Giai đoạn hai: Nếu bị áp lực quá mạnh, không giữ được thì trì hoãn chiến về tuyến đỏ (tuyến Mỹ Chánh).

Giai đoạn ba: Nếu tuyến Mỹ Chánh vỡ thì trì hoãn chiến về

tuyến xanh (tuyến Bắc Bình - An Lỗ) và phải cố thủ ở đây bằng mọi giá...

Từ bãi đậu trực thăng trong sân Bộ Tư lệnh Quân đoàn 1, năm chiếc HU.1A cùng lúc bốc lên. Tiếng động cơ náo động cả bầu trời Đà Nẵng, đèn hiệu trên máy bay xanh, đỏ lập lòe. Năm chiếc trực thăng cắn đuôi nhau, lượn một vòng rất thấp rồi tỏa đi đưa tư lệnh các sư đoàn về sở chỉ huy của mình.

- Trình Trung tướng! Xin Trung tướng dùng cơm chiều. Đã trễ quá rồi!

- Thôi khỏi! Cho ly Whisky!

Tợp liền mấy ly Whisky loại mạnh tới 50 độ, Trưởng đốt tiếp điếu Rubi quân tiếp vụ. Thứ thuốc tẩm nhiều heroin này, Trưởng rất ghiền. Đốt hết điếu thuốc, Trưởng uể oải bước ra sân sau, một ngày căng thẳng, mệt nhoài. Trời đã tối sẫm. Đường phố Đà Nẵng đã lên đèn từ lúc nào. Những ngọn điện giăng trên bán đảo Sơn Trà nhấp nháy, run rẩy. Một làn gió hiếm hoi đâu như từ sông Hàn thổi tới. Trưởng cởi phăng cúc áo ngực. Trưởng thấy khó thở. Không khí ong ong, ngột ngạt vô cùng. Dường như sắp có một cơn giông lớn. Trưởng đã từng du học ở Philippines, từng tốt nghiệp Học viện hỗn hợp thủy quân lục chiến ở Hawaii, từng có ba năm tu nghiệp ở học viện Fort Leonard Wood (Mỹ) và đã từng là tư lệnh một trong bốn vùng chiến thuật, thế nhưng đời binh nghiệp Trưởng chưa bao giờ thấy gay go như lúc này. Đây là lần đầu tiên Trưởng phải đối mặt trực diện với cuộc chiến. Cái mùa hè đỏ lửa năm 1972 cũng không dội lên trong Trưởng nỗi lo sợ, ám ảnh đến thế. Hồi đó, giữa lúc cuộc tiến công của Quân giải phóng ở vùng 1 lên tới cao điểm, đang làm tư lệnh vùng châu thổ, Trưởng bị Thiệu điều ra đây. Rốt cuộc năm đó Trưởng gặp may. Thành cổ Quảng Trị tuy chỉ còn là đống gạch vụn, nhưng vẫn nằm trong vùng Sài Gòn kiểm soát.

Huế và Đà Nẵng chưa bị tiến công. Thế là bỗng chốc Trưởng trở thành "người hùng của Quân lực Việt Nam Cộng hòa", thậm chí còn được CIA cho là con bài đáng giá nhất để đảm trách chức Tổng Tham mưu trưởng quân đội thay cho Cao Văn Viên (CIA muốn thay Cao Văn Viên vì Viên là kẻ ba phải, sống dung hòa, thiếu kiên quyết trong điều hành cuộc chiến). Nhưng vì Viên là người của DIA (cơ quan tình báo của quân đội Mỹ) nên giằng co chưa thay ngay được. Bắt mạch được chủ Mỹ, kể từ đấy Trưởng chú ý gây thanh thế cho mình. Trưởng mạnh dạn dùng những tướng tá giỏi dưới quyền, xây dựng bộ tham mưu trở thành bộ tham mưu mạnh, có năng lực nhất trong bốn bộ tham mưu quân đoàn của quân đội Sài Gòn. Thỉnh thoảng, Trưởng lại bày trò tự lái xe Jeep xộc xuống kiểm tra các đơn vị, đôi lúc Trưởng còn giả dạng dân thường la cà trên đường phố để nắm tình hình. Những nơi Trưởng xuống kiểm tra là những nơi trong và ven đô, an toàn và được cài cắm bảo vệ cẩn thận. Thế mà cái trò trang trí rẻ tiền ấy, cộng với sự khuếch trương của đám thuộc hạ thân tín cũng đã có những tác dụng nhất định. Thứ nhất, bọn thuộc cấp rất sợ Trưởng. Thứ nữa nó đã khoác cho Trưởng hình ảnh của một viên tướng dũng cảm, xông xáo và có ý thức xây dựng quân đội nhất của Quân lực Việt Nam Cộng hòa. Cái năm 1972 đã giúp Trưởng trở thành người hùng ấy, khác bây giờ nhiều lắm. Trưởng hiểu hơn ai hết điều đó. Để cứu vãn vùng 1 ngày ấy còn có sự tham chiến của người Mỹ. Chỉ riêng ném bom chiến thuật và B.52 thôi, mỗi ngày Trưởng cũng có tới gần 300 phi vụ hỗ trợ. Đấy là chưa kể pháo hạm (pháo của Hạm đội 7) có thể nã vào bất cứ lúc nào, vào bất cứ tọa độ nào mà Trưởng yêu cầu. Nay thì người Mỹ đã ra đi, B.52 không còn nữa. Máy bay chiến thuật có huy động tối đa cũng chỉ được vài chục phi vụ một ngày. Bởi lẽ đó, tuy cuộc tiến công của Quân giải phóng ở

vùng 1 chưa đồng loạt nổ ra, Trưởng vẫn cảm thấy chiếc thòng lọng đang thít vào cổ mình mỗi lúc mỗi chặt. Buôn Ma Thuột đột ngột thất thủ. Nếu cả Pleiku và Kon Tum cũng mất nốt thì áp lực của đối phương sẽ như trái núi lớn đè xuống vùng 1. Tình thế này khó mà giữ nổi. Trưởng thoáng có ý định từ nhiệm. Đây là lần đầu tiên trong cả quãng đời binh nghiệp, Trưởng cảm thấy thoái chí, muốn bỏ cuộc...

Lặng lẽ trở lại văn phòng, Trưởng lên máy xin nói chuyện với Thiệu, nhưng không gặp. Cuối cùng, Trưởng báo cáo nội dung buổi họp Bộ Tư lệnh chiều nay với Cao Văn Viên. Trưởng nhờ Viên trình ngay với Thiệu yêu cầu của Trưởng về việc cử gấp một phái đoàn cao cấp, do đích thân Trần Thiện Khiêm, Thủ tướng dẫn đầu ra thị sát và giải quyết các yêu cầu cấp bách của vùng 1. Trưởng được lời hứa chung chung và muôn thuở của Viên là "sẽ đáp ứng tối đa yêu cầu". Còn chuyện phái đoàn ra kinh lý vùng 1 thì Viên nói: "Cũng không thành vấn đề nữa vì Tổng thống đã tính tới vụ đó rồi"...

*

* *

Ngày 18-3, Trần Thiện Khiêm, Thủ tướng và một số bộ, thứ trưởng đáp máy bay vội vã ra Quân khu 1 để trực tiếp quan sát cuộc khủng hoảng và nhằm theo chỉ thị của Thiệu, báo cáo về sự tiến bộ bước đầu của chiến lược "nhẹ ở bên trên, nặng ở bên dưới" mà Thiệu đưa ra. Ghé qua Nha Trang, Khiêm không thấy gì là tiến bộ. Ba ngày nay, kể từ khi chạy ở Pleiku về, Phú rối bời đầu óc, suốt ngày ẩn mình trong văn phòng, trong lúc những tin tức bi thảm về cuộc rút quân trên đường 7 "điện về như thác đổ". Phú không còn đầu óc đâu mà

bàn chuyện dông dài và tiếp đón lịch sự ngài Thủ tướng với các thành viên trong nội các tháp tùng được. Tới Đà Nẵng cũng không hay ho gì hơn, khi Trưởng ngay từ câu mở đầu đã nói toẹt với Khiêm rằng cuộc tiến công của Quân giải phóng vào Huế và Đà Nẵng sắp nổ ra, chỉ nay mai thôi. Khiêm quá kinh hãi, yêu cầu Trưởng đáp máy bay vào ngay Sài Gòn để trực tiếp gặp Thiệu càng sớm càng tốt. Ở Đà Nẵng, Khiêm còn gặp các thị trưởng, tỉnh trưởng và quan chức các cấp của bộ máy chính quyền Sài Gòn tại vùng 1. Các quan chức địa phương đã thúc ép, chất vấn Khiêm là họ có được phép cho dân chúng, đặc biệt là vợ con công chức, cán bộ và binh lính ở địa phương di tản hay không? Khiêm không trực tiếp trả lời câu hỏi này mà nói là sẽ quyết định thành lập ngay một phái đoàn cao cấp của chính phủ do một Phó Thủ tướng cầm đầu đóng ở Đà Nẵng để giúp giải quyết vấn đề tị nạn. Bộ trưởng Giao thông công chính cùng dự họp được lệnh thuê và trưng thu tất cả tàu thuyền cần thiết dùng vào việc vận chuyển dân chúng. Tuy nhiên chẳng có phái đoàn cao cấp nào ra đóng ở Đà Nẵng cả.

Trực thăng đáp xuống bãi cỏ trên sân trước Dinh Độc Lập. Máy bay vừa chạm càng xuống đất, động cơ chưa tắt hẳn, cánh quạt còn đang đà quay, Ngô Quang Trưởng đã nhảy ra.

- Chào Trung tướng!

- Xin chào!

Vừa đáp lời chào của đám quan chức quen biết đang tụ tập ở thềm dinh, Trưởng vừa bước hai ba bậc thềm một. Vừa thấy Trưởng, cửa phòng tác chiến đã được mở hé ra. Tiếng Thiệu vọng ra, gay gắt:

- Sao không kiểm duyệt? Sao không hốt báo? Loạn, loạn! Thế này thì loạn, loạn hết!

- Trình Tổng thống! Tư lệnh Quân đoàn 1 có mặt!

Thiệu không đáp chỉ gật đầu chào Trưởng, rồi quay lại tiếp tục câu chuyện với Viên, Khiêm và Hoàng Đức Nhã đang có mặt trong phòng. Trưởng hơi hẫng, nhưng ngay lúc đó Nhã đã lên tiếng:

- Mời Trung tướng! Tổng thống đang chờ!

- Chào anh! - Trưởng bắt tay Nhã rồi kéo ghế ngồi cạnh. Kể từ khi Nhã bị Thiệu cách chức Bộ trưởng Thông tin chiêu hồi, Trưởng mới gặp lại Nhã. Ngày đó (3-2-1975), chín tờ báo Sài Gòn đã vượt qua sự kiểm duyệt, đăng toàn văn "Bản cáo trạng số 1" của phong trào chống tham nhũng với chữ ký của 301 linh mục tố cáo đích danh bốn trọng tội của Thiệu. Các báo bị tịch thu tức khắc nhưng nhiều tờ vẫn lọt, làm náo động cả Sài Gòn. Khắp các quán nhậu, tiệm cà phê đâu đâu cũng thấy người ta bàn tán về năm trọng tội tham nhũng của vợ chồng Thiệu và những kẻ thân tín: chiếm dụng nhà cửa trái phép; hốt của trong việc đổi chác đất đai; đầu cơ tích trữ phân bón, lúa gạo; thâm lậu tiền trong việc xây cất bệnh viện "vì dân"; chỉ huy mạng lưới buôn lậu rộng lớn, đặc biệt là buôn thuốc phiện.

Thiệu hốt hoảng ra lệnh đình chỉ tức khắc các cuộc điều tra của Quốc hội về những lời tố cáo này, mặc dù Thiệu vừa tuyên bố: "Tham nhũng là một quốc hận, một quốc nhục. Nếu bà con, cô bác, vợ con tôi tham nhũng hay vi phạm pháp luật thì pháp luật cứ trị. Tôi không bênh vực cũng không bao che". Để xoa dịu dư luận, Thiệu cách chức liền một lúc 377 tướng tá vì tội tham nhũng. Thế nhưng đó chỉ là "những con cá bé", những kẻ không ăn cánh; "ba con cá lớn" bị cách chức ở chỗ này, lại được chuyển ngay sang chỗ khác với các chức vụ tương đương. Trong ba bộ trưởng bị phế bỏ: Bộ trưởng Thương mại và Công nghiệp, Bộ trưởng Tài chính, Bộ trưởng Thông tin chiêu hồi thì Hoàng Đức Nhã, cháu ruột Thiệu vẫn là một trong hai cố vấn thân cận nhất của Thiệu.

Sự có mặt của Nhã trong những cuộc họp cơ mật như hôm nay là một ví dụ. Trưởng hiểu. Trưởng thấy cần phải tranh thủ Nhã. Nhã cho Trưởng biết nguyên do cơn thịnh nộ của Thiệu chính là vì tờ *Chính Luận* đang đặt trên bàn kia. Sáng nay, các báo xuất bản ở Sài Gòn đều đưa tin về cuộc họp báo chiều qua của Bộ Thông tin chiêu hồi về tình hình chiến sự tại Tây Nguyên. Tại cuộc họp, Lê Trung Hiền, phát ngôn viên quân sự của Thiệu tuyên bố: "Không có lệnh nào bỏ rơi Pleiku, Kon Tum. Chuyện đó không hề có. Một số đơn vị quân đội được di chuyển chỉ là vì lý do kỹ thuật. Sở chỉ huy Quân đoàn 2 và các đơn vị quân đội vẫn còn ở lại để phòng thủ Pleiku, Kon Tum". Thế nhưng, riêng tờ *Chính Luận* ra sáng ngày 19-3 lại tung ra một quả bom: đó là bài tường thuật về cuộc rút chạy khỏi Pleiku của Nguyễn Tú, đặc phái viên bản báo và là phóng viên duy nhất có mặt trong đoàn người di tản. Từ Phú Bổn, tại một điểm dừng chân trên đường rút lui, sáng 18-3, Nguyễn Tú đã gọi được về tòa soạn bài tường thuật đầu tiên của mình, tả lại chi tiết cuộc triệt thoái khỏi Pleiku và thảm cảnh của đoàn người di tản trên con đường 7B kinh hoàng. Trong lời nói đầu, tờ *Chính Luận* cho biết là Nguyễn Tú phải sống trọn nỗi kinh hoàng trên con đường di tản, nên trong lúc gọi điện thoại đã nhiều lần phải dừng lại vì quá xúc động. Bài báo của Nguyễn Tú cho biết: "... Từ chiều tối ngày 16-3, Pleiku đã thực sự hỗn loạn. Tất cả dân chúng đổ xô ra đường, hốt hoảng chất đầy hàng hóa, bàn ghế, tủ giường và vật dụng thiết yếu lên đủ mọi thứ xe. Từ trưa, lực lượng an ninh trong thị xã Pleiku như quân cảnh, cảnh sát đã bỏ tất cả nhiệm sở, không còn bóng một ai. Không còn một nhân viên công lực nào trên đường phố. Liên lạc vô tuyến điện ngưng trệ vì các nhân viên điện báo truyền tin cũng bỏ việc, chạy về lo di tản gia đình. Từ trưa ngày 16-3, các xe ôtô đã chuyển bánh đi về Phú Bổn và tới 20 giờ đêm

thì sự bỏ chạy của toàn thể dân chúng mới bắt đầu. Các kho xăng, kho đạn ở Pleiku được lệnh phá hủy. Trong tiếng nổ dữ dội kéo dài, khói đen kìn kịt bốc lên trong ánh lửa đỏ ngợp trời của các kho xăng đang bốc cháy đùng đùng. Các toán hôi của sục sạo khắp đường phố, cướp của, phóng hỏa đốt các nhà dân khiến khung cảnh càng thêm kinh hoàng, hỗn loạn. Đoàn xe di tản hàng ngàn chiếc, xe dân sự chen lấn cả xe quân sự cùng hàng chục vạn người hỗn loạn, kéo dài tít mù tắp chạy về hướng Phú Bổn. Kể từ 20 giờ ngày 16-3, Pleiku đã chính thức bị bỏ ngỏ trong bóng đêm bịt bùng vì không còn điện, chỉ còn những cột lửa khói bốc lên mù mịt đất trời...".

Báo vừa ra đã hết sạch. Cả Sài Gòn nháo lên tìm đọc, Thiệu như bị đánh trúng tim. Thiệu đang tìm cách bưng bít cuộc rút lui đại bại này. Vậy mà...

Thiệu gạt tờ *Chính Luận* sang một bên, bài của Nguyễn Tú đăng trên trang nhất, bị Thiệu gạch chéo bằng bút dạ đỏ. Uống hết cốc nước sâm pha loãng, Thiệu hắng giọng nói với cả bọn:

- Phú đã làm rã Quân đoàn 2. Chỉ có rút lui cũng không xong. Bộ Tổng tham mưu phải lập ngay một ủy ban điều tra đặc biệt về vụ này!

Viên hỏi:

- Trình Tổng thống! Điều tra về trách vụ của Tướng Phú?

- Không, điều tra về toàn bộ cuộc lui binh. Anh phải trả lời được cho tôi vì sao cuộc lui binh lại tiến hành tồi tệ đến thế? Trách nhiệm của Tướng Phú, của các chỉ huy trưởng trong cuộc lui binh? Cần rút kinh nghiệm ngay cho các quân đoàn khác, trước hết là Quân đoàn 1 của Tướng Trưởng đây!

Bực dọc về thái độ tiếp đón lạnh nhạt của Phú chiều qua khi từ Đà Nẵng về ghé qua Nha Trang, Khiêm nói với Thiệu:

- Trình Tổng thống! Trong lúc chờ đợi truy cứu trách nhiệm của Tướng Phú, tôi thấy ta nên chọn tướng khác làm Tư lệnh Quân đoàn 2 thay cho Tướng Phú.

Thiệu cau mặt:

- Không có ai thay Phú cả. Chuyện đó lúc này không còn thành vấn đề nữa. Cái ta cần bàn là việc ứng phó với tình hình đang xấu đi nghiêm trọng ở vùng 1.

Thiệu đứng dậy, đi đi lại lại, hai tay chắp sau lưng. Tới trước tấm bản đồ, Thiệu gật gù suy nghĩ một lúc rồi quay lại nói:

- Buôn Ma Thuột thất thủ. Cả vùng Tây Nguyên cũng đã mất. Bây giờ thì không thể nói tới chuyện tái chiếm lại Buôn Ma Thuột nữa, nhưng phải chặn ngay bước tiến của cộng sản lại. Người Mỹ đòi hỏi phải có chiến thắng để chứng minh Quân lực Việt Nam Cộng hòa có thể đứng vững được. Có vậy thì Quốc hội Mỹ mới thông qua khoản viện trợ bổ sung 720 triệu đôla, mới tiếp tục đổ của, đổ vũ khí vào. Nhưng làm sao mà tạo dựng được chiến thắng? - Thiệu dừng lại nhìn cả bọn. Không thấy ai lên tiếng, Thiệu nói tiếp - Tình thế này trước hết phải giữ cho bằng được Quân khu 1. Nếu không sẽ mất hết, mất vũ khí, đôla và cả miền Nam này. Không được rút lui nữa. Quốc gia đang trên bờ vực thẳm. Hôm nay tôi mời Trung tướng Trưởng đích thân về đây, để cùng duyệt xét lại tình hình vùng 1. Xin mời Trung tướng!

Trưởng đáp:

- Ngày hôm qua, phái đoàn nội các của Thủ tướng Khiêm ra thị sát vùng 1, tôi đã tường trình đầy đủ. Tình thế này thì ngay việc cố thủ Đà Nẵng không thôi, Quân đoàn 1 cũng khó mà đảm trách.

Thiệu trừng mắt:

- Cộng sản chưa tấn công, anh đã tính chuyện rút về cố thủ ở

Đà Nẵng? Quân đoàn 1 chưa sứt mẻ, anh còn nắm trong tay ba sư đoàn bộ binh, một sư đoàn thủy quân lục chiến, một sư đoàn không quân, một lữ đoàn thiết giáp với bốn liên đoàn biệt động quân. Với quân số đó anh hoàn toàn có thể cố thủ cả Đà Nẵng và Huế.

Trưởng trải tấm bản đồ mang theo ra bàn, trình bày lại toàn bộ với Thiệu về tình hình vùng 1, như đã trình bày với Khiêm sáng hôm qua và kết luận:

- Có tin, ngày 16-3, cộng sản tiến công vào Huế. Nhưng chưa rõ sao hôm nay trận chiến chưa nổ ra. Quân đoàn 1 đã dự liệu mọi khả năng, đã lập ba tuyến phòng thủ trì hoãn chiến ở Quảng Trị về bắc Huế. Nhưng trước áp lực rất nặng của sáu sư đoàn địch trong vùng, đặc biệt là những xáo động tâm lý quá mạnh thì khó mà giữ được Huế.

- Những xáo động gì vậy? - Thiệu hỏi.

- Trình Tổng thống! Chấp hành nghiêm lệnh của Tổng thống, Quân đoàn 1 đã điều ngay Sư thủy quân lục chiến về Đà Nẵng thế chân để đưa Sư dù về Sài Gòn. Lữ đoàn thủy quân lục chiến đầu tiên vừa rút, đã xuất hiện ngay làn sóng di tản từ Quảng Trị tràn về Huế. Làn sóng di tản, ảnh hưởng từ tin đồn chia cắt đất đai, việc Buôn Ma Thuột thất thủ, nhất là cuộc rút bỏ Pleiku, Kon Tum đã làm xáo động mạnh toàn vùng. Dân chúng càng tin vào lời đồn đại là quốc gia đã ngấm ngầm cắt vùng 1 cho cộng sản. Thế là trận chiến chưa nổ ra đã ào ạt dòng người chạy về phía nam mà phần lớn là họ hàng, thân quyến gia đình binh sĩ. Nếu không giải quyết được thì ý chí chiến đấu của binh lính sẽ suy sụp. Bài toán đó, hôm qua hiện diện tại vùng 1, phái đoàn của Thủ tướng Khiêm đã tường tận. Tất cả đều thấy không dễ gì mà giải đáp!

Thiệu khoát tay cắt ngang lời Trưởng:

- Vụ người di tản sẽ giải quyết ngay. Thủ tướng Khiêm đã

lệnh trưng thu tất cả tàu thuyền để giải tỏa người di tản ở Đà Nẵng. Sẽ có một phái đoàn của Chính phủ do một phó thủ tướng dẫn đầu ra Đà Nẵng giải quyết vụ này. Nhưng tôi hỏi anh, giải quyết được vấn đề người tị nạn, anh có giữ được Huế và Đà Nẵng không?

Trưởng không trả lời ngay vào câu hỏi mà lái Thiệu qua chuyện khác:

- Trình Tổng thống! Tôi nghe nói Sài Gòn không chỉ rút Sư dù mà còn định rút cả Sư thủy quân lục chiến khỏi vùng 1?

Bất ngờ bị Trưởng hỏi trúng tim đen, Thiệu hơi sững người, nhưng lấy lại thăng bằng rất nhanh, cười xòa, giọng tỉnh không:

- Không! Không hề có chuyện đó. Làm gì có chuyện rút thủy quân lục chiến. Sư thủy quân lục chiến sẽ vẫn ở lại vùng 1.

- Nếu có trong tay cả Sư thủy quân lục chiến và không bị làn sóng người di tản tràn ngập, tôi có thể giữ được Đà Nẵng!

- Không! - Thiệu đấm tay xuống bàn, giọng gay gắt - Không chỉ Đà Nẵng mà anh còn phải giữ cả Huế. Tôi nhắc lại, anh phải giữ cả Huế. Ngày mai tôi sẽ lên đài tuyên bố với quốc dân: Huế sẽ được bảo vệ tới người lính cuối cùng - ngừng một lát, Thiệu lại nói tiếp, giọng hạ xuống - Thế cuộc đặt cả vào trận chiến này. Cũng như năm 1972, gánh nặng thành bại giờ đặt cả nơi anh...

Viên đưa mắt nhìn Khiêm. Khiêm lắc đầu một cách kín đáo. Cả hai đều thấy ngượng về những lời lên gân dối trá của Thiệu. Vừa mới hôm qua Thiệu bàn với Khiêm và Viên là sau khi Sư đoàn dù hoàn tất việc chuyển quân, sẽ rút tiếp Sư đoàn thủy quân lục chiến về Sài Gòn, là Quân đoàn 1 phải tính tới khả năng bỏ Huế rút về cố thủ Đà Nẵng. Vậy mà bây giờ Thiệu lại nói như đinh đóng cột với Trưởng là, không hề có ý định rút thủy quân lục chiến, rằng "Huế sẽ phải bảo vệ tới người lính cuối cùng!".

*

* *

Như cơn bão lớn, tin Quân đoàn 2 rút chạy khỏi cao nguyên làm rung động cả Sài Gòn và các thành thị miền Nam. Sự xáo xác và nhớn nhác đó Trưởng thấy rõ trên đường phố, trên nét mặt lo âu của các quan chức qua tiếp xúc trong chuyến công cán chớp nhoáng này. Cùng ngày Trưởng về Sài Gòn, hàng không Việt Nam loan báo tăng thêm các chuyến bay tới Huế và quá về phía nam với Quy Nhơn, Nha Trang là nơi bắt đầu xuất hiện những dòng người di tản đầu tiên. Cùng với những chuyến bay dồn dập về phía nam là một cầu hàng không mới được thiết lập cho cuộc rút chạy xảy ra, có thể chỉ nay mai thôi với Đà Lạt. Thoắt một cái, Nam Việt Nam đã mất đứt đi hơn 40.000 kilômét vuông. Chỉ trong có mấy ngày mà bản đồ bị đảo lộn lung tung. Bản đồ đất đai, bản đồ quân sự, bản đồ chính trị và bản đồ con người nữa chứ. Hơn nửa triệu con người kéo chạy chứ có ít đâu. Qua cửa sổ trực thăng, Trưởng nhìn thấy dòng người đen đặc với cơ man xe pháo, ùn chảy trên con đường đất đỏ vắt giữa các triền núi và thung lũng. Dù thảm cảnh nhưng cũng còn có một con lộ hàng tỉnh gồ ghề đó để mà rút. Còn Đà Nẵng giờ đây chơ vơ như một hòn đảo. Đường bộ bị cắt, đường không bị khống chế, chỉ còn đường biển. Nhưng tàu bè đâu mà hốt cùng lúc cả triệu con người. Chỉ chen chúc ở cầu tàu cũng đủ chết. Chỉ mới thoáng nghĩ, Trưởng đã rùng mình. Trực thăng bay thấp, động cơ như chiếc máy nổ phành phạch bên tai cũng không phá vỡ được dòng suy nghĩ miên man của Trưởng. Ăn cơm trưa xong, Khiêm tiễn Trưởng ra tận máy bay. Trước lúc cất cánh, nhoài ra cửa bắt tay Khiêm, Trưởng đã sững người nghe Khiêm buông lửng một câu: "Trung tướng cần tính đến khả năng phòng thủ Huế, Đà Nẵng mà không có sự tham chiến của Sư thủy quân lục chiến!".

- Sao Tổng thống vừa nói để thủy quân lục chiến lại vùng 1 đến cùng?

Đáp lại, Khiêm nở một nụ cười khó hiểu:

- Ở miền Nam, cái xứ sở của những chuyện nửa vời này, điều gì cũng có thể xảy ra cả Trung tướng ạ!

Tâm trạng bồn chồn, nặng trĩu, càng suy nghĩ, Trưởng càng thấy không thể tin Thiệu được. Thiệu là một kẻ gian hùng, ranh ma quỷ quyệt, luôn tạo ra một khoảng cách trong các quyết định của mình, để rồi nói một đằng, làm một nẻo. Thiệu tuyên bố không muốn nói chuyện với cộng sản, nhưng lại cử phái đoàn đàm phán tới Paris. Thiệu tuyên bố không nhượng cho cộng sản một tấc đất nào, nhưng lại để mất cả Lộc Ninh, Phước Long, Buôn Ma Thuột và đùng đùng tháo chạy khỏi Tây Nguyên. Thiệu chủ trương không bao giờ chấp nhận một kiểu liên hiệp nào với cộng sản, thế nhưng Thiệu lại ký Hiệp định Paris, quyết định thành lập hội đồng hòa hợp hòa giải gồm ba thành phần. Thế rồi vừa ký xong, Thiệu lại quay lại bám chặt vào cái đường lối không liên hiệp của Thiệu. Với Quân khu 1 cũng vậy. Vừa tuần trước Thiệu tuyên bố Quân đoàn 1 có thể chỉ cần cố thủ Đà Nẵng, bây giờ lại nói phải bảo vệ cả Huế và phải bảo vệ đến chết. Thiệu vừa thỏa thuận hoãn thời gian rút lính dù xong, lại điện hỏa tốc điều ngay Sư dù về Sài Gòn. Miệng Thiệu nói để thủy quân lục chiến lại vùng 1, nhưng bụng Thiệu - như Khiêm tiết lộ, lại quyết định điều Sư thủy quân lục chiến về Sài Gòn...

Trưởng thấy mình không phải ở giữa mà trúng cả hai làn đạn cùng một lúc. Huế thơ mộng giờ đây chính là cái pháp trường mà Thiệu đẩy Trưởng ra. Cuộc tiến công của Quân giải phóng vào Huế chỉ còn tính từng giờ. Đời binh nghiệp, không khéo thì cả tính mạng của Trưởng sẽ kết liễu ở đây. Giả sử như

có phép màu nào đó mà giữ được Huế thì công đó Thiệu sẽ trọn hưởng, vì Thiệu đích thân hô hào "bảo vệ Huế đến chết". Nếu Huế mất thì đó sẽ là cớ để Thiệu trừ khử Trưởng, vì đã "bất tuân thượng lệnh". Thiệu đúng là "một kẻ tàn ác vừa hung dữ vừa quỷ quyệt" - Càng nghĩ Trưởng càng thấy Trần Văn Đôn nói đúng...

- Xin mời Trung tướng!

Tiếng tên vệ sĩ nhắc làm Trưởng sực tỉnh. Máy bay đáp xuống sân Bộ Tư lệnh Quân đoàn từ lúc nào. Động cơ đã tắt hẳn, Trưởng mệt mỏi bước ra khỏi máy bay. Đang, Tham mưu trưởng cùng đám sĩ quan tùy tùng chờ sẵn.

- Trình Trung tướng, tôi có mặt!

- Sao? Tình hình mấy giờ qua ra sao ông Đang?

- Trình Trung tướng, có điện khẩn của Tướng Thi!

- Tướng Thi hiện ở đâu?

- Dạ thưa, đang ở Bộ Tư lệnh tiền phương! Tướng Thi điện về hồi 13 giờ, sau loạt pháo kích đầu tiên của cộng sản vào Huế!

- Sao? Việt cộng đánh Huế rồi sao? - Trưởng hỏi giọng hốt hoảng.

- Không! Huế mới bị pháo kích, nhưng chiến xa Việt cộng từ Cửa Việt đã đánh xuống Hải Lăng, Mỹ Chánh.

Vào văn phòng, Trưởng quăng mũ trên bàn, nói với Đang:

- Gọi trực ban tiền phương. Nói Tướng Thi tôi chờ ở đầu dây!

Máy lạnh xả, quạt trần quay vù vù, nhưng Trưởng vẫn thấy nóng bức. Trưởng vừa cởi áo ngoài vừa đọc lướt bức điện của Thi thông báo tình hình chiến sự mấy giờ qua ở Quảng Trị và bắc Huế.

- Xin mời Trung tướng nói chuyện! - Đang đưa ống nói tới trước mặt Trưởng.

- A lô! Tôi nghe đây!

- Dạ, thưa Trung tướng tư lệnh!

- Xin chào Chuẩn tướng, tôi nghe đây! - Trưởng đáp.

- Báo cáo Trung tướng tư lệnh, hoạt động của cộng sản ở mặt trận Quảng Trị và bắc Huế rộ lên kể từ 0 giờ 30 phút sáng nay. Khu vực Lữ đoàn 14 thủy quân lục chiến bị tiến công mạnh. 1 giờ sáng, những đại đội ở Như Lệ, La Vang mất liên lạc với liên đoàn. 11 giờ 30 phút tiểu khu trưởng Quảng Trị báo cáo mất liên lạc với địa phương quân, các đơn vị này đã tự động rút chạy, chiến xa của Quân giải phóng đã vào Gia Đẳng, Mỹ Thủy và Hội Yên. Cùng lúc, Liên đoàn 14 biệt động quân báo cáo bộ binh Quân giải phóng đã vào La Vang và Thành cổ Quảng Trị. Tình hình khu vực rối loạn. Lính và dân ùn ùn chạy về Huế theo quốc lộ 1. Từ 13 giờ, cộng sản bắt đầu pháo kích Huế.

- Sao? Tại sao không tung ngay lực lượng ứng cứu chặn địch lại?

- Báo cáo Trung tướng, tôi và Tướng Điềm đã cho trì hoãn chiến về tuyến đỏ. Đã lệnh cho Lữ đoàn 147 thủy quân lục chiến ở Thuận An đang chờ xuống tàu về Đà Nẵng, quay lại tăng cường phòng thủ tuyến đỏ. Tôi cũng đã cho tăng viện thêm chiến xa và một trung đoàn địa phương quân lên tuyến này.

- Sao? Tình hình tuyến đỏ hiện ra sao? Anh và Tướng Điềm dự liệu thế nào về khả năng mười hai giờ tới?

- Tình hình hiện tại yên tĩnh. Nhưng áp lực của địch rất mạnh. Tướng Điềm có ý thỉnh thị Trung tướng cho chủ động rút về tuyến xanh, để có thời gian xốc lại lực lượng cố thủ tại đây!

- Không được! Không được rút nữa. Tôi vừa ở Sài Gòn về. Tổng thống lệnh phải bảo vệ Huế bằng mọi giá. Nếu rút về tuyến xanh để có thời gian tổ chức cố thủ, cộng sản tràn xuống, Huế sẽ vỡ vì áp lực của đối phương. Sáng mai Bộ Tư lệnh sẽ họp

về tình hình bắc Hải Vân. Họp tại Hương Điền (Bộ Tư lệnh Quân đoàn 1 tiền phương và Bộ Tư lệnh Sư thủy quân lục chiến đóng tại Hương Điền). Anh triệu Tư lệnh Sư dù, Sư thủy quân lục chiến, Sư 1 và tiểu khu trưởng Quảng Trị. Đúng 9 giờ sáng mai tôi có mặt...

Đám nhà báo tập trung lố nhố trong sân tòa thị chính Huế. Đại tá Duệ, Thị trưởng Huế đứng trên hành lang, nét mặt đăm chiêu. Cả tuần nay, Huế nín thở trong chờ đợi, lo âu. Những đoàn người di tản, mặt mày hốc hác kéo vào, mang theo cơn lốc của đủ thứ tin đồn, đã làm tăng nhiệt độ cơn sốt của Huế. Giá cả tăng vọt. Thành phố rối như canh hẹ. Người dân Huế vốn kín đáo, trầm mặc, đi lại chậm rãi, khoan thai bỗng chốc trở nên vội vã, hốt hoảng như người mất cắp. Nhân viên ngân hàng thiếu nước chết ngạt trước cả ngàn người chen lấn rút tiền. Không ai muốn chậm trễ để rồi mất trắng như Buôn Ma Thuột, Pleiku, Kon Tum. Một tiểu đội cảnh sát dã chiến được điều tới cũng không sao thiết lập được trật tự. Nhiều người đã ngất xỉu trước khi chen được tới bàn kiểm ngân. Chỉ một ngày 18-3 đã hết veo hơn 200 triệu bạc, Kỹ thương ngân hàng Huế hốt hoảng vội trương lên tấm bảng "đã di tản vào Sài Gòn". Cả ngàn người chưa rút được tiền chỉ còn biết kêu trời. Thế rồi hồi chuông báo tử đã vang lên. Ngay sau loạt đạn pháo đầu tiên của Quân giải phóng, sân bay Phú Bài tuyên bố đình hoãn vô thời hạn mọi chuyến bay. Phút cáo chung của chính quyền Sài Gòn tại Huế đã đến. Các nhà báo đổ xô tới chất vấn Thị trưởng Huế về tình hình phòng thủ thành phố. Không trả lời được hàng loạt câu hỏi của đám phóng viên, Đại tá Duệ vung tay, bực dọc:

- Làm cái gì mà nháo lên thế! Chút nữa Tư lệnh Quân khu đến. Trung tướng Ngô Quang Trưởng sẽ đáp ứng mọi yêu cầu của các ông!

Nói xong, Duệ quay ngoắt đi, mặt lạnh đanh nhìn về hướng bắc. Lúc sau, từ phía đó vang lên tiếng lạch phạch của động cơ trực thăng. Chiếc HU.1A đáp xuống sân tòa thị chính. Ngô Quang Trưởng trong bộ quân phục lính dù, vừa nhảy ra khỏi máy bay, đã bị đám nhà báo quây chặt. Trưởng ngỡ ngàng. Trên đường từ Bộ Tư lệnh Quân đoàn 1 tiền phương về Đà Nẵng, Trưởng định ghé qua gặp Duệ ra chỉ thị phòng thủ Huế, nào ngờ lại bị các nhà báo đón lõng thế này. Một loạt câu hỏi chất vấn Tướng Trưởng:

- Chính phủ có ý định bỏ Huế như bỏ Pleiku, Kon Tum không?

- Trước áp lực đối phương, Huế sẽ được phòng thủ như thế nào?

- Làm sao ngăn được những cuộc pháo kích vào Huế?

- Các viên chức có được di tản khỏi Huế không? Di tản về đâu? Ai tiếp tục trả lương? Tiền mắc kẹt trong ngân hàng giờ lãnh ở đâu?

- Đường không đã hủy bỏ, nếu quốc lộ 1 bị cắt ở đèo Hải Vân, cuộc di tản khỏi Huế sẽ được tiến hành bằng đường nào và bằng phương cách nào?

Hai tay chống nạnh, khuỳnh khuỳnh, Trưởng đưa cặp mắt nhìn khắp một lượt. Trước đám nhà báo với máy ảnh lóe sáng, máy quay phim chạy xè xè, máy ghi âm chìa vào tận mặt, phút chốc Trưởng bỗng nổi máu yêng hùng. Những mụn trứng cá nổi trên mặt như đỏ tím lại. Trưởng thấy mình quan trọng, cứ như "vị cứu tinh dân tộc". Tay phải giật phắt chiếc mũ to của Mỹ đang chụp trên đầu cho khỏi vướng mắt, tay trái khoát mạnh ra hiệu cho tất cả im lặng, Trưởng tuyên bố - giọng nói ồm ồm và khàn khàn không thích hợp lắm với cái vẻ dõng dạc mà Trưởng cố tạo ra trong lời tuyên bố của mình:

- Không có chuyện bỏ Huế, Chánh phủ không bao giờ bỏ cố đô Huế. Các ông đừng có mắc lừa giọng lưỡi tuyên truyền của cộng sản. Các tướng lãnh Bộ Tư lệnh Quân đoàn 1, Quân khu 1 vừa họp đã quyết định dùng tối đa hỏa lực, phi pháo và chiến xa tiêu diệt địch, cố thủ Huế đến cùng, bảo vệ Huế đến chết. Bọn hèn nhát cứ việc mà bỏ chạy. Tôi và các chiến hữu sẽ ở lại đến cùng với mảnh đất này. Việt cộng muốn vô Huế phải bước qua xác Ngô Quang Trưởng - vừa nói Trưởng vừa đấm ngực thình thịch.

Các nhà báo còn đang ngớ ra trước những lời tuyên bố như từ trên trời rơi xuống ấy, thì Trưởng đã gạt phăng mọi người nhảy tót lên máy bay. Đại tá Duệ rẽ các nhà báo lật đật chạy tới. Nhưng Trưởng đã gạt bỏ ý định gặp Duệ như đã điện hẹn. Chiếc HU.1A người Mỹ cấp riêng cho Trưởng nổ máy, cánh quạt quay tít. Duệ và các nhà báo dạt vội lên hành lang vì gió quạt rất mạnh. Chiếc trực thăng bốc lên, lượn một vòng trên bầu trời Huế, rồi mất hút về phía Đà Nẵng. Đây là lần cuối cùng người ta thấy mặt Trưởng ở Huế.

*

* *

Trưởng vừa buông ống nghe thì chuông báo có khách vang lên. Trưởng vẫn ngồi trên bàn, cạnh máy điện thoại, chân trái đặt lên ghế, chân phải buông thõng xuống đất. Chuông lại réo.

- Cứ vào!

Cửa mở, Đang, Tham mưu trưởng bước vào, dáng vội vã.

- Trình Trung tướng! Có điện khẩn.

Trưởng mệt mỏi và ngạc nhiên:

- Sao, Đại tá? Điện gì vậy? Tôi vừa nói chuyện với Tổng thống! - Trưởng nhìn Đang rồi hất hàm về máy điện thoại.

- Dạ thưa, không phải điện của Tổng thống, điện của Đại tướng Cao Văn Viên!

Trưởng vẫn ngồi trên bàn, giơ tay đón bức điện. Đưa điện xong, Đang vừa quay gót, Trưởng đã gọi lại:

- Đại tá! Đại tá cứ ở lại. Ta có chuyện cần bàn - Vừa nói Trưởng vừa ra hiệu về chiếc ghế xoay trước mặt.

Đọc chưa hết bức điện, Trưởng đã ngẩng lên cau mày nhìn Đang. Không chờ Trưởng lên tiếng, Đang nói luôn:

- Trình Trung tướng, tôi cũng thấy rất lạ. Bức điện này... nói tới đấy Đang ngừng bặt vì thấy Trưởng đã cúi xuống chăm chú xem tiếp. Trưởng đọc đi đọc lại bức điện.

CÔNG ĐIỆN MANG TAY

Tuyệt mật

15 giờ 45 phút ngày 20-3-1975

Nơi gửi: BTTM-phòng 3

Nơi nhận: BTL-QĐI+QKI

Thông báo: VP Tổng thống

VP đại tướng: TTMT-QLVNCH

Bản văn số 9.428-TTM-P341

Xin chuyển đến quý Bộ Tư lệnh Chỉ thị của Tổng thống VNCH

Thứ nhất: Phương tiện eo hẹp về không quân và hải quân chỉ cho phép yểm trợ 1 (một) Enlave mà thôi. Vậy nên mener trì hoãn chiến về tuyến đèo Hải Vân nếu tình hình cho phép.

Thứ hai: Đáp nhận và hiểu Chỉ thị này.

Đại tướng Cao Văn Viên

TTMT-QLVNCH

Trưởng đưa bức điện lại cho Đang:

- Đại tá thấy thế nào?

- Dạ, thưa Trung tướng muốn nói về điểm một của nội dung bức điện?

- Đúng! Đại tá hiểu thế nào về điểm một trong chỉ thị này?

- Trình Trung tướng! Tôi thấy khó hiểu. Sài Gòn nói chỉ có thể yểm trợ một Enlave. Tất nhiên đó là Đà Nẵng. Lại nữa nói nếu cần thì trì hoãn chiến về tuyến đèo Hải Vân. Thế có nghĩa khi cần có thể bỏ Huế. Trong lúc đó, lệnh của Tổng thống như Trung tướng truyền đạt trong cuộc họp Bộ Tư lệnh Quân đoàn 1 tiền phương sáng nay, lại là bảo vệ Huế đến chết?

Trưởng gật đầu:

- Đúng! Mâu thuẫn chính là ở điểm đó. Cách đây chỉ ít phút, nói chuyện trực tiếp với tôi bằng điện đàm, Tổng thống còn kiên quyết ra lệnh giữ Huế đến cùng. Tôi không ngăn thì tối nay Tổng thống đã lên đài công khai tuyên bố bảo vệ Huế đến chết. Trong lúc đó công điện bằng bản văn này lại hoàn toàn ngược lại. - Dừng một lát, Trưởng nói tiếp - Cái nguy hiểm nữa, đặc biệt nguy hiểm còn là ở chỗ nó rất lập lờ. "Nên trì hoãn chiến về tuyến đèo Hải Vân nếu tình hình cho phép". Hiểu thế nào về câu này? Cũng có thể hiểu là phải nhanh chóng bỏ Huế rút về phòng thủ tuyến đèo Hải Vân, trước khi cộng sản chốt chặn con đường huyết mạch này. Thế đấy! - Trưởng lắc đầu, cười nhạt, nụ cười đầy vẻ khinh miệt.

Trưởng đẩy cốc lớn vừa rót đầy bia, tăm sủi tràn cả ra ngoài về phía Đang.

- Mời Đại tá!

- Xin chúc sức khỏe Trung tướng!

Cả hai chạm cốc, uống một hơi cạn. Trưởng hỏi Đang, giọng có vẻ thân mật:

- Đại tá có cho rằng chúng ta bảo vệ được Huế không?

- Dạ thưa Trung tướng, nếu...

Trưởng cắt lời:

- Không có chữ "nếu". Chiến tranh chỉ có sắt thép, không có chữ "nếu". Kẻ nào mạnh hơn kẻ đó thắng!

- Ý Trung tướng muốn nói lúc này ở vùng 1 cộng sản mạnh hơn quân đội quốc gia?

Trưởng không trả lời mà rót tiếp bia mời Đang. Thấy Trưởng lúc này có vẻ cởi mở, Đang dò tiếp:

- Rốt cuộc Tổng thống đã chịu nghe Trung tướng, không công khai tuyên bố bảo vệ Huế nữa?

- Không! Tôi chỉ khuyên Tổng thống hoãn bài diễn văn "Bảo vệ Huế đến chết" lại. Chờ vài hôm tình hình sáng sủa lên đã.

- Còn bức điện, thưa Trung tướng, có nên phổ biến cho các tư lệnh?

- Không! Làm chuyện đó là điên rồ. Nội dung của nó lập lờ. Chính tôi và anh còn phải tranh cãi là nên hiểu nó như thế nào cho đúng. Làm sao mà lệnh cho các tư lệnh tiền phương?

- Như vậy ta phải điện hỏi lại Sài Gòn?

- Tất nhiên! Đại tá thay mặt tôi hỏi thẳng Tướng Viên, yêu cầu làm sáng tỏ điểm một. Nói rõ với Bộ Tổng tham mưu, nếu Sài Gòn chỉ có khả năng yểm trợ được một Enlave, Quân đoàn 1 có thể buộc phải co về cố thủ Đà Nẵng. Nếu rút chậm, Việt cộng chặn mất đèo Hải Vân và khống chế đường biển, tình hình sẽ không còn cho phép nữa. Báo cho Bộ Tổng tham mưu biết, trưa nay máy bay MIC xuất hiện. Việt cộng sẽ tung cả không quân vào để giải quyết chiến trường vùng 1.

- Báo cáo Trung tướng, tôi đi!

Đang đi rồi, Trưởng gọi vệ sĩ vào. Trưởng dặn vệ sĩ riêng của mình không cho bất cứ ai vào phòng. Trưởng nói đang mệt, cần được yên tĩnh. Điện của Quân đoàn 1 tiền phương và của cả Sài Gòn, nếu có, cứ chuyển qua chỗ Đại tá Đang.

Cửa phòng được khóa trái lại.

Mặc bộ đồ ngủ, Trưởng nằm dài trên đi văng. Tắm xong, muốn chợp mắt một chút cho lại sức. Nhưng giấc ngủ đã không

đến với Trưởng. Cuộc chiến đã tới hồi gay cấn nhất. Cần phải có ngay một quyết định. "Nên hay không nên từ chức vào lúc này?". Câu hỏi đó như mũi khoan xoáy sâu vào óc Trưởng. Chắc chắn Huế sẽ mất, chỉ ngày một ngày hai thôi. Sự kháng cự chẳng qua như ngọn đèn leo lét trước gió, nó sẽ bùng lên rồi tắt lịm. Xét về mặt quân sự, cố giữ Huế lấy mấy ngày rồi cả hai sư đoàn sẽ bị tiêu hao, mắc kẹt đường rút thì đúng là điên rồ. Thế nhưng Thiệu lại cứ khăng khăng buộc phải giữ Huế. Rõ ràng Thiệu đang muốn tìm kiếm một thắng lợi tinh thần với bất kỳ giá nào. Thắng lợi đó, như Thiệu nói, là để chứng minh với người Mỹ. Nhưng chứng minh cái gì nữa, người Mỹ đã bỏ cuộc rồi. Cả vùng Tây Nguyên rộng lớn đã về tay cộng sản, người Mỹ có phản ứng gì đâu. Con thuyền sắp chìm, cố níu giữ một vài mảnh ván mủn nữa mà làm gì. Phải nhanh chóng mà cứu lấy thân. Tấm gương tày liếp của Phạm Văn Phú còn đấy. Chính Thiệu đã ra lệnh cho Phú bỏ Pleiku, Kon Tum. Vậy mà bây giờ Thiệu đang công khai đòi trừng phạt Phú về tội để mất Tây Nguyên, tội làm tan rã Quân đoàn 2...

Trưởng buông bút, hai tay ôm chặt lấy đầu. Từng ấy năm làm tư lệnh, đây là lần đầu tiên Trưởng tự viết lấy một bức điện. Trưởng cân nhắc, tính toán, chữa đi chữa lại từng câu chữ. Cuối cùng thì bức điện cũng được hoàn thành - một quyết định được xem là khó khăn nhất trong đời binh nghiệp của Trưởng - bức điện xin từ chức.

Trưởng đốt bản nháp bức điện. Trưởng ngồi trầm ngâm nhìn tàn than bị gió quạt thổi tung trong góc phòng. Trưởng không muốn bất kỳ ai trong Bộ Tư lệnh Quân đoàn biết chuyện Trưởng đâm đơn từ chức. Trận chiến chưa nổ ra mà "người hùng của Quân lực Việt Nam Cộng hòa" đã bỏ cuộc - Trưởng tự nghĩ và thấy xấu hổ. Đọc lại một lượt bức điện đã chép sạch sẽ, Trưởng

chặn nó lên bàn, ngay cạnh máy điện thoại, rồi đứng lên, kéo bức rèm che cửa sổ. Trưởng bỗng giật mình. Nắng đã lụi tắt từ lúc nào. Hoàng hôn tím sẫm. Bầu trời hôm nay sao xuống thấp đến thế. Nhác trông, Trưởng thấy nó chẳng khác gì chiếc mai cua khổng lồ với những vẩy mây đỏ tối đang úp chụp lên thành phố. Và kia nữa, chân trời phía tây, những đám mây màu chì hình thù kỳ dị xếp lố nhố bên nhau. Càng nhìn, Trưởng càng thấy nó giống nghĩa địa khổng lồ màu xám. Không một tia nắng cuối cùng nào của hoàng hôn ánh lên được ở đấy. Không một ngọn gió, hàng cây trước nhà im phắc. Không gian bị dồn nén. Tất cả như nín thở chờ đợi trước một tai họa sắp giáng tới. Ngày tận thế của vùng 1 sắp đến rồi. Rất có thể Thiệu không chỉ tính đến chuyện mất Huế, mà còn tính đến chuyện mất cả Đà Nẵng. Vùng 1 là điểm nóng nhất của cuộc chiến lúc này. Vậy mà Thiệu rút không thương tiếc Sư dù mà còn định tâm rút cả Sư thủy quân lục chiến. Rõ ràng Thiệu đang co lực lượng về để bảo vệ cái sào huyệt ẩn náu cuối cùng. Thiệu sợ lũ đảo chính cho về chầu Diêm Vương với Diệm. Càng nghĩ, Trưởng càng run sợ, run sợ thực sự. Tuy bên ngoài Trưởng luôn là kẻ mạnh mồm. Sự giả dối của con người Trưởng và sự giả dối của cả cuộc chiến này đã hòa nhập làm một trong những giây phút này.

Trưởng đắn đo nên hay không chuyển bức điện này đi? Thiệu sẽ phản ứng thế nào? Như cuộc cờ tàn, Trưởng phải tính một nước đi cuối cùng. Nếu Thiệu chấp thuận thì không gì bằng. Ngay lập tức Trưởng sẽ vù về Sài Gòn. Vợ Trưởng và cả bốn đứa con (hai trai, hai gái) đã lặng lẽ về đó chờ sẵn rồi. Vốn liếng của vợ, của nả kín đáo vơ cướp được trong từng ấy năm làm tư lệnh vùng châu thổ và vùng 1 cũng đủ để Trưởng sống sung túc ở nước ngoài đến hết đời. Nhưng làm gì có chuyện đó, không đời nào Thiệu cho Trưởng từ chức, nhất là lúc này. Lấy ai

thay? Không thằng tướng nào điên rồ đến mức đưa đầu ra gánh chịu ở vùng 1 trong tình thế này. Nếu Thiệu không chấp nhận chuyện từ chức thì nay mai mất Huế, mất Đà Nẵng cũng không dễ gì mà trừng phạt Trưởng. Thất bại đó là bất khả kháng, "Thiệu đã đẩy ta vào hai làn đạn thì ta bắn ngược lại y mũi tên trúng hai đích ấy" - Nghĩ vậy, Trưởng tạm yên lòng...

Đã quá bữa cơm tối lâu rồi mà chưa thấy đứa nào bưng đồ ăn vào. Phải rồi, chúng không dám vào. Trưởng đã dặn vậy. Cửa phòng đã khóa trái. Suốt cả buổi chiều không ai quấy rầy Trưởng, ngay cả một cú điện thoại cũng không có. Trưởng chỉnh trang quân phục rồi sang phòng mật mã, đích thân kiểm tra trưởng phòng mã hoá bức điện và lệnh không được hé răng chuyện này. Không ai trong Bộ Tư lệnh Quân đoàn được biết ý định bỏ cuộc của Trưởng. Bức điện và cũng là đơn xin từ chức của Trưởng như sau:

BƯU ĐIỆP

Nơi gửi: Tư lệnh Quân đoàn 1 - Quân khu 1

Nơi nhận: Tổng thống (Kính nhờ Đại tướng TTMT Chuyển trình)

Bản văn số: 032-QĐI-QKI-VPTL-20-3-1975

Tham chiếu: CĐ số 9428-TTM-P341 ngày 20-3-75

Trân trọng kính trình Tổng thống, tự nhận thấy đuối sức và bối rối, sợ rằng không hoàn thành trách vụ. Kính xin Tổng thống cho được từ chức.

Ký tên

Trung tướng Ngô Quang Trưởng

KBC 4109 ngày 20-3-1975

*

* *

Sau cuộc nói chuyện trực tiếp bằng điện thoại và liền đó nhận được đơn xin từ chức của Trưởng, Thiệu đã chờ đợi sự sụp đổ của Huế. Thế nhưng số phận bi đát đã gượng cười với Thiệu. Sự khủng khiếp đã không vội đến. Ngày 21-3 là ngày yên tĩnh trên toàn mặt trận bắc Huế. Bộ binh, chiến xa của Quân giải phóng không lên tiếng. Không một tuyến phòng thủ nào của Quân đoàn 1 chạm súng. Không gian rộng lớn của một vùng đất bao năm bom đạn cày xới, gào thét này đột ngột ắng lặng một cách bí hiểm. Âm thanh duy nhất của chiến tranh là tiếng nổ cầm canh của đại bác. Cuối ngày, Thiệu đã thở phào nhẹ nhõm khi đọc báo cáo tổng hợp các tin tức kỹ thuật từ vùng 1 điện về. Phải chăng cộng sản chưa đủ sức, phải dừng nghỉ trước khi đánh Huế? Trong những giờ phút khó khăn này, Thiệu muốn tin vào cảm giác bị đánh lừa hơn sự tiên đoán chính xác về thực tại bi đát. Giữa lúc đó, thư của G. Ford đến. Lúc nghe tòa Đại sứ Mỹ báo, Thiệu đã xuống tận bậc thềm để chờ đón Lehmann. Martin vẫn còn đang chết ngập ở Washington để giúp Thiệu tranh đấu, giành giật với Quốc hội Mỹ khoản viện trợ chiến tranh bổ sung cho Nam Việt Nam. Phái bồ câu đang gây sức ép buộc Quốc hội Mỹ viết giấy báo tử cho chế độ Sài Gòn. Những con bồ câu ấy - Thiệu chửi rủa - Chúng ăn phải bả của cộng sản, chúng định nhảy nhót trên cái thây ma của Nam Việt Nam chắc?

Thiệu hồi hộp giơ cả hai tay đón bức thư của G. Ford. Thiệu cắt thư bằng con dao xén thư có cán sơn mài màu đen rồi ngẩng lên nhìn Lehmann.

Biết ý, Lehmann nói luôn:

- Ồ! Tổng thống cứ tự nhiên!

Trong lúc Thiệu chăm chú đọc thư thì Lehmann ngồi ghếch chân hút thuốc, quan sát Thiệu. Cặp mắt xanh như mắt mèo của Lehmann ánh lên những tia sáng tinh quái, chiếu thẳng vào

Thiệu, mổ xẻ từng biểu hiện thoáng qua trên gương mặt căng thẳng của Thiệu.

Nhà Trắng, ngày 21 tháng 3 năm 1975

Tổng thống Thiệu thân!

Cuộc tiến công hiện tại của Bắc Việt Nam là điều vô cùng phiền toái và làm bản thân tôi cảm thấy không vui. Theo tôi, cuộc tiến công của Hà Nội chẳng qua chỉ là hành động xóa bỏ Hiệp định Paris bằng bạo lực.

Các sự kiện này gây hậu quả trầm trọng nhất đối với cả hai nước chúng ta. Đối với ông và đồng bào của ông, đây là thời gian chịu đựng tột độ, một hy sinh để quyết định chính vận mệnh của Tổ quốc mình. Tôi tin rằng dưới sự lãnh đạo của ông, quân đội Việt Nam Cộng hòa sẽ tiếp tục công cuộc phòng thủ kiên trì chống cuộc xâm lược mới này. Tôi cũng tin rằng, với sự giúp đỡ thêm từ bên ngoài, ông sẽ giành chiến thắng trong cuộc đấu tranh giành quyền tự quyết.

Về phía Mỹ, vấn đề không kém phần quan trọng. Bằng hành động của họ, Hà Nội đang tìm cách phá hoại tất cả những gì mà chúng tôi đã cố gắng đạt tới với cái giá to lớn suốt 10 năm qua. Đồng thời quyết tâm của Mỹ chi viện cho một người bạn đang bị các lực lượng vũ trang cỡ lớn tấn công, vi phạm một Hiệp ước quốc tế nghiêm trọng - quyết tâm đó đang bị thách thức.

Về phần tôi, tôi quyết định rằng nước Mỹ sẽ đứng vững đằng sau Việt Nam Cộng hòa trong giờ phút nghiêm trọng này. Để giữ vững trách nhiệm của Hoa Kỳ trong tình hình này, tôi đang theo dõi chặt chẽ những phát triển ở Việt Nam và trao đổi ý kiến khẩn cấp với các cố vấn của tôi về những hành động cần thiết trong tình hình này và hợp với pháp luật.

Về việc đảm bảo viện trợ quân sự cho các lực lượng vũ trang

của ông, ông có thể tin chắc rằng, tôi sẽ cố gắng hết sức đáp ứng những nhu cầu về vật chất của ông trên chiến trường.

Trước khi kết thúc bức thư này, tôi xin một lần nữa nhắc lại lòng kính trọng của tôi trước quyết tâm của ông và trước lòng dũng cảm, bền bỉ của nhân dân nước ông.

Thân!

G. Ford

Thiệu gấp bức thư, để cẩn thận trên bàn rồi chặn chiếc kính lên. Thiệu đốt điếu xì gà Schimmel Pennik của mình. Nhìn Thiệu trầm ngâm hút thuốc, Lehmann lên tiếng dò hỏi trước:

- Chắc Tổng thống hài lòng?

- Xin cảm ơn ngài Phó đại sứ! - Thiệu rít tiếp một hơi thuốc rồi đứng dậy. Thiệu nói với Lehmann:

- Cảm phiền Phó đại sứ chờ tôi một chút.

Thiệu về phòng riêng và trở lại ngay với chai rượu quý cầm trên tay. Đó là chai Rockin Wine của Anh và Pháp phối hợp sản xuất từ thế kỷ XVIII. Tay trái cầm chiếc tẩu, tay phải cầm chai rượu giơ về phía Lehmann, Thiệu vừa đi vừa nói:

- Chắc ngài Phó đại sứ vui lòng. Ta uống một chút?

Lehmann sáng mắt khi nhìn thấy chai Rockin Wine. Đây là thứ rượu quý hiếm nổi tiếng trên thế giới. Ở Sài Gòn lúc này giá một chai Rockin Wine phải tới trên 72.000 đồng tiền miền Nam, trong lúc một chiếc xe Honda loại tốt nhất mới có 64.000 đồng. Lehmann đưa tay đón chai rượu, xoay qua xoay lại ngắm nghía. Hộp đựng chai rượu làm bằng thứ gỗ đặc biệt hình vuông dẹt, vỏ ngoài bọc kim loại mỏng mạ vàng. Thiệu nghe và nói được tiếng Anh. Không có phiên dịch và phục vụ, chỉ có Thiệu và Lehmann trong phòng. Thiệu đích thân mở chai Rockin Wine. Nắp vừa mở, hương rượu đã tỏa ra nồng nàn, quyến rũ. Lehmann trầm

trổ và hiểu rằng Thiệu phải đánh giá cuộc gặp này quan trọng tới mức nào thì mới đích thân mang chai rượu quý đó ra. Tất nhiên Lehmann hiểu không đời nào Thiệu bỏ tiền túi ra mua. Những của hiếm này toàn là lễ vật của các tỉnh trưởng "tri ân Tổng thống" cả.

- Xin mời Phó đại sứ!

- Chúc sức khỏe Tổng thống!

Thiệu và Lehmann cạn chén. Rượu mạnh tới 65 độ, nhưng uống vào rất mềm môi, không hề bị sốc. Thiệu rót tiếp rồi lại cụm ly, lại cạn chén. Khi men rượu đã ngà ngà, Lehmann đưa ra lời thăm dò trước:

- Bức thư của Tổng thống chúng tôi, chắc ngài thấy hài lòng?

- Nam Việt Nam bao giờ cũng tin tưởng bạn đồng minh vĩ đại Hoa Kỳ - Thiệu đáp - Cái mà chúng tôi chờ đợi không chỉ là những cam kết mạnh mẽ, mà còn là sự thể hiện những sự cam kết đó trên thực tế.

- Ý Tổng thống muốn nói tới những hành động răn đe của Mỹ?

- Đúng! Cần một hành động như vậy. Chúng tôi rất cần. Cần phải cho cộng sản thấy rõ là Mỹ không bỏ cuộc, Việt Nam Cộng hòa không đơn độc.

Lehmann hỏi lại:

- Làm sao có thể nghĩ nước Mỹ bỏ rơi Nam Việt Nam được? Chúng tôi đã hy sinh tới gần sáu vạn sinh mạng, đã đổ tới 150 tỷ đôla và hiện vẫn đang tiếp tục đổ tiền của, vũ khí vào?

- Nhưng các ngài đã ép chúng tôi ký Hiệp định Paris, một Hiệp định bất lợi với Việt Nam Cộng hòa - Thiệu nói - Rốt cuộc Mỹ rút được quân về nước, cứu được tù binh còn Việt Nam Cộng hòa phải một mình đối đầu với cộng sản Bắc Việt.

Lehmann giải thích:

- Nước Mỹ ký Hiệp định Paris không phải là bỏ rơi đồng minh,

trái lại đã làm hết sức mình để Việt Nam Cộng hòa tự mạnh lên. Những cam kết của Tổng thống Nixon và Tổng thống G. Ford đã được thể hiện trên thực tế. Chắc ngài cũng thấy trước và sau khi ký Hiệp định Paris, chúng tôi đã tranh thủ viện trợ ồ ạt một khối lượng rất lớn trang bị và vũ khí, đạn dược cho Nam Việt Nam. Ngoài 700 triệu đôla là tài trợ của tài khóa này, Tổng thống chúng tôi đang xin Quốc hội chuẩn chi thêm 300 triệu đôla quân viện bổ sung. Đó chỉ là đề nghị trước mắt, những đề nghị lâu dài còn lớn hơn nhiều. Vì vậy nếu quân đội Sài Gòn chiến đấu có hiệu quả, chương trình Việt Nam hóa chiến tranh được thực hiện, thì Việt Nam Cộng hòa sẽ mau chóng hùng mạnh lên như Nam Triều Tiên. Các ngài sẽ giành và nắm lấy lực lượng chính trị thứ ba ở Nam Việt Nam này. Đến lúc ấy cộng sản Bắc Việt dẫu có ngoan cố đến mấy, cũng phải tự nguội dần tham vọng xâm lăng và giấc mộng thống nhất đất nước.

- Việt Nam Cộng hòa không bao giờ nghĩ là người Mỹ có thể bỏ cuộc. Nhưng sự im lặng của các ngài đã khuyến khích cộng sản lấn tới - Nói tới đây Thiệu bắt đầu hăng máu. Mặc cảm bị Mỹ bỏ rơi làm Thiệu quên cả xã giao cần thiết, giở giọng lính tẩy ra - Ngài cũng thấy rằng cộng sản vừa lấn chiếm vừa nghe ngóng. Họ lấn chiếm Phước Long, người Mỹ không phản ứng gì, họ lấn chiếm Buôn Ma Thuột. Bây giờ thì cộng sản đã chiếm trọn Tây Nguyên. Nếu người Mỹ các ngài tiếp tục kiềm chế thì cộng sản sẽ thôn tính cả miền Nam này.

Lehmann lựa lời an ủi cho Thiệu bớt cơn hờn giận:

- Ồ! Ngài quá lo! Tổng thống G. Ford trong bức thư đã một lần nữa khẳng định, nước Mỹ sẽ đứng vững bên cạnh Việt Nam Cộng hòa trong giờ phút thử thách nghiêm trọng này. Trong cuộc họp báo mới đây, Tổng thống chúng tôi đã tuyên bố: Chừng

nào người Việt Nam các ngài còn tiếp tục chiến đấu để bảo vệ đất nước, thì nước Mỹ không thể không thực hiện nghĩa vụ của mình tiếp tục viện trợ quân sự cần thiết cho Nam Việt Nam chiến thắng cộng sản.

Thiệu cười nhạt:

- Tổng thống G. Ford cũng thấy là Bắc Việt Nam đã xé toạc Hiệp định Paris. Chúng đã đi hẳn vào con đường bạo lực để xâm chiếm cả Nam Việt Nam này. Chúng tôi không còn con đường nào khác là chiến đấu đến cùng với những gì hiện có và sẽ có sau này. Nếu Việt Nam Cộng hòa thua thì cũng có nghĩa là người Mỹ các ngài cũng thua trong cuộc chiến này.

Lehmann gật đầu:

- Đúng! Nước Mỹ đang bị thách thức một cách nghiêm trọng. Ngài có thể tin rằng Chính phủ và Quốc hội chúng tôi sẽ có những hành động cần thiết và không cho phép sự thách thức đó lấn tới!

- Xin cảm ơn ngài!

Lehmann nhìn đồng hồ rồi nói với Thiệu:

- Xin cáo biệt Tổng thống!

Lehmann về rồi, Thiệu đọc lại thư G. Ford một lần nữa. Những lời cam kết mạnh mẽ của G. Ford đã như những giọt thuốc an thần cho Thiệu. Trong sự cô độc trước cảnh tan rã, Thiệu muốn lên gân để chứng minh mình vẫn tồn tại, vẫn nắm quyền kiểm soát Nam Việt Nam này, kể cả vùng 1. Trưởng không được từ chức, phải ở lại cùng quân lính chiến đấu bảo vệ Huế, Đà Nẵng đến cùng, Thiệu quyết định như vậy. Sau khi điện bác đơn xin từ chức của Trưởng, Thiệu lệnh cho đài phát thanh và đài truyền hình Sài Gòn ngay tối hôm đó phát đi bài diễn văn "Bảo vệ Huế đến cùng" mà Thiệu đã ghi âm và ghi hình sẵn...

*

* *

Từ bãi đậu trực thăng, Thi và Điềm đi như chạy vào văn phòng Bộ Tư lệnh. Đại tá Hy, Tham mưu trưởng Quân đoàn 1 tiền phương xách cặp lúp xúp chạy theo. Đã quá giờ Trưởng triệu họp tới 30 phút. Chính Thi và Điềm phải tranh cướp thời gian hơn ai hết. Chậm nhất đêm nay, Quân đoàn 1 phải rút toàn bộ lực lượng khỏi Huế. Đây là cuộc họp khẩn cấp Trưởng triệu tập theo yêu cầu của Thi và Điềm để triển khai ngay việc rút quân về Đà Nẵng. Thi và Điềm bước vào phòng họp đúng lúc Đang cầm bức điện vội vã đi ra. Cũng lúc đó, đồng hồ quả lắc trong phòng thong thả buông 10 tiếng. Vừa thấy Điềm và Thi xuất hiện, Trưởng đã gọi giật Đang lại:

- Đại tá Đang! Khoan chuyển điện. Chờ chút đã.

Trong lúc Đang cầm bức điện lật đật quay lại, Trưởng quay về phía Thi và Điềm:

- Chỉ còn chờ hai anh. Các thành viên đã đủ. Tôi vừa điện báo cho Sài Gòn biết Quân đoàn 1 quyết định rút khỏi Huế. Tình hình mấy giờ qua có gì, hai anh cho biết, ta điện luôn thể cho tướng Viên.

Thi đặt cặp xuống bàn, vừa kéo ghế ngồi vừa tranh thủ nói luôn:

- Ngoài những tin đã điện về Bộ Tư lệnh Quân đoàn hồi 12 giờ đêm qua, có thêm một sự kiện quan trọng. Sáng nay, trước nguy cơ tuyến đỏ có thể bị tràn ngập nếu cộng sản mở cuộc tiến công trực diện, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 1 tiền phương đã cho rút lực lượng về tuyến Bắc Bình. Đợi Lữ đoàn 14 thủy quân lục chiến và chi đội xe tăng M.113 đầu tiên nhập tuyến, tôi và tướng Điềm mới lên trực thăng, vì vậy về họp trễ giờ.

Trưởng nói với Đang:

- Đại tá đưa lại tôi bức điện.

Trưởng rút bút viết bổ sung thêm tình hình Thi vừa cho biết, rồi đọc bức điện cho các thành viên nghe:

"Khẩn trình Tổng thống và Đại tướng Tổng tham mưu trưởng Quân lực Việt Nam Cộng hòa:

Cuộc tiến công của cộng sản ở mặt trận bắc Huế đã bắt đầu.

1. Quốc lộ 1 bị cắt ở đoạn gần quận lỵ Phú Lộc;

2. Đèo Phú Gia bị cắt. Lữ đoàn 238 thủy quân lục chiến đã rút lên đèo Hải Vân;

3. 14h, bộ binh cộng sản đã vượt sông Mỹ Chánh;

4. Quân đoàn 1 tiền phương đã trì hoãn chiến về tuyến Bắc Bình - tuyến cuối cùng;

5. Phà Tân Mỹ tắc nghẽn. Hiện tại chưa khai thông được vì hàng ngàn người tranh nhau qua sông chạy về Huế;

6. Hỗn loạn đã nổ ra ở Huế vì binh lính và dân từ Quảng Trị chạy về cướp phá;

7. Trước nguy cơ bị tràn ngập, Quân đoàn 1 quyết định bỏ Huế, rút Sư 1 bộ binh, Sư thủy quân lục chiến và các lực lượng hiện hữu về Đà Nẵng. Cuộc triệt thoái được tiến hành trong 24h tới.

10 giờ 15 phút ngày 23-3-1975
Trung tướng: Ngô Quang Trưởng
Tư lệnh QĐ1-QK1".

Trong lúc Đang cầm bức điện chạy qua bộ phận kỹ thuật vào sổ, làm thủ tục điện hỏa tốc cho Sài Gòn thì Trưởng bắt đầu phiên họp. Dự họp có đầy đủ tướng tá chóp bu của vùng 1 chiến thuật: Chuẩn tướng Lâm Quang Thi; Thiếu tướng Hoàng Văn Lạc, Phó Tư lệnh Quân đoàn 1; Chuẩn tướng Nguyễn Văn Điểm, Tư lệnh Sư đoàn 1 bộ binh; Thiếu tướng Nguyễn Duy Hinh,

Tư lệnh Sư đoàn 3 bộ binh; Đại tá Nguyễn Thanh Trí, Tư lệnh phó Sư đoàn thủy quân lục chiến; Chuẩn tướng Nguyễn Đức Khánh, Tư lệnh Sư đoàn 1 không quân; Phó đề đốc Hồ Văn Kỳ Thoại, Tư lệnh hải quân vùng 1 duyên hải; Đại tá Đang, Tham mưu trưởng Quân đoàn 1; Đại tá Hy, Tham mưu trưởng Quân đoàn 1 tiền phương; Đại tá Duệ, Thị trưởng Huế.

Trong lúc các thành viên lục tục ổn định chỗ ngồi thì Trưởng rút từ túi áo ngực ra bức điện vừa nhận được của Sài Gòn. Thực ra Trưởng nhận được liền một lúc hai bức điện. Bức thứ nhất về chuyện Trưởng xin từ chức, bức thứ hai là chỉ thị mới về kế hoạch phòng thủ Đà Nẵng. Bức điện về chuyện từ chức Trưởng cất rất kỹ trong túi áo và định bụng sẽ hủy nó đi. Nguyên văn bức điện ấy như thế này:

CÔNG ĐIỆN

Giới chức gửi: BTTM-VP-TTMT 14 giờ 30 phút ngày 22-3-1975

Giới chức thi hành: Trung tướng TL-QĐI-QKI

Giới chức thông báo: BVS:002-TTM-VP.TTMT

Tham chiến CĐ số 032-QĐI-QKI-VPTL, ngày 20-3-1975

Tổng thống chưa thể chấp thuận thỉnh nguyện của Trung tướng trong tình hình hiện nay. Trong lúc này ai cũng phải cố gắng hy sinh tối đa.

HẾT!

Phó ban
Đồng Văn Khuyên
Tham mưu trưởng BTTM

Chặn tay lên bức điện của Cao Văn Viên về phòng thủ Đà Nẵng, Trưởng đi ngay vào vấn đề:

- Mặc dù hôm qua trên đài phát thanh Sài Gòn, Tổng thống tuyên bố bảo vệ Huế đến chết. Nhưng chiến trường diễn biến rất phức tạp, nếu chậm trễ tình hình sẽ không còn cho phép Sư đoàn 1, Sư đoàn thủy quân lục chiến và các lực lượng cơ hữu từ Quảng Trị và Huế rút về Đà Nẵng nữa. Với chức trách Tư lệnh trưởng Quân đoàn 1, Quân khu 1 tôi chấp thuận kiến nghị của Tướng Thi và Tướng Điềm cho rút quân khỏi Huế. Sau này, nếu Tổng thống truy cứu trách vụ, tôi sẽ nhận lãnh tất cả. Theo tinh thần điện mới nhất của Tướng Viên, đây chính là thời điểm đòi hỏi phải kịp thời rút khỏi Huế - Nói rồi Trưởng đưa bức điện cho Đang - Đang vừa trở lại phòng họp, ngồi ở ghế đầu bàn bên trái, ngay cạnh Trưởng:

- Đại tá đọc bức điện cho toàn thể nghe!

Đang đứng dậy, lên kính rồi đọc to bức điện của Viên:

CÔNG ĐIỆN MANG TAY

16 giờ 25 phút ngày 22-3-1975

Nơi gửi: BTTM-Phòng 3

Nơi nhận: BTL-QĐI-QKI.VPTL (CĐ)

Thông báo: + VP trung tướng phụ tá đặc biệt về quân sự an ninh

Phủ Tổng thống

+ VP đại tướng: TTMT-QLVNCH

Bản văn số: 9582-P341

Trân trọng kính chuyển đến quý Bộ Tư lệnh Chỉ thị của Tổng thống VNCH như sau:

Thứ nhất: Khả năng trung ương chỉ có thể yểm trợ được 1 Enlave mà thôi. Vì vậy bằng mọi cách kịp thời và khi tình hình đòi hỏi, thực hiện Enlave Đà Nẵng.

Thứ hai: Trong giai đoạn này, Sư 1 bộ binh, Sư 3 bộ binh và Sư đoàn thủy quân lục chiến vô Enlave Đà Nẵng. Giai đoạn hai, Sư đoàn 2 bộ binh vô luôn.

Thứ ba: Khi Sư đoàn 2 bộ binh vô xong, hoàn trả tức khắc Sư đoàn thủy quân lục chiến về trung ương.

Đại tướng: Cao Văn Viên

Tổng tham mưu trưởng QLVNCH

Đang đọc xong, Trưởng cầm lại bức điện rồi nói:

- Điểm một trong chỉ thị của Tổng thống đã nói rõ, như vậy chuyện bỏ Huế là điều bất đắc dĩ, nhưng cũng là bất khả kháng. Bây giờ xin mời Chuẩn tướng Thi phác họa kế hoạch lui binh khỏi Huế.

Thi hất hàm về phía Hy:

- Đại tá Hy sẽ thuyết trình kế hoạch rút khỏi Huế. Kế hoạch này, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 1 tiền phương đã thảo luận, cân nhắc và thấy là phương án hiện thực tối ưu trong tình thế này.

Chỉ chiếc que vào vòng tròn màu đỏ nhạt trên tấm bản đồ lớn treo giữa phòng, Hy nói:

- Đây là thành nội Huế. Bộ Tư lệnh Quân đoàn 1 tiền phương, Bộ Tư lệnh Sư 1 bộ binh, Bộ Tư lệnh nhẹ Sư thủy quân lục chiến vẫn đang đóng quân ở đây - Hy dịch chiếc que lên phía Bắc một chút, rồi kéo một đường dài từ trái qua phải, nói tiếp - Đây là tuyến Bắc Bình - tuyến phòng thủ cuối cùng, còn gọi là tuyến xanh. Quân đoàn 1 tiền phương nhận thấy không thể giữ tuyến Bắc Bình quá 24 giờ tới, tình hình khu vực rất đáng lo ngại. Lữ đoàn 913 biệt động quân đã rã ngũ, cả cấp chỉ huy cũng chạy lo gia đình. Thủy quân lục chiến không lo được chuyện tiếp tế bổ sung cho các đơn vị. Vì vậy Lữ đoàn 14 thủy quân lục chiến với quân số hiện hữu 300 người và một chi đội xe tăng M.113 tăng cường sẽ không thể chịu nổi sức ép nếu cộng

sản mở cuộc tiến công trực diện vào tuyến. Nếu tuyến Bắc Bình vỡ, hậu cứ của Lữ đoàn 147 thủy quân lục chiến sẽ bị đe dọa nghiêm trọng, đồng thời đường Huế - Thuận An sẽ bị cắt đứt, thành nội Huế sẽ bị cô lập...

Trưởng đứng dậy cắt lời Hy:

- Thôi! Khỏi dài dòng! Anh trình bày ngay vào kế hoạch rút Huế:

- Trình Trung tướng! Quan điểm điều quân tổng quát của Quân đoàn 1 tiền phương như sau: Do quốc lộ 1 bị đối phương cắt chặn ở đoạn gần quận lỵ Phú Lộc nên Sư đoàn 1 bộ binh của Tướng Điềm sẽ di chuyển theo hướng tây nam, qua ngả Vĩnh Lộc, vượt đầm Thủy Tú, tới cửa Tư Hiền thì tiếp tục bắt vào đường bộ đi Đà Nẵng. Lữ đoàn 14 và Lữ đoàn 147 thủy quân lục chiến cùng các lực lượng còn lại từ Huế sẽ di chuyển ra cửa Thuận An để lên tàu hải quân theo đường biển về Đà Nẵng.

- Rút kinh nghiệm cuộc lui binh bi thảm khỏi Tây Nguyên của Quân đoàn 2 của Tướng Phú, các anh đã cho kiểm tra thực địa đường rút quân chưa? Đã tính tới bảo đảm an ninh lộ trình chưa? Quân đoàn 1 tiền phương cần những điều kiện gì để hoàn tất cuộc lui binh khẩn cấp này? - Trưởng nói tiếp.

Thi đáp:

- Mọi yếu tố, tình huống đã được tính toán kỹ. Cuộc lui binh chỉ có thể hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện sau đây: Thứ nhất, phải chiếm và khống chế được cao điểm núi Vĩnh Phong trong suốt thời gian đoàn quân rút qua; Thứ hai, phải có phương tiện để vượt qua eo biển ở cửa Tư Hiền; Thứ ba, hải quân phải đảm bảo đủ tàu và phải tổ chức bốc nhanh, gọn không chỉ thủy quân lục chiến mà tất cả các lực lượng hiện hữu từ Huế dồn về cửa biển Thuận An. Lực lượng này nếu kể cả sĩ quan, binh lính, gia đình và cả dân thường chạy theo ước khoảng 20.000 người.

Trưởng quay sang hỏi Trí, Đại tá, Sư phó thủy quân lục chiến:

- Anh có đảm bảo chiếm và giữ được núi Vĩnh Phong không?

Trí đáp không ngần ngại:

- Trình Trung tướng! Có. Thủy quân lục chiến sẽ đảm trách cao điểm Vĩnh Phong.

Trưởng quay sang hỏi Phó đề đốc Hồ Văn Kỳ Thoại:

- Hải quân có huy động đủ tàu để bốc lính ở cửa Thuận An, có tạo được phương tiện giúp Sư đoàn 1 vượt qua eo biển Tư Hiền không?

Phút chốc thấy gánh nặng cuộc lui binh như trút hết vào mình, Hồ Văn Kỳ Thoại đáp sau một chút ngần ngừ:

- Trình Trung tướng! Kế hoạch lui binh trên xét về thực tế có gặp một số khó khăn. Trước hết huy động một lực lượng lớn tàu để hốt cùng lúc cả vạn người ở cửa Thuận An, quả là bất cập đối với hải quân vùng 1 duyên hải. Sau nữa phải tính đến yếu tố thời tiết, nếu bão hoặc biển động thì làm sao ủi bãi, làm sao đưa tàu cập bến. Đấy là chưa kể đến sự khống chế của hỏa lực pháo tầm xa của đối phương. Vì vậy, tôi mạnh dạn trình bày một kế hoạch khác.

Vừa nghe Thoại nói tới đây, Trưởng đã giật nảy người như bị kim chích. Các thành viên họp đều sững sờ. Trưởng cau mày hỏi vặn Thoại, giọng có phần ngạc nhiên và khó chịu:

- Sao? Kế hoạch nào? Quốc lộ 1 bị cắt, không vòng qua eo biển Tư Hiền, không rút ra cửa Thuận An, anh định đi ngả nào?

Thoại đáp:

- Trình Trung tướng! Phương án rút quân của tôi dựa trên yếu tố bất ngờ và hỏa lực mạnh của chiến xa và đại pháo của ta. Dựa trên hai yếu tố này, đại quân với hơn 20.000 lính tinh nhuệ, 80 chiến xa đủ loại và trên 100 đại pháo từ Huế sẽ sử

dụng ngay quốc lộ số 1, bất thần đánh thốc vào hậu cứ các sư đoàn chủ lực đối phương, rồi theo đường 545 về Quảng Nam. Cùng lúc đó ta chọn một bộ phận của Sư đoàn 2 bộ binh và một Lữ đoàn thủy quân lục chiến từ phía tây Quảng Nam tiến lên đón đại quân từ Huế về.

Kế hoạch Thoại vừa nêu ra bị Trưởng gạt phăng với lý do rút đường biển ít bị sức ép hơn đường bộ. Thấy vậy các tướng tá dự họp không nói gì thêm.

Đi đi lại lại trong phòng một chập, không thấy ai lên tiếng, Trưởng quay lại ghế chủ tọa, kết luận:

- Bộ Tư lệnh chấp thuận phương án rút lui với hai cánh quân, một qua eo biển Tư Hiền, một về cửa Thuận An của Quân đoàn 1 tiền phương. Không còn thời gian tranh luận, tính toán thêm nữa. Chậm trễ lúc này là tự sát. Ngay sau cuộc họp này, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 1 tiền phương, Bộ Tư lệnh Sư 1 và Bộ Tư lệnh nhẹ Sư thủy quân lục chiến sẽ thực hiện đoạn chiến dần về cửa Thuận An. Đúng 21 giờ đêm nay, lệnh triệt thoái thực thi trên toàn mặt trận. Để bảo mật, trong quá trình lui binh, tuyệt đối không đơn vị nào được mở máy liên lạc vô tuyến. Để đảm bảo hoàn tất cuộc lui binh, thay mặt Bộ Tư lệnh Quân đoàn, tôi quyết định: Thứ nhất, các lữ đoàn thủy quân lục chiến còn lại của Đại tá Trí phải nhanh chóng chiếm lĩnh và khống chế bằng được cao điểm núi Vĩnh Phong; Thứ hai, Duyên đoàn 13 của Phó đề đốc Thoại chịu trách nhiệm di chuyển Sư đoàn 1 bộ binh qua eo biển Tư Hiền. Nếu cần cho đánh đắm vài tàu hải quân để lấy đường vượt qua eo biển này; Thứ ba, toàn bộ tàu quân vận lớn, nhỏ của hải quân vùng 1 duyên hải của Phó đề đốc Thoại phải được tập trung để bốc quân ở cửa Thuận An, 14 chiến hạm của Bộ Tư lệnh hải quân trung ương tăng phái đang hoạt động tại vùng cửa Thuận An cũng tham gia vào việc chuyển quân;

Thứ tư, Sư đoàn 1 không quân của tướng Khánh phải huy động tối đa các phi vụ máy bay ném bom A.37 và máy bay phản lực tiêm kích để chặn lực lượng địch truy cản và khống chế các trận địa pháo của đối phương.

Không thấy Trưởng nói gì tới các nhân viên, công chức dưới quyền mình, Duệ đứng lên hỏi:

- Trình Trung tướng! Còn các nhân viên, công chức Huế và gia đình họ. Họ có được phép di tản không và bằng phương tiện, phương cách gì?

Trưởng phủi tay, giọng lạnh như tiền:

- Mặc xác họ tùy nghi. Để họ bám theo, ùn tắc ở cửa Thuận An, các anh sẽ chết. Mà để họ kéo về tràn ngập Đà Nẵng này thì Quân đoàn 1 cũng chết.

Vừa mới hôm trước, nghe Trưởng đấm ngực thình thịch thề bồi sẽ sống chết với binh lính và thị dân Huế, nay lại thấy Trưởng trở giọng ráo hoảnh như vậy, Duệ thấy lạnh người. Duệ có cảm giác như vừa bị một con rắn trườn trên sống lưng mình. Duệ ngồi xuống, lần tìm chiếc khăn mùi xoa lập cập lau những giọt mồ hôi đang vã ra trên mặt...

Bộ Tư lệnh Quân đoàn 1 tiền phương và Tư lệnh Sư đoàn 1 bộ binh - sư đoàn thiện chiến nhất của quân đội Sài Gòn, Tướng Nguyễn Văn Điềm đã phải vắt chân lên cổ lo rút quân khỏi Huế. Điềm nói với ban tham mưu trong cuộc họp cuối cùng của Bộ Tư lệnh Sư đoàn về việc lui binh khỏi Huế như thế này: "Chúng ta đã bị phản bội. Chúng ta phải bỏ Huế, thành phố đẹp nhất của Nam Việt Nam. Mục đích của việc bỏ Huế là để bảo toàn lực lượng. Bây giờ thì tùy nghi di tản. Ai mà có thể đi ra bờ biển, hãy đi tới Đà Nẵng, hải quân sẽ đến nhặt tất cả những ai ốm đau hoặc kiệt sức không thể đi bộ trên bãi cát. Địa điểm tập kết là nam đèo Hải Vân. Chúc tất cả các anh may mắn và hẹn

gặp nhau tại Đà Nẵng. Nhớ là im lặng khi rút lui. Không được mở máy liên lạc vô tuyến"...

*

* *

Phút ngợp thở của Huế dường như bắt đầu từ hoàng hôn. Ngay từ trưa, sau cuộc họp vội vã của thị trưởng Huế với đám tay chân thuộc cấp, Cố đô đã xôn xao tin truyền miệng của cán bộ, công chức: "Bỏ Huế rồi. Lại sắp tắm máu như ở Tây Nguyên rồi. Ông Tỉnh cho phép di tản để tránh tổn thất khi có giao tranh". Thế là sợi dây rệu rã cuối cùng níu buộc cái gọi là chính quyền ở thành phố này đứt tung. Chưa vào chiều mà chợ Đông Ba đã vắng, các cơ quan, công sở đóng cửa im lìm. Cảnh sát, an ninh, công chức rồ mạnh ga xe máy phóng tứ tán trong thành phố. Ai nấy vội vã về nhà hối thúc vợ con quơ vội quần áo, của quý chuẩn bị cho cuộc di tản. Chiếc trực thăng nằm trước sân cỏ tòa thị chính sẵn sàng bốc trọn bất kể lúc nào đầu não ngụy quyền ở Huế ra đi. Trước cửa tòa thị chính, hai xe bọc thép án ngữ, những chiếc khác nối nhau tuần tra vòng ngoài để phòng ngừa bất trắc. Trong lúc đám nhân viên nháo nhào thiêu hủy hồ sơ, tài liệu thì Duệ bồn chồn ngoài hành lang, tay cầm hộp con dấu - hiện thân duy nhất còn lại của quyền lực. Duệ đi đi lại lại không biết làm gì, phải ra mệnh lệnh gì. Hàng đống giấy tờ, tài liệu bị đốt. Khói, tàn tro từ các tầng lầu bay ra, gặp gió sông Hương thổi tới, cuộn mù mịt. Duệ đứng lặng, hai bàn tay buông xuôi, nét tuyệt vọng lộ rõ trên gương mặt nhem nhuốc bụi khói. Hộp con dấu đỏ chót có khắc tên thị trưởng Huế, Duệ đã quăng đi sau một hồi nghĩ ngợi. Duệ thấy giữ lại cũng chẳng để làm gì mà chỉ thêm đau lòng.

Con thuyền của quyền lực đã chìm mất tăm, cho dù có cố gượng cũng chẳng thể trương lên được nữa. Chỉ ít phút nữa thôi, Duệ sẽ nhảy vào chiếc trực thăng kia, và thế là vĩnh biệt Huế mãi mãi. Duệ không luyến tiếc gì cái thành phố thơ mộng đẹp nhất Nam Việt Nam này. Nhưng Duệ tiếc - tiếc đến đứt ruột những ngày sống phè phỡn như vua chúa ở đây. Duệ sẽ hạ cánh xuống đâu? Đà Nẵng ư? Cả triệu người ở đấy đang hốt hoảng tìm đường di tản. Sài Gòn ư? Ai cho phép Duệ chạy về tận đấy, mà Sài Gòn cũng chắc gì yên ổn. Toàn bộ chế độ này như tòa lâu đài bị mối ăn mục ruỗng, đang sụp đổ từng mảng lớn. Hôm qua Buôn Ma Thuột, Pleiku, Kon Tum; hôm nay Quảng Trị, Huế và chỉ nay mai thôi là tới Đà Nẵng... tốc độ dồn dập tới kinh người. Những mảng lớn mục ruỗng nhất đã buộc phải dứt bỏ không thương tiếc, để cố cứu lấy cái cấu trúc đã lung lay đến tận gốc rễ nền móng của chế độ này.

- Trình Đại tá! Công việc tiêu hủy hồ sơ, tài liệu đã hoàn tất!

Duệ thẫn thờ quay lại. Giọt nước mắt chảy dài trên bộ mặt phệ mỡ của Duệ. Duệ nói như kẻ mất hồn:

- Thôi tạm biệt! Từ lúc này các anh tùy nghi!

Đám tay chân ngơ ngác:

- Dạ thưa Đại tá! Chúng tôi biết đi đâu?

- Tàu hải quân bốc người ở cửa Thuận An. Hãy tùy nghi ra đó!

Bóng đêm của thảm họa bao trùm thành phố. Những luồng gió mát rượi cuộn lên từ dòng sông Hương cũng không làm dịu được cái ngột ngạt trong các gia đình đang chờ qua đêm để lên đường giã biệt Huế. Với họ, đêm qua sao thật dài. Những người có tiền hớt hải chạy ra phố thuê xe. Giá mỗi chuyến xe thuê đủ chở gia đình vọt từ 40.000 đồng vào xế chiều lên tới 80.000 đồng rồi 100.000 đồng vào giờ giới nghiêm... Đêm qua chậm. Tiếng đại bác vọng cầm canh trên nền không gian bị dồn nén. Trên

đỉnh núi Ngự Bình và xa hơn chút nữa về phía bắc có ánh hỏa châu lập lòe. Một chiếc máy bay trinh sát L.19 lượn lờ trên màn đêm đen thẳm, chốc chốc lại bung ra một chùm pháo sáng. Hàng ngàn chiếc đò trên sông Hương cũng lao xao trong khi đèn đường phố chợt như vàng vọt thảm hại.

Buổi sáng, Huế thức dậy từ tinh mơ. Chưa có tia nắng nào lóe rạng mà đường phố đã chật cứng người và xe. Tiếng động cơ, tiếng gọi nhau í ới, tiếng thét hãi hùng. Đủ thứ âm thanh hỗn tạp của cả vạn con người và hàng ngàn xe cộ gây ra. Cả thành phố có tới tám cây xăng mà chưa sáng rõ mặt người, cố chạy mua cũng không được lấy một giọt. Lơ xe mặc sức chửi thề, khinh miệt, hạch sách hành khách đủ điều. Hàng trăm xe chỉ chạy tới chân đèo Hải Vân, rồi lộn ngược lại đón khách. Thoáng chốc đại lộ Trần Hưng Đạo, Phan Chu Trinh, Chi Lăng vắng tanh. Bệnh viện Huế vắng hoe. Tòa thị chính không một bóng người. Huế đã trở nên thành phố chết từ lúc mặt trời mọc. Thị dân ùn ùn giã biệt Huế, đi ngang Dòng Chúa Cứu Thế vẫn thấy Chúa chịu khổ đau, bị đóng đinh trên thập tự giá, trong khi vài tiếng chuông chùa vẳng xa. Thành phố rỗng không, cô đơn ngây nhìn lịch sử xoay vần và trực thăng quần quật trên đầu. Gọi điện thoại về Sài Gòn thật khó khăn, vì Sài Gòn điện ra thăm thân nhân quá đông. Chuông reo trong phòng nhiều căn nhà sang trọng nhưng không ai nhận, vì những kẻ giàu đã chuồn khỏi Huế từ nhiều ngày nay rồi. Hàng xấp thư gửi tới chưa kịp phân phát thì người nhận đã cuốn gói ra đi. Không đầy mấy tiếng đồng hồ, kể từ lúc mặt trời mọc, Huế vắng tanh. Tiếng động cơ loãng dần theo dòng người ùn chảy về phương Nam. Ở đó hình thành cả một dòng thác khổng lồ xe Honda, xe buýt, xe bò, xe đạp, xe Jeep và cả máy kéo; tất cả đều chất đầy đồ đạc, kẻ thì chạy ra cửa Thuận An, người thì ì ạch leo đèo Hải Vân.

Và nối sau đoàn xe đó, là dòng người dài tít tắp, tốp cuối cùng đang còn ở ngoại ô Huế, tốp đầu đã tới chân đèo Hải Vân. Hoảng sợ vì tin đồn, vì trò tâm lý chiến "tắm máu", không có một phương tiện gì trong tay, cả vạn người mặt mày hốc hác, dắt dìu nhau ra đi. Dòng người chạy khỏi Huế, Quảng Trị hợp với dòng người như triều dâng thác đổ di tản khỏi các thành phố, thị xã Tây Nguyên, làm thức dậy những thảm cảnh thương tâm có một không hai trong lịch sử mà không ngòi bút nào có thể tả xiết...

8
THIỆU LÊN GÂN TRONG CÔ ĐỘC, SỢ HÃI

Mới 7 giờ sáng đã thấy Hoàng Đức Nhã xuất hiện ở Dinh Độc Lập. Gật đầu chào Lữ đoàn bảo vệ Dinh, Nhã chậm rãi bước từng bậc cầu thang lên tầng trên. Tuy không còn là Bộ trưởng Thông tin chiêu hồi, nhưng Nhã vẫn được Thiệu tin dùng với tư cách là cố vấn đặc biệt của Tổng thống. Kể từ năm 1974, trước dấu hiệu tình báo đối phương đã thâm nhập sâu vào một số cơ quan chóp bu, Thiệu đã tiến hành một đợt thanh lọc nội bộ. Thiệu không dùng nhiều cố vấn về từng lĩnh vực (tôn giáo, kinh tế, pháp luật...) như trước nữa. Cố vấn của Thiệu chỉ còn lại ba người là Đặng Văn Quang, Hoàng Đức Nhã và Nguyễn Tiến Hưng. Quang là cố vấn đặc biệt về an ninh, quân sự và kiêm luôn "tay hòm chìa khóa" cho Thiệu (ngân quỹ của Phủ Tổng thống do mình Quang nắm). Hưng là Bộ trưởng Kinh tế trong nội các và là cố vấn đặc biệt về kinh tế của Thiệu. Nhã là cố vấn đặc biệt về chính trị, được quyền ra vào Dinh Độc Lập bất kể lúc nào và có một phòng làm việc riêng trong Dinh. Buồng của Nhã ở trên lầu 2, phòng số 2 ở bên trái cầu thang rẽ vào. Mẹ Nhã là chị ruột thứ hai của Thiệu. Ngoài quan hệ họ hàng gần gũi (Nhã là cháu ruột Thiệu), Nhã được Thiệu tin dùng vì Nhã thông minh, có tài và là kẻ chống cộng điên cuồng. Nhã đã từng du học ở Mỹ, năm nay mới 32 tuổi, đã có

trong tay hai bằng: bằng kỹ sư điện tử học ở Oklahoma và bằng tiến sĩ của trường đại học chính trị bang giao quốc tế Pittsburgh. Bữa nay Nhã tới sớm vì theo lời hẹn, phải làm việc riêng với Thiệu.

Chuẩn bị tài liệu xong, Nhã xuống thăm vợ chồng Thiệu. Thiệu và vợ con ở ngay tầng trệt Dinh Độc Lập. Thấy cận vệ gác bên ngoài, biết Thiệu có mặt, Nhã bấm chuông. Mai Anh, vợ của Thiệu ra mở cửa:

- Ô cậu Nhã! Cậu đến sớm vậy? - Nói rồi, không chờ Nhã trả lời, Mai Anh tới ngay chiếc bàn tiếp tục trang điểm. Nhìn Thiệu còn mặc bộ đồ ngủ, Nhã biết đêm qua Thiệu ngủ ở đây. Còn đêm trước và đêm nay Thiệu ngủ ở đâu thì Nhã chịu. Không một ai, kể cả vợ Thiệu và đám vệ sĩ biết trước chỗ ngủ của Thiệu. Sợ bị ám sát, mỗi đêm Thiệu lại thay đổi chỗ ngủ. Riêng ở Dinh Độc Lập này, Thiệu đã có tới bốn buồng ngủ; một buồng ở tầng trệt và ba buồng ở lầu ba. Nhiều đêm Thiệu làm ra bộ ngủ ở buồng làm việc riêng, nhưng đến đêm lại lẳng lặng chui qua phòng tác chiến. Đấy là chưa kể nhiều đêm Thiệu đột nhiên biến khỏi Dinh Độc Lập bằng đường hầm bí mật về ngủ ở vila riêng trong Bộ Tổng tham mưu gần bờ sông và vài nơi khác trong thành phố. Đến Nguyễn Cao Kỳ cũng phải thốt lên với bọn đàn em: "Có muốn ám sát Thiệu cũng khó. Thiệu cứ lẩn như trạch".

Thả mình xuống salông, trong lúc chờ Thiệu thay đồ, Nhã quay sang nói chuyện với Mai Anh. Vì Thiệu là con thứ sáu, nên Nhã gọi vợ Thiệu là mợ Sáu, còn Thiệu tiếp xúc chủ yếu là trong công việc và thường là trước các thành viên khác, nên Nhã quen gọi Thiệu là Tổng thống và xưng tôi, Thiệu cũng vậy, Thiệu gọi Nhã bằng anh và xưng tôi.

- Mợ Sáu mới ở Tokyo về? - Nhã hỏi.

Mai Anh vẫn tiếp tục trang điểm, không quay lại, trả lời Nhã:

- Ôi! Tôi ở Tokyo về hơn một tuần nay rồi cậu ạ!

- Sức khỏe mợ chắc vẫn thường?

Mai Anh đáp:

- Ôi! Tôi không được khỏe lắm đâu cậu ạ! Vẫn cái chứng đau đầu, chóng mặt nó hành đến khổ!

Nghe bà mợ thốt lên cái "điệp khúc muôn thuở" ấy về sức khỏe, Nhã suýt bật cười. Mai Anh đi Tokyo không phải là du lịch hay thăm viếng gì. Cứ sáu tháng một lần định kỳ, bà ta phải qua đó để rút bớt mỡ và vào thẩm mỹ viện Tokyo để sửa sang lại nhan sắc. Thế nhưng Thiệu chẳng có thì giờ đâu mà ngó ngàng tới Mai Anh vừa quá già vừa ghê gớm. Ngoài những chuyện gọi là "quốc gia đại sự" ra, Thiệu cũng phải dành thì giờ để tận hưởng của lạ mà bọn tay chân thân tín đã dày công sắp đặt. Chuyện Thiệu trốn vợ mò xuống Vũng Tàu với người đẹp Kim Anh, chủ một nhà hàng giải khát nổi tiếng ở Bãi Trước ầm ĩ cả Sài Gòn. Nghe nói, đúng sai chưa được kiểm chứng, nhưng cô bồ thứ tư này của Thiệu từng được phong là "Hoa hậu Đông Nam Á". Nhưng chuyện này thì có thật, sau một thời gian mê mệt, Thiệu đã thu xếp cho Kim Anh ứng cử trở thành nghị viên hàng tỉnh của Vũng Tàu. Có lần Thiệu ra họp báo ở Vũng Tàu, các nhà báo và các ông, bà nghị viên, dân biểu được quyền đặt câu hỏi với Tổng thống. Khi bà nghị Kim Anh đặt câu hỏi với Thiệu, trả lời xong Thiệu còn hỏi ngược lại bà nghị Kim Anh: "Bà đã thỏa mãn chưa?". Câu hỏi của Thiệu làm bà Kim Anh đỏ mặt và hội trường rộ lên lời đàm tiếu. Để tránh bị ám sát, mỗi lần xuống Vũng Tàu chơi gái, Thiệu phải giăng mạng lưới bảo vệ dày đặc và phải vận tới cả kế "nghi binh". Trong lúc đoàn xe riêng của Thiệu có cảnh sát dẹp đường chạy rầm rầm ở dưới thì Thiệu tót lên chiếc trực thăng vũ trang làm nhiệm vụ hộ tống bay là là ở trên. Cả Sài Gòn

biết chuyện Thiệu có con riêng với Kim Loan, ca sĩ vang danh tài sắc đất Sài thành. Kim Loan cùng nhiều nữ ca sĩ sắc nước hương trời thường được Thiệu vời vào hát trong Dinh Độc Lập và đêm ép ngủ lại trong Dinh. Có với Kim Loan một giọt máu, Thiệu phải cho tay chân thu xếp để Kim Loan sang Tây Đức dưỡng thai và sinh nở ở bên đó. Con được sáu tháng, Kim Loan ôm con về lại Sài Gòn, nhưng vừa đặt chân xuống sân bay Tân Sơn Nhất thì bị Mai Anh thình lình xuất hiện chặn lại, cảnh cáo muốn bảo toàn tính mạng thì tức khắc lên máy bay quay lại Tây Đức. Thế là Kim Loan hộc tốc trở lại Tây Đức sống với khoản trợ cấp do tay chân Thiệu lo cho hằng tháng. Tháng 4-1973, sau khi Hiệp định Paris được ký kết, Thiệu thăm Mỹ và thăm một số nước phương Tây. Khi đến Tây Đức, Thiệu phải chuyển sang máy bay trực thăng tại phi trường để chuẩn bị hội kiến chớp nhoáng với Thủ tướng nước này. Hay tin, Kim Loan đã bế con chực chờ gần nửa ngày ở sân bay. Lúc chiếc Boeing sơn cờ vàng ba sọc đỏ hạ cánh, Kim Loan đã tìm cách đi qua cổng chính dành cho các yếu nhân ra thẳng đường băng. Kim Loan không gặp được Thiệu, chỉ gặp Mai Anh, vợ Thiệu tháp tùng chồng trong chuyến đi. Kim Loan bước tới chào và nói với Mai Anh điều gì đó. Mai Anh sa sầm mặt, lắc đầu và khoát tay bảo viên sĩ quan an ninh theo hộ tống mình đưa Kim Loan đi. Lúc này Kim Loan trông thấy Thiệu đang giơ tay ra hiệu chào cô trên chiếc trực thăng. Vậy là một lần nữa, đứa con rơi của Thiệu bị tước mất cơ hội gặp mặt cha đẻ của mình. Đây là lần hội ngộ cuối cùng éo le của đương kim Tổng thống Việt Nam Cộng hòa lúc đó với cô bồ ca sĩ một thời vang danh của Sài Gòn...

Thiệu thay đồ và ăn sáng xong. Nhã theo Thiệu lên phòng tác chiến làm việc. Buông người xuống chiếc ghế bành bọc da đỏ, Thiệu hỏi Nhã:

- Anh đã đọc hết xấp tài liệu tôi đưa chưa?

- Dạ, thưa đã! Tôi cũng đã nghiên cứu kỹ những tin tức liên quan đến cuộc tranh cãi ở Quốc hội Hoa Kỳ về khoản quân viện bổ sung cho Nam Việt Nam, báo cáo của Đại sứ Hoàng Kim Phương tại Washington, biên bản các cuộc họp báo ở Nhà Trắng do Nesson chủ trì về tình hình chiến sự tại Nam Việt Nam.

- Anh thấy triển vọng thế nào về vụ quân viện?

- Thưa Tổng thống, nếu nhìn thẳng vào sự thật thì đó là vấn đề hết sức gay cấn. Không phải là khoản thu xếp 720 triệu đôla viện trợ bổ sung, mà cái chính là Quốc hội Mỹ không muốn kéo dài nữa sự dính líu. Họ sợ rằng sự hy sinh thêm không khéo chỉ là uổng công vô ích.

Thiệu vặn lại:

- Quốc hội như vậy, nhưng Chính phủ Mỹ làm sao mà bỏ cuộc được. Họ đã từng hy sinh gần sáu vạn sinh mạng, đổ hàng trăm tỷ đôla để ngăn cản sự sụp đổ của Nam Việt Nam. Cái Nam Việt Nam này sập đổ thì nền an ninh toàn cầu của Mỹ cũng bị đe dọa. Có điều tôi luôn ám ảnh bởi câu hỏi: "Người Mỹ muốn gì ở đây? Họ định cái gì đây?".

- Thưa Tổng thống, theo tôi ta không nên dành quá nhiều tâm sức vào chuyện quân viện bổ sung. Đó là chuyện ngoài tầm tay. Những gì cần đe dọa, gây sức ép với Quốc hội thì Tổng thống G. Ford, tiến sĩ Kissinger và Đại sứ Martin đã và đang làm. Trong cuộc điều trần vừa rồi, Tổng thống G. Ford đã nhắc lại luận thuyết chiến tranh lạnh và cảnh cáo các nghị sĩ về sự sụp đổ của con bài domino, lớn nhất là nền an ninh của nước Mỹ. Nhưng ngay cả giới hạn thời gian tuyệt đối là ba năm viện trợ cho chúng ta, mà Tổng thống G. Ford nêu ra, cũng không hấp dẫn Quốc hội được nữa. Thượng nghị sĩ dân chủ Stevenson nói: "Thêm ba năm nữa cũng chẳng giải quyết được

gì. Nếu chúng ta định cắt bỏ thì cắt luôn bây giờ đi". Một nghị sĩ cộng hòa thậm chí còn quyết liệt hơn. Ông ta nói: "Xem chừng vô hy vọng. Hãy xiết chặt túi tiền viện trợ lại, chúng ta rút ra thôi".

Đấy, thực trạng là như vậy. Chắc Tổng thống qua các nguồn tin từ phía chính thống cũng thấy. Không phải chỉ chúng ta lo ngại, mà Chính phủ Mỹ cũng bối rối. Họ đã phải đưa ra những lời khiếu nại. Đại tướng George Brown, Chủ tịch Hội đồng tham mưu trưởng liên quân đã phải đặt một câu hỏi như thế này trước Quốc hội: "Liệu có nhà thơ tương lai nào viết về tiếng "tách" mà người ta nghe thấy ở khắp chiến trường Nam Việt Nam của người bạn đồng minh của chúng ta không? Tiếng "tách" đó sẽ là tiếng của một chiếc cò súng nổ vào một cần cơ bẩm rỗng không. Ngày mà những người chiến đấu cho tự do ở Đông Nam Á đã sử dụng hết viên đạn cuối cùng, trong băng đạn cuối cùng của mình". Thống thiết như vậy mà một nghị sĩ đã đốp chát lại G. Brown ngay giữa cuộc điều trần: "Không phải tiếng tách mà là tiếng loảng xoảng của đổ vỡ, Đại tướng George Brown thân mến ạ. Nhưng dẫu vậy, những người Mỹ khôn ngoan chúng ta cũng phải mau rút ra thôi!".

Thiệu cười nhạt:

- Nói tới người Mỹ, anh lúc nào cũng có thái độ hài hước, chua cay!

- Tôi không tin họ - Nhã đáp - Kể từ sau vụ họ ép ta ký Hiệp định Paris. Tôi nhớ kỳ đó, sau khi nghiên cứu bản dự thảo Hiệp định, tôi đã nêu với Tổng thống 26 điều bất lợi cho Việt Nam Cộng hòa. Cũng ngay tại phòng họp này, những điều tôi chất vấn, Kissinger đã cứng họng. Nay thì mới sau hai năm thực thi, Hiệp định Paris đã phơi trần tất cả những điều khoản chết người ấy.

- Theo anh thì người Mỹ bỏ cuộc?

- Thưa Tổng thống! Nhận định như vậy có thể là quá sớm và thiếu thận trọng. Tổng thống là người cao nhất chính thể này, người tiếp xúc trực tiếp và duy nhất với người Mỹ, chắc Tổng thống quá rõ. Nhưng như có lần tôi đã thưa với Tổng thống đấy: Người Mỹ là kẻ đi buôn, họ sẽ bán rẻ chúng ta nếu như chúng ta không còn sinh lợi cho họ nữa!

Mặt Thiệu lạnh như tiền, cứ mỗi lần nhắc tới nguy cơ bị người Mỹ chối bỏ là y như rằng Thiệu chạm nọc. Thiệu cầm xấp tài liệu Nhã đưa, giở lướt từng trang. Lát sau Thiệu ngẩng lên hỏi Nhã:

- Còn những câu hỏi nghiên cứu tôi đặt ra với anh?

- Trình Tổng thống, đã có ở phần dưới xấp tài liệu này. Tôi đã hệ thống từng vấn đề với những dữ kiện mà tôi nắm được. (Hồi làm Bộ trưởng Thông tin Chiêu hồi, Nhã đã khôn khéo gài người vào Đại sứ quán Nam Việt Nam ở các nước, xây dựng được mạng lưới nắm tình hình riêng của mình. Bị cách chức một cách bất đắc dĩ, nhưng Nhã vẫn là một trong hai cố vấn thân cận của Thiệu, nên tay chân của Nhã ở các nước trên vẫn yên vị).

- Anh nghĩ thế nào về mục tiêu của cộng sản trong thời gian tới?

- Trình Tổng thống! Tình hình khác hẳn với nhận định của Hội đồng An ninh quốc gia họp cuối tháng 12 năm ngoái. Trong phiên họp đó, tôi nhớ dự kiến xấu nhất là cộng sản tấn chiếm thêm một số đất đai đáng kể ở cả ba quân khu, trừ quân khu IV và chiếm được Tây Ninh hoặc Bình Long để làm thủ đô của Chính phủ Cách mạng lâm thời. Nhưng nay, nếu tình hình, tình thế cho phép, tôi tin mục tiêu của cộng sản là đánh chiếm cả Sài Gòn.

- Tình thế đó theo anh là gì?

- Nếu người Mỹ không nhảy vào can thiệp và nếu mùa mưa không kịp tới để chặn bước tiến của cộng sản lại. Theo tôi ta phải hành động thật gấp.

- Sáng qua tôi đã nhân danh Tổng tư lệnh tối cao Quân lực Việt Nam Cộng hòa, chỉ thị cho tất cả các quân khu phải chặn địch lại và bắt đầu chuyển sang phản kích!

- Tổng thống quyết tâm giữ cả Huế - Nhã hỏi, giọng có vẻ nghi ngờ.

Thiệu đáp:

- Hôm qua, Trưởng có điện báo Quân đoàn 1 xin rút khỏi Huế. Tôi không trả lời trực tiếp rút hay không. Tôi đã cho gửi bức điện chung cho tất cả các tư lệnh quân đoàn cũng đồng thời điện trả lời Trưởng về chuyện này.

- Trình Tổng thống! Theo tôi, chiến trường cần những chỉ lệnh cụ thể, dứt khoát. Ở đây, Trưởng cần biết Tổng thống có chấp nhận cho ông ta rút khỏi Huế hay không?

- Không được! - Thiệu vừa gấp xấp tài liệu lại vừa nói - Hôm trước tôi vừa tuyên bố bảo vệ Huế đến chết, nay lại ra lệnh bỏ Huế. Nếu vậy anh nghĩ thế nào? Hãy để mặc Trưởng tự liệu. Nếu sức cộng sản mạnh thì y có cố mà giữ Huế theo nghiêm lệnh cũng không được. Hơn nữa, tôi nghĩ hắn đã bơm quá to sức ép của cộng sản ở vùng 1. Hãy để cho hắn và binh lính của hắn chịu hoàn toàn trách nhiệm về chuyện này. Còn ta phải tính trước cho các vùng khác, cho toàn cục. Tòa đại sứ vừa báo Tổng thống G. Ford đã cử tướng Weyand sang thị sát tình hình. Vài bữa nữa Weyand sẽ tới Sài Gòn. Martin trở lại cùng với ông ta. Cần phải chuẩn bị ngay chương trình cụ thể và hữu hiệu để làm việc với Weyand.

Nhã nói sau một hồi suy nghĩ:

- Thưa Tổng thống, theo tôi Huế và không khéo cả Đà Nẵng nữa cũng khó mà giữ được. Nếu mất Đà Nẵng có nghĩa ta mất gần hết Quân khu 1 và Quân khu 2. Cho dù có chặn được cuộc tiến công của cộng sản trước mùa mưa, thì ta cũng đã mất đến một nửa đất đai của Nam Việt Nam này chứ có ít đâu. Vì vậy, cùng với việc chặn đứng cộng sản trên chiến trường, trì hoãn chiến tới mùa mưa, phải phản kích mạnh mẽ trên mặt trận chính trị.

- Anh muốn nói tới chuyện tố cáo cộng sản xâm lăng trước quốc tế?

- Thưa Tổng thống, đúng vậy. Theo tôi cần phải làm tức khắc và đồng thời mấy việc: Thứ nhất, tố cáo cộng sản đã ngang nhiên dùng hàng chục sư đoàn tấn công trên toàn lãnh thổ Nam Việt Nam. Chúng đã xé toang Hiệp định Paris, giày xéo lên ước vọng hòa bình của dân chúng, thách thức Hoa Kỳ và toàn thế giới. Thứ hai, khẳng định lại chủ quyền của Nam Việt Nam, trên toàn lãnh thổ từ vĩ tuyến 17 đến mũi Cà Mau. Tất cả những phần đất do cộng sản tạm thời cưỡng chiếm trong cuộc tổng tiến công thô bạo này, không được coi là lãnh thổ của cái Mặt trận dân tộc giải phóng. Mọi sự sắp đặt chính trị hay hành chính mà cộng sản Bắc Việt dựng lên ở những phần đất lấn chiếm được là hoàn toàn vô giá trị; Thứ ba, là vụ người di tản. Ta cần phải tố lên thật thống thiết để kích động lương tâm quốc tế, kêu gọi các nước xúm vào cứu trợ. Đây chính là "một cuộc bỏ phiếu bằng đôi chân". Hàng triệu người lìa bỏ nhà cửa, quê hương, sẵn sàng chấp nhận mọi hiểm nguy để tìm về với chúng ta, với chánh nghĩa quốc gia.

Thiệu đứng dậy bắt tay Nhã. Một cử chỉ biểu lộ Thiệu chịu những ý kiến của Nhã là cao kiến. Thiệu nói:

- Đúng! Anh nói rất trúng ý tôi. Ngay bây giờ anh qua gặp Ngoại trưởng Vương Văn Bắc và cùng với ông ta soạn thảo ngay bản tuyên bố của Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về vấn đề này. Nếu cần thì cho Bộ Thông tin họp báo, phân phát cho các nhà báo quốc tế văn bản đó.

Nhã phấn chấn tươi tỉnh. Y hỏi lại Thiệu:

- Trình Tổng thống! Lời tuyên bố đó của Bộ Ngoại giao sẽ được Tổng thống duyệt xét lại?

- Thôi khỏi! - Thiệu phủi tay - Anh và Ngoại trưởng Vương Văn Bắc cứ thảo rồi cho công bố. Nhớ phải gom cho đủ những ý tứ mà tôi vừa trao đổi với anh.

Đúng lúc ấy, chuông điện thoại reo, Nhã cầm ống nghe:

- A lô! Tôi nghe đây!

- Anh Nhã phải không?

- Xin chào Đại tướng Cao Văn Viên! Cảm ơn Đại tướng nhận ra tiếng tôi.

- Xin chào anh! Anh vẫn khỏe chứ?

- Cảm ơn Đại tướng, vẫn thường!

- Anh cho tôi nói chuyện với Tổng thống!

- Đại tướng chờ cho một chút!

Nhã đưa ống nghe cho Thiệu.

- A lô! Đại tướng Cao Văn Viên phải không? Tôi nghe đây!

- Trình Tổng thống! Ủy ban đặc biệt điều tra về cuộc lui binh của Quân đoàn 2 khỏi Tây Nguyên, lập ra theo lệnh của Tổng thống, đã hoàn tất công vụ. Sáng nay, Bộ Tổng tham mưu nghe Ủy ban điều trần lại sự vụ.

- Rồi! Anh triệu họp những ai?

- Dạ, thưa Tổng thống! Chỉ có tôi, Tướng Khuyên, Tướng Quang, Thủ tướng Khiêm và Đại tá Nguyễn Hữu Lợi, phụ tá Tổng thanh tra Quân đội.

- Được! Anh cứ cho gọi họp. Tôi sẽ qua sau. Nhã cáo biệt. Thiệu chưa qua Bộ Tổng tham mưu ngay mà cho gọi Võ Văn Cầm, Chánh văn phòng Phủ Tổng thống lên. Thiệu giao cho Cầm bức công điện mật do đích thân Thiệu ký về chủ trương giữ các phần đất còn lại sau khi rút bỏ Tây Nguyên. Đây là bức công điện duy nhất mà Thiệu đứng tên và ký tên trong toàn bộ quá trình diễn ra sự sụp đổ, kể từ khi Phước Long thất thủ. Những bức điện tác chiến hoặc bản văn chỉ huy khác đều do Cao Văn Viên, Tổng Tham mưu trưởng thừa lệnh Thiệu ký và ban hành. Thiệu dặn Cầm cho sao y bản chính và chuyển tức khắc công điện này. Trong công điện đã được Thiệu trực tiếp chữa rất kỹ, những câu chữ Thiệu thêm vào lại là những câu chữ rất giả dối, ngụy quân tử: "... tôi rất hãnh diện về tinh thần chiến đấu rất anh dũng...", "... tôi ân cần nhắc nhở quý vị...". Toàn văn bức công điện ấy như sau:

CÔNG ĐIỆN MẬT[1]
Thượng khẩn:
Nơi gửi: Tổng thống Việt Nam Cộng hòa.
Nơi nhận:
- Các tư lệnh Quân khu.
- Các tư lệnh Quân binh chủng.
- Tư lệnh Biệt khu Thủ đô.
- Các tư lệnh sư đoàn.
- Các tỉnh trưởng kiêm tiểu khu trưởng.

---

1. Công điện khẩn - tuyệt mật ngày 24-3-1975 của Nguyễn Văn Thiệu lệnh bảo vệ đến cùng phần đất còn lại và thư ngày 25-3-1975 của Tổng thống Mỹ G. Ford gửi Thiệu ta thu được tại Dinh Độc Lập.

- Tư lệnh cảnh sát Quốc gia.

Bản văn số: 013 - TT-CĐ-M.

Công điện này của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa đặc biệt dành riêng cho cá nhân quý vị.

A- Đất nước hiện đang trải qua cơn thử thách nghiêm trọng. Tình hình hiện tại rất dễ gây hoang mang trong quân đội và dân chúng. Tôi đã giải thích sơ lược tình hình chung trong ngày 20-3-1975. Từ đây, tôi sẽ còn nhiều dịp nói chuyện với dân quân về tình hình đất nước. Hôm nay, tôi thấy cần lưu ý thêm quý vị về các sự kiện sau đây:

Thứ nhất: Nhân danh Tổng Tư lệnh tối cao quân lực, tôi rất hãnh diện về tinh thần chiến đấu anh dũng của toàn thể chiến hữu các cấp trong thời gian qua;

Thứ hai: Những việc làm của Chính phủ và quân lực trong những ngày qua là do những quyết định can đảm đã được Hội đồng An ninh quốc gia ban hành sau khi đã cân nhắc kỹ lưỡng. Để bảo toàn lực lượng ta, hầu đủ khả năng giữ vững những vùng đông dân cư và trù phú của đất nước. Tôi đã nhấn mạnh ngày 20-3-1975 là tất cả những phần đất còn lại sẽ được bảo vệ đến cùng;

Thứ ba: Mọi tin đồn và suy diễn bừa bãi, trái với các sự kiện trên đều nằm trong kế hoạch của cộng sản. Toàn dùng chiến tranh cân não để phá hoại tinh thần chiến đấu của quân dân ta.

B- Trong giai đoạn này, nhiệm vụ cứu quốc của quân đội có được chu toàn hay không là do nơi quý vị. Từ đó tôi ân cần nhắc nhở quý vị lưu tâm thi hành các điều sau đây:

Thứ nhất: Phải luôn bình tĩnh. Trước mọi tình hình phải đối phó có kế hoạch trong phạm vi trách nhiệm;

Thứ hai: Phải luôn đề cao cảnh giác, sẵn sàng, đừng để bất ngờ;

Thứ ba: Lệnh chiến đấu và giữ đất bảo vệ dân phải cương quyết và phải được triệt để thi hành;

Thứ tư: Phải duy trì kỷ luật tối đa. Những hành động hèn nhát trước mắt địch quân phải được trừng trị nhanh chóng và mạnh mẽ để làm gương;

Thứ năm: Phải tích cực tiếp xúc với cấp dưới để tác động tinh thần hầu hun đúc ý chí bất khuất và lòng dũng cảm của chiến sĩ, các cấp đúng với truyền thống quân đội;

Thứ sáu: Phải giữ vững tinh thần của anh em binh sĩ, đừng nản lòng trước những nghịch cảnh và khó khăn;

Thứ bảy: Phải bảo vệ tối đa quân dụng và chiến cụ. Toàn dân đang đặt hết tin tưởng vào quý vị và chiến hữu các cấp.

Sài Gòn, ngày 24-3-1975
Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu
đã ký

Chánh văn phòng Tổng thống
Võ Văn Cầm

Sao kính gửi:
- Phó Tổng thống VNCH.
- Thủ tướng Chính phủ kiêm Tổng trưởng quốc phòng.
- Đại tướng TTMT Quân lực Việt Nam Cộng hòa.
"Để kính tường"

*

* *

Cuộc họp của Bộ Tổng tham mưu chậm hơn so với dự kiến

đến gần một giờ. Viên cố chờ Thiệu qua mới bắt đầu. Bởi lẽ Viên rất ngán tính Thiệu, nghe chưa ra đầu ra đũa gì đã vặn xuôi vặn ngược. Mà quả đúng như vậy. Vừa kéo ghế ngồi, Thiệu đã chất vấn Viên luôn:

- Anh tiến hành điều tra cuộc lui binh của Quân đoàn 2 theo cách thức nào?

Trung tướng Đồng Văn Khuyên, Tham mưu trưởng Bộ Tổng tham mưu, ngồi cạnh Viên vội đỡ lời:

- Trình Tổng thống! Theo lệnh Tổng thống, một ủy ban đặc biệt đã được lập ra do Đại tá Nguyễn Hữu Lợi, phụ tá Tổng thanh tra quân đội đảm trách. Cuộc điều tra được tiến hành theo những câu hỏi hội đủ những vấn đề mà Bộ Tổng tham mưu chất vấn về toàn bộ cuộc lui binh.

Vẫn chiếu thẳng cái nhìn vào Viên, Thiệu chất vấn tiếp:

- Anh đặt ra những câu hỏi cụ thể nào?

Vốn tác phong đại khái, bị Thiệu truy vào những vấn đề cụ thể, Viên lúng túng. Viên đưa mắt nhìn Lợi. Hiểu ý, Lợi trình với Thiệu:

- Trình Tổng thống! Ủy ban đã nêu lên một loạt câu hỏi chất vấn xoay quanh ba vấn đề lớn: Thứ nhất, tình hình 24 giờ trước khi cuộc triệt thoái khỏi Pleiku; Thứ hai, trách vụ của Tướng Tất, Tư lệnh cuộc lui binh. Tướng Tất đã ra những chỉ thị gì? Đã phối hợp như thế nào với Tướng Phú, với Bộ Tổng tham mưu? Lộ trình rút được chuẩn bị như thế nào? Thứ ba, những vấn đề nảy sinh trong quá trình lui binh khiến dẫn tới thảm họa?

Thiệu truy tiếp:

- Anh hãy nêu những câu hỏi cụ thể mà ủy ban đã đặt ra cho phần cuối, tức là phần quá trình diễn ra cuộc lui binh.

Lợi luýnh quýnh tìm tài liệu. Một lát sau y rút trong cặp tài liệu ra một tờ giấy dày đặc những chữ. Không ngẩng lên nhìn Thiệu, y cắm mặt vào tờ giấy, vừa xem vừa trả lời:

- Riêng phần ba, thưa Tổng thống, Ủy ban đã đặt ra bảy câu hỏi chất vấn như sau: Thứ nhất, có bao nhiêu liên đoàn biệt động quân nhận được kế hoạch lui binh? Nhận được trước giờ triệt thoái bao lâu? Thứ hai, phần vụ cụ thể của mỗi liên đoàn biệt động quân khi bị áp lực của địch? Thứ ba, có bao nhiêu đơn vị địa phương, hành chính, tiếp vận và yểm trợ dự cuộc lui binh? Thứ tự di chuyển? Thứ tư, hỏa lực yểm trợ cho cuộc lui binh gồm những đơn vị nào? Chiến xa và thiết giáp có biết lộ trình để chuẩn bị đủ nhiên liệu? Hỏa lực đem theo để yểm trợ có được đầy đủ hay không? Thứ năm, kế hoạch phản công khi bị địch tiến công trên lộ trình? Thứ sáu, cuộc lui binh có hay không có sĩ quan điều không tiền tuyến? Sĩ quan này có liên lạc được với không quân không? Thứ bảy, biệt động quân là lực lượng quan trọng nhất của cuộc lui binh. Vậy lực lượng này đã tan rã lúc nào? Liên đoàn nào bị thiệt hại nhiều nhất?

- Thôi được - Thiệu tỏ vẻ sốt ruột - Anh hãy nói về những nguyên nhân tổng quát dẫn cuộc lui binh đến thảm hại.

Đã chuẩn bị trước, Viên nhoài người trên bàn, đưa tập tài liệu đánh máy cho Thiệu:

- Trình Tổng thống! Đây là bản tường trình của Ủy ban. Phần cuối, Ủy ban đã đúc kết năm nguyên nhân căn bản dẫn cuộc lui binh đến thảm hại.

Thiệu lên kính, lật nhanh tài liệu, tìm đọc phần kết luận trong trang cuối:

KẾT LUẬN

"Nguyên nhân khiến cuộc lui binh của Quân đoàn 2 khỏi Tây Nguyên rơi vào thảm bại là do:

Thứ nhất: Cuộc lui binh khỏi Pleiku, Kon Tum chọn đường 7B làm lộ trình nhưng không được các sĩ quan tham mưu nghiên cứu đầy đủ trước (vì sợ tiết lộ bí mật) nên đã xảy ra nhiều chướng ngại vật, kéo dài thời gian nên bị cộng sản kịp thời bôn tập tấn công gây khó khăn, tổn thất nặng nề.

Thứ hai: Cuộc lui binh đặt tin tưởng ở lực lượng địa phương sẽ làm an ninh lộ trình. Nhưng trên thực tế, lực lượng này đã bỏ vị trí ấn định khiến địch chiếm đóng lập chốt chặn... Do đó, buộc các chỉ huy phải tung lực lượng giải tỏa mà không trù liệu trước.

Thứ ba: Do không dự trù nỗ lực của địch nên hoang mang, lúng túng dưới áp lực rất mạnh của địch.

Thứ tư: Việc liên lạc giữa bộ chiến và không quân không được chặt chẽ khiến oanh tạc nhầm hai lần gây cho biệt động quân tổn thất nặng nề. Ngày 17-3, oanh tạc nhầm tại chốt đông nam Phú Bổn 2km làm thiệt hại nặng một đại đội biệt động quân. Ngày 18-3, máy bay lại oanh kích nhầm loại khỏi vòng chiến Liên đoàn 7 biệt động quân cùng nhiều xe bọc thép.

Thứ năm: Không dự trù được tình hình dân chúng cùng rút lui theo quá đông. Do đó gây tắc nghẽn lộ trình nhất là khi bị địch tấn công.

Tóm lại: Nguyên tắc hành quân rút lui với hai hình thức "có áp lực" và "không có áp lực của địch" là nguyên nhân căn cốt của thảm họa, khiến cuộc lui binh trở thành cuộc tháo chạy được xem là hỗn loạn nhất trong lịch sử chiến tranh hiện đại...".

Thiệu đặt mạnh tập tài liệu xuống bàn, bỏ kính nhìn Viên chằm chằm:

- Sao? - Thiệu hỏi, giọng tỏ vẻ khó chịu - Sao kết luận thảm họa lớn nhất? Anh đã nắm các đơn vị Quân đoàn 2 thiệt hại cụ thể như thế nào? Mất bao nhiêu lính, quân cụ, quân dụng?

Viên đáp:

- Trình Tổng thống! Theo tin kỹ thuật, sáng nay đoàn di tản đầu tiên mới về đến Tuy Hòa nên chưa thống kê được thiệt hại cụ thể.

Đúng lúc ấy, chuông điện thoại reo. Tướng Khuyên, Tham mưu trưởng Bộ Tổng tham mưu ngồi gần, nhoài người nhấc ống nghe.

- A lô! Tôi nghe đây! Văn phòng Bộ Tổng tham mưu đây!

- A lô! Tôi Ngô Quang Trưởng, Tư lệnh vùng 1 xin gặp Đại tướng Tổng tham mưu trưởng có việc khẩn trình!

Khuyên quay lại nhìn Viên:

- Trình Đại tướng, có Tướng Trưởng xin gặp gấp.

Viên chưa kịp phản ứng thì Thiệu đã xô ghế bước tới đón lấy ống nghe.

- A lô! Tôi Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu nghe đây!

Trưởng ngỡ ngàng, lúng túng. Trưởng định báo cáo tin rút Huế với Viên nhưng bất ngờ gặp Thiệu. Trưởng chưa biết xử trí ra sao thì đã vang lên tiếng hỏi gấp gáp của Thiệu:

- Sao? Trung tướng Ngô Quang Trưởng đâu? Tình hình vùng 1 ra sao? Huế ra sao?

Trưởng luống cuống:

- Dạ... Dạ... Khẩn trình Tổng thống! Quân đoàn 1 đã rút khỏi Huế!

Thiệu cáu, quát tướng lên trong máy:

- Sao? Sao? Ai cho phép anh rút khỏi Huế? Ai cho phép?

Đầu dây đằng kia im bặt.

Thiệu dồn tiếp:

- Tại sao cộng sản nó chưa tấn kích, anh lại bỏ Huế? Thủy quân lục chiến còn, Sư đoàn 1 còn (Sư đoàn bộ binh số 1 và thủy quân lục chiến đảm trách mặt trận bắc Huế và Quảng Trị).

Trưởng đã trấn tĩnh, vặn lại Thiệu:

- Trình Tổng thống! Theo lệnh Tổng thống, đại bộ phận thủy quân lục chiến đã rút khỏi bắc Huế để thế chân cho lính dù về Sài Gòn. Sư đoàn 1 của Tướng Điềm cũng không còn nữa! (Bốn chữ "theo lệnh Tổng thống" Trưởng kéo dài và dằn giọng. Trưởng muốn nhắc nhở tất cả những hậu quả bi thảm này là do quyết định ngu xuẩn của Thiệu gây ra).

Vừa nghe nói tới Sư đoàn 1, Thiệu đã giật nảy người như bị con gì cắn vào chân. Thiệu hỏi lại Trưởng, giọng hốt hoảng:

- Sao? Sao Sư đoàn 1 của Tướng Điềm lại không còn?

- Trình Tổng thống! Sư đoàn 1 bị thiệt hại nặng, nhiều bộ phận đã rã ngũ, binh lính và cả sĩ quan đã chạy lo di tản gia đình!

Nghe Sư đoàn 1 thiện chiến nhất của quân đội Sài Gòn đã tan rã, Thiệu choáng váng. Lặng người một lúc, Thiệu đặt cho Trưởng một câu hỏi:

- Nếu tôi lệnh anh quay lại Huế, anh làm được không?

Trưởng trả lời nước đôi, sau một thoáng chần chừ:

- Nếu Tổng thống ra lệnh, tôi có thể làm. Nhưng tôi không dám chắc là sẽ giữ được Huế bao nhiêu ngày.

Thiệu đặt mạnh ống nghe xuống, quay lại hằm hằm nói với cả bọn:

- Trưởng đã tự động bỏ Huế, đã làm tan rã cả Sư đoàn 1. Cần phải trừng phạt để làm gương. Hắn đã bất tuân thượng lệnh!

Nói xong, Thiệu đùng đùng quay ra. Nhưng vừa tới cửa phòng, chợt nhớ ra điều gì, Thiệu quay phắt lại, chỉ tay về phía Viên ra lệnh:

- Ngay hôm nay anh phải cho người bay ra Đà Nẵng. Phải bổ sung ngay đạn dược, vũ khí cho Trưởng. Bộ Tổng tham mưu phải chi viện tối đa giúp Trưởng giữ cho kỳ được Đà Nẵng. Chỉ mấy ngày nữa phái đoàn của tướng Weyand sẽ qua!

Nói rồi, không chờ Viên đáp lại, Thiệu quay gót.

Trước những mệnh lệnh hết sức mâu thuẫn của Thiệu - Vừa đòi trừng phạt Trưởng xong lại lệnh phải chi viện tối đa cho Trưởng, khiến Viên, Khiêm nhìn nhau lắc đầu ngán ngẩm. Khuyên và Lợi không nói gì, thu vội đống tài liệu trên bàn. Thế rồi, không ai bảo ai, Viên, Khiêm, Khuyên và Lợi cùng lúc xô ghế đứng dậy. Tin mất Huế như quả bom làm tan cuộc điều trần của cái ủy ban được lập ra theo lệnh của Thiệu, điều tra về vụ Quân đoàn 2 rút khỏi Tây Nguyên...

*

* *

Theo lệnh Thiệu, Cao Văn Viên và Đồng Văn Khuyên cử ngay Lê Ngọc Triển, Thiếu tướng, Tham mưu phó hành quân Bộ Tổng tham mưu tức tốc bay ra Đà Nẵng. Triển xộc thẳng vào đại bản doanh Quân đoàn 1 giữa lúc Ngô Quang Trưởng đang rối bời. Căn phòng lớn của Trưởng kê chiếc bàn đồ sộ với ba chiếc ghế lớn bọc da, xoay được tứ phía. Trưởng có cái thích thú đặc biệt là ngồi chễm chệ trên chiếc ghế bành của mình, đối diện với ba chiếc ghế xoay để tiếp khách, nghe báo cáo tình hình hoặc nốc rượu Whisky, rượu Napoleon và tán dóc với

Lâm Quang Thi, Tư lệnh phó về binh pháp. Thế nhưng, bữa nay hộc tốc bước vào phòng, Triền đã sững lại. Trưởng đang gập cái thân hình cao quá khổ của mình xuống mặt bàn bên trái, nơi đặt la liệt các máy điện thoại gọi đi khắp nơi. Chuông điện thoại reo liên hồi. Trưởng tối mắt tối mũi trước tin tức từ các nơi điện về như thác đổ. Thảm họa ngay từ phút đầu của cuộc lui binh khỏi Huế đã đè bẹp Trưởng xuống. Cái gọi là "sự chỉ huy" đã tuột khỏi tay Trưởng. Tất cả đã lộn nhào. Theo hợp đồng, 19 giờ đêm qua, lệnh rút quân mới thực thi trên toàn mặt trận. Vậy mà ngay từ chiều, sau cuộc họp ở Bộ Tư lệnh Quân đoàn về, các đơn vị đã mạnh ai nấy rút. Bộ Tư lệnh Quân đoàn 1 tiền phương của Tướng Thi, mới 18 giờ đã tháo chạy về tới cửa biển Thuận An. Riêng Tướng Thi đã lên trực thăng, ra tàu chỉ huy hải quân HQ.05 đậu ở ngoài khơi. Hơn 20 chiến đỉnh và giang đỉnh ở Tân Mỹ đã không chịu ghé vào cửa Thuận An bốc quân theo hợp đồng, mà chạy thẳng một mạch về Đà Nẵng. Máy bay A.37 của Tướng Khánh xuất kích chuyến đầu tiên lại ném bom nhầm làm đắm luôn tàu hải quân HQ.14, khi tàu này đang tìm cách cập cửa Thuận An. Đã thế biển lại động mạnh, những chiến đỉnh không ủi được bãi, tàu hải quân cứ đành đậu ở ngoài khơi mà hú còi. Gần 20.000 sĩ quan, binh lính và cả ngàn xe cộ ùn tắc ở cửa Thuận An, không còn đường thoát trước những loạt đạn pháo tầm xa rót tới như mưa của Quân giải phóng. Cửa Tư Hiền cũng tắc nghẽn. Thủy quân lục chiến không chiếm được cao điểm núi Vĩnh Phong, tàu hải quân không cập được cửa Tư Hiền, không có tàu nào được đánh đắm để làm cầu dã chiến bắc qua eo biển này. Sóng cồn cửa biển chiều động mạnh đã nhấn chìm cả ngàn người liều mạng vượt biển bơi ra tàu... Trong cảnh sống

mái, không còn thiết đến chuyện bảo mật, tướng tá các đơn vị lên máy bộ đàm kêu cứu, chửi nhau loạn xạ...

Chết ngập trong mớ thông tin rối bời ấy, Trưởng không còn biết xử trí ra sao. Khuôn mặt lưỡi cày đầy trứng cá của Trưởng tái xám lại và như dài ngoẵng thêm ra. Buông ống nghe, Trưởng quay lại thẫn thờ nhìn Triền lúc đó đang đứng sững giữa phòng. Trưởng không buồn chào và cũng không buồn mời Triền ngồi nữa.

- Trình Trung tướng! Theo lệnh Tổng thống và Đại tướng Tổng tham mưu trưởng, tôi có mặt để nắm cụ thể tình hình nội vụ của Quân đoàn 1 sau khi rút khỏi Huế...

Triền vừa nói tới đây, Trưởng đã xua tay cắt lời:

- Ông hãy trở lại ngay Sài Gòn nói với Tổng thống Thiệu và Đại tướng Cao Văn Viên là Đà Nẵng nguy ngập lắm rồi. Tình hình đột biến mỗi giờ chứ không còn mỗi ngày như trước nữa. Bộ Tư lệnh Quân đoàn 1 tiền phương, Sư đoàn 1 bộ binh, những lữ đoàn thủy quân lục chiến còn lại ở bắc Huế hiện mắc kẹt chưa rút về Đà Nẵng được...

Trưởng đã nói đến vậy, Triền thấy cũng không còn phương cách gì hơn. Sau mấy lời cảm thông, chia sẻ với Trưởng về tình hình trầm trọng khó gỡ, Triền vội vã ra trực thăng bay về Sài Gòn...

*

* *

Tin Huế thất thủ, Đà Nẵng nguy ngập đã giáng cho Thiệu đòn cân não rất nặng. Chiều tối ngày 26-3, sau khi trực tiếp nghe Triền ở Đà Nẵng về báo cáo, Thiệu triệu ngay tay chân thân tín đến họp. Dự họp, ngoài Thiệu, Quang, Khiêm, Viên, Nhã còn có Nguyễn Khắc Bình, Trung tướng, Tổng giám đốc

Nha cảnh sát Đô thành. Bình cũng là một trong những tay chân thân tín, nguyên cựu chánh văn phòng của Thiệu.

- Tôi vừa nhận được thư điện của Tổng thống G. Ford. Tòa đại sứ Mỹ vừa chuyển thư đó vào chiều tối hôm qua. Các anh xem nội dung sẽ rõ - Nói tới đây, Thiệu đưa mắt cho Nhã. Nhã mở cặp tài liệu đưa cho các thành viên dự họp mỗi người một bản sao bức thư ngày 25-3 của G. Ford được chuyển qua kênh liên lạc tuyệt đối an toàn của Nhà Trắng với sứ quán Mỹ tại Sài Gòn. Thiệu nói tiếp - Trong thư Tổng thống G. Ford nói đã cử Tướng Weyand sang xem xét tình hình tại chỗ, để tranh đấu với Quốc hội Mỹ đảm bảo đầy đủ khối lượng viện trợ cho Nam Việt Nam. Tòa đại sứ Mỹ vừa báo nội nhật ngày kia, phái đoàn của Tướng Weyand, trong đó có cả Đại sứ Martin đi cùng, sẽ có mặt ở Sài Gòn...

Trong lúc Thiệu nói, Khiêm, Quang, Viên và Bình vừa nghe vừa tranh thủ đọc thư của G. Ford.

Nhà Trắng, ngày 25 tháng 3 năm 1975

Ông Tổng thống thân mến!

Tôi rất hiểu thời kỳ khó khăn mà ông đang phải trải qua. Tôi đã nhờ Đại sứ Martin chuyển lòng khâm phục của tôi trước quyết tâm, ý chí và lòng dũng cảm của ông

Tôi rất lấy làm tiếc trước những sự việc xảy ra trong 12 tháng qua... Những sự kiện mà cả hai bên chúng ta đều không thể kiểm soát được đã dẫn đến chỗ có sự giảm sút cho chi viện vật chất của Mỹ, một sự chi viện chính mà chính phủ của ông hy vọng nhận được. Tuy rằng tôi rất tiếc cho các cuộc rút quân mà cũng cảm thấy bắt buộc phải thực hiện, song tôi hoàn toàn hiểu rõ lý do của các hành động đó, nhằm để giảm bớt các con đường giao thông và tiếp tế kéo dài và để các lực lượng quân sự của ông có thể tập trung tốt hơn vào việc bảo vệ các vùng sinh tử.

Bây giờ vấn đề cơ bản là phải quyết định một cách chính xác những hành động mà cả hai bên chúng ta có thể thực hiện để đem lại những triển vọng nhất trong tương lai. Mặc dù qua thái độ của Quốc hội và dân chúng Mỹ, ông có thể đánh giá bi quan về triển vọng viện trợ kinh tế và quân sự của Mỹ, song tôi cho rằng tình hình ngày nay đã thay đổi hẳn. Các cuộc rút quân của ông đã phản ánh những nét thực tế của tình hình hiện tại rõ hơn mọi lời lẽ. Do vậy, ở đất nước này, chúng tôi ngày càng hiểu thấu nhu cầu cấp bách của ông về viện trợ bổ sung với khối lượng đầy đủ.

Ông có thể tin chắc rằng chúng tôi sẽ cố gắng hết sức giành giật từ Quốc hội những khối lượng viện trợ đầy đủ cho Nam Việt Nam. Chúng tôi thấy rằng phải làm việc nhanh chóng.

Để đảm bảo cho tôi được thông báo đầy đủ, hoàn chỉnh và để đảm bảo rằng, những đề nghị viện trợ quân sự của chúng tôi đề ra đáp ứng được với nhu cầu thực sự hiện tại của ông, tôi đề nghị Weyand đến Sài Gòn cùng với Martin khi ông ấy trở lại đó. Tôi chắc rằng ông sẽ chân thành xem xét lại tình hình hiện tại cùng với ông ấy và thông báo cho ông ấy biết đầy đủ về những trang bị mà ông và cố vấn quân sự của ông cho là quan trọng nhất lúc này.

Tôi cũng biết rằng một số nhân viên trong bộ tham mưu của ông có lúc đoán rằng lợi ích của Mỹ ở nơi khác đã làm giảm bớt lợi ích của Mỹ ở Việt Nam. Martin cho tôi biết rằng ông hiểu là điều này không thể có được vì chúng tôi thực hiện cam kết của chúng tôi ở Việt Nam tất nhiên ảnh hưởng tới uy tín và quyền lợi Mỹ ở nơi khác. Do vậy, chúng tôi vẫn giữ vững ý định giúp đỡ để đảm bảo sức sống kinh tế và khả năng của Việt Nam Cộng hòa bảo vệ nền tự do và các thể chế của mình.

Để đạt được mục tiêu này, cả hai phía đều phải có những cố gắng tối đa. Nó cũng đòi hỏi chúng ta phải có những quan hệ

gần gũi, thân thiết. Tôi đã chỉ thị cho Đại sứ Martin trực tiếp trình cho tôi biết để giải quyết mọi phương tiện liên lạc mà ông cho rằng cần thiết.

Trước đây, hai dân tộc chúng ta đã vượt qua những thời kỳ khó khăn hơn. Ông và nhân dân Việt Nam có thể tin rằng tôi vẫn sẽ tiếp tục ủng hộ, kiên quyết và quyết tâm làm mọi việc có thể làm để giúp đỡ nước Việt Nam Cộng hòa. Một lần nữa tôi tin rằng những cố gắng chung của chúng ta sẽ thành công.

Gửi lời chào nồng nhiệt nhất của tôi!

Thân

G. Ford

Đọc lướt bức thư xong, Khiêm gỡ cặp kính để xuống bàn. Khiêm bị cận thị khá nặng. Hướng về phía Thiệu, Khiêm thận trọng nêu câu hỏi:

- Trình Tổng thống! Tổng thống G. Ford viết bức thư này khi chúng ta còn Huế?

Đáng nhẽ nói toạc ra là "Huế đã thất thủ", nhưng vì biết Thiệu rất cay cú về chuyện này, nên Khiêm nói tránh như vậy. Từ lâu Thiệu vốn e ngại và hiềm khích với Khiêm - đối thủ chủ yếu tranh chức Tổng thống với Thiệu nhiệm kỳ tới. Biết được điều đó, Khiêm hết sức thận trọng. Trong các cuộc họp Thiệu chủ trì, Khiêm chủ yếu ngồi nghe, rất ít khi phát biểu chính kiến; nếu có, thường là nêu câu hỏi để Thiệu giải thích. Bữa nay cũng vậy, giác quan chính trị của Khiêm biết, Thiệu rất có thể sẽ đưa ra nhiều chủ trương cứng rắn, nhiều quyết định đột ngột. Lúc này Thiệu đang rất cần - bằng hành động của mình - chứng minh với người Mỹ là Nam Việt Nam còn có cơ cứu vãn, là Thiệu vẫn còn kiểm soát cái chính thể Việt Nam Cộng hòa này.

- Nếu biết Huế mất, chắc chắn phản ứng của Tổng thống G. Ford sẽ mạnh mẽ hơn - Thiệu không trả lời thẳng vào câu hỏi của Khiêm, mà nói với cả bọn - Mục tiêu trước mắt của cộng sản sẽ là Đà Nẵng. Nếu không chặn đứng chúng lại và không chuyển sang phản công, chúng sẽ lấn tới. Tình hình Đà Nẵng hiện tại cũng rất nguy ngập. Tôi đã lệnh cho Bộ Tổng tham mưu chi viện cấp thời cho Ngô Quang Trưởng. Bây giờ chưa phải lúc trừng phạt hắn. Nhưng làm sao mà tử thủ được Đà Nẵng? - Nói tới đây Thiệu xô ghế đứng dậy, chắp tay sau lưng, đi đi lại lại trong phòng. Đó là thói quen của Thiệu khi phải toan tính điều gì quan trọng.

Cao Văn Viên lên tiếng. Viên nói từ tốn:

- Muốn tử thủ Đà Nẵng, trước hết phải hoàn tất cho được việc rút ba Sư đoàn bộ binh 1,2,3; các lữ đoàn còn lại của Sư thủy quân lục chiến; các liên đoàn biệt động quân; các lực lượng lãnh thổ từ bắc Hải Vân và hai tỉnh Quảng Ngãi, Quảng Tín về Đà Nẵng. Các đơn vị trên không thực hiện được việc đoạn chiến mà rút ồ ạt, kéo theo làn sóng di tản làm Đà Nẵng lâm vào cảnh hỗn loạn. Sau khi Tướng Lê Ngọc Triển ra thị sát về, Bộ Tổng tham mưu đã chuyển gấp vũ khí từ kho Long Bình ra bổ sung cho các đơn vị ở Đà Nẵng. Ngày mai, Trung tướng Lê Nguyên Khang, phụ tá hành quân của tôi sẽ bay ra Đà Nẵng, ở bên cạnh Tướng Trưởng để giải quyết cấp thời các yêu cầu của việc phòng thủ Đà Nẵng.

Trần Thiện Khiêm tiếp lời Viên:

- Theo tôi, muốn tử thủ trước hết phải nhanh chóng bốc hết người di tản và những người không cần thiết ra khỏi Đà Nẵng. Trưởng chỉ có thể tổ chức cuộc phòng thủ hữu hiệu khi chỉ còn bộ chỉ huy và quân lính của ông ta ở Đà Nẵng. Nhưng làm sao mà rút được cả triệu người ra khỏi Đà Nẵng? Đó là một bài toán khó gỡ?

Đứng trầm ngâm trước tấm bản đồ lớn ở giữa phòng, Thiệu quay lại gật gù nói với cả bọn:

- Quảng Ngãi, Quảng Tín mất nghĩa là không dùng đường bộ được. Chỉ còn đường không và đường biển. Lập cầu không vận được không?

Viên đáp:

- Việt cộng chiếm Huế, phi trường Đà Nẵng trong tầm pháo kích, lập cầu không vận sẽ rất nguy hiểm. Theo tôi, máy bay chỉ chở những người thật cần thiết, còn lại sẽ di chuyển bằng đường biển.

Thiệu suy tính một lúc rồi nói với Viên và Khiêm:

- Chưa xuất hiện khả năng tham chiến của máy bay và tàu chiến Bắc Việt. Vì vậy, toàn bộ lực lượng của hải quân vùng 1 duyên hải và tàu chiến tăng phái của Bộ Tư lệnh Hải quân có thể dùng vào việc bốc người di tản. Thủ tướng Khiêm cho huy động tất cả tàu biển hiện có, cả tàu khách và tàu hàng ra Đà Nẵng giải quyết vụ này. Nhưng nhớ là không được đưa người di tản về Sài Gòn, mà đổ họ lên Cam Ranh, Vũng Tàu, nếu không sẽ hỗn loạn tất cả. Bộ Tổng tham mưu phải làm ngay kế hoạch mới để phòng thủ Đà Nẵng và vùng còn lại của duyên hải Quân khu 2, phải đệ trình ngay đề án tái phối trí lại lực lượng và xin người Mỹ chi viện, kể cả hải quân và không quân Mỹ. Hội đồng quân lực Việt Nam Cộng hòa sẽ làm việc với Tướng Weyand về vụ này.

Viên đề nghị Thiệu:

- Chỉ còn hai ngày nữa Tướng Weyand sang. Xin Tổng thống cho liên hệ với tòa đại sứ nắm chương trình hoạt động của Tướng Weyand để Bộ Tổng tham mưu chuẩn bị kế hoạch phòng thủ Đà Nẵng và vùng duyên hải Quân khu 2. Bộ Tổng tham mưu đã hoàn tất kế hoạch tái phối trí lại lực lượng và đề

án xin quân viện bổ sung khẩn cấp, còn cần thêm những thiệt hại cụ thể của Quân đoàn 1, Quân đoàn 2.

- Bây giờ chuyển qua vấn đề thứ hai - Vấn đề cải tổ nội các - Thiệu nói tiếp - Để giải quyết những yêu cầu cấp bách của đất nước lúc lâm nguy, tôi đã thống nhất với Thủ tướng Trần Thiện Khiêm là phải cải tổ lại Chính phủ. Cần phải gạt bỏ thẳng thừng những kẻ lưng chừng, kém cỏi, thay vào đó những người có nhiệt huyết chống cộng sản và có năng lực. Việt cộng trà trộn vô dòng người di tản, xâm nhập đô thành, không khéo Việt cộng chui vô cả nội các. Phải thanh lọc Chính phủ, phải kiểm soát chặt chẽ những cửa ngõ ra vào thành phố. Những phần tử có hành vi bạo loạn, chống đối cần tức khắc tống giam.

Nguyễn Khắc Bình, Tổng giám đốc Nha cảnh sát Đô thành đề nghị Thiệu:

- Trình Tổng thống! Theo tin mật báo, tối nay Nguyễn Cao Kỳ và Trần Hữu Thanh tổ chức họp đám tay chân trong Tân Sơn Nhất. Đã có tới mấy chục tên tham gia cái "Ủy ban cứu nguy dân tộc" mà Kỳ và Thanh lập ra để chống đối Chính phủ. Trong đó có cả một đám luật sư, nhà báo. Xin Tổng thống cho quây bắt một số để răn đe.

Thiệu vừa nói vừa chỉ chiếc tẩu thuốc về phía Bình, có ý răn đe:

- Cho anh bắt. Nhưng bắt người anh phải bắt cho êm. Nhớ là chỉ được bắt những con cá vừa, cá bé. Bắt cá lớn nó quẫy mạnh, hiện thời chưa phải lúc. (Ý Thiệu nói là chỉ bắt đám tay chân của Kỳ và Thanh, bắt có tính răn đe. Còn Nguyễn Cao Kỳ và Trần Hữu Thanh, Thiệu ngại chưa đụng đến).

Đúng 1 giờ sáng ngày 17-3, nghĩa là chỉ mấy giờ sau cuộc họp trên, Nguyễn Khắc Bình cho bắt cùng lúc 7 người gồm:

Nguyễn Văn Chức, Phạm Nam Sách (luật sư); Nguyễn Hữu Dương (thẩm phán); Nguyễn Thành Vinh, Phạm Văn Tam (giáo sư). Riêng hai luật sư Nguyễn Văn Chức và Phạm Nam Sách vừa dự cuộc họp với Nguyễn Cao Kỳ và linh mục Trần Hữu Thanh ở câu lạc bộ Tân Sơn Nhất về đến nhà là bị bắt ngay. Sáng hôm sau, bộ nội vụ của Thiệu loan tin: "một cuộc đảo chính âm mưu lật đổ Tổng thống đã bị đập tan". Những người nhạy bén về chính trị ở Sài Gòn hiểu ngay chẳng có cuộc đảo chính nào hết. Đây chẳng qua chỉ là thủ đoạn Thiệu tung ra để mở đường cho những cuộc bắt bớ tràn lan. Cùng lúc với việc thử còi báo động, tòa tổng trấn Sài Gòn - Gia Định thông báo lệnh thiết quân luật trên phạm vi "lãnh thổ Biệt khu Thủ đô" và ra lệnh đóng cửa các tiệm nhảy, hộp đêm. Cảm thấy nguy cơ đang chĩa vào mình, sợ Thiệu trong lúc quẫn trí làm liều, Nguyễn Cao Kỳ và Trần Hữu Thanh vội tổ chức một cuộc họp báo tuyên bố "Ủy ban cứu nguy dân tộc" của Kỳ và Thanh không chủ trương làm đảo chính và "... một cuộc đảo chính như vậy, vào lúc này, chỉ có lợi cho cộng sản".

Tình trạng rối ren về chính trị lại một lần nữa tràn ra trên đường phố Sài Gòn. Trong không khí nhốn nháo ấy, đêm 27-3, Thiệu lên vô tuyến truyền hình làm cái việc "ra mắt quốc dân đồng bào, để giải thích về hiện tình đất nước". Bài diễn văn của Thiệu rất ngắn, chưa đầy 1.500 từ được chuẩn bị khá kỹ, nhưng vẫn rất lủng củng[1]. Các nhà phân tích dễ dàng nhận thấy, qua những lời lẽ lên gân lên cốt ấy, là sự lúng túng, mâu thuẫn trong toan tính của Thiệu. Thiệu nói:

---

1. Diễn văn Nguyễn Văn Thiệu đọc trên đài Sài Gòn đêm 27-3-1975 được Thông tấn xã Việt Nam ghi âm, giải băng in trong tập "Tài liệu tham khảo đặc biệt" số 072-TTX - ngày 28-3-1975.

"Thưa đồng bào thân mến! Như tôi đã hứa, hôm nay tôi xin tiếp tục trình bày cùng đồng bào về hiện tình đất nước. Ngày 20-3 vừa qua tôi đã sơ bộ giải thích tình hình chung...".

Ngay sau lời mở đầu, Thiệu thừa nhận "... cuộc chiến đã bước qua tuần thứ ba và mất thêm bốn tỉnh nữa là Quảng Đức, Phú Bổn thuộc Quân khu 2; Quảng Tín, Quảng Ngãi thuộc Quân khu 1. Thiệu tránh không thừa nhận mất Huế vì vừa mấy hôm trước, Thiệu đã cam đoan "bảo vệ Huế bằng mọi giá". Vì vậy, đến đoạn này Thiệu nói loanh quanh: "... Cùng lúc đó, cộng sản uy hiếp nặng nề thành phố Huế và tấn công mạnh mẽ trục đường phía nam tỉnh Thừa Thiên. Để tránh cho các đơn vị của ta khỏi bị bao vây và tiêu diệt lần hồi bởi một số quân địch đông gấp bội trong lúc chúng ta không còn phương tiện yểm trợ đầy đủ tại một chiến trường không thuận lợi cho ta và trong bối cảnh khó khăn chung của toàn vùng, cho nên vị tư lệnh chiến trường buộc lòng phải về tử thủ Đà Nẵng, Quảng Nam...".

Thoát được khúc quanh quan trọng, Thiệu lập tức lên giọng hô hào:

"... Tôi đã nghiêm lệnh cho tất cả các cấp trong quân đội... mọi người với phương tiện tập trung và phạm vi thu hẹp gọn, hãy nỗ lực tối đa chặn đứng quân địch, tử thủ tại những tỉnh, những phần đất còn lại và vận dụng mọi phương tiện để phản công quyết liệt. Tôi đã nói với anh em chiến sĩ rằng trận chiến đã đến hồi quyết định và các anh em đang đánh một trận quyết định lịch sử...".

Sau khi nêu những yêu cầu cấp bách trong cái gọi là "bốn lãnh vực thiết yếu: Hậu phương - Cứu trợ - Ổn định kinh tế - Quyết tâm phản công", Thiệu loan báo: "Những yêu cầu cấp bách kể trên phải được giải quyết mạnh mẽ và hữu hiệu. Do đó tôi đã

chỉ thị cho Thủ tướng Trần Thiện Khiêm cải tổ lại cơ cấu chánh phủ... Chứ không phải là một chánh phủ đặt ra để xin đầu hàng cộng sản, nhìn nhận một quốc gia thứ hai tại miền Nam này và chấp nhận một giải pháp liên hiệp với cộng sản để cộng sản thôn tính chúng ta...".

Nhấn mạnh chuyện không chấp nhận liên hiệp, Thiệu ngầm đả vào thành phần thứ ba, đả vào Dương Văn Minh - con bài đáng giá có thể thay thế Thiệu. Thiệu lại giở giọng thề bồi với những lời lẽ mà Thiệu cho là tâm huyết:

"... Tôi xin được nhắc lại những lời tâm huyết mà trước đây tôi thường nói với đồng bào, anh em, chiến sĩ, cán bộ. Đó là tôi sinh ra và lớn lên tại miền Nam này, tôi đã cống hiến nửa đời người cho cuộc chiến đấu của toàn dân, toàn quân chống lại cộng sản xâm lược. Cho nên dù ở cương vị nào tôi cũng sẽ tiếp tục sống chết tại quê hương thân yêu này để sát cánh cùng đồng bào, anh em chiến đấu cho đến ngày chúng ta đạt được thắng lợi cuối cùng".

Cuối cùng, Thiệu nhỏ vài giọt nước mắt cá sấu, ra bộ xót thương những người mà Thiệu và bộ máy chiến tranh tâm lý của Thiệu với trò tuyên truyền "tắm máu" đã xô đẩy vào con đường di tản, sống cảnh màn trời chiếu đất, và hứa hẹn là "... sẽ làm tất cả để việc cứu trợ được chu đáo và công cuộc định cư được nhanh chóng yên lành", là Thiệu "sẽ đến tận nơi thăm đồng bào tị nạn trong những ngày sắp tới".

Thề bồi sống chết như vậy, nhưng thực ra Thiệu đang ráo riết vét của, bí mật gửi ra nước ngoài và tính chuyện ra đi. Cho đến tận ngày cuốn gói, Thiệu không hề ló mặt ra khỏi sào huyệt ẩn náu của mình ở Sài Gòn, chứ đứng nói đến chuyện "tới tận nơi thăm đồng bào tị nạn" như Thiệu hứa hẹn...

Bình luận về bài diễn văn đêm 27-3 cùng những hành động khẩn cấp của Thiệu, phóng viên tờ *Newsweek* có mặt ở Sài Gòn viết: "... Huế bị mất rồi. Sau Huế chắc là Đà Nẵng thôi. Ai nấy ở Đà Nẵng đang chuẩn bị cả rồi. Hoa Kỳ đã cấp tốc bắc một cầu hàng không khổng lồ để di tản dân thường mà báo chí New York đã ví như vụ di tản ở Dunkerque trong Chiến tranh thế giới thứ hai... Chắc chắn quân cộng sản chẳng cần đánh nhau to cũng chiếm được Đà Nẵng thôi. Sau đó mục tiêu chính sẽ là Sài Gòn. Tổng thống Thiệu đang lên gân trong sự cô độc, tan rã. Không còn ai thèm nghe Thiệu nói - con người (chỉ Thiệu) đang bị tình hình đè dập xuống mà đêm 27-3 lại dám cao giọng hò hét trên đài: "Hãy chặn bước tiến của địch lại, tiêu diệt địch và chuyển sang phản công". Rằng "Tôi đã từng lãnh đạo các bạn qua bao nhiêu nguy nan. Lần này nữa, tôi sẽ sát cánh cùng các bạn để cùng chiến đấu và chiến thắng cộng sản". Có hai người đã túc trực bên giường kẻ hấp hối: Tham mưu trưởng lục quân Mỹ, Tướng Weyand người sắp bắt mạch, kê đơn và tiến sĩ Kissinger hôm qua còn cố gây áp lực cuối cùng trước khi quốc hội Mỹ viết giấy chứng nhận cho sự qua đời...".

9
ĐÀ NẴNG ĐIÊN LOẠN VÀ SỤP ĐỔ

Chiếc Falcon vừa phanh kít, Al Francis, Tổng lãnh sự Mỹ tại Đà Nẵng đã xô cửa xe nhảy ra, chạy bổ vào đại bản doanh của Trưởng. Trụ sở Bộ Tư lệnh Quân đoàn 1 mấy ngày trước còn tấp nập cả ngàn sĩ quan mà giờ vắng hoe. Nạn đào rã ngũ tràn đến cả cơ quan Bộ Tư lệnh Quân đoàn. Không một ai ra lệnh, nhưng tất cả đã "tùy nghi".

Al Francis xộc vào giữa lúc Trưởng đang hối thúc đám tay chân thân tín tiêu hủy tài liệu. Thấy Al Francis, Trưởng không trịnh trọng bước tới bắt tay như mọi khi, mà chỉ cất tiếng chào:

- Xin chào ngài Tổng lãnh sự! Tôi tưởng ngài đã đi?

- Đi thế nào được ông Trung tướng? Lính của ông tràn ngập cả đường băng. Chúng nổ súng không cho máy bay cất cánh, chúng nện tôi nhừ tử đây này - Al Francis vừa nói vừa chỉ vào bộ mặt thiểu não của mình. Lúc này Trưởng mới chú ý đến những vết thâm tím trên mặt, tới bộ quần áo xộc xệch, nhàu nát của Francis. Rõ ràng Al Francis vừa bị một trận đòn hội chợ. Trưởng hỏi, giọng có phần thông cảm:

- Làm sao lại đến nông nỗi này, ngài Tổng lãnh sự?

- Sân bay hỗn loạn, không một máy bay nào lên xuống được. Người của tôi đi chưa hết, không một ai giúp tôi. Tôi phải can thiệp và tụi lính của ngài đã xông vào hành hung tôi.

- Bây giờ tôi có thể giúp được gì, thưa ngài Tổng lãnh sự?

Al Francis giơ tay quệt nhanh những giọt mồ hôi đầm đìa trên khuôn mặt hốc hác, với bộ râu xồm đen kịt, giọng hổn hển xúc động:

- Ông hãy ra ngay phi trường với tôi, ông Trung tướng. Nếu không, máy bay Boeing và máy bay vận tải không thể hạ cánh. Lehmann từ tòa đại sứ vừa điện nói Nhà Trắng lệnh trong vòng 12 giờ tới việc di tản người Mỹ và những người cần thiết khỏi Đà Nẵng phải hoàn tất!

Trưởng giơ cả hai tay lên trời, lắc đầu:

- Không được đâu ngài Tổng lãnh sự. Phi trường và cả thành phố này đã hỗn loạn. Không còn chỉ huy được nữa. Ngài có muốn bỏ mạng thì hãy ra đấy!

Đúng lúc ấy chuông điện thoại réo lên. Trưởng vừa nhấc máy đã nghe đầu dây đằng kia vang lên tiếng gọi dồn dập:

- A lô! A lô! Bộ Tư lệnh Quân đoàn đâu? Bộ Tư lệnh Quân đoàn đâu?

- A lô! Ai ở đầu dây? Nói đi. Tôi nghe đây. Trung tướng Ngô Quang Trưởng đây!

- Trình Trung tướng tư lệnh! Tôi Chuẩn tướng Nguyễn Đức Khánh, Tư lệnh Sư đoàn 1 không quân báo cáo: Hồi 17 giờ 20 phút, tôi nhận được điện thoại của Thiếu tướng Võ Xuân Lành, Tư lệnh phó không quân từ Sài Gòn lệnh phải sơ tán phi cơ khỏi phi trường Đà Nẵng để tránh cộng sản pháo kích. Tôi đã họp ngay các không đoàn trưởng để phổ biến, các không đoàn trưởng đều thấy là không thể thực hiện được lệnh trên. A.37 không thể về Phan Rang, Phù Cát vì cả hai phi trường trên đều có thể bị pháo kích. Máy bay O.1 và U.17 cũng không thể về phi trường Non Nước, vì thời tiết quá xấu và thủy quân lục chiến đang đồn trú ở đấy. Tôi đã trực tiếp gọi điện về Sài Gòn

báo cáo với Trung tướng, Tư lệnh trưởng không quân và xin được để máy bay lại trong các vòm phi cơ. Tư lệnh trưởng không quân không cho chỉ thị dứt khoát, chỉ nói kể từ giờ phút này, tất cả tuân hành lệnh của Tư lệnh trưởng Quân đoàn 1. Xin Trung tướng cho chỉ thị gấp!

Trưởng hỏi lại Khánh:

- Anh cho tôi biết tình hình hiện tại của căn cứ?

- Trình Trung tướng! Cách đây 30 phút, toàn sư đoàn báo động. Việt cộng pháo kích vào căn cứ.

- Tại sao anh không cho phản pháo? - Trưởng chất vấn.

- Trình Trung tướng, tôi đã lập tức xin phản pháo. Nhưng thời tiết quá xấu, L.19 không hoạt động được.

Trưởng thông báo cho Khánh:

- Anh phải lo đối phó không chỉ với chuyện pháo kích. Hiện tại áp lực của địch quanh phi trường rất nặng. Bộ binh địch xuất hiện gần phía tây và tây nam phi trường.

Khánh đề nghị:

- Nếu tình hình găng quá, xin Trung tướng cho phép triệt thoái căn cứ.

Trưởng suy nghĩ một chút rồi đáp nước đôi:

- Nếu áp lực của địch quá nặng, anh tự liệu. Cho tới giờ phút này tôi chưa có ý định di tản - nói rồi Trưởng buông máy.

Al Francis hỏi Trưởng:

- Bây giờ ta tính sao, ông Trung tướng?

Trưởng đáp, giọng buồn rầu:

- Toàn bộ tình hình là tuyệt vọng. Ngài Tổng lãnh sự nên sớm ra đi. Cuộc tổng tiến công của Việt cộng vào Đà Nẵng chỉ còn tính từng giờ.

Al Francis giục Trưởng:

- Vậy ông hãy cùng đi với tôi! Ta di chuyển bằng trực thăng ra tàu Andrew Miller.

Đã có dự định trước, Trưởng từ chối ngay:

- Cuộc phòng thủ Đà Nẵng chỉ còn lại trên lý thuyết. Tôi đã điện xin rút các lực lượng còn lại ra khỏi Đà Nẵng, nhưng Sài Gòn không chịu, Tướng Viên vừa lệnh tôi phải tử thủ Đà Nẵng đến cùng - Vừa nói, Trưởng vừa xòe cho Al Francis xem bức công điện tuyệt mật do Cao Văn Viên ký. Trưởng khuyên Al Francis nên đi ngay, không thể chậm trễ. Còn về phần mình, Trưởng nói - Tôi sẽ ở lại đây, ở lại Đà Nẵng cùng với anh em binh sĩ.

Al Francis chào Trưởng rồi hấp tấp ra xe. Vừa ra khỏi cổng Bộ Tư lệnh Quân đoàn, chiếc Falcon chở Al Francis đã mất tăm trong dòng xe cộ tắc nghẽn. Không chỉ giao thông, mà cả tuần nay, mọi trật tự công cộng ở thành phố này đã bị nhấn chìm, khi cả triệu binh lính, dân thường từ Huế, Quảng Trị, Quảng Tín, Quảng Ngãi chạy về. Chiều ngày 25-3, Trưởng đã phải đích thân ra lệnh thiết quân luật toàn Đà Nẵng, dọa bắn bỏ "tất cả mọi phần tử phá rối", thế nhưng suốt đêm đó dòng người tị nạn và xe cộ vẫn cứ ngược xuôi như thác lũ trên đường phố. Bầu không khí sợ hãi ngự trị thành phố. Đó là bầu không khí của một căn bệnh tâm thần, với những cơn điên loạn tập thể. Lính rút chạy từ Huế về, mặc quân phục hẳn hoi kéo đi cướp bóc dân chúng, đập phá các cửa hiệu, kho hàng, lấy thức ăn và hàng hóa mang bán lại. Đám lính nổi loạn, nổ súng vào bất kỳ ai, bất cứ cái gì. Xác người la liệt ngoài đường phố. Lính cướp phá cả trụ sở Hãng hàng không Việt Nam trong đêm, nơi để hàng đống vali và bao gói. Trên đường băng sân bay Đà Nẵng, hàng trăm xác chết ngổn ngang. Một số chết vì đạn pháo Quân giải phóng rót vào, số chết vì đạn của lính Sài Gòn

không cho lên máy bay để những người ấy đưa gia đình họ lên, và nhiều người khác chết vì máy bay phạt ngang khi họ cứ bâu vào máy bay không chịu tránh ra xa cho máy bay chở đầy người tị nạn cất cánh...

Tin Quảng Tín rồi Quảng Ngãi bị bỏ ngỏ trong ngày bay về Đà Nẵng, đã tiêu hủy nốt chút hy vọng cuối cùng. Con đường chạy về phía nam bị chặt phăng, Đà Nẵng giờ đây trơ trọi như một hòn đảo. Cuộc không vận ồ ạt lập tức được thực hiện với các chuyến máy bay chở khách và máy bay vận tải tấp nập đáp xuống sân bay Đà Nẵng. Trong lúc đó, máy bay lên thẳng ra vào trên bầu trời thành phố như con thoi, chở người ra ba tàu lớn của Mỹ đang cập ngoài khơi - tàu Pioneer Commander, tàu Transcolorado và tàu Andrew Miller. Hơn 20 tàu vận tải biển cỡ lớn và tất cả các loại chiến hạm của hải quân vùng 1 duyên hải được huy động vào việc bốc người ra khỏi Đà Nẵng. Thế nhưng dòng thác người di tản và lính thất trận đã tràn ngập cả sân bay và các cầu tàu làm tắc nghẽn tất cả. Sự khủng khiếp vượt ra khỏi giới hạn của con người, đã đẩy cuộc sống không chỉ ở sân bay, cầu tàu mà cả thành phố này trở về thời kỳ "hỗn mang chi sơ", nơi cùng đường mạt lộ của cả triệu con người khiếp đảm bị dồn về, đang tắc nghẽn và vô vọng tại đây. Chiều 28-3, một chiếc tàu chở đầy người do dân tự thuê ở Đà Nẵng, chuẩn bị rời bến thì bị một nhóm lính xả súng, quăng lựu đạn, sau đó nhảy lên xô xác người chết và cả người sống xuống biển rồi cướp tàu ra đi...

Bộ chỉ huy của Trưởng không còn kiểm soát được tình hình. 10 vạn binh sĩ ở trong tình trạng vô tổ chức. Lính say rượu kéo nhau đi cướp bóc khắp phố phường. Súng nổ loạn xạ, xác người la liệt trên đường phố cạnh những cửa hiệu và xe cộ cháy ngùn ngụt. Cuộc cướp phá bắt đầu từ trụ sở Hãng hàng không

Việt Nam tại Đà Nẵng, ngay sau đấy là câu lạc bộ sĩ quan Mỹ, xưởng rượu bia của Pháp và toàn thành phố...

Al Francis đi được một lúc thì công việc tiêu hủy hồ sơ ở văn phòng Bộ Tư lệnh cũng gần hoàn tất. Sau khi điện tiếp một điện thượng khẩn cho Thiệu và Viên xin rút quân khỏi Đà Nẵng, Trưởng bước ra sân. Đêm đến, các chiến trường quanh Đà Nẵng đột nhiên trở nên yên tĩnh. Thỉnh thoảng chỉ có một vài loạt pháo cầm canh, từ các trận địa pháo binh ở bán đảo Sơn Trà và những chùm pháo sáng, pháo hiệu phụt lên đỏ lòm trên bầu trời thành phố, nhắc nhở gần 2 triệu con người đang sống chen chúc kinh hoàng trong cái căn cứ quân sự liên hợp khổng lồ này là chiến tranh vẫn còn đó. Chiến tranh không ở đâu xa, ngay trong bóng tối đang bao phủ đêm cuối cùng của Đà Nẵng này. Cơn mưa đầu mùa chợt đến thảng thốt, làm không khí có phần dịu mát. Thế nhưng Trưởng vẫn thấy hết sức ngột ngạt, khó thở. Thực tế cuối cùng đã buộc Trưởng phải thừa nhận rằng không sao cứu vãn được nữa. Ngay cả việc lập lại trật tự ở thành phố này, Trưởng cũng thấy hoàn toàn bất lực. Cảm giác đau đớn, tuyệt vọng, chán chường choáng ngợp đầu óc. Cái đau đớn nhất của Trưởng là trong canh bạc này, Trưởng chưa kịp tung ra những con bài chủ chốt, chưa có một trận kháng cự đáng kể nào. Hơn 10 vạn quân, với cả tỷ đôla trang bị vũ khí, chưa kịp đánh chác một trận nào cho ra hồn, đã sụp đổ - sụp đổ từng mảng lớn với tốc độ dồn dập đến kinh người. Sự hốc hác, lúc nhúc của cả triệu lính đào ngũ và dân thường tuyệt vọng, sự điên loạn, tan rã của Đà Nẵng - cái chốt kháng cự duy nhất còn lại ở phía bắc, sẽ còn lại mãi như một trò cười của lịch sử, một trong những cảnh thương tâm nhất của thế kỷ này. Trưởng khoanh tay trước tình thế. Có lẽ sự sụp đổ tức khắc của Đà Nẵng với Trưởng, còn dễ chịu hơn cảnh dao kề cổ và cái chết từ từ như thế này...

Tiếng động cơ ầm ầm làm Trưởng bừng tỉnh. Chiếc HU.1A quần thấp một vòng rồi đáp xuống sân Bộ Tư lệnh. Động cơ còn nổ, đèn tín hiệu còn xanh đỏ lập lòe, Trung tá Cầu, Chỉ huy trưởng Đài trung tâm kiểm báo 2 của Sư đoàn 1 không quân nhảy ra. Cầu vừa giập gót, giơ tay chào, vừa nói trong hơi thở:

- Trình Trung tướng! Tướng Khánh lệnh tôi về trực tiếp báo cáo với Trung tướng. Tình hình căn cứ không quân Đà Nẵng hết sức nguy ngập. Xin Trung tướng thẩm định tình hình và cho lệnh triệt thoái.

Trưởng chụp chiếc mũ sắt lên đầu, khoát mạnh tay ra hiệu cho Cầu:

- Trung tá cùng tôi trở lại căn cứ ngay!

Nói rồi Trưởng lên ngay trực thăng đã sẵn sàng cất cánh bất cứ lúc nào. Cầu cũng lật đật lên trực thăng của mình bay theo.

Phiên họp cuối cùng của Bộ Tư lệnh Sư đoàn 1 không quân diễn ra tại đài kiểm báo trung tâm 2. Lúc này đã là 23 giờ 40 phút ngày 28-3. Dự họp có Chuẩn tướng Nguyễn Đức Khánh, Tư lệnh Sư đoàn 1 không quân; các không đoàn trưởng 41, 51, 71; Trung tá Cầu, Chỉ huy trưởng đài trung tâm kiểm báo 2. Mở đầu phiên họp, Nguyễn Đức Khánh đi thẳng vào vấn đề, y hỏi Trưởng:

- Trình Trung tướng, Trung tâm 2 kiểm báo cho biết hải quân đã rút hết, các sư đoàn bộ binh và thủy quân lục chiến cũng đang tự thoái. Tình thế này, xin Trung tướng cho lệnh triệt thoái căn cứ không quân Đà Nẵng.

Trưởng nhìn Khánh chằm chằm, rồi buông gọn một câu:

- Tôi chấp nhận thỉnh cầu của Chuẩn tướng!

Vừa thấy Trưởng chấp thuận lời đề nghị của mình, Khánh nói tiếp luôn:

- Trình Trung tướng! Lực lượng sư đoàn đông, số sĩ quan

cần rút đi rất nhiều. Tình thế này, nếu lập cầu không vận sẽ rất nguy hiểm. Làn sóng người di tản đang tràn ngập sân bay sẽ ùa tới. Vì vậy, xin Trung tướng chỉ định cho một bãi bốc quân và lệnh cho hải quân đến đó.

Trưởng chưa kịp trả lời thì Trung tá Cầu đã kiến nghị tiếp:

- Trình Trung tướng! Nếu đã quyết định di tản căn cứ không quân Đà Nẵng, xin Trung tướng cho phá hủy ngay Đài trung tâm kiểm báo 2.

Trưởng đứng lên, ra hiệu cho tất cả im lặng. Trưởng nói:

- Cho đến giờ phút này chưa có lệnh nào cho chúng ta rút lui. Tuy nhiên, tôi chấp thuận cho anh em tự thoái. Thay mặt Bộ Tư lệnh Quân đoàn 1, tôi quyết định như sau:

Thứ nhất: Di tản ngay tức khắc căn cứ không quân Đà Nẵng. Phi cơ đi tối đa. Phi trường đáp xuống có thể là Phù Cát, Nha Trang, Phan Rang, Tân Sơn Nhất, Biên Hòa. Cái đó tùy nghi.

Thứ hai: Cho phá hủy tức khắc trung tâm kiểm báo 2. Trước khi phá, liên lạc lần cuối cùng báo cáo cho Trung tướng Minh, Tư lệnh không quân biết.

Thứ ba: Toàn bộ lực lượng còn lại, kể cả các đơn vị của Sư 3 bộ binh và Sư thủy quân lục chiến bảo vệ căn cứ không quân Đà Nẵng rút ngay ra bãi biển Nam Ô. Tàu hải quân đến, di chuyển ngay tức khắc.

Thứ tư: Đại tá, Tư lệnh phó Sư đoàn 1 không quân trực tiếp chỉ huy và chịu hoàn toàn trách nhiệm về cuộc triệt thoái. Sau khi các đơn vị đã di tản khỏi căn cứ, đài kiểm báo đã phá hủy, Đại tá dùng trực thăng đến ngay căn cứ hải quân vùng 1 duyên hải gặp tôi và Tướng Khánh ở đó.

Nói rồi Trưởng kéo Khánh hấp tấp ra trực thăng. Trong lúc động cơ chiếc HU.1A người Mỹ cấp riêng cho Trưởng rú lên, cánh quạt bắt đầu quay thì Đại tá, Tư lệnh phó Sư đoàn 1 không

quân và các không đoàn trưởng cuống cuồng ra khỏi Trung tâm kiểm báo 2. Hàng chục máy bay các loại cùng lúc cất cánh và ùn ùn đổ về căn cứ không quân Tân Sơn Nhất, làm náo động cả Sài Gòn. Phi hành đoàn và những người Mỹ, người Việt Nam mặt đờ đẫn, lảo đảo bước xuống thang máy bay ở phi trường Tân Sơn Nhất với tất cả tài sản còn lại được ôm gọn trong vòng tay. Cuộc triệt thoái khỏi căn cứ không quân Đà Nẵng bắt đầu lúc 23 giờ 55 phút ngày 28-3. Nghĩa là chỉ còn 5 phút nữa sẽ qua một ngày mới: Ngày 29-3-1975 - ngày cuối cùng của chế độ Sài Gòn ở Đà Nẵng...

Trưởng và Khánh tới căn cứ hải quân vùng 1 duyên hải tại Tiên Sa lúc 0 giờ 30 phút ngày 29-3. Chuẩn tướng Lâm Quang Thi, Tư lệnh phó; Thiếu tướng Nguyễn Duy Hinh, Tư lệnh Sư đoàn 3 bộ binh; Phó đề đốc Hồ Văn Kỳ Thoại, Tư lệnh hải quân vùng 1 duyên hải và cả Al Francis, Tổng lãnh sự Mỹ tại Đà Nẵng, đã tụ họp sẵn chờ Trưởng. Trong số tướng lĩnh chóp bu của vùng 1 vắng mặt tại cuộc họp này có Chuẩn tướng Nguyễn Văn Điểm, Tư lệnh Sư đoàn 1 bộ binh và Thiếu tướng Lan, Tư lệnh Sư đoàn thủy quân lục chiến (Tư lệnh Sư đoàn thủy quân lục chiến lúc đó đã chuồn ra tàu chỉ huy của hải quân ngoài khơi. Còn Nguyễn Văn Điểm thì cuống cuồng thu xếp gia đình lên trực thăng bay về Sài Gòn. Thế nhưng trực thăng của Điểm sau đó đã rơi tan xác trên địa phận tỉnh Bình Định. Điểm và 15 người cùng đi bỏ mạng. Các báo Sài Gòn loan tin này, có báo nói nguyên nhân tai nạn do trực thăng của Điểm hết xăng, có báo nói do trúng đạn của Quân giải phóng).

Phiên họp cuối cùng của Bộ Tư lệnh Quân đoàn 1 do Trưởng triệu tập, bàn kế hoạch lui binh khỏi Đà Nẵng không thành. Vừa khai cuộc ít phút thì căn cứ Tiên Sa chìm trong đạn pháo của Quân giải phóng. Hai trực thăng, trong đó có một

chiếc của Trưởng bị hỏng nặng. Pháo vừa dứt loạt, các tướng lĩnh còn lại của Quân đoàn 1 mạnh ai nấy chạy. Al Francis nhảy đại lên trực thăng bay tuốt ra tàu Andrew Miller. Trưởng nhảy lên trực thăng của Khánh. Chiếc HU.1A của Khánh bị trúng mảnh pháo, thùng dầu chảy, cần lái bị cứng, xăng gần cạn, cuối cùng cũng đáp được xuống phi trường Non Nước. Trưởng và Khánh vừa nhảy ra đã bị quân cảnh gác căn cứ thủy quân lục chiến xông tới tước vũ khí cá nhân, không cho máy bay cất cánh. Đại tá Trí, Tư lệnh phó Sư đoàn thủy quân lục chiến phải ra can thiệp, Trưởng và Khánh mới được giải thoát. Ngay sau đó Trưởng chuồn ra tàu hải quân chỉ huy HQ.404 về Sài Gòn. Lúc đó là 6 giờ 30 phút ngày 29-3-1975 - đó là thời khắc tắt thở của Quân đoàn 1 và là phút cáo chung của chính quyền Sài Gòn tại Đà Nẵng. Thế nhưng lịch sử không chịu dừng ở đấy mà còn ghi thêm một chuyện nực cười nữa. Hơn năm tiếng đồng hồ sau đó, hồi 11 giờ 40 phút, theo lệnh của Thiệu, Cao Văn Viên còn điện hỏa tốc bác bỏ đề nghị xin rút quân của Trưởng và lệnh cho Trưởng phải tử thủ Đà Nẵng bằng mọi giá. Lúc đó, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 1 đã hoàn toàn tan rã, mọi liên lạc đã chấm dứt. Viên phải nhờ Bộ Tư lệnh Hải quân điện cho tàu chỉ huy HQ.404 để chuyển cho Trưởng bức điện đó. Nội dung bức điện như sau:

CÔNG ĐIỆN MANG TAY T29-3-75
11 giờ 40 phút ngày 29-3-1975
Kính gửi BTL-QĐI-QKI
(Nhờ BTL-HQ chuyển qua HQ.05)
Bản văn số 10-455-TTM-P341

Bộ Tổng tham mưu trân trọng chuyển đến quý Bộ Tư lệnh, lệnh của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa như sau:

Thứ nhất: Mệnh lệnh tử thủ vẫn phải thi hành.

Thứ hai: Trong lúc cố gắng di tản tối đa dân chúng bằng tàu thủy.

Thứ ba: Đồng thời đừng để quân dụng quan trọng rơi vào tay địch

Đại tướng
Cao Văn Viên
Tổng tham mưu trưởng
Quân lực Việt Nam Cộng hòa

Chiến hạm HQ.404 đưa Trưởng về Sài Gòn. Trên tàu lúc đó có một Lữ đoàn thủy quân lục chiến đi cùng. Khi tàu đang chạy ở ngoài khơi, Thiệu bắt được liên lạc, nói chuyện với Trưởng. Thiệu yêu cầu Trưởng quay lại tìm cách tái chiếm Đà Nẵng. Trưởng trả lời ngay là bây giờ lấy ai theo Trưởng để quay lại tái chiếm Đà Nẵng. Lính tráng đã chạy mỗi người mỗi ngả. Cấp chỉ huy thì mạnh ai nấy thoát. Sau đó Trưởng được lệnh cho hạm trưởng ghé tàu vào Cam Ranh, bỏ hết thủy quân lục chiến xuống và chỉ chở mình Trưởng về Sài Gòn. Trưởng không chịu và nhờ hạm trưởng gọi về Bộ Tổng tham mưu, cuối cùng Tướng Viên đồng ý cho tàu chở tất cả về Sài Gòn.

Vào lúc những dòng đầu của bức điện tuyệt mệnh trên được phóng lên không trung thì Alan Pottier, giáo sư người Pháp đu được lên càng chiếc máy bay lên thẳng của Hãng hàng không Mỹ American Airlines. Đây là chiếc trực thăng của sứ quán Mỹ phái lên để cứu viên lãnh sự Mỹ Al Francis. Rút kinh nghiệm ở Buôn Ma Thuột, chiếc trực thăng vũ trang được phái lên từ sáng sớm ngày 29-3. Viên phi công cho máy bay

quần lượn đến 11 giờ 30 phút trưa vẫn không bắt liên lạc được với Al Francis (lúc đó Al Francis đã chuồn được ra tàu Andrew Miller). Trong vòng lượn cuối cùng trước khi bay trở lại Sài Gòn, viên phi công đã nhìn thấy lá cờ Pháp phủ trên tường Trung tâm văn hóa Pháp ở giữa Đà Nẵng, biết có người cầu cứu, đã quay lại. Máy bay sà thấp vứt xuống mấy chữ nguệch ngoạc viết trên khẩu phần thức ăn của lính Mỹ, báo cho những người Pháp tới ngay sân bay dành cho máy bay lên thẳng ở gần đấy. A. Pottier và một số người Pháp vội kéo chạy tới thì bị lính Sài Gòn chiếm giữ sân bay dã chiến này xả súng, nên phải quay trở lại. Chiếc trực thăng không hạ được mà cứ bay là là trên khu văn hóa Pháp, cách mái nhà chừng hai mét. A. Pottier cuối cùng cũng đành liều mạng nhảy lên túm lấy càng máy bay. Một người khác cũng làm như vậy. Cả hai cứ quặp chặt chân vào càng máy bay và ngồi thu lu như thế tới 15 phút mới được kéo vào trong. Số phận cuối cùng đã mỉm cười với Alan Pottier - người ngoại quốc cuối cùng thoát khỏi địa ngục Đà Nẵng. Lúc trực thăng bay qua phi trường, A. Pottier nhìn thấy cả biển người chen lấn hỗn loạn. Đúng lúc ấy, những trái đạn pháo của Quân giải phóng rót tới, nổ tung trên các đường băng. Máy bay Boeing và các vận tải cơ cuối cùng còn mắc lại lao bừa vào dòng người chật ních trên đường băng, cất cánh. Nhiều người bị cánh máy bay phạt đứt ngang thân, bị trúng đạn của lính Sài Gòn xả theo, hoặc vì liều mạng bám càng đã rơi từ trên cao xuống. Một phóng viên Mỹ có mặt trong đám hành khách chen nhau chật ních trong chuyến bay cuối cùng rời khỏi phi trường Đà Nẵng đã gọi đó là "chuyến bay thoát khỏi địa ngục" và mô tả trong bài báo của mình:

"... Chuyến bay cuối cùng lăn bánh khỏi sân bay Đà Nẵng trong kinh hoàng, chật ních người. Khi chiếc vận tải phản lực cỡ

lớn chạy xuôi đường băng thì một lính ngụy vì không lên được máy bay đã rượt theo ném một quả lựu đạn vào cánh máy bay. Lựu đạn nổ xé toác cánh đỗ của máy bay, trong khi rốckét của Quân giải phóng rót tới nổ chặn đầu đường băng. Nhiều người trong cơn tuyệt vọng đã bám lấy càng và cánh máy bay. Nhiều người đã bị nghiền nát. Một số xác chết bị cuốn nát trong hốc bánh xe. Nhiều người bị rơi xuống khi máy bay lên cao. Mọi thứ mang theo được vất xuống đất nhưng máy bay vẫn quá nặng nên khi ở độ cao trên 1.000 mét, các nhân viên hàng không và lính trên máy bay đã phải dùng vũ khí và vũ lực ném gần 100 người xuống đất qua cửa chuyển hàng hoá phía sau. Cánh cửa giữa buồng lái đầy máu. Đấy là chiếc Boeing 727 - chiếc máy bay cuối cùng rời khỏi địa ngục Đà Nẵng".

Cũng vào thời điểm đó, Al Francis, Tổng lãnh sự Mỹ ở Đà Nẵng bước ra khỏi chiếc trực thăng HQ.65 với bộ mặt phờ phạc, đờ đẫn đằng sau bộ râu xồm, đến thẳng sứ quán Mỹ kể lại cho Đại sứ Martin toàn bộ những chi tiết bi thảm về cuộc tháo chạy khỏi Đà Nẵng. Ngồi phịch xuống chiếc ghế kê ở góc phòng làm việc của Martin, Francis nói:

- Thưa ngài Đại sứ, Đà Nẵng đã mất, quân đội của Tướng Trưởng không còn nữa!

Martin cười thản nhiên và lắc đầu. Vừa được Thiệu cam kết sẽ lấy lại Quân khu 1 bằng mọi giá, Martin không thể tin là Đà Nẵng đã mất. Martin thốt ra như người nói thầm: - Không, Quân khu 1 không mất, Đà Nẵng không mất, tin tức tôi nhận được thì trái lại.

Francis không kiềm chế được, thần kinh bị căng thẳng quá mức sau những gì khủng khiếp vừa được tận mắt chứng kiến, đã nổi cáu:

- Tôi vừa ở Đà Nẵng về với đám tàn quân của Tướng Trưởng. Tôi nói Quân khu 1 đã đi đứt rồi, Đà Nẵng đi đứt rồi. Ngài Đại sứ không tin cứ lấy trực thăng lên đấy mà xem.

Bị đốp vào mặt, Martin phật ý, lặng đi một lúc rồi lái sang chuyện khác, hỏi thăm sức khỏe của Francis và tiễn Francis ra khỏi phòng. Và cũng từ giờ phút ấy trở đi, Francis, một người trong cuộc, cương vị cao được Martin trọng dụng, trở thành người ngoài cuộc. Ngay tuần lễ sau đấy, Francis bị chuyển xuống làm việc ở tầng cuối cùng, trong một căn buồng nhỏ và không được đặc quyền ra vào phòng làm việc của Martin nữa...

Vào thời điểm đối thoại căng thẳng giữa Francis và Đại sứ Martin, Vũ Trung Hương, Đại tá, Trung đoàn trưởng Trung đoàn 2, Sư đoàn 3 bộ binh, dẫn đám tàn quân chạy về tới căn cứ Non Nước. Trên trời trực thăng ào ào bay về phía Nam, dưới đất thủy quân lục chiến chen nhau lội xuống tàu ra biển. Súng ống thủy quân lục chiến vứt lại cả đống trên bờ biển, cả những vũ khí hiện đại như hỏa tiễn TOW, đại bác không giật 90 ly, hồng ngoại tuyến X.202... Giữa quang cảnh hỗn loạn ấy, Hương lên máy PRC.25 kêu cứu. Cuối cùng bắt liên lạc được với Nguyễn Duy Hinh, Thiếu tướng, Tư lệnh Sư đoàn 3. Hinh quát trong máy báo cho Hương biết sẽ có tàu đến đón và cho địa điểm tàu ủi bãi bốc quân. Hương chờ tới 13 giờ chiều vẫn không thấy tàu đến, tàu của thủy quân lục chiến lại đậu quá xa, lính liều mạng bơi ra, biển động khiến người chết đuối không biết bao nhiêu mà kể. Ba lô, quần áo bị sóng biển đánh dạt vào bờ cả đống. Mãi tới 17 giờ chiều ngày 29-3, qua ống nhòm, Hương phát hiện được một tàu loại giang vận HQ.403 cập bãi cách xa chừng 4km. Hương và đám tàn quân chạy thục mạng tới. Nhưng tàu đậu xa, neo lại đứt, sóng rất mạnh, tàu hết trôi ra lại dạt vào làm trôi

rất nhiều binh lính... Nhờ có chiếc xe bọc thép lội nước M.113, Hương mới trèo được lên tàu HQ.403 - Đây là chiếc tàu hải quân cuối cùng rời Đà Nẵng, gia nhập đoàn tàu di tản đang nối nhau trên hành trình tháo chạy về phương Nam. Cũng trong cảnh hỗn loạn cuối cùng ấy, Phó đề đốc Hồ Văn Kỳ Thoại và Tướng Bùi Thế Lân, Phó Tư lệnh Quân đoàn 1 tiền phương bị bỏ lại văn phòng Bộ Tư lệnh hải quân vùng 1 tại Tiên Sa. Thoại và Lân đã phải vượt bộ qua dãy núi phía sau mới tới được bờ biển. May có một tàu nhỏ hải quân do Hồ Văn Kỳ Tường, em trai Thoại là chỉ huy Hải khu Đà Nẵng chạy ngang qua, phát hiện ra nên ghé vào chở Thoại và Tướng Lân đi. Còn Tướng Khánh hốt hoảng tháo chạy đã không chuẩn bị đủ xăng bay ra xa, phải đáp trực thăng ở bãi cát Sơn Trà rồi lội ra tàu HQ.404 cùng Trưởng về Sài Gòn...

Sau mấy ngày lênh đênh trên biển, chiếc tàu chiến HQ.404 - loại tàu chỉ huy và một số tàu của hải quân cập bến cảng Bạch Đằng (Sài Gòn). Đám tướng tá Quân đoàn 1 thất trận, mệt mỏi và đói khát, lếch thếch lên bờ. Trưởng đi theo sau mấy chuẩn tướng, thiếu tướng của mình. Trưởng cố đóng vai một viên tướng uất hận vì thất trận, lê từng bước lên bến. Hai lính cận vệ xốc nách dìu hai bên khiến cho khổ người cao gầy và khuôn mặt của Trưởng càng thêm thiểu não. Về Sài Gòn, Trưởng được bổ nhiệm vào Bộ Tư lệnh hành quân lưu động ở Bộ Tổng tham mưu. Tại đây, Trưởng gặp Phó đề đốc Hồ Văn Kỳ Thoại, Tư lệnh hải quân vùng 1 duyên hải và Chuẩn tướng Nguyễn Đức Khánh, Tư lệnh Sư đoàn 1 không quân tại Đà Nẵng đang ngồi viết bản tự khai; Chuẩn tướng Lâm Quang Thi, Phó tư lệnh Quân đoàn 1 thì bị phạt quản thúc về tội bỏ Huế. Tướng Thi là người kiên quyết bảo vệ Huế, chỉ chịu rút quân khỏi Huế khi có lệnh của Thiệu, vậy mà bây giờ lại bị quản thúc. Hôm sau,

trong buổi họp Bộ Tổng tham mưu, Trưởng đứng lên chất vấn Cao Văn Viên: "Việc phạt Tướng Thi và hai Tướng Thoại và Khánh đều không đúng. Họ chỉ là thuộc cấp của tôi. Họ chỉ làm theo lệnh của tôi. Họ không có tội gì cả. Nếu có phạt thì xin hãy phạt tôi đây này!". Phòng họp lặng ngắt. Đại tướng Cao Văn Viên nhìn qua Trung tướng Trần Văn Đôn vừa bỏ dở chuyến công du từ Pháp về, mới đảm nhận chức Tổng trưởng quốc phòng. Đôn, Viên chưa kịp nói gì thì Tướng Lê Nguyên Khang, phụ tá hành quân của Đại tướng, Tổng tham mưu trưởng đã bực dọc thốt lên: "Anh em chúng tôi không có tội tình mẹ gì cả!". Thấy lời nói của tướng bại trận chẳng còn có tác dụng gì, ngay sau đấy Trưởng cáo bệnh chui vào nằm bẹp trong Tổng y viện Cộng hòa. Sau mấy bữa bày trò tuyệt thực để tô vẽ cho hình ảnh "một viên tướng sẵn sàng tuẫn tiết" của mình, Trưởng lại nốc rượu và ăn uống như thường. Mỗi khi có quan chức nào của sứ quán Mỹ hoặc Bộ Tổng tham mưu vào thăm, là Trưởng lại bưng mặt khóc tu tu. Trưởng đả kích Thiệu đã ra lệnh lung tung làm rối loạn sự chỉ huy của Bộ Tư lệnh Quân đoàn 1 trong những ngày tháng cuối cùng của Đà Nẵng. Trong khi đó, Thiệu không thèm để ý đến Trưởng. Thiệu đang điên đầu lo đối phó với những thảm bại mới trên chiến trường. Thế nhưng Cao Văn Viên với tác phong quan dạng của mình - tác phong của một "viên tướng sa lông" lúc nào cũng muốn nêu cao quân phong, quân kỷ, đã bắt Trưởng và tất cả các tướng, tá của Quân đoàn 1, Quân đoàn 2 chạy thoát về Sài Gòn phải làm "phúc trình" để truy cứu trách nhiệm. Ra lệnh vậy thôi nhưng Viên chẳng có thời gian đâu mà đọc những bản phúc trình dài dòng của Ngô Quang Trưởng, Trung tướng, Tư lệnh Quân đoàn 1; Lâm Quang Thi, Chuẩn tướng, Tư lệnh phó Quân đoàn 1; Nguyễn Đức Khánh, Chuẩn tướng, Tư lệnh sư đoàn 1 không quân; Phó đề đốc

Hồ Văn Kỳ Thoại, Tư lệnh hải quân vùng 1 duyên hải; Đại tá Nguyễn Thanh Trí, Tư lệnh phó Sư đoàn thủy quân lục chiến; Phạm Văn Phú, Thiếu tướng, Tư lệnh Quân đoàn 2; Chuẩn tướng Phạm Duy Tất, Chỉ huy trưởng biệt động quân Quân khu 2... và cả lô tướng, tá thuộc các quân, binh chủng của Quân đoàn 1, Quân đoàn 2 bại trận chạy về Sài Gòn trình diện, nộp Bộ Tổng tham mưu xếp dày cộp trong cặp hồ sơ. Đánh chiếm Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn trưa ngày 30-4-1975, ta đã thu được toàn bộ hồ sơ, tài liệu của Cao Văn Viên, trong đó có hàng chục bản tường trình của các tướng lĩnh quân đội Sài Gòn bại trận[1].

Trong phần nhận xét tổng quát kết thúc bản phúc trình, Nguyễn Đức Khánh đã thẳng thắn nêu lên tám nguyên nhân chính dẫn đến thảm họa của Sư đoàn 1 không quân ở Đà Nẵng:

Thứ nhất: Trước ngày 28-3, phi trường Đà Nẵng rất rối loạn do dân tị nạn và lính đào ngũ gây ra. Bộ Tư lệnh Sư đoàn 1 không quân đã áp dụng nhiều biện pháp nhưng không đạt được kết quả khả quan.

---

1. Đánh chiếm Bộ Tổng tham mưu Quân đội Sài Gòn, ta thu được:

- Tập công điện của Nguyễn Văn Thiệu và Cao Văn Viên gửi Ngô Quang Trưởng và điện trả lời của Trưởng về quá trình tử thủ và thất thủ tại Huế, Đà Nẵng và toàn Quân đoàn 1, Quân khu 1.

- Phúc trình của Trung tướng Ngô Quang Trưởng, Tư lệnh Quân đoàn 1 về việc rút Huế, rút Đà Nẵng.

- Phúc trình của Chuẩn tướng Lâm Quang Thi, Tư lệnh Bộ Tư lệnh tiền phương Quân đoàn 1 ở Huế về việc rút Huế.

- Phúc trình của Phó đề đốc Hồ Văn Kỳ Thoại, Tư lệnh hải quân vùng 1 duyên hải.

- Phúc trình của Chuẩn tướng Nguyễn Đức Khánh, Tư lệnh Sư đoàn 1 không quân ở Đà Nẵng.

Thứ hai: Số đông quân nhân đã hiểu lầm lệnh di tản phi cơ nên oán hận cấp chỉ huy, cho rằng cấp chỉ huy đã giấu không cho họ biết lệnh di tản.

Thứ ba: Phi trường đã bị pháo kích nặng nề nên hoạt động của không quân rất khó khăn, phương tiện liên lạc bị thiệt hại nhiều.

Thứ tư: Thời tiết xấu, không thể sử dụng không quân để chống trả địch được nhiều.

Thứ năm: Lệnh di tản không phổ biến được vì mất liên lạc với các quân nhân trực thuộc. Vì vậy không một quân nhân nào của Sư đoàn 1 không quân di chuyển được ra bãi biển Nam Ô để lên tàu di tản.

Thứ sáu: Không thiết lập được cầu hàng không để di tản vì địch có tiền sát viên hướng dẫn pháo kích.

Thứ bảy: Phút chót không trình được lệnh di tản với Trung tướng, Tư lệnh trưởng không quân được vì hệ thống liên lạc bị đối phương pháo kích hư hỏng nặng.

Thứ tám: Đã cố gắng hết sức liên hệ với các cấp chỉ huy bạn để tìm cách đối phó, phối hợp di tản các quân nhân của Sư đoàn 1 không quân. Nhưng do thời tiết quá xấu, không gặp ai và do thời gian quá eo hẹp nên không thực hiện được. Trong tổng số 6.700 quân nhân của Sư đoàn 1 không quân, chỉ có chưa đầy 2.000 người di tản được khỏi Đà Nẵng. Nhiều máy bay, trong đó có cả máy bay phản lực oanh kích phải bỏ lại phi trường...".

Riêng Ngô Quang Trưởng đã dành khá nhiều tâm sức để đúc kết bản phúc trình. Mặc dù thảm bại nhục nhã, chỉ có rút chạy cũng không xong và Quân đoàn 1 đã bị xóa sổ, Ngô Quang Trưởng vẫn tự mê hoặc mình. Trưởng thấy có nhiệm vụ phải đứng trên cương vị tư lệnh một quân đoàn lớn nhất, tư lệnh một quân khu quan trọng nhất của Quân lực Việt Nam Cộng hòa để

đúc kết chiến tranh. Mãi đến ngày 10-4-1975, Trưởng mới nộp cho Tướng Viên bản phúc trình dài dằng dặc với đầu đề khá lâm ly: "Phúc trình ủy khúc các sự kiện xảy ra tại Quân khu 1 trong giai đoạn di tản chiến thuật hồi tháng 3-1975".

Thế nhưng bản phúc trình của Trưởng chẳng có đúc kết gì hết. Trưởng không dám thừa nhận những sai lầm của mình cùng sự kém cỏi của sĩ quan, binh lính dưới quyền. Trưởng trút bỏ tất cả những đổ vỡ của vùng 1 cho hoàn cảnh bất lợi của chiến trường, cho tương quan lực lượng quá chênh lệch. Sau khi điểm lại diễn biến từng ngày của chiến trường vùng 1, kể từ ngày 13-3-1975 - ngày mà Trưởng được Thiệu triệu về Sài Gòn dự phiên họp hạn chế của Hội đồng An ninh quốc gia, bàn về việc phòng thủ tại Quân khu 1, Trưởng kết thúc bản phúc trình của mình bằng một giọng cải lương, lâm ly tưởng như trong những dòng đúc kết ấy có cả những giọt nước mắt lã chã của Trưởng: "... Công việc hằng ngày đều được báo cáo đầy đủ về Sài Gòn để trình lên Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu và Đại tướng Cao Văn Viên. Những biến cố quan trọng tôi đích thân tường trình lên Tổng thống và Đại tướng, Tổng Tham mưu trưởng và chỉ chịu ngừng khi hệ thống liên lạc bị pháo kích làm ngưng trệ hoàn toàn...

Để kết thúc bản phúc trình này, tôi xin xác nhận là chỉ huy các cấp tại Quân đoàn 1, Quân khu 1 đã cố gắng đến hơi sức cuối cùng, nhưng vì có thể phạm phải một vài lỗi lầm chiến thuật, hoặc vì không thể hình dung được đúng mức vấn đề trọng đại trong khi phải vội vã thi hành nhiệm vụ hoặc vì không có may mắn khi thi hành nên đã phải gánh chịu những hậu quả buồn thảm...

Với tất cả sự thành thật, tôi đúc kết bản phúc trình này và với tư cách Tư lệnh Quân đoàn 1, Quân khu 1, tôi nhận

lãnh tất cả trách nhiệm về những gì đã xảy ra trong phạm vi thẩm quyền".

Sài Gòn, nước Mỹ và phương Tây chấn động với tin Đà Nẵng sụp đổ. Bí thư báo chí Nhà Trắng ngày 30-3, một ngày sau khi Đà Nẵng thất thủ thông báo với các nhà báo rằng: "Tổng thống G. Ford coi Đà Nẵng thất thủ là một tấn thảm kịch lớn của nhân loại". Tại cuộc họp báo ở Lầu Năm Góc ngày 2-4-1975, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Schlesinger miêu tả tình hình quân sự ở Nam Việt Nam là "nghiêm trọng và bi đát", các phòng tuyến bảo vệ Sài Gòn sẽ bị thử thách nghiêm trọng trong vài tuần nữa và tổn thất trang bị của quân Sài Gòn ở Quân đoàn 1 và vùng 1 có thể lên tới 1 tỷ đôla Mỹ. "Các quan chức của Chính phủ Hoa Kỳ ở tất cả các cấp bậc đã kinh hoàng trước sự thất thủ của Đà Nẵng, sự tan rã đột ngột của tình hình tại Nam Việt Nam" (BBC sáng ngày 2-4-1975). Ngày 31-3, trong bài xã luận với nhan đề "Nỗi thống khổ của một dân tộc", báo *Le Monde* viết: "... Gần một triệu sinh linh bị ném lên các nẻo đường của Nam Việt Nam, người ta xông lên các máy bay vận tải để chiếm chỗ, liều mạng bám vào những thành xe camiong đã chất đầy người, đám đông xô đẩy, dẫm đạp nhau tại các cầu tàu... Quang cảnh đó làm thức dậy tấn thảm kịch của lương tri thế giới tưởng không bao giờ có thể nguôi đi nổi... Bộ máy chính quyền Sài Gòn sụp đổ từng mảnh lớn khi mà các viên chức từ bỏ nhiệm sở, quân đội đại bại, hoảng loạn chạy qua các thành phố, làng mạc với đám binh lính thất thần, nhếch nhác, chỉ còn mong sao cứu được mạng sống của chính mình... Sự lúc nhúc, hốc hác của dân tị nạn và lính đào ngũ cùng sự tan rã của Nam Việt Nam (chính quyền Sài Gòn) sẽ còn mãi như một trong những cảnh tượng thương tâm nhất của thế kỷ. Nó biến thành trò cười trước lịch sử...". Xã luận báo *Daily Mail* ngày 1-4 thì đưa ra lời cảnh báo: "Sau khi Đà Nẵng thất thủ, Sài Gòn bị đe dọa trực tiếp.

Sắp đến lúc Mỹ phải nhận một trong những cái tát nảy lửa nhất của lịch sử nước Mỹ. Đâu đâu các nước bạn của Mỹ cũng phát sợ và những nước kẻ thù của Mỹ thì châm biếm Mỹ là con hổ giấy. Sự đảo lộn ghê gớm ấy chỉ cần có mấy tháng là đã xảy ra rồi. Sự sụp đổ của Đà Nẵng là một thảm họa của loài người. Nhưng đấy còn là một lời cảnh báo rằng, chúng ta ở Tây Âu phải tự lo lấy việc phòng thủ riêng của chúng ta"...

10
NHA TRANG TẮT THỞ
QUÂN ĐOÀN 2 BỊ XOÁ SỔ

Chiến sự chưa lan tới, chưa có tiếng súng nổ mà ngày 19-3-1975, dân chúng Đà Lạt đã ùn ùn di tản. Hàng ngàn người chen lấn trước cửa ngân hàng chờ rút tiền nhưng ngân hàng đã nhanh chân đóng cửa, giương biển thông báo người có tiền nhận biên lai rồi về ngân hàng trung ương ở Sài Gòn nhận. Lệnh di tản không có, chỉ nghe tin truyền miệng từ công chức và vợ con công chức. Sự ra đi của những thành phần chức vụ công quyền này lập tức kéo theo sự ra đi rầm rộ chưa từng có của dân Đà Lạt. Công sở, trường học, tiệm buôn, khách sạn đóng cửa. Chợ búa vắng tanh. Hơn 80% dân số Đà Lạt, ước chừng 15 vạn người đã hốt hoảng tháo chạy, không ai biết vì sao phải chạy trong lúc Đà Lạt vẫn thơ mộng, yên bình. Chuyến bay cuối cùng rời phi trường Liên Khương (Đà Lạt) lúc 20 giờ ngày 20-3. Một ngày mà có tới 20 chuyến bay từ Đà Lạt về Sài Gòn. Giá chợ đen lên tới 30.000 đồng/1 vé máy bay, tăng 200% so với giá chính thức. Người mua được vé thì bay về Sài Gòn. Người không mua được thì đi xe đò và đủ thứ phương tiện để về Nha Trang rồi tìm đường về Sài Gòn với giá 5.000 đồng/1 vé xe đò. Thuê cả chuyến xe phải mất từ 180.000 đồng đến 2.000.000 đồng. Trong một, hai ngày mà có tới năm vạn người từ Đà Lạt đổ vào Nha Trang. Bốn ngày sau, ngày 24-3 Quảng Tín rồi Quảng Ngãi bỏ ngỏ.

Chẳng hiểu sao cũng giống như ngày Phước Long thất thủ, cơn giông sầm sập kéo tới, trút mưa xối xả xuống Quảng Tín, Quảng Ngãi. Trong mưa lạnh, hàng chục vạn người bồng bế nhau hốt hoảng chạy về Đà Nẵng, Nha Trang cùng với những tin đồn rợn người. Thành phố biển Nha Trang bỗng trở nên hỗn loạn, kinh hoàng, không thể kiểm soát.

Phú kéo ghế ngồi, nhìn một lượt các thành viên. Thấy Thân vắng mặt, Phú hỏi Lê Khắc Lý, Đại tá, Tham mưu trưởng Quân đoàn:

- Sao Chuẩn tướng Thân giờ này chưa về tới, ông Lý?

Lý đáp:

- Thưa Thiếu tướng! Chuẩn tướng Thân đến căn cứ không quân Bửu Sơn họp với Tướng Lượng, Tư lệnh Sư đoàn 2 không quân và hai Tiểu khu trưởng Bình Thuận, Ninh Thuận để phối hợp phòng thủ căn cứ không quân Phan Rang và hai tiểu khu này. Được lệnh của Thiếu tướng, đêm qua tôi đã điện báo Chuẩn tướng Thân hôm nay phải về Nha Trang. Chắc Chuẩn tướng cũng sắp về tới.

- Ta cứ bắt đầu - Phú vừa nói vừa xô ghế đứng dậy. Phú rất thích sự trịnh trọng trong việc điều hành các phiên họp - Bữa nay Bộ Tư lệnh Quân đoàn triệu các ông tới để bàn về kế hoạch phòng thủ những tỉnh còn lại của duyên hải Quân khu 2. Ngày hôm qua, Tướng Weyand, Tham mưu trưởng lục quân Mỹ đã làm chuyến công du ra Nha Trang. Tôi đã thuyết trình tình hình và hướng dẫn Tướng Weyand và Đại tướng Cao Văn Viên cùng đi, tận mắt quan sát những gì còn lại của Quân khu 2. Tôi có nói mặc dù Việt cộng vừa chiếm được Đà Nẵng nhưng tình hình hiện tại ở đây chưa có gì hiểm nghèo cả. Chia sẻ nhận xét đó, Tướng Weyand đánh giá: Sau khi chiếm được vùng đất khổng lồ, kể cả Đà Nẵng, Việt cộng sẽ phải ngừng bước tiến để củng cố,

bổ sung thành quả. Mọi việc ở vùng đất còn lại Quân khu 2 đang ổn định dần. Weyand cũng bày tỏ là ông ta phấn khởi trước những gì nhìn thấy ở đây, là sĩ quan binh lính của chúng ta đã hành động giỏi...

Nghe Phú ba hoa, các thành viên kín đáo nhìn nhau lắc đầu. Dự cuộc họp này, ngoài tướng tá còn lại của ban tham mưu Quân đoàn 2, còn có Lý Bá Phẩm, Đại tá, Tỉnh trưởng Khánh Hòa kiêm Thị trưởng Nha Trang; Trần Cửu Thiên, Đại tá, Trung tâm trưởng Trung tâm điều hợp phát triển Quân khu 2; Lê Trung Hoàn, Tham mưu phó chiến tranh chính trị Quân đoàn 2. Ngồi họp mà ai nấy ruột gan như lửa đốt. Tình hình Nha Trang đang hết sức căng thẳng vì Quảng Ngãi, Quảng Tín, Đà Nẵng, Quảng Đức, Tuyên Đức, Lâm Đồng liên tiếp thất thủ. Bình Định, Phú Yên bị uy hiếp nặng. Làn sóng di tản, trước hết là các cơ sở của người Mỹ, tiếp tục dồn về Nha Trang. Kể từ sáng nay, các trung tâm tiếp cư ở Nha Trang như ong vỡ tổ. Người ta lại bắt đầu cuống cuồng tìm đường tháo chạy khỏi thành phố biển này, xa hơn nữa, về phía nam. Trong tình cảnh ấy, các thành viên không ai còn bụng dạ đâu mà nghe Phú nói, vậy mà Phú vẫn cứ dài dòng:

- Trong chuyến viếng thăm của Tướng Weyand, Đại tướng Cao Văn Viên đã truyền đạt nghiêm lệnh của Tổng thống quyết phòng thủ phần đất sinh tử của Nam Việt Nam và phần sinh tử ấy bao gồm Nha Trang, cùng vùng đất phía Nam của nó. Thay mặt các chiến hữu, tôi đã tuyên bố là Quân đoàn 2 sẽ tử thủ luôn cả Quy Nhơn và vùng phía bắc Quy Nhơn. Như vậy, tuyến phòng thủ vùng đất duyên hải còn lại của Quân khu 2 như sau - Phú ngừng lại, bước tới tấm bản đồ lớn treo ở giữa phòng.

Nhưng Phú chưa kịp diễn thuyết về tuyến phòng thủ mới thì

Phạm Duy Tất, Chuẩn tướng, Chỉ huy trưởng biệt động quân Quân đoàn 2 đã nóng mắt lên tiếng. Tất nói, giọng gay gắt:

- Rút kinh nghiệm của cuộc rút lui đại bại ở Tây Nguyên, Thiếu tướng cần cân nhắc lại việc hoạch định tuyến phòng thủ mới này. Hiện tại, lực lượng của Quân đoàn 2 rất mỏng, không đảm trách được nhiệm vụ nặng nề như vậy, tinh thần binh lính lại sa sút nghiêm trọng. Riêng biệt động quân chỉ còn thành phần khung của các liên đoàn và các đơn vị hành chính, công vụ không có vũ khí. Chỉ có hai đại đội của Liên đoàn 22 biệt động quân là còn nguyên vẹn, nhưng phải phân tán cấp tiểu đội để giữ an ninh thị xã Nha Trang, kiểm soát các nút chặn ở đèo Rù Rì, hải cảng, cổng phi trường. Như vậy, đảm trách tuyến phòng thủ quốc lộ 21 bảo vệ Nha Trang chỉ còn một Lữ đoàn dù số 3. Quân tăng viện không được đáp ứng. Một trung đoàn của Sư đoàn bộ binh 23 được lập lại, không có vũ khí đã phải nhặt súng của quân nhân đảo ngũ bỏ lại để dùng. Một tuyến phòng thủ mỏng manh như vậy làm sao...

Tất vừa nói tới đây, Phú đã gạt phắt:

- Tuyến phòng thủ vùng duyên hải còn lại của Quân khu 2 sẽ kéo dài từ quận Hoài Nhơn bắc Bình Định xuống đến hết ranh giới phía tây quốc lộ 19, đèo An Túc chạy dài xuống tới Củng Sơn (Phú Yên) và đèo M. Drack (Khánh Hòa). Vấn đề này Tổng thống đã quyết định như vậy.

Lý và Tất nhìn nhau, lắc đầu. Cả hai lại nhớ tới buổi họp cuối cùng của Bộ Tư lệnh ở Pleiku khi Phú phổ biến lệnh triệt thoái khỏi cao nguyên. Bữa đó, trả lời hàng loạt câu hỏi về cuộc lui binh kỳ quái ấy, Phú chỉ đưa ra đúng một câu: "Vấn đề này Tổng thống đã quyết định như vậy". Bữa nay, trả lời chất vấn

của Tất, Phú cũng không đưa ra được lý lẽ gì và lại nhắc lại cái điệp khúc ấy.

Đại tá Lý Bá Phẩm, Tỉnh trưởng Khánh Hòa kiêm Thị trưởng Nha Trang báo cáo với Phú:

- Trình Thiếu tướng, Nha Trang sở dĩ hỗn loạn là vì quân dân các nơi di tản tới. Sáng nay, địa phương quân giữ trung tâm cải huấn lại bỏ chạy khiến quân phạm thoát ra phá phách. Một tàu của thủy quân lục chiến ở Đà Nẵng chạy về lại cập bến Cầu Đá, lính đói khát đổ lên bờ nổ súng, cướp bóc khiến tình hình càng thêm hỗn loạn. Quân trấn Nha Trang không còn duy trì được trật tự, vì nhân viên công lực bỏ chạy. Vì vậy kính xin Thiếu tướng có biện pháp cấp thời, cứng rắn.

Thấy cuộc họp có chiều hướng không thuận, Phú vội vã kết luận:

- Chấp hành nghiêm lệnh của Tổng thống, tôi ra lệnh tử thủ thị xã Quy Nhơn, thị xã Nha Trang và những phần đất còn lại của Quân khu 2. Đại tá Lý điện chỉ thị ngay cho Tướng Niêm, Tư lệnh trưởng Sư đoàn 22 bộ binh lập Bộ Tư lệnh tử thủ thị xã Quy Nhơn. Cho phép Lữ đoàn 3 nhảy dù có quyền bắn bỏ tất cả các phần tử hèn nhát bỏ chạy. Ban hành lệnh thiết quân luật tại Nha Trang, Cam Ranh, Phan Rang từ 20 giờ đến 6 giờ sáng hôm sau. Phải giữ nghiêm trật tự trong thị xã, ưu tiên bảo vệ phi trường, trại giam, bến tàu.

Bất đồng với ý kiến của Tất, Phú tuyên bố luôn:

- Kể từ giờ phút này, tôi giao chức Chỉ huy trưởng biệt động quân Quân khu 2 cho Đại tá Đại, nguyên Chỉ huy trưởng Trung tâm huấn luyện biệt động quân Dục Mỹ!

Thấy Phú tuyên bố như vậy, Tất ngẩn người. Sau này trong phúc trình nạp cho Bộ Tổng tham mưu, khi tường trình lại sự việc này, Tất viết: "Tại cuộc họp Bộ Tư lệnh Quân đoàn 2 vào

chiều ngày 31-3 tại Nha Trang, Tướng Phú đã đột ngột tuyên bố cách chức Chỉ huy trưởng biệt động quân của tôi và giao cho Đại tá Đại. Sự bổ nhiệm này không được biết trước, không tổ chức bàn giao. Vì vậy chỉ thị đó như "mớ giấy lộn" và càng làm cho tình hình thêm rối loạn".

Vừa lúc ấy, Chuẩn tướng Lê Văn Thân bước vào phòng họp. Thân báo cáo với Phú:

- Trình Thiếu tướng, tôi vắng mặt tại Bộ Tư lệnh Quân đoàn vì kẹt việc tổ chức bộ chỉ huy nhẹ tại Phan Rang và kiểm đốc chiến cuộc ở Ninh Thuận, Bình Thuận. Đại tá Lê Quang Bình vừa được chỉ định làm Tham mưu trưởng mặt trận duyên hải, cùng đi với tôi...

Đang bực mình, nghe Thân báo cáo chưa hết, Phú tuyên bố luôn:

- Từ nay Chuẩn tướng Thân không phải làm nhiệm vụ của Tư lệnh phó Quân khu nữa. Chuẩn tướng được nghỉ ngơi, nhưng chỉ được nghỉ ngơi tại chỗ và không được về Sài Gòn.

Thân được cử giữ chức Tư lệnh phó Quân khu 2 từ ngày 17-12-1974 với nhiệm vụ "tổng quát kiểm soát đôn đốc lực lượng an ninh lãnh thổ và công cuộc phát triển Quân khu 2".

Sau khi đột ngột cho Thân "ngồi chơi xơi nước", Phú tuyên bố bế mạc cuộc họp. Đây là phiên họp cuối cùng của Bộ Tư lệnh Quân đoàn 2. Cho đến ngày hoàn toàn tan rã, không có phiên họp nào được triệu tập, mà chỉ có những cuộc hội kiến nháo nhào của Phú với các tướng tá thân tín trên đường tháo chạy.

Các thành viên lục tục đứng dậy. Đại tá Lý Bá Phẩm vội chạy tới hỏi Phú:

- Trình Thiếu tướng! Còn vụ lộn xộn ở bến Cầu Đá, xin Thiếu tướng cho lệnh giải tỏa!

Phú lệnh cho Trần Cửu Thiên, Đại tá, Trưởng trung tâm điều hợp phát triển Quân khu 2:

- Anh trợ giúp Đại tá Phẩm, ra thiết lập ngay trật tự ở bến Cầu Đá. Kẻ nào phá phách cứ thẳng tay bắn bỏ.

Trong lúc Phẩm tiếp tục ở lại bàn bạc với Phú, Thiên lên xe Jeep tự lái ra bến Cầu Đá. Bến cầu hỗn loạn vì hàng ngàn người chen lấn trong tiếng la thét và tiếng súng nổ loạn xạ. Hơn 1.000 lính thủy đánh bộ và biệt động quân từ Đà Nẵng chạy về. Sau mấy ngày nhịn đói, nhịn khát lênh đênh trên biển, chúng cập tàu vào bến này để cướp đồ ăn, nước uống. Thấy Thiên mũ áo chỉnh tề, đeo quân hàm Đại tá, đang hung hăng quát tháo, đám thủy quân lục chiến nổi điên, nổ luôn mấy tràng đạn chỉ thiên rồi sấn sổ xông tới. Biết ngay chuyện chẳng lành, Thiên vội tìm đường tháo chạy nhưng không kịp. Thiên bị tụi lính lôi ra hỏi tội, tước sạch súng, mũ, quần áo và đồng hồ đeo tay. Chỉ còn độc chiếc quần đùi, Thiên phải quỳ lạy như tế sao và cam đoan cho xe chở ngay lương thực tới chu cấp mới được tha tội chết. Phóng thục mạng về tới cổng Bộ Tư lệnh Quân đoàn thì vừa hay gặp Lý Bá Phẩm đánh xe ra. Thiên nhảy xuống chặn xe Phẩm. Thấy Thiên trần trùng trục, vận độc chiếc quần đùi, Phẩm ngơ ngác chưa hiểu sao thì đã nghe Thiên chửi toáng lên:

- Đ... mẹ! Lính lác ở bến xả súng như điên. Đ... mẹ thằng nào có giỏi thì ra đấy mà thiết lập trật tự!

Không một quan chức nào của Ban tham mưu Quân đoàn dám bén mảng ra bến. Thế nhưng, cả vạn người trong các trung tâm tiếp cư Nha Trang, nghe có tàu hải quân, lại đổ túa ra, chen nhau xuống tàu, đàn bà, con trẻ chết đuối khá nhiều.

*

* *

Phú giật mình choàng dậy. Chuông điện thoại ngay đầu giường ngủ đổ hồi. Mắt nhắm mắt mở, Phú vồ lấy ống nghe:

- A lô! Tôi nghe đây. Tư lệnh Quân đoàn 2 đây.

- Báo cáo Thiếu tướng, Phú Yên đang bị tấn kích nguy ngập. Xin Thiếu tướng cho viện binh ngay.

Nghe giọng nói hốt hoảng ở đầu dây, Phú nhận ngay ra tiếng Cẩm, Chuẩn tướng, phụ tá hành quân của Phú:

- A lô, Chuẩn tướng Cẩm đâu! Báo lại đi! Tại sao Bình Định, Quy Nhơn còn mà Phú Yên lại bị tấn kích?

- Trời ơi! - Cẩm thốt lên trong máy - Bình Định, Quy Nhơn đang nguy ngập. Thiếu tướng không nắm được sao? Cộng sản nổi dậy. Chuẩn tướng Niêm, Tư lệnh Sư 22 và Đại tá, Tỉnh trưởng Bình Định đã chạy thoát xuống tàu. Còn tuyến phòng thủ bắc Phú Yên đã vỡ. Tỉnh trưởng Phú Yên bị thương nặng...

- Anh phải cố thủ ở đó với anh em và phải tiêu diệt tối đa địch quân. Tôi lên ngay đây - Phú ra lệnh cho Cẩm, rồi đặt máy. Lúc đó là 7 giờ sáng ngày 1-4-1975.

Phú mặc quần áo rồi chạy sang trung tâm hành quân. Đại tá Lê Khắc Lý đã có mặt. Phú lệnh cho Lý báo cáo về Bộ Tổng tham mưu tình hình nguy kịch của Bình Định, Phú Yên rồi vội vã ra trực thăng. Phú nói sẽ trực tiếp lên chỉ huy mặt trận Phú Yên, Bình Định nhưng Phú làm phép vậy thôi. Phú cứ bay trên trực thăng rồi lên máy liên lạc và ra chỉ thị. Nhưng Phú chẳng liên hệ được với ai, kể cả Cẩm và các tướng, tá trong Bộ chỉ huy nhẹ Quân đoàn 2. Lúc này Niêm, Chuẩn tướng, Tư lệnh Sư đoàn 22 bộ binh bị choáng đang nằm hôn mê trên tàu hải quân HQ.11. Phó đề đốc Minh, Tư lệnh hải quân vùng 2 duyên hải được Bộ Tổng tham mưu chỉ định thay Niêm làm Tư lệnh chiến trường Bình Định. Minh đã vội vã từ Cam Ranh lên Quy Nhơn, hòng tái lập trật tự và tổ chức phòng thủ ở đây.

Lúc Phú bắt liên lạc được với Minh thì mặt trận Bình Định đã vỡ. Phú nghe Minh thét lên trong máy: "Địch quân đã tràn ngập thị xã. Có tăng viện cả ngàn quân cũng vô ích. Tôi dông đây!".

Trực thăng của Phú quay về Nha Trang, khi trên trời hàng chục máy bay E.47 tháo chạy khỏi phi trường Phù Cát đang xé gió bay về Phan Rang. Và ở dưới đất, tại bến cảng Quy Nhơn, hàng chục nghìn lính của Sư đoàn 22 và người di tản đang sống mái chen nhau tìm cách chạy ra khơi...

Trực thăng đáp xuống trung tâm hành quân của Bộ Tư lệnh Quân đoàn 2 tại Nha Trang. Đại úy Giàu, Đại đội trưởng phòng vệ Bộ Tư lệnh Quân đoàn 2 chạy ra đón Phú. Phú xăm xăm đi thẳng vào văn phòng. Không thấy Lý đâu. Mệt mỏi, tức giận, Phú la hét ầm ĩ:

- Ông Lý đâu?

Lý chạy bổ từ trên lầu hai xuống:

- Trình Thiếu tướng! Tôi đang ở đây, đang làm việc tại đây. Các sĩ quan chủ trì vẫn còn đủ cả!

- Ông đã báo cáo tình hình về Bộ Tổng tham mưu chưa? - Phú hỏi.

- Dạ thưa đã! Tướng Khuyên nhận điện. Tướng Khuyên cũng đã biết Bình Định, Phú Yên bị tấn kích!

- Ông triệu ngay Bộ Tham mưu tới họp bàn kế hoạch phòng thủ thị xã - Ra lệnh cho Lý xong, Phú về ngay phòng mình. Phú vừa cầm đũa định dùng bữa sáng cận vệ bưng vào, thì Lý Bá Phẩm hốt hoảng gọi điện báo Nha Trang đã không còn chính quyền, công chức, cảnh sát đã chạy hết, chỉ còn Phẩm và Trưởng ty cảnh sát. Phú quăng bát đũa chạy sang văn phòng. Quang cảnh Bộ Tư lệnh Quân đoàn hết sức nhốn nháo. Các sĩ quan ban tham mưu đã bỏ đi gần hết. Cùng một lúc, tin tức

dồn dập đến với Phú: Tuyến phòng thủ đèo M. Drao của Lữ đoàn dù số 3 bị vỡ, lính dù phải rút chạy về đèo Rù Rì và đèo Ro Tương. Tuy Hòa mất liên lạc. Trung tâm huấn luyện Lam Sơn, biệt động quân, căn cứ pháo binh Dục Mỹ, trường hạ sĩ quan đã tự ý di tản. Cảnh sát dã chiến gác trại giam bỏ chạy, tù chính trị nổi dậy. Trung đoàn 40 mất liên lạc, Trung đoàn 45 không kịp đến vị trí ấn định. Xe tăng Quân giải phóng đã đến Ninh Hòa...

- Ông Lý! Ông cho tiêu hủy tài liệu rồi chuyển ngay vào phi trường Nha Trang. Ta lập Bộ chỉ huy nhẹ Quân đoàn tại đó! - Nói rồi Phú và sĩ quan tùy tùng chạy ra sân, nơi chiếc máy bay riêng của Phú đang chờ. Trung tướng Phạm Quốc Thuần, phái viên của Bộ Tổng tham mưu và Đại tá Trần Cửu Thiên vừa xịch xe tới, thấy vậy cũng lật đật chạy theo Phú.

- Đi! Đi! - Phú thét toáng lên khi thấy phi hành đoàn đang cho động cơ khởi động. Trực thăng chở Phú, Thuần, Tất, Thiên và sĩ quan tùy tùng cất lên khi khói thiêu hủy hồ sơ bốc mù mịt và giấy tờ bay như bươm bướm ở trung tâm hành quân...

Thế là một lần nữa Lý lại bị Phú quẳng lại. Khi Lý bước ra sân, trung tâm hành quân vắng vẻ, các sĩ quan tham mưu và lính gác tư dinh của Phú còn lại tập trung đợi lệnh. Lý hét tất cả nhảy đại lên hai chiếc xe Jeep, rồi phóng vào phi trường. Lý vừa rời khỏi thì Lý Bá Phẩm, phóng xe tới. Phẩm ngơ ngác trước cảnh Bộ Tư lệnh Quân đoàn không còn một bóng người. Chuông điện thoại trong phòng chỉ huy hành quân thi nhau đổ. Phẩm nhấc máy đúng lúc Đại tá Đức, Tư lệnh Sư đoàn 23 bộ binh từ Diên Khánh gọi về.

- A lô! Bộ Tư lệnh Quân đoàn đâu?

- A lô! Ai ở đầu dây? Tỉnh trưởng Khánh Hòa, Đại tá Phẩm đây. Bộ Tư lệnh Quân đoàn 2 đã đi rồi.

- Tôi, Đại tá Đức, Tư lệnh Sư 23 đây! Cho tôi nói chuyện ngay với Tướng Phú và Ban tham mưu.

- Trời ơi! - Phẩm thét lên - Làm gì còn Tướng Phú, làm gì còn Bộ Tư lệnh Quân đoàn. Họ "dông" hết rồi. Tôi không còn liên hệ được với ai nữa.

- Mẹ kiếp! Nếu vậy tôi cũng "dông" - Đức đập mạnh ống nghe lên máy.

Cuộc liên lạc cuối cùng của Bộ Tư lệnh Quân đoàn 2 với các đơn vị trực thuộc đã diễn ra như vậy. Lúc đó là 13 giờ 30 phút ngày 1-4-1975. Những sợi dây mỏng manh của chính quyền Sài Gòn ở thành phố biển này đứt tung. Mọi ngả đường vào Nha Trang đã mở toang. Cuộc chiến trở nên vô vọng và Bộ Tư lệnh Sư đoàn 2 không quân đã xin lập cầu không vận để di tản.

Mặc dù lệnh thiết quân luật được ban hành khẩn cấp để thanh toán cướp, ngăn chặn các ngả đường tiến vào Bộ Tư lệnh Quân đoàn và phi trường nhưng đường phố Nha Trang vẫn sôi sục dòng người xuôi ngược. Quân cảnh nổ súng thị uy, nhưng dân chúng vẫn tràn về phi trường Nha Trang và chạy về phía cảng Cam Ranh như thác lũ... Cũng lúc đó, hàng ngàn thủy quân lục chiến thất trận ở Đà Nẵng được đổ lên Cam Ranh. Vừa lên bờ chúng đã cướp tất cả xe đò, chất đầy người rồi dí súng bắt người lái chở về Nha Trang. Vừa ra khỏi vịnh Cam Ranh thì gặp ngay dòng người kinh hoàng từ Nha Trang đổ ngược lại. Hiểu ngay là Nha Trang đang hấp hối, chúng lại chĩa súng bắt lái xe quay lại, chen nhau lên những chiếc tàu hải quân vừa chở chúng từ Huế và Đà Nẵng tới đây. Những chiếc tàu chiến chất đầy lính và người di tản, lại lặc lè xuôi về phía nam, dưới cái nắng như thiêu đốt của mùa hè...

Đã gọi điện báo trước cho Đại tá Phúc, Chánh văn phòng Bộ Tư lệnh Sư đoàn 2 không quân và quen mặt hầu hết các sĩ

quan ở đây, vất vả lắm Lý mới vào được phi trường. Sân bay Nha Trang lúc này không khác gì ngày cuối ở phi trường Pleiku. Quân cảnh giữ trật tự bất lực, súng nổ bừa bãi, vũ khí vất lại cả đống. Người di tản tràn vào đường băng, máy bay vận tải C.130, C.119 Sài Gòn phải lên chở người di tản, tấp nập đáp xuống. Phi công giành giật phi cơ để bay... Trong cảnh sống mái ấy, Lý Bá Phẩm vào được phi trường. Phẩm xông tới trách móc Lý:

- Đ... mẹ, ông Lý. Ông làm gì kỳ vậy? Đi không báo lấy một tiếng!

Lý ra sức phân bua, nhưng không làm sao giảm được cơn giận dữ của Phẩm. Vừa may lúc đó được tin Phú đáp trực thăng xuống phi trường, Lý và Phẩm vội chạy lại trước cửa văn phòng Bộ Tư lệnh Sư đoàn 2 không quân thấy Chuẩn tướng Oánh, Chỉ huy trưởng Trung tâm huấn luyện không quân đang quát tháo om sòm. Phú vừa đáp trực thăng xuống, ra lệnh tử thủ phi trường, lại hớt hải bay đi ngay. Có điện của Bộ Tổng tham mưu, Lượng, Oánh, Lý, Phẩm kéo cả vào văn phòng. Lượng nhấc máy:

- A lô! Tôi nghe đây! Chuẩn tướng Lượng, Tư lệnh Sư đoàn 2 không quân đây!

- Bộ Tổng tham mưu đây, Trung tướng Đồng Văn Khuyên, Tham mưu trưởng Bộ Tổng tham mưu đây. Anh cho biết ngay Tướng Phú có vào phi trường không? Nha Trang còn không?

- Trình Trung tướng, tình hình Nha Trang hết sức nguy ngập. Tướng Phú vừa vào căn cứ không quân, nhưng lại hớt hải bay đi ngay. Việc Tướng Phú lên máy bay không cho anh em biết đi đâu đã gây sự hốt hoảng trong căn cứ!

Khuyên lập tức chỉ thị:

- Tôi vừa họp với Tổng thống về. Tổng thống ra lệnh không

được rút lui khỏi Nha Trang. Phải tiêu diệt địch tối đa, không bằng binh lính thì bằng không quân và hải quân. Chuẩn tướng Lượng và Chuẩn tướng Oánh phải phối hợp hàng ngang với Phó đề đốc Châu, tổ chức tử thủ khu vực này và phải tìm xem Phú bay đi đâu. Trong hai người ai có thâm niên hơn sẽ chỉ huy.

- Trình Trung tướng, Chuẩn tướng Oánh thâm niên hơn tôi - Lượng nói ngay không suy nghĩ, y muốn trút tất cả trách nhiệm sang Oánh. Biết Oánh thâm niên hơn, Khuyên ra lệnh luôn:

- Thay mặt Đại tướng, Tổng tham mưu trưởng, tôi chỉ định Tướng Oánh làm Tư lệnh mặt trận Nha Trang. Tôi sẽ điện buộc tất cả các căn cứ không quân báo cáo nếu Phú đáp trực thăng xuống và lệnh cho Phú trở lại ngay phi trường Nha Trang tử thủ với các anh.

Lượng buông máy. Đại tá Phúc, Chánh văn phòng Bộ Tư lệnh Sư đoàn 2 không quân chạy vào đưa cho Lượng bản văn bức điện vừa nhận được do Thiệu ký, buộc phải tử thủ phi trường Nha Trang. Đọc xong bức điện, Lượng cáu vung tay chửi toáng lên: "Đù mẹ, tử thủ cái gì. Bảo lũ chúng nó lên mà tử thủ. Đ... mẹ, sĩ quan, binh lính chạy sạch, tử thủ cái mẹ gì nữa. Có bỏ tù tôi cũng chịu, không ai thi hành được".

Phẩm và Lý xin Lượng cho đi nhờ trực thăng Chinook về Phan Rang gặp Phú để trình diện. Nhưng vừa chạy ra đến bãi đỗ thì bị Đại tá Phúc phóng xe Jeep đến, bắt quay lại gặp Oánh. Oánh vẻ mặt hầm hầm, nói với Lý và Tất:

- Bộ Tổng tham mưu chỉ định tôi là tư lệnh mặt trận này. Các ông phải xin lệnh tôi. Các ông cũng là cấp chỉ huy, nếu cần di tản chúng ta sẽ là người đi sau cùng.

Đến nước này thì cũng không còn phương cách gì hơn, nên Phẩm "nhũn như con chi chi". Y nói với Oánh:

- Xin chấp hành! Tôi sẽ là người đi sau chót với Chuẩn tướng...

18 giờ 45 phút mới thấy trực thăng của Phú đáp xuống phi trường Nha Trang. Thấy Phú quay lại, Lượng và nhất là Oánh mừng quýnh. Oánh vội giao ngay chức Tư lệnh mặt trận Nha Trang cho Phú. Trong phòng làm việc của Sư đoàn 2 không quân lúc đó có Phú, Tất, Lượng, Oánh và Phẩm. Riêng Lê Khắc Lý, Đại tá, Tham mưu trưởng Quân đoàn 2 bị choáng nặng, hôn mê, đã được Đại tá Phúc, Chánh văn phòng Bộ Tư lệnh Sư đoàn 2 không quân và Đại tá Trần Cửu Thiên, Chỉ huy trưởng Trung tâm điều hợp phát triển Quân khu 2, dìu ra máy bay C.130. Lợi dụng lúc nhốn nháo, Thiên cũng bám theo luôn.

Nửa tỉnh nửa mê, Lý cứ ngỡ máy bay về Phan Rang nhưng khi hạ cánh lại là sân bay Tân Sơn Nhất... (Sau này, trong phúc trình gửi Bộ Tổng tham mưu và sau ngày miền Nam giải phóng, chạy trốn sang lưu vong ở Mỹ, khi trả lời phỏng vấn của RAND, Lê Khắc Lý đã kể lại khá chi tiết cuộc di tản tại Tây Nguyên và những ngày cuối cùng của Quân đoàn 2 tại Nha Trang).

- Tình hình như thế này, các anh bảo tôi phải làm gì bây giờ? - Phú nói như phân trần với Lượng, Oánh, Tất và Phẩm.

Lượng đáp:

- Xin Thiếu tướng cho lệnh triệt thoái ngay khỏi căn cứ không quân Nha Trang. Tình hình không cho phép chần chừ nữa!

- Không được! - Phú gạt ngay ý kiến của Lượng - Phải tử thủ Nha Trang, tử thủ phi trường Nha Trang. Vấn đề này Tổng thống đã quyết định như vậy.

Lượng nổi cáu, vặn Phú:

- Phải có ngay một sư đoàn tăng cường may ra mới giữ được Nha Trang. Đào đâu sư đoàn đó? Thiếu tướng cho biết đào đâu ra sư đoàn đó?

Phú cứng họng. Lượng nói:

- Nếu vậy, tôi cứ tiếp tục di chuyển!

Oánh tiếp lời:

- Tôi cũng rút về Phan Rang. Phan Rang vẫn là đất của Quân khu 2.

- Thế căn cứ không quân Nha Trang ra sao? - Phú hỏi lại.

Cả Oánh và Lượng không ai thèm trả lời.

- Nếu vậy - Phú nói với Oánh - Ông có toàn quyền hành động trong cương vị tư lệnh chiến trường này theo chỉ định của Bộ Tổng tham mưu!

Ngay lúc ấy điện thoại réo bên phòng hành quân. Bộ Tổng tham mưu gọi. Vừa nhấc máy, Phú đã cuống lên. Thiệu đang chờ ở đầu dây. Phú báo cáo với Thiệu tình hình nguy ngập và xin được rút về tử thủ tại Phan Rang.

Thiệu quát:

- Không được! Anh phải ở lại đó với anh em!

- Trình Tổng thống, đâu còn ai?

- Sao lại không còn? Còn căn cứ không quân, còn hai trường huấn luyện hải quân, không quân. Anh phải tử thủ phi trường, phải tiêu diệt tối đa địch quân. Thành phố Nha Trang nếu mất thì phải phản kích chiếm lại. Sẽ có lực lượng chi viện hùng hậu...

Phú buông máy quay lại phòng họp nói với cả bọn:

- Tổng thống vừa gọi điện lệnh phải tử thủ căn cứ không quân và thành phố Nha Trang. Nhưng tình thế đến nước này... - Phú ngừng lại, đưa cặp mắt lấm lét nhìn Lượng, Oánh, Tất và Phẩm. Nét mặt căng thẳng và bực dọc của cả bọn cho thấy là chúng sẵn sàng "bất tuân thượng lệnh". Cho hay không cho thì chúng cứ di tản. Có tử thủ thì Phú ở lại mà tử thủ lấy một mình. Nghĩ vậy, Phú lắc đầu chán nản, nói với cả bọn:

- Thôi tình thế đã đến nước này, tôi cho phép các anh em di tản.

Sau này Tổng thống có trách cứ, tôi sẽ nhận lãnh trách nhiệm và sẽ tường trình lại sự vụ trước Tổng thống.

Nghe Phú nói vậy, Lượng và Oánh mừng quýnh. Lượng bắt tay Phú:

- Xin cảm ơn Thiếu tướng tư lệnh!

Phú không buồn trả lời, hấp tấp ra trực thăng. Đại tá Phẩm lật đật chạy theo nhưng trực thăng của Phú đã bốc khỏi mặt đất. Lúc đó là 20 giờ 30 phút đêm ngày 1-4. Máy bay khu trục từ Sài Gòn lên theo kế hoạch tác chiến ban đầu, đang thả hỏa châu sáng rực trời đêm Nha Trang để hỗ trợ cho công cuộc phòng thủ tưởng tượng ở thành phố biển này. Không kịp bám theo Phú, Lý Bá Phẩm hớt hải quay lại hỏi Oánh:

- Trước đây được lệnh chiến đấu dưới quyền Chuẩn tướng, giờ có cần đến tôi nữa không?

Oánh đang cuống cuồng thu xếp tài liệu để chuồn, thấy Phẩm hỏi vậy, y đáp, giọng chua chát:

- Xin cảm ơn Đại tá! Bây giờ thì còn gì nữa mà làm!

Thế là Phẩm lại một phen sống mái tranh giành để ra đi. Mãi 4 giờ sáng ngày 2-4-1975, Phẩm mới chen lên được chiếc C.130 chật ních người. Đấy là chuyến bay di tản cuối cùng lăn bánh rời khỏi phi trường Nha Trang...

Sau khi Quân đoàn 2 triệt thoái khỏi Nha Trang và các tướng tá chóp bu của Quân đoàn mạnh ai nấy chạy, 1 giờ 45 phút trưa ngày 2-4-1975, Phú và sĩ quan tham mưu đã bay đến ngọn đồi "Lầu ông Hoàng" để chờ Thiếu tướng Nguyễn Văn Hiếu, Tư lệnh phó Quân đoàn 3 tới nhận bàn giao phần lãnh thổ cuối cùng của Quân khu 2 sáp nhập vào Quân khu 3. Lúc máy bay của Hiếu sắp đáp xuống, Phú rút khẩu súng ngắn định tự tử thì Thiếu tá Phạm Huấn, sĩ quan báo chí Quân đoàn 2 đứng gần nhanh tay gạt súng rơi xuống đất. Bàn giao

nháo nhào với Hiếu, Tư lệnh phó Quân đoàn 3 xong, Phú như kẻ mất hồn lên trực thăng bay về Sài Gòn. Ngày hôm qua (1-4), tướng Nguyễn Văn Điểm, Tư lệnh Sư đoàn 1 bộ binh đã tử nạn khi trực thăng chở Điểm và gia đình trên đường về Sài Gòn vừa hết xăng, vừa trúng đạn rơi tan xác ở Bình Định. 15 người trên máy bay đều chết hết, trừ viên trung tá lái may bay bị thương nặng còn sống sót. Trực thăng chở Phú may mắn không hết xăng và đáp xuống được phi trường Tân Sơn Nhất. Đỗ Thị Lâm Đề, vợ Phú, người Hoa, sinh ra ở Thượng Hải, năm ấy 40 tuổi cùng các con đang nóng lòng chờ Phú. Phú gặp lại vợ con trong không khí u ám vì báo chí trên trang nhất loan tin Thiệu đòi truy tố Phú ra tòa án quân sự vì các trọng tội: "Bỏ nhiều căn cứ quan trọng khi chưa có một cuộc xung đột nào như Phú Bổn, Quy Nhơn, Tuy Hoà, Nha Trang sau cuộc rút lui bất ngờ ở Pleiku, Kon Tum, làm cho dân chúng hoang mang, tinh thần quân đội suy sụp, gây nên những hỗn loạn và thiệt hại quan trọng về nhân mạng, tài sản quốc gia, khí tài quân đội và khiến dân chúng các tỉnh thuộc Quân khu 2 ùn ùn di tản...". Trong cảnh chen chúc sống mái, thoát chết về tới Sài Gòn, Lê Khắc Lý, sĩ quan năng lực và mẫn cán nhất của Phú - "Một trong những anh hùng của cuộc đông tiến vĩ đại" - như lời tán dương của Phú, ngày 2-4 đã tìm tới nhà riêng gặp Phú. Lý định báo cáo tình hình thì Phú đã lắc đầu xua tay:

- Ông Lý! Kể từ giờ phút này ông hãy quên tôi đi. Ông ra trình diện Bộ Tổng tham mưu và thừa hành lệnh của Tướng Viên!

Phú bị sốc, suy sụp hoàn toàn, đổ bệnh và phải vào nằm tại Tổng y viện Cộng hòa. Ngày 15-4-1975, Đại tá Phạm Văn Chung, cựu Lữ đoàn trưởng Lữ đoàn 369 thủy quân lục chiến, nguyên Tỉnh trưởng, Tiểu khu trưởng Quảng Nam, bạn thân của Phú

vào bệnh viện thăm. Phú ôm Chung khóc và nói: "... Tổng thống ra lệnh phải triệt thoái khỏi Quân khu 2, giờ lại lên đài nói chuyện và đổ tội cho các tướng lãnh hèn nhát bỏ chạy, đòi truy tố tôi ra tòa án quân sự... Thật cái nhục này tôi không biết tỏ cùng ai, chỉ có cách chết mới hết nhục!"[1].

---

1. Những bản phúc trình, tường trình cùng lời khai ta thu được tại Bộ Tổng tham mưu Quân đội Sài Gòn của các tướng lĩnh Quân đoàn 2, Quân khu 2 gồm: thiếu tướng Phạm Văn Phú, Tư lệnh Quân đoàn 2; Chuẩn tướng Lê Văn Thân, Phó tư lệnh Quân đoàn 2; Chuẩn tướng Lê Trung Tường, Tư lệnh Sư 23; Chuẩn tướng Phạm Duy Tất, Chỉ huy trưởng biệt động quân Quân khu 2; Trung tá Lê Trung Hoàn, Tham mưu phó chiến tranh chính trị Quân khu 2; Đại tá Lê Khắc Lý, Tham mưu trưởng Quân đoàn 2; Đại tá Lý Bá Phẩm, Tiểu khu trưởng Khánh Hòa và thị xã Nha Trang cùng văn bản dự thảo kết luận của ủy ban đặc biệt điều tra về cuộc lui binh của Quân đoàn 2 do Nguyễn Văn Thiệu lập ra và tập công điện chỉ huy tác chiến của Bộ Tổng tham mưu Quân đội Sài Gòn về việc tử thủ Buôn Ma Thuột, tử thủ Nha Trang, triệt thoái Quân đoàn 2 khỏi Pleiku, Kon Tum.

11
SÀI GÒN BÊN BỜ SỤP ĐỔ
CUỘC ĐẤU VỚI WEYAND

Ngày 2-4-1975, trong cuộc họp báo, Lê Trung Hiền, phát ngôn viên quân sự của Thiệu thừa nhận: "Huế mất, Đà Nẵng mất, Quy Nhơn mất. Nha Trang, Cam Ranh, Phan Thiết rối loạn. Đà Lạt, Tuy Hòa mất liên lạc điện thoại, vô tuyến...". Trong tình cảnh khốn quẫn đó, Thiệu vẫn ra sức chống đỡ. Thiệu trao quyền chỉ huy phòng thủ Sài Gòn cho viên tướng hủ bại và hiếu chiến nhất Nam Việt Nam là Nguyễn Văn Toàn, Trung tướng vừa được Thiệu cử thay Dư Quốc Đống làm Tư lệnh Quân đoàn 3, Quân khu 3. 9 giờ sáng ngày 2-4, Toàn triệu tập tất cả 11 đô trưởng, thị trưởng, tỉnh trưởng họp để bàn thảo kế hoạch ổn định vùng trách nhiệm, củng cố vành đai bảo vệ và bảo đảm an ninh cho Sài Gòn. Nghiêm lệnh bảo đảm an ninh được ban hành đối với quân lính, sĩ quan, công chức, cảnh sát và dân chúng. Quân cảnh, cảnh sát tuần tra suốt 24/24 giờ. Từ chiều ngày 3-4, đài Sài Gòn ra rả đọc nhật lệnh của Cao Văn Viên kêu gọi binh lính, sĩ quan chạy về Sài Gòn tức khắc ra trình diện, kêu gọi dân chúng bình tĩnh, và thông báo: "Hội đồng nội các trong phiên họp ngày 2-4 đã xác nhận trong mọi trường hợp việc hoàn trả tiền ký thác của đồng bào tại các ngân hàng phải được hoàn toàn bảo đảm...". Thông báo đó cũng không giải tỏa được sự hoảng loạn, chen lấn, sống mái rút tiền

tại các ngân hàng. Ngân hàng Quốc gia Sài Gòn chỉ trong mấy giờ đồng hồ đã phải bỏ ra 4 tỷ rưỡi đồng Việt Nam, tức là khoảng 30 triệu đôla Mỹ để thỏa mãn nhu cầu rút tiền. Lệnh giới nghiêm được quy định lại, bắt đầu từ 9 giờ đêm đến 6 giờ sáng hôm sau. Quân cảnh đội mũ sắt, súng lăm lăm trong tay sẵn sàng xuất hiện, chặn xét bất cứ xe máy, ôtô, và cả xe xích lô vì đã có lệnh cấm tiệt xích lô chạy trong thành phố vì sợ Việt cộng trà trộn vào. 6.000 xích lô mọi ngày bon bon trên đường phố Sài Gòn nay dường như biến mất. Bộ Tổng tham mưu ra lệnh cho quân cảnh bắn ngay tại chỗ bất kỳ ai không chịu tuân lệnh khi họ làm các công việc kiểm soát trong thành phố. Ngay cả những đứa trẻ cầu bơ cầu bất, gái điếm và những người bán quà đêm táo bạo nhất cũng khôn ngoan biến khỏi các đường phố một giờ trước khi thiết quân luật. Những hàng rào kẽm gai được căng ra cùng các ụ đất, bao cát mọc trên đường phố. Chuẩn tướng Phan Hòa Hiệp, trưởng phái đoàn quân sự Việt Nam Cộng hòa trong Ban liên hợp quân sự hai bên tại Tân Sơn Nhất đã nhậm chức Tổng trưởng dân vận chiêu hồi thay bác sĩ Hồ Văn Châm, và ký kết bàn giao trong phòng kín lúc 20 giờ tối ngày 3-4, không có báo chí hiện diện. Phan Hòa Hiệp lập tức đẩy mạnh các hoạt động dân vận trấn an dân chúng Sài Gòn. Ngay sáng ngày 4-4, hàng chục xe với mấy trăm cán bộ dân vận đã đồng loạt xuất phát từ tòa đô chánh xuống đường bao vây khu vực chợ Bến Thành. Mỗi cửa chợ có hai xe án ngữ, phát nhạc vang rền. Các toán dân vận ào vào trong chợ phát truyền đơn, kêu gọi mọi người an tâm bởi an ninh đô thành được những lực lượng thiện chiến nhất của quân đội bảo vệ, chưa kể các lực lượng cảnh sát và dân vệ. Các kho dự trữ được tiếp tế an toàn, đầy đủ. Việc quân viện trợ của Hoa Kỳ đã bắt đầu mạnh mẽ với cầu không vận và những vận tải cơ khổng lồ chở vũ khí hạng

nặng đã đáp xuống phi trường Tân Sơn Nhất... Đài Sài Gòn đêm ngày ra rả phát lời kêu gọi của Tướng Nguyễn Văn Minh, Tư lệnh Biệt khu Thủ đô yêu cầu tuân thủ nghiêm các biện pháp an ninh đã được phổ biến. "... Giữa chiến tranh và hòa bình, Sài Gòn như người bị chấn thương nặng từ ba tuần nay vẫn cố chờ đợi, cố sống vất vưởng qua ngày. Có thể nói bầu không khí bao trùm thành phố lúc này là bầu không khí của một "căn bệnh tâm thần" thực sự..." (AFP ngày 6-4-1975). Sài Gòn bị đẩy đến miệng hố của hoảng loạn, sụp đổ. Sự khủng hoảng lan tràn từ Dinh Tổng thống xuống hệ thống dây chuyền chỉ huy với đầy rẫy tin đồn về đảo chính, về thành lập một chính phủ đoàn kết quốc gia để tìm đường "thương lượng cuộc ngừng bắn mới và một giải pháp chính trị". Sáng sớm ngày 27-3, Thiệu lệnh bắt bảy nhà báo và chính khách, tuyên bố đập tan âm mưu một cuộc đảo chính. Báo chí phương Tây bình luận: "Cuộc bắt bớ này lột trần sự sợ hãi của chế độ Thiệu đang trên miệng hố của sự sụp đổ trước những tan rã về quân sự đang lan tràn khắp Nam Việt Nam". Sài Gòn trống rỗng về chính trị. Đối với tất cả các phe phái đối lập, Thiệu là chướng ngại vật cho một nội các đoàn kết dân tộc. Thủ tướng Trần Thiện Khiêm hôm 2-4 lên đài kêu gọi sự đoàn kết quốc gia. Nhưng chẳng ai thèm nghe Khiêm nói. Không một nhân vật chính trị có ý thức nào lại bằng lòng tham gia vào chính phủ trong hoàn cảnh hiện tại. Một chính khách được thăm dò vào nội các mới, nói: "Làm sao tôi có thể nhận chức vụ bộ trưởng lúc này, khi mà không một người nào trong chính phủ, và ngay cả Tổng thống Việt Nam Cộng hòa có thể bảo đảm với tôi rằng biên giới của Việt Nam Cộng hòa sẽ ở chỗ nào vào tuần sau, thậm chí ngay ngày mai!". Một nhân vật lãnh đạo trong chính quyền Thiệu thì trả lời trên báo phương Tây ngày 31-3 rằng: "Nam Việt Nam (chế độ Thiệu)

sẽ sống hay là chết từ từ bằng tùng xẻo?. Điều đó một phần lớn phụ thuộc vào Mỹ".

Trong tình hình ấy, tướng không quân râu kẽm Nguyễn Cao Kỳ, cựu Phó Tổng thống và Thủ tướng chính quyền Sài Gòn nhảy ra chính trường. Ngày 31-3-1975, trả lời phỏng vấn trên tờ *U.S. News and World Report,* Kỳ huênh hoang: "Nhân dân Nam Việt Nam đang nhìn vào tôi như một cứu tinh". Kỳ miêu tả mình là một lãnh tụ có khả năng liên kết giữa các nhóm bất mãn với Thiệu để đánh đổ Thiệu. Và rằng, Thiệu không dễ dàng bắt Kỳ, vì "Nếu tôi bị bắt giam thì sẽ nổ ra một cuộc phản đối lớn. Thiệu đủ khôn ngoan không làm điều đó". Kỳ đòi Thiệu phải lập tức từ chức để mở đường cho việc thành lập chính phủ đoàn kết dân tộc tìm đường thương lượng - vì, Kỳ nói: "Nếu không sẽ phải đầu hàng cộng sản một cách nhục nhã".

*

* *

Thiệu không nghỉ và cũng không dùng bữa trưa. Mai Anh lên phòng nghỉ chờ, không thấy Thiệu sang, biết chồng bận, Mai Anh gọi bảo vệ lo xe đi công chuyện riêng.

Trong phòng riêng, Thiệu phải lo viết bức thư khẩn cấp cho G. Ford và chuẩn bị cho cuộc gặp Weyand vào chiều nay. Đây là phiên họp cuối cùng với Weyand trước khi phái đoàn Weyand lên đường trở về Washington. Ngày 28-3, Đại tướng Weyand, Tham mưu trưởng lục quân Mỹ, hai năm trước từng là Tư lệnh quân đội Mỹ ở Nam Việt Nam đã tới Sài Gòn. Weyand là người đã cuốn lá cờ Mỹ để cùng với những lính Mỹ cuối cùng rút khỏi miền Nam Việt Nam. Trước sự sụp đổ quá nhanh của chính quyền Thiệu, Tổng thống G. Ford và Kissinger vội vã cử Weyand sang

nghiên cứu tình hình tại chỗ và cố cứu vãn lấy những gì còn có thể cứu vãn được. Trước khi rời Washington, Weyand đã buộc phải thừa nhận rằng tình hình Nam Việt Nam đang rất nguy ngập. Weyand được G. Ford và Kissinger dặn dò là không được nản lòng hoặc bị lạc hướng vì những trở ngại chính trị ở Mỹ, kể cả áp lực của Quốc hội Mỹ. Nếu quả B.52 có thể giải quyết được vấn đề thì cứ đề xuất. Nếu viện trợ quân sự bổ sung của Mỹ có thể cứu vãn được thì cứ nói thẳng ra. Nghĩa là Weyand được trao toàn quyền làm bất cứ việc gì để đưa ra một nhận định thực tế là có thể cứu vãn được chế độ Thiệu nữa không, nếu có thể thì phía Mỹ phải làm gì? Martin trở về Washington từ nhiều ngày trước để báo cáo tình hình, cũng trở lại Sài Gòn với phái đoàn của Weyand. Khi máy bay đáp xuống phi trường Tân Sơn Nhất, Weyand và tùy tùng đang lục tục chuẩn bị xuống thang máy bay thì Martin đòi phải để cho mình là người đầu tiên bước xuống. Martin muốn đích thân mình chứ không phải Weyand, hiện ra như vị cứu tinh trước đám bộ sậu cao cấp của chính quyền Sài Gòn và không biết cơ man nào là phóng viên nhiếp ảnh, truyền hình đang trực chờ sẵn ở chân cầu thang máy bay. Chiếc chuyên cơ chở Weyand và Martin đáp xuống phi trường Tân Sơn Nhất lúc 4 giờ sáng, thì 5 tiếng đồng hồ sau, Thiệu đã tiếp Weyand tại Dinh Độc Lập. Cuộc hội kiến thứ hai diễn ra vào chiều tối ngày 30-3 sau khi Weyand đi thị sát mặt trận Nha Trang về. Tại cuộc họp này, một ngày sau khi Đà Nẵng thất thủ, Thiệu và Weyand đã thống nhất phải lập ngay tuyến phòng thủ bảo vệ Sài Gòn từ xa. Tuyến phòng thủ này sẽ chạy dài từ Tây Ninh đến Nha Trang. Weyand cũng đã điện ngay cho G. Ford xin viện trợ khẩn cấp vũ khí cho Sài Gòn. Một cầu hàng không mới được thiết lập, và ngày 1-4, chiếc vận tải cơ khổng lồ C.5A galaxi đầu tiên chở 14 khẩu pháo 105 ly và đạn dược đã hạ cánh

xuống sân bay Tân Sơn Nhất. Thế nhưng tất cả đã đảo lộn. Sau Đà Nẵng, Bình Định rồi cả Nha Trang nữa đều đã thất thủ. Trưa ngày 2-4, nghe Đặng Văn Quang báo cáo có Trần Cửu Thiên, Đại tá, Chỉ huy trưởng Trung tâm điều hợp phát triển Quân khu 2 ở chỗ Phú vừa từ Nha Trang thoát chạy về Sài Gòn, Thiệu ra lệnh cho Quang đưa ngay Thiên đến để hỏi cặn kẽ thêm tình hình ở Nha Trang. Làm sao chưa có lấy một trận kháng cự nào cho ra hồn mà từ chỉ huy đến binh lính đùng đùng tháo chạy? Thiệu cần biết thật ngọn ngành, bởi trong phiên họp cuối cùng chiều nay, thế nào Weyand cũng chất vấn về vấn đề này.

Đúng 12 giờ trưa, Đặng Văn Quang đưa Trần Cửu Thiên vào gặp Thiệu. Thiên hồi hộp, lo sợ. Đây chẳng những là lần đầu gặp mặt Thiệu, mà còn là lần đầu tiên y bước chân vào Dinh Độc Lập. Thoát khỏi Nha Trang, từ Tân Sơn Nhất, Thiên phải đi honđa ôm về nhà riêng. Khi đã hoàn hồn, Thiên lại lo sợ bị trừng phạt vì tội tự động chạy về Sài Gòn. Nỗi lo sợ cứ lớn dần, cuối cùng Thiên đành liều gọi điện cho Đặng Văn Quang và nói bừa là được Phú cử về Sài Gòn để "trình lại thực trạng tình hình". Không ngờ Quang muốn tâng công, lại đưa ngay Thiên đến gặp Thiệu.

Thiên vừa khép nép ngồi xuống ghế, Thiệu đã hỏi luôn:

- Sao? Anh thấy gì ở Nha Trang, nói nghe?

- Dạ thưa Tổng thống! 7 giờ 30 phút ngày 1-4, thành phố Nha Trang đột nhiên náo loạn. Người người ôm đồ chạy nhốn nhác trên đường Hùng Vương. Tôi lái xe từ văn phòng của mình tới Bộ Tư lệnh để trình diện Tướng Phú thì bị kẹt đường. Một chiếc xe tăng của biệt động quân chặn lối, quân nhân, công chức từ trong Bộ Tư lệnh chạy túa ra như ong vỡ tổ. Vất vả lắm tôi mới chen được vào trong sân Bộ Tư lệnh thì thấy hai xe Jeep,

một xe gắn hai sao và một xe gắn ba sao còn đó. Ngay lúc ấy tôi thấy Tướng Tất chạy bổ ra xe. Xe của Tướng Tất và một xe đầy quân cảnh hộ tống phóng về phi trường. Tôi lại thấy Tướng Phú được hai vệ sĩ kè nách đưa ra trực thăng và Trung tướng Thuần lúp xúp chạy theo. Tôi cũng chạy đại theo và kịp nhảy vào khoang trực thăng. Tướng Phú lệnh cho trực thăng đáp xuống Bộ Tư lệnh Sư đoàn 2 không quân. Tôi nghe Tướng Phú điện cho Chuẩn tướng Lượng đóng cửa phi trường Nha Trang, không cho người di tản tràn vào và tung hết lực lượng ra giải vây cho Lữ đoàn dù 3. Kế đó, Tướng Phú, Tướng Thuần và cả tôi lên phi cơ cố liên lạc với Đại tá Đức, Tư lệnh Sư đoàn 23 và Đại tá Phát, Lữ đoàn trưởng Lữ đoàn 3 nhảy dù. Nhưng bay hoài tới tận Cam Ranh cũng không liên lạc được với đơn vị nào dưới mặt đất. Hết xăng, Tướng Phú cho máy bay đáp xuống phi trường Phan Rang đổ xăng rồi lại bay! Nhưng Tướng Phú không liên lạc được với đơn vị nào nữa và tìm hoài cũng không có tin tức gì về hai đứa con của Tướng Phú bị lạc ở Nha Trang...

Thiệu ngắt lời Thiên:

- Anh nêu rõ lý do tạo ra sự hỗn loạn ở Nha Trang!

Thiên đáp:

- Trình Tổng thống, nguyên do thứ nhất là vì Đại tá Phẩm, Tỉnh trưởng Khánh Hòa không chịu giải tỏa ngay sự lộn xộn ở bến Cầu Đá. Đã thế, Đại tá Phẩm lại còn cho cả trăm xe chở gia đình công chức, quân nhân có cảnh sát hộ tống kéo ra Cầu Đá xuống tàu di tản. Kế đó, trường hải quân cũng di tản theo. Cảnh tượng hỗn loạn ở Cầu Đá diễn ra gây hoang mang trong toàn thành phố.

- Còn gì nữa không? - Thiệu hỏi tiếp.

- Dạ thưa cũng do tàn quân ở vùng 1 kéo về cướp phá, nói ra nói vào gây hoang mang thêm. Thưa Tổng thống, trong lúc

rối loạn như vậy có nhiều tiếng súng chỉ thiên của nhân dân tự vệ. Chính nhân dân tự vệ và đám tàn quân vùng 1 chẳng những gây hoang mang mà còn làm mất trật tự thành phố.

Thiệu trừng mắt, vặn hỏi Thiên:

- Như vậy chưa có chuyện đại pháo, chiến xa của Việt cộng tấn kích. Tại sao mới có thế mà đã kéo nhau chạy?

Thiên lúng túng:

- Dạ thưa... thưa Tổng thống! Tướng Phú, Tướng Tất chạy. Cán bộ thuộc cấp không rõ nguyên cớ cũng chạy theo...

Nghe tới đây Đặng Văn Quang tiếp lời luôn:

- Trình Tổng thống! Như vậy, tình trạng lại giống như Trung tướng Ngô Quang Trưởng ở Quân khu 1. 15 phút trước tôi gọi còn có sĩ quan tham mưu trả lời; 15 phút sau gọi điện ra, Bộ Tham mưu đã bỏ đi hết.

Nghe tới đây, Thiệu chỉ biết lắc đầu.

17 giờ, đoàn xe trang bị đặc biệt, vỏ xe chống được đạn thẳng, chở Weyand và Martin lăn bánh khỏi sứ quán Mỹ. Chỉ một đoạn ngắn, chưa đầy vài phút xe chạy mà Nguyễn Khắc Bình, Trung tướng, Tổng giám đốc Nha cảnh sát Đô thành phải đích thân chỉ huy một lực lượng quân cảnh và cảnh sát dã chiến hùng hậu bảo vệ. Lệnh cấm đường thi hành một giờ trước đó. Cảnh sát trang bị bộ đàm rải đầy trên đoạn đường chỉ hơn 1km từ sứ quán Mỹ tới Dinh Độc Lập. Từng tốp quân cảnh lăm lăm vũ khí trấn ở các ngã ba, ngã tư đường. Vào cổng chính Dinh Độc Lập, đoàn xe quặt tay mặt, rồi theo con đường lát bê tông cấp phối phóng thẳng lên và xịch đỗ sát bậc thềm dinh. Bữa nay Thiệu không xuống đón Weyand như lần hội kiến đầu tiên, khi Weyand mới qua. Có thể Thiệu muốn "giữ thể diện quốc gia", nhưng có lẽ cái chính là Thiệu muốn tạo bầu không khí cho cuộc hội kiến, mà Thiệu quyết phải có một phen căng

thẳng với Weyand. Mặc cảm bị Mỹ bỏ rơi làm Thiệu uất hận, uất hận hơn cả việc Thiệu phải chứng kiến cùng lúc hàng loạt thành phố, thị trấn, làng mạc dưới quyền kiểm soát của Sài Gòn bị thất thủ. Đặng Văn Quang và Cao Văn Viên đứng chực sẵn ở chỗ xe đỗ đón Weyand. Quang miệng phì phèo điếu xì gà, lăng xăng đi lại hò hét đám bảo vệ. Còn Cao Văn Viên, quần áo, mũ mãng chỉnh tề, chốc chốc lại giơ tay trái lên xem đồng hồ, chiếc gậy chỉ huy cấp tướng dài ba tấc tám, Viên cầm lủng lẳng bên tay phải, chốc chốc lại đập vào đùi (quân đội Sài Gòn có một trường đào tạo chỉ huy cấp tướng duy nhất, đó là Học viện Quân sự võ bị Đà Lạt. Muốn thăng tướng dứt khoát phải qua trường này và học hết 38 môn học cơ bản. Vì vậy gậy chỉ huy chỉ dài đúng ba tấc tám. Theo luật, từ chuẩn tướng trở lên mới được cầm gậy chỉ huy, xe được cắm cờ, sau xe gắn một bông hoa mai để khẳng định quyền bất khả xâm phạm.

Martin đi xe đầu tiên, Weyand đi xe thứ tư; ở giữa là xe chở các sĩ quan của phân cục CIA và lính thủy đánh bộ Mỹ bảo vệ sứ quán. Bắt tay Quang và Viên, Weyand và Martin lên gặp Thiệu. Các thành viên khác cùng đi ở lại hết, kể cả các nhân vật cao cấp trong phái đoàn Weyand do G. Ford và Kissinger đích thân tuyển chọn từ Washington sang như: Eric P. Carbot (người thảo ra nhiều chính sách tài chính của Lầu Năm Góc cho Nam Việt Nam từ sau Hiệp định Paris); Ted Shackley, nguyên Phân cục trưởng CIA ở Sài Gòn; George Carver (chuyên gia đặc biệt của CIA từng hơn 20 năm theo dõi diễn biến của cuộc chiến tranh tại Nam Việt Nam)... David Kennerly, phóng viên nhiếp ảnh của Nhà Trắng, đi theo phái đoàn Weyand, sau khi chụp xong ảnh đã lui ra. Trong phòng chỉ còn lại Thiệu, Viên, Quang, Weyand và Martin.

Weyand lên tiếng trước:

- Tôi xin chia sẻ với Tổng thống về những khó khăn to lớn của Việt Nam Cộng hòa, với việc Đà Nẵng và hôm qua là Nha Trang rơi vào tay Hà Nội! - Weyand nói, vẻ mặt của viên tư lệnh cuối cùng của quân đội Mỹ ở Nam Việt Nam có vẻ xúc động. Cũng dễ hiểu, vì mới mấy hôm trước tại Nha Trang, Weyand đã huênh hoang tuyên bố với các nhà báo là Nha Trang sẽ đứng vững, là quân đội Sài Gòn đã bắt đầu chiến đấu.

Thiệu đáp:

- Riêng về Nha Trang thì cũng do vấn đề chỉ huy thiếu kiên quyết, do dân chúng hoang mang và do binh lính dao động tan rã hàng ngũ. Đó là điều đáng buồn cho quê hương, đất nước chúng tôi. Và riêng cá nhân tôi cũng thấy rất đau buồn, vì đã không cứu hết được đồng bào ở Đà Nẵng, Nha Trang và nhiều nơi khác muốn lìa bỏ quê hương để thoát khỏi vòng kìm kẹp của cộng sản.

Martin đỡ lời Thiệu. Vị đại sứ già nua bị bệnh phổi hành hạ vừa phải về Mỹ chữa trị, nói chậm rãi, nhỏ cứ y như thể chỉ vừa đủ để Thiệu nghe:

- Tại cuộc họp báo hôm nay ở Washington, Tổng thống chúng tôi đã tuyên bố nước Mỹ đang và sẽ hết sức cố gắng cứu giúp những người tị nạn. Tổng thống đã lệnh cho tất cả tàu hải quân Mỹ ở ngoài khơi biển Đông túc trực và làm tất cả những gì cần làm để cứu giúp họ. Hơn 2 triệu đôla trong chương trình ngoại viện của Mỹ đã được dành để chở chừng 2.000 trẻ em mồ côi ở Nam Việt Nam sang Hoa Kỳ...

Thiệu cắt lời Martin. Giọng gay gắt, Thiệu đi thẳng vào vấn đề:

- Cái mà Việt Nam Cộng hòa chờ đợi không phải là một cử chỉ nhân đạo, mà là những hành động cụ thể, thể hiện mạnh mẽ sự cam kết của Hoa Kỳ. Vấn đề cấp bách hiện thời

chưa phải là vấn đề người tị nạn. Chắc ngài Đại sứ và Tướng Weyand cũng thấy là phải chặn ngay bước tiến của cộng sản lại. Nếu Mỹ cho phép cộng sản lấn thêm đất nữa, lấy thêm dân nữa thì không khi nào cộng sản chịu dừng chân, mà chúng cứ tiến hành cuộc võ trang cho đến ngày thôn tính trọn vẹn cả miền Nam này. Tôi xin hỏi ngài, nếu Hoa Kỳ giữ đúng cam kết, đứng cạnh Việt Nam Cộng hòa, thì làm sao cộng sản Bắc Việt Nam dám xé toạc Hiệp định Paris, dám ngang nhiên đưa thêm 20 vạn quân, xếp hàng ngang đại pháo, chiến xa thôn tính miền Nam?

Weyand hỏi lại:

- Việc quân đội các ngài đùng đùng bỏ chạy khỏi Tây Nguyên, Đà Nẵng, Nha Trang, giao cho cộng sản cả vùng đất rộng lớn ấy, chắc không phải là chuyện người Mỹ chúng tôi cho phép hay không cho phép?

Bị chạm nọc, Thiệu lại giở giọng lính tẩy ra:

- Cái sự xâm nhập của cộng sản Bắc Việt tại đây, cũng chính là vì sự cắt bớt viện trợ của các ngài. Các ngài đã làm giảm tiềm năng chiến đấu của Việt Nam Cộng hòa tới 60 phần trăm. Hồi các ngài đến đây với nửa triệu lính Mỹ, với B.52, với hỏa lực hùng hậu cộng với một triệu lính Việt Nam Cộng hòa, mà đánh sáu năm trời không ăn được bọn cộng sản. Nay mấy ngài về Mỹ, để Việt Nam Cộng hòa đánh một mình, không B.52, không lính Mỹ, thiếu vũ khí đạn dược mà viện trợ các ngài còn cắt lên cắt xuống...

Nghe Thiệu nói, Martin cứ gật gật cái đầu. Xa Sài Gòn đã mấy tuần lễ, Martin hết sức lạc hậu trước tình hình. Sự sụp đổ dồn dập của Nam Việt Nam (chính quyền Sài Gòn) làm Martin choáng váng. Martin đã từng mất một đứa con trai ở Nam Việt Nam, từng ký thác uy tín cả quãng đời còn lại của mình vào

việc cứu vãn chế độ Thiệu. Phút chốc tất cả đã bị dồn tới bờ vực thẳm. Nghe những lời dằn dỗi hung hăng đầy tuyệt vọng của Thiệu, Martin lại nhớ đến những đánh giá bi đát của Polgar, Phân cục trưởng CIA tại Sài Gòn. Trong bản thông cáo nhận định tình hình gửi Weyand và Martin, Polgar đã nhấn mạnh: "Chỉ có, hoặc một sự can thiệp của Mỹ, hoặc một cuộc đầu hàng có thương lượng, chỉ có như thế mới ngăn nổi một sự thắng lợi hoàn toàn của cộng sản trong mấy tuần lễ sắp tới". Martin giương cặp kính lão ngơ ngác nhìn Thiệu. Vị đại sứ già nua cuối cùng của Mỹ ở Sài Gòn lựa lời an ủi Thiệu:

- Tổng thống G. Ford, tiến sĩ Kissinger và Chính phủ Hoa Kỳ đã thuyết phục, đã tranh đấu với Quốc hội để thông qua khoản viện trợ 300 triệu đôla bổ sung tài khóa này cho các ngài. Nếu trên chiến trường, quân đội các ngài chiến đấu có hiệu quả, cùng với sức ép của Hoa Kỳ, nhất định Hà Nội sẽ phải đi tới bàn thương lượng, sẽ phải trở lại thi hành Hiệp định Paris.

Như ngồi trên chiếc đệm lò xo, Thiệu bật người dậy. Thiệu chất vấn Martin và Weyand:

- Các ông cho chúng tôi 300 triệu đôla nữa mà biểu chúng tôi phải thắng cộng sản một cách dễ dàng, nhanh chóng thì tôi cho rằng đó là cái chuyện phi lý, cái chuyện không tưởng. Một năm có chiến sĩ Mỹ ở đây đánh với 3 tỷ đôla, thì 300 triệu đôla tôi cho chỉ đánh có 10 ngày, 30 ngày thôi. Vì vậy đừng nói tới 300 triệu, mà nói Mỹ có giữ cam kết, có tích cực giúp đỡ quân dân Việt Nam Cộng hòa chiến đấu cho đến ngày cộng sản xâm lược, phải thi hành Hiệp định Paris hay không? Thử hỏi những cam kết của Mỹ có đáng tin cậy nữa hay không? Những lời nói của Tổng thống Nixon rồi Tổng tống G. Ford có còn giá trị nữa không? - Nói đến đây, uất quá, Thiệu quên cả nghi lễ ngoại giao, vùng đứng dậy, giọng dằn dỗi - Chính những nhà quân sự, nhà

phân tích của Mỹ cũng đã phải nhìn nhận rằng, với mức độ xâm lăng thông thường thì mỗi năm, Việt Nam Cộng hòa cần 1 tỷ rưỡi đôla mới giữ nổi lãnh thổ. Nay các ngài cắt xuống 700 triệu đôla, nghĩa là còn phần nửa viện trợ, chúng tôi cũng sẽ chỉ giữ một nửa nước. Còn nếu viện trợ chỉ chi nhỏ giọt thì Quân lực Việt Nam Cộng hòa cũng sẽ chỉ chiến đấu nhỏ giọt...

Đặng Văn Quang không có phản ứng gì. Y cứ nốc từng cốc rượu liên tục, mặt mũi đỏ gay, miệng ngậm cối píp thuốc lá rời hiệu Raleigh, thân hình phệ mỡ, nặng nề xoay qua, xoay lại trên chiếc ghế bành bọc da đỏ. Riêng Cao Văn Viên thì có vẻ lúng túng. Viên phát ngượng vì những lời lẽ lính tẩy của Thiệu. Thiệu nói vậy cứ như Thiệu và cái đội quân một triệu người do Viên làm Tổng tham mưu trưởng này, chiến đấu cho nước Mỹ không bằng. Viên thấy phải chặn ngay cơn hờn dỗi của Thiệu, phải kéo Thiệu trở lại ngay cái điều căn bản nhất trong chương trình nghị sự hôm nay. Viên đứng dậy, bước tới tấm bản đồ binh hỏa lực lớn treo ở giữa phòng:

- Trình Tổng thống! Phái đoàn của tướng Weyand và Bộ Tổng tham mưu đã có nhiều buổi hội đàm liên tục. Bộ Tổng tham mưu đã thuyết minh thực trạng tình hình, đã thông báo chương trình tái phối chi lực lượng và kế hoạch phòng thủ mới. Tuy nhiên chiến trường diễn biến quá nhanh. Nha Trang vừa mất, tuyến phòng thủ không thể kéo dài từ Tây Ninh đến Nha Trang như dự liệu, mà tất yếu phải thay đổi. Bộ Tổng tham mưu sau phiên trù bị với phái đoàn tướng Weyand và Cơ quan tùy viện quốc phòng Mỹ (DAO) tại Nam Việt Nam, đã hoạch định vành đai phòng thủ mới bảo vệ Sài Gòn và giữ những phần đất còn lại. Vành đai này sẽ neo ở thị xã Phan Rang, lấy Xuân Lộc làm mũi nhọn phòng thủ và phản kích, lấy Tây Ninh làm tấm áo giáp chắn rìa phía tây.

Thiệu hỏi lại Viên:

- Như vậy ta bỏ Quân khu 1, Quân khu 2?

Viên đáp:

- Quân khu 1 của Tướng Trưởng trên thực tế không còn nữa. Quân khu 2 của Tướng Phú chỉ còn lại hai tỉnh Bình Thuận, Ninh Thuận nay cắt nhập vào Quân khu 3 cho chỉ huy được thuận tiện. Những đơn vị còn lại của Tướng Trưởng, Tướng Phú sẽ được cấp tốc chỉnh bị, bổ sung thêm quân số, vũ khí, nếu cần thì sẽ thành lập những đơn vị mới để tăng cường cho các tuyến phòng thủ tại hai quân khu còn lại.

Thiệu trầm ngâm nghĩ ngợi một lúc, và trước thực tế không còn cách nào hơn bèn gật đầu đồng tình. Thiệu quay sang nói với Weyand và Martin:

- Chúng tôi hiện giờ còn một số tỉnh của Quân khu 2. Chúng tôi còn toàn bộ Quân khu 3, Quân khu 4. Tư lệnh Quân khu 3, tư lệnh Quân khu 4 hiện có và tư lệnh Biệt khu Thủ đô và Tổng trấn Sài Gòn - Gia Định đều là những tư lệnh kiên quyết chiến đấu. Chúng tôi có đủ quân số, chúng tôi sẽ lập thêm những đơn vị chiến đấu lớn, nếu có thêm quân viện trợ, chúng tôi sẽ giữ được Quân khu 3, Quân khu 4, giữ được Thủ đô Sài Gòn và những tỉnh còn lại của miền Trung. Phải bảo vệ các phần đất còn lại này, củng cố và tạo thêm sức mạnh, làm cho cộng sản suy yếu thì lúc đó cộng sản mới chịu trở lại bàn hội nghị mà nói tới chuyện thực thi Hiệp định Paris, mới nói đến tổng tuyển cử. Nếu Mỹ cho phép cộng sản lấn thêm đất, lấy thêm dân nữa thì không khi nào cộng sản chịu thương thuyết, mà chúng cứ tiến hành cuộc võ trang xâm lăng cho đến ngày thôn tính trọn vẹn miền Nam này mới thôi. Cho nên, tôi mong Quốc hội Hoa Kỳ ngày nay phải sáng suốt, phải thấy cái thực trạng, nhu cầu và hậu quả của vấn đề này.

Weyand cảnh cáo khéo Thiệu:

- Tổng thống và Chính phủ chúng tôi đã cố gắng hết sức để thực hiện các cam kết của mình. Nhưng những cuộc rút lui ồ ạt của các ngài đã làm mất phiếu tại Quốc hội. Ít nhất quân đội của các ngài cũng phải một lần chiến đấu và phải lập được thắng lợi.

Thiệu nói, giọng có vẻ dứt khoát:

- Không có chuyện rút lui nữa. Còn trận chiến đấu và chiến thắng như các ngài yêu cầu sẽ xảy ra ở Phan Rang. Quân lực Việt Nam Cộng hòa đã quyết tâm bảo vệ đến cùng phần lãnh thổ còn lại. Muốn ngăn chặn hữu hiệu cuộc tiến công của cộng sản, cùng nâng cao tinh thần quân sĩ, tránh gây xáo trộn tâm lý, khôi phục lòng tin của quân đội và dân chúng trên phần lãnh thổ còn lại, chúng tôi hy vọng và khẩn khoản yêu cầu Chính phủ Hoa Kỳ có các hành động gấp thời sau đây: Cho oanh tạc cơ B.52 tái hoạt động trên lãnh thổ miền Nam; Cho hải pháo hoạt động yểm trợ Quân lực Việt Nam Cộng hòa tại các tuyến phòng thủ; Cho không vận viện trợ ngay các quân dụng sang Việt Nam Cộng hòa để tái tổ chức và trang bị cho các đơn vị vừa bị tổn thất.

Nghe Thiệu nêu yêu sách như vậy, Weyand khẽ lắc đầu, còn Martin thì buông tiếng thở dài. Cả hai không ngờ đến phút này mà Thiệu vẫn còn mơ hồ như vậy. Weyand nói với Thiệu:

- Cầu không vận đã được lập. Những vũ khí, quân dụng đầu tiên đã được chở sang Nam Việt Nam, kể cả loại bom sát thương hiện đại "Daisy Cutter" và "CBU". Còn yêu cầu của Tổng thống về B.52 và hải pháo... - Weyand ngừng một lát rồi nói tiếp - Bất cứ một hành động can thiệp trở lại trực tiếp nào như vậy, của phía Mỹ, ở thời điểm này, Tổng thống và Chính phủ chúng tôi cũng đều phải xem xét hết sức thận trọng...

Kết quả cuộc đấu cuối cùng giữa Thiệu và phái đoàn Weyand không chỉ về kết quả viện trợ quân sự, mà còn cả về sự cam kết của Mỹ đã được tờ *The Times* ngày 7-4 bình luận như sau: "Những vết tích cuối cùng của sự lạc quan đối với tình hình Nam Việt Nam đã phai nhạt trong Chính phủ Hoa Kỳ khi tướng Weyand từ Sài Gòn trở về. Tướng Weyand nói rằng chẳng có hy vọng gì cứu nổi Nam Việt Nam nữa đâu. Tiến sĩ Kissinger trong cuộc họp báo của Bộ Ngoại giao cũng nhắc tới Nam Việt Nam và cuộc chiến tranh mà Mỹ từng dính líu như là chuyện đã qua rồi...".

Chưa đầy một tuần sau, tạp chí *Newsweek* số ra ngày 14-4-1975 đã đưa ra một bài viết về "toàn cảnh thất bại của Hoa Kỳ và quân đội Sài Gòn". Sau khi phân tích sự sụp đổ hoàn toàn của chính quyền Thiệu sẽ diễn ra chỉ vài tuần lễ nữa thôi, bài báo kết luận: "Tội lỗi và sự hổ thẹn. Tấn thảm kịch rùng rợn về con người ở Nam Việt Nam còn tạo ra sự thương cảm trong toàn xã hội, và Hoa Kỳ trong một cố gắng chuộc tội cuối cùng đã tìm cách cứu vớt những đứa trẻ mồ côi trong chiến tranh - nhưng rõ ràng nhân dân Mỹ đã kết luận rằng thất bại ở Việt Nam là sự thất bại nhục nhã của nước Mỹ. Phó Tổng thống Mỹ Nelson Rockefeller thú nhận với các phóng viên: "Đã thật sự quá muộn để có thể làm được bất cứ điều gì". Còn Tổng thống G. Ford mệt mỏi trong cuộc họp báo, và lời lẽ của ông chẳng khác gì lời lẽ của một người như đã thừa nhận thất bại, và nhận thức được rằng nước Mỹ lần đầu tiên đã thua trong một cuộc chiến tranh ở nước ngoài. Không phải bỗng dưng mà ông đã phải lên tiếng cảnh cáo tới năm lần phần thế giới còn lại, rằng không phải bỗng chốc nước Mỹ biến thành một người khổng lồ đáng thương hại và vô dụng đâu... Những cam kết can thiệp mà nước Mỹ nói là để bảo đảm sự sống còn và thắng lợi của "tự do" vừa ngây thơ

vừa không hiện thực. Sự sụp đổ của Nam Việt Nam đã làm tan vỡ ảo tưởng hai mặt của phần tử diều hâu cũng như bồ câu: rằng có thể thắng cuộc chiến tranh bằng quân sự hoặc thua cuộc chiến tranh trong danh dự. Mỹ cần vượt ra khỏi khung cảnh bi thảm của Nam Việt Nam và học được một bài học có ích là chưa từng có và cũng không bao giờ có thể có một nền hòa bình kiểu Mỹ".

Năm ngày sau, báo *Le Figaro* ngày 19-4 trong bài xã luận trên trang nhất đưa ra lời cảnh báo: "Lần đầu tiên trong một phần tư thế kỷ nay, không phải lịch sử phải đi theo đường lối của Hoa Kỳ mà là Hoa Kỳ phải đi theo trào lưu của lịch sử. Đồng hồ cũng có những lúc ngần ngừ. Nó chạy nhanh khi đấy là chuyện Việt Nam: Sài Gòn đã bị coi như đi đứt và Kissinger đã nói tới Sài Gòn như nói về một thời quá khứ khi ông ta kêu gọi đồng bào mình đừng có "tự tiêu hủy" mà là phải nhìn về tương lai, về thập kỷ sắp tới của lịch sử"[1].

---

1. Bài viết của *AFP, The Times, Le Figaro, Newsweek* trích đăng trong chương này do Thông tấn xã Việt Nam dịch đăng trong các tập "Tài liệu tham khảo đặc biệt" từ số 079-TTX - ngày 5-4-1975 đến số 091-TTX - ngày 19-4-1975).

12
CUỘC PHÒNG THỦ SINH TỬ

Chuyên cơ chở Weyand vừa cất cánh rời phi trường Tân Sơn Nhất, Thiệu đã triệu tập Hội đồng An ninh quốc gia bàn về việc bố trí lại lực lượng và thực hiện một loạt quyết sách khẩn cấp nhằm bảo vệ bằng được Sài Gòn và vùng đồng bằng châu thổ sông Cửu Long. Thiệu nói với các thành viên Hội đồng An ninh quốc gia rằng, cuộc phòng thủ bảo vệ Quân khu 3, bảo vệ Sài Gòn là cuộc phòng thủ sinh tử; và rằng không được rút lui nữa, chỉ cần thua một trận nữa, mất một thành phố nữa là tất cả sẽ chấm hết. Thiệu nhắc lại lời Weyand nói với Thiệu khi kết thúc cuộc hội đàm: "Quân đội của các ông không được chạy nữa. Phải đứng vững, phải chiến đấu và phải có chiến thắng thì mới mong khoản viện trợ quân sự 722 triệu đôla được Quốc hội Hoa Kỳ thông qua. Nếu không, tất cả sẽ chấm dứt". Ngay sau phiên họp Hội đồng An ninh quốc gia, Thiệu chủ trì cuộc họp của giới tướng lĩnh bàn chi tiết về cuộc phòng thủ sinh tử bảo vệ Quân khu 3 và bảo vệ Sài Gòn. Dự họp có tất cả các sĩ quan cấp tướng của Bộ Tổng tham mưu, tư lệnh các quân, binh chủng, tư lệnh các sư đoàn còn lại, trừ các sư đoàn thuộc Quân khu 4 của Tướng Nguyễn Khoa Nam. Tư lệnh Biệt khu Thủ đô và Tư lệnh cảnh sát quốc gia cũng được mời tham dự cuộc họp sinh tử này.

Người thay mặt Phòng 2 (Phòng Tình báo) Bộ Tổng tham mưu báo cáo dự đoán về lực lượng và hoạt động của Quân giải phóng tại mặt trận Quân khu 3, không phải là Hoàng Ngọc Lung, Đại tá, Trưởng phòng như tất cả những phiên họp trước đây, mà là Phạm Văn Phô, Đại tá, Cấp phó của Lung. Kể từ sau trận tiến công bất ngờ của Quân giải phóng vào Buôn Ma Thuột, trước những tin tình báo sai lệch, Thiệu đã chửi rủa Lung là đồ ăn hại và cho Lung "ngồi chơi xơi nước". Lung không những không được thay mặt Phòng 2 báo cáo tình hình, mà còn không được tham dự bất cứ một phiên họp nào của Hội đồng quân lực cũng như của Bộ Tổng tham mưu.

Thiệu ngồi ghế chủ tọa ở đầu bàn, các thành viên ngồi đối diện dọc hai bên chiếc bàn dài đánh vécni bóng như gương. Trong số thành viên dự họp, có hai nhân vật mới xuất hiện trở lại trên chính trường. Đó là: Nguyễn Văn Toàn, Trung tướng, bị cách chức vì tội tham nhũng, vừa được Thiệu cử làm Tư lệnh trưởng Quân khu 3; Nguyễn Vĩnh Nghi, Trung tướng, cũng bị mất chức vì tội tham nhũng được Thiệu gọi giao cho chức Tư lệnh mặt trận Phan Rang.

Phô đứng trước tấm bản đồ binh, hỏa lực lớn treo ở giữa phòng. Vừa trình bày, Phô vừa đưa chiếc que chỉ lên các điểm được đánh dấu bằng những mũi tên màu đỏ đậm trên bản đồ - ký hiệu các hướng tấn công của Quân giải phóng. Theo đó, Sài Gòn bị uy hiếp không phải từ một mà từ bốn phía.

- Thưa Tổng thống và thưa các vị tư lệnh! Theo những nguồn tin đã được kiểm chứng mà Phòng 2 nắm được, hiện nay cộng sản có tám sư đoàn xung quanh Sài Gòn. Lực lượng địch được phân bố như sau: hai sư đoàn ở phía nam Sài Gòn hướng về phía Long An, Gò Công; một sư đoàn tăng cường có thể tấn công vào Cần Thơ trên ba hướng; ba sư đoàn ở hướng đông gồm

các sư đoàn 6, 7 và 341; bốn trung đoàn thuộc sư đoàn đặc công ở xung quanh Sài Gòn. Sư đoàn 316 và Sư đoàn 312 làm nhiệm vụ dự bị ở phía sau, hiện chưa xác định được vị trí. Lực lượng phòng không của địch nhiều và mạnh.

Thiệu hỏi:

- Phòng không địch có những gì?

Phô đáp:

- Trình Tổng thống! Ngoài pháo cao xạ, địch còn tên lửa Sam 2 của Nga Xô. Đây là vũ khí phòng không đáng ngại nhất.

- Địch có bao nhiêu Sam 2, bố trí ở những khu vực nào?

- Dạ thưa, Phòng 2 chưa xác định được số lượng và vị trí.

- Thôi được - Thiệu quay sang Cao Văn Viên - Bộ Tổng tham mưu dự liệu kế hoạch phòng thủ tuyến ven đô ra sao?

Cũng như mọi phiên họp, người thay mặt Bộ Tổng tham mưu trình bày hoặc trả lời những chất vấn của Thiệu không phải là Viên mà là Đồng Văn Khuyên, Trung tướng, Tham mưu trưởng Bộ Tổng tham mưu. Khuyên là một trong những sĩ quan mẫn cán, rất có năng lực, được thăng cấp nhanh đến chóng mặt. Khuyên nguyên là Trung tá của Tổng cục Tiếp vận, là tay chân thân tín của vợ chồng Cao Văn Viên trong câu chuyện ăn tiền các khế ước. Riêng số tiền phần trăm vợ chồng Viên thu được do các nhà thầu đút lót để các khế ước lớn chóng được duyệt, chóng được giao hàng, kiểm thâu và trả tiền trong chín năm Viên làm Tổng Tham mưu trưởng đã lên đến hàng tỷ đồng tiền miền Nam. Nhờ đó, chỉ ngồi ở tiếp vận mà trong vòng 10 năm, từ trung tá, Khuyên leo lên tới trung tướng. Khi đã lên thiếu tướng kiêm nhiệm chức vụ Tham mưu trưởng liên quân và Tổng cục trưởng tiếp vận, Khuyên và mấy tên đại tá tay chân đã thao túng cả một cơ cấu tiếp vận mà chỉ có máy tính điện tử mới tính được các món tiền khổng lồ mà Khuyên và đồng bọn đã

thu được hàng năm, hàng tháng. Được Viên phân công chuẩn bị, Khuyên báo cáo:

- Trình Tổng thống! Lực lượng địch như Phòng 2 đã tường trình, có tám sư đoàn đủ quân số. Xuất phát từ tương quan lực lượng trên, từ tình thế bất lợi sau khi ta mất Quân khu 1 và Quân khu 2, một số tướng ở Bộ Tổng tham mưu trong phiên họp trù bị đã kiến nghị nên chủ động co lực lượng lại để tăng cường cho tuyến phòng thủ từ ven đô trở vào. Tuyến phòng thủ mới cụ thể như sau - Khuyên xô ghế đứng dậy, bước tới cạnh tấm bản đồ trình bày tiếp - Sư đoàn 18 của Tướng Lê Minh Đảo sẽ bỏ Long Khánh, chỉ để một tiền đồn ở Xuân Lộc, còn toàn bộ lực lượng co về giữ khu vực đông Biên Hòa, Trảng Bom, Long Bình. Sư 18 có trách nhiệm cùng với một lực lượng thủy quân lục chiến và địa phương quân giữ tuyến đường 15 từ Long Khánh đi Ô Cấp. Sư đoàn 5 của Tướng Lê Nguyên Vỹ cũng chỉ lập một tiền đồn ở Bến Cát, còn co về giữ Bình Dương. Sư đoàn 25 của tướng Lý Tòng Bá sẽ rút bỏ Tây Ninh hoặc giao cho địa phương quân, co về giữ Trảng Bàng, Củ Chi, Phú Hòa Đông. Cùng với việc phòng thủ chặt tuyến ven đô, sẽ tổ chức lực lượng dự bị, với sự yểm trợ tối đa của không quân, đại pháo và chiến xa mở các cuộc hành quân phản kích sâu vào hậu cứ địch.

Nguyễn Văn Minh, Thiếu tướng, vừa được Thiệu cử giữ chức Tư lệnh Biệt khu Thủ đô thay cho Đề đốc Chung Tấn Cang, đứng lên tiếp lời Khuyên. Minh là một trong những tướng trẻ nhất ở Sài Gòn, mới 40 tuổi, da ngăm đen. Minh có biệt hiệu là "Minh đờn" vì chơi đàn ghita rất hay. Minh thường ôm ghita dạo từ các bản "Tô Vũ mục dương", "Khổng Minh tọa lầu" cổ lỗ, đến các bản nhạc lai Mỹ đang thịnh hành nhất Sài Gòn. Bị bệnh bướu cổ, Minh nói năng nhẹ nhàng,

chậm rãi, tác phong giống nhà giáo nhiều hơn một sĩ quan cấp tướng. Minh nói:

- Tôi tán thành chủ trương co lực lượng lại phòng thủ tuyến ven đô. Nhưng theo tôi, nên rút thẳng Sư đoàn 18 về làm dự bị và phòng thủ Biệt khu Thủ đô. Vì đối phương có thể vừa đánh bên ngoài vừa nhanh chóng thọc sâu vào đô thành. Nếu đô thành rối loạn thì tuyến phòng thủ bên ngoài khó mà giữ được. Còn tuyến Biên Hòa, Ô Cấp có thể giao cho các lực lượng còn lại của Quân đoàn 1, Quân đoàn 2 đảm trách.

- Không được! - Thiệu gằn giọng, đấm tay xuống bàn làm Nguyễn Văn Toàn choàng dậy. Cặp mắt nung núc thịt trên khuôn mặt giống lính Đại Hàn của Toàn đỏ ngầu. Toàn là tên tướng bẩn và đểu giả nhất của quân đội Sài Gòn. Toàn không cầm gậy chỉ huy của tướng mà cầm ba toong; những lúc nổi điên, y quật cả lính và sĩ quan cấp tá dưới quyền. Toàn nổi tiếng là kẻ háo sắc. Vợ sĩ quan thuộc cấp và vợ lính trông ngon mắt là Toàn tìm cách sài bằng được. Bữa nay, ngồi cạnh Toàn là Nguyễn Vĩnh Nghi. Điều đó cũng dễ hiểu vì Nghi được Thiệu gọi ra làm phó tướng cho Toàn.

Thiệu dứ dứ chiếc tẩu về phía Toàn:

- Với lực lượng hiện có trong tay, anh giữ được những đâu?

Toàn vớ chiếc mũ nồi đen - mũ của lính xe tăng mà lúc ngủ gật đã để rơi xuống mặt bàn, chụp lên đầu. Toàn đứng dậy, xốc lại chiếc thắt lưng to bản của Mỹ bị trễ xuống cái bụng phệ, rồi nói với Thiệu:

- Thưa Tổng thống! Tôi giữ tất cả những phần đất còn lại!

- Nghĩa là anh giữ từ Phan Rang trở vào?

- Dạ, đúng. Quân đoàn 3 sẽ chặn đứng cộng sản ở Phan Rang, nếu cần sẽ tung quân đánh xả láng tại đó.

- Thôi được! - Thiệu đứng dậy, hắng giọng rồi nói với cả bọn -

Lúc này mà co về xung quanh Sài Gòn là tư tưởng chủ bại. Ta phải giữ từ Phan Rang trở vào. Cộng sản đã lấy được các tỉnh của Quân khu 1, Quân khu 2, muốn hay không phải để lại một lực lượng lớn quản lý cả chục tỉnh, thị đó. Muốn tiếp vận và đưa một lực lượng lớn vào tấn công Quân khu 3, cộng sản phải có thời gian. Ngay cả quân đội quốc gia với các phương tiện hùng hậu về máy bay, tàu vận tải và kho tàng tại chỗ mà cũng phải mất một tháng mới điều được quy mô quân đoàn từ hướng Đà Nẵng vào Quân khu 3. Cộng sản muốn làm được chuyện đó dẫu có tài thánh thì cũng phải mất ít nhất hai tháng. Hai tháng đó đủ để ta chỉnh bị các lực lượng còn lại ở Quân đoàn 1, Quân đoàn 2 để lập thêm hai, ba sư đoàn bộ binh mới và một số trung đoàn cơ động của lính dù và thủy quân lục chiến. Như vậy vẫn đủ sức đối phó với tình hình.

Tiếp đó, Thiệu giải thích về tầm quan trọng của các hướng. Thiệu nói:

- Hướng Tây Ninh vẫn là hướng rất quan trọng. Bỏ Tây Ninh sẽ có ảnh hưởng chính trị lớn và rất nguy hiểm. Nếu rút Tây Ninh, quân lính hỗn loạn chạy về Sài Gòn thì cộng sản nhân đó dù ít lực lượng cũng có thể thọc vào Sài Gòn ngay, mà không cần chờ thêm quân tới. Tuy nhiên Tây Ninh là nơi có thể cộng sản chỉ kiềm chế, nhưng hướng tây bắc sẽ là hướng tấn công chủ yếu vào Sài Gòn, nên không thể rút bỏ Tây Ninh. Phải ngăn chặn và giữ cho kỳ được Xuân Lộc, Long Khánh, không cho cộng sản áp sát vào đường số 15 và phía nam Nhơn Trạch để pháo kích vào Sài Gòn. Nếu không giữ được trục đường 13 từ phía Lai Khê thì cũng không thể giữ được Long Khánh, Biên Hòa. Như vậy, Phan Rang và Xuân Lộc đương nhiên trở thành quyết chiến điểm. Vì vậy, tôi quyết định thành lập Bộ Tư lệnh Quân đoàn 3 tiền phương, do Tướng

Nguyễn Vĩnh Nghi phụ trách ra đóng ở Phan Thiết, để chỉ huy từ Phan Rang trở vào - Nói tới đây, Thiệu quay sang hỏi Nguyễn Vĩnh Nghi - Anh gặp khó khăn gì trong việc tử thủ hai tỉnh Phan Rang và Phan Thiết?

Nghi đáp:

- Thưa Tổng thống! Ngoài hai sư đoàn bộ binh hiện có trong tay, muốn tổ chức phòng thủ hữu hiệu khu vực xin đề nghị cho tăng thêm một lữ đoàn dù, một liên đoàn biệt động quân và một phi đoàn máy bay chiến thuật ra ứng trực tại Phan Rang.

Thiệu hỏi Viên:

- Anh có đủ lực lượng tăng cường cho mặt trận Phan Rang không?

Viên gật đầu, Thiệu lại hỏi Nghi:

- Có quân tăng cường rồi, anh còn gặp khó khăn gì nữa?

- Thưa còn vấn đề tiếp tế!

Thiệu phủi tay:

- Không sao! Sẽ tổ chức một điểm tiếp vận tại Phan Thiết cho anh. Không dùng máy bay mà dùng một đoàn tàu chuyên tiếp tế cho Phan Thiết, rồi từ đó chuyển tiếp cho Bộ Tư lệnh tiền phương của Quân đoàn 3!

Nghi suy nghĩ một lát rồi nói với Thiệu và các thành viên dự họp:

- Nếu được vậy, tôi sẽ trụ vững ở Phan Rang - Nghi nói mạnh - Tôi sẽ bảo vệ không chỉ thị xã Phan Rang, căn cứ không quân Phan Rang mà bảo vệ cả Ninh Chữ nữa.

Ninh Chữ cách Phan Rang năm dặm về phía bắc, là quê Thiệu. Thiệu vốn theo đạo Phật, mãi đến khi theo phò Diệm mới bỏ đạo Phật theo đạo Thiên Chúa. Khi đã leo lên ngôi Tổng thống, thỉnh thoảng Thiệu về quê thăm mồ mả. Cái chính

là Thiệu rất mê tín. Nghe Quỷ Cốc Tử ở Đài Bắc rồi cả thầy tướng riêng của mình ở Sài Gòn phán, Thiệu rất sợ chuyện động mồ động mả, ảnh hưởng đến sinh mạng chính trị của Thiệu. Thiệu đã cho công binh xây ở quê một ngôi chùa lộng lẫy giữa lưng chừng núi, để mẹ Thiệu đêm ngày ở đó tu nhân tích đức. Được Quỷ Cốc rỉ tai cho những điều đó, để lấy lòng Thiệu, Nghi đã vạch ra tuyến phòng thủ Phan Rang bao gồm cả Ninh Chữ.

Không hiểu thâm ý của Nghi, Nguyễn Văn Toàn vốn tướng võ biền, chất vấn Nghi:

- Tại sao lại kéo tuyến phòng thủ ra tận Ninh Chữ. Địa hình ở đó đâu có thuận cho bố trí binh, hỏa lực?

Đã toan tính kỹ, Nghi trả lời luôn:

- Nếu mất Ninh Chữ, thì thị xã và căn cứ không quân Phan Rang sẽ nằm trong tầm hỏa lực của cộng sản. Vả lại Ninh Chữ giáp biển, giữ nó để nếu cần còn tính đường rút!

Nghe Nghi nói, nét mặt Thiệu tươi tỉnh hẳn lên. Thiệu xô ghế bước tới bắt tay Nghi. Đứng giữa Nghi và Toàn, tay trái chống mép bàn, tay phải cầm chiếc tẩu thuốc, hướng về phía Viên, Thiệu ra chỉ thị:

- Phan Rang chính là chiến thắng mà Quân lực Việt Nam Cộng hòa tìm kiếm. Tôi đã nói với Tướng Weyand như vậy. Bộ Tổng tham mưu phải chi viện tối đa cho mặt trận Phan Rang khi trận đánh nổ ra. Còn chuyện củng cố lực lượng tàn quân của Tướng Phú, Tướng Trưởng cũng phải làm gấp. Anh cho giải tán hai Sư bộ binh 1 và 23 bị thiệt hại nặng, vét quân đó bổ sung cho Sư 22 và lập thêm hai sư mới: Sư 2 và Sư 3. Còn thủy quân lục chiến và biệt động quân, anh cũng cho chỉnh bị ngay.

Viên nêu khó khăn với Thiệu:

- Bộ Tổng tham mưu hiện thời gặp rất nhiều trở ngại. Cái chính là không nắm được quân số của các sư đoàn nói trên.

Sĩ quan, binh lính ở Quân khu 1, Quân khu 2 chạy về Sài Gòn không chịu ra trình diện, không còn muốn chiến đấu nữa, vũ khí đã quăng bỏ trên đường di tản...

Viên chưa nói hết câu, Thiệu đã gạt phắt:

- Phải có ngay ba sư đoàn mới đủ để tăng cường cho việc phòng thủ Quân khu 3 và Sài Gòn. Đó là chuyện của Bộ Tổng tham mưu. Thiếu vũ khí, anh cho Tổng cục tiếp vận vét ở tổng kho Long Bình ra trang bị. Thiếu quân số, anh cho bế mạc sớm các trung tâm huấn luyện Quang Trung, Long Thành, lấy sĩ quan, binh lính ở đó mà bổ sung!

Sau cuộc họp trên, Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn lệnh cho hai trung tâm Quang Trung, Long Thành rút ngắn thời gian huấn luyện nửa năm và bế mạc vào tháng 5-1975. Khi Quân giải phóng tiến vào, hai trung tâm trên vẫn chưa kịp mãn khóa, hàng ngàn sĩ quan, binh lính tháo chạy tán loạn khỏi các trại huấn luyện...

Sau khi ra các quyết định về việc bố trí binh, hỏa lực, lập các tuyến phòng thủ ở Quân khu 3, Thiệu chuyển sang duyệt xét kế hoạch phòng thủ Biệt khu Thủ đô. Báo cáo cụ thể lực lượng đang đảm trách bảo đảm an ninh Sài Gòn bao gồm cả chủ lực, lính dù, cảnh sát dã chiến, pháo binh (chỉ có 14 khẩu 105 ly), Tướng Minh nêu nhận xét:

- Trình Tổng thống! Nhìn chung lực lượng phòng thủ Biệt khu Thủ đô rất yếu. Lính chủ lực thì chủ yếu là tân binh, số khác là do quân cảnh, cảnh sát chuyển sang, còn lại là lính đào ngũ, lao công đào binh phiên chế vào. Vì vậy tôi đã đề nghị cho Sư đoàn 18 của Tướng Đảo về phòng giữ nhưng không được chấp thuận...!

Thiệu gạt ngay ý kiến của Minh, truy Minh:

- Trước tình hình đó, kế hoạch phòng thủ Biệt khu Thủ đô của anh cụ thể thế nào?

- Dạ thưa, kế hoạch đã được tất cả các lực lượng hữu trách, cả tổng trấn Sài Gòn - Gia Định và Tướng Toàn, Tư lệnh Quân khu 3 vừa được tấn phong nhất trí như sau:

Một là, thành lập bốn khu chiến ven đô để ngăn chặn địch từ ngoài vành đai, cách trung tâm Sài Gòn từ 14 cây số trở lại. Đó là các khu chiến Bắc, Nam, Đông và Tây.

Hai là, tổ chức năm liên khu trong nội đô Sài Gòn, mỗi liên khu gồm hai quận. Ngoài ra xác định các yếu khu và cử lực lượng tăng phái từ Bộ Tổng tham mưu tới ứng cứu khi chiến sự nổ ra; đó là các yếu khu: Nhà Bè, Bình Phước, Cát Lái, trụ sở Bộ Tổng tham mưu, Dinh Tổng thống và trung tâm phát tuyến Phú Lâm.

Ba là, thành lập lực lượng chiến đấu tại chỗ cho các đặc khu của Sài Gòn.

Bốn là, nhanh chóng xây dựng hệ thống chướng ngại vật ngăn cản xe tăng và lập các ụ súng kiểm soát và chiến đấu từ trên các cao ốc...

*

* *

Ngày 4-4-1975 là ngày đặc biệt căng thẳng đối với Thiệu. Thiệu phải quyết định một loạt vấn đề: Chọn người thay Tư lệnh Quân khu 3, cử tư lệnh mặt trận tiền duyên Phan Rang, bố trí lại lực lượng bảo vệ Sài Gòn và vùng đồng bằng châu thổ sông Cửu Long, gạt Trần Thiện Khiêm, chọn người làm thủ tướng cho cái nội các mà Thiệu quyết định phải cải tổ một cách triệt để nếu không đảo chính có thể nổ ra và Thiệu sẽ bị giết trước khi cộng sản tiến vào Sài Gòn... Suốt một ngày họp căng thẳng với Hội đồng An ninh quốc gia và Hội đồng các tướng lĩnh, vậy mà 22 giờ đêm hôm đó, Thiệu vẫn còn đủ sức để đột ngột xuất hiện trên tivi. Suốt một tiếng đồng hồ Thiệu

làm cái việc liệt kê và giải thích loanh quanh về tình hình mà Thiệu gọi là "hiện trạng đáng buồn của quê hương, đất nước". Thiệu hằn học tuôn ra toàn những lời mắng tớ chửi thầy với thứ ngôn ngữ lính tẩy "mày tao chí tớ". Thiệu dọa bỏ tù tất cả những tướng tá hèn nhát có tinh thần chủ bại. Thiệu đả kích Chính phủ và Quốc hội Hoa Kỳ đã bủn xỉn, không viện trợ đầy đủ, đã nhắm mắt làm ngơ để "Hà Nội đưa thêm 20 vạn quân, xếp hàng ngang đại pháo, chiến xa" đánh cho quân đội của Thiệu đại bại. Thiệu tuyên bố: "... Tôi xin xác nhận lại cái lập trường trước sau như một của tôi từ trước đến giờ và trong vòng 10 năm nay là không khi nào chấp nhận chia cắt đất đai cho cộng sản, cũng như không khi nào chấp nhận liên hiệp với cộng sản... Bởi vì liên hiệp là viên thuốc độc cũng ngấm và chắc chắn chúng ta cũng chết... Tôi cũng xin lưu ý đồng bào là không có ai thương chúng ta hết, chỉ có chúng ta thương lấy chúng ta thôi. Chúng ta chỉ còn có cái thế hợp hiến, hợp pháp để có thể nói chuyện với thằng cộng sản trên căn bản Hiệp định Paris. Chúng ta cũng chỉ còn có cái thế hợp hiến, hợp pháp để thế giới nhìn nhận chúng ta, giúp đỡ chúng ta, để chúng ta khỏi bị đặt ngang hàng với cái bọn Mặt trận giải phóng miền Nam Việt Nam. Bây giờ để cộng sản lôi cuốn vào những âm mưu chia rẽ kích động, gây phản loạn, hỗn độn, đảo chính lên đảo chính xuống làm mất cái thế hợp hiến, hợp pháp thì đó chính là cơ hội để bọn cộng sản thôn tính chúng ta...".

Kêu gào chán chê rồi Thiệu loan tin cải tổ triệt để nội các và thành lập một chính phủ mới - chính phủ đoàn kết chiến đấu để "chiến đấu, để giải quyết hữu hiệu các vấn đề cấp bách hiện tại như là an ninh, như là cứu trợ, như là tăng gia sản xuất để hỗ trợ cho chiến trường...". Chẳng hiểu Trần Thiện Khiêm có tự

nguyện rút lui hay không, nhưng Thiệu tuyên bố tiếp: "Ngày hôm nay, Thủ tướng Trần Thiện Khiêm và toàn thể nội các đã đệ đơn từ chức. Và tôi đã chấp nhận sự từ chức đó, để nhường lại cho một nhân vật mà tôi đã mời và đã chấp nhận để cho nhân vật đó lập một chính phủ mới. Nhân vật mà tôi đã mời và chấp nhận rồi đó là ông dân biểu Nguyễn Bá Cẩn, hiện thời là Chủ tịch Hạ nghị viện. Tôi cũng mong rằng dân biểu Nguyễn Bá Cẩn, cựu Chủ tịch Hạ nghị viện sẽ lập một chính phủ mới trong tinh thần đoàn kết chiến đấu..."[1].

Bài diễn văn cà kê dài tới một vạn chữ của Thiệu chẳng hấp dẫn được ai. Ngay cả cái việc "quốc gia đại sự" với chuyện giật gân là cử tân thủ tướng cũng được đón tiếp một cách hết sức lạnh nhạt. Sài Gòn này chẳng ai lạ gì Nguyễn Bá Cẩn: 45 tuổi - tốt nghiệp trường Quốc gia hành chính - Nguyên Phó tỉnh trưởng Phước Tuy, rồi Phó tỉnh trưởng Long An - Chủ tịch Hạ nghị viện từ năm 1971 đến năm 1974. Lý lịch và thành tích chính trường chỉ vẫn tắt vậy thôi. Một con người năng lực tàng tàng, chủ tịch của một đám nghị gật như vậy mà được cử ra để "chèo lái con thuyền quốc gia rách nát trên mặt biển chính trị đang nổi cơn sóng lớn" thì thật là nực cười. Đúng là một trò hề không hơn không kém. Chính vì vậy mà những kẻ có "máu mặt" không một ai nhận lời ra tham gia nội các của Cẩn. Vậy tại sao Thiệu lại chọn Nguyễn Bá Cẩn? Các nhà phân tích chính trị của phương Tây có mặt ở Sài Gòn, lâu nay theo dõi tình hình Nam Việt Nam cho rằng đây là bước đường cùng của Thiệu và Thiệu cũng không còn con bài nào khác. Những kẻ cùng hội cùng

---

1. Bài nói trực tiếp của Nguyễn Văn Thiệu hồi 22 giờ đêm ngày 4-4-1975 trên Đài bá âm Sài Gòn được Thông tấn xã Việt Nam ghi âm, giải băng in trong tập "Tài liệu tham khảo đặc biệt", số 097-TTX- ngày 7-4-1975.

thuyền đều đã quay lưng lại với Thiệu. Thượng nghị viện đã bỏ phiếu "bất tín nhiệm" Thiệu, đòi Thiệu phải tức khắc ra đi. Như vậy, Thiệu chỉ còn biết trông nhờ vào hạ nghị viện mà Cẩn đang làm chủ tịch mà thôi...

13
CHÍNH QUYỀN BÁN ĐẤU GIÁ

Mặc dù chính quyền Thiệu bưng bít, và mặc dù năm tờ báo lớn: *Điện Tín*, *Tia Sáng*, *Sóng Thần*, *Đông Phương*, *Bút Thép* bị cấm xuất bản từ ngày 3-2-1975, nhưng trên những mặt báo còn lại ở Sài Gòn và qua làn sóng của các đài phát thanh, chiến tranh thực sự đã tràn vào thành phố như cơn bão lớn. Chưa bao giờ phóng viên các hãng thông tấn, báo chí, phát thanh, truyền hình các nước phương Tây lại tấp nập đến Sài Gòn đông đúc như những ngày này. Ở vào thời điểm này Nam Việt Nam là vùng báo chí hoạt động sôi động nhất hành tinh. Chưa bao giờ người dân Sài Gòn lại theo dõi, bàn tán về những tin tức chiến tranh đăng trên các mặt báo sôi nổi đến thế. Chẳng hạn tin tức về những phút tắt thở của Huế, Đà Nẵng, Nha Trang; tin một con tàu trọng tải hàng trăm tấn chìm ở ngoài khơi Đà Nẵng, với hơn 3.000 người làm mồi cho cá mập; tin một tàu hải quân lênh đênh bốn ngày trên biển không cơm ăn, nước ngọt với cả trăm trẻ con, người già chết khát, chết nắng và hàng chục phụ nữ bị hãm hiếp, quăng xác xuống biển; tin về những cuộc "tắm máu man rợ" tưởng tượng do bộ máy chiến tranh tâm lý của Thiệu nặn ra... Tại Sài Gòn, không khí chiến tranh ngày càng sôi sục với sự tan rã liên tiếp của các quân đoàn, sư đoàn và hình ảnh thê lương của cuộc chạy loạn dưới đất, trên trời, sân bay, cầu cảng, ngoài khơi. Cả triệu con người, cả lính và dân thường

cùng lúc bị ném ra các ngả đường, thục mạng xông vào các sân bay, bám vào thành xe tải, bám vào cả những chiếc lưới bọc hàng để được cẩu xuống tàu, đã làm thức dậy tấn thảm kịch mà không một ngòi bút nào có thể tả xiết... Quả là chính quyền Thiệu và Hoa Kỳ đã nham hiểm nghĩ ra cái trò tuyên truyền "tắm máu". Nào là "trong những tỉnh, thành phố, thị xã mà cộng sản đã chiếm đóng, phụ nữ sơn móng tay đều bị rứt móng, những phụ nữ từng lấy Mỹ bị đem ra bêu xấu trước dân chúng, binh sĩ Sài Gòn bị hành quyết hàng loạt...", đưa ra con số ước tính ít nhất từ 15 đến 20 vạn dân Sài Gòn trở thành nạn nhân của những cuộc báo thù nếu cộng sản chiếm được thành phố, khiến hàng triệu người khiếp hoảng kéo chạy, rồi gọi đó là "cuộc bỏ phiếu bằng đôi chân". Những tin tức bịa đặt hoang đồn "dựng tóc gáy" được người phát ngôn quân sự chính quyền Thiệu nhắc đi nhắc lại trong các cuộc họp báo và được Washington xác nhận, lan truyền khắp Sài Gòn. Chẳng hạn tin đồn về linh mục Nguyễn Hữu Mai, giám mục Buôn Ma Thuột bị Quân giải phóng chặt làm ba khúc; tin 300 người bị hành quyết tập thể tại quảng trường chợ Buôn Ma Thuột; tin người quản trị gác dinh Thiệu ở Tây Nguyên bị đâm chết và phơi xác mấy ngày cho dân xem... Nhưng thực tế thì linh mục Mai và cả gia đình người gác dinh Thiệu đã chạy về và đang sống bình an vô sự giữa Sài Gòn. Không hiểu vô tình hay rắp tâm chơi xỏ chính quyền Thiệu, mà ngày 30-3-1975, một số báo Sài Gòn lại đưa tin và đăng cả hình linh mục Mai đang làm lễ cho linh mục Hòa, giám mục địa phận Phan Thiết. Còn những người chết ở chợ Buôn Ma Thuột lại chính là nạn nhân của các cuộc ném bom do Thiệu ra lệnh khi Buôn Ma Thuột đã được giải phóng... Thế nhưng, những "câu chuyện tắm máu" đó, cùng với đủ thứ tin đồn khủng khiếp do làn sóng người di tản mang về,

lại có tác dụng ngược lại - Nó làm cho cuộc khủng hoảng về chính trị, kinh tế, nhất là tâm lý trong vùng chính quyền Sài Gòn còn kiểm soát càng thêm trầm trọng. Sài Gòn co rúm lại như chiếc lưới khổng lồ mỗi lúc quây thắt và cả triệu con người tuyệt vọng như đàn cá lớn, bé chen nhau thục mạng trong lớp lớp mắt lưới đó.

Một ngày sau khi Nha Trang thất thủ, cả chục ngàn người đã đổ xô tới các quầy ngân hàng ở Sài Gòn để rút tiền. Sự hốt hoảng của những kẻ lắm tiền ở đây cũng hệt như ở Huế, Đà Nẵng, Nha Trang mấy ngày trước. Tòa đô chính vội vã ra một thông báo trấn an nói rằng, tất cả mọi yêu cầu rút tiền ở ngân hàng đều sẽ được thỏa mãn. Thế nhưng người ta bằng kinh nghiệm của những ngày qua lại không thể tin những thông báo đó, và do đó cảnh chen lấn trước các ngân hàng càng thêm sôi sục. Áp lực của bầu không khí sợ hãi mỗi lúc thêm nén chặt. Những người di tản tràn về cắm lều la liệt trên bến cảng Bạch Đằng, bị cảnh sát hốt bừa lên những chiếc xe GMC rồi dồn hết về các trại tị nạn ở Ô Cấp, cách Sài Gòn chừng 30km, hoặc các trại tị nạn ở Vũng Tàu, ở An Thới ngoài đảo Phú Quốc. Trụ sở Hãng hàng không Việt Nam do Nguyễn Tấn Trung, thông gia với Nguyễn Văn Thiệu làm giám đốc - một hãng hàng không vừa mới trải qua những ngày sóng gió điên cuồng với những chuyến bay cấp tập chở người di tản, nay rơi vào một giấc ngủ triền miên. Hãng hàng không quốc gia này giờ đây chỉ còn đảm nhiệm những chuyến bay liên lạc thưa thớt trong nội địa với độc hai tuyến đường: Sài Gòn - Phú Quốc, Sài Gòn - Rạch Giá. Trong lúc đó, phòng đợi của Hãng hàng không Pháp lại chật ních những người đến lấy vé để vội vã di tản khỏi Nam Việt Nam. Hãng hàng không Pháp đã phải tổ chức thêm nhiều chuyến bay phụ, nhưng vẫn không thể đáp ứng hết yêu cầu.

Cảnh chen lấn, đánh lộn, gào thét, khóc lóc om xòm ở phòng đợi Hãng hàng không Pháp kéo tới tận ngày cuối cùng và suốt đêm. Số tiền phải đút lót để được cấp giấy thông hành ra nước ngoài lên đến một con số khủng khiếp: ba đến năm triệu đồng tiền Nam Việt Nam. Nhiều cô gái con nhà giàu đã sẵn sàng trả một cái giá rất cao, cốt kiếm bằng được một tấm chồng người nước ngoài để lấy quốc tịch ra đi. Lệnh giới nghiêm được quy định kể từ sau ngày Nha Trang thất thủ đã hạn chế đến mức tối thiểu mọi quan hệ xã hội. Chưa tới giờ giới nghiêm mà xe chạy trên đường đã thưa thớt và liên tục bị quân cảnh đội mũ sắt, súng lăm lăm trong tay thình lình xuất hiện chặn xét.

*

* *

Trong lúc ở Washington, Tổng thống G. Ford và Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Schlesinger phải luôn thẩm định lại thời biểu của mình về cuộc chiến tranh tại Nam Việt Nam, thì tại Sài Gòn, địa vị chính trị của Thiệu ngày càng tồi tệ. Các tổ chức, phe nhóm chống đối Thiệu mọc lên như nấm, những con rối nhảy ra trên sân khấu chính trị nhiều như châu chấu, với cả những con ngựa hồi tàu. Một ngày sau khi Nha Trang thất thủ, Thượng nghị viện Sài Gòn - một tổ chức hữu danh vô thực, đã nhóm họp đòi Thiệu "phải tự vấn lương tâm trước lịch sử, trước nhân dân và phải từ chức" và đòi lập ngay một nội các mới. Chùa Ấn Quang từ nhiều năm nay chống đối Thiệu gay gắt, thì những ngày này lại im như thóc. Họ lặng lẽ, ngấm ngầm móc nối tổ chức để lật đổ Thiệu. Trong lúc Dương Văn Minh kín tiếng chuẩn bị, xa lánh các nhà báo và không hề ra một tuyên bố nào thì cái "Ủy ban cứu nguy dân tộc" của Nguyễn Cao Kỳ và

linh mục Trần Hữu Thanh lại hết sức hung hăng. Cũng một ngày sau khi Nha Trang thất thủ, Kỳ và Thanh tổ chức họp báo. Hàng chục nhà báo và một vài khuôn mặt chính trị từng bị vứt vào sọt rác như Trần Văn Đỗ, bác sĩ, cựu ngoại trưởng, đã kéo tới Câu lạc bộ không quân Tân Sơn Nhất. Kỳ và Thanh ngồi ghế chủ tọa. Trần Hữu Thanh trạc 50 tuổi, tóc hoa râm, mặc chiếc áo dài đen của linh mục cài kín cổ bằng một mảnh nhựa xenluylô màu trắng. Thanh đeo cặp kính râm gọng vàng, chốc chốc lại lấy tay đẩy cặp kính lên, đôi mắt màu nâu sáng, lướt nhìn một lượt các cử tọa. Sau vài lời mở đầu của Thanh chỉ trích Thiệu là "hiện thân của lòng tham" mà "Ủy ban cứu nguy dân tộc" phải đánh đổ, Nguyễn Cao Kỳ đứng lên. Kỳ mặc bộ đồ cấp tướng của không quân, vừa nói vừa giơ tay chém ngang phạt dọc trong không khí, bộ râu dê tỉa tót khá công phu rung rung. Trong bài diễn văn chuẩn bị trước - mặc dù chỉ có một nhóm cử tọa ngồi bắt chéo chân trên salông hưởng ứng, Kỳ vẫn hết sức phấn khích. Kỳ tuyên bố:

- Thưa quý vị! Đất nước đang trên bờ vực thẳm. Ủy ban cứu nguy dân tộc kêu gọi thành lập ngay chính quyền thống nhất toàn quốc để vãn hồi hòa bình thông qua thương lượng. Xét từ thái độ tiêu cực từ Hoa Kỳ đối với Việt Nam, xét từ cuộc đại bại của Quân lực Việt Nam Cộng hòa, xét tình hình tinh thần binh lính sa sút và tình trạng tham nhũng trầm trọng, thì hoàn toàn không thể hy vọng về mặt quân sự được nữa. Con đường duy nhất để bảo tồn lực lượng Nam Việt Nam (quân đội Sài Gòn) còn lại lúc này là con đường thương lượng. Đó là con đường duy nhất ngoài sự đầu hàng.

Vì sao Quân lực Việt Nam Cộng hòa - một trong những đội quân lớn nhất ở Đông Nam Á lại đại bại? Cuộc thua chạy lần này là bắt nguồn từ những sai lầm của Tổng thống

Nguyễn Văn Thiệu, và không còn phương pháp cải tử hoàn sinh cho Việt Nam Cộng hòa ngoài cách thay đổi chính quyền. Việc Tổng thống Thiệu cố bám lấy chính quyền là phản bội lại lòng dân chúng đang mong muốn có một chính quyền mới, không có Thiệu, ra đời. Ủy ban cứu nguy dân tộc mong việc thay đổi chính quyền diễn ra theo phương pháp của nhà nước dân chủ, nhưng cũng có thể đi theo con đường mà lịch sử đã cho thấy (ý Kỳ muốn nói tới chuyện đảo chính lật đổ). Với cuộc thua chạy lần này, xét về mặt quân sự, Nam Việt Nam đã hết hy vọng rồi. Nếu cứ chần chừ thì đối phương sẽ ào tới xung quanh Sài Gòn. Nếu không thương lượng ngay thì sẽ đến lúc không còn cái gì trong tay mà thương lượng. Không thể chậm trễ một ngày nào nữa trong việc thay đổi chính quyền. Phía bên kia đã tuyên bố chỉ nói chuyện với những ai ngoài phe cánh Thiệu. Vì vậy Tổng thống Thiệu phải ra đi. Nhiệm vụ lớn nhất của chính quyền mới là ở chỗ đạt được sự ngừng bắn và thương lượng với phía bên kia như thế nào...

Cử tọa vỗ tay lộp độp càng khiến Kỳ hăng máu. Thấy mình cứ như "cứu tinh của dân tộc", Kỳ huênh hoang nói tiếp là vẫn thường xuyên liên lạc với phái của Tướng Dương Văn Minh, thường xuyên tiếp xúc với các tướng lĩnh và phe phái đối lập kể cả những khuôn mặt lớn đại diện cho những thế lực thứ ba, tức là lực lượng hòa hợp hoà giải dân tộc.

Một nhà báo lên tiếng:

- Như vậy Ủy ban cứu nguy dân tộc đòi đánh đổ Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu? Nếu Tổng thống Thiệu không chịu ra đi, Ủy ban sẽ làm đảo chính?

Trần Hữu Thanh vội đứng lên trả lời thay cho Kỳ. Thanh sợ Kỳ võ biền lại đang hăng máu, rất dễ thất thố với đám nhà báo. Mới mấy ngày trước, ủy ban của Kỳ và Thanh đã tuyên bố

"không chủ trương đảo chính" và "một cuộc đảo chính như vậy chỉ có lợi cho cộng sản". Cả Sài Gòn ai cũng biết Thanh là kẻ "chống cộng" điên cuồng không kém gì Thiệu. Trần Hữu Thanh lựa giọng trả lời một cách rất khôn ngoan:

- Ai nấy đều biết Nguyễn Văn Thiệu là kẻ cứng đầu cứng cổ không chịu nghe theo lẽ phải. Ông ta chỉ chịu thua khi bị dí súng vào mang tai.

Nhà báo trên chất vấn tiếp:

- Ủy ban kêu gọi thành lập một chính quyền mới không có Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu. Như vậy, có phải ủy ban chủ trương chỉ cần một mình Tổng thống Thiệu ra đi?

Thanh đáp:

- Không phải chỉ có một mình Thiệu mà phải đánh đổ tất cả những kẻ tôi tớ của Thiệu. Xung quanh Thiệu có bốn kẻ tôi tớ rất trung thành - trung thành với Thiệu đến chết. Chúng mắc nhiều trọng tội với dân, với nước, nên chúng tôi cột chặt số phận của chúng với Thiệu. Bốn tên đó là: Một, Đặng Văn Quang, Tổng thư ký Hội đồng An ninh quốc gia, cố vấn an ninh của Thiệu. Sau khi làm tư lệnh Quân khu 4, Quang được Thiệu triệu về gánh vác đủ mọi thứ trong dinh Thiệu. Quang là một trong những kẻ tham nhũng và nhiều tiền nhất Nam Việt Nam.

Hai, Nguyễn Văn Toàn, tên trung tướng hủ bại nhất của quân đội Việt Nam Cộng hòa. Toàn đã từng làm Tư lệnh Quân khu 2 nhưng bị cách chức vì tội tham nhũng. Vậy mà có tin Toàn được Thiệu cử làm Tư lệnh Quân khu 3, quân khu quan trọng nhất đảm trách việc phòng thủ, bảo vệ đô thành.

Ba, Nguyễn Khắc Bình, Tư lệnh Cảnh sát quốc gia, nguyên Chánh văn phòng của Thiệu.

Bốn, Trang Sĩ Tấn, Đại tá vừa mới được Thiệu phong tướng cùng với năm sĩ quan cảnh sát cao cấp khác. Tấn là tên tàn bạo

hơn cả và là trùm cảnh sát Sài Gòn. Tấn nguyên là thầy dạy học riêng cho con gái Thiệu. Thiệu có hai con gái, cả hai đều xấu và học hành dốt nát. Tấn thực lòng không có tình cảm gì nhưng vì muốn kiếm chỗ tiến thân nên hết lòng lăn lộn, phục dịch mong được làm rể Thiệu. Thiệu có hứa gả một trong hai con gái của mình cho Tấn, nhưng sau tính kĩ, Thiệu lại gả con gái cho con trai của Nguyễn Tấn Trung, giám đốc Hãng hàng không Việt Nam và con trai của Nguyễn Tấn Đời, Giám đốc Ngân hàng Tín Nghĩa con gà đẻ trứng vàng của Sài Gòn. Thấy Tấn tận tụy, trung thành Thiệu đã thử thách và đưa về làm Đô trưởng cảnh sát Sài Gòn.

- Xin hỏi, tham gia Ủy ban cứu nguy dân tộc, cha và đồng sự có bị chính quyền gây áp lực gì không ? - Một nhà báo hỏi.

- Thiệu và những kẻ tôi tớ của Thiệu căm tức tôi. Lúc nào cảnh sát của Thiệu cũng bám riết tôi. Tuần trước, bốn người bạn của tôi gồm hai luật sư, một cựu tỉnh trưởng và một thẩm phán tòa án tối cao đã bị cảnh sát bắt giam. Tôi không biết số phận của họ ra sao, trừ riêng ông thẩm phán là được gửi một bức thư cho vợ nói rằng ông ta đang tuyệt thực...

Một nhà báo khác nêu câu hỏi:

- Cha có thể cho lời tiên liệu về tình hình quân sự, chính trị những ngày tới?

Trần Hữu Thanh sửa lại cặp kính râm gọng vàng, chậm rãi nói:

- Tôi không phải là một nhà quân sự. Tôi cũng không phải là một nhà chính trị. Tôi là một linh mục, hoạt động của tôi là vì lòng yêu nước và vì lý tưởng tôn giáo. Tôi cũng căm tức Thiệu và căm tức cộng sản. Hiện tại vũ lực đã gạt phăng sự phân tách về chính trị. Cộng sản đã tiến quá nhanh. Nhưng họ không có khả năng cai quản mười mấy triệu người dân miền Nam này. Tôi cho rằng họ sẽ tiến tới gần Sài Gòn, sẽ quấy rối

rồi sau đó chiếm lấy Sài Gòn một cách hòa bình. Chúng ta có khả năng chiến đấu chống lại họ một cách hữu hiệu không? Có! Nếu như chúng ta thành lập một chính phủ mới trong sạch, có khả năng điều hành đất nước và biết cách làm cuộc cách mạng kinh tế, xã hội!

- Cha vừa nói Tổng thống Thiệu chỉ chịu thua khi bị dí súng vào mang tai. Thế có nghĩa cần phải có một cuộc đảo chính để lật đổ Tổng thống Thiệu?

- Đúng! Tôi đã nói như vậy. Ủy ban cứu nguy dân tộc không chủ trương đảo chính. Nhưng nếu Tổng thống Thiệu cứ lỳ lợm ở lại thì một cuộc đảo chính của các phần tử quân đội sẽ bắt ông ta phải ra đi. Tôi có thể tiên liệu rằng, ngày tận số của Thiệu đã đến...

Tình hình có nguy cơ vượt khỏi tầm kiểm soát. Nếu một cuộc đảo chính nổ ra, sự rối loạn lên đến cực điểm và Sài Gòn sẽ sụp đổ tức khắc. Vì vậy, trong cố gắng ngăn chặn một cuộc đảo chính và loại bớt cho Thiệu một kẻ thù, tướng Timmes, Trưởng phân cục CIA tại Sài Gòn gọi điện thoại ngỏ ý muốn đến thăm Kỳ, và úp mở rằng cùng đi với Timmes có một nhân vật quan trọng mà Kỳ không thể không gặp trong thời điểm nước sôi lửa bỏng này. Kỳ thật sự ngạc nhiên vì đi với Timmes chính là Đại sứ Martin. Martin gầy sọp đi vì di chứng viêm phổi, mắt trũng sâu quanh vành mi đỏ ngầu. Cuộc trò chuyện kéo dài gần hai tiếng đồng hồ, đề cập tới "những vấn đề nghiêm túc" trong cuộc đời binh nghiệp của Kỳ.

- Thưa Thiếu tướng, tôi xin hỏi Thiếu tướng một câu có tính giả thuyết: Nếu như ông có thể lập chính phủ, ông sẽ đối xử với Tổng thống Thiệu như thế nào? - Martin đã thăm dò thái độ của Kỳ bằng câu hỏi đầy thận trọng như vậy.

- Tôi căm ghét ông ấy, và tôi biết ông ấy có ảnh hưởng

xấu đối với vận mệnh của Việt Nam Cộng hòa. Nhưng tôi không có ý định trả thù một người như Thiệu. Nếu tôi thay Thiệu, tôi sẽ để cho Thiệu ra đi.

Nói rồi, không chờ Martin trả lời, Kỳ tiếp tục lên gân:

- Nếu chúng tôi có được một chính phủ như tôi mong muốn, thì chỉ trong ít ngày tôi sẽ tổ chức kháng chiến có hiệu quả.

Thấy Martin có vẻ hoài nghi về khả năng chiến đấu của quân đội Sài Gòn trong tình cảnh đại bại và chạy dài, mất cả Quân khu 1, Quân khu 2, Kỳ đưa ra lời khẳng định rằng với số vũ khí đủ dùng trong ba tháng, được tổ chức chiến đấu tốt, cục diện sẽ đổi khác, và đó là cơ sở để chính quyền mới của Kỳ tiến hành thương thuyết.

Sau hai giờ, Martin đứng dậy ra về. Martin nói với Kỳ: "Tôi nghĩ là ông có lý". Martin không hứa hẹn rõ là sẽ ủng hộ Kỳ lên làm Tổng thống nhưng lại ngụ ý rằng Thiệu phải từ chức. Martin còn hỏi Kỳ sẽ chọn những người như thế nào vào chính phủ mới. Trước khi lên xe, Martin còn nói với Kỳ: "Ông cũng biết không phải là dễ. Xin cho tôi vài ngày để thu xếp xem sao".

Kỳ không chỉ cho Martin biết một điều duy nhất, đó là ủy ban của Kỳ đã có kế hoạch dùng không quân, lực lượng nhảy dù, lực lượng đặc biệt để đảo chính Thiệu vào phút chót. Kỳ nghĩ, giờ đây tình thế đã đổi khác, và việc trước tiên phải làm là huỷ bỏ cuộc đảo chính. Kỳ thông báo cho bộ phận tham mưu thân cận của Kỳ, và ngay lập tức bị một phụ tá cảnh cáo: "Không được tin Martin. Martin có thể chơi trò hai mang để lừa gạt chúng ta. Tại sao ông ta lại bất ngờ đến thăm ông? Đó chẳng qua là một cách để ngăn chặn đảo chính. Nếu Mỹ đứng sau lưng chúng ta thì chúng ta cần gì đảo chính nữa?". Một phụ tá khác đưa ra ý kiến là chính Thiệu yêu cầu Martin đến thăm Kỳ để thăm dò thực lực của Kỳ trong lúc "hỗn quân hỗn quan" này.

Kỳ chột dạ. Nếu quả thế, Mỹ vẫn giữ Thiệu thì đảo chính lúc này khác gì tự sát. Vì vậy, Kỳ án binh bất động chờ tín hiệu từ tòa đại sứ Mỹ. Nhưng bặt vô âm tín. Đến lúc này, Kỳ mới cay đắng nhận ra là đã bị Mỹ bỏ rơi và Chính phủ Mỹ đã có một kế hoạch khác thay vào. Kỳ gọi điện cho tướng Timmes hỏi thẳng: "Có gì xảy ra vậy?". Timmes ngập ngừng trả lời trong điện thoại: "Trong lúc này chúng tôi bị bó tay. Khó lòng vô cùng, tế nhị vô cùng. Xin ông cắt dây nói và... chờ. Chúng tôi sẽ cho ông biết sau". Cay đắng nhận ra bị Martin và Timmes đánh lừa, Kỳ cho họp Ủy ban cứu nguy dân tộc cấp tốc để chuẩn bị làm đảo chính. Nhưng bất ngờ Timmes lại đến gặp và hỏi thẳng Kỳ: "Có đúng ông và một số tướng lĩnh đang âm mưu đảo chính không?". Trong đầu Kỳ tức khắc nảy ra ý nghĩ là có kẻ nào tiết lộ hay phản bội nên mới để lộ âm mưu đảo chính. Nhưng Kỳ chưa trả lời, thì Timmes đã nói tiếp một câu khác thường:

- Tôi muốn nói đến một hành động chống Minh lớn (tức Dương Văn Minh).

Câu nói làm Kỳ sửng sốt, vì Dương Văn Minh đã ra khỏi chính trường từ lâu rồi. Kỳ thốt lên:

- Tôi không hay gì cả. Tại sao người ta lại chống Minh lớn, ông ta là người không ở trong chính quyền hiện tại?

Timmes trả lời Kỳ:

- Vậy thì tôi phải thưa với Thiếu tướng rằng, nếu ông quả có hành động chống Minh lớn thì Washington sẽ trách cứ ông về bất cứ điều gì xảy ra sau này!

- Nếu Minh lớn làm Tổng thống, Việt Nam Cộng hòa sẽ sụp đổ trong 24 giờ. Ông ta hiện nay không được lòng dân và sẽ chẳng bao giờ được lòng dân - Kỳ nói với Timmes như vậy...

*

* *

12 giờ đêm, chuông nhà thờ Đức Bà gióng giả điểm từng tiếng trên nền không gian dồn nén. Tiếng động cơ máy bay L.19 nổ giòn giã trên bầu trời thành phố. Những ánh hỏa châu chốc chốc lại bung ra làm đèn đường thêm vàng vọt. Không một bóng người, không một ánh đèn pha ôtô trên mặt đường tráng nhựa. Từ trước giờ giới nghiêm, thành phố đã vội co mình lại, nằm nín thở trong bóng đêm chờ đợi.

Thiệu ngồi im như tượng trong phòng làm việc của mình ở tầng ba. Suốt từ chiều Thiệu đã dặn không ăn cơm tối, không tiếp bất kỳ ai, cấm tiệt không một ai, kể cả vợ được quấy rầy. Từ dưới tầng trệt, Mai Anh bật camera theo dõi chồng. Thấy Thiệu cứ ngồi lặng im như vậy, Mai Anh lo lắng nhưng không dám lên. Kỷ luật bảo vệ Dinh Độc Lập rất nghiêm ngặt - không một ai được mang tài liệu ra khỏi dinh, không một ai được phép vào phòng làm việc riêng của Tổng thống. Sợ Thiệu lẻn đi chơi gái, Mai Anh đã cho lắp camera theo dõi. Mỗi lần bật máy thấy hình Thiệu đang ngồi làm việc trong phòng là Mai Anh yên lòng. Thiệu cũng không vừa. Để chống lại mụ vợ ranh ma, Thiệu đã kỳ công chọn một tên trạc tuổi Thiệu, giống Thiệu như đúc, chuyên phục vụ chuyện ăn uống cho Thiệu. Đó là Đại úy Long. Những lúc Thiệu bí mật chuồn khỏi Dinh Độc Lập đi chơi gái do tay chân sắp đặt, Đại uý Long lại ăn mặc hệt như Thiệu để đóng vai "Tổng thống Việt Nam Cộng hòa" điều hành công việc quốc gia một cách hoàn toàn hình thức, vì Long tuyệt không nghe, không trả lời bất cứ câu hỏi nào trên điện thoại, còn cửa phòng thì khoá trái cho đến khi Thiệu về. Thiệu lấy Nguyễn Thị Kim Anh, con một gia đình giàu có, thần thế ở Mỹ Tho. Vì chị ruột Thiệu là Nguyễn Thị Kim nên Nguyễn Thị Kim Anh phải đổi tên là Nguyễn Thị Mai Anh. Thiệu có ba người con, con trai lớn du học Thuỵ Sĩ, con gái lớn làm dâu

Nguyễn Tấn Trung, giám đốc Hãng hàng không Việt Nam; con gái bé làm dâu Nguyễn Tấn Đời, Giám đốc Ngân hàng Tín Nghĩa con gà đẻ trứng vàng. Đám cưới Nguyễn Thị Tuấn Anh, con gái Thiệu lấy Nguyễn Tấn Triều, con trai Nguyễn Tấn Trung tháng 1-1973 ngay trước khi buộc phải ký Hiệp định Paris đã bị các báo Sài Gòn ngày ấy chửi cho một trận là "đám cưới chạy Hiệp định", là "cú áp phe tiền bạc cuối cùng". Nghi lễ đám cưới được cử hành tại Vương Cung Thánh Đường (Nhà thờ Đức Bà). Nhưng để hốt của, vợ chồng Thiệu đã tổ chức đám cưới này ở đồng thời gần một chục địa điểm trong Sài Gòn, mỗi địa điểm dành riêng cho một loại khách: các quan chức trong chính phủ, giới ngoại giao; các tỉnh, quận, thị trưởng; các tướng lĩnh; giới kinh doanh; giới tư sản Hoa Kiều, Chợ Lớn... để tiện điểm mặt, nhận đồ mừng, khiến đàn em không sót một ai. Tại khách sạn Rex, địa điểm chính của đám cưới, như tường thuật của các báo Sài Gòn: "... Rượu sâmbanh nổ đồng loạt thay pháo, khách dự tiệc tắm trong sâm banh và phải bước trên các vỏ chai sâm banh mà di chuyển trong bàn tiệc...". Cưới bữa trước, bữa sau vợ chồng Nguyễn Tấn Triều đáp máy bay sang tận Rome để chịu lễ ở tòa thánh La Mã. Chẳng biết điên khùng hay vì con gái Thiệu quá xấu, mà trước giờ làm lễ, Nguyễn Tấn Triều tuyên bố xé bỏ hôn thú. Thế là con gái Thiệu bơ vơ nơi đất khách quê người. Thiệu giận bầm gan tím ruột nhưng vẫn ngậm bồ hòn làm ngọt điện cho Nguyễn Văn Kiểu, anh ruột Thiệu, đại sứ lưu động ở Đông Nam Á, lúc đó đang ở Đài Bắc, bay qua Rome đón con gái Thiệu về...

Nhưng đó là chuyện của ngày hôm qua - tuy vừa mới qua. Quyền lực mà Thiệu thèm khát, lì lợm níu kéo giờ đây không khéo sẽ biến Thiệu thành thây ma chờ giờ xuống lỗ. Nhưng dù có đào sâu chôn chặt tới ba thước đất cũng chắc gì đã yên.

Mồ mả tổ tiên ở Ninh Chữ (Phan Thiết) mặc dù được Thiệu kỳ công xây cất, xây cả một đền thờ để mẹ Thiệu thường xuyên ra đấy "tu nhân tích đức" cũng có yên đâu. Khi cho công binh san nền ủi đất, chiếc xe gạt đã phạt lẹm vào khu mộ. Thiệu vời thầy địa lý ra tận nơi xem xét. Thầy địa lý phán như vậy đã chạm vào long mạch. Thiệu bị ám ảnh ghê gớm và ngày càng tin vào tử vi tướng số, vào những điều phải kiêng khem. Thẻ căn cước của Thiệu và vợ đều cấp ngày 24-7-1969 và đều "9 nước" hết (thẻ căn cước của Thiệu số: 00.000.027. Thẻ của Mai Anh số: 00.000.018). Ngoài thầy tướng của mình là Quỷ Cốc ở đường Trương Minh Giảng, Thiệu còn nể trọng, cậy nhờ một thầy tử vi nổi tiếng khắp Đông Nam Á cũng xưng danh Quỷ Cốc. Đó là "Quỷ Cốc Tử" ở Đài Bắc. Quỷ Cốc Tử dường như không tiếp ai tại nhà, chỉ xem lá số và đoán định rồi trả lời bằng mật thư. Nghe đồn, cả Tưởng Kinh Quốc, con trai Tưởng Giới Thạch, khi lên làm Tổng thống Đài Bắc, cũng không thể tự tiện đến gặp Quỷ Cốc Tử, muốn đến phải báo trước và tới theo giờ hẹn của Quỷ Cốc Tử. Tất cả các bộ trưởng ở Đài Bắc và nhiều nhân vật trọng yếu ở Đông Nam Á cũng thường gửi lá số của mình cậy nhờ Quỷ Cốc Tử đoán định. Các khoản tiền hậu tạ rất lớn. Quỷ Cốc Tử bày trò như thế cũng là một thủ đoạn để đề cao mình. Ngay sau khi lên làm Tổng thống, Thiệu đã bố trí ngay anh ruột là Nguyễn Văn Kiểu làm đại sứ lưu động Đông Nam Á, đóng trụ sở ở Đài Bắc để giữ mối liên lạc với Quỷ Cốc Tử, thường xuyên nghe ngóng vận hạn và ra các quyết sách. Theo lời phán của Quỷ Cốc Tử thì số của Thiệu có đến bốn chữ "tý": Tuổi Tý (1924), sinh vào giờ Tý (nửa đêm), tháng Tý (tháng 11 âm lịch) và cung "mệnh viên" cũng nằm ở Tý. Thiệu mệnh kim, năm 1975 lại đi vào cung hoả mà hỏa thì thiêu cháy kim. Lại nữa, Thiệu cầm tinh con chuột mà năm 1975 lại là năm Mão - mèo vồ thì chuột

hết đường chạy. Ngày, tháng, thậm chí giờ nào làm việc hệ trọng Thiệu đều tham khảo chỉ dẫn của Quỷ Cốc Tử trong lá số đoán định chi tiết vận hạn của Thiệu trong năm Ất Mão...

Một vài tướng lĩnh dưới quyền đã dựa vào sự mê tín của Thiệu để bịp Thiệu. Nguyễn Văn Toàn, Trung tướng, Tư lệnh Quân đoàn 2, Quân khu 2 là một ví dụ điển hình. Toàn nổi tiếng háo sắc và hủ bại. Hồi ở Quân khu 2, Toàn đã hiếp một cháu gái mới 13 tuổi. Không may cho Toàn, đấy là cháu gái một phóng viên báo *Chính Luận*. Vì gia đình kiện, báo chí làm lớn chuyện buộc Thiệu phải cách chức Toàn, đưa về làm ở trường võ bị Thủ Đức. Toàn cay cú, quyết tìm mọi phương cách để trở lại quyền lực. Sau khi bắt mối được với Thiếu tá Minh, thư ký riêng của Nguyễn Văn Kiểu, Toàn chạy lo một chuyến đi Đài Bắc. Toàn dùng một số tiền rất lớn mua Minh và Minh kỳ công thu xếp để Toàn tới gặp Quỷ Cốc Tử. Biết Quỷ Cốc Tử rất mê kim cương, Toàn kiếm một viên kim cương cực lớn làm quà ra mắt. Toàn trình bày hoàn cảnh, nhờ Quỷ Cốc Tử giúp trở lại chính trường. Mọi việc ngã giá, Toàn thanh toán luôn một lần với Quỷ Cốc Tử bằng số đôla Mỹ mang theo xếp chặt một cặp ngoại giao xách tay. Không ai hay biết chuyện này, ngoài Toàn, Quỷ Cốc Tử và Minh, thư ký của Kiểu. Mấy tháng sau, Toàn lại thu xếp đi Đài Bắc lần nữa, lần này thì đặt thẳng vấn đề với Kiểu:

- Anh giúp tôi tới gặp Quỷ Cốc Tử, bao phí tổn tôi cũng lo chu đáo. Tôi muốn thưa chuyện và nhờ tiên sinh coi giúp lá số của tôi.

- Không được đâu! Nếu thực quá cần, anh cứ viết ngày, giờ, tháng, năm sinh và những điều cần hỏi. Tôi sẽ nhờ chuyển gấp đến tận tay tiên sinh, và anh cố nán lại ít hôm chờ hồi âm...

Đã hẹn trước, để thật khách quan, trước một ngày Toàn ra

sân bay về Sài Gòn, Quỷ Cốc Tử mới có thư cho Kiểu. Đọc mấy chữ của Quỷ Cốc Tử, Kiểu tròn mắt kinh hãi. Quỷ Cốc Tử không cho lời chỉ giáo gì mà chỉ trân trọng mời Toàn đến chơi tệ xá vào tám giờ sáng hôm sau. Kiểu mừng lắm, vì cũng là dịp tốt gặp được Quỷ Cốc Tử.

Sáng hôm sau, trước giờ Toàn ra sân bay, Kiểu lái xe con đưa Toàn tới gặp Quỷ Cốc Tử. Đã ngầm định với nhau từ trước, Quỷ Cốc Tử đón Toàn với nghi thức chưa bao giờ có. Cửa tiền sảnh mở toang, gấm đỏ được trải từ cửa vào tận phòng khách. Chưa hết, Kiểu vừa đưa Toàn vào đến cửa, Quỷ Cốc Tử đã ra đón và chắp tay vái Toàn một cách hết sức cung kính; rồi cứ chắp tay như thế đi giật lùi mà hướng dẫn Kiểu và Toàn vào phòng khách ở đại sảnh. Kiểu trợn tròn mắt, há hốc mồm kinh ngạc vì không còn hiểu ra làm sao nữa...

- Xin đại nhân miễn thứ - Quỷ Cốc Tử nói, giọng nói và cử chỉ hết sức cung kính - Đúng ra Quỷ Cốc tôi phải thân hành đến chào đại nhân, nhưng vì đại nhân ở trong sứ quán Việt Nam Cộng hòa, thủ tục ngoại giao phiền hà nên đành thất lễ mời đại nhân đến tệ xá... Nói rồi Quỷ Cốc Tử cung kính hai tay nâng chén trà mời Toàn.

Sau phút ngỡ ngàng, Kiểu tự giới thiệu mình và nói đôi lời về Toàn và xin Quỷ Cốc Tử cho lời chỉ giáo về lá số của Toàn mà Kiểu đã gửi nhờ Quỷ Cốc Tử xem.

- Thôi khỏi. Tôi không được diễm phúc đoán định về lá số đó. Cứ xem sao của ông Toàn đây thì thấy rõ, hiện tuy lu mờ nhưng sắp tới sẽ rực rỡ, tỏ vượng. Ông là con người siêu phàm hiếm có, không chỉ là trụ cột của Việt Nam Cộng hòa trong nguy biến mà còn là cứu tinh của Đông Nam Á để thoát khỏi họa cộng sản!

Nói rồi Quỷ Cốc Tử quặt sang nói chuyện về chiêm tinh,

tướng số, về tài đoán định của mình đã được minh chứng qua hàng loạt các nhân vật tầm cỡ, trọng yếu ở Đông Nam Á, trong đó có cả Nguyễn Văn Thiệu.

Đến giờ ra sân bay, Toàn lật đật đứng lên cáo lỗi. Quỷ Cốc Tử lại chắp tay vái Toàn một lần nữa, rồi cung kính đưa Toàn và Kiểu ra tận cửa xe. Toàn về Sài Gòn, chưa đầy một tuần sau, Thiệu đã nhận được mật báo của Kiểu. Kiểu không cần tô vẽ, cứ nguyên thế mà mật trình cũng đã khiến Thiệu kinh hoàng và thấy phải bằng mọi cách dùng lại Toàn, nhất là trong cơn nguy khốn này. Đấy là cái lẽ vì sao Thiệu quyết định gọi Toàn ra giao chức Tư lệnh Quân đoàn 3, Quân khu 3, chỉ huy toàn bộ việc phòng thủ Sài Gòn. Và ít ngày sau đó, Thiệu lập Bộ Tư lệnh Quân đoàn 3 tiền phương, và theo lời thầy tướng riêng của mình mách bảo, Thiệu giao chức tư lệnh tiền phương đó cho Trung tướng Nguyễn Vĩnh Nghi, Tư lệnh Quân đoàn 4, Quân khu 4 đang bị cách chức vì tội tham nhũng.

Những tin tức về sự chống đối và cả đe dọa của một cuộc đảo chính đẫm máu nhanh chóng đến với Thiệu. Thiệu đã từng phân tích với đám tay chân thân cận là ở cái Nam Việt Nam này, không phải hai, ba mà có tới hàng năm, bảy thế lực chống đối nhau: - CIA (Tình báo của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ), DIA (tình báo của quân đội Hoa Kỳ), các thế lực chính trị thân Pháp, Phật giáo, các giáo phái còn lại (mạnh nhất là Thiên Chúa giáo và Cao Đài, Hòa Hảo). Do nhiều thế lực giằng xé nhau, nên cái Nam Việt Nam này một năm 365 ngày thì có tới 300 ngày có thể xảy ra đảo chính. Bất cứ một thằng tướng nào cũng phải chơi hai lá bài - Một phe chính thống mà mình phục vụ, một là lá bài khác thông qua các mụ vợ (những đệ nhất phu nhân, những "nội tướng") chơi với một thằng tướng khác, một phe nhóm khác để khi xảy ra đảo chính thì

kịp mà trở cờ. Bây giờ thì chúng đang trở cờ - Thiệu điên tiết cảnh cáo: Các giáo dân biểu tình (phong trào chống tham nhũng của linh mục Trần Hữu Thanh) phải ở yên trong nhà thờ, các phật tử phải ở trong chùa, các nghị sĩ phe đối lập phải ở trong trụ sở lưỡng viện, là nơi họ được quyền miễn trừ mà hò hét. Nếu không, Thiệu sẽ dùng xe tăng cho tất cả, cả các nghị sĩ vào khuôn vào phép. Vậy mà cái lũ nghị sĩ ấy mỗi lúc họp hành thì cãi nhau như mổ trâu mổ bò, có thằng còn nổ súng trong cuộc họp ấy, nay lại nhất trí được với nhau trong quyết định đòi Thiệu phải ra đi. Trong số những kẻ định làm thịt Thiệu phen này, Thiệu chờn nhất Nguyễn Cao Kỳ. Bởi lẽ Kỳ còn vây cánh và vì Kỳ là kẻ nổi tiếng hung bạo, ngông nghênh. Vợ đầu của Kỳ mang quốc tịch Pháp, Kỳ cưới từ thời qua học trường hàng không ở Madagascar. Lấy cớ cả bốn người con đều là gái, không có ai nối dõi, Kỳ bỏ vợ. Vợ Kỳ ôm con về Pháp, và Kỳ lấy Tuyết Mai, nữ chiêu đãi viên hàng không xinh đẹp nổi tiếng ở Sài Gòn... Một kẻ cừu hận như Kỳ sẽ chẳng ngán ngại gì mà không bắn vỡ sọ Thiệu khi có thời cơ... Tình hình tồi tệ này cũng là do những thảm bại trên chiến trường và thái độ lạnh nhạt của Mỹ mà ra. Thiệu không ngờ quyết định rút khỏi Tây Nguyên lại gieo mầm cho tai họa đến thế. Hàng loạt thành phố, căn cứ quân sự, hải cảng ở miền Trung phút chốc đổ nhào, làm cho cái Nam Việt Nam này như bị chặt phăng mất đầu. Tấn thảm kịch diễn ra nhanh đến chóng mặt. Không khéo thì màn chót của nó tới ngay bây giờ. Cần phải chặn đứng bước tiến của đối phương và phải chặt hết tay chân của những kẻ chống đối. Cần phải mạnh tay gạt Trần Thiện Khiêm khỏi chức Thủ tướng, cải tổ triệt để nội các. Trong phiên đấu giá cuối cùng, Thiệu quyết định giao chức thủ tướng của cái "nội các lập ra để đoàn kết

chiến đấu" như lời Thiệu tuyên bố cho dân biểu Nguyễn Bá Cẩn, Chủ tịch Hạ viện Sài Gòn...

*

* *

Ra khỏi nhà ga sân bay Tân Sơn Nhất, Trần Văn Đôn nhìn đồng hồ thấy đúng 12 giờ 30 phút. Gia đình, bạn bè ra đón quây lấy Đôn, hỏi thăm chuyện nước ngoài thì ít, mà thông báo về biến chuyển dồn dập của tình hình quân sự, chính trị tại Nam Việt Nam thì nhiều - tin chính xác và cả những tin hoang đồn khủng khiếp. Thái độ hốt hoảng của người thân, không khí nhớn nhác của sân bay Tân Sơn Nhất với những đoàn người vội vã rời khỏi Nam Việt Nam dội vào Đôn nỗi bồn chồn lo lắng. Đã gần một tháng Đôn xa Sài Gòn. Đây là cuộc viễn du cuối cùng của Đôn ra nước ngoài, với tư cách Phó Thủ tướng đặc trách thanh tra các chương trình phát triển kinh tế quốc gia, Chủ tịch Ủy ban quốc phòng Thượng viện kiêm liên lạc quốc hội. Thiệu cử Đôn đi một vòng nhằm lôi kéo và tranh thủ sự ủng hộ của các nước không liên kết và thăm dò thái độ của Chính phủ Pháp, Chính phủ và Quốc hội Hoa Kỳ đối với cuộc chiến tại Nam Việt Nam. Đây chính là thời gian xảy ra những thảm họa liên tiếp ở Tây Nguyên, Huế, Đà Nẵng,... cùng những vấn đề rất to lớn về làn sóng người di tản. Ngày 12-3, Đôn đến Zaire, ngày 20-3 đến Nigeria và 23-3 đến Thượng Volta. Tại đây, Đôn nhận được điện khẩn của Thiệu. Thiệu yêu cầu Đôn hoãn chặng cuối cùng sang Paris và Washington như dự định, và trở về ngay Nam Việt Nam, càng sớm càng tốt. Ngày 1-4, Đôn đến London, dừng chân tại đây hai ngày để chờ chuyến bay.

Trên đường về qua Hong Kong, Đôn điện đề nghị Thiệu thu xếp gặp Đôn ngay trưa ngày 5-4 khi máy bay về tới Tân Sơn Nhất. Thiệu chấp thuận.

Giao lại phiếu nhận hành lý cho người nhà, Đôn tự lái chiếc xe Pơgiô của mình từ Tân Sơn Nhất đến thẳng Dinh Độc Lập. Đôn mặc bộ lễ phục màu đen, thắt nơ đen. Trưa mùa hè nắng gắt, mồ hôi nhễ nhại nhưng Đôn cũng không buồn cởi áo vét. Đôn đang nóng lòng muốn gặp Thiệu, đầu óc Đôn đang bộn bề những toan tính, dự định. Chỉ có Thiệu và Đôn trong phòng khách. Thiệu lên tiếng trước. Không quanh co, Thiệu hỏi thẳng vào điều đang quan tâm nhất:

- Chuyến công du này anh thu được những kết quả gì, được tin quan trọng gì đối với cuộc chiến của chúng ta?

Nhìn nét mặt chờ đợi căng thẳng của Thiệu, Đôn quyết định nói thẳng suy nghĩ của mình:

- Thưa Tổng thống! Sau hai ngày dừng chân ở London, tôi biết một số tin rất quan trọng do bạn bè tôi cung cấp. Trong đó đáng lưu ý nhất là lời của Thủ tướng Pháp Jacques Chirac. Chirac nói rằng: "Nam Việt Nam thế là đi đứt rồi. Bây giờ chỉ có duy nhất một việc phải làm thôi, đó là dàn xếp di tản những ai không muốn sống dưới chế độ cộng sản". Bằng nhiều nguồn tin đã kiểm chứng, tôi tin rằng người Mỹ đã bỏ cuộc.

Thiệu sa sầm mặt. Không đáp lại lời Đôn, Thiệu cứ lặng thinh suy nghĩ, gõ gõ chiếc tẩu xuống mặt bàn. Rõ ràng lời nói thẳng thắn và trực diện của Đôn làm Thiệu choáng váng. Những ngày gay go này, Thiệu muốn nghe và muốn tin vào những điều lạc quan hão huyền hơn là những lời nói phơi trần sự thật một cách đau xót.

Đôn châm thuốc hút đợi chờ. Một lúc lâu không thấy Thiệu nói gì, Đôn lên tiếng tiếp:

- Thưa Tổng thống! Điều mà Tổng thống, tôi và cả Nam Việt Nam này không muốn tin thì đó lại là sự thật. Ở Campuchia, người Mỹ cũng đã bỏ cuộc, chính phủ Lon Non sập đổ đến nơi mà người Mỹ không hề có phản ứng.

Thiệu nói, giọng hơi sẵng:

- Không! Anh không thấy lợi ích của Mỹ ở Nam Việt Nam khác với ở Campuchia. Người Mỹ có thể bỏ rơi Campuchia nhưng không thể bỏ rơi Nam Việt Nam. Đó không chỉ là danh dự, uy tín mà còn là lợi ích toàn cầu của Mỹ.

Thấy Thiệu sắp nhắc đến cái "điệp khúc muôn thủa" - người Mỹ không bỏ rơi Nam Việt Nam vì đã hy sinh ở đây gần sáu vạn lính Mỹ, đã mất hàng trăm tỷ đôla... nên Đôn không tranh luận tiếp nữa. Đôn hỏi Thiệu qua chuyện khác:

- Thưa Tổng thống! Tại sao ở Cam Ranh Tổng thống lại thay đổi chiến lược của mình?

- Bây giờ với cuộc xâm lăng công khai từ miền Bắc, chúng ta không thể duy trì cái chiến lược do phía Mỹ nêu ra là phải giữ toàn bộ Nam Việt Nam được nữa - Thiệu trả lời.

Đôn hỏi lại Thiệu:

- Phải chăng điểm cốt lõi trong chiến lược bốn không của Tổng thống, trong đó cái không cốt lõi là không nhượng cho cộng sản một tấc đất, một tiền đồn nào, là do người Mỹ áp đặt?

- Đúng! Người Mỹ đã yêu cầu phải giữ, phải bám giữ toàn bộ Nam Việt Nam.

- Cuộc chiến đã qua một khúc ngoặt quan trọng - Đôn trầm ngâm suy nghĩ một lúc rồi nói với Thiệu - Gần một tháng xa nhà, thông tin không đầy đủ, nhưng tôi cũng có thể thấy được là tình hình đã xấu tới mức nào. Theo tôi, muốn cứu Sài Gòn và vùng đồng bằng sông Cửu Long, chúng ta phải có ngay một

chính phủ liên hiệp để bắt tay vào thương lượng với cộng sản Bắc Việt!

Thiệu bác bỏ thẳng thừng đề nghị của Đôn, giọng cay cú:

- Không có chuyện chính phủ liên hiệp. Tôi không đời nào chấp nhận liên hiệp với cộng sản.

Thấy Thiệu tỏ ra "cương quyết chống cộng" đến nỗi ngay cả hai chữ "liên hiệp" cũng không chịu nổi, Đôn không nói gì nữa. Đây không phải lần đầu, hai lần tiếp xúc trước đây - một vào cuối năm 1974, một vào đầu năm 1975 khi Đôn đề nghị thành lập một chính phủ như vậy, đều bị Thiệu bỏ ngoài tai. Bây giờ việc làm này gần như đã quá muộn. Vậy mà Thiệu vẫn ngoan cố không chịu.

Thiệu thông báo với Đôn:

- Không có chuyện chính phủ liên hiệp nhưng sẽ có cải tổ nội các. Đêm qua tôi đã tuyên bố cử Nguyễn Bá Cẩn thay Trần Thiện Khiêm làm Thủ tướng để thành lập chính phủ đoàn kết chiến đấu.

Đôn ngớ người vì hai tin bất ngờ một lúc: Một là Thiệu gạt Khiêm, cộng sự thân tín, lâu dài nhất của mình. Hai là Thiệu cử Cẩn, một dân biểu không chút binh nghiệp lên đứng đầu chính phủ trong tình cảnh Nam Việt Nam đang ngàn cân treo sợi tóc. Khiêm là Đại tướng lục quân, làm Thủ tướng từ năm 1968. Trước đó, Khiêm làm Đại sứ Nam Việt Nam tại Đài Bắc. Sau sự kiện Tết Mậu Thân, Thiệu triệu gấp Khiêm về làm Thủ tướng thay cho Trần Văn Hương và kiêm luôn chức Bộ trưởng Quốc phòng. Kể từ đấy Thiệu và Khiêm như hình với bóng. Thiệu câu kết với Khiêm gạt hết các kình địch, gài tay chân vào những chức vụ chủ chốt, để thực hiện những vụ áp phe kiếm những món lợi kếch xù. Theo điều tra của phái đối lập công bố, trong thời gian Thiệu

làm Tổng thống, số tiền mà vợ Thiệu, vợ Khiêm, vợ Cao Văn Viên và vợ một số viên tướng tay chân gần gũi đút túi làm của riêng đã lên tới 500 triệu đôla. Chưa kể các vila ở nước ngoài, chỉ riêng biệt thự lộng lẫy ở đường Công Lý mà vợ Thiệu tậu năm 1972, đã lên tới chín triệu đồng tiền miền Nam, theo giá hối đoái chợ đen lúc ấy khoảng 400.000 đôla. Vợ Khiêm cũng vậy và còn hơn nữa. Đồng lõa trong tội ác, trong áp phe làm giàu suốt tám năm trời, vậy mà đùng một cái Thiệu gạt phắt Khiêm...

Không thấy Thiệu nhắc gì đến việc cất nhắc mình trong chính phủ mới, Đôn quyết định cho Thiệu một đòn cân não:

- Chọn Cẩn thuộc phái dân sự làm thủ tướng, Tổng thống đã giáng một đòn chí mạng vào giới quân sự, trong tình cảnh hiện tại...

Thiệu rất ranh ma, đọc được ngay ruột gan của Đôn. Vì vậy Đôn chưa nói hết lên lời, Thiệu đã tiếp luôn:

- Chính vì vậy tôi muốn anh ra làm Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Quốc phòng cho Cẩn - Không chờ Đôn nhận lời hay không, Thiệu giao việc luôn: - Anh tới ngay để bàn với Cẩn về chuyện chọn người cho nội các mới. Hôm qua, Hội đồng An ninh và Hội đồng tướng lĩnh trong phiên họp khẩn cấp đã bàn và quyết định kế hoạch phòng thủ Quân khu 3 và Sài Gòn. Tôi đã lệnh Cao Văn Viên thông báo cụ thể kế hoạch phòng thủ đó với anh.

Đôn đứng dậy cáo biệt. Trước lúc chia tay, Thiệu vỗ vai, ghé sát tai Đôn, nói nhỏ:

- Những tin tức ở London và lời của Thủ tướng Pháp, anh giữ kín cho. Nếu không nó có thể tiêu hủy nốt chút tinh thần còn lại trong những ngày gay go này.

Đôn nổ máy chiếc Peugeot. Nhưng thay vì về nhà, Đôn phóng thẳng tới nhà riêng của Nguyễn Bá Cẩn. Tham vọng chính trị và quyền lực đang sôi sục trong con người cơ hội từ trong máu của Đôn...[1].

1. Sau này, khi chạy sang sống lưu vong ở Mỹ, trong cuốn hồi ký *Cuộc chiến tranh không chấm dứt ở Việt Nam* do Nhà xuất bản Presidion xuất bản ở California (Mỹ) và London (Anh), Trần Văn Đôn đã thuật lại chi tiết cuộc gặp gỡ này và những ngày cuối cùng của Việt Nam Cộng hòa khi Đôn làm Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Quốc phòng.

14
THIỆU NHƯ NGỌN ĐÈN TRƯỚC GIÓ

Tiếng nổ dữ dội của quả bom tấn ngay trên nóc Dinh Độc Lập hất Thiệu ra khỏi ghế. Cửa phòng bật mở, gió thốc vào thổi tung công văn giấy tờ trên bàn.

- Cái chi vậy! - Thiệu thét lạc cả giọng, hốt hoảng chạy bổ ra khỏi phòng, mặt tái mét. Khói bom cuộn đen kịt, mù mịt ở ngoài vườn. Sĩ quan, binh lính bảo vệ dinh chạy nháo lên. Cận vệ vội kè nách đưa Thiệu xuống tầng hầm dưới cùng. Rất có thể máy bay sẽ quay lại ném bom lần nữa. Đến lúc này còi báo động của thành phố mới rú lên.

Xuống dưới tầng hầm sâu nhất, Thiệu vẫn chưa hoàn hồn. Mặc dù ở dưới này Thiệu không còn lo gì bom ném. Sau ngày Diệm đổ, Dinh Độc Lập được xây lại hết sức kiên cố, riêng mái được đổ bê tông cốt thép rất dày, bom nổ không thể xuyên phá.

Ngay sau khi bom nổ, Đặng Văn Quang và Hoàng Đức Nhã phóng xe tới Dinh Độc Lập. Thiệu mặt mày cau có, ra lệnh cho Quang, giọng run lên vì tức giận:

- Anh gọi điện ngay cho thằng Minh, thằng Bình, thằng Toàn, thằng Nghi và thằng Nam xem máy bay nào và từ đâu tới ném bom? Tụi nào âm mưu đảo chính? Thằng Nguyễn Cao Kỳ có dính vô không?

Nhưng Kỳ đã nhanh chóng tuyên bố không dính dáng gì vào vụ ném bom này. Kỳ phản ứng ngay tức khắc vì sợ Thiệu

nhân đó vu cho rồi bắt Kỳ, vì Kỳ vẫn có dinh cơ trong Tân Sơn Nhất, vẫn là tướng không quân, vẫn thỉnh thoảng chơi ngông cưỡi máy bay lượn trên bầu trời Sài Gòn. Nhưng Kỳ lại ỡm ờ nói với các hãng tin phương Tây rằng: "Hãy cứ chờ xem. Trong tình hình như thế này có trời mới biết chuyện gì sẽ xảy ra".

Trong lúc Quang gọi điện tứ tung đi các nơi thì Thiệu buông mình ngồi phịch xuống chiếc ghế bành bọc dạ đỏ. Nhã cắm cúi thu nhặt công văn, giấy tờ rơi vung vãi dưới nền nhà, trong đó có bản lưu tư văn ngày 6-4-1975, cách đây mới hai hôm Thiệu gửi riêng cho Cao Văn Viên và tờ tạp chí Mỹ số mới nhất ra ngày 7-4-1975 - tờ tạp chí mới chuyển đến, bao bì còn nguyên Thiệu chưa kịp đọc. Nội dung tư văn Thiệu gửi riêng cho Cao Văn Viên như sau:

"Thưa Đại tướng!

Từ trước đến nay đã có một nhu cầu thực sự của các quân đoàn, quân khu giáp ranh nhau cần được chỉ huy phối hợp trong các cuộc hành quân liên ranh và hỗn hợp để đạt được kết quả tối đa. Nay với diễn biến của tình hình quân sự lại còn có thêm nhu cầu khẩn thiết về chỉ huy phối hợp liên quân, để sử dụng các lực lượng thuộc lục, hải, không quân được thêm hữu hiệu.

Vì hai yêu cầu kể trên đồng thời để ứng phó với hiệu năng tối đa và kịp với tình hình, tôi nhận định nay Bộ Tổng tham mưu nên được cải tiến lại để ngoài nhiệm vụ quản trị và tham mưu thông thường sẽ đảm trách trực tiếp chỉ huy và phối hợp với các cuộc hành quân xét ra vượt khả năng và giới hạn của cấp quân khu, quân đoàn kể cả việc sử dụng không, hải quân trong vùng địch ngoài lãnh thổ các quân khu hiện có.

Ngoài ra, với sự thu hẹp của lãnh thổ hiện có và đến khi chúng ta có khả năng tái chiếm một cách đáng kể những phần đất đã mất, nếu thấy cần, trên cả hai phương diện hành quân

lưu động và an ninh lãnh thổ thì Đại tướng cứ cho nghiên cứu lại ranh giới giữa các quân khu hiện có và trình lên tôi. Ngay cả bên trong lãnh thổ mỗi quân khu, nếu xét rằng việc phân định thêm những "vùng trách nhiệm" hoặc "mặt trận" để giao cho nhiều vị tư lệnh QĐ-QK đảm trách sẽ mang lại thêm nhiều hiệu năng thì Đại tướng cứ tùy nghi quyết định hoặc ủy thác cho các vị tư lệnh QĐ-QK tự quyết định lấy.

Sài Gòn 6-4-1975

Tổng thống VNCH

Ký tên: Nguyễn Văn Thiệu"

Đặt mạnh ống nghe xuống máy điện thoại, Quang quay lại phía Thiệu:

- Tôi đã kiểm chứng ráo trọi. Không có cuộc đảo chính nào hết. Các đơn vị vẫn đâu ở đó. Thằng Minh cho biết máy bay vừa ném bom là chiếc phản lực cơ F.5, cất cánh từ sân bay Biên Hòa. Ném bom xong, tên phi công có tên Nguyễn Thành Trung đã lái máy bay ra vùng cộng sản, hiện chưa xác định được hắn đáp xuống phi trường nào? Minh nói thằng Kỳ không xía vô vụ này. Nhưng hắn lại nửa nạc nửa mỡ nói với Minh là những hành động tương tự như vậy sẽ còn xảy ra nhiều trong tương lai.

Thiệu vùng khỏi ghế. Sau phút hút chết, Thiệu đã hoàn hồn. Cái chính làm Thiệu yên tâm là đây chưa phải hành động mở đầu của một cuộc đảo chính. Chẳng hiểu Thiệu ra lệnh cho Quang hay cho Nhã nữa. Thiệu hùng hổ đi đi lại lại trong phòng, quát tháo om sòm:

- Loạn, loạn, loạn hết ráo trọi. Thằng Minh, thằng Lành (Tư lệnh và Phó tư lệnh không quân - *N.V*) là đồ ăn hại. Phải truy cứu ngay lai lịch tên phi công. Nó thuộc phe nhóm nào hay là cộng sản nằm vùng!

Đợi Thiệu nguôi cơn giận dữ, một lúc sau Nhã mới lên tiếng:

- Thưa Tổng thống! Để trấn an quân dân và để dư luận bớt xôn xao, theo tôi, nên có một thông báo ngắn của Phủ Tổng thống về vụ ném bom này?

- Đúng! - Thiệu đồng ý ngay. Thiệu giao cho Nhã: Anh hãy dự thảo ngay thông báo để đài Sài Gòn kịp phát thanh trưa nay. Anh cũng gọi cho Bộ Thông tin lệnh cho tất cả các báo ra chiều nay phải đăng toàn văn thông báo đó trên đầu trang nhất, cần thì đục bỏ bài để lấy chỗ.

Trong lúc Nhã cắm đầu soạn thảo bản thông báo thì Thiệu lệnh cho Quang:

- Anh triệu Hội đồng An ninh quốc gia họp ngay chiều nay.

Quang hỏi lại Thiệu:

- Tổng thống cho mời Thủ tướng mới dự họp luôn?

- Được, anh mời cả Nguyễn Bá Cẩn và Trần Văn Đôn - Ngừng một lát, sực nhớ tới Khiêm, Thiệu dặn thêm Quang - Anh nhớ mời cả Trần Thiện Khiêm. Nội các mới chưa ra mắt, Khiêm vẫn là Thủ tướng đương quyền. Nhớ cho các báo vào chụp hình đưa tin luôn!

Nghe Thiệu nói vậy, Quang ngớ người. Đây là lần đầu tiên trong phiên họp tuyệt mật của Hội đồng An ninh quốc gia, Thiệu cho gọi báo chí tới. Quang không hiểu, trong thâm tâm, sau cú chết hụt, Thiệu đang rất cần làm cho toàn thể "bàn dân thiên hạ" thấy là Thiệu vẫn đang vững vàng điều hành "công việc quốc gia".

Đúng 11 giờ trưa, đài Sài Gòn phát đi bản thông báo của Thiệu, bản thông báo do Hoàng Đức Nhã soạn thảo, Thiệu gần như không sửa gì, ngoài một câu cuối cùng thêm vào: "Tôi cương quyết tiếp tục lãnh đạo đất nước". Bản thông báo ngắn ấy như sau:

"Thưa đồng bào và anh chị em chiến sĩ, cán bộ toàn quốc!

Sáng nay, 8-4-1975, vào lúc 8 giờ rưỡi, một phản lực cơ F.5 của Không quân Việt Nam đã ném bom và bắn hỏa tiễn xuống Dinh Độc Lập, nhưng chỉ gây thiệt hại vật chất không đáng kể.

Nhờ ơn trên, tôi, gia đình và toàn thể nhân viên đều bình an vô sự.

Hiện nay tôi vẫn tiếp tục làm việc bình thường và điều khiển công việc quốc gia với Phó Tổng thống, Thủ tướng chính phủ, Đại tướng, Tổng tham mưu trưởng, các tư lệnh quân, binh chủng cũng như các tư lệnh quân đoàn và quân khu.

Tôi xác nhận với toàn thể đồng bào và anh chị em chiến sĩ, cán bộ toàn quốc rằng, hành động dội bom bắn phá vào Dinh Độc Lập sáng nay không phải là một cuộc đảo chính do một phần hoặc do toàn thể Quân lực Việt Nam Cộng hòa chủ trương mà chỉ là hành động của một phe nhóm...

... Tôi kêu gọi đồng bào hãy yên tâm sinh hoạt, làm ăn buôn bán như thường lệ... Tôi cương quyết tiếp tục lãnh đạo đất nước".

Thiệu kêu gọi mọi người "yên tâm sinh hoạt, làm ăn buôn bán như thường lệ". Nhưng ngay sau khi phát thông báo trên của Thiệu, đài Sài Gòn lại công bố lệnh của Tòa tổng trấn Sài Gòn - Gia Định quyết định "giới nghiêm 24/24 giờ trên toàn lãnh thổ Biệt khu Thủ đô". Bầu không khí hốt hoảng, rối loạn khơi dậy mạnh hơn sự bàn tán và thổi bùng cơn sốc tinh thần của toàn thành phố. Sài Gòn đã bị đẩy đến miệng hố của sự hoảng loạn. Trong không khí rối ren ấy, đúng 17 giờ chiều cùng ngày, Thiệu khai mạc phiên họp đặc biệt của Hội đồng An ninh quốc gia. Dự họp có: Trần Văn Hương, Phó Tổng thống; Nguyễn Bá Cẩn, Thủ tướng của nội các mới chưa ra mắt; Trần Văn Đôn, Bộ trưởng Quốc phòng của nội các mới; Vương Văn Bắc, Bộ trưởng Ngoại giao của nội các cũ được Thiệu và Cẩn mời tiếp

tục tham gia nội các mới; Bửu Viên, Bộ trưởng Nội vụ của nội các mới thay cho Lê Công Chất; Cao Văn Viên, Đại tướng, Tổng tham mưu trưởng; Đặng Văn Quang, Trung tướng, Cố vấn an ninh; Trần Văn Minh, Trung tướng, Tư lệnh không quân; Chung Tấn Cang, Đề đốc Tư lệnh hải quân và Nguyễn Khắc Bình, Trung tướng, Tư lệnh cảnh sát quốc gia. Lần đầu tiên phiên họp của Hội đồng An ninh quốc gia chẳng những được đưa tin, mà các thành viên dự họp còn được trương mặt ra trong một bức ảnh khổ lớn trên trang nhất các mặt báo. Trong ảnh, Thiệu mặc bộ lễ phục màu đen, ngồi chễm trệ ở ghế chủ tọa, đầu chải bóng lộn. Cũng lần đầu tiên sau nhiều năm Thiệu cầm quyền, trong một phiên họp Hội đồng An ninh quốc gia vắng mặt Trần Thiện Khiêm.

Tin Dinh Độc Lập bị ném bom gây chấn động trên trang nhất các báo ở cả Sài Gòn và phương Tây[1]. Báo chí Sài Gòn bị kiểm soát chặt chẽ, chỉ thông tin, không bình luận nhiều về sự kiện này. Hai ngày sau (ngày 10-4), báo *Độc Lập* và báo *Chính Luận* có đưa tin thêm về người ném bom Dinh Độc Lập như sau: "Viên phi công lái máy bay F.5 ném bom xuống Dinh Độc Lập sáng ngày 8-4 là Trung úy Nguyễn Thành Trung, thuộc Sư đoàn 3 không quân và phi cơ đã cất cánh từ sân bay Biên Hòa... Được biết phi cơ của Nguyễn Thành Trung được trang bị bốn

---

1. Báo chí Sài Gòn viết về vụ Dinh Độc Lập bị ném bom và phản ứng của Thiệu đăng trong các tập "Đọc báo Sài Gòn" số 077, 078, 079-TTX - ngày 10, 11, 12-4-1975 lưu tại Trung tâm - Thông tin Tư liệu Thông tấn xã Việt Nam.

Báo chí Mỹ và các nước phương Tây bình luận về vụ Dinh Độc Lập bị ném bom và Thiệu chết hụt in trong các tập "Tài liệu tham khảo đặc biệt" của Thông tấn xã Việt Nam số 083, 084, 085-TTX - ngày 10, 11, 12-4-1975.

quả bom 500 cân Anh. Trung úy Nguyễn Thành Trung sinh ngày 9-10-1947 tại Biên Hòa, có vợ và hai con hiện sống tại Biên Hòa. Trung úy Nguyễn Thành Trung phục vụ trong không quân từ ngày 1-6-1969, là một người trầm lặng và bình thường, không gây phiền hà đến một ai...". Cùng với tin Dinh Độc Lập bị ném bom, các báo đưa tin Tư lệnh Sư đoàn 3 bộ binh, Tướng Nguyễn Duy Hinh đã trốn thoát về tới Vũng Tàu chiều ngày 3-4 cùng với mấy sĩ quan. Nét mặt bơ phờ, thất thần của tướng Hinh chứng tỏ ông đã trải qua nhiều phen sinh tử trên đường tháo chạy từ Huế và Đà Nẵng trong cảnh tan rã, sụp đổ hoàn toàn của Quân đoàn 1 của Tướng Trưởng và của Sư đoàn 3 bộ binh do ông làm Tư lệnh... Các báo Sài Gòn còn đưa tin, lính của Sư đoàn thủy quân lục chiến được tàu hải quân đổ lên Vũng Tàu đã tự động bỏ chạy về Sài Gòn bằng mọi phương tiện. Bộ Tổng tham mưu phải lập một trạm kiểm soát ở đông nam Sài Gòn chặn tất cả lính thủy đánh bộ lại và đã tóm được cả Tướng Lan, Tư lệnh Sư thủy quân lục chiến trong đám loạn quân, bắt Lan phải tập trung và trang bị lại cho binh lính ông ta để dùng họ phòng thủ cho Sài Gòn. Tuy nhiên, báo chí phương Tây thì chỉ rõ hậu quả nghiêm trọng của việc Dinh Độc Lập bị ném bom và tiên đoán rằng thời khắc sụp đổ hoàn toàn của chính thể Việt Nam Cộng hòa đã cận kề. Sau một ngày Dinh Độc Lập bị ném bom, báo *Le Figaro* ngày 9-4 viết: "Chính là trên máy bay trở về Washington sau tám ngày vừa nghỉ lễ vừa làm việc mà các ông G. Ford và Kissinger đã được tin Dinh Tổng thống Nam Việt Nam bị oanh tạc. Họ khó mà chịu nổi cái vận hạn mới này: Không phải là đạn Liên Xô hoặc tên lửa Trung Quốc suýt nữa thì cho Tổng thống Thiệu về chầu diêm vương, mà đó là một quả bom của Hoa Kỳ, do một máy bay phản lực của Hoa Kỳ

ném xuống. Ngay cả khi cho đó là một hành động cá biệt thì nó cũng chứng tỏ Thiệu đã bị đe dọa tứ bề cùng một lúc và đang trở thành một kẻ chỉ còn chờ ngày xuống lỗ. Thế giới của G. Ford đang trong cơn nguy biến. Những phương thuốc màu nhiệm của bác sĩ Kissinger chẳng còn chữa trị được cho một ai. Và cả Quốc hội Mỹ vừa đi nghỉ về. Họ đã bắt mạch các cử tri. Kết quả là họ kiên quyết hơn bất cứ lúc nào chống lại mọi viện trợ quân sự mới cho Nam Việt Nam. Không ai muốn nhúng tay vào con tàu đang đắm". Còn *Les Echos* ngày 9-4 viết: "Thiệu cứ lì lợm bám lấy quyền bính. Nhưng với việc một máy bay của không lực Nam Việt Nam ném bom vào Dinh Độc Lập thì ông ta đã như cá nằm trên thớt. Tổng thống G. Ford tiếp tục đoán mò trong sa mạc, và Quốc hội Mỹ với việc Thiệu suýt chết vì bom Mỹ do máy bay phản lực của Thiệu ném vào dinh thự của Thiệu, đã càng quyết tâm phủ quyết mọi sự van nài cứu viện cho Thiệu...".

*

* *

Đêm nay Nhã không về, ở lại làm việc và nghỉ tại phòng riêng của mình trong Dinh Độc Lập. Lúc nhận được biên bản cuộc họp báo của Weyand nghe qua đài Hoa Kỳ, đã khuya, Nhã vẫn gọi điện báo cho Thiệu ở lầu trên biết. Từ phòng làm việc riêng, Thiệu qua phòng nghỉ ở phía sau gặp Nhã. Phòng làm việc riêng của Thiệu không một ai được bước chân vào. Những phiên họp Hội đồng An ninh quốc gia hoặc những lúc Thiệu bàn tính công việc với đám tay chân thân tín như Đặng Văn Quang, Cao Văn Viên, Nguyễn Khắc Bình... đều diễn ra ở phòng tình huống.

Riêng với Hoàng Đức Nhã, vì là chỗ cậu cháu, nên Thiệu thường tiếp Nhã ở phòng riêng của mình.

Cầm biên bản họp báo, Thiệu không xem ngay mà hỏi Nhã:

- Sao? Weyand về Washington được bốn ngày rồi, hôm nay (8-4) mới họp báo?

- Dạ thưa, Weyand sau khi về tới Washington đã đi ngay California để gặp Tổng thống G. Ford và Kissinger đang nghỉ ở đấy. Chiều tối hôm qua Weyand mới về lại Washington. Weyand đã gặp và trả lời câu hỏi của các nhà báo ngay sau khi ông ta kết thúc một cuộc họp kín với Ủy ban quân lực Thượng nghị viện!

- Anh tóm lược cho tôi những phát biểu chính của Weyand liên quan đến cuộc chiến của chúng ta!

- Thưa Tổng thống! Đây là cuộc họp báo khá dài. Các nhà báo đã hỏi Weyand về ba vấn đề: Thực tại và triển vọng của cuộc chiến tại Nam Việt Nam; việc Mỹ tiếp tục duy trì cầu hàng không cho Phnom Penh; sự an toàn của 6,7 nghìn người Mỹ ở Sài Gòn. Riêng với cuộc chiến tại Nam Việt Nam, Weyand nói rằng, Việt Nam Cộng hòa đang bị áp lực rất nặng nề và đang ở vào thời khắc khủng hoảng rộng lớn trong nỗ lực sinh tồn của mình; rằng Việt Nam Cộng hòa đang rất cần đến một cảm tưởng là vẫn được Hoa Kỳ ủng hộ, Việt Nam Cộng hòa sẽ không thể tự cứu, không thể tồn tại được nếu không có viện trợ bổ sung của Hoa Kỳ. Các nhà báo có chất vấn là liệu chúng ta có giữ vững được những phòng tuyến xung quanh Sài Gòn hay không? Weyand đã tránh trả lời thẳng vào vấn đề mà nói quanh co như thế này: "Không nghi ngờ gì cả là quân đội Sài Gòn sẽ chiến đấu. Họ đã trải qua một kinh nghiệm rất đau thương mà chính tôi đã từng gặp phải trong chiến đấu, đó là kinh nghiệm của sự rút lui. Bây giờ, họ đang có cơ hội chỉnh đốn lại hàng ngũ

và tôi nghĩ rằng họ sẽ chiến đấu. Ngoài việc đó ra tôi cho rằng chúng ta phải chờ xem".

Thiệu cau mày tỏ vẻ khó chịu. Thiệu hỏi Nhã:

- Sao, Weyand không nêu gì về quyết tâm của người Mỹ chặn đứng cộng sản lại? Không nêu cụ thể gì về vụ quân viện?

- Weyand không nêu cụ thể điều gì. Ông ta nói với các nhà báo rằng, những khuyến nghị của ông ta, Tổng thống G. Ford chưa có điều kiện cứu xét. Ngay cả Nam Việt Nam cần bao nhiêu viện trợ quân sự để có thể đứng vững, Weyand cũng xin lỗi các nhà báo là không thể nói được điều đó.

- Weyand tuyệt nhiên không đả động gì đến một hành động tái can thiệp vũ trang nào của Mỹ? - Thiệu hỏi lại Nhã, giọng có phần ngạc nhiên, lo lắng.

- Dạ, thưa không. Weyand tránh trả lời tất cả những câu hỏi liên quan đến vấn đề này. Chẳng hạn một nhà báo nhắc lại phát biểu của Tướng Brown tại Jakarta trong chuyến đi thăm Indonesia nói một sự can thiệp của Mỹ đang được thảo luận tích cực ở Washington và hỏi đấy có phải là một trong những kiến nghị của Weyand không, thì ông ta trả lời: "Tôi không thể bình luận gì về điều đó, vì tôi mù tịt về chuyện ấy". Một nhà báo khác thì hỏi thẳng liệu có chuyện đổ bộ lính thủy đánh bộ, hoặc một số việc đại loại như vậy để bảo đảm an toàn cho người Mỹ ở Sài Gòn không? Weyand đã cười và nói một cách khôi hài: "Ai, chẳng lẽ tôi, Tham mưu trưởng lục quân muốn đổ bộ lính thủy đánh bộ à?".

- Thế có nghĩa... - Thiệu không nói hết câu. Thiệu buông lửng ở đó và với tay rút điếu xì gà. Nhã xòe bật lửa châm thuốc cho Thiệu, Thiệu rít một hơi, đi đi lại lại một chập rồi tới cuối phòng nơi có treo bức tranh sơn dầu khá lớn vẽ cảnh chị em Thúy Kiều, Thúy Vân mặc quần áo tân thời, e lệ đứng bên Kim Trọng

và Vương Quan đội mũ cánh chuồn, mặc áo thụng xanh. Những lúc căng thẳng Thiệu thường đứng một hồi lâu ngắm tranh cho đỡ nhức đầu, đôi lúc Thiệu còn giở cả trò bói Kiều.

Biết tính Thiệu, Nhã không hỏi gì, y ngồi lặng lẽ hút thuốc. Một lúc sau Thiệu quay lại ngồi cạnh Nhã. Nhã cầm tờ tạp chí *Newsweek* (Tuần tin tức Mỹ) số ra ngày 7-4, y hỏi Thiệu:

- Tổng thống có đọc tạp chí này?

Thiệu không trả lời mà hỏi lại Nhã:

- Anh đã đọc! Có gì đáng lưu tâm trong đó?

Dạ, thưa Tổng thống, đây là số chuyên đề của *Newsweek* về tình hình chiến cuộc tại Nam Việt Nam. Bài của Robert Thompson trả lời phỏng vấn Peter Cop, phóng viên tạp chí này rất đáng lưu ý.

- À Robert Thompson, tôi biết - Thiệu vừa nói vừa vỗ vỗ tay vào trán - R. Thompson nguyên là Trưởng phái đoàn cố vấn Anh quốc tại Sài Gòn, sau đó là bạn tri kỷ của các Tổng thống Mỹ John K. Kennedy và R. Nixon. Tôi có tiếp chuyện y vài lần.

Nhã bổ sung thêm:

- Robert Thompson hiện nay là cố vấn của Cơ quan Nghiên cứu chiến lược Mỹ "Tan Corporation". R. Thompson vừa trở về London sau chuyến đi thăm Nam Việt Nam lần thứ 20 trong vòng 10 năm qua.

- Sao, R. Thompson đã nói những gì? Anh đọc cho tôi vài câu trả lời quan trọng nhất của hắn.

- Bài này *Newsweek* đăng ở vị trí trang trọng nhất của tờ tạp chí với đầu đề lớn "Đừng tin ở Mỹ". R. Thompson đã đề cập đến sự tan rã của quân đội Nam Việt Nam tại các Quân khu 1, Quân khu 2 và ảnh hưởng của sự kiện này với các đồng minh của Mỹ ở khắp thế giới. Những câu hỏi và trả lời của bài phỏng vấn này rất đáng quan tâm. Chẳng hạn Peter Cop hỏi: Liệu Hà Nội

có sẽ cố gắng "cắt tiết" luôn trong năm nay hay là còn củng cố những thắng lợi của họ?

R. Thompson trả lời: - Tôi tin rằng Hà Nội sẽ làm tới để kết thúc nếu như họ có thể làm được điều đó trong năm nay!

Peter Cop hỏi: - Gần đây ông có nói rằng chính sách đối ngoại của Mỹ giống như cuộc rút lui của Napoleon khỏi Moscow - con đường la liệt xác chết. Nói như vậy có quá đáng không?

R. Thompson trả lời: - Không. Tôi nghĩ rằng nó không quá đáng một chút nào cả. Thực ra đã có nhiều xác chết, nhiều hơn cả trên con đường Napoleon rút lui khỏi Moscow. Phần kết thúc của cuộc rút lui sẽ là sự đầu hàng của nước Mỹ trên thực tế.

Peter Cop hỏi: - Nếu như ông phải viết một tấm mộ chí về tất cả những chuyện này thì ông sẽ nói gì?

R. Thompson trả lời: - Bài học duy nhất rút ra từ cuộc chiến tranh Việt Nam là: Đừng tin vào nước Mỹ như là một đồng minh.

- Bài trả lời phỏng vấn của R. Thompson rất có giá trị. Nó dài, nhưng chỉ mấy câu hỏi và trả lời đó, theo tôi cũng đủ chỉ rõ thực trạng của tình hình - về cuộc chiến cũng như về thái độ của nước Mỹ.

Nghe Nhã nói, Thiệu gật gù, trầm ngâm suy nghĩ. Hút hết điếu thuốc, quăng chiếc tẩu trên bàn, Thiệu quay lại hỏi Nhã:

- Theo anh thì người Mỹ đã bỏ cuộc?

- Đúng như vậy, thưa Tổng thống! Không thể nghe những điều người Mỹ nói mà phải xem những điều người Mỹ làm. Trước những sự kiện bi thảm ở Quân khu 1, Quân khu 2, người Mỹ đã có hành động đáng kể gì? Theo tôi, hành động đáng kể nhất là việc họ hăm hở nhận nuôi lũ trẻ mồ côi. Còn chuyện máy bay vận tải chở mấy khẩu pháo xuống Tân Sơn Nhất, chẳng qua chỉ là giọt nước nhỏ xuống bãi sa mạc khô cằn. Cái đó đâu có thể hiện được ý chí của người Mỹ muốn tiếp tục cuộc chiến này.

- Chiếc máy bay đầu tiên chở lũ trẻ con bị tai nạn. Nghe nói đã chết hết!

- Vâng! Ngày 5-4, chiếc C.5 Galaxy đã rơi tan xác, 243 trẻ mồ côi chết hết. Thế nhưng chiếc máy bay thứ hai vẫn cất cánh và đã về đến Mỹ. Tổng thống G. Ford đã đích thân ra tận chân cầu thang máy bay, tay ôm lũ trẻ và toét miệng cười cho phóng viên chụp ảnh, quay phim làm rùm beng nước Mỹ - Nhã đưa cho Thiệu xem bức ảnh G. Ford chụp với trẻ mồ côi Việt Nam đăng to tướng trên tờ *Newsweek* - Y nói, giọng cay chua - Đây là một trong những hình ảnh cuối cùng về sự dính líu của người Mỹ với cuộc chiến tại Nam Việt Nam!

Thiệu không nói gì. Lúc Nhã đứng dậy định cáo biệt, Thiệu kéo Nhã ngồi xuống. Mặc dù trong buồng chỉ có hai người, Thiệu vẫn ghé sát Nhã và nói rất nhỏ:

- Anh thu xếp lẹ để đi Đài Bắc. Vài bữa là cùng phải lên đường. Cần sang lo gấp công chuyện ở bên đó.

Nhã hiểu ngay Thiệu nói chuyện gì. Nhã trách Thiệu:

- Chuyện này lẽ ra Tổng thống phải tính từ sớm. Tôi vừa được mật báo Trần Thiện Khiêm đã gửi rất nhiều tài sản sang Paris. Trần Văn Đôn vừa ở London về cho biết, vừa qua, sứ quán ta ở Paris một lúc nhận được hàng chục hòm xiểng, tổng cộng nặng tới 9 tấn. Các hòm này từ Sài Gòn chuyển sang Paris trên máy bay của Hãng hàng không Pháp, không dán nhãn hiệu đề tên người gửi và người nhận. Đại sứ Nguyễn Duy Quang có họ với vợ Khiêm phải đánh điện hỏi, và Khiêm đã phải gửi thư riêng để giải thích. Chỉ riêng khoản tiền chuyên chở Khiêm đã ngốn mất 800.000 đôla công quỹ. Trần Văn Đôn còn cho biết, tất cả những bưu kiện trên đều được chuyển về để ở tòa biệt thự lớn của Khiêm ở Vincennes, ngoại ô Paris. Không chỉ Khiêm mà nhiều nhân vật tai to mặt lớn khác, đã lặng lẽ chở

của nả ra nước ngoài. Hơn nữa, họ còn tính sẵn chuyện rời khỏi đất nước này.

- Không sao, anh yên tâm. Mọi việc tôi đã tính - Thiệu vỗ vỗ vai Nhã - tôi đã có thư dặn riêng anh Kiểu, từ giữa tháng trước anh Kiểu đã về ở hẳn Đài Bắc để lo công chuyện.

- Ngoài Đài Bắc, tôi có thể đi thêm một số nước Đông Nam Á? - Nhã hỏi Thiệu.

- Anh có thể đi thêm một, hai nước nhưng nhớ là phải xong chuyện ở Đài Bắc và cũng còn phải tùy tình hình cuộc chiến.

Nhã đứng dậy cáo biệt. Ra tới cửa phòng, nán lại một chút, Nhã nói với Thiệu:

- Tổng thống cũng phải dè chừng Trần Thiện Khiêm. Khiêm đã bị gạt khỏi chức Thủ tướng nhưng vẫn còn nhiều vây cánh, Tổng thống xử không khéo Khiêm rất dễ bị những phần tử chống đối lôi kéo.

Chiều nay khi Khiêm cố tình không tới họp Hội đồng An ninh quốc gia, Thiệu đã giật mình. Nay Nhã nhắc, Thiệu thấy càng phải thận trọng với Khiêm hơn. Tốt nhất - Thiệu nghĩ, nên cử Khiêm giữ một chức vụ gì đó để Khiêm đừng có mặc cảm bị bỏ rơi và cột chân Khiêm lại. Nghĩ vậy, nhưng Thiệu cứ chần chừ mãi. Mười ngày sau, ngày 18-4, ba ngày trước khi từ chức và chạy khỏi Nam Việt Nam, Thiệu mới ký sắc lệnh bổ nhiệm Khiêm giữ chức "Cố vấn Tổng thống Việt Nam Cộng hòa". Còn chuyện Khiêm gửi tài sản sang Paris, Thiệu đã biết từ lâu. Nguyễn Tấn Trung, Giám đốc Hãng hàng không Việt Nam, thông gia với Thiệu và có họ với Khiêm về đằng vợ đã cho Thiệu biết, nhưng Thiệu đã đi trước Khiêm một bước. Ngay từ đầu tháng 2-1975, Mai Anh, vợ Thiệu đã bí mật chuyển tài sản sang Đài Bắc. Những chuyến bay của Hãng hàng không Việt Nam, trong khoang máy chất đầy của cải mà vợ chồng Thiệu vơ vét

được đã liên tục bay qua Đài Bắc. Mai Anh còn cho chở theo những đồ vật quý hiếm nhất trong Bảo tàng cổ vật Sài Gòn. Sau này khi mở cuộc bán đấu giá, những kẻ phỗng tay trên số tài sản này của Thiệu mới vỡ lẽ là đồ giả, đồ thật đã bị bọn buôn lậu đồ cổ đánh tráo ở Bảo tàng cổ vật Sài Gòn từ lúc nào không hay. Vì sao Thiệu chọn nơi gửi gắm tài sản là Đài Bắc, mà không phải là Thụy Sỹ, nơi con trai Thiệu đang du học và là nơi Thiệu có cả một vila riêng ở đó? Vốn bản chất quỷ quyệt và đa nghi, Thiệu không chỉ tính một mà tính đến mấy nước cờ. Tưởng Kinh Quốc, con trai Tưởng Giới Thạch, Thủ tướng Đài Loan vốn là anh em kết nghĩa với Thiệu. Thiệu và Tưởng Kinh Quốc cùng học với nhau ở Học viện quân sự Ford Leonad Wood của Mỹ, sau đó cùng đi thực tập nghiên cứu "chiến lược chống cộng" ở Malaysia và Philippines. Ngày 17-6-1964, Thiệu cầm đầu phái đoàn quân sự Sài Gòn sang thăm Đài Loan và hội đàm với Tưởng Kinh Quốc lúc đó là Bộ trưởng Quốc phòng. Rồi gặp gỡ với cả Tưởng Giới Thạch. Thiệu và Tưởng Kinh Quốc đã từng thề bồi sống chết có nhau. Thiệu phải gọi Tưởng Kinh Quốc bằng anh vì Quốc nhiều tuổi hơn. Ngày Tưởng Giới Thạch chết, Thiệu đã chỉ thị cho báo *Dân Chủ* dành đến mấy số liền đăng ảnh, viết bài ca ngợi Tưởng Giới Thạch là "anh hùng dân tộc", là "một trong những nhân vật lỗi lạc nhất của thế giới tự do". Tháng 4-1973, sau chuyến thăm Mỹ gặp Tổng thống Nixon và đi một số nước Tây Âu, trên đường về Thiệu ghé qua Đài Bắc. Tưởng Kinh Quốc đã tới thăm Thiệu, hàn huyên suốt một giờ rưỡi cho tới lúc Thiệu ra chuyên cơ bay về Sài Gòn. Thiệu đã cử Nguyễn Văn Kiểu, anh ruột làm Đại sứ lưu động ở Đông Nam Á, đóng trụ sở chính tại Đài Bắc để lo toan mọi chuyện. Nếu phải chạy trốn thì sống ở đâu? - Chuyện đó Thiệu cũng đã xếp đặt. Thiệu không thể sống ở các nước Đông Nam Á, vì quá gần Nam Việt Nam, cũng không thể sống ở Mỹ, ở

Pháp, nơi có nhiều Việt kiều và không thiếu những kẻ cừu hận với Thiệu. Toan đi tính lại, Thiệu quyết định chọn London để sống lưu vong và Đài Bắc là điểm dừng chân đầu tiên. Từ Đài Bắc xin thị thực nhập cảnh xong, Thiệu sẽ đi London với toàn bộ số của cải đã gửi sẵn sang Đài Bắc của mình...

*

* *

Hai ngày sau khi Dinh Độc Lập bị ném bom, ngày 10-4-1975, trong bài diễn văn chuẩn bị trước đọc tại một phiên họp liên tịch của Quốc hội về những vấn đề đối ngoại của Mỹ, Tổng thống G. Ford đã phải ngậm ngùi rơi nước mắt cầu xin Quốc hội Mỹ hãy cố thêm một lần rủ lòng thương cứu vớt Thiệu, cứu vớt Việt Nam Cộng hòa - "người bạn đồng minh cồng kềnh" của Hoa Kỳ đang trong cơn giãy chết. Tổng thống G. Ford nói:

"... Một thảm họa lớn của con người đã giáng xuống bè bạn chúng ta ở Nam Việt Nam... Ai mà có thể quên đi được những hy sinh to lớn của chúng ta về máu, về nhân lực và tiền của ở Nam Việt Nam. Năm Tổng thống và bảy khóa Quốc hội Mỹ đã dính líu vào đây, hàng triệu người Mỹ đã phục vụ, trên 50.000 người đã chết, nhiều người bị thương và mất tích trong cuộc chiến tranh này. Và chúng ta, Quốc hội của nước Mỹ đã chuẩn chi 150 tỷ đôla cho cuộc chiến tranh đó...

Một là nước Mỹ không thể làm được gì hơn nữa, Chính phủ Việt Nam Cộng hòa hãy tự cứu lấy mình và cứu lấy những gì còn lại trên lãnh thổ của họ nếu họ có thể? Chúng ta hãy nhắm mắt phủi tay khỏi toàn bộ vấn đề nếu chúng ta có thể làm được như vậy. Hay là mặt khác, tôi có thể yêu cầu Quốc hội cho tôi được quyền làm cho Hiệp định Paris phải được thi hành...

Tôi đã nhận được một báo cáo đầy đủ của tướng Weyand, người đã được tôi phái sang Việt Nam để đánh giá tình hình. Tướng Weyand có ý kiến rằng, tình hình quân sự hiện nay là nghiêm trọng, nhưng Nam Việt Nam vẫn tiếp tục tự bảo vệ với tất cả khả năng họ có trong tay. Nhưng muốn có khả năng trong kế hoạch phòng thủ của họ, thì Nam Việt Nam gấp rút cần được Mỹ cung cấp cho 722 triệu đôla và một số loại đồ tiếp tế quân sự rất cụ thể... Vì vậy tôi yêu cầu Quốc hội chuẩn chi ngay không trì hoãn 722 triệu đôla và bước đầu chuẩn chi cho một số tiền là 220 triệu đôla viện trợ kinh tế nhân đạo cho Nam Việt Nam...".

Sau khi đã cảnh cáo tới năm lần rằng "không phải bỗng chốc nước Mỹ trở thành một người khổng lồ đáng thương và vô dụng đâu", G. Ford kết thúc bài diễn văn dài 44 phút của mình bằng những lời lẽ rỗng tuếch và hoa mỹ: "... Các nghị sĩ, quốc dân, đồng bào, giờ phút bi thảm này của Đông Dương là giờ phút thử thách đối với chúng ta. Chúng ta hãy chấm dứt tình trạng tự mình làm tổn thương mình. Chúng ta hãy nhớ rằng đoàn kết quốc gia là tài sản vô giá. Chúng ta không cho phép kẻ địch dùng vấn đề Nam Việt Nam làm cho người Mỹ chống lại người Mỹ...

Ngày nay lịch sử đang thử thách chúng ta. Chúng ta không được phép do dự, không được phép không thống nhất và nản lòng. Trước mắt tôi là một nước Mỹ đầy tự tin, tin chắc ở sức mạnh và những giá trị của mình và quyết tâm gìn giữ sức mạnh và những giá trị của mình.

Trước mắt tôi là một nước Mỹ hòa hợp, đang dang rộng cánh tay với các đồng minh cũng như với kẻ địch, hình thành nên những quan hệ hợp tác để giải quyết những vấn đề lớn lao đang đặt ra trước mắt chúng ta.

Trước mắt tôi là một nước Mỹ giàu lòng bác ái, mở rộng lòng thương với các trẻ mồ côi, tới những người tị nạn và tới những con người là nạn nhân của chiến tranh... Tinh thần nước Mỹ tốt đẹp, trái tim nước Mỹ lành mạnh. Chúng ta hãy tự hào về những gì chúng ta đã làm và tin tưởng những gì chúng ta có thể làm. Cầu Chúa chỉ bảo cho chúng ta làm những gì là đúng"[1].

Thế nhưng G. Ford chẳng đánh lừa được ai. Bài diễn văn mà các cố vấn đã mất không biết bao nhiêu công sức soạn thảo với cả tá biện pháp liên quan đến quan hệ giữa Mỹ với các nước trên thế giới, cũng không sao kích động được "tinh thần nước Mỹ". Các nghị sĩ Quốc hội sau kỳ đi nghỉ lễ phục sinh, bắt mạch các cử tri của mình, đã dứt khoát nhắm mắt phủi tay cho qua đi mọi chuyện. Không phải diễn văn của G. Ford, mà chính là sự bỏ rơi thẳng cánh của Quốc hội Mỹ đã dành được sự đồng tình của các cử tri và báo chí Mỹ. Bình luận về bài diễn văn của G. Ford, các báo Mỹ viết:

"Những lời lâm ly, thống thiết của Tổng thống G. Ford là những lời kêu gào trên bãi sa mạc hoang vắng... Trong lúc Quốc hội quyết vùng lên giành quyền quyết định về chính sách để chặn đứng những hành động của Chính phủ định dấn sâu vào cuộc phiêu lưu vô vọng, đầy kinh hoàng và đẫm máu... Còn nhân dân Mỹ thì đã chán ngán lắm rồi đối với sự dính líu của Mỹ tới Nam Việt Nam. Nhân dân cảm thấy họ đã bị lừa dối quá nhiều và không muốn một lần nữa lại rơi vào những lời gạ gẫm và cạm bẫy mới của Chính phủ giăng ra. Sự nghiệp ở đó (Nam Việt Nam) coi như sụp đổ tan tành rồi. Sự sụp đổ đó đã làm tan

---

1. Diễn văn của Tổng thống Mỹ G. Ford đọc trước Quốc hội Mỹ ngày 10-4-1975, Thông tấn xã Việt Nam dịch in toàn văn trong tập "Tài liệu tham khảo đặc biệt" số 085-TTX- ngày 12-4-1975.

vỡ ảo tưởng hai mặt của những phần tử diều hâu cũng như bồ câu rằng có thể thắng cuộc chiến tranh bằng quân sự hoặc thua cuộc chiến tranh trong danh dự... Sự chối bỏ thắng thừng - sự cáo chung bất hạnh - sự tận số khủng khiếp... cũng vậy cả thôi. Nhưng rồi nước Mỹ có vượt qua khỏi khung cảnh ảm đạm của cuộc chiến tại Nam Việt Nam để tránh bớt sự ngây thơ, khờ dại và có một cái nhìn thực tế hơn về quyền lực và vai trò của mình trên thế giới hay không thì lại là chuyện khác...".

*

* *

Dinh Độc Lập lại bị ném bom, phản ứng yếu ớt của Nhà Trắng, sự lạnh nhạt của Quốc hội Hoa Kỳ, cuộc tháo chạy của người Mỹ khỏi Nam Việt Nam bắt đầu, tình hình tồi tệ của quân đội Sài Gòn trên những vùng đất còn lại... những sự thật phơi trần một cách phũ phàng đó đã phủ thêm bóng đen đầy nghi ngờ, sợ hãi lên thành phố. Sự tê liệt về ý chí, hành động của chính quyền Thiệu đã đẩy nhanh cuộc sống của cái thành phố 4,5 triệu người này tới sự hỗn loạn hoàn toàn và sự sụp đổ nhanh chóng. Thành phố thực hiện lệnh giới nghiêm từ 9 giờ đêm đến 6 giờ sáng hôm sau. Ngay sau khi Dinh Độc Lập bị ném bom, giá gạo, giá vàng, giá đôla tăng vọt. Các bà nội trợ nháo nhào đi mua gạo, mắm muối dự trữ ba tháng. Trong lúc các nhà kinh doanh hối hả chuyển tiền từ ngân hàng Việt Nam sang các chi nhánh ngân hàng nước ngoài thì hàng vạn người chen nhau rút tiền. Cửa sắt chính của tất cả các ngân hàng tại Sài Gòn đã đóng sập và chỉ để một cửa nhỏ hé mở ở bên nách. Lính thủy đánh bộ đã tới đóng, biến ngân hàng thành các pháo đài kiên cố. Lính quân cảnh đầu đội mũ sắt, máy bộ đàm đeo ở

thắt lưng rải đầy trước cửa các ngân hàng, giữ trật tự cho từng người một vào bên trong rút tiền. Người vào rút tiền phải đi giữa hai hàng lính gác. Cứ mỗi người ở trong ngân hàng bước ra vừa đặt chân tới vỉa hè là thân nhân đã ùa tới:

- Rút được chưa?

- Được rồi!

Thế là vội vã túm kéo nhau đi trước cái nhìn thèm khát của cả trăm người đang chen lấn chờ đến phiên mình. Tiền rút ra quá nhiều. Những giấy 500 đồng mới toanh bắt đầu lấn chiếm thị trường tiền tệ. Ngân hàng nào cũng rút giấy "500 con cọp" trả cho khách, lãnh trọn 500 ngàn thế nào cũng vớ được nguyên một cọc có cả dấu đóng, mùi tiền thơm mực mới. Những người có chút ít tiền nói với nhau: "Chạy đâu cho thoát. Rút tiền thủ thân nằm lại Sài Gòn cho khỏe, chờ xem tình thế ra sao rồi sẽ liệu".

Chợ Bến Thành thường ngày náo động, nhộn nhịp, giờ như chìm trong ảm đạm. Dọc theo các con đường lớn nổi tiếng nhiều khách vãng du xưa nay như Lê Lợi, Tạ Thu Thâu, người ta chỉ thấy những cái ngáp vặt của những người bán hàng. Các quán nhậu vắng hoe. Các tiệm buôn bán lớn thi nhau gắn thêm cửa sắt. Chưa bao giờ nạn bán nhà, bán xe, bán đồ đạc lại diễn ra ồ ạt và với giá rẻ mạt như thế này. Chỉ có vàng, đôla, Mỹ đen, Mỹ trắng là tăng giá vù vù. Các luật sư được phen vớ bẫm vì làm một tờ hôn thú gấp cho một cô gái lấy người Mỹ nào đó, được trả tới 100.000 đồng, gấp cả năm, bảy lần mọi khi. Sau khi Xuân Lộc thất thủ, giá một tấm hộ chiếu kèm theo thị thực xuất cảnh được trao dưới gầm bàn từ 500 đôla tăng vọt lên 3.000 đôla. Với tư cách là Cố vấn an ninh của Thiệu, Đặng Văn Quang nắm lấy thẩm quyền cấp giấy xuất cảnh nước ngoài với cái giá phải trả cho Quang là 5.000 đôla một thẻ thông hành. Tới lúc cuộc di tản trở thành cuộc tháo chạy tán loạn thì Quang đã nâng giá thẻ

thông hành và giấy xuất cảnh lên tới 20.000 đôla. Bất cứ ai - ngay cả vợ con của các nghị sĩ, thẩm phán - cũng đều phải nộp tiền cho Quang. Đám tay chân của Thiệu, Quang trong sở cảnh sát đô thành đêm đêm đem vũ khí tới tống tiền các nhà giàu, chủ tiệm buôn vàng bạc để cướp đoạt vàng và đôla, nói là để "chi phí cho việc tăng cường phòng thủ Sài Gòn", nhưng thực ra là cuỗm cho đầy túi rồi chuồn ra nước ngoài. Tòa đại sứ Mỹ lúc nào cũng đông nghịt người di tản bu quanh. Một món hàng khác đắt khách không kém phải kể tới là nghề đóng tàu. Thợ đóng tàu làm không kịp thở. Giá một chiếc tàu nhỏ có thể chở tới 10 người ra khơi từ 10 triệu tăng vọt lên 100 triệu đồng. Vàng, đôla tăng giá vùn vụt. Một lạng vàng giá 200 ngàn đồng (tăng gần gấp hai lần ít ngày trước) cũng không có mà mua. Chưa bao giờ nạn bán tháo nhà cửa, xe cộ, đồ đạc lại ồ ạt rẻ như bèo. Một ngôi nhà bốn tầng, diện tích mặt bằng 70m^2, ngay mặt tiền đường Trương Minh Giảng rao giá chỉ có 3 triệu đồng. Trong lúc đó vali nhỏ lại trở thành món hàng đắc dụng, giá tăng từng giờ. Mọi người ùn ùn đi mua vali về, rồi lại thắc mắc mua vali làm gì, đi đâu... Rồi lại tự an ủi mình cứ có trong tay đã, để phòng cũng tốt.

Sau vụ ném bom Dinh Độc Lập, ngoài quân cảnh, cảnh sát dã chiến, lực lượng giữ an ninh công cộng ở Sài Gòn giờ đây tăng thêm cả ngàn sinh viên dự bị, sĩ quan của Trường bộ binh Long Thành, nguyên là Trường bộ binh Thủ Đức. Những cơ quan đầu não được bố trí đông đặc lực lượng an ninh. Không một ai có thể tới gần Dinh Độc Lập, vì có tới ba lần hàng rào và công sự ngăn chặn bên ngoài. Trong khi ở trong vườn Dinh, chỗ nào cũng lố nhố bóng lính đội mũ sắt hối hả xây dựng lô cốt, đào hầm hào bên những khẩu súng phòng không. Bộ Tổng tham mưu đã lệnh cho quân cảnh bắn bỏ tại chỗ những ai không chịu

tuân lệnh khi lực lượng an ninh làm công việc kiểm soát thành phố. Tại các ngả đường vào Sài Gòn, những chướng ngại vật chặn xe tăng được dựng lên và mỗi lúc được tu bổ thêm vững chắc. Ngay đầu cầu Thị Nghè bên kia Sở thú đã có tới sáu ụ cao hơn ba mét. Đường từ miền tây về ngả Phú Lâm, từ Tây Ninh đổ xuống lối Hoóc Môn, từ Nhà Bè chạy vào khu Phú Xuân, từ Biên Hòa, Vũng Tàu đến ngay xa lộ... tất cả đều được dựng rào cản một cách quy mô. Trong thành phố, xe ủi và máy xúc đất làm việc liên hồi, hất ra từng tấn, từng tấn đất và sỏi đá. Những đoàn người bị cảnh sát xua ra xúc đất, đá chất đầy ra xe rồi kéo tới đổ đầy những thùng phuy lớn. Những thùng phuy này được buộc với nhau bằng những dây cáp xếp ngang đường phố chính thành những bức tường, như tòa đô chánh gọi là "những chiến lũy chặn chiến xa nếu cộng sản quyết tâm đánh vào thành phố". Sài Gòn bên trong chẳng khác gì một trại lính khổng lồ, với những công sự bao quanh. Chưa thực sự bị tiến công, Sài Gòn đã vội hốt hoảng tạo cho mình một bộ mặt của một thành phố bị vây hãm. Khắp mọi nơi, góc phố nào, chỗ nào - dù to hay nhỏ cũng thấy những cuộn dây thép gai lớn giăng ra, bên cạnh những lôcốt được xây dựng một cách vội vàng. Những chiếc cầu nhỏ nhất bắc qua một nhánh sông con cũng có lính gác mang đầy vũ khí, có chỗ ẩn nấp rất tốt trong các boongke xi măng hay những hầm hào sau những bức tường bao cát. Trong không khí chờ đợi của chiến tranh, Sài Gòn vất vưởng sống qua ngày. Công việc làm ăn của các nhà máy, xí nghiệp gần như đình trệ. Ngay cả công cuộc tìm kiếm giếng dầu tại thềm lục địa cũng không còn hấp dẫn nữa. Các công ty dầu khí Pecten - Việt Nam, Mobil - Việt Nam đã đóng cửa và đang rục rịch gỡ hết các giàn khoan ngoài khơi. Mặc dù mới hồi tháng 10-1974, Pecten, một chi nhánh thuộc tập đoàn dầu khí của Mỹ đã hào hứng loan

báo chỉ một giếng dầu mà Pecten khoan thăm dò đã có khả năng cung cấp tới 1.514 thùng dầu thô mỗi ngày...

*

* *

Trong "cơn sốt ác tính" hầm hập của sự khủng hoảng ấy, ngày 11-4-1975, Nguyễn Bá Cẩn bắt đầu tiếp xúc với các nhân vật tại nhà riêng để thành lập nội các. Nguyễn Tiến Hưng, Tổng trưởng phát triển kế hoạch và kinh tế của nội các Trần Thiện Khiêm được mời làm việc trong chính phủ mới với nguyên chức vụ nhưng nhiều trọng trách hơn. Và Hưng đã mau mắn nhận lời. Trong cuộc họp này, Cẩn nêu vấn đề để các thành viên xem xét về việc tổ chức lại Sài Gòn nhằm trước mắt giải quyết vấn đề làn sóng người di tản và đề phòng trường hợp bị tiến công trực diện. Trong lúc nghỉ giải lao Cẩn mời Hưng vào phòng riêng để hỏi về vấn đề mượn tiền của Mỹ trong chương trình "vay viện trợ". Cẩn thống nhất với Hưng là nên trình Thiệu thảo gấp một thư khẩn thiết gửi Tổng thống Mỹ G. Ford cầu xin kéo lùi thời gian biểu quyết của Quốc hội Mỹ về khoản viện trợ quân sự 722 triệu mỹ kim và nêu đề nghị vay viện trợ cho Nam Việt Nam...

Nhằm lên dây cót tinh thần và trấn an mọi người, nội các mới của Cẩn đồng ý xuất hiện trên truyền hình để trình bày những biện pháp cung cấp thực phẩm và giữ gìn trật tự an ninh cho Sài Gòn. Nhưng trước khi lên truyền hình, Cẩn lại nói riêng với Hưng là rất khó trấn an được dân chúng, bởi người Mỹ đã bắt đầu xây bãi đáp trực thăng trên các cao ốc để chuẩn bị cao chạy xa bay rồi.

Buổi họp kéo dài đến tận đêm mà chẳng giải quyết được

việc gì. Cuối cùng Cẩn đưa ra thời biểu là nội các sẽ họp lại vào ngày nghỉ cuối tuần.

Sáng ngày 14-4-1975, tại phòng khánh tiết Dinh Độc Lập, nội các mới do Nguyễn Bá Cẩn đứng đầu làm lễ trình diện Thiệu và Trần Văn Hương, Phó Tổng thống. Nội các của Cẩn gồm 38 người, tám người trong đó đã từng tham gia nội các cũ của Trần Thiện Khiêm là: Trần Văn Đôn (Phó Thủ tướng đặc trách Tổng thanh tra kiêm Bộ trưởng Quốc phòng); Nguyễn Văn Hảo (Phó Thủ tướng đặc trách sản xuất kiêm Bộ trưởng Canh nông và Kỹ nghệ); Dương Kích Nhưỡng (Phó Thủ tướng đặc trách chương trình tị nạn); Vương Văn Bắc (Bộ trưởng Ngoại giao); Lê Văn Điệp (Bộ trưởng Thương mại và Tiếp tế); Lê Quang Trường (Bộ trưởng Tài chính); Đoàn Minh Quang (Thứ trưởng Canh nông); và Phan Hòa Hiệp, Chuẩn tướng (Tổng trưởng Thông tin Chiêu hồi). 30 nhân vật còn lại là những "khuôn mặt mới toanh" không biết Cẩn đào bới ở đâu ra. Tất cả xếp thành ba dãy hàng ngang, nghiêm chỉnh trình diện trước Thiệu và Hương. Thiệu người tầm thước, hơi thấp, mặc lễ phục màu đen, đầu chải bóng lộn đứng bên phải. Hương già nua, cao quá khổ, mắt gần lòa, đứng lòng không bên trái Thiệu. Một Tổng thống sắp bị lịch sử vứt vào sọt rác, một Phó Tổng thống gần kề miệng lỗ, đứng chứng giám cho cuộc nhậm chức của 38 thành viên - những kẻ cơ hội và ngây thơ trước thời cuộc, mặt mày hớn hở, xúng xính trong những bộ lễ phục trước những chiếc máy ảnh lóe sáng và tiếng chạy rè rè của máy quay phim. Nguyễn Văn Thiệu - kẻ cầm chịch trong vở bi hài kịch ấy tỏ ra nghiêm nghị và căng thẳng, nét mặt xanh xao. Quân giải phóng sắp tiến tới Phan Rang, nơi sinh trưởng của Thiệu. Dường như những biến cố bi thảm dồn dập đã hút hết nghị lực và tâm trí của Thiệu. Thông thường lễ trình diện nội các như thế này phải

chấm dứt bằng một bữa tiệc do Tổng thống chiêu đãi với tiếng sâmbanh nổ bôm bốp. Nhưng lần này thì không. Không khí buổi lễ ra mắt gượng gạo, nặng nề và Thiệu chỉ vung tay nói độc có một câu: "Đây là nội các lập ra để đoàn kết chiến đấu, chứ không phải là chính phủ chuyển tiếp để đi đến liên hiệp với cộng sản, đi đến đầu hàng cộng sản". Thiệu nói cộc lốc như vậy, chẳng hiểu là dặn dò hay răn đe Cẩn và các thành viên trong nội các của Cẩn nữa.

Sau phút nâng cốc chúc tụng nhau may mắn, các thành viên lục tục ra xe. 37 chiếc xe con đậu chật mặt tiền Dinh Độc Lập, cùng lúc nổ máy nối đuôi nhau đưa các thành viên tới Phủ Thủ tướng để dự tiếp lễ bàn giao với nội các cũ của Trần Thiện Khiêm. Sự bàn giao cũng chỉ là hình thức, bởi có gì cụ thể đâu mà bàn giao. Đã 10 hôm nay, kể từ bữa nội các Trần Thiện Khiêm "đệ đơn từ chức" - như Thiệu tuyên bố - nhiều bộ trong Chính phủ đã không còn hoạt động. Công việc gần như thả nổi trong cảnh rắn không đầu... Không ai làm việc và cũng chẳng ai đề xuất ý kiến gì... Toàn bộ nội các mới hăm hở đi dự lễ bàn giao, riêng Trần Văn Đôn và Nguyễn Tiến Hưng ở lại. Thiệu muốn gặp riêng Đôn và Hưng. Thiệu ngồi nói chuyện với Đôn ngay tại phòng khánh tiết, nơi vừa diễn ra cuộc trình diện. Đôn chủ động nêu vấn đề trước:

- Ngay từ khi nhậm chức, tôi đã bắt tay vào công việc. Tình hình chiến trường là nguy ngập, cái chính là sự sa sút về tinh thần, kỷ luật của sĩ quan, binh lính. Theo tôi, Tổng thống cần có những biện pháp cứng rắn.

Thiệu không đáp mà cứ lẳng lặng ngồi hút thuốc. Đôn ngừng lại một chút rồi tiếp tục trình bày:

- Theo tôi, Tổng thống nên cho bắt giữ khoảng trên 10 tướng và tỉnh trưởng trong khi chờ đợi điều tra về trách nhiệm

của họ trong việc sụp đổ ở vùng 1 và vùng 2. Việc này cần làm ngay để tỏ rõ chúng ta rất nghiêm khắc và quyết tâm chặn cộng sản lại.

Thiệu gật gù:

- Được! Bắt giữ ai thì còn để xem. Tôi đã cảnh cáo sẽ bỏ tù tất cả những tướng tá hèn nhát, bỏ chạy.

- Cần có đề nghị tôi làm một báo cáo hoàn chỉnh về vấn đề quân sự. Ngày mai tôi sẽ gặp các tướng cao cấp của Bộ Tổng tham mưu, sau đó sẽ đi thăm một số sư đoàn của hai quân khu còn lại. Cần phải xác định quyết tâm với đơn vị trưởng các cấp về nhu cầu giữ đất, cứu nước. Sẽ không có giải pháp chính trị khi ta không thể đứng vững trên chiến trường.

- Đúng! Nhưng trước hết anh nên bay ra Phan Rang gặp Nguyễn Vĩnh Nghi. Cần phải xem xét tại chỗ tình hình quân sự và đáp ứng đủ lẹ những yêu cầu của Bộ Tư lệnh tiền phương Quân khu 3. Anh nói Nghi phải giữ kỳ được Phan Rang, nếu cần tung quân đánh xả láng tại đó.

- Vâng! Ngày mai tôi sẽ ra gặp Tướng Nghi tại Phan Rang. Nhưng phải làm sao để Bộ Tổng tham mưu và Tướng Viên bắt tay vào việc. Kể từ ngày được Tổng thống giao đảm trách chức Bộ trưởng Quốc phòng, ngày nào tôi cũng thúc giục Viên, nhưng Viên chẳng chịu làm gì cả. Viên giữ thái độ thụ động và tiêu cực.

- Chuyện này tôi cũng đã nói với Viên (ý Thiệu muốn nhắc đến nội dung tư văn ngày 6-4-1975 Thiệu gửi Viên). Tôi cũng đã chấp thuận đề nghị của Viên về việc thành lập ngay Bộ Tư lệnh hành quân của Bộ Tổng tham mưu. Ngoài nhiệm vụ quản trị và tham mưu thông thường, Bộ Tư lệnh hành quân tổng tham mưu sẽ đảm trách việc chỉ huy và trực tiếp kiểm soát các lực lượng tổng trù bị. Để việc chỉ huy cuộc chiến được tập trung, Viên đề nghị lựa chọn một trong hai phương án: Một là tôi chỉ

huy cuộc chiến tranh. Hai là ban tham mưu quân lực trực tiếp chỉ huy cuộc chiến và có đủ quyền lực để làm như vậy.

Đôn nịnh khéo Thiệu:

- Chiến cuộc trong tương lai được ước đoán sẽ xảy ra dưới hình thức chiến tranh quy ước, với sự phối hợp liên binh và vô cùng quy mô. Yêu cầu thành lập Bộ Tư lệnh hành quân cấp tổng tham mưu để chỉ huy lực lượng tổng trù bị (Sư đoàn nhảy dù, Sư đoàn thủy quân lục chiến) và các đại đơn vị đã vượt qua khả năng cấp quân đoàn, quân khu như hiện nay là cần thiết. Nhưng không thể có ai khác ngoài Tổng thống - Tổng tư lệnh và Chủ tịch Hội đồng tướng lĩnh - có khả năng trực tiếp chỉ huy cuộc chiến này.

Đôn đứng dậy cáo biệt. Bị tình hình đè bẹp và bị cô lập tứ bề, trong bụng Thiệu hết sức bi quan nhưng ngoài mặt vẫn gượng nở nụ cười lạc quan với Đôn, bắt tay khích lệ Đôn:

- Chúc anh nhiều may mắn trong thực thi công vụ thanh tra tại chỗ tình hình quân sự. Anh thay mặt tôi thăm hỏi và khuyến lệ tinh thần các đơn vị. Những yêu cầu cấp bách về tình hình quốc phòng hiện tại anh cứ khuyến nghị, để việc cứu xét và thực thi được tức thời.

Đôn đi rồi, Thiệu nặng nề bước lên phòng làm việc của mình. Tiến sĩ Nguyễn Tiến Hưng, Giáo sư Đại học Harvard và là nhà kinh tế tại Quỹ tiền tệ quốc tế trở về Nam Việt Nam từ năm 1973 làm phụ tá đặc biệt cho Thiệu, và là Bộ trưởng Phát triển kinh tế kế hoạch trong nội các của Thiệu đã chờ sẵn. Thiệu đưa Hưng bức công điện đề ngày 14-4-1975 do Ngoại trưởng Vương Văn Bắc từ London gửi về. Nội dung bi đát của bức công điện khiến Thiệu lo lắng. Thiệu e ngại Quốc hội Hoa Kỳ sẽ bỏ phiếu chống yêu cầu viện trợ 700 triệu mỹ kim cho Nam Việt Nam và bàn với Hưng phải tìm mọi cách để trì hoãn

việc này. Hưng cho rằng cần xúc tiến ngay kế hoạch "vay viện trợ" để tránh các quyết định "không" của Quốc hội Mỹ vào ngày 19-4 tới. Hưng nói với Thiệu: "Trong tình trạng chống đối ở Hoa Kỳ hiện nay, ta có thể nói với người Mỹ là chỉ mượn tiền của họ thay vì viện trợ - nghĩa là "vay tiền vì tự do" - để họ khỏi tiếp tục bỏ phiếu "không". Nếu Quốc hội Hoa Kỳ phủ quyết thẳng thừng vấn đề viện trợ, tôi e tinh thần Nam Việt Nam sẽ sụp đổ hoàn toàn".

Thiệu chỉ thị Hưng thảo ngay một lá thư thống thiết gửi Tổng thống G. Ford xin vay 3 tỷ đôla trong khuôn khổ "vay viện trợ", chia ra mỗi năm 1 tỷ, và Hưng sẽ phải lên đường đi Washington ngay tức khắc. Nhiệm vụ của Hưng là tìm mọi cách trì hoãn việc bỏ phiếu của Quốc hội Hoa Kỳ ngày 19-4 tới và đề nghị vay tiền. Thiệu dặn dò: "Nếu Quốc hội Hoa Kỳ bỏ phiếu không viện trợ nữa thì quân lực Việt Nam Cộng hòa sẽ buông súng ngay. Cho vay viện trợ là cử chỉ cuối cùng của Hoa Kỳ trước khi họ bỏ rơi mình". Về tới văn phòng, Hưng cùng người phụ tá, Tiến sĩ Nguyễn Văn Hùng, dự thảo lá thư của Thiệu gửi G. Ford. Thiệu và Hưng không hay biết rằng, ngày 14-4 ở Washington, Ủy ban đối ngoại Thượng viện đã đột xuất yêu cầu họp với Tổng thống để bàn về tình hình Đông Nam Á. Cuộc họp có cả Kissinger và Bộ trưởng Quốc phòng Schlesinger tham dự. Bản thông điệp thượng nghị viện đưa ra rất ngắn gọn, rất rõ ràng và rất kiên quyết: Quốc hội Mỹ sẽ duyệt chi một khoản ngân sách lớn cho việc di tản, nhưng sẽ không chi một đồng nào cho viện trợ quân sự đối với Nam Việt Nam. Trước khi đưa cho nữ thư ký đánh máy, Hưng bắt cô ta thề không tiết lộ việc này. Là một phật tử, cô ta hoàn toàn xa lạ với lời thề có Chúa mà Hưng bắt cô ta lặp đi lặp lại. Thay vì nhắc lại lời thề, cô ta vừa run rẩy vừa lập bập nhiều lần: "Vâng, thưa ông". Bản thảo bức thư như sau:

"Kính gửi ngài Tổng thống!

Những sự kiện trong vài tuần gần đây đã đưa miền Nam Việt Nam vào một tình huống mới và nghiêm trọng. Hiện nay chúng tôi phải đương đầu với lực lượng địch quân đông hơn và trang bị tốt hơn. Khi quân cộng sản đang tập trung tại cửa ngõ vùng đồng bằng, nhân dân và quân lực chúng tôi đã chuẩn bị và quyết tâm chiến đấu đến cùng để bảo vệ lãnh thổ và tự do của đất nước. Để thực hiện thành công quyết tâm này, chúng tôi vô cùng cần đến những phương tiện chiến đấu, đó là vũ khí và đạn dược.

Vì vậy, tôi rất biết ơn nếu ngài tích cực vận động và thúc giục Quốc hội biểu quyết thuận cho việc viện trợ thêm về quân sự cho Việt Nam Cộng hòa. Tuy nhiên vì việc viện trợ quân sự cho Việt Nam Cộng hòa đã là một vấn đề được nhiều người biết đến và đang nóng lòng mong chờ, nếu Quốc hội biểu quyết từ chối chắc chắn sẽ là một đòn mãnh liệt giáng xuống tinh thần của quân đội chúng tôi khi chúng tôi đang chuẩn bị cho trận chiến quyết định sắp tới. Chúng tôi muốn điều này sẽ không xảy ra.

Chúng tôi trân trọng và biết ơn sâu sắc với tất cả những hy sinh xương máu và tài sản của nhân dân Mỹ trong thời gian qua để giúp chúng tôi bảo vệ tự do của miền Nam Việt Nam. Chúng tôi hoàn toàn hiểu rõ những vấn đề về đạo đức và chính trị mà những nhà lập pháp Mỹ phải đương đầu khi họ xem xét vấn đề viện trợ quân sự cho Việt Nam Cộng hòa. Nếu vì lý do nào đó họ thấy không thể cung cấp viện trợ quân sự cho Việt Nam Cộng hòa, tôi có đề nghị với ngài mong ngài cứu xét cho.

Thưa ngài Tổng thống, tôi đề nghị ngài yêu cầu Quốc hội đồng ý cho chúng tôi vay dài hạn lần cuối cùng số tiền ba tỷ mỹ kim, được phân chia trong ba năm và kỳ hạn hoàn trả là 10 năm, với mức lãi suất do Quốc hội quyết định. Tiềm năng về dầu hỏa

và nguồn lợi về nông nghiệp của chúng tôi sẽ thế chấp cho món nợ này. Số tiền này được gọi là "Freedom Loan", số tiền này sẽ cho phép chúng tôi một cơ hội để được tồn tại trong một đất nước tự do.

Chúng tôi kêu gọi lương tâm và lòng thương của nhân dân Mỹ đối với cảnh ngộ của đất nước chúng tôi, một người bạn đồng minh trung thành của nhân dân Mỹ trong suốt 20 năm sóng gió này, một dân tộc đã chịu nhiều hy sinh và đau khổ to lớn trong hai thập niên để gìn giữ mảnh đất tự do này. Một dân tộc như vậy xứng đáng với lòng thông cảm và sự giúp đỡ.

Trong giờ phút vô cùng khẩn thiết, chúng tôi mong muốn ngài thúc giục Quốc hội xem xét dễ dàng và cấp bách yêu cầu được vay "số tiền vì tự do" của chúng tôi. Đây sẽ là hành động cầu xin cuối cùng mà chúng tôi, một người bạn đồng minh, gửi đến nhân dân Mỹ.

Kính chào

Nguyễn Văn Thiệu"[1].

Ý định của Hưng là mang bản thảo này sang Washington, qua kênh ngoại giao thăm dò trước rồi điện về Sài Gòn để Thiệu chính thức gửi lá thư đó cho Tổng thống G. Ford qua Đại sứ Martin.

Đêm đó ở Dinh Độc Lập về, Hưng gọi điện thoại để nói cho Martin hay về chuyến đi của mình và việc Thiệu muốn vận động để trì hoãn việc bỏ phiếu ở Quốc hội Mỹ bằng cách đưa ra một đề nghị mới là "vay viện trợ". Hưng cần Martin giúp thúc đẩy việc này nên dò hỏi Martin xem có cơ hội gì không. Martin trả lời: "May ra". Nhưng dù Martin có từ tốn đến mấy cũng

---

1. Nội dung dự thảo bức thư Thiệu dự định gửi Tổng thống Mỹ G. Ford đăng trong chương này lấy nguồn từ cuốn "Hồ sơ mật Dinh Độc Lập" của Nguyễn Tiến Hưng xuất bản ở Mỹ, đã được dịch ở Việt Nam.

không giấu được sự thiếu nhiệt thành và nghi ngờ của mình. Sau lời chúc Hưng thượng lộ bình an, Martin nói tiếp: "Nhân tiện tôi muốn hỏi anh, bao giờ thì Tổng thống của anh từ chức?". Hưng ngạc nhiên tự hỏi, tại sao Martin lại bất chợt đưa ra câu hỏi chết người giữa lúc tình thế bi đát thế này. Hưng đáp lại là thực sự không hiểu ông đại sứ muốn nói gì. Hưng để ý, đây là lần đầu tiên Martin dùng từ "Tổng thống của anh" thay vì "Tổng thống" hay "Tổng thống Thiệu" như mọi khi Martin vẫn dùng. Hưng viết phúc trình ngay cho Thiệu về câu hỏi trớ trêu này của Martin.

Sau khi Hưng đi rồi, Thiệu mời Đại sứ Martin vào Dinh Độc Lập để nhờ Martin yểm trợ chuyến đi của Hưng. Martin tỏ ra thông cảm và đánh ngay một bức điện cho Kissinger:

"Tôi báo cáo để ngài Ngoại trưởng biết rằng ông Thiệu đề nghị nếu việc xin thêm 700 triệu mỹ kim có thể bị Quốc hội bác bỏ, ta nên tìm cách hoãn ngày bỏ phiếu lại. Mặc dù ông Thiệu không muốn nói ra nhưng rõ ràng ông ta lẫn tất cả mọi người khác đều không biết rồi sự việc sẽ ra sao nếu Quốc hội bỏ phiếu chống".

15
GIỜ TẬN SỐ ĐÃ ĐIỂM

Sáng ngày 15-4, nội các mới họp phiên đầu tiên dưới sự chủ tọa của Nguyễn Bá Cẩn. Nhiệm vụ khẩn cấp của Chính phủ - như Cẩn nói trong lời khai mạc - là "tìm cách thương lượng được một cuộc ngừng bắn trong danh dự, bảo đảm giữ được sự kiểm soát trong hai vùng còn lại là vùng 3 (trong đó có Sài Gòn) và vùng 4 (đồng bằng sông Cửu Long). Tạm ước đó cho phép quân đội Sài Gòn có điều kiện củng cố để chiến đấu càng lâu dài càng tốt. Nhiệm vụ ưu tiên thứ hai mà chính phủ mới cần làm tức khắc là định cư cho hàng chục vạn người di tản để ngăn chặn sự bỏ chạy tán loạn. Hiện nay, không đủ trại để chứa những người tị nạn từ các vùng duyên hải chạy về bằng thuyền, đáng lý phải ở xa thành phố thì họ lại chạy vào nội đô, làm hỗn loạn cả Sài Gòn".

Xác định chương trình hành động như vậy, ngay sau cuộc họp, Cẩn dẫn đầu một phái đoàn chính phủ đi thị sát việc giải quyết định cư cho cả vạn người di tản đang sống chen chúc ở Vũng Tàu. Đoàn xe của Cẩn vừa chạy vào sân vận động Vũng Tàu - một trong những địa điểm tiếp cư tạm thời, lập tức bị hơn ngàn người quây chặt đòi cứu trợ. Cả tuần lễ lênh đênh trên biển, giờ lại sống dưới ánh nắng mặt trời thiêu đốt, đói khát và cực khổ đã lên đến cực điểm, không ai còn có thể chịu đựng thêm được nữa. Những đám người rách rưới, nhễ nhại mồ hôi

bâu kín lấy xe Cẩn; những cánh tay gầy đen giơ lên trong tiếng gào: "Cứu chúng tôi với! Cho chúng tôi cháo!". Cảnh sát, quân cảnh hộ tống đoàn xe của Cẩn bất lực trước đám đông rối mù, hỗn loạn.

Trong lúc Cẩn tối mắt tối mũi giữa cái mê hồn trận Vũng Tàu - một thị xã nhỏ mà phải chứa tới 11 vạn người di tản dồn về, thì hai chiếc trực thăng - một chở Trần Văn Đôn, một chở Nguyễn Văn Toàn, cùng lúc đáp xuống sân bay Thành Sơn (cách thị xã Phan Rang 10km về phía bắc). "Chào mừng" Đôn và Toàn là loạt pháo kích của Quân giải phóng rót tới, nổ cấp tập trên đường băng, khiến tân Bộ trưởng Quốc phòng và Tư lệnh Quân đoàn 3 gần đứt hơi mới chạy được vào đường hầm chỉ huy Bộ tư lệnh tiền phương của tướng Nguyễn Vĩnh Nghi. Đôn chạy lẹ hơn, chui vào hầm trước, Toàn to béo, chạy sau văng mất cả batoong.

Đại tá cố vấn Mỹ Javet Levit, Nguyễn Vĩnh Nghi và đủ bộ sậu Bộ Tư lệnh tiền phương Quân đoàn 3; Chuẩn tướng Nhật, Tư lệnh Sư đoàn 2 bộ binh; Đại tá Lưỡng, Lữ trưởng Lữ đoàn 2 dù; Đại tá Biết, Chỉ huy trưởng Liên đoàn 31 biệt động quân, tường trình tình hình khu vực với Đôn và Toàn. Với hơn một vạn quân và được sự chi viện lớn của hải quân và không quân, nhưng mặt trận Phan Rang lúc này đã hết sức nguy ngập. Quận lỵ Du Long, các cứ điểm 105, Ba Râu, điểm cao 300, Suối Vàng, Suối Đá bị Quân giải phóng tràn ngập trong cuộc tiến công mở màn ngày 14-4 đã dồn áp lực vào ngay sở chỉ huy của Nghi.

- Tình hình này liệu anh có giữ được Phan Rang không?

Trả lời câu hỏi trên của Đôn và Toàn, Nghi nói giọng Huế:

- Tất cả các cầu cống trên đường số 1, không quân của tướng Sang đã đánh sập. Bắc Việt ít nhất cũng phải một tuần lễ nữa mới tổ chức được cuộc tấn công Phan Rang. Nếu Bộ Tổng

tham mưu tăng cường yểm trợ trực tiếp và tối đa, khả năng giữ Phan Rang không phải là không thực hiện được.

Nghe Nghi nói vậy, Đôn và Toàn khấp khởi trong lòng. Đôn hỏi Nghi:

- Cụ thể anh yêu cầu Bộ Tổng tham mưu những gì?

Nghi đáp, giọng có phần gay gắt:

- Tại chiến trường cực bắc (mặt trận Phan Rang), tương quan lực lượng đã nghiêng hẳn về địch. Đối phương trội hơn ta rất nhiều về hỏa lực, đặc biệt là chiến xa. Hiện tại ta không có một đơn vị thiết giáp nào ở mặt trận này. Bộ Tổng tham mưu đã không đáp ứng được yêu cầu mà Bộ Tư lệnh Quân đoàn 3 tiền phương đề xuất. Chẳng hạn như pháo 155 ly và 105 ly Bộ Tổng tham mưu gửi tới lại thiếu máy ngắm. Các đơn vị dù, biệt động quân và bộ binh không đủ các máy thông tin dùng cho trung đội. Nay việc yểm trợ cần phải đủ và tức thời. Các chiến hạm có khả năng hải pháo mạnh phải được tăng cường dọc bờ biển; các phi xuất, hỏa công, hỏa lôi cũng phải được tăng cường tối đa, dập vào các mục tiêu do Bộ Tư lệnh tiền phương Quân đoàn 3 chỉ định. Nếu được vậy tôi sẽ giữ Phan Rang. Tôi sẽ tổ chức cuộc phản công lớn vào ngày mai để chiếm lại quận lỵ Du Long và các vị trí đã mất.

Với lời hứa hẹn đáp ứng tối đa các yêu cầu của Nghi, Trần Văn Đôn và Nguyễn Văn Toàn lật đật ra về. Giữa hàng loạt pháo kích, trực thăng của Đôn và Toàn cất lên. Cùng lúc ấy, máy bay chở phái đoàn Tổng giám mục Nguyễn Văn Bình đưa tiễn Giám mục Huỳnh Văn Nghi ra làm chủ chiên giáo phận mới (giáo phận Phan Thiết), đã phải liều chết đáp xuống sân bay trong cơn mưa pháo, rồi cất lên ngay không kịp bốc khách. Giám mục Huỳnh Văn Nghi là người đã làm chủ lễ "thánh lễ cầu nguyện cho Phước Long" ngày 9-1-1975 tại Nhà thờ Đức Bà

với sự tham dự của Nguyễn Văn Thiệu cùng đầy đủ bộ sậu của chính quyền và nhiều tướng lĩnh quân đội Sài Gòn. Tại Nhà thờ Phan Thiết, trước các giáo dân và trong tiếng chuông đổ dồn mừng giám mục mới, Tổng giám mục Nguyễn Văn Bình đã nhắc lại Thánh kinh: "Thầy sẽ ở lại với các con mỗi ngày cho đến tận thế" để mong giữ vững niềm tin của giáo dân Phan Thiết. Tiếng của Tổng giám mục Nguyễn Văn Bình chìm lấp trong tiếng nổ rền vang của đại bác Quân giải phóng báo hiệu thời khắc cuối cùng của Phan Rang - cái lá chắn từ xa của quân đội Sài Gòn đã đến...

*

* *

Lại nói về Trần Văn Đôn. Chia tay Nguyễn Vĩnh Nghi, trong lúc Toàn bay thẳng về sở chỉ huy của mình ở Biên Hòa thì trực thăng của Đôn đáp xuống Trung tâm huấn luyện Vạn Kiếp (Phước Tuy) - nơi thu nhận, chỉnh bị đám tàn quân của vùng 1. Ngô Quang Trưởng vừa kết thúc những ngày nằm ăn vạ ở Tổng y viện Cộng hòa mấy bữa nay. Ra viện, theo lệnh của Thiệu và Viên, với chức danh mới được cử là Tổng tham mưu phó quân đội tham gia công cuộc phòng thủ Sài Gòn, Trưởng lên đây làm cái việc thu nhặt và phiên chế lại đám sĩ quan, binh lính thoát chết ở Huế, Đà Nẵng chạy về để bổ sung quân số cho các sư đoàn bị sứt mẻ nặng đang được "tái tổ chức và trang bị lại" và các sư đoàn mới thành lập. Viên tư lệnh từng được xem là "người hùng của Quân lực Việt Nam Cộng hòa" sau hơn nửa tháng thoát chết ở Đà Nẵng, mặt vẫn còn ngơ ngác và không một chút thần sắc. Vốn dĩ hung hăng, xem thường người khác bằng nửa con mắt, vậy mà bữa nay Ngô Quang Trưởng cứ đứng như phỗng nghe những lời úy lạo và dạy dỗ của Trần Văn Đôn - một viên tướng salông, như Trưởng nói là "chỉ giỏi nhảy đầm,

khiêu vũ, chơi gái và chẳng biết cái mẹ gì về trận mạc". Cùng đứng ngây ra với Trưởng để nghe Đôn úy lạo, căn dặn là Chuẩn tướng Lâm Quang Thi, Tư lệnh tiền phương Quân đoàn 1; Thiếu tướng Hoàng Văn Lạc, Tư lệnh phó Quân đoàn 1, Thiếu tướng Nguyễn Duy Hinh, Tư lệnh Sư đoàn 3 bộ binh...

Đôn nói đại loại như: "Nếu muốn sống tự do thì các anh phải có ý chí chiến đấu và phải giữ cho được những phần đất còn lại. Nhược bằng không chúng ta sẽ mất tất cả và sẽ chết nhục nhã... Tôi không yêu cầu các anh chiến đấu tới người cuối cùng, nhưng phải cố mà chiến đấu để cho chính phủ tìm được một giải pháp chính trị... và giải pháp chính trị cụ thể đó là gì, tôi cũng chưa biết" - Lời cảnh cáo đó đã trở thành điệp khúc của Đôn, vì Đôn đã nhắc lại y nguyên nó trong tất cả các cuộc tập hợp tướng tá lại gần một chục địa điểm mà Đôn đến thanh tra.

Sau ba ngày thăm viếng liên tiếp một loạt các sư đoàn còn lại, các quân chủng không quân, hải quân, ngày 18-4-1975, y hẹn, Trần Văn Đôn gửi Thiệu một bản đệ trình số: 213-PTHT-ĐTTTT-QP-VP của Đôn mang tên: "Phúc trình thanh tra về tình hình quốc phòng hiện tại". Sau khi đã trình bày về tình hình chiến sự tổng quát, tinh thần binh sĩ, tình trạng quân số, quân dụng, tình hình không quân, hải quân, Trần Văn Đôn đưa ra nhận xét tổng quát:

"Xét tình hình chung, quốc gia đang trong tình trạng nguy ngập thực sự. Sự sống còn chỉ có thể tính từng ngày, từng tuần, không thể tính từng tháng. Với khả năng trù bị dồi dào, hỏa lực của địch trội hơn hẳn so với các đơn vị của ta, việc chống trả của các đơn vị Việt Nam Cộng hòa sẽ rất vất vả trong những ngày tới... Vấn đề quân viện khẩn cấp chẳng những có tính cách tinh thần mà còn ảnh hưởng tới nhu cầu thật sự cấp bách của các mặt trận".

Kết luận bản phúc trình, Trần Văn Đôn đề nghị Thiệu cứu xét và cho ban hành gấp bảy quyết định mà Đôn gọi là "những biện pháp cấp bách để cứu lấy những gì còn lại của Nam Việt Nam". Đó là:

1. Ban bố ngay tình trạng đất nước lâm nguy, cho lệnh chính phủ được trưng dụng tức khắc tất cả tài nguyên, nhân lực, vật lực cho quốc gia theo yêu cầu.

2. Để có một luồng sinh khí mới trong công cuộc lãnh đạo quân sự, cho phép Bộ Quốc phòng sử dụng tất cả quân nhân các cấp theo nhu cầu và gọi tái ngũ quân nhân các cấp nếu cần.

3. Cho quyền chính phủ được áp dụng các biện pháp thật mạnh như xử tử tức khắc những người đào ngũ, những người có vũ khí bất hợp pháp (cả ta lẫn địch).

4. Tuyên bố toàn quốc là các tuyến đầu, sẽ không còn nơi nào là hậu phương. Sài Gòn là một mặt trận. Mỗi ngành sinh hoạt công cộng cũng thế... Tất cả cũng phải thay đổi cho tình trạng tổ quốc lâm nguy.

5. Các đơn vị nhân dân tự vệ phải được ghép vào hệ thống chỉ huy quân lực để đáp ứng nhu cầu tại các mặt trận nếu cần.

6. Với tư cách là tổng tư lệnh tối cao, ban lệnh cho Sư đoàn thủy quân lục chiến mở các cuộc đột kích ngoài phạm vi những vùng ta đang kiểm soát để giải tỏa áp lực của địch và cắt đứt đường tiếp vận của đối phương đang mỗi ngày được thọc sâu xuống miền Nam, nhất là các đơn vị chiến xa, đại pháo. Biện pháp này còn nhằm gia tăng tinh thần quân dân của ta trong tình thế này.

7. Các phương tiện sản xuất phải được dồn nỗ lực vào phạm vi cứu nước lúc này.

*

* *

Sau khi Nha Trang thất thủ, các tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận thuộc quyền chỉ huy tác chiến của Quân đoàn 3. Tuy Quân giải phóng đã kiểm soát gần hết hai tỉnh này, quân đội Sài Gòn vẫn còn giữ được một phần tỉnh lỵ Phan Thiết (Bình Thuận) và sân bay ở phía bắc Phan Rang (Ninh Thuận). Thiệu điều Sư đoàn bộ binh số 2 rút chạy từ vùng 1 về và tăng cường thêm 1 lữ đoàn lính dù, 1 lữ đoàn biệt động quân để cố thủ Phan Rang nhằm giữ bằng được cái "lá chắn từ xa" này. Nguyễn Vĩnh Nghi cho thiết lập trụ sở Bộ Tư lệnh tiền phương Quân đoàn 3 tại sân bay Phan Rang, cũng là phòng ngừa lúc nguy khốn kịp lên máy bay tẩu thoát. Chính vì vậy Nghi bố trí lực lượng mạnh để giữ phi trường: Trung đoàn 5 bộ binh giữ vành đai phía tây sân bay, Trung đoàn 2 giữ phía tây nam, Lữ đoàn dù số 3 và Liên đoàn biệt động quân 32 giữ ngoại vi phía bắc. Tuy cụm phòng thủ tiền tiêu của Quân đoàn 3 được tăng cường như vậy, được không quân và pháo hạm hỗ trợ tối đa nhưng chỉ cầm cự chưa được ba ngày. Sáng ngày 16-4 xe tăng và bộ binh Quân giải phóng phá vỡ trận địa phía tây và phía bắc. 10 giờ 30 phút sáng, Quân giải phóng tràn vào Sở chỉ huy Bộ Tư lệnh tiền phương Quân đoàn 3, Bộ Tư lệnh Sư đoàn 2 bộ binh và Bộ Tư lệnh Sư đoàn 6 không quân. Trung tướng Nguyễn Vĩnh Nghi, Tư lệnh Sở chỉ huy tiền phương Quân đoàn 3, Chuẩn tướng Phạm Ngọc Sang, Tư lệnh Sư đoàn 6 không quân không kịp chạy ra trực thăng riêng chạy trốn, bị bắt sống tại trận; Sư đoàn 2 bộ binh, Lữ đoàn 3 dù và Lữ đoàn 32 biệt động quân bị tiêu diệt; 40 máy bay còn nguyên ở sân bay Phan Rang về tay Quân giải phóng...

Trái với Phan Rang, cuộc chiến đấu cố thủ của quân đội Sài Gòn ở Xuân Lộc được coi là "đỉnh cao kháng cự của Quân lực Việt Nam Cộng hòa trong những ngày cuối cùng của chiến tranh".

Cuộc chiến ở Xuân Lộc nổi lên ba điểm khác hẳn các trận chiến trước đó của quân đội Sài Gòn:

- Đây là trận chiến cố thủ duy nhất có sử dụng lực lượng cỡ sư đoàn.

- Đây là nơi quân đội Sài Gòn sử dụng không quân chiến thuật tới mức tối đa và có thu được hiệu quả làm chậm bước tiến của Quân giải phóng.

- Đây là trận chiến mà các lực lượng chính quy của quân đội Sài Gòn đã bám giữ đất, chiến đấu cố thủ trước khi bị tiêu diệt.

Là thị xã của tỉnh Long Khánh, Xuân Lộc kiểm soát đường trục giao thông quan trọng đi về phía đông bắc Sài Gòn, kể cả đường đi đến sân bay quan trọng Biên Hòa. Giữ vững được Xuân Lộc - Long Khánh sẽ chặn được hai đường tiến công quan trọng của Quân giải phóng về Sài Gòn là đường số 1 và đường số 20. Tình hình càng trở nên cấp bách khi trên trục đường số 1, Quân giải phóng đã tiến tới Phan Rang, và trên trục đường 20, Quân giải phóng đã vượt qua Lâm Đồng, Đà Lạt, Tuyên Đức, tiến xuống gần Kiệm Tân. Bảo vệ Xuân Lộc là toàn bộ Sư đoàn 18 chưa bị sứt mẻ, ngoài ra còn có Lữ đoàn kỵ binh 3, Lữ đoàn dù điều từ Phan Rang về, một bộ phận của Sư đoàn 5, các tiểu đoàn pháo binh trực thuộc, các liên đoàn biệt động quân của Quân khu 3 và các liên đoàn biệt động quân què quặt thu dụng từ Quân khu 1, Quân khu 2. Mặt trận Xuân Lộc còn nhận được sự chi viện cao nhất của không quân Sài Gòn từ ba sân bay: Biên Hòa, Tân Sơn Nhất và Cần Thơ. Thiệu đã cho tung vào Xuân Lộc những đơn vị tinh nhuệ nhất còn lại và quá nửa lực lượng dự trữ chiến lược của quân đội Sài Gòn.

Trận đánh Xuân Lộc nổ ra ngày 9-4 và diễn ra hết sức gay go, quyết liệt vì nó liên quan trực tiếp đến sự sống còn của

chính thể Việt Nam Cộng hòa, đến việc kéo dài những ngày hấp hối. Nguyễn Văn Toàn, Tư lệnh Quân đoàn 3, Quân khu 3 đã đích thân tới Xuân Lộc kiểm tra toàn bộ hệ thống phòng thủ, đã gặp Chuẩn tướng Lê Minh Đảo, Tư lệnh Sư đoàn 18 và đưa ra lời bảo đảm với Thiệu là có thể giữ vững Xuân Lộc. Thiệu hí hửng cho đưa một nhóm nhà báo Sài Gòn và phóng viên các hãng tin phương Tây lên Xuân Lộc để "khích lệ và lên dây cót tinh thần" cho chỉ huy và binh lính. Cả bộ máy tuyên truyền chiến tranh tâm lý của Thiệu và phương Tây rầm rộ cổ vũ cho binh lính và sĩ quan quân đội Sài Gòn đang cố sống cố chết giữ Xuân Lộc. Lê Minh Đảo đứng giữa chiếc giá treo tấm bản đồ lớn bọc ni lông bóng nhoáng trước các nhà báo, trước ống kính máy ảnh và máy quay phim lóe sáng đã bị kích động đến mức huênh hoang tuyên bố: "Bất chấp phía bên kia tung ra bao nhiêu sư đoàn, tôi cũng sẽ đánh gục họ hết. Tôi thề giữ vững Xuân Lộc. Tôi thề đánh một trận oai hùng cho cả thế giới biết đến và để Hoa Kỳ chi thêm viện trợ". Đảo bỗng chốc trở thành "người hùng", trở thành cứu tinh của Thiệu. Bữa đó các nhà báo tuy không tan xác nhưng cũng một phen vỡ mật bay hồn: máy bay lên thẳng chở họ vừa bốc lên thì cả thị xã Xuân Lộc và sở chỉ huy của Sư đoàn 18 chìm ngập trong trận bão đạn pháo 130 ly của Quân giải phóng dội xuống vô hồi kỳ trận...

*

* *

Thiệu nhận được bản phúc trình của Trần Văn Đôn cùng lúc với tài liệu đánh giá bi đát của sứ quán Mỹ về tình hình cuộc chiến. Đôn nhận định: "... Sự sống còn chỉ có thể tính từng ngày, từng tuần, không thể tính từng tháng". Martin trong tài

liệu nguyên bản tuyệt mật dài ba trang rưỡi gửi đích danh Thiệu, đánh giá tình hình đến ngày 19-4-1975 còn tỏ ra bi quan hơn nữa: "... Các đơn vị quân Bắc Việt đang cùng lúc hội tụ về khu vực Sài Gòn rộng lớn hơn từ mọi hướng với một lực lượng trù bị to lớn hơn lực lượng trù bị của quân đội Sài Gòn rất nhiều và có khả năng bao vây thành phố (Sài Gòn) và cô lập thành phố này trong vòng một hay hai tuần nữa. Trong khi đó họ bắt dân chúng và các sân bay chịu một hỏa lực pháo binh nặng nề. Mặc dù phía chính phủ có thể tăng viện một hoặc hai mặt trận bằng cách rút bớt các lực lượng từ khu vực Cần Thơ hoặc Mỹ Tho trong vùng châu thổ, nhưng việc này cũng không thể làm được gì hơn là kéo dài thêm sự tồn tại của Sài Gòn khoảng một tuần, bởi vì quân Bắc Việt hầu như ngay lập tức có khả năng loại trừ những lực lượng tăng cường này với lực lượng lớn gấp đôi của họ... Tóm lại Sài Gòn sẽ bị đứt hoàn toàn với bên ngoài trong vòng khoảng hai tuần nữa, hoặc có thể rơi vào tay Bắc Việt, Việt cộng trong vòng ba, bốn tuần nữa..."[1].

Phúc trình của Đôn, tài liệu của sứ quán Mỹ, Thiệu cũng chỉ đọc lướt qua một lần rồi quẳng cho Đặng Văn Quang để chuyển cho Cao Văn Viên. Thiệu không có thì giờ đâu mà nghiên cứu những thứ đó. Phan Rang - "lá chắn từ xa" bị đập nát làm tiêu tan một trong hai niềm hy vọng cuối cùng của Thiệu. Xuân Lộc, thị xã của tỉnh Long Khánh - niềm hy vọng thứ hai cũng đang trong cơn hấp hối. Đã 10 ngày nay, toàn bộ Sư đoàn 18 của

---

1. Bản "Phúc trình thanh tra về tình hình quốc phòng hiện tại" ngày 18-4-1975 của Trần Văn Đôn, tài liệu đánh giá tình hình bi đát tính đến ngày 19-4-1975 của Đại sứ Martin gửi Thiệu, ta thu được tại bàn làm việc của Cao Văn Viên ở Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn. Tài liệu do Đặng Văn Quang, Cố vấn an ninh của Thiệu sao chuyển cho Viên.

Tướng Lê Minh Đảo đã không sao ngóc đầu lên khỏi các công sự ngầm xây bằng bê tông. Xuân Lộc đã biến thành "địa ngục trần gian", thành "thị xã quỷ khốc thần sầu" trước những trận xung phong và những trận mưa đạn pháo vô hồi kỳ trận của Quân giải phóng. Toàn bộ Lữ đoàn 3 kỵ binh (gồm ba chiến đoàn), Lữ đoàn dù số 1, Chiến đoàn 8 đã được ném thêm vào Xuân Lộc để tăng viện cho Sư đoàn 18, nhưng vẫn không sao cải thiện được thế trận bi đát. Sư đoàn 25 bị khóa chặt ở Tây Ninh. Sư đoàn 5 cũng đang lo canh giữ mặt trận Bình Dương. Lực lượng tổng trù bị đã hết sạch. Nếu không rút nhanh, Sư đoàn 18 bị xóa sổ thì không còn lực lượng đâu mà phòng thủ tuyến Biên Hòa - Long Bình nữa. Sài Gòn sẽ sụp đổ tức khắc. Sau khi nghe phòng hành quân báo cáo tình hình, Thiệu lệnh cho gọi gấp Nguyễn Văn Toàn về.

Vừa bay trực thăng lên thị sát mặt trận Xuân Lộc, trên đường về đại bản doanh của mình ở Biên Hòa, nhận điện, Toàn bay thẳng về Dinh Độc Lập gặp Thiệu:

- Sao? Xuân Lộc còn giữ được bao nhiêu ngày? - Thiệu hỏi.

- Trình Tổng thống! Sư đoàn 18 của tướng Đảo bị vây hãm chặt, có nguy cơ bị tiêu diệt - Toàn trả lời vội vã.

- Nếu cộng sản nó đánh bọc sườn ở Long Khánh và mở cuộc tiến công đồng thời vào vùng Biên Hòa - Long Bình, anh tính sao?

- Nếu vậy thì quá nguy!

- Có tin tình báo Việt cộng đã chuyển tên lửa SAM 2 vào Quân khu 3, máy bay MIG của Bắc Việt đã vào Phú Bài và Đà Nẵng. Anh dự kiến thế nào nếu Việt cộng sử dụng cả tên lửa và máy bay trong các cuộc tiến công sắp tới?

Toàn ngây mặt không trả lời, lấy khăn tay lau mồ hôi vã đầy trên mặt. Thiệu nói tiếp:

- Anh cho rút ngay lực lượng ở Xuân Lộc về phòng thủ tuyến Biên Hòa - Long Bình.

- Làm sao rút êm cả một sư đoàn đang bị vây hãm? - Toàn ấp úng hỏi lại.

- Đó là chuyện của hắn (chỉ Đảo).

- Tuyến phòng thủ Biên Hòa nên được hoạch định như thế nào, thưa Tổng thống?

- Cho Sư đoàn 18 tăng thêm một lữ dù giữ tuyến từ Long Thành trở xuống đường số 1 và cả Trảng Bom. Đồng thời cho Lữ đoàn 3 kỵ binh thêm một lữ dù giữ từ Long Bình xuống Long Thành.

Mấy ngày sau, khi nhận lệnh này, Đảo đã phát biểu với Toàn như sau: "Chúng ta đã phạm rất nhiều khuyết điểm trong phán đoán cách đánh của đối phương. Theo tôi, đối phương không cần đánh theo lối vỗ mặt dọc đường số 1 vào Biên Hòa, mà có thể đánh ngay vào sân bay và thị xã Biên Hòa, đồng thời mở thêm mặt trận phía bắc cắt phía sau Biên Hòa để đi vào Sài Gòn. Đưa Sư đoàn 18 về giữ Trảng Bom là không cần thiết mà phải giữ tuyến Thủ Đức - Biên Hòa và rút ngay Sư đoàn 5 về Bình Dương". Ý kiến này của Đảo không được Toàn chấp thuận.

Gặp Thiệu xong, trở về Biên Hòa, Toàn cử ngay Đại tá Thô, Trưởng phòng hành quân của mình bay lên Xuân Lộc truyền lệnh rút lui cho Đảo. Lệnh rút bỏ Xuân Lộc do Toàn ký, chỉ vỏn vẹn có một câu: "Sư đoàn 18 và Lữ đoàn 1 dù bỏ Long Khánh rút về phòng thủ Biên Hòa". 17 giờ chiều ngày 18-4, nhận được lệnh này, Đảo hết sức hoang mang. Trong ngày, trực thăng CH.47 vừa chở thêm 350 lính (cả bộ binh và lính dù) tăng cường cho mặt trận Xuân Lộc.

"Làm sao rút an toàn lực lượng, cả người và quân cụ hạng nặng (xe tăng, pháo binh) ra khỏi vòng vây đang thít chặt?" - Cuộc họp bộ chỉ huy mặt trận Xuân Lộc do Đảo chủ trì, được triệu tập ngay đêm đó dưới hầm ngầm bê tông, chỉ bàn lời giải

cho độc một câu hỏi hóc búa này. Đảo nhận định, trong tình thế bị đối phương vây hãm với ý đồ tiêu diệt đến cùng, muốn rút lui phải bảo đảm bí mật tuyệt đối thì phương sách duy nhất lúc này là thực hiện kế nghi binh. Theo lệnh Đảo, ngày hôm sau, các trận địa pháo và các công sự phòng ngự ở mặt trận Xuân Lộc "thả phanh" sử dụng đạn, đạn pháo, đạn thẳng bắn như mưa, như thể dọn đường cho một cuộc phản kích nhằm cải thiện thế trận. Ngày 20-4 theo yêu cầu của Đảo, trực thăng Chinook vẫn tiếp tục bay vào Xuân Lộc như thường lệ, hình thức bên ngoài là chở tiếp liệu vào, nhưng thật ra bên trong chở dần chiến cụ nặng ra. Đúng 22 giờ đêm ngày 20-4, Đảo lặng lẽ rút lực lượng còn lại ra khỏi Xuân Lộc theo quốc lộ 12 xuyên qua vùng giải phóng về Bình Gia. Cuộc hành quân lui binh theo thế chân vạc, đội hình như sau: Sư đoàn bộ binh 18 đi trước, tiếp theo là Lữ đoàn dù, địa phương quân, nghĩa quân; các quân cụ nặng như đại bác 175, 155, 105 ly, các loại chiến xa, quân xa đều được mang theo. Bộ chỉ huy tiểu khu Long Khánh rút theo khối Sư đoàn 18. Tỉnh trưởng Long Khánh di chuyển trên xe Jeep bị bắn trọng thương và bị quẳng lại trong đám loạn quân. Cuộc hành quân rút lui của Sư đoàn 18 chấm dứt vào sáng ngày 22-4 khi Lữ đoàn dù số 1 về tới Bình Gia. Tuy nhiên, ngày hôm sau, Toàn và Đảo vẫn phải cho trực thăng vào, cố cứu những đơn vị còn mắc kẹt lại trong đống gạch đổ nát ở Xuân Lộc...

16
THIỆU CUỐN GÓI

Đêm đã khuya, Thiệu vẫn ngồi thu lu trong phòng làm việc của mình ở lầu ba Dinh Độc Lập. Bốn mươi ngày trước, trong căn phòng này và cũng một đêm khuya khoắt như thế này, Thiệu đã đi nước cờ định mệnh: "Rút bỏ cao nguyên". Hạt giống gieo mầm cho tai họa đó hôm nay đã đến ngày "hái quả". Đêm nay Thiệu lại thu lu một mình trong căn phòng này, và sau khi cô độc duyệt xét lại toàn bộ tình hình, Thiệu quyết định đi nước cờ cuối cùng: bỏ cuộc. Không phải sức ép của các phe phái đối lập khiến Thiệu run sợ và phải từ chức. Thiệu coi những nghị sĩ nhao nhao với những kiến nghị đòi "Thiệu phải ra đi" ấy chẳng ra cái thá gì. Nếu cần thì Thiệu sẽ dùng cả xe tăng, đại bác, tàu bò cho tất cả vào khuôn phép. Thế nhưng Thiệu không thể không quan tâm đến cuộc nói chuyện với Đại sứ Martin hồi 10 giờ sáng nay (20-4). Martin thông báo cho Thiệu biết, theo đánh giá của sứ quán và cũng là của chính giới Hoa Kỳ, nếu Hà Nội quyết tâm tấn công thì Sài Gòn khó mà sống nổi thêm một tháng nữa, thậm chí không quá ba tuần lễ, dù có tổ chức phòng thủ giỏi đến mấy. Martin cũng nói là phía Mỹ cho rằng Hà Nội muốn đánh chiếm Sài Gòn còn nguyên vẹn, chứ không phải là một đống gạch vụn, và cũng khó loại trừ khả năng thứ hai nếu không có cử chỉ rõ ràng nào tỏ ra muốn thương lượng. Khi hỏi về khả năng viện trợ thì Martin nói rằng,

dù có xảy ra chuyện thần kỳ là viện trợ ấy được thông qua thì nó cũng chỉ giúp được phần nào vào cái thế thương lượng mà thôi chứ không thể thay đổi được tình hình. Martin không trực tiếp gây sức ép bắt Thiệu từ chức, nhưng lại nói "triển vọng viện trợ là đen tối", và "cộng sản không chấp nhận nói chuyện với Tổng thống hiện tại (Thiệu)". Martin gợi ý nên đưa Minh lớn (Dương Văn Minh) lên làm thủ tướng thay cho Nguyễn Bá Cẩn, để bắt tay ngay vào "cuộc thương thuyết với cộng sản" và đe là nếu Thiệu không rút thì các tướng lĩnh cũng sẽ bắt Thiệu phải rút[1].

Cái trò đùa muôn thuở của những con rối trên sân khấu chính trị đổ nát này, chẳng làm Thiệu bận tâm. Cái chính Thiệu phải tính trong cuộc cờ tàn này là, tình hình quân sự đã tuyệt vọng rồi. Đêm nay, vào giờ này, theo tin mật báo Sư đoàn 18 trấn giữ Xuân Lộc - cửa ngõ của Sài Gòn đang rút chạy. Thiệu không tin Lê Minh Đảo, Tư lệnh Sư đoàn 18 có thể dùng kế "ve sầu thoát xác" để rút an toàn mà không gặp thảm họa như Phạm Văn Phú và Ngô Quang Trưởng đã gặp khi rút bỏ Tây Nguyên, Huế, Đà Nẵng và Nha Trang. Xuân Lộc - cái chốt kháng cự cuối cùng thế là bị đập nát. Cửa ngõ vào Sài Gòn mở toang. Ngày tận thế đã đến. Cả Nam Việt Nam và Hoa Kỳ sắp sửa phải nhận một cái tát nảy lửa của lịch sử...

Những hồi chuông của Nhà thờ Đức Bà vang lên như hồi

---

1. Cuộc nói chuyện kéo dài khoảng một giờ rưỡi. Tài liệu tuyệt mật của sứ quán Mỹ đánh giá sự tuyệt vọng của tình hình tính đến ngày 19-4-1975, Thiệu cũng đã đọc trước mấy giờ diễn ra cuộc nói chuyện với Martin. Lúc Martin ra về Thiệu nói sẽ làm điều gì mà Thiệu cho rằng có lợi cho đất nước. Lập tức Martin gửi một bức điện ngắn về cho Kissinger, dự đoán chỉ trong hai, ba ngày nữa là cùng, Thiệu sẽ rút lui.

chuông báo tử. Đêm tàn mau và ngày mai sắp tới. Nhưng với Thiệu thì cái ngày mai ấy sẽ không bao giờ có nữa. Đêm nay là đêm cuối cùng Thiệu ở trong căn phòng này, trong cái Dinh Độc Lập nguy nga này. Ngày mai Thiệu sẽ từ giã tất cả. Thiệu sẽ cuốn gói, mặc lũ kình địch ở lại xâu xé nhau. Thiệu đã toan tính kỹ rồi. Đây là thời điểm tồi tệ nhất đối với Nam Việt Nam, nhưng lại chính là "điểm rơi lý tưởng" mà Thiệu chọn. Đến thời khắc này thì không ai có thể làm được gì hơn Thiệu trong việc cứu vãn Nam Việt Nam khỏi sụp đổ. Các phe phái được Hoa Kỳ và Pháp ủng hộ đang ráo riết vận động để đưa Đại tướng Dương Văn Minh lên nắm quyền. Nhưng "những nhà cách mạng bằng nước bọt" hãy đợi đấy. Không dễ dàng đưa Minh lớn lên ngay đâu. Ngày mai Thiệu sẽ tuyên bố trao lại quyền Tổng thống, nhưng không phải cho Dương Văn Minh mà là cho Trần Văn Hương, Phó Tổng thống. Đây là nước cản cuối cùng mà Thiệu chơi khăm đối với Minh lớn - kẻ kình địch đáng gờm nhất của Thiệu. Nhưng không phải Thiệu chỉ chơi cho bõ tức, mà cái chính là vì tính mạng của Thiệu. Đưa Trần Văn Hương lên, thâm ý của Thiệu là muốn kéo thêm chút hơi tàn của một "chính quyền Thiệu không còn Thiệu". Chỉ cần Trần Văn Hương già nua giữ được cái chức Tổng thống Việt Nam Cộng hòa này dăm ba ngày nữa cũng được. Một khi Thiệu đã cao chạy xa bay rồi thì muốn ai lên làm Tổng thống để rồi "bó giáo quy hàng cộng sản" cũng được.

Cám cảnh trước sự đời, Thiệu không thể không nghĩ đến thân phận của mình. Thiệu đặc biệt tin vào tử vi, tướng số. Kể từ cái buổi trưa ngày 21-6-1965, Thiệu chính thức lên làm "Quốc trưởng Việt Nam Cộng hòa" tại buổi lễ nhận bàn giao của chính quyền Phan Khắc Sửu ở Dinh Độc Lập (lúc đó là Dinh Gia Long), trước một chiếc bàn có phủ gấm xanh, đến hôm nay

thiếu đúng hai tháng thì trọn 10 năm. Cũng cái ngày 21 "tiền định" ấy. Nếu kể từ nhiệm kỳ đầu Thiệu làm Tổng thống sau cuộc bầu cử gian lận năm 1967, thì Thiệu làm Tổng thống Việt Nam Cộng hòa được đúng 8 năm. Và nay, Thiệu kết thúc cuộc đời tay sai của mình vào năm 52 tuổi - cũng là năm có nhiều điều gở. Thiệu cầm tinh con chuột mà cái năm 1975 này lại là năm mèo... 17 tấm huân chương đệ nhất đẳng các loại được truy thưởng trong quãng đời lính đánh thuê, trong đó có cả "Huân chương Đại Hàn đệ nhất hạng" Thiệu cũng vứt vào sọt rác một cách không thương tiếc...

Và thế là Thiệu lấy giấy bút ra định soạn thảo diễn văn từ chức. Nhưng sự đổ vỡ tinh thần đã làm cho Thiệu không còn tâm trí đâu mà viết. Cuối cùng, Thiệu gạch đại ra một cái dàn ý. Thiệu sẽ nói rõ và sẽ nói toẹt ra những điều Thiệu nghĩ về cuộc chiến này. Nói xong là Thiệu chuồn. Mặc cho lịch sử sau này muốn phân tích, mổ xẻ, phán xét thế nào cũng được. Thiệu bất cần - bất cần quê hương, Tổ quốc và cũng bất cần cả lịch sử...[1].

*

* *

Ngày 21-4 là ngày nhộn nhịp nhất của sân khấu chính trị Sài Gòn. Tin Thiệu từ chức loang ra càng làm "bầu nhiệt huyết"

---

1. Một tuần sau đó khi đã chạy sang Đài Bắc, Thiệu đã thổ lộ với một tay chân tâm phúc của mình: "Đúng, tôi đã chuẩn bị ra đi từ rất sớm và tính toán rất đúng lúc. Tôi đợi đến khi người bệnh nằm trên giường đã tắt thở, chuẩn bị khâm liệm và cho vào áo quan, không còn ai có thể cứu được nữa - thế là đúng lúc đó tôi chuồn. Tôi không muốn để bất cứ ai có thể làm được điều gì hơn những cái tôi đã làm".

của các chính khách thêm sôi sục. Trung tướng Trần Văn Đôn, nguyên Bộ trưởng Quốc phòng phóng xe như điên khắp Sài Gòn, ra sức dung hòa mối bất đồng giữa các phe nhóm. Ngày 19-4, sau cuộc họp với các tướng lĩnh và đề đốc tại Bộ Tổng tham mưu, Đôn nhận được điện thoại của Tướng Nguyễn Cao Kỳ. Nguyễn Cao Kỳ nói muốn gặp Đôn tại cư xá của mình ở Tân Sơn Nhất. Trong cuộc gặp, Kỳ nói với Đôn là "Ủy ban cứu nguy dân tộc" của Kỳ và linh mục Trần Hữu Thanh đã rất sẵn sàng cho một kiểu chính phủ liên hiệp với Mặt trận dân tộc giải phóng. Đại sứ Martin cũng đã đồng ý, trở ngại bây giờ chỉ còn là Thiệu. Đôn nói Kỳ hãy kiên trì vì chính Đôn đang ráo riết vận động để Nguyễn Đức Thắng, Thiếu tướng, bạn thân của Kỳ giữ chức Thứ trưởng Quốc phòng. Nghe Đôn nói vậy, Nguyễn Cao Kỳ rất hài lòng và hứa "Ủy ban cứu nguy dân tộc" sẽ ủng hộ Đôn hết mình trong vụ vận động cho quyền bính này. Ngày 20-4, ngay sau "cuộc nói chuyện thẳng thắn" với Thiệu vào hồi 10 giờ sáng, Martin đã chủ động gặp Trần Văn Đôn. Martin nói với Đôn là cần phải có ngay một thủ tướng mới quyền hạn lớn như Ngô Đình Diệm. "Vị thủ tướng tân cử này - Martin nói - có thể là Minh lớn. Tuy vậy tôi thích chọn ngài hơn". Được lời như cởi tấm lòng, Đôn khẩn cấp triệu tập một cuộc họp tại căn nhà riêng của Đôn, được trang trí như một biệt thự lớn trên đất Pháp, để chọn người lập nội các mới... Ngày 21-4, từ mờ sáng, Đôn đã phóng xe ra khỏi nhà, chỗ đầu tiên Đôn tới là nhà riêng của Đại sứ Martin. Cùng lúc đó Thiệu cũng đang ráo riết chuẩn bị những công việc cuối cùng. Thiệu bảo vợ thu gom của nả trong Dinh Độc Lập chuyển ngay về biệt thự riêng của vợ chồng Thiệu trong khu cư xá Bộ Tổng tham mưu trên bờ sông Sài Gòn. Đã chủ tâm tính toán mọi nước cờ nên Thiệu không hành động sớm, mà đợi đến tận 12 giờ trưa mới thình lình triệu tập

tay chân thân tín trong Hội đồng An ninh quốc gia lại, thông báo việc Thiệu sẽ tuyên bố từ chức vào buổi tối và theo đúng hiến pháp sẽ chuyển giao quyền Tổng thống cho Trần Văn Hương. Thế là như ong vỡ tổ. Các thành viên nháo nhào, vắt chân lên cổ chạy lo mọi việc. Vào thời điểm ấy, một nhà báo Mỹ đánh hơi thấy nên đã gọi một cú điện thoại đến hỏi Martin.

- Làm gì có chuyện đó! - Martin trả lời tỉnh như không - Trái lại Tổng thống Thiệu có ý định ở lại với chức vụ và đang nỗ lực chống lại các thế lực định truất quyền.

- Sao có tin Tổng thống Thiệu có ý định tuyên bố từ chức trên đài truyền hình?

- Rất có thể ông ta sẽ lên đài truyền hình, nhưng là đòi hỏi bỏ phiếu để xem có còn tín nhiệm ông ta nữa không và chắc chắn rằng ông ta sẽ thắng?

Chiều ngày 21-4, không khí Sài Gòn đặc biệt khác thường. Lực lượng an ninh được tăng cường trên khắp các đường phố Sài Gòn, với các toán cảnh sát dã chiến mặc áo giáp, súng lăm lăm trong tay. Các cơ quan thiết yếu của chính quyền có xe tăng án ngữ, lính gác và rào kẽm gai vòng trong vòng ngoài. Khu vực Dinh Độc Lập được bố trí an ninh tối đa. 18 giờ tối, truyền hình chỉ có sóng loăng quăng, không chữ, không hình, chỉ thấy phát nhạc. Nhiều người ngờ tivi nhà mình hỏng đã chạy sang hàng xóm hỏi. Đúng 19 giờ, chợt phát thanh viên đọc lệnh của Tòa tổng trấn quy định giờ giới nghiêm mới, từ 8 giờ tối đến 7 giờ sáng hôm sau, và kể từ hôm nay mỗi nhà phải treo một ngọn đèn dầu trước cửa và phải thắp sáng suốt đêm để bảo vệ an ninh trật tự công cộng. Trên đường phố, loa phóng thanh trên xe dân vận chạy loan tin giờ giới nghiêm mới. Thế là xe gắn máy bóp còi quặt mặt nhau inh ỏi. Các quán hàng vội vã kéo sập cửa không tiếp khách.

Đúng 19 giờ 30 phút, nhạc tắt, tiếng phát ngôn viên đài truyền hình vang lên loan tin "Tổng thống Việt Nam Cộng hòa sắp đọc một bài diễn văn quan trọng". Cùng lúc đó trên màn hình tivi xuất hiện quang cảnh lộn xộn ở phòng khánh tiết Dinh Độc Lập với từng tốp, từng tốp quan chức tụ tập bàn tán, ai nấy mặt mày hớt hải, lo lắng. Mặc dù được báo rất gấp vì Thiệu yêu cầu giữ bí mật cho tới phút chót, nhưng hơn 200 "quan chức cao cấp" của các ngành lập pháp, hành pháp và tư pháp cũng nháo nhào kéo đến gần đủ. Dự buổi Thiệu từ chức có Nguyễn Bá Cẩn và toàn thể nội các của Cẩn; chủ tịch giám sát viện; các nghị sĩ, dân biểu; các nhân vật trong ban cố vấn chính phủ; Cao Văn Viên; Đặng Văn Quang và Nguyễn Khắc Bình. Đúng 19 giờ 40 phút, Thiệu đột ngột xuất hiện. Không có cảnh Tổng thống đi một vòng bắt tay, thăm hỏi xã giao các quan chức như mọi khi. Nét mặt buồn bã, căng thẳng, dáng điệu tất tả, Thiệu tới thẳng micro và nói luôn. Ra đi vội vã đến nỗi không kịp soạn thảo lấy một bài diễn văn cho ra hồn, Thiệu cứ gặp đâu nói đó thành thử bài nói của Thiệu dài lê thê, lủng củng và trùng lặp đến "hết chịu nổi". Thiệu nói đi rồi nói lại, đang từ vấn đề này nhảy qua vấn đề khác, rồi lại quay về vấn đề trước, văn chương, câu cú hết sức lộn xộn. Nước mắt lưng tròng, giọng uất nghẹn, vừa nói được mấy câu Thiệu đã nổi đóa lên. Thiệu hùng hổ nguyền rủa lịch sử. Thiệu cay cú mắng tớ, chửi thầy. Thiệu than thân trách phận. Thiệu vừa khóc vừa lên giọng thề bồi: "Tôi từ nhiệm chứ không phải tôi đào nhiệm. Kể từ giờ phút này tôi xin đặt mình dưới sự sử dụng của Tổng thống, của nhân dân và của quân đội... Tôi sẽ sát cánh cùng đồng bào và chiến sĩ để bảo vệ đất nước". Bài diễn văn (thực ra là bài nói trực tiếp văng mạng của Thiệu) lê thê tới hơn 12.000 từ, kéo dài gần 2 tiếng đồng hồ gây ra

không khí hết sức nhốn nháo trong đám hơn 200 quan chức cao cấp của chính quyền Sài Gòn có mặt tại Dinh Độc Lập. Thiệu khua tay múa chân, mồ hôi chảy ròng ròng. Trong thế giới này, quả có đốt đuốc cũng không tìm đâu ra bài diễn văn của một Tổng thống nào lại sặc mùi lính tẩy và hổ lốn đến thế. Thiệu kết thúc bài diễn văn lê thê của mình khi đồng hồ chỉ 21 giờ 15 phút. Trong lúc Thiệu rút khăn tay lau mồ hôi vã như tắm thì Phó Tổng thống Trần Văn Hương, 72 tuổi, mắt mờ lòa, lề mề đứng lên tuyên thệ nhậm chức Tổng thống Việt Nam Cộng hòa. Hương lên giọng thề bồi: "... quyết đứng vững cho đến lúc hoặc là quân lính chết hết hoặc là mất nước". Hương tuyên bố cứng giọng như vậy chẳng qua là cái mẹo để Kỳ và cánh hữu khỏi nhúng tay vào thôi, chứ trong thâm tâm Hương cũng biết tình hình quân sự là tuyệt vọng rồi, phải làm sao mau chóng có thương lượng để cứu lấy những gì còn có thể cứu. Bởi ngay sau lời lẽ lên gân kêu gọi quyết chiến đấu, Hương lại lên tiếng yêu cầu ngừng bắn, tôn trọng Hiệp định Paris để thành lập cái mà Hương gọi là "Hội đồng quốc gia ba thành phần, trong đó có cả cộng sản tham gia".

Còn Cao Văn Viên, Tổng tham mưu trưởng Quân lực Việt Nam Cộng hòa, thì sau khi Hương dừng lời tuyên thệ, vội vã ra xe phóng đến Đài phát thanh Sài Gòn, vào phòng bá âm đọc nhật lệnh kêu gọi: "... Nhiệm vụ của quân đội không hề thay đổi. Phải bảo vệ bờ cõi và đánh bại xâm lăng...".

Thiệu đổ là sự tan vỡ của cả một chính sách xâm lược của Mỹ, mưu toan dùng tập đoàn tay sai bán nước do Thiệu cầm đầu để tiếp tục chính sách "Việt Nam hóa chiến tranh". Chính quyền Hương chỉ là một chính quyền Thiệu không có Thiệu. Sài Gòn trong tuần lễ Hương làm Tổng thống là tuần lễ đầy kinh hoàng và hỗn loạn trong canh bạc quyền lực mà những con rối chính trị

với tham vọng cá nhân ba bè bảy mối nhảy nhót, xâu xé nhau một cách mù quáng. Gạt Thiệu rồi, Mỹ và CIA muốn Dương Văn Minh nhận chức Thủ tướng thay Hương rồi nhanh chóng gạt Hương để đưa Minh lên làm Tổng thống cho việc chuyển tiếp quyền lực được dễ dàng và thuận tiện. Nhưng Dương Văn Minh không chịu và cho rằng "chỉ có sự thay đổi ngoài hiến pháp mới là con đường duy nhất để giữ cái giá của mình". Minh nói với Cao Văn Viên khi Viên đến vận động Minh nhận chức Thủ tướng là không bao giờ Minh tham gia một nội các do Hương chỉ định, Minh phải nắm lấy chức Tổng thống theo kiểu riêng của mình - nghĩa là chức Tổng thống phải do một "khối liên hiệp những người trung lập" cử ra. Còn về phần mình, Hương lại không biết thân phận được cử ra để chống đỡ tạm thời mà lại định giữ luôn chức Tổng thống. Minh nói với Đại sứ Pháp tại Sài Gòn Merion: "Thiệu đã trốn tránh số phận. Bây giờ số phận rơi vào tay tôi". Như để tỏ ra mình có quyền, Hương ra lệnh hủy bỏ tất cả những băng cờ, khẩu hiệu chống cộng trong thành phố, rồi phái một phụ tá đến Tân Sơn Nhất tìm cách mở các cuộc thương lượng với phái đoàn miền Bắc trong Ủy ban liên hợp quân sự.

*

* *

Tin Thiệu từ chức nhanh chóng bay về Washington. Sau bản thông báo ngắn của Nesson, bí thư báo chí Nhà Trắng nói: "Mỹ tiếp tục cộng tác với Chính phủ mới ở Nam Việt Nam", Bộ Ngoại giao Mỹ tổ chức ngay cuộc họp báo. Tại cuộc họp báo náo nhiệt chưa từng có ở Washington, Andersen, người chủ trì cuộc họp báo của Bộ Ngoại giao đã tối mắt tối mũi trước hàng loạt câu truy hỏi của các nhà báo:

Hỏi: Việc thay đổi chính phủ này liệu có thể hiểu là một sự thay đổi có tính quá độ để đi tới một sự thay đổi nữa sắp xảy ra không?

Đáp: Tôi không thể trả lời được điều đó. Hiện nay theo quy định của hiến pháp, Phó Tổng thống đang nhậm chức Tổng thống - Trần Văn Hương là tất cả những gì tôi biết, tôi có thể nói với bạn trong lúc này.

Hỏi: Xin lỗi, chúng ta có thể coi ông ta có khả năng làm Tổng thống được không? Ông ta có khả năng về thể lực, tinh thần không?

- Các ngài có kiểm tra tim ông ta sáng nay không?

- Theo Mỹ thì liệu ông lão 72 tuổi, mắt mũi mờ lòa, bị bệnh đái tháo đường này có thể làm Tổng thống Việt Nam Cộng hòa được bao ngày?

Đáp: Tôi không thể bình luận được về các phẩm chất của một người được cử làm Tổng thống!

Hỏi: Mỹ có gây sức ép dưới bất cứ hình thức nào để buộc Thiệu từ chức không?

Đáp: Đây là điểm mà Thiệu đã nêu lên trong diễn văn từ chức và như tôi đã nói trước tôi sẽ không bình luận bất cứ điều gì về bài diễn văn của Tổng thống Thiệu vào lúc này.

Hỏi: Mỹ có được biết trước không?

Đáp: Có!

Hỏi: Khi nào?

Đáp: Không bình luận.

Hỏi: Thiệu lên án Ngoại trưởng Kissinger đã bán đất nước ông ta cho cộng sản. Ngài có bình luận gì về điều này?

Đáp: Không. Đó là một trong những chi tiết tôi sẽ không bình luận gì.

Hỏi: Có cố gắng gì hiện nay để bảo đảm cho các cuộc thương lượng có thể thực hiện được không?

Đáp: Theo tôi, điều thích hợp hơn lúc này là để cho chính phủ mới ở Sài Gòn nói về vấn đề đặc biệt đó.

Hỏi: Hiện nay Mỹ có tham gia vào bất kỳ cố gắng nào để thực hiện bất kỳ một kiểu thương lượng nào có liên quan đến một giải pháp ở Việt Nam không?

Đáp: Tôi không muốn đi vào vấn đề đặc biệt này của các cuộc thương lượng có thể có vào lúc này.

Hỏi: Hiện nay còn bao nhiêu người Mỹ tại vùng Sài Gòn?

Đáp: Dưới 3.000 người. Nhưng tôi không muốn đi vào các vấn đề cụ thể.

Hỏi: Ngài có thể cho biết một con số chung là mỗi ngày đi được bao nhiêu người?

Đáp: Con số đó thay đổi từng ngày.

Hỏi: Tổng thống Thiệu có đề nghị giúp bản thân ông ta di tản không?

Đáp: Không!

Hỏi: Có kế hoạch gì giúp ông ta rời Sài Gòn không?

Đáp: Không. Tôi không biết gì về điều đó. Chưa có kế hoạch đó!

Hỏi: Có dấu hiệu gì chứng tỏ sự có mặt của Đại sứ Martin ở Sài Gòn có thể là một cản trở cho các cuộc thương lượng không?

Đáp: Không!

Hỏi: Liệu Tổng thống Thiệu có được hoan nghênh ở Mỹ không nếu ông ta xin sang đây?

Đáp: Vấn đề này chưa được nêu ra. Nhưng nếu có đề nghị đó thì rõ ràng chúng ta sẽ xem xét nó một cách thiện cảm. Nhưng đó chỉ là một giả thiết!

Hỏi: Xem xét với thiện cảm à?

Đáp: Phải!

Hỏi: Vì sao rõ ràng?

Đáp: Theo tôi đây là một người mà chúng ta đã gắn bó trong

nhiều năm. Tôi muốn dừng ở đây và không bình luận gì thêm về vấn đề này chưa được nêu ra.

Theo USIS ngày 22-4, cùng với cuộc họp báo của Bộ Ngoại giao Mỹ, ngay trong ngày 21-4 - ngày Thiệu từ chức, Tổng thống G. Ford đã có buổi trả lời phỏng vấn trực tiếp trên Đài truyền hình Mỹ. Những người phỏng vấn là Walter Hockey, Eric Svarei và Bob Stephen - những nhà bình luận tên tuổi của đài này. Một số câu hỏi và trả lời được dư luận Mỹ lúc đó đặc biệt quan tâm:

Hỏi: Vai trò của chúng ta trong việc từ chức của Tổng thống Thiệu như thế nào?

Trả lời: Chính phủ Mỹ không trực tiếp yêu cầu Tổng thống Thiệu từ chức. Không có sức ép nào của tôi hoặc của bất kỳ một ai ở Washington trong vấn đề này. Ông ta đã hoàn toàn tự mình đi đến quyết định cuối cùng ấy.

Hỏi: Ngài có cho rằng có thể di tản người Mỹ và hàng vạn người Nam Việt Nam nếu như Bắc Việt Nam phản đối hay Việt cộng không chấp nhận đề nghị của Mỹ dàn xếp chuyện di tản không?

Trả lời: Nếu Bắc Việt Nam tiến hành một cố gắng quân sự thì hầu như sẽ không thể nào di tản được, trừ phi chúng ta đưa nhân viên quân sự Mỹ vào khá nhiều để bảo vệ việc di tản. Đó là lý do vì sao chúng ta muốn có một cuộc ngừng bắn. Đó là lý do vì sao chúng ta muốn hoạt động quân sự tạm ngừng lại để chúng ta có thể chắc chắn di tản toàn bộ người Mỹ một cách trót lọt.

Hỏi: Nếu việc ấy không thể thực hiện được thì sao? Ngài có đưa quân Mỹ đến để bảo đảm việc rút đi hay không? Nếu Quốc hội không tán thành việc đưa quân thì ngài sẽ làm gì tiếp theo?

Trả lời: - Không có vấn đề gì trong việc đưa nhân viên quân sự đến Nam Việt Nam để di tản người Mỹ. Việc ấy được phép

theo đạo luật về quyền tiến hành chiến tranh miễn là chúng ta báo trước một cách thích đáng cho Quốc hội. Còn Quốc hội có cho phép hay không thì hiện giờ tôi không thể nói được với các ông.

Hỏi: Thiệu nói trong phát biểu từ chức là Mỹ đã đưa nhân dân Nam Việt Nam tới chỗ chết. Ngài có trả lời gì về ý kiến đó không?

Đáp: Có những cam kết công khai và cam kết thông qua thư từ. Do đó tôi có thể hiểu được tâm trạng thất vọng của Thiệu trong những ngày hãi hùng mà ông ta trải qua trong tuần qua, Tôi có thể hiểu được những nhận xét của ông ta.

Hỏi: Cuối cùng xin hỏi Tổng thống một câu có tính triết lý một chút: Cách đây 200 năm, nước ta khi mới ra đời có một lời hứa trước thế giới về những quan niệm mới về tự do, độc lập và tư cách cá nhân. Vậy mà, ngày nay chúng ta nhận thấy chúng ta là một nước lớn nhưng chúng ta lại đi làm một sen đầm thế giới và là một nước cung cấp vũ khí cho thế giới ?

!!!...

Nổi bật và tràn ngập trên trang nhất các báo ở Mỹ và phương Tây là tin tức và bình luận về việc Thiệu từ chức và phút hấp hối cuối cùng của chính quyền Sài Gòn. Thiệu từ chức chiều tối ngày 21-4, thì ngay sáng ngày 22-4, xã luận báo *Le Figaro* viết: "... Thiệu đã thua cuộc, cả Hoa Kỳ cũng đã thua cuộc và thế giới tự do cũng đã thua cuộc. Sự cáo chung bất hạnh. Sự tận số của chính quyền Sài Gòn đã đến. Sự sụp đổ là hoàn toàn và dù có khua môi múa mép thế nào đi chăng nữa thì cũng chẳng thay đổi được gì đâu. Chỉ vài tuần nữa thôi, cờ của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam sẽ phấp phới tung bay ở Sài Gòn mà thôi...".

*

* *

Ngay sau diễn văn từ chức, trong lúc các "quan chức" nhốn nháo ra về, các phóng viên đài truyền hình vội vã cuộn thu dây dợ, đèn đóm thì Thiệu đã lẳng lặng cùng Đại tá Trần Thanh Điền đem theo tốp lính bảo vệ chuồn khỏi Dinh Độc Lập. Đại tá Nhan Văn Thiệt, tài xế riêng lái xe đưa Thiệu về biệt thự của Thiệu trong cư xá Bộ Tổng tham mưu. Mai Anh đang cuống cuồng gói ghém vàng bạc, kim cương. Là một trong những "mệnh phụ phu nhân" ăn chơi và mê kim cương có tiếng, Mai Anh thường đeo một viên kim cương to tướng và thường xuyên ra nước ngoài để bí mật gửi tiền vào các ngân hàng và luân chuyển đồ nữ trang quý thành những bộ sưu tập lớn. Bộ sưu tập kim cương của Mai Anh được đánh giá vào hạng nhất ở châu Á. Bây giờ thì chẳng còn hồn vía nào mà ngắm nghía các viên kim cương nữa. Mai Anh tống tất cả đồ trang sức vào một vali. Quần áo, tư trang và những đồ quý giá khác được lèn chặt vào 15 chiếc vali nữa. Mai Anh và hai con gái sẽ theo chuyến bay thương mại của Hãng hàng không Sài Gòn mà Nguyễn Tấn Trung, thông gia với vợ chồng Thiệu làm giám đốc, chạy sang Bangkok trước. Con trai thì đã ở sẵn Thụy Sỹ. Còn Thiệu thì cứ việc ở lại mà toan tính, mà đi sau.

Nguyễn Văn Kiểu, anh ruột Thiệu được cử làm Đại sứ Việt Nam Cộng hòa tại Đài Bắc tức tốc đáp máy bay về thuyết phục Thiệu phải tức khắc rời khỏi Nam Việt Nam. Nhưng Thiệu vẫn chưa muốn đi ngay. Thiệu vẫn ảo tưởng rằng mình còn có một vai trò gì đó - Thiệu muốn trả thù, muốn khôi phục lại địa vị mà Thiệu còn luyến tiếc. Từ Singapore trở về, chiều thứ 5 ngày 24-4, Hoàng Đức Nhã, cháu ruột Thiệu từng là Bộ trưởng Bộ Thông tin

Chiêu hồi vội tới Thiệu ngay. Cám cảnh vì thấy Thiệu bơ phờ như kẻ mất hồn, Nhã khuyên Thiệu:

- Tổng thống - Nhã vẫn gọi Thiệu là Tổng thống mặc dù lúc ấy Thiệu đã từ chức - Tổng thống phải dứt khoát rời khỏi Nam Việt Nam ngay. Thậm chí phải đi ngay trong đêm nay hoặc chậm nhất cũng chỉ ngày mai.

Thiệu vẫn tỏ vẻ cứng giọng:

- Nếu có phải ra đi, tôi cũng sẽ đi đàng hoàng, đi trong danh dự và có cả một bộ tham mưu đi theo.

Nhã phát bực kêu lên:

- Thôi! Thưa Tổng thống, không còn thời gian để nói chuyện danh dự với báo thù nữa. Tổng thống phải ra đi ngay tức khắc. Lúc này đã là quá muộn rồi.

Nghe nói vậy, Thiệu rưng rưng nước mắt, giọng bùi ngùi:

- Anh Nhã ạ! Anh là người duy nhất hiểu tôi và còn lại bên tôi trong giờ phút bi thảm này. Vậy mà trước đây tôi đã hai lần cách chức và ruồng bỏ anh...

Được Thiệu hứa sẽ cho đi cùng, Nhã yên tâm ở lại Sài Gòn thu xếp gia đình. Còn Nguyễn Văn Kiểu vội vã bay trở lại ngay Đài Bắc để lo đón Thiệu ở bên đó. Nghe Kiểu và Nhã thông báo lại tình hình Đài Bắc, Thiệu tạm yên lòng. Toàn bộ tài sản vợ chồng Thiệu gửi qua, đã được Tưởng Kinh Quốc nhiệt tình cho nhận cất vào kho. Qua Kiểu và Nhã, Tưởng Kinh Quốc bày tỏ "niềm cảm thông sâu sắc" với Thiệu - ông em kết nghĩa và nói Thiệu cứ yên lòng vì trong "cơn vận hạn" này, đã có Tưởng ở bên cạnh.

Rốt cuộc phút cuối cùng, cả Nhã và Đặng Văn Quang, Cố vấn an ninh, kẻ đồng lõa tội ác với Thiệu trong suốt 10 năm qua đều bị Thiệu quẳng lại. Mấy ngày sau trong cảnh sống mái tranh giành một chỗ để ra đi, Nhã và Quang đã không ngớt lời chửi rủa Thiệu.

Chiều 25-4 Trần Văn Đôn bất ngờ lại ghé vào thăm Thiệu trong cư xá Bộ Tổng tham mưu. Đôn nói lại với Thiệu diễn biến của sân khấu chính trị Sài Gòn, kể từ sau đêm Thiệu từ chức. Thiệu như kẻ vô hồn, cứ ngồi im như tượng nghe Đôn nói. Cuối cùng, khi Đôn nhắc đến ba trường hợp trong những năm 1973 - 1974 đã đề xuất với Thiệu những kế hoạch mà Đôn nói là "để dàn hòa với cộng sản, ngăn không cho cộng sản tiến tới thắng lợi cuối cùng" thì Thiệu thở dài. Thiệu nhắc lại những cơ hội đã bỏ qua đó và buồn rầu nói với Đôn:

- Trung tướng Đôn! Đáng lẽ những lần ấy tôi phải làm theo điều mà anh yêu cầu. Nhưng tôi không thể thuyết phục được tôi thực hiện những điều ấy. Đó là do tư tưởng đối kháng không nguôi của tôi với cộng sản!

Nói rồi Thiệu đứng dậy bắt tay Đôn:

- Tạm biệt Trung tướng. Có thể tôi sẽ đi và không còn gặp lại anh.

Tối 21-4 tuyên bố từ chức nhưng Thiệu vẫn còn giữ phòng làm việc riêng của mình trong Dinh Độc Lập. Báo chí phương Tây đăng tải lời kể sau này của những tay chân thân tín nhất được Thiệu cho chạy theo đêm ấy, thì 19 giờ 30 phút ngày 25-4-1975 là thời khắc cuối cùng Thiệu rời Dinh Độc Lập. Lúc 17 giờ chiều, Thiệu gọi Trung tá Tôn Thất Ái Chiêu, sĩ quan tùy viên thân cận nhất dặn dò công việc rồi nói mang bộ vest Thiệu chọn sẽ mặc theo về nhà riêng của Thiệu trong Bộ Tổng tham mưu. Nhà Thiệu nằm cùng dãy với nhà Trần Thiện Khiêm. Sau đó Thiệu gọi tiếp các sĩ quan thân cận gồm: Đại tá Võ Văn Cầm, Chánh văn phòng; Đại tá Nguyễn Văn Đức, Chánh tùy viên; Đại tá Nhan Văn Thiệt, Chỉ huy trưởng cảnh sát quốc gia vùng 4; Đại tá Trần Thanh Điền, Trưởng khối cận vệ. Thiệu ra lệnh: "Tất cả mấy chú phải thay thường phục, có

mặt tại Dinh lúc 7 giờ tối. Mỗi chú chỉ được mang theo một túi xách tay nhỏ, tuyệt đối giữ bí mật, không được thông báo cho gia đình".

Bản danh sách những người cùng tháo chạy với Thiệu do chính tay Thiệu viết. 19 giờ 30 phút tối, trong phòng ngủ, Thiệu thay bộ đồ bốn túi - bộ đồ may bằng vải gabardine màu xanh rêu tại nhà may Huỳnh Hoan, Quận 1. Dưới sân, bên cạnh thềm tam cấp, một chiếc Mercedes màu xanh đậm đã đậu sẵn. Nhìn qua cửa sổ thấy mọi việc đã sẵn sàng, Thiệu rút trong hộc tủ ra khẩu súng ngắn hiệu Browning đã nạp đầy đạn, cho vào túi áo. Xong xuôi Thiệu bấm Interphone gọi sĩ quan tùy viên trực lúc đó là Đại úy Trần Anh Tuấn. Thiệu đưa cho Tuấn một gói nhỏ và lệnh: "Chú mang cái hộp này qua cụ Hương (tức Trần Văn Hương vừa được Thiệu nhường quyền Tổng thống). Nếu không gặp cụ thì ngày mai mang qua cũng được, nhớ không được mở ra". Thiệu ra khỏi phòng, khi tới cạnh thang máy, một lính cận vệ đưa tay chào và bấm nút mở thang máy. Thiệu quay lại dặn Đại úy Tuấn: "Tôi qua nhà Đại tướng Khiêm ăn cơm rồi về. Chú khỏi đi theo". Thiệu và Đại tá Điền nhanh nhẹn chui vào xe. Điền ngồi bên phải, chỗ Thiệu vẫn ngồi, đề phòng Thiệu bị ám sát. Vừa ngồi vào xe, Thiệu hỏi: "Có mấy cây súng?". Điền đáp: "Trình Tổng thống (mặc dù lúc ấy Thiệu không còn là Tổng thống) có hai cây súng, một M.16, một Colt 45". Ngay lập tức Nhan Văn Thiệt cho xe chạy vòng qua sân cỏ, lướt ngay thềm đại sảnh rồi tiến ra cổng chính là đầu đại lộ Thống Nhất, rẽ trái qua Pasteur, theo đường Hiền Vương, quẹo qua đường Công Lý và chạy thẳng đến khu đại lộ Cách mạng 1-11 vào cổng chính Bộ Tổng tham mưu.

Lúc 20 giờ 20 phút tối, Timmis, Frank Snepp và hai sĩ quan nữa lấy ba chiếc xe ở nhà xe phân cục CIA rồi lái xe ra Sở chỉ

huy quân sự của Nam Việt Nam ở bên ngoài Tân Sơn Nhất, nơi Khiêm có một ngôi nhà riêng. J. Kingsly và Frank Snepp nhét vũ khí xuống dưới đệm xe để phòng vì sợ biết đâu lại phải tái diễn cái chuyện giống như chuyện ám sát Diệm trước đây. Khoảng 21 giờ tối, Polgar lái xe riêng đến nhà Trần Thiện Khiêm. Trong lúc Polgar ngồi uống rượu với Khiêm ở trong nhà thì Frank Snepp và J. Kingsly đứng chờ mỏi gối ở ngoài sân. Ở rìa sân bay cách đó không xa, có tiếng súng nổ. Bỗng có tiếng điện đài trao đổi giữa các sĩ quan trực ban của sứ quán với chiếc xe tuần tra của sĩ quan bên ngoài. Gần nghĩa địa phía sau sứ quán vừa nổ ra một cuộc bắn nhau. Có tiếng nói qua điện đài: "Không có ai thiệt mạng cả. Tất cả đã trở lại bình thường".

Tiếng nói trên điện đài vừa tắt thì chiếc Mercedes màu xám xuất hiện. Một người tầm thước, hơi lùn, tóc chải lật ngược, mặt xoa dầu bóng loáng, mặc bộ quần áo xám đậm mới tinh, bước xuống xe. Trong bóng tối, Nguyễn Văn Thiệu trông giống như một mẫu người quảng cáo đăng trên các tạp chí Mỹ xuất bản riêng cho khu vực Viễn Đông hơn là một cựu quốc trưởng. Thiệu không ngẩng lên nhìn Frank Snepp và J. Kingsly mà hấp tấp bước vội vào trong nhà.

Một lúc sau thấy mấy người lực lưỡng giúp việc từ lùm cây sau nhà bước ra, mỗi người mang một chiếc vali to tướng. Sau này Frank Snepp được biết đó là toàn bộ đôla Mỹ thuộc Quỹ dự phòng trong Dinh Độc Lập mà Thiệu "cuỗm" theo. Hòm xe được mở ra để đưa những chiếc vali vào. Tiếng kim loại va đập vào nhau đã phá tan bầu không khí yên tĩnh trong đêm. Liền sau đó, Thiệu, Khiêm, Polgar, Timmes và mấy nhân viên "cao cấp" Nam Việt Nam từ một bên cửa bước ra rồi nhanh chóng chui vào trong xe. Thiệu ngồi ngay sau Frank Snepp kẹp giữa Timmes và một phụ tá người Việt Nam. Timmes nói: "Thưa ngài Tổng thống,

vì lợi ích của ngài, xin ngài ngồi cúi thấp đầu xuống". Thế rồi Frank Snepp được lệnh lái xe đi. Chiếc xe Ford Pinto của văn phòng CIA tại Sài Gòn dẫn đường, tiếp đến là xe chở Thiệu và xe chở chín người mà Tổng thống Trần Văn Hương cho phép ra đi theo yêu cầu của Thiệu.

Xe đi chỉ chừng mười phút mà tưởng như lâu hàng giờ. Timmes thì thầm nói chuyện nhỏ to với Thiệu, toàn là những chuyện về quá khứ. Timmes lần đầu tiên gặp Thiệu vào năm 1961 tại một doanh trại quân đội Sài Gòn ở Quân khu 1. Thỉnh thoảng Timmes đến thông báo cho Thiệu biết về tiến triển của công tác bình định trong thời gian đó. Trong khi nói chuyện, Timmes giới thiệu Frank Snepp là một nhà phân tích xuất sắc của sứ quán và vì thế là một người lái xe cao cấp. Thiệu cười gượng và lẩm bẩm mấy câu tiếng Anh bằng một giọng Pháp khoe rằng tất cả những người lái xe ở Sài Gòn đều là "lái xe cao cấp" nhưng khi tình thế tệ hại xảy ra thì thậm chí có thể so sánh họ với bọn người điên cuồng ở Bangkok.

Timmes hỏi Thiệu: "Vợ và cô con gái ngài bây giờ ra sao?". Thiệu trả lời đầy vẻ giả dối: "Họ đã đi London để mua đồ cổ ". Frank Snepp có thể nhìn thấy bộ mặt của Thiệu qua tấm gương phản chiếu của ôtô dưới ánh sáng đèn đường. Trong xe, mùi Whisky vẫn còn nồng nặc.

Gần vào đến cổng sân bay Tân Sơn Nhất, đèn pha ôtô chiếu vào đài kỷ niệm những người Mỹ chết ở Việt Nam với dòng chữ: "Không bao giờ quên sự hy sinh cao quý của binh lính đồng minh". Thiệu thở dài, quay mặt đi.

Đoàn xe tiến vào khu nhà bên cạnh phòng bán vé của Hãng hàng không Mỹ. Chiếc xe đi trước tắt đèn pha. Frank Snepp cũng tắt đèn. Trong một phút kinh khủng, Frank Snepp chẳng nhìn thấy gì hết khi một chiếc xe Chevrolet từ bóng tối lao vút ra. Nhận

ra đó là xe của Polgar chỉ cách xe mình có mấy mét, Frank Snepp vội phanh kít xe. Thiệu và tất cả những người ngồi trong xe bị hất về phía trước, va vào hàng ghế. Những xe phía sau cũng dừng lại. Polgar rút súng, nhảy ra khỏi xe, chạy vội lên mở cửa xe cho Thiệu.

Một chiếc máy bay của không quân Mỹ bốn động cơ C.118 đỗ cách đó không xa. Đích thân Martin đã sắp đặt với tướng Hunter ở Nakhom Phanom, Thái Lan để gửi chiếc C.118 này tới Tân Sơn Nhất chiều nay. Không một ai, ngoài Martin hay biết chuyện này. Nguyên do của nó là trước đó mấy ngày, một nhóm binh sĩ của quân đội Sài Gòn đã dùng vũ khí ngăn cản việc cất cánh của một chiếc máy bay vận tải C.141 của Mỹ yêu cầu phải cho họ di tản. Martin sợ chuyện này có thể lặp lại với chính máy bay chở Thiệu chạy trốn. Chưa hết, một tin đồn được loan ra, rằng chiếc máy bay Boeing 727 của Hàng không Việt Nam xưa nay vẫn dùng làm chuyên cơ đưa Thiệu đi công du, đã được đặt trong tình trạng ứng trực để Thiệu sẵn sàng ra đi. Có tin tình báo là một số sĩ quan, tướng lĩnh căm hận Thiệu đã sẵn sàng trở cờ vào phút chót ngăn cản Thiệu ra đi, thậm chí chiếc Boeing 727 chở Thiệu có cất cánh được thì ra tới biển nó cũng sẽ bị bắn hạ ngay. Vì vậy Martin chỉ đạo cơ quan CIA Mỹ tại Sài Gòn khéo léo đánh lạc hướng rằng Thiệu sẽ dùng máy bay riêng của mình để đào tẩu, trong lúc quyết định sẽ điều chiếc máy bay vận tải Mỹ C.118 từ Thái Lan sang để đưa Thiệu chạy trốn sang Đài Bắc, bắt đầu cuộc sống lưu vong.

Mấy người lính gác và lính thủy đánh bộ Mỹ mặc thường phục cùng đám lính hộ vệ của Martin đứng sang một bên. Bản thân Martin thì đứng chờ ở cửa cầu thang máy bay.

Cánh cửa sau bật mở. Thiệu vươn người lên phía trước vỗ vào vai Frank Snepp. Thiệu chìa tay bắt tay Frank Snepp và nói

giọng khàn khàn: "Cảm ơn anh". Thiệu nắm tay Frank Snepp một lúc, cố giữ để nước mắt khỏi trào ra rồi luồn người ra ngoài, vội bước lên cầu thang. Khiêm và đám người đi theo, tay xách nách mang, bước vội theo Thiệu.

Thiệu trông nhẫn nhục và sầu thảm nhưng vẫn cố nén xúc động cất lời:

- Xin cảm ơn ngài đại sứ đã sắp xếp cho tôi chuyến đi này.

- Đây là điều nhỏ nhất mà tôi có thể làm. Chào ông và chúc ông may mắn - Martin đáp. Giọng không ra xúc động và cũng chẳng ra lạnh lùng.

Polgar, Trưởng ban tình báo CIA cũng chỉ biết chuyện bố trí cho Thiệu ra đi trước mấy giờ. Lúc đầu Martin định giữ kín việc này và chỉ dựa vào cơ quan DAO để thu xếp một chuyến bay bí mật của Hãng hàng không Mỹ, cất cánh ở sân bay Tân Sơn Nhất. Nhưng đến phút cuối cùng, có lẽ để tán thưởng những cố gắng của Polgar và cũng muốn làm cho phân cục CIA mát mặt một chút, nên Martin quyết định giao cho CIA tham gia thu xếp việc này. Sau này Martin có nói riêng với Frank Snepp là ông ta rất lấy làm tiếc vì đã làm chuyện đó. Martin phàn nàn về Polgar, Giám đốc phân cục CIA tại Sài Gòn:

- Ông ta đã làm không đúng. Tôi đã yêu cầu ông ta thu xếp cho Thiệu các giấy tờ hợp lệ, đánh máy hẳn hoi rồi khi đưa Thiệu ra Tân Sơn Nhất thì đưa các giấy tờ đó cho Thiệu. Thế mà rốt cuộc Polgar đã không thể làm được việc đó. Ông ta chống chế là không tìm đâu ra máy chữ. Kết quả là Thiệu ra đi trên một chiếc máy bay Mỹ mà trong tay không có lấy một mảnh giấy tùy thân - giấy phép của Việt Nam Cộng hòa và giấy phép của Mỹ.

Nhiều năm sau, mỗi khi kể lại câu chuyện cuối cùng này

giữa ông ta và Thiệu, bao giờ Martin cũng chỉ nói độc có một câu giống hệt nhau: "Tôi chỉ chào từ biệt, chẳng có gì đáng lưu ý. Chào từ biệt thôi". Sau khi Thiệu đi, Martin và Polgar đến dự buổi tiệc rượu của phái đoàn Ba Lan trong Ủy ban quốc tế giám sát ngừng bắn để tỏ ra không có gì bất thường xảy ra. Hai giờ sau, tại văn phòng tổng hợp ở Dinh Độc Lập, sự ra đi của Thiệu mới được công bố.

Đối với Frank Snepp và J. Kingsly thì câu chuyện cuối cùng đó hình như không bao giờ kể hết. Đứng bên ngoài khu máy bay, Frank Snepp và các nhân viên sứ quán Mỹ hết sức nôn nóng, chú ý quan sát vùng xung quanh sân bay và đùa với nhau là chẳng may có tiếng súng nổ thì chết. Một lát sau, Polgar rồi Martin đứng lùi ra vì tiếng động cơ máy bay bắt đầu rú lên. Lúc Đại sứ Martin bước xuống khỏi bậc cầu thang, ông ta còn ngoái lại, nắm chặt lấy thành cầu thang như muốn kéo toàn bộ cái cơ đồ này ra khỏi chỗ bế tắc, như thể ông ta muốn gỡ cái quá khứ ra khỏi cái hiện tại. Frank Snepp bước đến gần Martin và nói: "Thưa ngài đại sứ. Liệu tôi có thể làm được việc gì đó cho ngài không?". Martin đứng yên và nhìn Frank Snepp thở dài. Martin vẫn đeo kính hình bầu dục thường ngày, gọng kính màu nhạt, trông giống như một nhà quý tộc sang trọng hơn là một người vừa vĩnh biệt dấu tích cuối cùng của 30 năm theo đuổi một chính sách sai lầm của Mỹ.

Tối ngày 25-4-1975, khi Nguyễn Văn Thiệu đã an toàn rời khỏi Sài Gòn, Martin gửi một điện văn về Nhà Trắng.

Số 251510Z - Chỉ mình ông xem

Martin

Sài Gòn - C738 - Cấp tốc

Chuyển ngay

Ngày 25-4-1975

Gửi tới: Tướng Brent Scowcroft

Người gửi: Đại sứ Graham Martin

Tham chiếu: Sài Gòn 0736

Vào lúc 9 giờ 20 phút tối nay, một chiếc C.118, có đuôi số 231 đã cất cánh từ Tân Sơn Nhất cùng với cựu Tổng thống Thiệu và cựu Thủ tướng Khiêm. Họ đã bay sang Đài Loan nơi mà anh ông Thiệu làm Đại sứ Việt Nam Cộng hòa. Công việc sắp xếp rất suôn sẻ. Tôi đã tháp tùng họ lên máy bay và tôi cho rằng sự vắng mặt của họ ở đây sẽ giảm bớt được sự xôn xao có thể xảy ra.

Chúng tôi sẽ không bình luận gì về việc này ở đây. Phi hành đoàn từ Nakhon Phanom, Thái Lan bay chiếc C.118 của tôi tới David Morton. Tôi nghĩ rằng hai ông cũng sẽ không tuyên bố gì cả trừ phi và cho tới khi chuyện này lộ ra ở Đài Loan.

Trân trọng!

Martin.

Chiếc C.118 cất cánh đêm đó, hành trình bay cho đến nay vẫn nằm trong màn bí mật. Không rõ trên đường bay nó dừng lại những đâu, nhưng khi tới Đài Bắc thì có cả vợ Thiệu cùng đi. Máy bay rời đường băng Tân Sơn Nhất, khi đã ổn định độ cao, từ hàng ghế trên cùng Thiệu bước ra phía sau, nét giận giữ hiện rõ trong tia mắt Thiệu. Thiệu dằn giọng nói với đám tay chân đi theo: "Nè, các chú nhớ là không được nói gì hết. Có ai hay báo chí hỏi gì thì trả lời không biết gì hết, nghe chưa!". Không ai nói gì. Chỉ có tiếng rì rì của động cơ máy bay. Mới mấy ngày trước trong diễn văn từ chức Thiệu hùng hổ tuyên bố: "Mất một Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, quân đội còn một Trung tướng Nguyễn Văn Thiệu, đồng bào còn một chiến sĩ Nguyễn Văn Thiệu. Tôi nguyện sẽ chiến đấu kề bên anh em chiến sĩ". Vậy mà giờ đây Thiệu đã lén lút cuốn gói, bắt đầu một cuộc sống lưu vong. Đúng 3 giờ 40 phút sáng 26-4, máy bay đáp xuống phi

trường Đài Bắc. Nhân viên phi hành mở cửa cầu thang, gió lạnh ùa vào. Mọi người lần lượt bước xuống. Tại chân cầu thang máy bay, trong ánh điện mờ mờ hiện ra vợ Nguyễn Văn Kiểu, Đại sứ của Thiệu ở Đài Bắc, đi cùng một viên trung tá tùy viên quân sự tại đại sứ quán, một viên chức cao cấp của chính quyền Đài Loan và Trưởng chi nhánh CIA của Mỹ tại Đài Bắc. Nhưng điều đặc biệt là không hề có mặt nhân viên cơ quan di trú. Chuyến ra đi của Thiệu lén lút và hoàn toàn nhục nhã. Không có họp báo cũng không có chuyện đưa tin Thiệu đến Đài Bắc, chỉ duy nhất có một bức ảnh của phóng viên một tạp chí phương Tây chụp được cảnh lúc Thiệu ra khỏi ga hàng không Đài Bắc. Mai Anh đi bên phải, mặc chiếc áo khoác nên trông người càng phì nộn; Nguyễn Văn Kiểu, anh ruột Thiệu đi bên trái, mặt khó đăm đăm, tay phải giơ cao, bàn tay xòe cả năm ngón, xua ngăn không cho các nhà báo nước ngoài có mặt tại sân bay Đài Bắc tiếp xúc, phỏng vấn. Cả Thiệu và Mai Anh đều đeo kính râm to tướng không muốn cho ai thấy mặt. Tưởng Kinh Quốc chỉ cho đại diện Vụ Lễ tân Bộ Ngoại giao ra đón Thiệu. Lời tuyên bố lạnh nhạt, sòng phẳng của đại diện Vụ Lễ tân làm vợ chồng Thiệu muốn té xỉu tại sân bay: "Ngài đến nước tôi như thế nào thì ngài cũng sẽ ra đi khỏi nước tôi như thế ấy". Một con người ranh ma, quỷ quyệt như Thiệu mà cũng không phòng hết chữ ngờ. Suốt gần tháng vợ chồng Thiệu ẩn trú lại trong một căn nhà ở ngoại ô Đài Bắc, Tưởng Kinh Quốc không một lần đến thăm và gạt bỏ không thương tiếc tất cả những lời khẩn cầu xin được "hội kiến". Thiệu ngồi lặng lẽ hàng giờ bên cạnh chiếc radiô nghe BBC tường thuật giờ phút hấp hối của Việt Nam Cộng hòa. Ngày 29-4-1975 tại Đài Bắc, Thiệu đã nhận được một bức thông điệp riêng của Tổng thống G. Ford báo cho Thiệu biết rằng việc Thiệu đến Mỹ lúc này là không lợi vì làn sóng chống

chiến tranh đang dấy lên rất mạnh mẽ; tốt nhất là Thiệu nên tạm lánh và sống ở một nước khác. Lúc nhận bức thông điệp của Tổng thống G. Ford, Thiệu đã chua xót mỉm cười và nói rằng: "Hóa ra làm kẻ thù của Hoa Kỳ thì rất dễ, nhưng làm bạn thì rất khó"... "Người Mỹ nghĩ gì đây, người Mỹ muốn gì đây?" - Câu hỏi luôn ám ảnh trong đầu óc Thiệu kể từ sau khi buộc phải ký Hiệp định Paris ngày 27-1-1973 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam, rốt cuộc hôm nay đã có câu trả lời - Câu trả lời thật cay đắng, phũ phàng. Thiệu chợt nhớ lại những lần Nguyễn Cao Kỳ được Thiệu cử đi làm Trưởng phái đoàn của Việt Nam Cộng hòa tại cuộc hòa đàm Paris trở về, bao giờ Thiệu cũng bắt đầu bằng câu hỏi:

- Sao, người Mỹ nghĩ thế nào? Người Mỹ đang giở trò gì đây? Rốt cuộc thì người Mỹ muốn cái gì?

- Tổng thống quá nghi ngại. Làm sao người Mỹ có thể bỏ rơi Nam Việt Nam. Người Mỹ đã đổ vào đây hàng trăm tỷ đôla. Người Mỹ đã chôn vùi ở đây trên năm vạn sinh mạng và hơn 20 vạn người bị thương. Chẳng nhẽ người Mỹ lại đầu hàng nhục nhã. Người Mỹ nói với tôi: Hiệp định Paris ký kết, nếu Bắc Việt vi phạm ngừng bắn, Mỹ sẽ có phản ứng mạnh mẽ, Mỹ sẽ ném bom trở lại.

Nghe Nguyễn Cao Kỳ, một cựu thù của mình, bày tỏ niềm tin "sắt đá", như vậy, Thiệu đã không ngại ngần thổ lộ với Kỳ:

- Nhưng ông biết không, họ có thể giết tôi bất cứ lúc nào, "cắt tiết" tôi bất cứ lúc nào nếu tôi chống lại họ, không làm theo đúng ý của họ...

Còn Hoàng Đức Nhã thì đã hơn một lần khuyên Thiệu rằng: "Người Mỹ là kẻ đi buôn. Họ sẽ bán rẻ chúng ta nếu như chúng ta không còn sinh lợi cho họ nữa".

Cuối cùng vợ chồng Thiệu đành gạt nước mắt rời Đài Bắc, và lại cũng ra đi với không một mảnh giấy tùy thân. Đôla, vàng

gửi ở nhà băng Thụy Sỹ, của nả mang theo bên người cũng đủ để vợ chồng Thiệu và con cái sống sung túc đến hết đời. Nhưng dù sao đi nữa, cái "họa vô đơn chí" này khiến Thiệu càng thêm cám cảnh cho số phận hẩm hiu của mình.

Không sang Mỹ được, nhưng cũng không hiểu từ sự thu xếp nào mà vợ chồng Thiệu, sau thời gian ngắn trú ngụ ở Đài Bắc đã sang định cư tại Anh và sống ở ngoại ô London. Vợ chồng Thiệu sống hết sức lặng lẽ, tránh tất cả mọi cuộc tiếp xúc. Thiệu không viết hồi ký, tuyệt đối không gặp phóng viên báo chí và không trả lời bất cứ cuộc phỏng vấn nào. Thiệu đã cố tình xa lánh tất cả và không muốn nhắc nhớ lại quá khứ của mình. Vợ chồng Thiệu có ba người con, hai gái, một trai đã thành niên. Rất nhiều năm sau, do quyết định của con cái, vợ chồng Thiệu chuyển về định cư tại thành phố Boston, bang Massachusetts, Mỹ. Thiệu vẫn sống lặng lẽ như thời gian ở ngoại ô London. Hầu như Thiệu chỉ ở trong nhà, không tiếp xúc với bất cứ ai. Cuối tháng 9-2001, vợ chồng Thiệu đi nghỉ mát ở Hawaii, kỷ niệm 50 năm ngày cưới. Thiệu cưới Mai Anh năm 1951, lúc Thiệu 27 tuổi và Mai Anh 21 tuổi. Sau kỳ nghỉ mát, Thiệu rời Hawaii, tự mình lái xe về nhà riêng ở Foxborough thuộc vùng ngoại ô Boston. Bước ra khỏi xe, chưa kịp vào bên trong, một cơn nhồi máu cơ tim bất ngờ quật ngã Thiệu trên thềm nhà khiến Thiệu bất tỉnh và không bao giờ dậy nữa. Ngày 29-9-2001, Thiệu đã trút hơi thở cuối cùng tại bệnh viện Beth Israel Deaconess, thành phố Boston, bang Massachusetts, Mỹ, hưởng thọ 78 tuổi.

17
SỰ KHÁNG CỰ CUỐI CÙNG BỊ NGHIỀN NÁT, SÀI GÒN TRỐNG RỖNG VỀ CHÍNH TRỊ

Ở bên kia đại dương, Tổng thống Mỹ G. Ford và Ngoại trưởng Mỹ Kissinger đã nói đến Sài Gòn như nói về một thời quá khứ, khi cả hai nhiều lần kêu gọi nước Mỹ hãy tự cứu lấy mình và mọi người đừng có "tự tiêu hủy" mình mà phải hướng về tương lai, về thập kỷ sắp tới của lịch sử. Trong lúc đó ở Sài Gòn, phân cục CIA ráo riết triển khai "Kế hoạch hậu chiến". Martin và tòa đại sứ Mỹ thì đang điên đầu trước vấn đề di tản, trước tâm trạng chống đối Mỹ đang cuộn xoáy như một cơn lốc lớn ở Sài Gòn. Sự căm giận người Mỹ bộc lộ công khai trên các mặt báo Sài Gòn với những lời lẽ chì chiết, hằn học. Muốn tính mạng những người Mỹ còn lại ở Nam Việt Nam khỏi bị đe dọa, thì chỉ có một cách là thực hiện cuộc di tản nhanh chóng và hoàn toàn. Nhưng một sự bỏ chạy ồ ạt như thế sẽ làm Sài Gòn mất hết sức chiến đấu, sẽ sụp đổ tức khắc và thổi bùng lên cơn giận giữ, uất hận của chính binh lính Sài Gòn. Súng sẽ nổ, máu người Mỹ sẽ đổ và cuộc ra đi sẽ biến thành cơn ác mộng khủng khiếp. Bộ Ngoại giao Mỹ đưa ra con số chính thức 130.000 người cần di tản, nhưng danh sách của sứ quán Mỹ, chưa kể phần bổ sung đã lên tới con số 200.000 người. Sau khi Thiệu ra đi, con số di tản đã tăng vọt lên. Không phải chỉ có 7.000 người Mỹ còn lại như dự đoán mà còn rất nhiều lính Mỹ được hưởng tiền hưu,

tiền tuất, đào ngũ và nhà buôn mà trước đây không dự kiến cũng ào tới sứ quán Mỹ. Con số này lên tới 35.000 người vì nó kéo theo tất cả gia đình, vợ con và những bà con người Việt thân thích. Thế là phải gác lại mọi thủ tục bàn giấy. Trong buồng chiếu bóng của DAO - trước đây là của MACV (Bộ Tư lệnh quân sự Mỹ tại Nam Việt Nam), người ta gấp rút phát những chiếc thẻ lên máy bay đi Guam hay Philippines. Giá một chiếc thẻ lên máy bay ở thị trường tự do lên tới từ 1.000 đến 3.000 đôla. Tin đồn lan ra rằng ở Sài Gòn một người Mỹ có thể mang theo 10 người Việt Nam đã gây ra một thị trường hết sức rối loạn và sợ hãi. Một người Mỹ bị phát hiện và bị bắt tại sứ quán giữa lúc đang tìm cách xoay thêm phiếu lên máy bay. Người Mỹ này đã đi lại tới ba lần giữa Guam và Sài Gòn. Trung tướng Cao Hảo Hớn, Cố vấn của Thiệu về vấn đề "giải quyết nạn nhân chiến cuộc" được nhận 50 chỗ dành riêng cho nhân viên của mình, đã không phát cho bất cứ một ai, mà đem bán cả gói cho "con phe", cầm gọn 50.000 đôla bỏ túi... Đây là chưa kể những chuyến đi được Sứ quán Mỹ và Phân cục CIA tiến hành hết sức bí mật: địa điểm được báo qua điện thoại, đến tập trung từng nhóm nhỏ rồi trong đêm tối lặng lẽ ra máy bay đậu ở tít xa đường băng Tân Sơn Nhất. Hoàng Đức Nhã, Nguyễn Bá Cẩn, Nguyễn Khắc Bình... đã cùng ra đi trong một chuyến bay bí mật như thế vào chập tối ngày 27-4. Riêng Trung tướng Nguyễn Khắc Bình, Tư lệnh cảnh sát quốc gia vì sợ bất trắc đã mang theo cả lũ cận vệ đứng ở chân cầu thang máy bay sẽ chở Bình, Hoàng Đức Nhã và Nguyễn Bá Cẩn... chạy sang Thái Lan. Bình rút trong chiếc cặp to một xấp đôla trả công cho mấy tên cận vệ. Đến lúc này, bọn cận vệ mới vỡ lẽ là không được Bình cho chạy theo, thế là chúng chĩa ngay súng vào ngực Bình và dọa cho nổ tung máy bay. Không những

Bình mà cả bọn "tai to mặt lớn" cùng chạy trong chuyến này, đành phải nhũn như con chi chi mời lũ bảo vệ "đầu trâu, mặt ngựa" lên máy bay...

Trong cơn tuyệt vọng và cay cú, người Mỹ còn phạm thêm một tội ác ghê tởm nữa. Đêm 20-4, Lê Minh Đảo rút đám tàn quân ra khỏi Xuân Lộc thì sáng hôm sau, tại phi trường Biên Hòa, một quả bom CBU được chất lên máy bay C.130 bốn động cơ của Hãng sản xuất máy bay Lockheed (Mỹ). Bom CBU (viết tắt của chữ Cluster Bomb Unit) với số hiệu 55 có ba khoang chứa đầy nhiên liệu Proton, một hỗn hợp bí mật các chất khí khác và chất nổ. Trừ bom nguyên tử, CBU là loại bom gây sát thương tàn ác nhất trong kho vũ khí của Mỹ. Nó chưa từng được dùng trong chiến tranh. Đầu tháng 4-1975, một quả bom CBU được chở từ căn cứ không quân Utapao (Thái Lan) đến sân bay Tân Sân Nhất rồi được bí mật chở bằng xe về căn cứ không quân Biên Hòa. Thứ vũ khí giết người khủng khiếp này, tuy do Bộ Tư lệnh không quân Sài Gòn quản lý, nhưng quyền sử dụng lại do người Mỹ ra lệnh. Xuân Lộc thất thủ, Sài Gòn đứng trước nguy cơ sụp đổ hoàn toàn, tướng Homer Smith, phụ trách Cơ quan tùy viên quốc phòng Mỹ (DAO), sĩ quan cao cấp nhất của Mỹ có mặt tại Nam Việt Nam cho phép sử dụng loại bom này. Chiếc C.130 nặng nề lăn bánh rồi cất cánh khỏi phi trường Biên Hòa, bay về Xuân Lộc. Ở độ cao 6.000 mét, cánh cửa ở đuôi máy bay mở ra, dù thăng bằng đeo quả bom rơi vào không trung... Tới một độ cao định trước, sau tiếng nổ dồn nén lạ kỳ, một quả cầu lửa bùng lên tạo thành một đám mây dầu đường kính tới 200 mét và dày tới mấy mét. Thế rồi đám mây dầu gặp chất kích thích cháy bùng lên tạo ra một áp suất hàng tấn trên một centimét vuông, đủ để phá tan tành mọi thứ trên mặt đất. Con người dù có sống sót sau vụ nổ đầu tiên thì cũng sẽ nhanh chóng bị ngạt

thở vì tiếng nổ của quả bom tạo ra một khoảng chân không rộng lớn..

Vào lúc quả bom CBU nổ trên trời Xuân Lộc thì trực thăng vũ trang HU.1A chở tướng Swanson, tùy viên không quân Mỹ cùng phụ tá của mình là Trung tá Mitocher bốc khỏi sân bay Tân Sơn Nhất bay đi Cần Thơ. Tuy chưa có trận đánh nào nổ ra, nhưng lúc này tình hình Quân khu 4 và Cần Thơ, thủ phủ của nó đã hết sức căng thẳng. Lực lượng phòng thủ Quân khu 4 gồm ba sư đoàn bộ binh. Sư đoàn 21 phụ trách bảo vệ Phong Dinh, Ba Xuyên, Chương Thiện, Rạch Giá, Cà Mau, Bạc Liêu. Sư đoàn 7 phụ trách Châu Đốc, An Giang, Sa Đéc, Kiên Giang, Kiến Tường. Sư đoàn 9 phụ trách Gò Công, Định Tường, Kiến Hòa, Vĩnh Long, Vĩnh Bình. Riêng Lữ đoàn thiết giáp số 4 được tăng phái cho Sư đoàn bộ binh số 9. Sau khi Quân khu 2 thất thủ, Thiếu tướng Nguyễn Khoa Nam, Tư lệnh Quân đoàn 4 thực hiện việc "tái phối trí lại lực lượng". Nam cho thành lập Bộ Tư lệnh đặc nhiệm Quân khu 4. Lữ đoàn thiết giáp số 4 được tách ra đặt dưới sự chỉ huy trực tiếp của Bộ Tư lệnh đặc nhiệm. Sư đoàn bộ binh số 9 được rút ra làm lực lượng trù bị của Quân khu đồng thời khi cần thiết theo lệnh của Bộ Tổng tham mưu tăng cường cho Quân đoàn 3. Được tin mật báo Sư đoàn 18 đã rút bỏ Xuân Lộc, sáng 21-4, Nam triệu tập phiên họp khẩn cấp bàn biện pháp ứng phó với tình hình mới. Dự họp có Chuẩn tướng Lê Văn Hưng, Tư lệnh phó Quân đoàn; Chuẩn tướng Quang, Tham mưu trưởng Quân đoàn; Chuẩn tướng Thăng, Tư lệnh hạm đội 4 Cần Thơ; Chuẩn tướng Tần, Tư lệnh Sư đoàn 4 không quân; Chuẩn tướng Trần Văn Hai, Tư lệnh Sư đoàn 7 bộ binh; Chuẩn tướng Mạch Văn Trường, Tư lệnh Sư đoàn 21 bộ binh. Như vậy đủ bộ sáu tướng lĩnh Quân đoàn 4 dự họp, chỉ thiếu Tư lệnh Sư đoàn 9 bộ binh. Tại cuộc họp, Nam nêu vấn đề:

- Cuộc chiến diễn biến rất xấu. Đối phương đông và rất mạnh, họ có khả năng cắt đường Sài Gòn - Vũng Tàu, bao vây, uy hiếp Sài Gòn. Riêng Quân khu 4, Cần Thơ đứng trước nguy cơ bị tấn công và pháo kích; các trục đường giao thông bị cắt, việc tiếp tế gặp rất nhiều trở ngại và Quân đoàn 4 trên thực tế không còn lực lượng để giữ lãnh thổ toàn Quân khu nữa. Vấn đề di tản lại không đặt ra vì Quân khu 4 là mảnh đất tận cùng, không còn biết rút về đâu nữa.

Chuẩn tướng Tần, hỏi Nam:

- Với Quân khu 4 không có chuyện di tản. Nhưng tôi nghe nói Bộ Tổng tham mưu đang lên kế hoạch rút toàn bộ lực lượng cả quân sự và chính quyền về cố thủ ở Cần Thơ, nếu như Sài Gòn bị uy hiếp mạnh và thất thủ?

Nam đáp:

- Quả là Sài Gòn có một kế hoạch dự kiến khi cần rút toàn bộ lực lượng, cả quân đội và bộ máy chính quyền về vùng châu thổ và cố thủ ở Cần Thơ. Vì ở đây sông lạch nhiều, cộng sản khó triển khai lực lượng lớn, khó sử dụng xe tăng, thiết giáp trong lúc họ chỉ có một loại xe tăng hạng nặng và đặc biệt là vấn đề tiếp tế, hậu cần gặp rất nhiều khó khăn. Nhưng đó mới chỉ là phương án nằm trong dự kiến, trong sự bàn bạc không chính thức của một số quan chức trong Bộ Tổng tham mưu. Cho đến nay, Bộ Tổng tham mưu chưa lần nào đặt vấn đề chính thức với Quân đoàn 4 về một kế hoạch để thực hiện chủ trương này.

Thuyết trình tình hình, Trung tá Lê Văn Tống, Trưởng phòng tác chiến của Quân đoàn nêu dự đoán:

- Có nhiều dấu hiệu chứng tỏ hai Sư đoàn 4 và 5 của đối phương hiện có mặt trong vùng Hậu Giang sẽ bỏ các mục tiêu ở vòng ngoài, đánh thọc thẳng vào Cần Thơ. Cuộc tiến công của cộng sản vào Cần Thơ chỉ còn tính từng ngày.

Nam chất vấn Tống:

- Căn cứ vào đâu anh dự đoán Việt cộng không cho bóc vòng ngoài mà đánh thẳng vào Cần Thơ?

Tống đáp:

- Trình Thiếu tướng tư lệnh, đó là nguồn tin tình báo đã được kiểm chứng. Đó cũng là cách cộng sản mở các cuộc tấn công ở vùng 1 và vùng 2.

Nam không hỏi gì thêm, cau mày, gõ gõ ngón tay xuống bàn. Viên tướng gốc dù 45 tuổi, người Thừa Thiên Huế này có thói quen như vậy, khi phải căng thẳng suy nghĩ điều gì. Thấy vậy, tất cả lặng thinh không ai lên tiếng. Một lúc sau, Nam hạ giọng, nói rất nhỏ, chỉ vừa đủ nghe:

- Còn một chuyện quan trọng nữa phải tính. Tôi vừa hay tin Sư đoàn 18 của tướng Đảo đã rút khỏi Xuân Lộc!

Không khí trong phòng họp như đổ sập xuống. Tin Xuân Lộc thất thủ và lời dự đoán Cần Thơ là mục tiêu trực diện của cuộc tấn công sắp tới, đã giáng cho các tướng lĩnh Quân đoàn 4 đòn cân não khá nặng. Mất Xuân Lộc, Sài Gòn bị uy hiếp nghiêm trọng, còn nếu mất Cần Thơ thì vùng 4 sẽ sập đổ tức khắc.

Lực lượng bị dàn mỏng, co kéo khắp vùng đào đâu ra quân tăng cường cho việc phòng thủ Cần Thơ. Bàn đi tính lại mãi, cuối cùng Nam quyết định rút Trung đoàn 31 của Sư đoàn 21 từ Kiên Giang về Cần Thơ để giữ trận địa pháo; tiếp tục tăng phái Trung đoàn 11 của Sư đoàn 7 cho Sư đoàn 21; lấy Liên đoàn 945 địa phương quân ở Phong Dinh để thành lập thêm một trung đoàn mới cho Sư đoàn 21. Nam giao cho Chuẩn tướng Mạch Văn Trường, Tư lệnh Sư 21 tận dụng tất cả lực lượng hiện có đó (kể cả lực lượng tăng phái) để tái phối trí lại tuyến phòng thủ Cần Thơ... Cũng tại cuộc họp này, Nam quyết định rút một phần ba quân số của cơ quan Bộ Tư lệnh Quân đoàn để tham

gia việc canh gác và tăng cường cho các cao ốc, cho các tuyến phòng thủ Cần Thơ...

*

* *

Cuộc họp tan, Tần ra trực thăng trở về ngay trụ sở Bộ Tư lệnh của mình ở căn cứ không quân Bình Thủy. Vừa vào văn phòng Bộ Tư lệnh đã thấy tướng Swanson, tùy viên không quân Mỹ và Trung tá Mitocher chờ sẵn. Sau khi đi thăm căn cứ, chủ yếu là xem xét khu vực bãi đỗ, đường băng và các vòm giấu phi cơ, Swanson làm việc với Bộ Tư lệnh Sư đoàn 4 không quân. Đây là cuộc họp tuyệt mật, ngoài Tần, Chuẩn tướng Tư lệnh trưởng chỉ có Đại tá Nguyễn Văn Chín, Tham mưu phó hành quân Sư đoàn 4 không quân tham dự.

Tại cuộc họp, Swanson phổ biến cho Tần kế hoạch tuyệt mật về việc di chuyển Bộ Tư lệnh không quân Sài Gòn xuống Cần Thơ và việc di tản toàn bộ phi cơ khả dụng sang Thái Lan trong trường hợp xấu nhất - Sài Gòn sụp đổ. Swanson nói:

- Cơ quan tùy viên quốc phòng Hoa Kỳ và Bộ Tổng tham mưu của Tướng Viên dự trù, Bình Thủy sẽ trở thành căn cứ của Bộ Tư lệnh không quân Nam Việt Nam, nếu Sài Gòn bị tấn công. Trong trường hợp đó, Trung tướng Trần Văn Minh, Tư lệnh không quân sẽ xuống Bình Thủy, Trung tâm không trợ 4 (tức Trung tâm kỹ thuật Sư đoàn 4 không quân) sẽ trở thành bộ chỉ huy hành quân của không quân. Ngoài Bình Thủy sẽ lập thêm một căn cứ không quân thứ ba nữa tại vùng 4, có thể là Sóc Trăng hoặc Vĩnh Long.

Tần đáp:

- Nếu vậy theo tôi nên chọn sân bay Vĩnh Long, vì sân bay này tốt hơn Sóc Trăng, máy bay vận tải C.119 có thể xuống được. Tuy nhiên, cả sân bay Bình Thủy và Sóc Trăng đều có

một hạn chế rất lớn là chỉ có thể hạ cánh được máy bay phản lực F.5 trong trường hợp bắt buộc, nhưng không cất cánh được vì đường băng ngắn. Do đó Bộ Tư lệnh không quân cần trình ngay để Bộ Tổng tham mưu quyết định cho gia cố đường băng.

- Người Mỹ chúng tôi đã có "kế hoạch hậu chiến" và phần đầu của kế hoạch đó là: Trong trường hợp xấu nhất, cơ quan DAO và Bộ Tư lệnh không quân quyết định sẽ di tản toàn bộ phi cơ khả dụng, kể cả các phi cơ khả dụng của Sư đoàn 4 không quân sang Thái Lan. Như vậy, ngay từ giờ sư đoàn phải chỉ thị từng hoa tiêu lái phi cơ nào cụ thể để khi có lệnh là các hoa tiêu lái máy bay đó đến Guam trước để đi Mỹ; đợt một ưu tiên gia đình cấp tá trở lên,

Tần chất vấn lại Swanson:

- Sư đoàn 4 không quân căn cứ vào đâu để phát lệnh di tản?

Swanson giải thích:

- Ngày Sư đoàn 4 không quân di tản là khi Mỹ đưa chất nổ vào phá kho tàng tại sân bay Biên Hòa và di tản toàn bộ phi cơ ở Biên Hòa về Tân Sơn Nhất. Sau đó từ 12 đến 24 giờ thì Sư đoàn 4 không quân sẽ di tản.

Swanson nói thêm:

- Kế hoạch là như vậy. Nhưng nếu có những đột biến bất ngờ, ví dụ Sài Gòn bị tấn công trực tiếp và có nguy cơ sụp đổ không cứu vãn được thì Sư đoàn 4 không quân phải lập tức di tản không chờ điều kiện trên.

Nguyễn Văn Chín, Tham mưu phó hành quân hỏi tiếp:

- Hành trình cụ thể của phi cơ di tản sang Thái Lan được quy định như thế nào? Phi cơ có loại đủ xăng, có loại không đủ xăng bay một mạch từ Bình Thủy đi Utapao?

Trung tá Mitocher, phụ tá của Swanson giải thích thêm cho Tần và Chín:

- Vấn đề di tản đặt ra khẩn cấp, nhưng ít nhất cũng phải một, hai tháng nữa mới xảy ra. Do vậy cũng còn thời gian. Hành trình di tản của các loại phi cơ dự liệu như sau: Phi cơ A.37 và U.17 đủ xăng đi được xa sẽ từ Bình Thủy bay thẳng đi Utapao, L.19 và các loại trực thăng từ Bình Thủy sẽ đi An Thới thuộc đảo Phú Quốc nhận xăng rồi đi tiếp Utapao; trường hợp trực thăng sau khi hạ cánh lấy dầu không thể từ An Thới tới căn cứ không quân Utapao thì sẽ hạ cánh ở khu vực bờ biển phía nam Utapao. Thủy quân lục chiến Hoa Kỳ sẽ cho một đơn vị đổ bộ lên bãi biển này để bảo vệ các phi cơ và hoa tiêu. Trong trường hợp Biên Hòa và Tân Sơn Nhất bị pháo kích nặng thì toàn bộ phi cơ A.37, L.19 và trực thăng các loại ở hai phi trường này sẽ dồn về Bình Thủy, Trà Nóc và cùng di chuyển đi Utapao theo kế hoạch trên.

Nguyễn Văn Chín nêu thắc mắc:

- Kế hoạch di tản trên còn mơ hồ. Anh em hoa tiêu có thể thắc mắc một khi đã lái phi cơ đi Utapao rồi họ có được đi Guam gặp lại gia đình không?

Mitocher trả lời, giọng tỉnh không:

- Việc có được gặp lại vợ con hay không, bằng cách nào và vào lúc nào là thẩm quyền của Bộ Tư lệnh không quân Sài Gòn.

Swanson dặn thêm Tần và Chín:

- Bộ Tư lệnh Sư đoàn 4 không quân phải chuẩn bị hoa tiêu và máy bay tốt để di tản. Cần phải biết hy sinh vì không thể đưa tất cả các hoa tiêu và sĩ quan đi được. Trường hợp thực hiện việc di tản thì cho trực thăng vũ trang cất cánh trước, bao vùng bắn phá không cho binh lính, sĩ quan tại đây nổi loạn; sau đó cho A.37 mang bom sẵn sàng để sau khi các phi cơ cất cánh hết, sẽ ném bom phá hủy toàn bộ căn cứ không quân Bình Thủy và Vĩnh Long.

Tần và Chín tiễn Swanson và Mitocher ra tận máy bay. Trước khi chui vào chiếc trực thăng HU.1A, Swanson còn dặn lại:

- Kế hoạch di tản phi cơ, triệt phá căn cứ không quân là nằm trong kế hoạch hậu chiến tuyệt mật. Bộ Tư lệnh Sư đoàn 4 không quân tuyệt đối không được phổ biến cho các đơn vị lục quân, thậm chí với cả tướng Nam, Tư lệnh trưởng Quân khu cũng chỉ được phép biết vào phút chót.

*

* *

Do nhận định sai, cho Tây Ninh là mặt trận chính nên toàn bộ Sư đoàn 25 bộ binh cắm chặt ở đây. Bộ chỉ huy nặng gồm có tướng Lý Tòng Bá, Tư lệnh trưởng và toàn Ban Tham mưu Sư đoàn đóng tại Tòa hành chính Tây Ninh và tiểu khu Tây Ninh. Khi Long Khánh, Bình Dương bị áp lực mạnh, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 3 nhận định mặt trận có thể cầm chân Sư đoàn 25 ở Tây Ninh, Sư đoàn 5 ở Bình Dương nhưng cũng có thể đưa một sư đoàn đánh bọc phía Hậu Nghĩa vây ép Sài Gòn. Do vậy Nguyễn Văn Toàn lệnh cho Sư đoàn 25 vẫn phải tiếp tục bám giữ Tây Ninh. Toàn sợ giao cho địa phương quân thì Tây Ninh sẽ sụp đổ tức khắc và sự rối loạn sẽ tràn về Sài Gòn. Cũng do nhận định sai lầm, Sư đoàn 5 bộ binh cho đến phút tàn cuộc chiến vẫn án binh bất động ở Bình Dương. Chuẩn tướng Lê Nguyên Vỹ, Tư lệnh Sư đoàn 5 theo lệnh Toàn đã tái phối trí lại tuyến phòng thủ Bình Dương, rút hẳn một trung đoàn ra làm lực lượng trù bị để sẵn sàng chi viện cho Sư đoàn 25 ở Tây Ninh và Sư đoàn 18 ở Xuân Lộc. Vỹ cứ thụ động ngồi chờ như vậy trước một cuộc tấn công của Quân giải phóng, mà Vỹ dự đoán là sẽ đánh thẳng vào Lai Khê, trung tâm kháng cự của Sư đoàn 5. Nhưng rút cục

chưa có lệnh điều quân tăng cường cho mặt trận Xuân Lộc thì Sư đoàn 18 đã rút chạy...

Sáng 21-4, khi Bộ chỉ huy nhẹ và đám tàn quân của Sư đoàn 18 trên đường rút chạy khỏi Xuân Lộc về tới Long Bình thì Toàn cho gọi Lý Tòng Bá và Lê Nguyên Vỹ về Củ Chi. Toàn ra lệnh cho Bá chỉ để một lực lượng nhỏ giữ Tây Ninh, còn co toàn bộ Sư đoàn 25 về giữ tuyến phòng thủ từ Củ Chi chạy sang phía đông giáp sông Sài Gòn; phía bên kia sông Sài Gòn do Sư đoàn 5 của Vỹ đảm trách. Bộ Tư lệnh nhẹ của Sư đoàn 25 sẽ đóng ở Gò Đậu, còn Bộ Tư lệnh nặng đóng ở Đồng Dù...

Mất Xuân Lộc, vành đai bảo vệ Sài Gòn từ bên ngoài bị xuyên thủng, sự chỉ huy của Bộ Tư lệnh Quân đoàn 3 bắt đầu rối loạn. Không kể lữ đoàn bảo vệ Phủ Tổng thống và các cơ quan đầu não, lực lượng bảo vệ "Biệt khu Thủ đô" lúc này chỉ có: ba liên đoàn biệt động quân, bảy đại đội lính dù, 11 tiểu đoàn bảo vệ, 20.000 cảnh sát các loại, 14 khẩu pháo 105 ly và khoảng một chi đoàn gồm 12 xe tăng và xe bọc thép M.113. Lực lượng này rất yếu; lính chủ lực hầu hết là tân binh, cảnh sát dã chiến phái sang và tàn binh vùng 1, vùng 2 chạy về Sài Gòn được tập hợp lại. Thiếu tướng Nguyễn Văn Minh, Tư lệnh Biệt khu Thủ đô hết sức hoảng sợ. Một lần nữa, Minh lại đề nghị Bộ Tổng tham mưu cho rút Sư đoàn 18 mặc dù đã bị què quặt ở Xuân Lộc về phòng thủ nội đô Sài Gòn, nhưng Cao Văn Viên và Đồng Văn Khuyên không chịu. Vì vậy Minh phải tổ chức lại việc phòng thủ Biệt khu Thủ đô. Y cho thành lập bốn "khu chiến ven đô" gồm các khu chiến: Bắc - Nam - Đông - Tây. Phạm vi phòng thủ của các khu chiến này là đất đai thuộc tỉnh Gia Định, với nhiệm vụ cố ngăn chặn Quân giải phóng tại vành đai này, cách trung tâm Sài Gòn chừng 10 - 15km. Bên trong, Minh cho thành lập năm liên khu phòng thủ, mỗi liên khu gồm

hai quận nội thành với lực lượng chiến đấu tại chỗ, được thành lập cùng các rào cản chiến xa và các ụ súng kiểm soát trên các cao ốc. Theo đề nghị của Minh, Nguyễn Văn Toàn đã điều Tiểu đoàn 7 dù từ Sài Gòn ra trấn giữ và sẵn sàng phá hủy bốn cây cầu (cầu Đồng Nai, cầu Sắt, cầu Xe Hỏa và cầu xa lộ Đại Hàn) nếu như Biên Hòa mất, để chặn bước tiến của Quân giải phóng vào Sài Gòn...

Sài Gòn tập trung cho sự kháng cự cuối cùng một cách tuyệt vọng và hoảng loạn. Từ tối 17-4, thành phố bắt đầu thực tập báo động trong tình huống giả định bị Quân giải phóng tiến công trực diện. Ngay sau khi hồi còi hụ giới nghiêm rú lên, đồng loạt 354 khóm chiến đấu tại nội đô Sài Gòn thực tập báo động trong phạm vi lãnh thổ khóm. Kẻng báo động vang khắp nơi. Các đoàn viên chiến đấu ra ngay vị trí bố phòng. Các cổng rào tại các tiểu khu, liên tiểu khu được đóng kín. Nhà nhà đóng cửa, tắt đèn, không ai ra khỏi nhà. Các toán chiến đấu được phân công chiếm các cao ốc trọng yếu, đặt súng bố phòng nghiêm ngặt. Các toán tuần tiễu thì lùng sục khắp hang cùng, ngõ hẻm để phòng ngừa đặc công cộng sản nằm vùng hay vừa xâm nhập vào khóm. Các toán vũ trang tuyên truyền bắc loa kêu gọi bình tĩnh và chỉ dẫn mọi người chi tiết khi có cuộc báo động thật xảy ra. Đường phố ngổn ngang các ổ phòng thủ, rào kẽm gai, vật chướng ngại. Trên lối đi đối diện với bồn phun nước ở ngã tư Nguyễn Huệ - Lê Lợi, những ống xi măng màu trắng được xếp từng hàng, cứ cái nọ sát cạnh cái kia rồi dồn đất đầy bên trong và trám xi măng lại. Cạnh đó, những đống quần áo xanh, đỏ, trắng, tím, vàng đổ ra bán tháo tung tóe trên vỉa hè, tràn cả ra lòng đường mà chả ma dại nào mua. Các sạp vải ở chợ Bến Thành cả tuần không bán được một thước. Trên đường phố nơi có nhiều quán bán thức ăn nhanh, nhà hàng, những

gương mặt của các kiều nữ đứng ngóng ngoài cửa như muốn chảy dài khi người tình về nước không một cái vẫy tay, không để lại một nụ hôn hay đồng đôla nào... Sài Gòn phập phồng nỗi lo sợ trong từng hơi thở và cảm nhận rất rõ ràng rằng giờ phút cuối cùng đã tới. Cuộc di tản lớn của người Mỹ và người nước ngoài ra khỏi Sài Gòn đã bắt đầu. Dòng thác người và lính hốt hoảng chạy về dồn ứ ở Sài Gòn và không biết chạy tiếp đi đâu. Thành phố đã tiến tới sát miệng hố của sự hoảng loạn. Lợi dụng tình hình "mọi sự đã tuột khỏi tầm kiểm soát của chính quyền Sài Gòn trong cảnh sụp đổ đến nơi", ngày 23-4-1975, chủ nhiệm 5 nhật báo bị Thiệu đóng cửa đã ra bản tuyên bố tự động cho phép mình xuất bản báo trở lại như sau:

"Ngày 3-2-1975, chính quyền Nguyễn Văn Thiệu đã quyết định đóng cửa chín báo, trong đó có 5 nhật báo: *Điện Tín*, *Sóng Thần*, *Tia Sáng*, *Đông Phương*, *Bút Thép* và bắt giữ trái phép 19 ký giả. Cho tới nay, ngày 23-4-1975 các báo trên vẫn bị tiếp tục đóng cửa. Từ khi Nguyễn Văn Thiệu từ chức Tổng thống tới nay, 19 ký giả vẫn bị giam cầm, không đưa ra xét xử.

Nay nhân dịp nguyễn Văn Thiệu từ chức Tổng thống, Phó Tổng thống Trần Văn Hương lên thay, một lần nữa để có dịp thử thách xem chính quyền ý thức được lỗi lầm cũ của mình hay chưa, để thử thách xem Tổng thống Trần Văn Hương có thiện chí hay không đối với báo chí, chủ nhiệm năm nhật báo chúng tôi gồm *Điện Tín*, *Sóng Thần*, *Tia Sáng*, *Đông Phương* và *Bút Thép* quyết định:

1- Kêu gọi Tổng thống Trần Văn Hương tức khắc trả lại tự do cho các ký giả bị bắt, trả lại lập tức biên lai xuất bản của tất cả các báo bị đóng cửa.

2- Kêu gọi Tổng thống Trần Văn Hương tôn trọng Điều 11 Hiệp định Paris về quyền tự do báo chí, tự do tư tưởng cho toàn dân.

3- Chiểu theo Điều 11 Hiệp định Paris, chúng tôi quyết định sẽ tự động xuất bản nhật báo do chúng tôi làm chủ biên kể từ ngày 25-4-1975. Nếu chính quyền tiếp tục ngăn trở, đe dọa và tịch thu các báo của chúng tôi, chính quyền phải chịu trách nhiệm về mọi hậu quả trước dư luận"...

*

* *

Với việc Xuân Lộc thất thủ và việc Thiệu cuốn gói thì hai cái chốt - một quân sự và một chính trị đã long ra. Khả năng thương lượng lờ mờ của những ngày trước đây, bỗng hiện ra khá rõ nét làm cho sân khấu chính trị Sài Gòn sôi sục như một cuộc bán đấu giá. Người có khả năng đứng ra thành lập một "chính phủ thương lượng" tránh nguy cơ sụp đổ hoàn toàn, được nhắc tới nhiều nhất trong những ngày này là Dương Văn Minh, 59 tuổi, cao tới 1m85 nên Dương Văn Minh còn có tên gọi: "Minh lớn". Gia nhập quân đội liên hiệp Pháp từ năm 1940, tốt nghiệp Trường Tham mưu Paris và Học viện quân sự Fort Leonar Wood Hoa Kỳ, Dương Văn Minh đã lên tới cấp đại tướng và có một thời gian ngắn làm Quốc trưởng Sài Gòn. Sau hơn ba năm sống lưu vong ở Thái Lan vì bị Thiệu - Kỳ đuổi khi đang cầm đầu phái đoàn Nam Việt Nam thăm Bangkok (1-1965), tháng 8-1968, Dương Văn Minh được Hạ nghị viện Sài Gòn cho về nước. Từ đó Dương Văn Minh rút khỏi chính trường về sống ẩn dật, đóng vai trò người bảo vệ cho "thành phần thứ ba" và những người theo đạo Phật. Dương Văn Minh được xem là con bài của Pháp, được Đại sứ Pháp ở Sài Gòn ủng hộ hết lòng trong việc lên nắm quyền. Phải chăng, nước Pháp đang làm hết sức mình để giành ảnh hưởng tại Việt Nam - nơi mà nước Mỹ đã buộc

lòng phải dứt áo ra đi. Ngày 21-4, khi được tin Xuân Lộc thất thủ, phóng viên Hãng thông tấn Pháp AFP đã thực hiện một cuộc phỏng vấn Dương Văn Minh. Bài phỏng vấn muốn đề cao Dương Văn Minh, muốn tô vẽ cho Dương Văn Minh hình ảnh của "một con người tình hình hiện tại đang cần". Về việc Xuân Lộc thất thủ, Dương Văn Minh chua chát nói với phóng viên AFP:

- Thôi thế là mất hết. Bây giờ cộng sản đã chiếm được Xuân Lộc, dù đã bị tàn phá, họ đã khống chế được một ngã tư rất quan trọng. Họ sẽ tiến thẳng về phía nam theo hướng Vũng Tàu và về phía tây theo hướng Biên Hòa. Người nào chiếm được Vũng Tàu thì chỉ với một vài khẩu đại bác hạng nặng là ngăn chặn được tàu bè từ Sài Gòn ra biển. Người nào chiếm được Biên Hòa thì chiếm được một trong những căn cứ không quân lớn, quan trọng nhất của Nam Việt Nam và họ sẽ chỉ còn cách Thủ đô 20km nữa thôi.

- Vậy thì ngài không tin ở khả năng thương lượng nữa ư?

- Trước khi bắc và trung trung phần bị mất thì cuộc thương lượng có lẽ dễ dàng. Nhưng bây giờ, tôi e rằng đã quá muộn. Nếu trong tuần này không ai đứng ra thương lượng được thì Sài Gòn sẽ đi đứt. Chúng ta sẽ phải sống dưới quyền lực của kẻ chiến thắng. Và Sài Gòn sẽ trở thành "Thành phố Hồ Chí Minh". Đã từ lâu, những người muốn chiến thắng chúng ta nói, họ sẽ đặt tên lại như thế cho cái Thủ đô này.

Sài Gòn trong sự trống rỗng về chính trị kể từ sau ngày Thiệu cuốn gói, với những cuộc dàn xếp ráo riết trong hậu trường, khiến bỗng chốc Dương Văn Minh trở thành con bài sáng giá nhất để cho Trần Văn Hương - "con ngựa già ốm yếu" của chính quyền Thiệu "về vườn". Phe đối lập Nam Việt Nam năm bè bảy mối, bị tê liệt bởi cơ man nào là tham vọng cá nhân,

cũng bỗng chốc thấy có điểm gặp nhau; mau mau ủng hộ cho "Minh lớn" nếu không sẽ trắng tay trong cuộc chiến này. Ngay cả Nguyễn Cao Kỳ, 10 năm trước đây, tháng 1-1965 đã từng đẩy Dương Văn Minh đi sống lưu vong, nay cũng bắn tin sẵn sàng kết bè kết đảng với Dương Văn Minh, để như Kỳ nói là: "... cứu nguy cho dân tộc này". Biệt thự của Minh - còn gọi là "Dinh Phong Lan" vì trồng rất nhiều loại phong lan, chỉ cách Dinh Độc Lập vài trăm mét, tấp nập kẻ ra người vào. Trên đống đổ nát của tình hình quân sự đã trăm phần trăm tuyệt vọng, các phần tử chính trị cơ hội nhảy ra như cào cào, châu chấu. Trong những phần tử ấy, kẻ hăng hái nhất và hoạt động không hề mệt mỏi phải kể đến Trần Văn Đôn. Viên trung tướng 57 tuổi, sinh tại Pháp, lấy vợ đầm có sáu con, nhưng vẫn rất mê nhẩy đầm, nổi tiếng ăn chơi, háo sắc này mang trong người đầy tham vọng. Cứ như thể Đôn sinh ra từ sự đóng cục của những tham vọng. Ngay khi Thiệu từ chức, những tin tức không chính thức đã liên tiếp đến với Đôn là Đôn sẽ đảm nhận chức Thủ tướng để bắt đầu thương lượng. Thế là Đôn chạy nháo cả Sài Gòn để móc nối, dàn xếp. Nhà ngoại giao Pháp Brocent, đã phải thay mặt Đại sứ Pháp Merion nói như vỗ vào mặt Đôn: "Chúng tôi được biết cộng sản chỉ bằng lòng thương lượng với Minh lớn mà thôi".

Nhưng gáo nước lạnh như băng của Brocent cũng không hề làm Đôn nguội tắt lửa lòng. Ngay tối hôm ấy (24-4) Đôn phóng xe tới "Dinh Phong Lan" gặp Dương Văn Minh, ướm hỏi trong trường hợp Dương Văn Minh lên làm Tổng thống, Minh có chấp nhận giao cho Đôn cái ghế Thủ tướng để Đôn đứng ra thương lượng không? Dương Văn Minh mau mắn gật đầu vì đang muốn tống khứ Trần Văn Hương khỏi chức Tổng thống sớm phút nào hay phút ấy. Dương Văn Minh nhấn mạnh với Đôn:

- Chúng ta phải hành động nhanh chóng. Tôi cam đoan với anh là Hà Nội chỉ chờ tôi lên cầm quyền là bắt đầu thương lượng. Trở ngại chính bây giờ là làm sao thuyết phục được lão Hương già nua bàn giao chính quyền. Tôi đã gặp lão và lão cứ khăng khăng giữ cái ghế Tổng thống và mời tôi làm Thủ tướng cho lão. Tôi đã gạt bỏ thẳng thừng, nhưng lão vẫn không chịu. Tôi biết lão chỉ sợ, chỉ nghe người Mỹ thôi. Vậy phiền anh hãy đề nghị Martin gây áp lực với lão...

Tạm biệt Minh đã quá nửa đêm, Đôn vẫn không về nhà mà đến thẳng nhà riêng của Martin. Vừa chợp mắt thì bị Đôn dựng dậy, vị đại sứ già nua cứ gà gật ngồi nghe Đôn thông báo tình hình. Cuối cùng, khi Đôn đứng dậy cáo biệt thì Martin cũng nghe thủng chuyện. Martin tán thành đề nghị của Đôn và hứa sẽ gây sức ép buộc Hương phải trao quyền cho Minh.

Mấy ngày sau, Đôn chạy khắp Sài Gòn, ra sức dung hòa những mối bất đồng của các phe phái khác nhau, chủ yếu là giữa Trần Văn Hương và Dương Văn Minh. Theo Đôn: "Cả Hương và Minh đều xử sự một cách thiếu thực tế. Hương cương quyết không chịu bỏ ghế Tổng thống, còn Minh thì cương quyết không chịu nhận chiếc ghế Thủ tướng. Hình như cả hai không ai biết mối thảm họa hiển nhiên sắp giáng xuống đầu những người khác".

Với một cố gắng gần như tuyệt vọng, sáng 26-4, Đôn lại một lần nữa gặp Hương để thuyết phục Hương từ chức. Để tăng thêm sức ép, Đôn kéo cả Cao Văn Viên và đám bộ sậu cùng đi. Đôn và Viên nói rõ với Hương là tình hình quân sự tuyệt vọng rồi. Nhưng lại một lần nữa Hương ngoan cố không chịu lùi bước. Hương nói với Đôn:

- Tôi muốn anh thay Nguyễn Bá Cẩn ra làm Thủ tướng của một chính phủ thương thuyết.

Đôn từ chối khéo:

- Xin cảm ơn nhã ý của Tổng thống. Tôi được biết qua các nguồn tin tình báo, phía cộng sản chỉ chấp nhận nói chuyện với Minh lớn mà thôi!

Rồi Đôn dò hỏi Hương:

- Tự Minh lớn đến đây (Dinh Độc Lập) xin gặp Tổng thống để bàn về vụ này hay sao?

Hương trả lời có vẻ thật thà:

- Minh lớn đến đây cũng không tiện mà tôi cũng không thể hạ mình để đến nhà riêng của Minh. Chúng tôi đã thu xếp cuộc gặp tại tư thất của một người bạn chung rồi. Tôi có nói với Minh: Người ta bảo anh có đủ điều kiện để thương thuyết, vậy xin anh chấp nhận cái ghế Thủ tướng để đứng ra nói chuyện với phía bên kia. Nhưng Minh không chịu mà đòi tôi trao luôn cả cái ghế Tổng thống cho Minh. Tôi và Quốc hội không tin là Minh có thể lập lại hòa bình. Tôi và Quốc hội sẽ không trao quyền cho Minh. Nhưng hôm nay, tôi mời anh ra làm Thủ tướng để bắt đầu những cuộc thương thuyết, vì tôi vừa được tin họ nói chắc chắn là họ có thể chấp nhận anh...

Thế là một lần nữa Trần Văn Đôn lại trở cờ. Được khuyến khích bởi những điều Hương cho biết (chẳng biết thực hư ra sao), Đôn gạt phắt Dương Văn Minh sang một bên và bắt đầu tranh thủ sự ủng hộ cho tình huống mình được đề cử làm Thủ tướng của "một chính phủ thương thuyết". Trước hết, Đôn gọi điện thoại cho Nguyễn Cao Kỳ, Kỳ nhiệt tình ủng hộ và đề nghị Đôn cử Nguyễn Đức Thắng, bạn Kỳ giữ chức Bộ trưởng Quốc phòng. Ngay sau đó, Đôn triệu tập một cuộc họp khẩn cấp tại biệt thự của mình. Sau khi nghiên cứu kỹ lưỡng tình hình quân sự, thấy rằng chỉ có thể chặn được bước tiến của Quân giải phóng vào Sài Gòn từ năm đến bảy ngày nữa là cùng, Đôn và các thành viên dự họp quyết định phải bắt tay ngay vào việc dự

kiến "thành phần của một chính phủ liên hiệp", do Đôn làm Thủ tướng. Ngây thơ và cơ hội, các thành viên đã tranh cãi, bàn luận về từng chiếc ghế trong chính phủ. Theo họ phân định, Đôn sẽ nắm chức thủ tướng, phó thủ tướng sẽ là người của Mặt trận; Tướng Thắng (bạn Kỳ) sẽ là Tổng tham mưu trưởng: Mặt trận sẽ nắm Bộ Thông tin và Kinh tế; các thành viên khác nửa thân Mỹ, nửa thân Mặt trận sẽ nắm các chức vụ quan trọng như an ninh, tình báo. Trong cơn mê quyền lực, Đôn và tay chân thân tín của mình cử người tìm cách dò hỏi xem Mặt trận dân tộc giải phóng có thể chấp nhận Đôn làm thủ tướng hay không. Nhân mối này cho biết sẽ cần 16 giờ để Mặt trận dân tộc giải phóng biết ý kiến của Đôn và trả lời...

Nhưng Đôn không được sống trọn 16 giờ thấp thỏm trong hy vọng và chờ đợi ấy. Thấy cần phải chấm dứt ngay cái "trò ngu ngốc và nguy hiểm của Đôn", không phải ai khác mà chính Đại sứ Pháp Merion đã phải nói toẹt vào mặt Đôn:

- Ông phải từ chối ngay đề nghị của Hương mời ông làm Thủ tướng. Nếu không chọn Minh thì cộng sản sẽ đánh Sài Gòn ngay đêm nay!

Thế là Đôn lại một lẫn nữa trở cờ. Đôn lại một lần nữa đứng về phía Dương Văn Minh, ra sức vận động cho Minh làm tổng thống để giao cái ghế thủ tướng cho Đôn như đã hứa. Chẳng biết có đúng là Đại sứ Pháp thông báo như vậy không, nhưng ngay sau đó Đôn tìm gặp nói với Hương:

- Đại sứ Pháp vừa gọi điện thoại cho biết, cộng sản sẽ ném bom Sài Gòn vào hồi 18 giờ tối nay trừ phi họ được tin Minh lớn lên làm tổng thống.

Hương ngần ngừ một hồi rồi đồng ý từ chức, nhưng không biết vì bất đắc dĩ hay vì một phản xạ có tính pháp lý mà Hương đòi phải trả một cái giá cuối cùng cho bản hiến pháp. Hương nói

trong bất cứ trường hợp nào cũng không thể trao quyền cho Dương Văn Minh đơn giản như vậy được. Quốc hội sẽ phải hợp pháp hóa việc thay đổi này bằng cách chính thức bầu cử Minh. Hương yêu cầu phải triệu tập ngay Quốc hội để Hương công bố cái thông điệp giải thích lập trường của Hương là: "Nếu Quốc hội không thể quyết định được việc cử Tướng Minh lên thay tôi, và nếu chúng ta không thể nhanh chóng thương lượng thỏa đáng và thành công được thì Sài Gòn sẽ biến thành biển máu và chúng ta sẽ còn phải chiến đấu vì danh dự của tổ quốc". Trong bụng thì nguyền rủa Hương là "lão già lẩm cẩm không biết thân biết phận", nhưng bên ngoài, Đôn lại vắt chân lên cổ chạy tìm Trần Văn Lắm, Chủ tịch Thượng nghị viện để triệu gấp các nghị sĩ quốc hội đến họp. Cuối cùng, thì một cuộc họp tượng trưng theo yêu cầu của Hương cũng được triệu tập vào hồi 10 giờ 20 phút ngày 26-4 với 134 nghị sĩ có mặt, tức không đầy một nửa số nghị sĩ. Để cho Quốc hội thấy là phải hành động thật gấp, Trần Văn Lắm, Chủ tịch Thượng viện mời Trần Văn Đôn, Bộ trưởng Quốc phòng; Cao Văn Viên, Tổng tham mưu trưởng và Nguyễn Văn Hảo, Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Kinh tế tới để nói rõ cho Quốc hội biết tình hình quân sự là tuyệt vọng rồi, tình hình kinh tế cũng tuyệt vọng rồi. Thế nhưng Trần Văn Hương vẫn nước mắt lưng tròng, lề mề giãi bày tâm sự trước phiên họp cuối cùng của quốc hội Sài Gòn:

"Tôi giữ chức tổng thống đã được năm ngày. Hôm nay, tôi thông báo với quý vị là tôi đã gặp Đại tướng Dương Văn Minh, người mà theo dư luận của số đông quý vị là có đủ điều kiện để thương thuyết với phía bên kia. Tôi nói với Đại tướng Dương Văn Minh rằng: Người ta nói anh có đủ điều kiện để đứng ra thương thuyết, vậy xin anh hãy chấp nhận cái ghế thủ tướng để đứng ra thương thuyết với phía bên kia. Và

Đại tướng Dương Văn Minh đã nói như thế này: Thầy đã hy sinh đến nước này, thôi xin thầy gắng hy sinh đến một bước nữa mà thầy trao trọn quyền cho tôi, nghĩa là trao trọn quyền tổng thống cho Đại tướng.

Vậy xin Quốc hội toàn quyền quyết định. Nếu nghĩ rằng tôi phải giao lại quyền cho Đại tướng, tôi xin phép vâng lời Quốc hội. Còn như mà quý vị tính đến chuyện khác, đó là toàn quyền của quí vị. Tôi không có chen vô đó...".

Cuộc họp đã nhanh chóng biến thành cuộc tranh cãi ráo riết. Một số nghị sĩ xưa nay vẫn cam kết vững chắc với Thiệu, là tay chân của Thiệu thì kiên quyết phản đối việc đưa Dương Văn Minh lên vì sợ Minh trả thù. Số khác thuộc cánh hữu lại phá đám bằng cách tán thành việc cử Nguyễn Cao Kỳ lên thay Hương. Cuộc mặc cả kéo dài sang suốt buổi chiều, thỉnh thoảng, Trần Văn Lắm lại xin phép ra ngoài để bàn bạc bằng điện thoại với Dương Văn Minh. Nếu Quốc hội không nhanh chóng nhất trí thì phải dùng vũ lực mà "tống cổ cái lão Hương gần kề miệng lỗ ấy đi". Nhưng rồi, cuối cùng sau khi đã tranh cãi tới chán chê, Quốc hội cũng đi đến được một quyết định. Trừ một phần ba số nghị sĩ từ chối không bỏ phiếu, còn lại cả hai viện đều nhất trí thông qua một nghị quyết cho phép Hương được làm bất cứ điều gì cần thiết, kể cả việc trao quyền Tổng thống cho Dương Văn Minh, để giải quyết cuộc khủng hoảng.

Buổi lễ Hương trao quyền và Dương Văn Minh tuyên thệ nhậm chức Tổng thống dự định vào hôm sau, nhưng Hương đòi chậm nhất phải đợi đến chiều tối để Hương có thể tự hào "làm Tổng thống Việt Nam Cộng hòa được đúng một tuần lễ". Phóng viên Paul Dreipha, tối 27-4-1975 đã điện về cho báo *Le Dauphinė Libėrė* bài tường thuật chi tiết về cái màn kịch ảm đạm, bi hài trong phiên bán đấu giá cuối cùng của sân khấu chính trị Sài Gòn như sau:

"Hương nước mắt lã chã tuyên bố ý định từ chức nhường quyền cho Dương Văn Minh với màn kịch cố gắng làm ra có vẻ bài bản trước Quốc hội để vớt vát chút thể diện... Tất cả những chuyện lố bịch ấy đã diễn ra tại Thượng nghị viện - một tòa nhà hơi giống kiểu Hy Lạp mà ở Sài Gòn người ta quên cả sự tồn tại của nó. Chiểu theo đúng hiến pháp, hai viện họp tại hội trường với những chiếc ghế bành đỏ xếp chung quanh một cái bàn lớn hình móng ngựa. Trong giờ phút bi đát này, số nghị sĩ có mặt không đầy một nửa. Số đông đã rời bỏ đất nước, số khác thấy tốt nhất là không nên xuất đầu lộ diện lúc này. Dẫu sao cũng là một cảnh tượng thảm hại khi một cuộc tranh luận có tầm quan trọng như vậy lại diễn ra trước quá nhiều chiếc ghế bành bỏ trống...

Trong không khí nóng nực đến ghê người của một buổi chiều cuối tháng tư khi Quân giải phóng đã tới ngay cửa ngõ thành phố, mà các diễn giả vẫn tranh nhau lên diễn đàn vung tay diễn thuyết trong tiếng nói chuyện như ong vỡ tổ...

Cho tới tận chiều tối, những ngài cổ thắt caravat, mặt mũi đỏ gay vẫn còn gân cổ lên nói...".

Hương vừa đồng ý từ nhiệm thì Cao Văn Viên phóng thẳng xe về văn phòng riêng của mình trong trụ sở Bộ Tổng tham mưu. Hôm nay là ngày cuối cùng của Viên ở đất nước này. Ngày mai Viên sẽ ra đi. Mọi việc đã được sắp xếp đâu vào đó. Đơn xin hưu trí thâm niên đêm qua Viên đã viết xong nhưng đề trước lên một ngày là ngày 27-4 - ngày mà đơn sẽ được chuyển tới Tổng thống Trần Văn Hương. Vợ con Viên đã di tản cách đây từ bốn hôm trước và đang mỏi mắt chờ Viên ở Guam. Vốn tác phong quan dạng, luôn ra bộ giữ quân phong quân kỷ, Cao Văn Viên ra bàn tự ngồi viết sắc lệnh giải nhiệm mình và cử Đồng Văn Khuyên lên thay. Vừa kéo ghế ngồi, Viên đã thấy trên bàn mình mấy lá

đơn xin từ nhiệm, từ chức của các tướng tá dưới quyền gửi tới, trong đó có đơn của Chuẩn tướng Trần Đình Thọ, Trưởng phòng hành quân và Đại tá Hoàng Ngọc Lung, Trưởng phòng tình báo Bộ Tổng tham mưu. Đơn của Thọ chỉ vắn tắt có hai ba dòng, nhưng đơn của Lung thì dài, vì chứa chất cả tâm tư của Lung sau một tháng rưỡi "ngồi chơi xơi nước" kể từ sau trận tấn công bất ngờ của Quân giải phóng vào Buôn Ma Thuột. Do không đoán trúng được mục tiêu của cuộc tiến công, Lung đã bị Thiệu nổi cơn thịnh nộ chửi rủa là "đồ ăn hại", "đồ vô dụng".

Cao Văn Viên gạt những lá đơn xin từ nhiệm và cả lô công văn giấy tờ bừa bộn trên bàn sang một bên. Lúc này không có thời gian đâu mà giải quyết những công việc vớ vẩn ấy. Viên cần phải làm cho xong những công việc cuối cùng của mình. Bước tới cửa sổ phòng làm việc, nhìn quang cảnh Bộ Tổng tham mưu vắng hoe trong cảnh chợ chiều, nước mắt Cao Văn Viên chảy dài. Viên nhớ buổi chào cờ đầu năm ở Bộ Tổng tham mưu. Lá cờ Đại tướng, Tổng tham mưu trưởng bay trên nóc nhà lầu chính. Viên đội mũ đỏ, áo hoa dù đứng giữa hàng quân để đọc nhật lệnh. Hàng chục tướng xếp hàng ngang. Trên 50 cấp Đại tá xếp hàng dọc. Các sĩ quan, hạ sĩ quan và binh sĩ với đủ loại quân phục của liên quân. Bên trái là đoàn xe quân cảnh hộ tống. Phía xa là trực thăng riêng của Viên đậu trực sẵn... Mới đó mà đã là một giấc mơ xa xôi lắm rồi. Tất cả đã đổ vỡ, tan hoang...

Không còn thời gian và tâm trạng đâu mà suy tưởng, nghĩ ngợi nữa, Cao Văn Viên rút bút thảo lệnh bổ nhiệm Đồng Văn Khuyên thay chức vụ của Viên từ ngày 28-4. Thảo xong, Viên tự gõ máy chữ, ký tên và tìm dấu son đỏ chót đóng đè lên chữ ký của mình. Đây là bản văn có chữ ký và đóng dấu cuối cùng của Cao Văn Viên sau gần 10 năm làm Tổng tham mưu trưởng Quân lực Việt Nam Cộng hòa. Bản văn ấy như sau:

VIỆT NAM CỘNG HÒA
SỰ VỤ VĂN THƯ BỘ QUỐC PHÒNG
BỘ TỔNG THAM MƯU QLVNCH
PHÒNG QUẢN TRỊ

Trích yếu: Về việc xử lý thường vụ chức Tổng tham mưu trưởng Quân lực Việt Nam Cộng hòa.

Vì lý do Đại tướng Tổng tham mưu trưởng nhập viện, nay chỉ định Trung tướng Đồng Văn Khuyên, Tham mưu trưởng Bộ Tổng tham mưu xử lý thường vụ chức Tổng tham mưu trưởng Quân lực Việt Nam Cộng hòa.

Sự vụ văn thư này có hiệu lực từ ngày ký.

KBC-4002 ngày 28-4-1975
Đại tướng: Cao Văn Viên
Tổng tham mưu trưởng
Quân lực Việt Nam Cộng hòa

Sáng hôm sau (28-4), đúng vào lúc thời điểm sự vụ lệnh bổ nhiệm Đồng Văn Khuyên mà Viên đã chu đáo ký trước lên một ngày có hiệu lực, Cao Văn Viên phóng xe tới sứ quán Mỹ, rồi lên trực thăng đậu trên nóc tòa đại sứ bay tuốt ra tàu chiến Mỹ đang đậu ở ngoài khơi. Lúc này trong túi áo Cao Văn Viên vẫn còn viên thuốc độc Xyanit xin của Chuẩn tướng Phạm Hà Thanh, bác sĩ, Cục trưởng Cục quân y mấy hôm trước. Nhưng phút cuối Cao Văn Viên không tự tử mà quyết định di tản. Những ngày cuối cùng lưu vong ở Mỹ, Cao Văn Viên sống một mình, tự đi chợ và nấu ăn ở một căn phòng nhỏ trên lầu hai, khi vợ con đều không còn. Cao Văn Viên sống biệt lập, xa lánh với mọi người và lặng lẽ qua đời ngày 22-1-2008 tại một viện dưỡng lão ở Fairfax.VA, hưởng thọ 87 tuổi. *Tám mươi năm kiếp người*

như gió thoảng/Chiều cô đơn về chậm hồn cao niên - Đó là một trong những lời phúng điếu trong tang lễ của Viên. Trước khi qua đời, Cao Văn Viên để lại cuốn hồi ký *Những ngày cuối của Việt Nam Cộng hòa*. Cuốn sách vốn nguyên tác tiếng Anh có tựa đề *The Final Collapse* do Trung tâm lịch sử quân sự lục quân Hoa Kỳ xuất bản năm 1983, mãi 20 năm sau - năm 2003 mới được chuyển ngữ sang tiếng Việt và phát hành rộng rãi với tên *Những ngày cuối của Việt Nam Cộng hòa*. Trong hồi ký Cao Văn Viên thuật lại khá chi tiết nội dung các phiên họp Hội đồng An ninh quốc gia do Thiệu chủ trì, các quyết định và diễn biến sụp đổ của quân đội Sài Gòn những ngày tháng cuối cùng của chiến tranh mà Viên trực tiếp can dự với chức vụ Tổng tham mưu trưởng Quân lực Việt Nam Cộng hòa.

Mặc dù chỉ còn mấy tiếng đồng hồ nữa sẽ đọc diễn văn từ chức và trao quyền tổng thống cho Dương Văn Minh, Trần Văn Hương vẫn cố còng cái lưng già xuống mà ký sắc lệnh dài dằng dặc, chiếu theo một lô điều quy định của cái thể chế đang hấp hối để giải nhiệm chức Tổng Tham mưu trưởng của Cao Văn Viên. Làm như vậy để - theo Hương nói "cho đúng với quy định của bản hiến pháp". Sắc lệnh Hương ký mang số 419-TT-SL ngày 28-4-1975, mặc dù đã viết tắt cả lô sắc lệnh chiểu theo làm căn cứ nhưng vẫn dài tới 328 chữ. Sắc lệnh Hương viết: "... Chiếu đơn xin hưu trí thâm niên ngày 27-4-1975 của Đại tướng Cao Văn Viên, chiếu nhu cầu công vụ, nay giải nhiệm Đại tướng Cao Văn Viên trong chức vụ Tổng tham mưu trưởng Quân lực Việt Nam Cộng hòa kiêm Tư lệnh lục quân...".

Chiều 28-4, Dương Văn Minh tự mình lái xe tới Dinh Độc Lập, mặc dù quãng đường từ "Dinh Phong Lan" của Minh tới Dinh Độc Lập rất ngắn, không đầy năm phút đi bộ. Trần Văn Hương, các nghị sĩ quốc hội và lèo tèo một số đại diện các cơ

quan chính phủ đã chờ sẵn Minh. Cũng tại phòng khánh tiết, nơi đúng một tuần trước diễn ra lễ từ chức của Thiệu, cũng trong một không khí nhốn nháo tùng xòe, Trần Văn Hương, 72 tuổi, Tổng thống già nua, kẻ sống sót của chế độ Thiệu, lề mề đọc bài diễn văn trao quyền cho Minh. Hương nức nở khóc lóc, giãi bày tâm sự của mình. Hương nói: "Ngày hôm nay là cái ngày đã từ lâu rồi phải có. Nay đã có tức là đáp ứng được một nguyện vọng của tôi từ lâu rồi. Khi Tổng thống tiền nhiệm trao nhiệm vụ cho tôi, tôi vẫn biết cái tuổi già dù muốn dù không tuổi đã cao, sức lực đã mỏi, tất nhiên không thể nào đảm trách được nhiệm vụ..". Hương thanh minh sở dĩ đến hôm nay mới trao quyền Tổng thống cho Dương Văn Minh được không phải là vì Hương "tham quyền cố vị" mà là vì "sự ràng buộc pháp lý". Nhưng "dù muốn dù không, một chương của lịch sử giở qua rồi...". Hương cứ lề mề mãi khiến các thành viên có mặt trong buổi lễ phải sốt ruột. Thế rồi sau đúng 15 phút, Hương cũng chấm dứt được cái bầu tâm sự và những giọt nước mắt lã chã (chẳng biết khóc thật hay khóc giả) của mình. Dương Văn Minh bước lên diễn đàn, bên phải là luật sư Nguyễn Văn Huyền, cựu Chủ tịch Thượng nghị viện được Minh chọn làm Phó Tổng thống phụ trách về hòa đàm, bên trái là nghị sĩ Vũ Văn Mẫu, được Minh chọn làm Thủ tướng... Lúc ấy là 17 giờ 15 phút ngày 28-4-1975. Đám mây trên bầu trời Sài Gòn bung ra và trút xuống một cơn mưa lớn. Tiếng sét và sấm rền vang như bom nổ làm mọi người giật mình, choáng váng. Sau bài diễn văn nhậm chức ngắn với lời kêu gọi "ngừng bắn và thương thuyết", Dương Văn Minh bước ra khỏi Dinh Độc Lập thì cùng lúc một biên đội năm chiếc A.37 do phi công Nguyễn Thành Trung dẫn đường, cất cánh từ sân bay Thành Sơn (Phan Rang) bay vào vùng trời Sài Gòn, giội bom xuống sân bay Tân Sân Nhất. Bom nổ rền vang. Bài diễn

văn kêu gọi thương thuyết của Dương Văn Minh được máy bay A.37 trả lời sau đúng 35 phút, tính từ lúc Dương Văn Minh ngừng nói...

*

* *

Hàng chục máy bay bị phá hủy, đường băng hư hỏng, điện trong khu vực tắt ngóm... Trận bom của biên đội A.37 đã biến sân bay Tân Sơn Nhất thành cơn ác mộng. Cuộc di tản tạm ngừng. Máy bay chở khách và máy bay vận tải không thể hạ và cất cánh ở phi trường Tân Sơn Nhất được nữa. Nhưng những người di tản sống sót vẫn cứ chờ đợi. Không ai chịu bỏ cuộc. Hết giờ này đến giờ khác, họ ngồi la liệt trên sân bay, giữa đống xác chết và đống hành lý bị hất tung, căng tai hướng vào màn đêm tối om, mắt mở to để chờ đợi một chiếc máy bay nào đó quay lại đón họ đi...

Biên Hòa bị pháo kích ngày 27-4, sân bay Tân Sơn Nhất bị ném bom vào chiều tối ngày 28-4, đã đẩy Bộ Tư lệnh không quân Sài Gòn vào cảnh hỗn loạn. Máy bay A.37 và trực thăng từ Biên Hòa, Tân Sơn Nhất ùn đổ về Bình Thủy. Đường băng sân bay Bình Thủy được tráng nhựa lại từ tháng 10-1974 nhưng do không bảo đảm nên toàn bộ máy bay A.37 của Sư đoàn 4 không quân đã tạm thời rời lên sân bay Tân Sơn Nhất, thực hiện các phi vụ cho chiến trường Quân khu 3. Nay toàn bộ số A.37 của Quân đoàn 4 và phần lớn trực thăng còn lại của không quân Sài Gòn cùng lúc dồn cả về, làm náo động cả khu vực sân bay Bình Thủy. Chiều 27-4, hai chiếc phản lực F.5 từ Biên Hòa đi oanh kích về đã không trở lại phi trường mà liều mạng đáp xuống sân bay Bình Thủy. Bọn hoa tiêu F.5 đáp

xuống định xin xăng dầu để đi Thái Lan, nhưng đường băng ở đây quá ngắn, không cất cánh được, thế là chúng quẳng máy bay lại tìm đường chuồn luôn...

Cơ quan tùy viên quốc phòng Mỹ (DAO) và Tư lệnh không quân Sài Gòn không ngờ tình hình diễn biến nhanh đến như vậy. Kế hoạch di tản phi cơ sang Thái Lan đã vạch ra, nhưng chưa đủ điều kiện để thực hiện. Tướng Swanson, tùy viên không quân Mỹ và Trung tá Mitocher, phụ tá vội báo cho Chuẩn tướng Tần, Tư lệnh Sư đoàn 4 không quân là kế hoạch đã thỏa thuận trước, nay hủy bỏ vì thủy quân lục chiến của Mỹ không thể đổ bộ lên chiếm đầu cầu An Thới như dự định. Thay vào đó, Mỹ sẽ cho một tàu chở dầu đến đậu cách tây An Thới năm dặm. Trên tàu có sẵn sân đỗ cho máy bay lên thẳng mỗi lần một chiếc. Trực thăng từ Bình Thủy bay ra sẽ đáp xuống tàu này nhận dầu rồi đi tiếp tới bãi biển nam Utapao... Kế hoạch di tản phiêu lưu này, Tần vừa phổ biến đã bị các hoa tiêu nhao nhao phản đối. Tần vội chạy tìm Thiếu tướng Nguyễn Khoa Nam, Tư lệnh Quân khu 4 trình lại tình hình. Đến lúc này Nam mới ngã ngửa người vì có một kế hoạch di tản phi cơ như thế mà Nam không hề hay biết. Cáu tiết, Nam lệnh cho Tần tạm ngừng kế hoạch di tản lại. Tới 22 giờ đêm ngày 28-4, từ Sài Gòn, Vĩnh Lộc gọi điện báo cho Tần biết, Tướng Minh, Tư lệnh không quân đã bỏ đi và Tần được Tổng thống Dương Văn Minh vừa nhậm chức bổ nhiệm làm Tư lệnh trưởng không quân, Bộ Tư lệnh không quân Sài Gòn tạm thời đặt tại Bình Thủy. Vĩnh Lộc cho Tần biết là Đồng Văn Khuyên đã đi và y cũng vừa được Dương Văn Minh ký sắc lệnh bổ nhiệm đảm trách chức Tổng Tham mưu trưởng Quân lực Việt Nam Cộng hòa. Thế là ngay đêm ấy, Tần triệu tập bộ sậu tới họp, vừa là "mừng" cho Tần được thăng chức Tư lệnh trưởng không quân, vừa là tổ chức lại việc điều hành tác chiến của sân bay Bình Thủy

cho phù hợp với căn cứ của Bộ Tư lệnh không quân Sài Gòn kể từ giờ phút này. Tại cuộc họp, Tần quyết định ba việc phải triển khai tức khắc.

Nhưng kế hoạch của Tần không được triển khai, vì hôm sau, ngày 29-4, toàn căn cứ không quân Bình Thủy đã lâm vào tình trạng không thể kiểm soát nổi. Mấy chục chiếc máy bay A.3U.O.1, trực thăng được phái đi hoạt động chi viện, sau khi cất cánh đã trốn luôn không trở về căn cứ. Và ngày hôm sau nữa, khi Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng, những máy bay khả dụng được đã cất cánh hỗn loạn; riêng số hoa tiêu trực thăng thì lái máy bay đi tứ tung về địa phương, quê quán trốn lủi với gia đình, sau đó đã ra trình diện...

Sáng 30-4, Chuẩn tướng Mạch Văn Trường, Tư lệnh Sư đoàn 21 bộ binh đang bay trực thăng trên vùng giáp ranh thì được lệnh về Sở chỉ huy Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4 gặp Tướng Nam. Tại phòng họp Bộ Tư lệnh, một sĩ quan được lệnh mở máy ghi âm nghe lại lệnh buông súng mà Tổng thống Dương Văn Minh vừa đọc trên đài Sài Gòn. Xung quanh oà khóc. Trong không khí đổ vỡ, hoang mang, Thiếu tướng Nguyễn Khoa Nam, Tư lệnh Quân đoàn 4 tuyên bố:

- Chúng ta tuân lệnh Tổng thống, ngừng bắn tại chỗ, tuy nhiên nếu bị tấn công thì có quyền chống lại!

Mạch Văn Trường cự lại:

- Nhưng chúng ta đang thắng! Lực lượng quân đoàn nguyên vẹn, chưa sứt mẻ gì, sao buông súng?

Tướng Nguyễn Khoa Nam:

- Đồng minh đã tháo chạy. Chúng ta không còn bao nhiêu đạn dược, tiếp liệu, dù có cố gắng cũng không được bao lâu!

Mạch Văn Trường vẫn cố xin cùng binh lính tiếp tục chiến đấu. Tướng Nam gằn giọng:

- Trách nhiệm với 16.000 quân sĩ và 16.000 gia đình của họ, tôi ra lệnh cho anh buông súng!

Chuẩn tướng Lê Văn Hưng, Tư lệnh phó Quân đoàn 4 cũng yêu cầu Trường tuân lệnh, buông súng.

Mạch Văn Trường: - Chuẩn tướng chịu để địch bắt?

Lê Văn Hưng: - Không bao giờ kẻ địch bắt được tôi!

Sáng 30-4, Cần Thơ vẫn yên tĩnh, các chiến sĩ giải phóng chưa xuất hiện. Đại tá, Tiểu khu trưởng tiểu khu Long An gọi điện xin Tướng Nguyễn Khoa Nam, Tư lệnh Quân đoàn 4 cho phép đánh mìn sập cầu Long An để chặn bước tiến của Quân giải phóng. Nghe xong, Nam trầm ngâm một lát rồi lệnh cho Trung úy Lê Ngọc Danh, cần vụ ở với mình đến phút chót trả lời: "Không được. Cầu để nguyên không được đánh sập". Tới 13 giờ chiều thì Nguyễn Khoa Nam chỉ thị bằng điện thoại cho các tư lệnh và tiểu khu trưởng trực thuộc Quân đoàn 4, Quân khu 4 như sau: "Tôi ủy quyền cho các tư lệnh sư đoàn và các tiểu khu trưởng kiêm tỉnh trưởng trực tiếp liên lạc với quân đội của Mặt trận giải phóng tại khu vực đóng quân của mình để chuyển giao trong vòng trật tự, ổn định và duy trì tối đa an ninh cho dân chúng". Tới 4 giờ chiều, có hai đại diện của Quân giải phóng tới trụ sở Bộ tư lệnh Quân đoàn 4 gặp Nam, yêu cầu Nam lệnh các đơn vị thuộc Quân đoàn buông vũ khí. Sau ít phút trao đổi, Nam bắt tay hai đại diện của Quân giải phóng trước khi họ tiếp tục đi làm nhiệm vụ ở nơi khác. Ngay sau đấy, lúc 5 giờ 30 phút chiều, Nam mặc quân phục tác chiến chỉnh tề, áo mũ thêu hai ngôi sao đen rồi nói Danh chuẩn bị xe tới thăm Quân y viện Phan Thanh Giản của Quân đoàn 4 tại Cần Thơ. Nhà thương vắng hoe, khoảng chưa đầy 200 thương binh nặng không thể tự di chuyển được nằm lại, còn tất cả đã tùy nghi di tản. Mắt đỏ hoe vì xúc động, Nam thăm và nắm tay từng người. Đêm 30-4,

Cần Thơ không còn yên tĩnh. Lính Sài Gòn còn súng đạn bắn loạn xạ khắp nơi. Khoảng gần 11 giờ đêm, nghe Trung úy Lê Ngọc Danh, cần vụ báo cáo vợ Chuẩn tướng Lê Văn Hưng, Tư lệnh phó Quân đoàn gọi điện báo tin Hưng vừa bắn vào tim mình tự sát tại nhà. Nam lặng người, thốt lên:

- Tướng Hưng tự sát rồi sao? Chết thế làm chi!

Đêm đầu tiên chiến tranh kết thúc trôi qua nặng nề và giông bão trong giằng xé nội tâm Nguyễn Khoa Nam, viên tướng gốc Huế, Tư lệnh Quân đoàn 4, Quân khu 4. Không biết Nam suy tính những gì, nhưng vào lúc 6 giờ sáng 1-5, Quân y viện Phan Thanh Giản được điện thoại của Trung úy Danh gọi từ tư dinh của Tướng Nam báo tin Nam đã tự sát bằng viên đạn bắn xuyên mang tai từ khẩu súng ngắn Browning luôn mang bên người. Thiếu tướng Nguyễn Khoa Nam không có gia đình riêng, sống một mình với cần vụ. Xe hồng thập tự đưa xác Nam về quân y viện làm thủ tục khai tử, khám nghiệm tử thi và mai táng. Bác sĩ trực Trần Quốc Đông (hiện ở Australia) làm tờ y chứng. Thủ tục khám nghiệm xong, quân y viện mai táng Nguyễn Khoa Nam ngay và chọn ba thứ tư trang của Nam bỏ vào quan tài dùng làm vật lưu dấu phòng thất lạc thi hài người chết. Đó là: một cuốn kinh phật nhỏ đựng trong túi ni lông, một khẩu súng lục hiệu Browning 7,2mm, một thẻ bài kim khí cá nhân...

*

* *

10 giờ sáng ngày 29-4, chiếc trực thăng vũ trang chở Nguyễn Văn Toàn, Tư lệnh Quân đoàn 3 đáp xuống căn cứ Long Bình - Sở chỉ huy của Sư đoàn 18 rút chạy ở Xuân Lộc về. Dáng điệu vội vã, hộc tốc, không nghe báo cáo trước tình hình như mọi khi, vừa gặp Toàn đã vung ba toong ra lệnh cho Lê Minh Đảo:

1- Kể từ giờ phút này, anh (Đảo và Sư đoàn 18 của Đảo)

thay Quân đoàn 3 đảm trách việc phòng thủ và trì hoãn chiến ở khu vực Long Bình. Sư đoàn 18 được tăng cường một Lữ đoàn thủy quân lục chiến gồm ba tiểu đoàn giữ mặt nam quốc lộ 1 và Long Thành.

2- Lệnh cho Lữ đoàn 3 kỵ binh phòng thủ và trì hoãn chiến thị xã Biên Hoà và phi trường Biên Hoà.

Đảo hỏi Toàn:

- Vậy chỉ huy sở của Quân đoàn 3 dời về đâu?

- Bộ Tư lệnh Quân đoàn 3 và Quân khu 3 sẽ rút về Gò Vấp. Tiểu đoàn 7 dù được phối trí từng đại đội giữ bốn cây cầu là cầu Đồng Nai, cầu Sắt, cầu Xe Hỏa và cầu xa lộ Đại Hàn. Nếu mất Biên Hòa, Tiểu đoàn 7 dù phải tức khắc phá hủy bốn cây cầu này. Anh phải đôn đốc và kiểm tra chúng nó...

Nói rồi không chờ Đảo trả lời, Toàn quay gót tót lên trực thăng.

Đấy là mệnh lệnh cuối cùng của Bộ Tư lệnh Quân đoàn 3. 17 giờ chiều hôm đó, Đảo gọi điện về Bộ Tư lệnh Quân đoàn thì được tin Toàn đã di tản cùng với một số sĩ quan thân cận, chỉ còn lại Chuẩn tướng Tường, Tham mưu trưởng Quân đoàn ở Gò Vấp. Kể từ phút ấy, Quân đoàn 3 trên thực tế đã hoàn toàn tan rã. Không một mệnh lệnh nào của Toàn, kể cả việc định phá hủy bốn cây cầu được thực hiện. Các tuyến phòng thủ của vành đai bảo vệ Sài Gòn từ xa đã bị Quân giải phóng nghiền nát. Sư đoàn 25 của tướng Lý Tòng Bá bị đánh tan tác ở Đồng Dù từ mờ sáng 29-4. Bá và bộ sậu tham mưu sư đoàn tháo chạy tán loạn, và phải cải dạng dân thường mò về Sài Gòn... Còn Sư đoàn 5 của Chuẩn tướng Lê Nguyên Vỹ, cũng hoàn toàn mất sức chiến đấu, sau khi Trung tâm huấn luyện Lái Thiêu bị Quân giải phóng tràn ngập. Sáng 30-4, Đại tá, Tiểu khu trưởng tỉnh Bình Dương, Tư lệnh phó Sư đoàn 5 và Trung đoàn trưởng Trung đoàn 8 báo cáo với Vỹ là họ đã bắt

liên lạc được với Quân giải phóng và xin hàng. Vỹ ngồi nghe, thở dài không nói gì...

Sau khi triệu toàn Ban tham mưu Sư đoàn lại hội ý, Vỹ quyết định tất cả các đơn vị của Sư đoàn 5 cho kéo ngay cờ trắng lên những chỗ cao nhất, để chờ Quân giải phóng tới bàn giao. Cờ trắng (chẳng hiểu các tướng tá chuẩn bị từ bao giờ) được kéo lên ở cổng bắc, cổng nam của căn cứ Lai Khê và treo lên trụ ăng ten cao giữa trung tâm chỉ huy hành quân của sư đoàn... Mở đài nghe thấy Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng, dáng điệu buồn bã, Vỹ mời Trung đoàn trưởng Trung đoàn 7 và Trung đoàn 9 vốn chỗ thân tình về tư dinh dùng cơm trưa. Khi mọi người bắt đầu cầm đũa thì Vỹ nhấc ly nước chanh uống một hớp rồi nói:

- Xin lỗi anh em, tôi mệt. Anh em cứ tự nhiên dùng cơm!

Nói rồi không chờ trả lời, Vỹ lặng lẽ rời buồng ăn lên phòng riêng trên gác, không đầy vài phút sau, có tiếng súng nổ và kế đó sĩ quan cần vụ của Vỹ hớt hải chạy xuống báo tin Vỹ đã tự sát và tắt thở. Thế là tan bữa cơm trưa. Trong khi sĩ quan cận vệ lo việc lau rửa máu và thay quần áo cho Vỹ, thì Trung đoàn trưởng Trung đoàn 7 và Trung đoàn 9 hớt hải ra xe Jeep phóng về đơn vị...

Còn Lê Minh Đảo, Tư lệnh Sư đoàn 18 cũng vào giờ đó đã vứt bỏ quân phục, mặc quần áo thường dân mò về tận Cần Thơ, tìm Chuẩn tướng Lê Văn Hưng, Tư lệnh phó Quân đoàn 4, bạn sống chết của Đảo. Nhưng Hưng đã tự sát. Cả Thiếu tướng Nguyễn Khoa Nam, Tư lệnh Quân đoàn 4, Quân khu 4; Chuẩn tướng Trần Văn Hai, Tư lệnh Sư đoàn 7 bộ binh phụ trách Châu Đốc, An Giang, Sa Đéc, Kiên Giang, Kiến Tường cũng đã tự sát. Nhưng Đảo không thể đi theo con đường của Hưng, Nam và Hai, vì Đảo còn ham sống, còn nặng gánh gia đình. Đảo có

tới những chín người con (hai trai, bảy gái). Cách đây mấy ngày, Bích Liên, vợ Đảo đã lặn lội lên tận căn cứ Long Bình tìm Đảo để bàn chuyện di tản. Và Đảo đã nói với vợ như thế này: "Mình ạ! Tính đến chuyện ra đi bây giờ là quá trễ mất rồi. Thôi đành ở lại, lành nhờ, rủi chịu"... Và Đảo đã ở lại, ra trình diện. Sau những năm tháng cải tạo, Lê Minh Đảo được trả tự do và cho phép sang Mỹ định cư với gia đình.

Lại nói về Trần Văn Đôn. Mặc dù phút cuối bị Dương Văn Minh gạt đi và chọn Vũ Văn Mẫu làm Thủ tướng chứ không chọn Đôn như đã hứa, 8 giờ sáng ngày 29-4, Đôn vẫn tới Bộ Tổng tham mưu, như Đôn nói là "để nắm những tin tức chiến sự mới nhất". Lúc ấy, Đôn đã không còn ở trong chính phủ. Trụ sở Bộ Tổng tham mưu mấy ngày trước nhộn nhịp mà giờ vắng hoe. Đồng Văn Khuyên đã ra đi. Hầu hết các tướng tá còn lại của Bộ Tổng tham mưu đã dồn sang khu trung tâm của DAO để chờ máy bay di tản. Các buồng làm việc vắng tanh. Chuông điện thoại reo ở chỗ không người, trong khi quạt máy cứ vù vù quay trong các căn phòng, giấy tờ bỏ lại tung toé... Đôn ra khỏi văn phòng Bộ Tổng tham mưu thì vừa lúc Nguyễn Cao Kỳ đáp trực thăng xuống. Kỳ bắt tay Đôn, nói với Đôn: "Mất hết rồi. Tôi đi đây!". Trực thăng chở Kỳ vừa bay khuất, Trần Văn Đôn lên xe về nhà. Bồn chồn đứng ngồi không yên trong căn phòng trống trải của mình. Vợ con Đôn sợ hết hồn đã ra đi. Đôn nhấc điện thoại gọi Dương Văn Minh. Đôn nói Minh phải cử ngay một Tổng tham mưu trưởng mới thay cho Đồng Văn Khuyên. Một lần nữa, Đôn lại quá lo xa đến những điều mà người khác đâu có cần đến sự có mặt của Đôn. Dương Văn Minh lịch sự cảm ơn và cho Đôn biết rằng ngay từ 22 giờ đêm qua, Minh đã cử tướng Vĩnh Lộc đảm trách chức vụ này... 11 giờ 30 phút trưa, Đôn tới dự lễ tuyên thệ của nội các Vũ Văn Mẫu. Cái nội các

này - Đôn nghĩ, lẽ ra Đôn phải làm Thủ tướng mới đúng. Trong buổi lễ, Mẫu giải thích cho các bộ trưởng về thông báo mà Mẫu vừa đọc trên Đài Phát thanh Sài Gòn, yêu cầu Cơ quan tùy viên quốc phòng Mỹ (DAO) phải rút hết khỏi Nam Việt Nam trong thời hạn 24 giờ. Đến lúc ấy Trần Văn Đôn mới ngã người. Đôn vội gọi điện hỏi Martin:

- Có phải ông Thủ tướng mới đã yêu cầu cơ quan DAO rút về nước không? Thật quả có chuyện như vậy không?

Martin dội thêm cho Đôn một gáo nước lạnh nữa - chắc nhờ gáo nước này mà Đôn mới tỉnh hẳn cơn mê tham vọng quyền lực của mình, Martin nói với Đôn:

- Không chỉ riêng DAO mà toàn thể người Mỹ. Chúng tôi đang sửa soạn rút. Nếu ngài muốn đi thì xin mời ngài có mặt tại sứ quán lúc 14 giờ chiều nay!

Nói xong Martin đặt máy luôn. Và Đôn quyết định ra đi ngay. Cùng chạy với Trần Văn Đôn ngày 29-4 còn có Trung tướng Dư Quốc Đống, cựu Tư lệnh Quân đoàn 3, Quân khu 3 - "bại tướng Phước Long". Trần Văn Đôn sống ở thị trấn Orlando, bang Florida (Mỹ) với nghề nghiệp chính là buôn bán bất động sản. Ngoài ra, Đôn còn viết hồi ký. Hai cuốn sách của Đôn đã xuất bản ở Mỹ là: *Cuộc chiến tranh không chấm dứt ở Việt Nam* năm 1977 và *Những cuộc chiến tranh ở Việt Nam* năm 1985. Trong sách, ngoài chuyện đề cao vai trò cá nhân, Trần Văn Đôn cũng đã buộc phải thú nhận những sai lầm, thất bại và đã tường thuật lại khá sinh động những cuộc đấu đá ráo riết kể cả trong hậu trường của cái sân khấu chính trị bát nháo của chính trường Sài Gòn những ngày cuối cùng của chiến tranh. Riêng về "cái trò ảo thuật thương thuyết cho việc thành lập một chính phủ liên hiệp", Đôn viết: "... Ngay khi lên cầm quyền theo lời khuyên của tôi, Dương Văn Minh đã tiến hành các cuộc đàm

phán khẩn cấp với cộng sản. 16 giờ 30 phút ngày 29-4, Đại sứ Pháp Merion gặp Minh, đem đến câu trả lời cho đề nghị tha thiết của ông ta về các cuộc thương lượng, đình chiến. Câu trả lời của cộng sản là "không". Merion mắt ngấn nước, còn Minh thì hoàn toàn choáng váng. Thế là không có đình chiến nữa rồi. Như vậy là đối phương chỉ tìm kiếm một thắng lợi vang dội - một thắng lợi mà họ đã giành được với sự phối hợp các hoạt động ngoại giao khôn ngoan và áp lực quân sự. Tất cả chúng tôi đều bị lừa. Tất cả những hoạt động sôi nổi của chúng tôi chẳng mang lại một kết quả nào và chúng tôi hoàn toàn vỡ mộng...". Còn Dư Quốc Đống chạy sang Mỹ, sống lưu vong tại Los Angeles. Giống Ngô Quang Trưởng, trong tâm lý của một bại tướng, Đống sống kín đáo, ít khi xuất hiện trước đám đông, không trả lời phỏng vấn báo chí, và đặc biệt không muốn nhắc gì tới sự sụp đổ của Sài Gòn và Quân lực Việt Nam Cộng hòa, nhất là trận Phước Long, trận mở màn cho sự sụp đổ mà Đống là tư lệnh trực tiếp của mặt trận này. Đống về hưu sau 13 năm phục vụ cho Hội bác ái Công giáo tại Los Angeles trong cương vị là người cố vấn tìm công ăn việc làm cho người di tản. Dư Quốc Đống qua đời ngày 22-4-2008 tại Huntington Beach, quận Cam, nam California, thọ 76 tuổi.

18
CHIẾC TRỰC THĂNG CUỐI CÙNG

Báo chí và chính giới Mỹ cho rằng, toàn bộ cuộc di tản khỏi Nam Việt Nam là sự kết thúc thê thảm cho một chương đau buồn nhất trong lịch sử nước Mỹ. Hình ảnh bi thảm của các gia đình Việt Nam đứng trên nóc các cao ốc thành phố Sài Gòn vào lúc tảng sáng 30-4-1975, chờ đợi một cách vô vọng ánh đèn nhấp nháy của chiếc trực thăng mà không bao giờ thấy; hoặc cảnh tượng tàu bè chen chúc chạy ra hướng biển Đông vào lúc sóng động, với một niềm hy vọng mong manh có thể được hạm đội 7 cứu vớt, mãi là cơn ác mộng dai dẳng.

Ngày 4-4-1975, khi Đại tướng Weyand, Tham mưu trưởng lục quân Mỹ kết thúc chuyến thị sát tình hình tại Nam Việt Nam, trở về Washington, thì Sứ quán Mỹ bắt đầu tất bật với việc di tản. Trưa ngày 4-4, toàn bộ khu doanh trại của Cơ quan tùy viên quốc phòng Mỹ tại Sài Gòn (DAO) nhộn nhịp hẳn lên. Thợ mộc và các nhân viên kỹ thuật làm việc rất ráo riết: phá rào, nhổ các cột đèn, dựng nhà, dựng lều để biến khu này thành một trung tâm điều hành cuộc di tản. Buổi sáng, một máy bay phản lực C5A Galaxy của không quân Mỹ - loại máy bay phản lực lớn nhất thế giới, chở theo một khối lượng lớn dụng cụ chiến tranh tiếp sức cho quân đội Sài Gòn vừa bốc dỡ xong, các nhân viên của DAO đã cho 243 trẻ em mồ côi và 44 nhân viên của DAO cùng với những người Mỹ khác lên để chuẩn bị đến chiều thì

bay sang Philippines. Đây là chuyến bay đầu tiên trong chương trình di tản "giảm bớt người" của Tướng Smith, phụ trách cơ quan DAO. 30 phút sau khi rời Sài Gòn, đang bay ra phía biển thì chiếc đèn đỏ cạnh bảng điều khiển nhấp nháy, báo hiệu máy bay có trục trặc, điện về đài chỉ huy ở Tân Sơn Nhất xin quay trở lại, viên phi công cho máy bay sà xuống. Vừa lúc sắp sửa hạ xuống thì một tiếng nổ làm rung chuyển cả máy bay, phần bụng máy bay tung ra, tạo một áp suất lớn tức thời trong buồng khách khiến phần lớn trong số 50 người lớn và toàn bộ trẻ em buộc chặt trên ghế đã chết ngay tức khắc vì thiếu ôxy. Một số khác bị bắn ra ngoài do cửa máy bay bị mở toang. Sứ quán Mỹ thú nhận: Đây là tai nạn tệ hại thứ hai trong lịch sử ngành hàng không: hơn 243 trẻ em và tất cả (trừ 1 người) nhân viên của cơ quan DAO trên máy bay bị chết. Báo chí Sài Gòn và phương Tây bàng hoàng thông tin về sự việc bi thảm này. Ngay ngày hôm sau (5-4), trong xã luận của mình, báo *L' Aurore* viết: "Thật là một thảm kịch thương tâm và lời cảnh báo đau xót: 243 đứa trẻ mồ côi mà người Mỹ đã tưởng dứt được chúng ra khỏi sợ hãi, bỏ rơi và bất hạnh, đã chết chỉ vài phút khi chúng vừa cất cánh rời khỏi đất nước đau thương của chúng. Đối với những đứa trẻ ấy, chiếc máy bay Mỹ của sự giải thoát đã trở thành chiếc máy bay của tử thần. Thật khủng khiếp và bi thảm. Đến đại bác cũng phải giảm bớt tiếng nổ đinh tai nhức óc. Từ đêm qua, chiến sự bỗng lắng dịu, cho phép những đoàn quân chinh phục từ Bắc Việt xả hơi, lấy lại sức, và cho quân Sài Gòn đang tán loạn băng bó vội những vết thương để đón chờ một cuộc vây hãm tứ bề có tính chất quyết định với lịch sử của mình...".

Phụ trách DAO, Tướng Smith choáng váng như bị đánh vào tim. Nguyên nhân tai nạn là do một cánh cửa máy bay bị hỏng. Kết luận mà Tướng Smith không thể không rút ra là: nếu một

chuyến bay tổ chức vội vã có thể dẫn đến thảm họa như vậy, thì một cuộc không vận ồ ạt trong ngày cuối của chiến tranh có thể còn gây ra những hiểm họa không thể nào lường. Ngay sau vụ máy bay rơi, Carter, Giám đốc của USIA tại Sài Gòn điện khẩn về Washington lưu ý rằng: "Tình trạng bất an mỗi lúc mỗi tăng lên ở Sài Gòn. Sài Gòn đang tiến tới chỗ hoảng loạn". Lúc nhận được bản sao bức điện đó, Martin đã nổi cáu quát tướng lên: "Làm gì có chuyện hoảng loạn ở đây. Tất cả chúng ta phải coi chừng không khéo lại gây ra hoảng loạn ở Washington ". Martin quạt cho Carter một trận và nói: "Nếu Washington hỏi ý kiến tôi trước khi dùng chiếc C5A đó, tôi sẽ không cho phép dùng, và đám trẻ con đó sẽ không chết". Cũng từ giờ phút đó, Giám đốc USIA, Carter quyết định báo cáo những nỗi lo lắng riêng tư của mình về Washington bằng điện thoại đường dài, mà không hỏi ý kiến gì Martin nữa.

Ngày 7-4, Phân cục CIA được lệnh thu xếp đồ đạc, tài liệu để nếu cần thì có thể di tản ngay. Polgar phụ trách phân cục lập tức cho gói ghém đồ đạc riêng để vợ mang đi trước. Các nhân viên của phân cục cũng lập tức bắt chước Polgar. Sau này khi Sài Gòn đã sụp đổ, Martin đã phàn nàn với mọi người rằng chính Phân cục trưởng CIA đã "phá hoại tinh thần của các nhân viên trong sứ quán và của cả người Việt Nam nữa".

Bắt đầu từ ngày 7-4, số lượng máy bay vận tải Mỹ ra vào Tân Sơn Nhất tăng lên nhiều, mỗi ngày có tới hàng chục chiếc C.141 khổng lồ bay vào bay ra, ngoài ra còn có cả C.130 bay vào ban đêm. Đúng như Martin dự đoán, việc đẩy mạnh di tản đã lập tức gây ra một làn sóng hoang mang, lo sợ. Sáng thứ bảy 20-4, Noel Gayler, Đô đốc, Tư lệnh quân đội Mỹ ở Thái Bình Dương tới Sứ quán Mỹ thông báo cho Martin biết rằng đã đến lúc phải thực hiện phương án "trường hợp tệ hại nhất", cấp tốc di tản,

giảm số người Mỹ xuống 1.100 người, đồng thời tất cả những người Việt Nam nào mà Sứ quán Mỹ cho di tản phải đưa ngay lên những chiếc tàu vận tải đang đậu trên sông Sài Gòn để ra Vũng Tàu. Gayler nói rằng mặc dù di tản bằng đường sông không phải là cách tốt nhất và an toàn nhất, nhưng đến lúc này không còn cách lựa chọn nào khác, nhất là Nhà Trắng đã có ý muốn dọn dẹp trước để cuối cùng có thể dùng máy bay lên thẳng chở người Mỹ đi được nhanh chóng.

Martin cứ nghe, cứ gật đầu nhưng chẳng cam kết gì. Martin hỏi Gayler:

- Nếu chở bằng máy bay lên thẳng thì trong một ngày cuối cùng có thể chở đi được tất cả bao nhiêu người?

Trung tướng Golber, Chỉ huy đoàn cố vấn Mỹ ở Thái Lan, cùng đi với Gayler, cho biết là có thể chở được 1.900 người, cộng với 800 lính thủy đánh bộ.

Martin nói:

- Nếu thế thì trước mắt không cần giảm ngay xuống 1.100 người như Nhà Trắng yêu cầu. Tức là 2.000 người Mỹ có thể rời Sài Gòn vào phút cuối cùng mà không ảnh hưởng gì đến thành công của cuộc không vận.

Gayler hỏi:

- Thế còn người Việt Nam? Đã có tàu sẵn sàng đó rồi!

Martin đáp:

- Không, không thể dùng những tàu đó được, dù là bây giờ hay những ngày sau này. Nếu đưa những người Việt Nam không có giấy xuất cảnh lên các tàu đó thì lập tức cả thành phố này sẽ lâm vào cảnh hỗn loạn.

Tuy vậy, chẳng cần phải chờ đến chuyện di tản bằng tàu, ngay ngày hôm sau, 21-4, khi Thiệu "bỏ trốn khỏi Sài Gòn", cảnh nhốn nháo đã xảy ra, số người di tản đã tăng lên gấp đôi.

Gayler lập tức mở rộng cuộc không vận chở người ra khỏi Sài Gòn cả ngày lẫn đêm: ban ngày máy bay C.141, ban đêm máy bay C.130 hoạt động liên tục. Vẫn chưa đủ, cũng từ tối ngày 21-4 cuộc không vận bằng máy bay lên thẳng C.47 của Hãng hàng không Mỹ bắt đầu. Tính trung bình mỗi giờ có hai chuyến máy bay vận tải Mỹ ra vào Tân Sơn Nhất. Chiều ngày 23-4, người di tản mà máy bay Mỹ chở tới căn cứ không quân Lark ở Philippines đã quá đông đến nỗi tràn ra ngoài khu đón tiếp "chẳng khác nào ngô rang trong nồi nổ tung tóe ra vậy". Lực lượng đặc nhiệm Mỹ chở người di tản vội vàng báo cho chính quyền đảo Guam thu xếp để tiếp nhận ngay số người quá đông đó.

Cũng chiều ngày 23-4, Tướng Đồng Văn Khuyên, Tham mưu trưởng Bộ Tổng tham mưu, Tổng cục trưởng Tổng cục tiếp vận cho gọi Đại tá Phạm Bá Hoa, Tham mưu trưởng Tổng cục tiếp vận, cộng sự thân tín nhất của mình lên văn phòng. Khuyên nói với Hoa:

- Tướng Smith vừa nói chuyện với tôi, bảo tôi và anh em tiếp vận cho danh sách gia đình trong đêm nay để chuẩn bị di tản vợ con trước, còn mình thì đi sau. Ông ta nói những người di tản sẽ qua Guam trước khi vào lục địa. Ông ta còn nói sẽ ở cạnh tôi đến giờ thứ 25 để cùng đi. Sao, anh có cho vợ con với mấy cháu đi không?

Hoa trả lời:

- Vấn đề rất hệ trọng. Tôi phải tham khảo ba má tôi và thảo luận với vợ con tôi rồi mới quyết định được.

Với giọng trầm buồn, Khuyên nói tiếp:

- Vậy là hết rồi, tiêu tan sự nghiệp Nam Việt Nam rồi. Các ông nắm quyền sinh sát của chính quyền Sài Gòn đang chuẩn bị cao chạy xa bay. Nam Việt Nam giờ đã hỗn loạn và bỏ ngỏ rồi, chỉ còn chờ cộng sản tới là đầu hàng thôi.

Buổi tối hôm đó, trong khi Phạm Bá Hoa và gia đình đang thảo luận về việc di tản hay không di tản, thì Phạm Kỳ Loan, Tổng cục phó Tổng cục tiếp vận gọi điện thoại tới thúc giục. Hoa nói với Loan:

- Tướng Khuyên đã nói với tôi về chuyện di tản và tôi đã nói với tướng Khuyên là sáng mai tôi mới trả lời được.

Loan bảo:

- Nếu để mai thì trễ.

Hoa đáp:

- Đành vậy. Trễ cũng chẳng sao.

Buổi họp kết thúc và gia đình Hoa nhất trí ở lại, sẵn sàng chấp nhận những gì xảy ra dù là cái chết.

Sáng hôm sau Hoa trả lời với Tướng Khuyên và Đại tá Loan là gia đình mình không đi. Tướng Khuyên nói:

- Vợ con tôi cũng không muốn đi. Vì anh biết là mình sống ở xứ người, nhất là ở Mỹ, nó lạc lõng lắm. Bây giờ nó còn gọi mình là tướng tá, chứ sang đó rồi thì mình chỉ là thằng dân mất nước thôi. Ở lại, nếu chết thì đó là cơ hội chấm dứt kiếp người sớm một chút, nếu còn sống thì về quê đắp đổi qua ngày với ruộng rẫy như hồi nhỏ, có sao đâu?.

Hoa nói:

- Đêm qua gia đình tôi cũng có ý nghĩ gần như ý nghĩ của Trung tướng vậy. Và sáng nay tôi đã xin của Tướng Thanh, Cục trưởng quân y hai chai thuốc độc, một để trong tủ ở văn phòng và một để trong túi áo tôi. Tôi sẵn sàng uống thuốc độc khi thấy mình sắp bị cộng sản làm nhục.

Tướng Khuyên liền nhấc điện thoại gọi Tướng Thanh xin hai chai độc dược như Hoa, và chỉ trong chốc lát Tướng Thanh đã cho người mang đến.

Tối ngày 24-4, chuyến máy bay đầu tiên chở người Việt Nam di tản do sứ quán Mỹ sắp xếp cất cánh từ Tân Sơn Nhất. Trên chuyến bay này có vợ con của hầu hết các đại tá thuộc ngành tiếp vận, ngoại trừ vợ con Tướng Khuyên.

Sáng 26-4, Tướng Khuyên lại gọi Phạm Bá Hoa lên văn phòng. Khuyên thông báo với Hoa:

- Đêm qua, tôi buộc phải đưa vợ con tôi đi rồi. Chiều qua Tướng Smith gọi tôi hai, ba lần, nhắc nhở vụ đưa gia đình đi. Giờ chia tay của chúng mình chắc không còn xa nữa, cũng không biết là mình chia tay trong cái chết hay chia tay vì xa nhau, nhưng...

Nói đến đây thì Đồng Văn Khuyên khóc và Phạm Bá Hoa cũng khóc.

Trong khi đó, tại sân bay Tân Sơn Nhất, tràn ngập người là người, đầy cả trong và ngoài vòng rào sân bay, tràn ra ngoài cổng và kéo dài đến cổng Bộ Tổng tham mưu. Đủ thứ xe du lịch do những người đã lên phi cơ bỏ lại đậu ngổn ngang bên trong cũng như bên ngoài sân bay. Có người di tản rất "lịch sự", trước khi lên máy bay bỏ xứ còn thì giờ viết mảnh giấy cột lên tay lái xe với dòng chữ: "Tặng chiếc xe này cho bạn nào vịn vào tay lái trước nhất, chìa khóa xe để ở trong hộc tay phải".

Máy bay di tản liên tục cất cánh trong các ngày 25, 26, 27 và 28-4-1975; trong máy bay đều gỡ ghế để chở được nhiều người và chăng dây ngang từng chặng làm chỗ vịn. Cảnh tượng lên máy bay cũng rất hỗn loạn. Từ tối 28-4, lính thủy đánh bộ Mỹ bắt đầu gác cổng Tân Sơn Nhất và trong khu vực cơ quan DAO, không ai được vào trừ khi có lệnh của Tướng Smith.

Những chuyến máy bay cuối cùng chở người di tản cất cánh tối 28-4-1975. Như vậy phần di tản bằng máy bay C.130 và C.141 đã chấm dứt để chuẩn bị cho việc di tản bằng trực thăng vào sớm ngày hôm sau.

Lúc 11 giờ 30 phút ngày 29-4, Tướng Khuyên đẩy cửa phòng Phạm Bá Hoa. Thấy Hoa đang điện thoại, Khuyên không nói lời nào, lặng lẽ khép cửa rồi ra xe Jeep, leo lên ngồi nhưng chưa cho tài xế chạy. Hoa bước ra cửa, đến đứng cạnh xe, trên bậc thềm. Khuyên biết có Hoa đứng đó nhưng không nhìn Hoa và im lặng hoàn toàn. Theo sau xe Jeep của Tướng Khuyên còn có hai chiếc xe Jeep nữa và trên đó có đủ các sĩ quan thuộc văn phòng của Khuyên. Tướng Khuyên ngoái nhìn Hoa với cặp mắt đỏ và nước mắt chảy dài, rồi ra hiệu chào từ biệt. Hoa biết rằng Khuyên cũng muốn nói lời từ giã, nhưng không nói được, vì Khuyên đang khóc. Khuyên vào cổng sân bay bằng ngả sân gôn, tại đó đã có tùy viên của Tướng Smith đón sẵn đưa vào cơ quan DAO.

Cuộc rút chạy khỏi Biên Hòa diễn ra như thác lũ. Trên xa lộ có bốn đường chạy về phía tây tới Sài Gòn, xe cộ nườm nượp uốn khúc, ùn tắc, nhả ra những đám khói mù mịt trông như những con rắn khổng lồ. Thế rồi đường Sài Gòn đi Vũng Tàu bị cắt đứt ở nhiều chỗ; Biên Hòa, Tây Ninh co rúm lại trước những trận pháo kích suốt ngày đêm. Mọi ngả đường tiếp viện và rút lui đã bị chặn hết; Sư đoàn 25 bị đánh tơi tả ở Tây Ninh đang cố sống cố chết mở đường chạy về Sài Gòn. Trung tâm di tản của DAO hàng ngày có tới 6.000 người khiếp đảm, chen lấn, đánh lộn nhau để giành chỗ lên máy bay. Các lò thiêu ở Sứ quán Mỹ bắt đầu hoạt động, thiêu hủy không biết cơ man nào là hồ sơ, tài liệu tình báo.

Sáng 28-4, máy bay lên thẳng của Hãng hàng không Mỹ đã liên tục đỗ xuống trên mái nhà sứ quán Mỹ, nhặt đi những kẻ cầm đầu trong bộ máy của chính quyền Sài Gòn để đưa ra Tân Sơn Nhất, nhét lên những chiếc máy bay Mỹ đã chật ních rồi chuồn ra ngoài. Một trong những kẻ bỏ chạy sáng hôm ấy có Cao Văn Viên, Tổng tham mưu trưởng quân đội Sài Gòn. Viên phóng xe thục mạng tới cửa sứ quán và được đưa vào thang

máy tuốt lên nóc sứ quán, bắt đầu cuộc hành trình chạy trốn khỏi Nam Việt Nam. Đặng Văn Quang, tay chân tâm phúc của CIA, cựu Cố vấn an ninh của Thiệu, sáng đó lồng lộn ở Bộ Tổng tham mưu và luôn mồm chửi Mỹ, chửi Thiệu đã bỏ rơi mình. Được tin, Nguyễn Cao Kỳ cũng đang tức giận vì không được quan thầy để mắt tới, đã phái ngay tay chân tới bắt Quang. Kỳ căm thù Quang vì mấy bữa trước bị Quang mưu sát, suýt toi mạng. Thấy bọn sĩ quan không quân tới, Quang cuống cuồng ra cửa sau bỏ trốn. Chập tối ngày hôm trước (27-4) theo chỉ thị của Trung ương Cục tình báo Mỹ, Polgar, Phân cục trưởng CIA tại Sài Gòn đã thu xếp một chuyến máy bay bí mật chở đám tay chân của Thiệu sang Philippines, trong số đó có Nguyễn Bá Cẩn, Hoàng Đức Nhã, Nguyễn Khắc Bình...

Ngày 28-4, trong lúc Hương làm cái trò từ chức và Minh lên tuyên thệ nhậm chức Tổng thống thì Martin và Polgar lao vào cuộc tranh cãi về các điều kiện cuối cùng cho cuộc di tản. Cuộc tranh cãi xoay quanh những vấn đề rất lặt vặt, ví dụ về số phận của cây me ở sân sứ quán. Cây me to, cành lá sum suê vẫn phủ lên chiếc xe Chevrolet đặc biệt màu đen, có vỏ chống đạn của Martin. Polgar đòi phải chặt cây me đó đi để lấy chỗ cho máy bay lên thẳng đỗ xuống nhặt người của sứ quán. Martin kiên quyết không chịu với cái lẽ: hạ cây me cũng coi như quyết tâm của người Mỹ đã sụp đổ - một dấu hiệu để ai cũng thấy là người Mỹ đã bỏ cuộc. Cần phải giữ cây me đó lại. (Trưa 29-4, khi cuộc di tản bước vào cao điểm, bất chấp sự phản đối gàn dở của Martin, lính thủy đánh bộ Mỹ đã hộc tốc chặt cây me, gỗ vụn bắn ra như mảnh bom bi). Cũng chiều ngày 28-4, sân bay Tân Sơn Nhất bị đánh bom. Một biên đội năm chiếc A.37 do phi công Nguyễn Thành Trung dẫn đường, cất cánh từ sân bay Thành Sơn bay vào vùng trời Tân Sơn Nhất, dội nhiều loạt bom xuống trúng cả dãy

máy bay. Nguyễn Cao Kỳ có mặt ở Tân Sơn Nhất lúc sân bay bị ném bom, suýt chết. Quả bom hạng nặng đầu tiên rơi cách nhà Kỳ 300m. Lúc đó đã có tới 400 người đang tụ tập trên những bãi đất quanh đó. Đấy là những gia đình binh lính chờ xin chỗ máy bay để di tản. Họ phải ngủ qua đêm để túc trực, quang cảnh trông giống như một trại tị nạn. Lúc những quả bom đầu tiên làm rung chuyển nhà Kỳ, một phi công chạy vào phòng khách kêu lên: "Tôi cất cánh đây". Kỳ cũng hét lên: "Đồng ý. Đi đi". Viên phi công lao lên chiếc máy bay chiến đấu thả bom gần nhất. Kỳ phóng lên chiếc xe Jeep cùng với một thiếu tá lái ra đường băng xem thiệt hại tới mức nào. Căn cứ vắng vẻ im lặng, trái ngược với quang cảnh nhộn nhịp ngày thường. Ai nấy đều chạy vào hầm trú ẩn, và xe Jeep của Kỳ là vật duy nhất mà người ta thấy di chuyển. Các phi công giải phóng chắc đã phát hiện nên bay lượn vòng rồi bắt đầu bắn xuống. Lúc nhảy xuống một cái hố, Kỳ thấy lửa tóe ra từ những họng súng nhằm vào xe Jeep.

Hàng chục máy bay của quân đội Sài Gòn đã bị phá hủy ngay trên mặt đất. Điện bị cắt. Kỳ không thể liên lạc được với Bộ Tổng tham mưu nữa. Những người ở trong nhà đã phải thắp nến ăn cơm...

Khoảng 21 giờ 30 phút, đạn súng cối và tên lửa bắt đầu bắn vào thành phố. Và đến 23 giờ thì Kỳ không còn có thể ngồi yên được nữa. Kỳ lao ra lấy máy bay trực thăng riêng của mình cùng với vài phi công bay lên, lượn vòng chỗ này chỗ nọ. Chỗ nào cũng có đám cháy, những ngọn lửa liếm đến gần sát vòng ngoài căn cứ không quân. Không một máy bay nào có thể cất cánh trên những đường băng đã bị bom khoét nhiều hố sâu...

Trở lại Bộ Tư lệnh không quân ở Tân Sơn Nhất, một cảnh tượng cực kỳ hỗn loạn bày ra trước mắt Kỳ. Toàn bộ Bộ Tư lệnh gồm khoảng 100 sĩ quan, tướng, tá, tập hợp ở văn phòng tư lệnh.

Tư lệnh không quân cho Kỳ biết là người Mỹ đã cho lệnh di tản tất cả máy bay F.5 sang Thái Lan và Philippines. Bộ tham mưu của ông ta đang chờ tại văn phòng để người Mỹ, như đã hứa, lo liệu việc di tản họ.

Ngày 29-4, trời vừa bình minh, đạn pháo lớn 130mm đã bắt đầu rót vào đường băng phi trường Tân Sơn Nhất. Kho nhiên liệu chính bị trúng đạn và chỉ vài phút sau khói đen đã quyện dày đặc và tỏa ra thành một đám mây khổng lồ. Không còn nghi ngờ gì nữa, cuộc tiến công cuối cùng đã mở màn. Nếu căn cứ không quân bị tiêu diệt thì Sài Gòn sẽ chẳng còn gì.

Trong lúc Kỳ đang phải cân nhắc xem sẽ phải làm gì, thì một chiếc ôtô xuất hiện ở cổng. Kỳ ngạc nhiên thấy xe cắm cờ Mỹ và người bước xuống là Martin. Thoạt tiên, Kỳ đoán ông ta đến gặp Kỳ, nhưng không phải. Về sau Kỳ nghe nói Martin phải mất hai giờ để đi xe từ tòa đại sứ đến đây. Ông ta đi cùng với Tướng Smith vì không tin rằng máy bay không thể đáp xuống phi trường Tân Sơn Nhất. Điều này có nghĩa là người Mỹ không thể tổ chức di tản trên quy mô lớn với những máy bay vận tải có cánh được nữa, mà sẽ phải đưa người ra khỏi Việt Nam bằng máy bay lên thẳng. Martin sẽ không thể giữ được lời hứa di tản tất cả những người Việt Nam có quan hệ với tòa đại sứ. Mới mấy ngày trước Martin đã từng huênh hoang: Nếu người Mỹ phải ra đi, tôi sẽ đem theo một triệu người Việt Nam.

Martin chỉ ở lại vài phút và Kỳ đã có thể tưởng tượng được nỗi tuyệt vọng của ông ta sau khi lái chiếc xe chạy vòng quanh sân bay và thấy rằng sân bay không thể sử dụng được nữa.

Ngày 29-4 là ngày Mỹ thực sự chấm dứt hai thập kỷ dính líu bằng quân sự ở Việt Nam. Đó là một ngày xôn xao, náo động. Các máy bay tiêm kích bay lượn suốt ngày để bảo vệ cho cuộc di tản, và các lính thủy đánh bộ được đưa đến gác quanh khu vườn của

tòa Đại sứ Mỹ tại Sài Gòn, trong lúc 81 chiếc trực thăng từ các tàu chiến đậu ngoài khơi Việt Nam đã bay vào đỗ xuống phi trường Tân Sơn Nhất và trên tầng thượng của tòa đại sứ để bốc tới khoảng gần 1.000 người Mỹ còn lại và rất nhiều người Việt Nam khỏi Sài Gòn. Nhưng dù sao đây cũng chỉ là một con số rất nhỏ trong số rất nhiều, có thể tới hàng vạn người Việt Nam muốn ra đi nhưng đã không tìm được phương cách chạy thoát. Những máy bay vận tải cỡ lớn đã bắt đầu tìm cách hạ xuống phi trường Tân Sơn Nhất, nhưng như Kissinger đã nói: "Lúc đó, chúng ta đã cố gắng tìm cách cho các máy bay C.113 hạ cánh, nhưng người di tản đã nhốn nháo đứng đầy sân bay, không ai kiểm soát nổi và họ đã tràn ngập cả các đường băng. Do đó không một loại máy bay có cánh cố định nào có thể hạ xuống phi trường được". Những người muốn ra đi lúc này lại cuống cuồng di chuyển tới một nơi nào đó và về sau được các máy bay trực thăng tới nhặt, bốc ra các tàu chiến đậu ở ngoài khơi.

Cuộc di tản bằng trực thăng đã tiến hành mất hơn sáu giờ, không ngờ mất một thời gian dài đến như vậy. Trong quá trình di tản, hai lính thủy đánh bộ Mỹ đã thiệt mạng khi máy bay trực thăng của họ đâm nhào xuống biển và hai lính thủy đánh bộ khác làm nhiệm vụ gác một cơ quan tại phi trường Tân Sơn Nhất đã bị đạn pháo giết chết. Phi trường Tân Sơn Nhất và các máy bay trực thăng của Mỹ đã phải hoạt động trong tầm hỏa lực của Quân giải phóng. Những viên đạn pháo tầm xa đã nổ trên nhiều khu vực của thành phố Sài Gòn. Hàng loạt ôtô buýt đã chạy như điên khắp thành phố để nhặt những người tị nạn và tìm các điểm an toàn để chuẩn bị di tản. Những người ra đi đã mất hàng giờ sống trong cảnh bấp bênh, thấp thỏm và gặp rất nhiều hiểm nguy trước khi họ đến được tòa Đại sứ Mỹ.

Tại khu vực tòa đại sứ, hàng ngàn người đứng ngoài la hét, van nài xin được đưa vào trong. Họ phải leo lên để rồi được nâng qua một bức tường hàng rào cao trên 3m. Xung quanh họ, bạt ngàn những người là người đang cố gắng một cách tuyệt vọng để tìm đường di tản. Một số ít người đã liều lĩnh trèo lên bức tường rào và rơi ngã vào bên trong, nhưng đã bị lính thủy đánh bộ Mỹ đang đứng dọc theo dãy tường rào ném trở lại ra ngoài, để đảm bảo cho việc di tản của người Mỹ được an toàn. Lính thủy đánh bộ Mỹ phải dùng súng ngắn, báng súng trường để đánh đuổi hàng trăm người Việt Nam trong cơn hoảng loạn đang liều lĩnh xông vào...

Khoảng hơn 800 lính thủy đánh bộ Mỹ đã được sử dụng để bảo vệ cho quá trình di tản ở phi trường Tân Sơn Nhất và tòa Đại sứ Mỹ. Hàng trăm lính Sài Gòn có đầy đủ vũ khí đã tập trung ở phi trường Tân Sơn Nhất, một số lính Sài Gòn đã nổ súng ở Trung tâm điều hành di tản để định cướp máy bay tìm đường tẩu thoát. Phía bên kia đường, trong ngôi nhà mà người Mỹ vẫn ở trước đây, đối diện với tòa Đại sứ Mỹ, binh lính và dân chúng xông vào cướp phá. Họ lấy cả những chiếc ôtô khách của tòa đại sứ bỏ lại, đập phá để rồi tháo gỡ tất cả những cái gì có thể tháo gỡ được trong tòa nhà... Hàng trăm xe môtô, xe ôtô bị phá hỏng, bị đốt cháy nằm ngổn ngang khắp các ngõ phố dẫn đến khu sứ quán. Nhiều ôtô bị vất lại, máy vẫn nổ, đèn vẫn sáng và cửa xe vẫn mở toang hoác ra đó.

Cuộc di tản ồ ạt thực sự bắt đầu vào 15 giờ ngày 29-4. Các máy bay trực thăng khổng lồ của lính thủy đánh bộ Mỹ, từ các tàu sân bay ở ngoài khơi tới đậu ở các bãi đỗ của DAO, chất đầy người di tản rồi lặc lè cất cánh. Những máy bay lên thẳng khác màu xám của Công ty hàng không Mỹ do CIA trả tiền thì bay tới những nhà cao tầng có mái bằng để chở người đi. Một trung

đội lính thủy đánh bộ Mỹ mới toanh được trực thăng vận từ hạm đội 7 vào giữ trật tự cho khu sứ quán. Tại đây và tại những khu nhà cao tầng được chọn làm điểm đỗ cho máy bay lên thẳng, diễn ra cảnh xô đẩy, chen lấn nhau để nhào vào khoang máy bay, để đu người lên những thang dây sắt chật ních người. Hỗn loạn và sôi sục còn hơn cả Đà Nẵng và Nha Trang ngày cuối cùng. Những người sợ bị bỏ rơi đã liều chiếm 10 máy bay lên thẳng của Hãng hàng không Mỹ đậu ở sân bay Tân Sơn Nhất và lái ra biển tìm các hạm đội của Mỹ. Vì vị trí chính xác của các tàu sân bay được giữ bí mật, nên các máy bay lên thẳng đó bay mãi, bay mãi cho đến hết xăng, hết dầu rồi mất hút dưới làn sóng biển.

Tại khu trung tâm di tản của DAO, trong không khí cực kỳ hỗn loạn, Phạm Văn Phú, cựu Tư lệnh Quân đoàn 2, Quân khu 2 xuất hiện. Đó là ngày 27-4, Phú tới đây tìm gặp Tướng Smith, phụ trách Cơ quan tùy viên quốc phòng Mỹ, người toàn quyền xếp lịch và người được di tản trong các chuyến bay. Trong khung cảnh rối mù vì chuyện sắp xếp di tản, Tướng Smith vẫn bỏ ra ít phút tiếp và chụp ảnh chung với Phú, chứng tỏ mối thân tình giữa hai người. Trong ảnh, Phú mặc quân phục cấp tướng chỉnh tề, ngực đeo đầy mề đay, huân chương. Tướng Smith sẵn sàng thu xếp để Phú và gia đình di tản đi Mỹ, nhưng Phú chỉ xin cho vợ con ra đi còn mình thì Phú nói với Smith là sẽ ở lại tới phút cuối cùng. Sáng ngày 29-4-1975, tại nhà riêng của Phú ở đường Gia Long, chờ vợ con rời nhà tới địa điểm di tản, Phú uống liều thuốc độc cực mạnh. Em trai Phú cuống cuồng chạy đi gọi vợ con Phú quay lại. Nhờ một bác sĩ người Pháp ở gần nhà giúp đỡ, Phú được đưa vào bệnh viện Gran cấp cứu. Nhưng Phú mê man mãi tới trưa ngày 30-4-1975 mới tỉnh được giây lát và thều thào hỏi người vợ đang ngồi cạnh:

- Tình hình đến đâu rồi?

- Tướng Dương Văn Minh đã ra lệnh đầu hàng, và cộng sản đã vào Sài Gòn!

Nghe xong, Phú nhắm mắt lại và ra đi. Con trai Phú sau đó vượt biên sang định cư ở Mỹ, đã kể lại những phút cuối cùng của Phú. Phú sinh năm 1929 tại Hà Đông, năm 1953 tốt nghiệp Học viện võ bị liên quân tại Đà Lạt, phục vụ trong binh chủng nhảy dù của quân đội Pháp. Phú bị bắt làm tù binh ngày 7-5-1954 tại Điện Biên Phủ. Sau Hiệp định Geneva, Phú được trao trả, phục vụ quân đội Sài Gòn; được thăng Thiếu tướng năm 1971 và từ 1974 được Thiệu cử làm Tư lệnh Quân đoàn 2, Quân khu 2...

11 giờ 30 phút ngày 29-4, Nguyễn Cao Kỳ đáp trực thăng xuống sân Bộ Tổng tham mưu thì được tin Cao Văn Viên, Tổng tham mưu trưởng đã chạy khỏi Nam Việt Nam. Nhìn lên bầu trời Sài Gòn thấy đầy máy bay lên thẳng của Hãng hàng không Mỹ, Kỳ biết cuộc di tản cuối cùng của các viên chức Mỹ và Việt Nam bắt đầu. Kỳ gọi điện về Bộ Tư lệnh không quân được biết tất cả đã di chuyển đến Văn phòng tùy viên quân sự Mỹ DAO và đang được di tản. Mọi hy vọng đã tiêu tan và Kỳ quyết định ra đi. Kỳ gặp Trần Văn Đôn tại Bộ Tổng tham mưu, khi như Đôn nói là "đến Tổng tham mưu để nắm tình hình chiến sự". Kỳ chia tay Đôn vội vã trong tiếng động cơ ầm ầm của máy bay lên thẳng đang bay đầy trên bầu trời Sài Gòn. Cũng vừa lúc ấy, thì Ngô Quang Trưởng, cựu Tư lệnh Quân đoàn 1 lếch thếch bước tới. Trưởng đang bị bệnh viêm màng tiếp hợp cấp tính hành hạ. Kỳ hỏi Trưởng:

- Anh còn làm gì ở đây?

Trưởng đáp:

- Tôi không còn biết phải làm gì nữa. Vợ con tôi đã đi.

- Vậy thì hãy đi với tôi.

Trưởng và năm, sáu phi công nữa chen chúc trong trực thăng

của Kỳ. Kỳ nổ máy động cơ, lái chiếc trực thăng riêng của mình lượn một vòng trên bầu trời Sài Gòn, rồi bay ra biển. Tàu, thuyền đủ cỡ, đủ loại dường như che kín mặt biển, từ những thuyền chèo bằng tay nhỏ xíu tới tàu chiến, tàu sân bay. Kỳ đáp trực thăng xuống tàu sân bay Midway của Mỹ đang đậu ngoài khơi. Kỳ đã cuốn gói như vậy, mặc dù chỉ mới ba ngày trước đây, trong một cuộc diễn thuyết trước hàng ngàn người theo đạo Thiên Chúa, Kỳ đã hươ chân, múa tay chửi rủa những kẻ di tản là hèn nhát, là "bán linh hồn cho quỷ sứ", và về phần mình, Kỳ thề "... sẽ ở lại chiến đấu bảo vệ Sài Gòn, sẽ sẵn sàng chết để Sài Gòn trở thành một Stanlingrad". Khi Kỳ và 14 sĩ quan cấp tướng và đại tá khác vừa bước ra khỏi trực thăng thì được lời chào như quát của một đại tá Mỹ trên tàu Midway: "Tất cả lại cả đây!". Viên đại tá Mỹ dẫn tất cả đến một cái bàn lớn và ra lệnh: "Các ông để chúng tôi khám người". Đến Guam được ít lâu, Kỳ và một số tướng tá quân đội Sài Gòn được đưa đến một trại lính cũ. Nguyễn Văn Toàn, cựu Trung tướng, Tư lệnh Quân đoàn 3, Quân khu 3 kiệt sức, được đặt lên xe đẩy đưa tới phòng họp. Ngô Quang Trưởng bị viêm màng tiếp hợp cấp tính đến nỗi không thể tự lần được đến chỗ ngồi. Mấy phút sau, một viên sĩ quan Mỹ bước vào yêu cầu tất cả cởi bỏ quân phục. Một tướng Sài Gòn hỏi lại: "Ngay cả sao đeo trên vai cũng không được giữ lại à?". Viên sĩ quan Mỹ trả lời, giọng gay gắt: "Không được! Các ông không còn quân đội và cũng không còn đất nước"...

Đến đất Mỹ mấy tuần thì Kỳ gặp được vợ con đang tạm trú tại chung cư của các gia đình người Mỹ da trắng và da đen lẫn lộn. Kỳ thu xếp cho vợ con di tản khỏi Nam Việt Nam trước Kỳ một ngày, vào sáng 28-4 trên chuyến máy bay quân sự cuối cùng của Mỹ. Vợ Kỳ chỉ có chưa đầy nửa giờ để thu xếp vali. Một thời gian sau, vợ chồng Kỳ thu gom tiền và vay mượn thêm mở một quán rượu theo kiểu cao bồi tại bãi biển Huntington, bang California.

Kỳ để tóc dài, mặc áo chim cò, sọc xanh sọc đỏ cho đúng một dân cao bồi Mỹ, ngồi sau quầy đích thân rót rượu. Tuyết Mai, vợ Kỳ thì ngồi ở quầy thu tiền. Trong kiếp sống lưu vong, Kỳ vẫn đặc sệt tính ngông nghênh và cao bồi như thế. Kỳ cầm đầu một băng cướp gồm toàn những tên đầu trâu mặt ngựa cùng Kỳ di tản sang Mỹ. Băng cướp của Kỳ có tới gần 1.000 tên, núp dưới danh nghĩa "phục quốc" chuyên đi tống tiền những người Việt Nam di tản ở Mỹ và tổ chức ám sát những Việt kiều yêu nước. Năm 1985, Kỳ đã bị đưa ra xét xử trước Ủy ban điều tra những tội ác có tổ chức của Mỹ. Kỳ đã vỡ nợ vì số tiền vay để mua tiệm rượu ở Huntington và 20.000 đôla thua cháy túi trong canh bạc đỏ đen ở sòng bạc Ceasars Palace. Vợ Kỳ thì vay hụi để lấy tiền đánh bạc, khiêu vũ. Nợ nần chồng chất, quán rượu bị tịch biên theo yêu cầu của chủ nợ. Vợ Kỳ lúc đó mới gần 40 tuổi, hãy còn xuân sắc nên nhiều người đeo bám, cuối cùng đã bỏ Kỳ khi đang "sa cơ lỡ vận" để chạy theo cựu Đại úy phi công Bùi Xuân Hiến vừa nhiều tiền vừa trẻ hơn vợ Kỳ. Kỳ tự ái lấy ngay một người vợ mới là Nicol Kim, người đẹp nổi tiếng ở thành phố biển Vũng Tàu trước năm 1975. Kỳ và vợ mới có cơ sở làm ăn, buôn bán ở Hong Kong.

Năm 2004, lần đầu tiên sau gần 30 năm kết thúc chiến tranh, Nguyễn Cao Kỳ đã được phép đưa vợ là bà Nicol Kim và con gái của ông bà về đón năm mới tại quê hương. Từ đó đến nay ông đã trở lại Việt Nam nhiều lần. "Những gì tôi đang cố gắng làm bây giờ là giúp đỡ đất nước tôi. Tôi có trách nhiệm với đất nước của tôi, tôi có lý lịch ở đấy!" - Ông Kỳ trả lời AP như vậy, trong lần đầu tiên ông trở về Việt Nam. Ông Nguyễn Cao Kỳ đã qua đời ngày 23-7-2011 tại một bệnh viện ở Malaysia, thọ 81 tuổi.

Ngô Quang Trưởng cũng đoàn tụ được với gia đình sau nhiều tuần ly tán. Những ngày ở trại tị nạn Ford Chaphi, Trưởng chỉ có 20 đôla trong túi do một cố vấn Hoa Kỳ, bạn Trưởng đưa cho.

Sau đó gia đình Trưởng dọn đến Falls Church, Virginia. Tại đây, cùng một số tướng lĩnh quân đội Sài Gòn chạy thoát sang Mỹ, Trưởng tham gia viết nhiều nghiên cứu về những ngày sụp đổ cuối cùng của quân đội Sài Gòn cho Trung tâm lịch sử quân sự lục quân Hoa Kỳ. Năm 1983, Trưởng được nhập quốc tịch Mỹ và dọn đến Springfield, Virginia, làm phân tích gia điện toán cho Hiệp hội hỏa xa Hoa Kỳ trong 10 năm trước khi về hưu (1994). Trưởng sinh năm 1929 tại Kiến Hoà, và là con rể nhà văn tiền chiến Thạch Lam. Vợ Trưởng là Nguyễn Tường Nhung, một phụ nữ có nét đẹp quý phái. Trưởng được phong trung tướng năm 1970, là một trong những tướng giỏi, ít điều tiếng về tham nhũng của quân đội Sài Gòn. Trưởng qua đời ngày 22-1-2007 tại Falls Church, Virginia. Trong điếu văn đọc tại tang lễ, Nguyễn Duy Hinh, nguyên Thiếu tướng, Tư lệnh Sư đoàn 3 bộ binh thuộc Quân đoàn 1 của Trưởng nói: "Trong suốt thời gian dài trên 30 năm định cư tại Virginia, tôi may mắn ở gần và gặp gỡ Tướng Ngô Quang Trưởng khá nhiều. Tôi đã mời mọc vị cựu tư lệnh của tôi tham gia một số công tác hứa hẹn về hướng đấu tranh dân chủ hóa Việt Nam. Tướng Ngô Quang Trưởng bao giờ cũng từ chối. Ông sống âm thầm với nỗi u sầu khép kín... Với vài ba bài báo viết về ông trong những ngày cuối cùng của chiến tranh, ông bảo có điều đúng, có nhiều điều sai. Vậy thôi!". Ước vọng cuối cùng của Ngô Quang Trưởng trong những năm tháng dài sống tha hương là được đưa tro cốt về cùng đất mẹ. Hơn một năm sau, mùa hè năm 2008, bà Nguyễn Tường Nhung, vợ Ngô Quang Trưởng cùng với các con đã làm theo di nguyện ấy, đưa tro cốt chồng và cha mình về Việt Nam.

*

* *

Bầu trời nặng trĩu bởi những mây đen và tiếng động cơ máy bay. Hàng đàn trực thăng đan nhau rối loạn trên bầu trời thành phố - chúng bay đi bay lại giữa nóc Sứ quán Mỹ, giữa các điểm tập kết, với những tàu sân bay đang đậu ở ngoài khơi; trong lúc đó những máy bay lên thẳng trang bị súng làm nhiệm vụ phòng vệ lượn trên bầu trời. Đường phố đầy rác rưởi, tranh ảnh, thư từ ném từ cửa sổ các ngôi nhà bị cướp phá, hoặc dốc ra từ những ngăn kéo, trên lưng những kẻ hôi của đang khuân chạy. Cảnh sát mặc sắc phục phóng honđa chất đầy của nả vơ vét được, vọt tứ tán trong thành phố. Như những con rối đứt phăng sợi dây điều khiển, toàn bộ bộ máy chính quyền Sài Gòn sụp đổ... Thế rồi màn đêm rùng rợn đổ xuống. Điện tắt. Mưa bắt đầu rơi. Thành phố đầy lo âu, sợ hãi, chìm sâu vào cảnh tối tăm, ảm đạm. Đêm nay - đêm cuối cùng và cũng là đêm kỳ lạ nhất của cuộc chiến. Ló lên khỏi mái nhà, có thể nhìn thấy những đám cháy ở phi trường Tân Sơn Nhất và ở ba góc chân trời còn lại. Đó là dư âm những đám cháy sau trận pháo kích của Quân giải phóng vào thành phố từ mờ sáng hôm nay. Trong màn đêm chụp phủ bịt bùng, chốc chốc những đường lửa đỏ của đạn thẳng lại bay vút lên không trung, cùng với những tiếng nổ ùng oành từ phía tây vọng lại. Những ánh lửa của những đám cháy, của đạn thẳng xuyên màn đêm và ánh đèn hiệu xanh, đỏ lập lòe từ máy bay lên thẳng, giúp người ta có thể nhìn thấy những bóng đen chạy đi chạy lại trên nóc tòa đại sứ Mỹ. Cảnh tượng ấy, khiến ta có cảm giác như được chứng kiến những bóng ma trên nghĩa địa, đang tất bật lo toan cho phút hạ huyệt cuối cùng. Cuộc trực thăng vận tiếp tục sôi sục suốt đêm. Cả đêm ấy, khoảng không gian mù mịt hiện lên những đốm lửa nhỏ trên những chiếc trực thăng, như những con chim săn mồi đang sà xuống mái nhà. Chỉ vài ba phút đỗ lại

thôi, chúng lại nhanh chóng bốc lên. Lặc lè vì chở quá nặng người, chúng cố len lỏi tránh những cần ăng ten lớn trên tầng thượng tòa nhà bưu điện và tháp chuông nhọn hoắt của Nhà thờ Đức Bà, lạch phạch bay ra ngoài khơi, để rồi một lúc sau lại xuất hiện trở lại...

Đêm 29-4, bên dưới chỗ hạ máy bay lên thẳng, trong phòng làm việc bỏ không của mình ở tầng sân khu nhà sứ quán, Polgar đánh bức điện cuối cùng gửi về Washington trên chiếc máy chữ xách tay. Nó có vẻ là một "bức điện liên lạc có tính chất lịch sử" như Polgar ghi trong những dòng đầu của bức điện:

"Sau khi nhận được điện của Tổng thống cho biết việc di tản Sứ quán Mỹ phải hoàn thành trước 3 giờ 45 phút sáng, giờ Sài Gòn ngày 30-4, chúng tôi xin báo đây là bức điện cuối cùng của Phân cục CIA tại Sài Gòn. Chúng tôi sẽ mất khoảng 20 phút để phá hủy những thiết bị điện đài. Như vậy đúng 3 giờ 20 phút, chúng tôi phải chấm dứt mọi sự liên lạc về đất nước".

Ở đoạn sau, Polgar chuyển sang giọng triết lý hùng hồn cứ như thể ông ta viết cho hậu thế. Nhưng theo Frank Snepp, giống như biết bao nhiêu bức điện khác Polgar đã gửi về Washington trong những tuần cuối cùng của cuộc chiến tranh, những điều Polgar viết ra đã phơi bày các ảo tưởng của Polgar nhiều hơn là nói về tình huống và thực tế của hiện đại. Bởi vì cho đến lúc đánh bức điện cuối cùng này, Polgar vẫn tin rằng sự bủn xỉn của Quốc hội Mỹ là nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ hoàn toàn của chính quyền Sài Gòn. Polgar viết:

"Thật là một cuộc chiến đấu rất dài, rất gian khổ và cuối cùng chúng ta đã bị thất bại. Cái kinh nghiệm duy nhất này của lịch sử nước Mỹ tất nhiên không có nghĩa là nước Mỹ thôi không còn là một cường quốc thế giới nữa. Nhưng tính chất nghiêm trọng của thất bại này, và trường hợp cụ thể

của thất bại này, hình như cũng đã buộc chúng ta phải đánh giá lại cái chính sách nửa vời vốn là đặc điểm của hầu hết quá trình tham gia của chúng ta ở đây, mặc dù chúng ta đã đưa vào đây chắc chắn rất nhiều nhân lực và tiền của. Những ai không rút được bài học của lịch sử nhất định sẽ mắc lại những sai lầm của lịch sử. Hy vọng rằng chúng ta sẽ rút được bài học và không bao giờ có một Việt Nam nữa".

Đúng 3 giờ 45 phút sáng ngày 30-4, thời hạn chót Nhà Trắng đề ra cho cuộc di tản, Martin bước ra sân sứ quán lần cuối cùng nhìn cả gần nghìn người còn đang tụ tập nhốn nháo tại đó, rồi vẫy tay gọi Medison, Đại tá Mỹ chỉ huy cuộc di tản ở tòa Đại sứ lại. Martin nói: "Tất cả những người Việt Nam còn lại sẽ phải bốc đi bằng máy bay lên thẳng CH.53 (loại máy bay lên thẳng kếch xù). Những người còn chờ ở trong nhà sẽ phải lùa ra sân hết. Máy bay đậu trên nóc nhà sứ quán lúc này chỉ dành riêng cho người Mỹ đi thôi".

Trong khi những người Việt Nam cuối cùng ở trong nhà được lùa hết ra sân, thì Medison và đám lính thủy đánh bộ đã phân chia những người còn lại thành từng nhóm. Medison báo cáo là phải có sáu máy bay CH.53 nữa mới đủ chở hết số người còn lại.

Lehmann, Phó đại sứ trả lời: "Nếu vậy sẽ có đủ số máy bay cần thiết, và toàn bộ cuộc di tản sẽ được hoàn thành trong 20 phút nữa".

Trong lúc đó thì Martin lặng lẽ xách vali và nói với đám tay chân: "Hình như đã kết thúc rồi thì phải" - Martin vừa nhận được điện của G. Ford, Tổng thống Mỹ chỉ thị phải lập tức ra đi ngay trong chuyến máy bay lên thẳng sắp tới từ nóc nhà sứ quán. Polgar và đám bộ sậu chạy theo, chẳng những hộ tống mà còn phải dìu Martin lên máy bay vì "lúc đó Martin yếu ớt quá, yếu ớt kinh khủng". Martin đi vội vàng đến nỗi bỏ quên cả tấm ảnh của Tổng thống Mỹ Nixon với chữ ký và dòng chữ đề

tặng: "Để ghi nhớ sự nghiệp to lớn của ông ở Đông Dương". Tuy không nhớ gì đến bức ảnh Nixon đề tặng, nhưng Martin lại không quên con chó xù của ông ta, nên bắt người hầu cận phải bế con chó di tản theo ông ta. Thật là hình ảnh có một không ai của người làm đại sứ của một nước luôn tự cho mình là cường quốc, luôn tự cho mình cái quyền dạy bảo thế giới...

Chuyến máy bay lên thẳng cuối cùng ở nóc Sứ quán Mỹ cất cánh lúc 5 giờ 24 phút sáng 30-4. Lúc đó ở bãi để xe của sứ quán còn 420 người (kể cả người Việt Nam và người nước ngoài: Nam Triều Tiên, Tây Đức, Philippines...) đã xếp thành hàng cho sáu chuyến bay của máy bay lên thẳng CH.53 - nhưng đó là sáu chuyến bay không bao giờ có. Thực ra chuyến máy bay lên thẳng cuối cùng của Mỹ rời Sài Gòn là vào lúc 7 giờ 53 phút, nhưng đó là máy bay lên thẳng có vũ trang quay lại đón lính thủy đánh bộ Mỹ bảo vệ sứ quán và phá hủy nốt các thiết bị cuối cùng trước khi rút chạy.

Thế rồi ánh ban mai của ngày mới, ngày 30-4-1975 cũng lóe rạng. Nhưng cái hãi hùng của ban đêm vẫn chưa biến đi hết. Trong áng sáng lờ mờ của rạng đông, Sài Gòn là một thành phố ma. Những đám mây lớn trắng như bông, cuộn tròn thong thả bay trên các bao lơn im lặng của các cao ốc, các biệt thự và cả những khu nhà ổ chuột. Chỉ còn cảnh ồn ào, náo động cuối cùng ở khu vực Sứ quán Mỹ mà thôi...

Khoảng 5 giờ 30 phút sáng 30-4, Quân giải phóng đã mở các cuộc tiến công từ các hướng vào thành phố; xe tăng của Quân giải phóng đã vượt qua cầu xa lộ sông Đồng Nai và tiến thẳng vào nội thành. Cũng vào lúc đó, tại Washington, Kissinger vừa mới bắt đầu cuộc họp báo buổi chiều đã được ấn định từ lâu: "Việc di tản tất cả những người Mỹ tại Sài Gòn đã được hoàn tất". Một vài phút sau, một phụ tá đến tuồn cho Kissinger một mẩu giấy nhỏ, trong đó viết: "Thực ra vẫn còn lính thủy đánh bộ trong sứ quán". Kissinger lịm người đi nhưng không nói chi

tiết này cho các nhà báo. Nhưng cuộc họp vừa xong, Kissinger đã chạy bổ về nơi làm việc của đám nhân viên trong khu nhà hành pháp, hét như điên dại: "Phải rút ngay những lính thủy đánh bộ ấy khỏi Sài Gòn đi". Giả sử có lính thủy đánh bộ Mỹ nào chẳng may chết sau khi Kissinger đã dõng dạc tuyên bố cuộc rút chạy đã thành công mỹ mãn, thì hẳn cái xác đó quyết không được mang tên cũng như quốc tịch của kẻ đã chết.

7 giờ 30 phút giờ Sài Gòn, ngày 30-4, tốp lính thủy đánh bộ Mỹ do Thiếu tá Jame Kean chỉ huy đóng sập những cánh cửa lớn bằng gỗ sồi của sứ quán chặn cửa lại rồi chạy lên cầu thang. Ở tầng thứ nhất và tầng thứ tư, lính thủy đánh bộ quẳng lựu đạn vào khoang cầu thang máy và đóng chặt những tấm cửa chớp bằng thép ở các chỗ ra vào buồng thang máy. Mặc dù vậy, khi lính thủy đánh bộ nhảy những bậc thang cuối cùng lên chỗ máy bay trên sân thượng thì đám người di tản hoảng loạn cũng phá được cửa tầng dưới và lao lên. Ở đầu cầu thang, lính thủy đánh bộ đã tìm cách khóa chặn chiếc cửa nhỏ đi ra chỗ hạ máy bay, cố tranh thủ cho mình chút thời gian quý báu để leo lên chiếc máy bay lên thẳng đang chờ sẵn. Nhưng khi lính thủy đánh bộ Mỹ cuối cùng nhoài người vào được trong khoang máy bay thì nhiều người di tản đã chen nhau leo qua gờ tường sân thượng. Đúng vào lúc những người di tản đầu tiên lao được tới cửa máy bay thì chiếc máy bay lên thẳng cất mình lên. Lúc đó là 7 giờ 53 phút sáng 30-4 giờ Sài Gòn. Từ một ngôi nhà thấp hơn ở cuối đường Thống Nhất, một tốp lính Sài Gòn giận dữ xả súng theo. Chiếc máy bay lên thẳng phệ bụng tránh được. Tiếng động cơ của nó loãng dần trong không khí ẩm ướt của ban mai và trong chốc lát người ta chỉ còn nhìn thấy một chấm đen, bay về phía chân trời màu xám. Đó là chiếc máy bay lên thẳng cuối cùng...

19
PHÚT TẮT THỞ CỦA BỘ TỔNG THAM MƯU QUÂN ĐỘI SÀI GÒN VÀ CHÍNH THỂ VIỆT NAM CỘNG HÒA

Bộ Tổng tham mưu Quân lực Việt Nam Cộng hòa trong ba ngày cuối cùng 28, 29 và 30-4-1975 thê lương quá cảnh chợ chiều. Nó không còn cái vẻ uy nghi, cờ súy lộng lẫy như thuở vàng son ngày nào. Không một viên tướng nào còn tâm trí để mà ra lệnh ở cái Bộ Tổng tham mưu này nữa, số đông đã cuốn gói, số còn lại cũng đang cuống cuồng lo chuyện di tản. Còn lại có chăng một số sĩ quan mẫn cán chỉ biết chờ lệnh để thi hành. Đại tá Phạm Bá Hoa, Tham mưu trưởng Tổng cục tiếp vận quân đội Sài Gòn là một trong số sĩ quan mẫn cán đến ngây thơ đó. Thủ trưởng trực tiếp của Hoa là Trung tướng Đồng Văn Khuyên, Tham mưu trưởng Bộ Tổng tham mưu kiêm Tổng cục trưởng Tổng cục tiếp vận đã cuốn gói. Vì vậy Hoa tự thấy phải vào tổng hành dinh của Bộ Tổng tham mưu để xin lệnh. Nhưng tổng hành dinh cũng vắng như chùa Bà Đanh.

Trên tấm bản đồ tác chiến khổ rất lớn, màu sắc thật tươi trong văn phòng của tướng Cao Văn Viên, Tổng tham mưu trưởng, những ký hiệu màu đỏ chỉ mũi tiến công của các sư đoàn Quân giải phóng đã đâm thẳng vào và bao vây chặt Sài Gòn. Hoa đếm được ở đó có tới 12 sư đoàn bộ binh, một sư đoàn pháo, hai trung đoàn pháo cao xạ và hoả tiễn, và hai trung đoàn

chiến xa. Vậy là số phận Sài Gòn đã được định đoạt. Vì bên trong Sài Gòn lúc này có đơn vị nào phòng thủ nữa đâu, chỉ có đám tàn quân của Sư đoàn dù, Sư đoàn 5, Sư đoàn 25, Sư đoàn 2, Sư đoàn lính thủy đánh bộ chạy nhớn nhác, tay không súng, đầu không mũ, tay dắt vợ, lưng cõng con, phờ phạc trong từng lớp sóng người tay xách nách mang ngược xuôi tìm đường di tản. Cảnh tượng thật là thảm hại. Tướng Viên sau khi ký quyết định cử Tướng Khuyên xử lý thường vụ chức vụ Tổng tham mưu trưởng, đã dắt theo Đại tá Tòng, Chỉ huy trưởng tổng hành dinh Bộ Tổng tham mưu chạy tới sứ quán Mỹ rồi lên trực thăng chuồn mất. Tướng Viên chạy, Tướng Khuyên được cử thay Tướng Viên cũng chạy. Thế là Bộ Tổng tham mưu Quân lực Việt Nam Cộng hòa như rắn mất đầu.

Trước tình cảnh ấy, Phạm Bá Hoa đánh liều gọi điện báo cáo thẳng với Đại tướng Dương Văn Minh, người vừa được lưỡng viện quốc hội tấn phong làm Tổng thống Việt Nam Cộng hòa:

- Kính trình Đại tướng, tôi Phạm Bá Hoa, Tham mưu trưởng Tổng cục tiếp vận thuộc Bộ Tổng tham mưu xin kính trình: Hiện không còn một tướng lãnh nào ở Bộ Tổng tham mưu nữa. Tướng Viên đi, Tướng Khuyên cũng đi. Đại tá cũng chỉ còn ba, bốn người nữa thôi. Nếu từ giờ đến tối mà không tướng nào vào giữ Bộ Tổng tham mưu thì chúng tôi sẽ dời qua Biệt khu Thủ đô làm việc.

Trả lời Hoa, Dương Văn Minh báo cho biết là trước khi trời tối sẽ có phái đoàn tướng lãnh vào tổng hành dinh Bộ Tổng tham mưu nhận việc. Và chính ngay lúc đó, Tổng thống Dương Văn Minh hạ bút ký lệnh bổ nhiệm Trung tướng Vĩnh Lộc làm Tổng tham mưu trưởng Quân lực Việt Nam Cộng hòa. Nguyên văn lệnh bổ nhiệm này như sau:

VIỆT NAM CỘNG HÒA
TỔNG THỐNG

MẬT
SỰ VỤ LỆNH

SỐ: 034-TTSVL

Vì nhu cầu công vụ, nay bổ nhiệm: Trung tướng Vĩnh Lộc, thuộc Bộ Tổng tham mưu Quân lực Việt Nam Cộng hòa, giữ chức vụ Tổng tham mưu trưởng Quân lực Việt Nam Cộng hòa.

Sự vụ lệnh này có hiệu lực kể từ ngày ký và sẽ được điều chỉnh sau bằng sắc lệnh.

Sài Gòn ngày 29-4-1975
Tổng thống
Việt Nam Cộng hòa
Đại tướng Dương Văn Minh

Nơi nhận:
- Thủ tướng Chính phủ,
- Tổng trưởng Quốc phòng
- Trung tướng Vĩnh Lộc
(Bộ TTMQLVNCH)
"để thi hành"
Sao kính gửi:
- Phó Tổng thống VNCH
"để kính tường".

Đây là bản văn cuối cùng của chính thể Việt Nam Cộng hòa, là bản văn đầu tiên và cũng là duy nhất có chữ ký và đóng dấu của Dương Văn Minh, Tổng thống cuối cùng của Việt Nam Cộng hòa.

Đúng như lời hứa của Dương Văn Minh, khoảng 6 giờ chiều ngày 29-4-1975, phái đoàn tướng lãnh vào Bộ Tổng tham mưu, gồm có: Trung tướng Vĩnh Lộc, Tổng tham mưu trưởng; Chuẩn tướng Nguyễn Hữu Hạnh, Tham mưu trưởng; Chuẩn tướng Nguyễn Văn Chức, Tổng cục phó Tổng cục tiếp vận; Đại tá

Nguyễn Khắc Tuân, Chánh văn phòng của Tướng Lộc; Đại tá Đỗ Ngọc Nhân, Tham mưu phó; Đại tá Trần Cao Thắng, Chỉ huy trưởng tổng hành dinh; cựu Chuẩn tướng Phạm Bá Lân và Trung tướng Lữ Lan. Phạm Bá Hoa bàn giao công việc lại cho Tướng Chức, Tổng cục trưởng Tổng cục tiếp vận sau khi đã thuyết trình ngắn về các sĩ quan ai còn ai chạy.

Sáng 30-4, Hoa vào văn phòng nhưng khi đến cổng Bộ Tổng tham mưu thì bị lính gác chặn lại, bảo trình thẻ ra vào. Hoa bảo là thẻ để ở văn phòng. Lính gác cho biết Đại tá Thắng, Chỉ huy trưởng tổng hành dinh ra lệnh bất kể ai phải có thẻ mới được vào. Hoa sang Biệt khu Thủ đô để xem tình hình. Cùng lúc đó, văn phòng Tướng Chức điện thoại cho Hoa biết là Tướng Chức đã rời Tổng cục tiếp vận lúc 3 giờ sáng và chạy trốn rồi. Mấy ông tướng trong phái đoàn tướng lĩnh đến Tổng tham mưu chiều qua cũng đã chuồn hết rồi...

Trên khung cảnh đổ vỡ tan hoang của sân khấu chính trị và sự cắm cổ bỏ chạy của kép chính, kép phụ, những con rối ngây thơ cố sức trong màn diễn cuối cùng. Có lẽ Trung tướng Vĩnh Lộc và dân biểu Lý Quý Chung là những diễn viên gây ấn tượng nhất trong màn bi hài kịch cuối cùng. Tưởng rằng đã tuyệt vọng và bị lãng quên nay lại được Dương Văn Minh vời tới, Vĩnh Lộc thấy mình như từ cõi chết trở về. Lộc cảm động đến chảy nước mắt vì cái ơn mưa móc ấy. Lộc đã từng tự phong cho mình là "anh cả Trường Sơn", là "lãnh chúa Tây Nguyên" cai quản Quân khu 2. Vĩnh Lộc đã tham gia đảo chính lật đổ triều đình họ Ngô. Lộc được Dương Văn Minh tin dùng giao cho chức Tư lệnh thiết giáp của quân đội Sài Gòn. Bị Nguyễn Văn Thiệu, Cao Văn Viên cho về vườn, Lộc những tưởng đời binh nghiệp của mình đã tàn. Nay Minh lên, nhớ tới thuộc hạ cũ lại cho vời Lộc ra làm Tổng tham mưu trưởng. Sáng 29-4, Vĩnh Lộc thức dậy từ sớm,

râu ria cạo nhẵn, áo quần tươm tất, sức nước hoa thơm lừng, khập khiễng chống batoong (vì Lộc bị khớp nặng) bước lên chiếc Mercedes đã được lau chùi bóng nhoáng từ đêm. Ngồi phưỡn bụng trong chiếc xe cắm cờ tướng, Vĩnh Lộc thúc lái xe mở hết tốc lực phóng tới trụ sở Bộ Tổng tham mưu để - như Lộc nói - "còn điều hành cuộc chiến, điều hành cuộc phòng thủ bảo vệ Sài Gòn". Trong lúc Vĩnh Lộc mũ áo chỉnh tề, mặt mày phởn phơ một cách hãnh tiến và ngu ngốc, chống ba toong khập khiễng lên từng bậc thang ở tầng lầu trụ sở Bộ Tổng tham mưu, thì Lý Quý Chung, dân biểu vừa được tấn phong chức Bộ trưởng Thông tin hối hả tới Đài bá âm Sài Gòn để thực hiện công vụ đầu tiên của nội các Vũ Văn Mẫu - cái nội các chưa và sẽ không bao giờ có lễ ra mắt. Dương Văn Minh, Tổng thống cuối cùng của chính thể Việt Nam Cộng hòa đã phải cắm mặt bới móc trên đống đổ nát của sân khấu chính trị Sài Gòn, để nhặt người vào nội các. Việc đó đã khó, nhưng việc làm sao sơn phết được cái nhãn hiệu "vì dân vì nước" cho cái chính phủ này còn khó hơn nhiều. Lý Quý Chung chính là quân cờ tiên phong mà Dương Văn Minh và Vũ Văn Mẫu chọn cho ván bài cơ hội, nhưng lại bị lật ngửa trước thực tế cuối cùng. Không phụ lòng Minh và Mẫu, Lý Quý Chung đã hành động mau lẹ, tức thời. Vị dân biểu này cho tìm ngay anh Huỳnh Tấn Mẫm, nguyên Chủ tịch Hội Sinh viên Sài Gòn, người nổi tiếng trong phong trào đấu tranh yêu nước của học sinh, sinh viên miền Nam đã bị chính quyền Thiệu bắt giam sáu lần, và lần bắt giam sau cùng này đã kéo dài hơn ba năm. Đang ở trong phòng biệt giam tận Gò Công, anh Mẫm được tìm đón đưa ngay về Sài Gòn. 13 giờ chiều ngày 29-4, dân biểu Lý Quý Chung tổ chức cuộc phỏng vấn anh Huỳnh Tấn Mẫm tại Đài bá âm Sài Gòn, cuộc phỏng vấn mà vị dân biểu này nói là "không có vấn đề một sự dàn cảnh nào hết".

10 phút trước khi cuộc phỏng vấn diễn ra, tức 12 giờ 50 phút trưa 29-4-1975, đài Sài Gòn truyền đi phát biểu do dân biểu Lý Quý Chung nói trực tiếp trên sóng tại đài bá âm. Mở đầu, vị Bộ trưởng Thông tin cuối cùng của chính thể Việt Nam Cộng hòa vừa được tấn phong tuyên bố:

"Kính thưa đồng bào thân mến,

Vì tình thế cấp bách cho nên mặc dù tân nội các chưa công bố, Thủ tướng Vũ Văn Mẫu sẽ được công bố trong thời gian sắp tới, thật ngắn tới đây. Chúng tôi nhận quyết định ngày 29-4-1975 của Thủ tướng ký, chúng tôi nhận lãnh trách nhiệm Tổng trưởng Thông tin.

... Chúng tôi thấy điều cần hơn hết để thưa với đồng bào rằng đồng bào hãy an tâm, vì tất cả các nỗ lực để tái tục hòa đàm đang được nội các hiện tại nỗ lực tối đa để đạt đến...".

Tiếp đó, vị tân Bộ trưởng Thông tin trịnh trọng thông báo:

"Chúng tôi xin trân trọng giới thiệu với đồng bào một người mà có lẽ tất cả những người yêu nước, tất cả những người yêu chuộng tự do và hòa bình ở miền Nam Việt Nam, tất cả những ai tranh đấu hy sinh cho những điều đó đều đã biết sự hy sinh đóng góp của người này cho sự nghiệp chung cách mạng miền Nam Việt Nam, đó là sinh viên y khoa Huỳnh Tấn Mẫm".

Lời phát biểu của tân Bộ trưởng Thông tin Lý Quý Chung kéo dài đúng 10 phút. Liền ngay đó, đúng 13 giờ, đài Sài Gòn vang lên phát biểu của anh Huỳnh Tấn Mẫm. Trong phát biểu rất ngắn của mình, anh Huỳnh Tấn Mẫm kêu gọi:

"... Các bạn sinh viên, học sinh thân mến,

Quá trình đấu tranh của chúng ta là tranh đấu cho độc lập, tự do chống đế quốc Mỹ, giành lại chủ quyền Nam Việt Nam. Sự đóng góp của sinh viên, học sinh là một phần cuộc đấu tranh chung của dân tộc... Không có lý do gì chúng ta lại hốt hoảng, sợ

sệt để trốn chạy ra ngoại quốc. Chúng ta nhất định phải ở lại để tiếp tục hòa giải, để tiếp tục xóa bỏ hận thù giữa những người anh em ruột thịt của chúng ta. Chúng ta giữ vững niềm tin lập trường cố hữu của chúng ta, từ hơn 20 năm qua. Tôi và các bạn sẽ tiếp tục tranh đấu cho hòa giải hòa hợp dân tộc trong tương lai...".

Ngay sau đó là cuộc phỏng vấn trực tiếp anh Huỳnh Tấn Mẫm do tân Bộ trưởng Thông tin Lý Quý Chung trực tiếp thực hiện và giới thiệu.

Gắn hình ảnh những con người yêu nước, dũng cảm đấu tranh cho độc lập dân tộc vào chính phủ do Đại tướng Dương Văn Minh làm Tổng thống, câu hỏi đầu tiên vị tân Bộ trưởng nêu với anh Huỳnh Tấn Mẫm như thế này:

- Tôi xin hỏi rằng, khi anh Mẫm được trả tự do lần này nhờ chính phủ hoà hợp hòa giải Dương Văn Minh, xin hỏi anh và anh thẳng thắn trả lời cho đồng bào biết rằng, lần trả tự do này có kèm theo một điều kiện nào không?

Câu hỏi thông minh này hàm chứa ngay sự trả lời. Nó có nghĩa khẳng định rằng, anh Huỳnh Tấn Mẫm và những chiến sĩ yêu nước, kiên cường như anh Mẫm sở dĩ được trả tự do là nhờ có chính quyền Dương Văn Minh - một chính quyền đấu tranh cho những điều tốt đẹp như vậy, đương nhiên phải là "một chính quyền mong đợi, một chính quyền sạch sẽ".

Nhưng anh Huỳnh Tấn Mẫm đã trả lời ngay, trả lời rõ ràng, dứt khoát như sau:

- Đúng như yêu cầu của tôi là tôi phải được trả tự do tại Sài Gòn. Hôm nay, chính phủ của Đại tướng Dương Văn Minh đã thực hiện điều đó.

Ngày 21-2-1974, sau Hiệp định Paris, chính quyền Nguyễn Văn Thiệu đã buộc phải trả tự do cho anh Huỳnh Tấn Mẫm, nhưng thay vì trả tại Sài Gòn lại trao trả tại Lộc Ninh. Anh

Mẫm kiên quyết phản đối và chính quyền Thiệu lại biệt giam anh liên tục cho đến ngày hôm nay, qua các trại tù ở Bình Tuy, Long Hải và Gò Công. Hôm nay, chính quyền Dương Văn Minh đã thực hiện cái điều mà lẽ ra chính quyền Nguyễn Văn Thiệu phải thực hiện từ hơn một năm trước. Anh Mẫm và các chiến sĩ yêu nước bị tù đày, được trả lại tự do là kết quả của cuộc đấu tranh anh dũng, với biết bao xương máu của nhân dân, đâu có phải chỉ là do "đường lối hòa hợp, hòa giải dân tộc" của chính quyền Dương Văn Minh mang lại.

Câu trả lời của anh Mẫm rõ ràng, dứt khoát như vậy. Và vị tân Bộ trưởng Thông tin cuối cùng của chính thể Việt Nam Cộng hòa, rất nhanh sau một thoáng ngỡ ngàng đã đáp lại anh Mẫm bằng lời giải thích và kêu gọi như thế này:

"Không phải riêng gì anh Mẫm được trả tự do, mà tất cả những người nào đã bị bắt vì lý do chính trị, vì đã chống đối lại chính quyền độc tài, vì đã đấu tranh tích cực cho hòa bình và hòa hợp, hòa giải dân tộc mà bị giam cầm, hay vì những chính kiến khác biệt, tất cả những người đó đều sẽ được chính phủ Dương Văn Minh lần lượt trả tự do... Chúng tôi xin đồng bào hãy an tâm và tin tưởng vào cuộc nói chuyện dàn xếp giữa người Việt Nam hai bên để đồng bào vững tin, hy vọng ở ngày mai, ở tương lai của miền Nam Việt Nam, ở lại để xây dựng xứ sở của mình trong hòa bình, hòa giải và hòa hợp dân tộc"[1].

---

1. Toàn bộ phát biểu của tân Bộ trưởng Thông tin Lý Quý Chung, phát biểu của anh Huỳnh Tấn Mẫm và nội dung cuộc phỏng vấn trên đây tại Đài bá âm Sài Gòn trưa ngày 29-4-1975 đã được Thông tấn xã Việt Nam ghi âm, giải băng in trong "Bản tin tham khảo đặc biệt" số: 099-TTX thứ ba ngày 29-4-1975 mà tư liệu của Thông tấn xã Việt Nam và tác giả hiện lưu giữ.

Vừa nghe tin Dương Văn Minh lên làm Tổng thống, viên trung tướng về hưu đã gần cả thập kỷ, năm nay vừa tròn 50 tuổi Nguyễn Hữu Có cũng thấy mình như chợt thức. Tướng Nguyễn Hữu Có từng giữ chức Tổng tham mưu trưởng Quân đội Sài Gòn, rồi Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Quốc phòng (1966 - 1967), sau đó bị Thiệu - Kỳ cách chức khi đang cầm đầu một phái đoàn thăm Đài Loan. Tướng Có phải ở lại Hong Kong đến năm 1970 mới được về lại Sài Gòn, sau khi làm đơn cam kết với Thiệu là "chỉ về nước làm ăn, vĩnh viễn rời xa chính trường". Chiều 29-4, tướng Có mở tủ lấy bộ quần áo cấp tướng đã bạc màu, mặc vào, đứng trước gương ngắm nghía một hồi, rồi tự lái xe hơi đến thẳng "Dinh Phong Lan" của Tướng Dương Văn Minh.

Đúng 16 giờ, Nguyễn Hữu Có đến nhà lúc Dương Văn Minh đang ăn cơm với Lý Quý Chung. Vị tân Tổng thống và vị tân Bộ trưởng Thông tin vừa thực hiện cuộc phỏng vấn trực tiếp anh Huỳnh Tấn Mẫm trên đài Sài Gòn, hết sức vui vẻ. Vừa trông thấy Tướng Có, Dương Văn Minh nói ngay:

- Trời, Ba Có! Anh tới trễ! Tôi đã chỉ định Trung tướng Vĩnh Lộc làm Tổng tham mưu trưởng. Vĩnh Lộc đang điều hành ở Bộ Tổng tham mưu. Anh đi ngay tới đó làm phụ tá, giúp hắn một tay.

Nguyễn Hữu Có hỏi Dương Văn Minh:

- Tình hình này liệu có giải pháp gì chưa?

Dương Văn Minh đáp:

- Yên tâm. Đúng 8 giờ sáng mai sẽ có giải pháp, một giải pháp tốt đẹp.

Ngay sau đó, Tướng Có phóng xe tới Bộ Tổng tham mưu. Nguyễn Hữu Có bước vào văn phòng Bộ Tổng tham mưu, thấy Vĩnh Lộc đang ngồi với Trung tướng Trần Văn Trung và Thiếu tướng Văn Thành Cao, Tổng cục trưởng và Tổng cục phó chiến tranh chính trị; Thiếu tướng quân y Vũ Ngọc Hoàn; Chuẩn tướng Nguyễn Hữu Hạnh, phụ tá cho Vĩnh Lộc và Chuẩn tướng về hưu Phạm Bá Lân.

Vừa thấy Nguyễn Hữu Có bước vào, Vĩnh Lộc đã xô ghế đứng lên khập khiễng bước sang một bên và chỉ chiếc ghế dành cho Tổng tham mưu trưởng, nói với Có:

- Ủa, anh Ba Có. Lẽ ra Trung tướng phải ngồi ghế này mới đúng!

Thăm hỏi xong, Vĩnh Lộc nhờ Tướng Có chủ trì cho buổi họp nắm lại tình hình của Bộ Tổng tham mưu, còn Vĩnh Lộc thì sang Đài phát thanh Sài Gòn đọc bản nhật lệnh kêu gọi sĩ quan, binh lính đã bỏ trốn ra trình diện để "tiếp tục chiến đấu, đứng vững và chờ đợi một giải pháp".

17 giờ ngày 29-4-1975, buổi họp giao ban tình hình tác chiến của Bộ Tổng tham mưu do Tướng Có chủ trì bắt đầu. Đây chính là buổi giao ban tác chiến cuối cùng của Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn. Tham dự có Chuẩn tướng Hạnh, Chuẩn tướng Lân, Đại tá Nguyễn Khắc Tuân giúp việc cho Vĩnh Lộc, Đại tá Thanh mới được chỉ định phụ trách tổng hành dinh và Đại tá Nguyễn Ngọc Thân, phụ trách phòng nhân viên của Bộ Tổng tham mưu.

Mở đầu buổi giao ban, Đại tá Thanh báo cáo, theo danh sách các tướng lĩnh, sĩ quan Bộ Tổng tham mưu trình diện Trung tướng Vĩnh Lộc, Tổng tham mưu trưởng, tới phút này chỉ vẻn vẹn có 31 người. Trong đó có: hai trung tướng (Nguyễn Hữu Có - Bộ Tổng tham mưu; Trần Văn Trung - Tổng cục trưởng chiến tranh chính trị), sáu thiếu tướng (Lâm Văn Phát - Tư lệnh Biệt khu Thủ đô; Vũ Ngọc Hoàn - quân y; Đỗ Kế Giai - Chỉ huy trưởng biệt động quân; Văn Thành Cao - Tổng cục chiến tranh chính trị; Nguyễn Xuân Trang - Bộ Tổng tham mưu; Đoàn Văn Quảng - Bộ Tổng tham mưu) - bốn chuẩn tướng (Phạm Hà Thanh - quân y; Nguyễn Hữu Hạnh - Bộ Tổng tham mưu; Nguyễn Văn Chức - Tổng cục tiếp vận; Phạm Bá Lân -

Bộ Tổng tham mưu) còn lại 19 sĩ quan từ cấp thiếu tá tới đại tá. Đại tá Thanh, phụ trách tổng hành dinh cũng báo cáo là kiểm tra thì được biết các trưởng phòng trực thuộc Bộ Tổng tham mưu đã di tản hết hoặc đang chạy lo gia đình, hiện không còn một ai. Thanh cũng cho biết không chỉ trưởng phòng mà các sĩ quan cũng đã đi, năm đại đội lính thường trực bảo vệ tổng hành dinh cũng bỏ chạy, hiện còn chưa tới 200 người. Đại tá Thanh cũng báo cáo không còn nắm được các đơn vị và đề nghị ngày mai (30-4) ra lời kêu gọi trên đài phát thanh là, mọi nhân viên bất kể quân hàm, cấp bậc đều phải tức thời về trình diện tại đơn vị gốc, kể cả các cơ quan thuộc Bộ Tổng tham mưu.

Tướng Có đồng ý ra lời kêu gọi và cho rằng, đến giờ phút này, cơ cấu Bộ Tổng tham mưu đã không còn nữa. Cả một buổi họp giao ban tác chiến cuối cùng của Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn chỉ giải quyết được độc một việc như vậy.

Là một sĩ quan cực kỳ mẫn cán, suốt từ 18 đến 23 giờ đêm ngày 29-4, Tướng Có lo nắm lại tình hình các đơn vị thuộc Quân khu 3 và Quân khu 4.

Lúc 18 giờ, Tướng Có gọi điện cho Bộ Tư lệnh Quân đoàn 3 và được tin Trung tướng Nguyễn Văn Toàn, Tư lệnh Quân đoàn đã ra đi. Chuẩn tướng Lê Trung Tường, Tham mưu trưởng Quân đoàn báo cáo là Bộ Tư lệnh Quân đoàn 3 hiện đang ở Gò Vấp, lúc 11 giờ Toàn có đáp trực thăng xuống Bộ Tư lệnh nhưng ngay sau đó lại bay đi, nghe nói là ra Vũng Tàu. Tường cho biết không còn chỉ huy được nữa vì sĩ quan, binh lính ở Ban tham mưu Quân đoàn đã bỏ chạy sạch. Nguyễn Hữu Có động viên Tường cố nắm lại đơn vị chờ "ngày mai sẽ có giải pháp chính trị tốt đẹp".

Lúc 19 giờ, Tướng Có nói chuyện điện thoại với Thiếu tướng Lê Minh Đảo, Tư lệnh Sư đoàn 18. Đảo báo cáo là Bộ Tư lệnh Sư 18 đang đóng ở nam cầu sông Đồng Nai (về phía Sài Gòn),

Sư đoàn đã bị thương vong quá nửa, hiện chỉ còn hai tiểu đoàn giữ khu vực ngã tư xa lộ ra đường Long Thành. Đảo cũng cho biết là ba sư đoàn Quân giải phóng đang tiến ào ạt, tình thế hết sức nguy kịch. Tướng Có động viên Đảo cố thủ tại chỗ chờ đợi sẽ có giải pháp.

Ngay sau đó Tướng Có nói chuyện với Tư lệnh Lữ đoàn 3 kỵ binh. Tướng Khôi báo cáo thiết giáp đã gần hết đạn, hết xăng và hứa sẽ cố cầm cự. Nhưng Khôi nhấn mạnh rằng, sau đó Lữ đoàn 3 kỵ binh sẽ không còn đạn, còn xăng để mà rút.

Lúc 21 giờ, Tướng Có nói chuyện với Tướng Nguyễn Khoa Nam, Tư lệnh Quân đoàn 4. Nam báo cáo Quân đoàn 4 còn nguyên. Nam nói đã biết Tướng Cao Văn Viên, Tổng tham mưu trưởng bỏ chạy rồi, nhưng hứa sẽ tuân lệnh của Bộ Tổng tham mưu.

Tiếp đó, Tướng Có gọi điện cho Tướng Niêm, Tư lệnh Sư đoàn 22 ở Long An, nhưng Tướng Niêm đã chạy lúc 14 giờ chiều.

Lúc 23 giờ, Tướng Có gọi Sư đoàn 5, rồi Sư đoàn 25 nhưng đều mất liên lạc. Tướng Có lại quay điện nói chuyện với Tướng Dy, phụ trách Trung tâm huấn luyện Quang Trung, nhưng Dy đã biến mất. Đại tá Nguyễn Văn Huân, thay mặt Dy báo cáo:

- Trình Trung tướng, Trung tâm Lái Thiêu đã bị tràn ngập. Quân giải phóng đang tiến về Sài Gòn với 80 xe ôtô chở quân và nhiều thiết giáp, pháo binh đi ngang qua Trung tâm huấn luyện Quang Trung.

Tướng Có hỏi lại Huân:

- Anh có nhìn nhầm không?

Huân đáp:

- Trời! Nhầm làm sao được!

Huân nói thế, nhưng Tướng Có và Vĩnh Lộc sau đó trao đổi với nhau và cho rằng Huân đã nhầm, và đấy rất có thể là Sư đoàn 25 của Tướng Lý Tòng Bá đang di chuyển.

Đêm đó, Dương Văn Minh gọi điện ra lệnh cho Nguyễn Hữu Có và Vĩnh Lộc bằng bất kỳ giá nào cũng phải giữ cho được Trung tâm phát tuyến Phú Lâm và Quán Tre. Tướng Có không về nhà. Đêm đó, Có thức trắng ở văn phòng thường trực Bộ Tổng tham mưu, đi đi lại lại, càng ngẫm càng thấy thất vọng vì không ngờ tình hình lại bi đát đến thế. Vào 4 giờ sáng ngày 30-4, Nguyễn Hữu Có nhấc điện thoại quay số nói chuyện trực tiếp với Dương Văn Minh. Đêm 29-4, vì sự an toàn, ông Dương Văn Minh đã rời "Dinh Hoa Lan" của mình và cùng với vợ vào ngủ trong Dinh Độc Lập. Ông Dương Văn Minh nghỉ tại phòng ngủ của vợ chồng Thiệu ở tầng hai. Phòng ngủ của vợ chồng Thiệu lúc đó đã trống trơn. Trên tấm thảm trước phòng ngủ chỉ còn bộ da cọp nằm trơ trọi. Trong phòng tắm không có một cục xà bông nào.

Nguyễn Hữu Có báo cáo:

- Trình Tổng thống! Tình hình tôi nắm được là hết sức nguy ngập. Các đơn vị đã bỏ chạy. Máy bay đã di tản hết sang Thái Lan. Chỉ còn có hai tiểu đoàn lính dù chặn ở ngã tư Bảy Hiền. Chúng ta đã thất bại, không còn gì để mà đánh, mà trông cậy nữa. Không hiểu tình hình giải pháp đến đâu rồi?

Nghe Nguyễn Hữu Có báo cáo, Dương Văn Minh không có vẻ gì là lo lắng. Dương Văn Minh động viên:

- Ba Có! Anh cứ yên tâm vui vẻ đi ngủ đi, 8 giờ sáng mai sẽ có giải pháp, sẽ có hoà hợp và ngừng bắn.

Đúng 6 giờ 30 phút sáng ngày 30-4-1975, Vĩnh Lộc và Trung tướng Trần Văn Trung tới Bộ Tổng tham mưu. Nguyễn Hữu Có nói ngay khi Lộc và Trung vừa bước vào phòng:

- Tình hình là tuyệt vọng rồi. Mấy sư đoàn còn lại cũng đã mất hết. Chúng ta có muốn đánh nữa cũng chẳng còn gì trong tay để mà đánh!

Vĩnh Lộc lúc đó trong bụng đã tính tới chuyện ra đi, vẫn nói rất mạnh:

- Tuyệt vọng thế nào được. Ta huy động thiết giáp chặn ở Gò Vấp và chặn ở ngã tư Bảy Hiền, cho không quân ném bom từ ngã tư Bảy Hiền tới Trung tâm huấn luyện Quang Trung.

Cho đó là một kế hoạch ảo tưởng, hão huyền, nhưng không tranh luận với Vĩnh Lộc, Tướng Có lặng lẽ kéo Chuẩn tướng Nguyễn Hữu Hạnh đến gặp Dương Văn Minh. Nghe Tướng Có báo cáo tình hình, lúc đó Tổng thống Dương Văn Minh mới hốt hoảng, vội mặc áo, kéo Nguyễn Hữu Có và Nguyễn Hữu Hạnh từ Dinh Độc Lập đến Phủ Thủ tướng ở gần đấy, ngay cuối đại lộ Thống Nhất tìm Vũ Văn Mẫu. Lúc đó là 8 giờ sáng ngày 30-4. Đến Phủ Thủ tướng, một cảnh tượng bi hài diễn ra trước mắt. Đầy đủ các thành viên tham gia nội các của Vũ Văn Mẫu, vị nào vị nấy mặt mày hớn hở, lễ phục bảnh bao, nói cười vui vẻ chuẩn bị cho lễ ra mắt của tân nội các đã quyết định sẽ tổ chức trọng thể vào 10 giờ sáng hôm nay. Nhiều thành viên của tân chính phủ đã ngủ đêm tại đây. Đến lúc ấy, Nguyễn Hữu Có, viên trung tướng già về hưu mới biết tường tận thành phần của nội các mới gồm: Nguyễn Văn Huyền, Phó Tổng thống; Vũ Văn Mẫu, Thủ tướng; Nguyễn Văn Hảo, Phó Thủ tướng; Lý Quý Chung, Bộ trưởng Thông tin; Bùi Tường Huân, Bộ trưởng Quốc phòng... Tự cho mình là "những con bài của tương lai", đoán chắc thế nào cũng có một chân xứng đáng của "Chính phủ hoà hợp hoà giải dân tộc" nay mai, các thành viên không ai kìm được nỗi vui vẻ trong lòng mình.

Buông phịch tấm thân nặng nề xuống chiếc ghế bành bọc dạ đỏ, Tổng thống Dương Văn Minh gọi Vũ Văn Mẫu, Thủ tướng của nội các mới chưa kịp ra mắt tới, hỏi:

- Sao, tình hình giải pháp chính trị tới đâu?

Vũ Văn Mẫu trả lời:

- Trình Tổng thống! Tình hình tốt đẹp. Đại sứ Pháp Merion đảm bảo việc liên lạc với Mặt trận.

Ngay lúc ấy, Dương Văn Minh đứng lên gọi điện thoại nói chuyện trực tiếp với Thích Trí Quang. Cuộc điện thoại diễn ra hết sức ngắn ngủi và bi đát:

- Thưa thầy! Người thầy cho đi bắt liên lạc đã về chưa?

- Chưa về!

- Như vậy vấn đề sáng nay chưa có kết quả?

- Không xong!

- Tôi tin thầy, bây giờ thầy nói vậy tôi còn biết tin ai, còn đánh gì nữa, còn giải pháp gì nữa!

- Tôi tu hành không biết về chính trị và quân sự, Đại tướng tự quyết định lấy.

Minh đặt mạnh máy điện thoại, nói với tất cả các thành viên có mặt:

- Trời, chỉ còn có vài tiếng đồng hồ nữa thôi!

Ngồi lại trong phòng, Tổng thống Dương Văn Minh đưa ra ý kiến tuyên bố thành phố bỏ ngỏ và trao quyền cho Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Dương Văn Minh nói: "Để tránh cho người dân Sài Gòn những tai họa đã xảy ra như tại Đà Nẵng, mà có thể còn tồi tệ hơn, tôi quyết định trao quyền cho Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam". Phòng họp im lặng không có ai phản đối. Thấy vậy, Nguyễn Hữu Có lên tiếng lưu ý Dương Văn Minh và các thành viên nội các rằng, nếu tuyên bố thành phố bỏ ngỏ, Nguyễn Khoa Nam, Tư lệnh Quân đoàn 4, Quân khu 4 có thể hiểu nhầm là Tổng thống kêu gọi cứu viện thì thành phố này, Sài Gòn này sẽ tan nát hết. Bàn tính một hồi, cuối cùng

Dương Văn Minh nói Vũ Văn Mẫu thảo bản tuyên bố đơn phương ngừng bắn và bàn giao chính quyền cho cách mạng. Thế là không khí đám ma đổ sụp xuống cái chính phủ gồm 16 nhân vật trong chính thể cuối cùng của Việt Nam Cộng hòa. Lúc đó là 9 giờ sáng ngày 30-4-1975. Vĩnh Lộc chạy bổ ra xe. Bị khớp nặng mà không hiểu sao lúc đó Vĩnh Lộc lại có thể chạy lẹ đến thế. Quăng batoong, giật phăng cờ tướng cắm ở đầu xe, Vĩnh Lộc phóng thục mạng ra cảng Sài Gòn, xuống tàu hải quân di tản. Tướng Nguyễn Hữu Có cũng lật đật về nhà, thu xếp vợ con chạy lên Chợ Lớn. Vợ Chuẩn tướng Trần Văn Hai, Tư lệnh Sư đoàn 7 tìm gặp khóc lóc kể với Nguyễn Hữu Có là chồng đã tự sát. Nguyễn Hữu Có không nói gì, chỉ lặng lẽ ngồi nghe...

Khoảng 10 giờ sáng, Tổng thống Dương Văn Minh lên ôtô đi tới Dinh Độc Lập. Các thành viên chính phủ và một số dân biểu nghị sĩ cũng lên xe mình tới Dinh Độc Lập. Trước đó, ông Dương Văn Minh đã tuyên bố với các thành viên chính phủ và những người đang còn ở bên ông Minh: "Bắt đầu từ giờ phút này, sự ràng buộc giữa anh em chúng ta không còn nữa. Mỗi người tự do quyết định sự lựa chọn của mình: Đi hay ở lại".

Lời tuyên bố xin ngừng bắn và chờ bàn giao chính quyền do Dương Văn Minh, Tổng thống cuối cùng của Việt Nam Cộng hòa đọc, được truyền đi trên làn sóng của Đài phát thanh Sài Gòn vào đúng 9 giờ 25 phút - giờ Hà Nội - ngày 30-4-1975, toàn văn như sau:

"Đường lối, chủ trương của chúng tôi hòa giải, hòa hợp dân tộc để cứu sinh mạng đồng bào. Tôi tin tưởng sâu xa vào vụ hòa giải giữa người Việt Nam để khỏi phí phạm xương máu người Việt Nam. Vì lẽ đó tôi yêu cầu tất cả các anh em chiến sĩ Việt Nam Cộng hòa bình tĩnh ngưng nổ súng và ở đâu ở đó. Chúng tôi cũng yêu cầu anh em chiến sĩ Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ngưng nổ súng. Chúng tôi ở

đây chờ gặp Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam để cùng thảo luận về lễ bàn giao chính quyền trong vòng trật tự và tránh sự đổ máu vô ích của đồng bào".

Tiếp ngay đó, Đài Sài Gòn đọc lệnh của Chuẩn tướng Nguyễn Hữu Hạnh, phụ tá Tổng tham mưu trưởng, yêu cầu tất cả tướng lĩnh, chỉ huy các cấp của Quân lực Việt Nam Cộng hòa triệt để thi hành lệnh của Tổng thống Dương Văn Minh, sẵn sàng liên hệ với các cấp chỉ huy quân đội của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam để thực hiện cuộc ngừng bắn một cách không đổ máu.

Đúng 80 phút sau đó, kể từ khi Dương Văn Minh dứt tiếng nói, tức là vào 10 giờ 45 phút, chiếc xe tăng đầu tiên của Lữ đoàn xe tăng 203 hất tung cánh cổng sắt ở Dinh Độc Lập. Cán bộ, chiến sĩ Quân giải phóng ập vào chiếm lĩnh Dinh Độc Lập. Dương Văn Minh, Tổng thống cuối cùng của Việt Nam Cộng hòa và toàn thể nội các đứng dậy. Dương Văn Minh cất tiếng:

- Cách mạng đã về. Các anh đã về. Từ sáng chúng tôi chờ các anh tới để bàn giao!

Dương Văn Minh vừa dứt lời, một cán bộ chỉ huy Quân giải phóng đã dõng dạc tuyên bố:

- Toàn bộ chính quyền đã về tay cách mạng. Chính quyền cũ đã sụp đổ. Người ta không thể giao cái không còn có trong tay.

Phút tắt thở của Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn và chính thể Việt Nam Cộng hòa đã diễn ra như vậy. Dương Văn Minh, Tổng thống và các thành viên nội các cuối cùng của Việt Nam Cộng hòa thất vọng, lo lắng. Nhưng rồi sau đó mọi người yên tâm lại vì thấy mình được đối xử lịch sự, nhã nhặn. Một chương mới đã mở ra với cuộc đời mỗi người ngay sau đấy, ngay tại miền Nam, trong lòng Tổ quốc và đất nước Việt Nam thống nhất. Chỉ hai ngày sau, tối ngày 2-5-1975, tại buổi lễ

trang trọng và thân mật tại hội trường Dinh Độc Lập, Ủy ban quân quản thành phố Sài Gòn - Gia Định đã công bố quyết định trả tự do cho các ông Dương Văn Minh, Nguyễn Văn Huyền, Vũ Văn Mẫu,... Tại buổi lễ, ông Dương Văn Minh nói ngắn gọn thế này:

"... Ngày hôm nay đại diện cho các anh có mặt tại đây, tôi nhiệt liệt hoan nghênh sự thành công của Chính phủ Cách mạng trong công cuộc vãn hồi hòa bình cho đất nước. Với kỷ nguyên mới này, tôi mong rằng tất cả anh em có mặt tại đây, cũng như các tầng lớp đồng bào, sẽ có dịp đóng góp tích cực cho công cuộc xây dựng đất nước.

Riêng cá nhân tôi, hôm nay tôi rất hân hoan khi được 60 tuổi, trở thành công dân của một nước Việt Nam độc lập".

Dân biểu Lý Quý Chung, Bộ trưởng Thông tin cuối cùng của Việt Nam Cộng hòa ngay sau đó ít lâu đã chuyển sang làm báo. Ông mau chóng trở thành một nhà báo tài năng và tên tuổi trong lĩnh vực thể thao. Bạn đọc đặc biệt yêu thích các bài bình luận bóng đá sắc sảo, tinh tế của ông với bút danh Chánh Trinh. Cuốn *Hồi ký không tên* ông gửi lại với đời được chào đón trân trọng. Còn Đại tá Phạm Bá Hoa, Tham mưu trưởng Tổng cục tiếp vận thì ở lại, ra trình diện và đi học tập cải tạo. Với trí nhớ đáng kinh ngạc, không hề có bất cứ hồ sơ số liệu nào trong tay, vậy mà trong thời gian học tập, Phạm Bá Hoa đã viết tập tường trình chi tiết về hoạt động của Tổng cục tiếp vận và những ngày cuối cùng tại tổng hành dinh Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn mà Phạm Bá Hoa được chứng kiến. Bản tường trình dài, hết sức cụ thể, chi tiết được Phạm Bá Hoa viết xong và ký tên ngày 26-4-1977 tại trại cải tạo. Những dòng cuối cùng trong bản tường trình của Phạm Bá Hoa chất chứa một nỗi niềm sâu xa:

"Lúc 10 giờ sáng 30-4-1975, tôi nghe tiếng Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng vô điều kiện trên Đài Sài Gòn được tiếp truyền trên hệ thống truyền thanh. Thế là xong một cuộc chiến quá dài. Từ nay trên mảnh đất Việt Nam thân yêu sẽ không còn súng nổ đạn bay nữa.

Tôi lên xe về nhà, sau khi điện thoại cho các cục của Tổng cục tiếp vận gìn giữ và bàn giao cơ sở vật chất và tất cả vật dụng cùng quân trang quân dụng khi cách mạng đến, và rất bình thản chờ đợi cái chết đến với tôi.

Thế nhưng... tôi không chết, tôi đang học tập và chờ đợi ngày về"[1].

*

* *

Còn về phía Mỹ, cùng lúc với lá cờ cách mạng được kéo lên trên nóc Dinh Độc Lập, tại Washington, phát biểu với phóng viên hãng thông tấn Mỹ AP, Kissinger chua chát nói:

"Tôi cứ tưởng rằng họ có thể thương lượng một sự đầu hàng chứ biết đâu lại tuyên bố đầu hàng nhục nhã như vậy. Tôi không ngờ sự đầu hàng lại diễn ra nhanh tới mức đó. Tất nhiên

---

1. Tường trình của Phạm Bá Hoa cũng như những bản phúc trình, tường trình của hàng chục tướng lĩnh và rất nhiều cấp đại tá ở Bộ Tổng tham mưu, ở các quân đoàn, sư đoàn thuộc đủ các quân binh chủng của quân đội Sài Gòn và nhiều tỉnh, thị trưởng cả bốn Quân khu trong thời gian diễn ra sự sụp đổ ta thu được ở Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn, cùng trả lời phỏng vấn báo chí cũng như những hồi ký sau ngày chạy ra sống lưu vong ở nước ngoài của các nhân vật chủ chốt trong giới quân sự, dân sự của chính quyền Sài Gòn, và những giờ phút lịch sử may mắn được chứng kiến cùng những tài liệu tác giả thu thập được trong quá trình tham gia Chiến dịch Hồ Chí Minh đã giúp dựng nên chương cuối cùng của cuốn tiểu thuyết tư liệu lịch sử này.

sự sụp đổ của Đông Dương, của Nam Việt Nam là một bước thụt lùi và là một thảm kịch - một thảm kịch mà chúng tôi nghĩ là không cần thiết".

Cũng cùng lúc đó, Frank Snepp, chuyên viên phân tích của phân cục CIA tại Sài Gòn, giật choàng mình sau giấc ngủ nặng nhọc vừa thiếp đi. Tin Quân giải phóng đã vào Sài Gòn như một luồng điện cực mạnh phóng ra làm rung chuyển cả những chiến hạm Mỹ chật ních người di tản đang đậu ngoài khơi.

Trên chiến hạm Denver, Frank Snepp vừa mới thiếp đi trong một giấc ngủ nặng nhọc. Suốt đêm qua, Frank Snepp không chợp mắt được lúc nào, toàn ngồi bên cái bàn bằng thép ngoài hành lang uống cà phê và nhìn các phi công lái máy bay lên thẳng mệt lử người bay ra, bay vào. Tàu chật ních người di tản, ngay trong hầm tàu cũng không còn chỗ để đặt lưng nữa. Mọi người phải luân phiên nhau ngủ vì không đủ chỗ nằm. Trời sáng một lúc lâu mới đến lượt Frank Snepp nằm ngủ. Frank Snepp đặt lưng xuống và thiếp đi ngay tức khắc, mặc dầu các ống hơi đi qua trên đầu cứ kêu xèo xèo. Nhưng Frank Snepp không ngủ được bao lâu. Khoảng một giờ sau, một đồng nghiệp CIA bước loạng choạng vào dựng Frank Snepp dậy:

- Này dậy, dậy ngay đi. Chúng mình mới nghe được trên đài BBC là quân Bắc Việt Nam đã tiến vào Sài Gòn. Họ đã đổi tên Sài Gòn - "cái hòn ngọc của Viễn Đông" này thành Thành phố Hồ Chí Minh rồi!

Chưa đầy hai tuần sau đó, trong số ra ngày 12-5-1975, tạp chí Mỹ *Times* tập trung đăng một loạt những lời thú nhận của nhiều nhân vật quan trọng trong chính giới Mỹ về những thất bại thảm hại của Mỹ ở Việt Nam. Tướng William Westmoreland nói: "Đó là một điều đau đớn ghê gớm nhưng không có gì đáng ngạc nhiên cả. Tôi đã từng sống qua những ngày đau khổ khi thấy Nam Việt Nam dần dần tan rã. Tôi phải nói rằng quá

trình sụp đổ đã nhanh hơn thực tế tình hình mà tôi nghĩ. Đó là một ngày đau buồn trong lịch sử của tổ quốc chúng ta. Chúng ta đã thất bại. Chúng ta đã để một đồng minh của chúng ta ngã xuống. Nhưng đó là điều không thể tránh khỏi... Các nước khác ở Đông Nam Á bị cô lập và sợ hãi". Nguyên Phó Tổng thống Mỹ Humphrey thì cho rằng: "Có một nỗi đau buồn lớn lao khi thấy sự sụp đổ của Nam Việt Nam, khi thấy sự đau khổ, hỗn loạn đã đến với rất nhiều người... Điều mà chúng ta rút ra được là không thể có những giải pháp của Mỹ cho mọi vấn đề của thế giới... Rõ ràng chúng ta đều có lỗi, trong đó có cả tôi". Nguyên Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ Dean Rusk đưa ra nhận xét: "Nếu mỗi thập kỷ chúng ta lại mất đi năm vạn người chết trận như ở Nam Việt Nam, thì chúng ta chưa có được sự an ninh... Tôi cho là cả những người của Đảng Cộng hòa và Đảng Dân chủ cần phải đình chỉ đấu đá nhau về chính trị trong phần cuối còn lại của năm nay. Chúng ta cần ngồi lại bàn bạc một cách im lặng về phương hướng mà chúng ta muốn đi, như chúng ta đã làm sau chiến tranh thế giới lần thứ hai". Cố vấn ngoại vụ William Bundy dưới thời Kennedy và thời Johnson chua chát nói: "Nhìn vào tất cả các mặt, cuộc chiến tranh chắc chắn phải được xem là một tấn thảm kịch với những hậu quả tai hại cho cả Nam Việt Nam và nước Mỹ... Chúng ta không thể vỗ về, thực tế chúng ta đã thảm bại". Clark Clifford, Bộ trưởng Quốc phòng thời Johnson đưa ra lời cảnh báo: "Tôi hy vọng rằng đối với Mỹ thì điều đó - sự sụp đổ của Nam Việt Nam - sẽ dẫn đến một sự phân tích thông minh, không phải là những lời trách móc mà là một cuộc tranh cãi quốc gia. Việc đặt ra những câu hỏi cơ bản như: Chúng ta đã bước vào cuộc chiến tranh này như thế nào? Sẽ làm cho chúng ta ghi nhớ sâu sắc vấn đề Việt Nam đến nỗi chúng ta có thể sẽ không bao giờ phạm phải sai lầm này một lần nữa". Còn nhà phân tích, bình luận nổi tiếng của Mỹ về các

vấn đề Đông Dương Robert Thompson thì đưa ra một đánh giá ngắn gọn, thẳng thừng: "Sự sụp đổ hoàn toàn của Nam Việt Nam (chính quyền Sài Gòn) là một thông báo rõ ràng cho toàn thế giới biết về sự đầu hàng đáng khinh bỉ của nước Mỹ".

Trong suốt mùa thu và mùa đông năm 1975, chính quyền Mỹ đã làm tất cả những gì mà họ có thể làm được để xóa bỏ vấn đề Việt Nam ra khỏi tâm trí nhân dân Mỹ. Lầu Năm Góc đã thuê một số tướng lĩnh quân đội Sài Gòn chạy thoát đang sống lưu vong ở Mỹ và các nước phương Tây viết về lịch sử những ngày cuối cùng của Nam Việt Nam, rồi nhanh chóng dán các nhãn hiệu mật lên công trình ấy, để không một ai trong số những người tham gia viết có thể phát hiện, cung cấp cho các nhà báo những tài liệu nếu không được phép. Trong lúc đó Nhà Trắng và Bộ Ngoại giao Mỹ vung tay phân phát những vinh dự và những chức vụ béo bở cho những kẻ thân cận nhất của Martin, để cho những người này hài lòng và câm miệng. Bản thân Martin sau bữa tháo chạy khỏi Sài Gòn, về Washington, đã vào nằm viện vì biến chứng của bệnh phổi và đã được Tổng thống G. Ford tuyên dương công trạng. Lehmann, nguyên Phó đại sứ Mỹ tại Sài Gòn, được bổ nhiệm làm Tổng lãnh sự ở Frankfurt (Cộng hòa liên bang Đức); còn Bundro và Jardinsky thì được nhận những chức vụ hành chính tại Paris. CIA lại càng rộng rãi trong việc thưởng công hơn nữa: Howard Asher, người cầm đầu cơ quan CIA ở Nhà Trắng đã bỏ rơi cả nhân viên lẫn tài liệu của mình, được đề bạt vào cái ủy ban mà Giám đốc CIA Colby lập ra để chống lại các cuộc điều tra của Quốc hội Mỹ. Caster, người cầm đầu cơ quan CIA ở Đà Nẵng được cử làm phân cục trưởng CIA tại một nước ở châu Á. Đến cuối tháng 12-1975, ban lãnh đạo cơ quan CIA đã triệu tập các chuyên viên đã từng công tác ở Việt Nam họp tại hội trường hình bóng đèn của CIA và trao cho họ một loạt huy chương mật - tức là những phần thưởng

mật cho các thành tích mật của họ. Thế nhưng, theo Frank Snepp, chuyên viên phân tích của CIA đã có mặt ở Sứ quán Mỹ tại Sài Gòn cho tới những giờ phút cuối cùng, thì "ngoài những sai lầm và cái giá phải trả cho những sai lầm đó, CIA đã phạm phải một sai lầm không thể tha thứ được, đó là không kịp phá hủy những tài liệu cá nhân và các hồ sơ tình báo mà CIA đã giúp chính quyền Sài Gòn thu thập được. Cách thức giải quyết cuộc di tản cuối cùng là một sự ô nhục đối với cả cơ quan CIA".

Cuộc thảo luận công khai về cái chết của chính thể Việt Nam Cộng hòa và Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn đã bùng lên ngay sau đó khi Martin ra điều trần trước Ủy ban quan hệ quốc tế của Hạ nghị viện Mỹ. Martin đã trình bày bản báo cáo công khai chi tiết đầu tiên về sự sụp đổ của chính quyền Sài Gòn với "một tài nghệ bậc thầy". Không chỉ tay tố cáo bất kỳ một ai, Martin chỉ nói đủ để che lấp những sai lầm của cá nhân mình và gây cảm tưởng là cả Kissinger, Polgar, Quốc hội Mỹ đều phải chịu trách nhiệm về "cái chết của chính quyền Sài Gòn cùng những vấn đề xung quanh cuộc di tản". Cùng một giọng điệu với G. Ford và Kissinger, Martin ca ngợi cuộc trực thăng vận trong hai ngày 29 và 30-4-1975 là một thành công lớn, là cuộc di tản lớn nhất bằng máy bay lên thẳng trong lịch sử nước Mỹ. Tính tổng cộng lực lượng cứu trợ gồm 81 máy bay lên thẳng và 865 lính thuỷ đánh bộ Mỹ đã bay hơn 630 chuyến trong 18 giờ cuối cùng và đã di tản được 1.373 người Mỹ, 5.595 người Việt Nam; trong số này gần 2.100 người (trong đó có 978 người Mỹ) đã được máy bay lên thẳng bốc đi từ sân sứ quán. Theo Martin, nếu tính cả những người Mỹ đã rời đi bằng máy bay dân dụng, những người Việt Nam đã rời đi trong các chuyến bay bí mật và gần 6.000 người khác đã chạy ra tàu chiến Mỹ ở ngoài khơi bằng những chiếc xuồng máy, thì tổng cộng số người di tản mà phần nào Sứ quán Mỹ có phần chịu trách nhiệm trong toàn bộ tháng 4-1975 là

65.000 người. Tổng kết vai trò của mình trước quốc hội, Martin nói: "Khi toàn bộ câu chuyện này (cuộc di tản hoảng loạn cuối cùng) được chính thức ghi lại, nó chắc chắn sẽ chứng tỏ điều mà nhân dân Mỹ cảm thấy: đây là một việc làm vô cùng tốt đẹp".

Thế nhưng một số nghị sĩ Quốc hội Mỹ lại không tin như vậy. Tuy không ai phủ nhận những khó khăn mà Martin gặp phải, nhưng họ chỉ trích Martin là đã không chịu tiến hành cuộc di tản từ đầu tháng 4 mà còn góp phần vào việc ngăn cản nó với ảo tưởng được Kissinger và Weyand nuôi dưỡng, là có thêm một khoản viện trợ nữa thì có thể tránh được tai họa. Chỉ đến khi đã ở bên lề của vực thẳm sụp đổ - ngày 19-4, Martin mới cuống cuồng xúc tiến việc di tản. Nếu như, theo một số nghị sĩ nói, Quân giải phóng không lần lượt bóc các lớp tuyến phòng thủ bên ngoài mà tiến công trực diện vào Sài Gòn, thì "thành phố đã trở thành một bãi chiến trường và cuộc không vận đã không thể nào diễn ra được". Sự chậm trễ đã gây ra cơn hoảng loạn trong cuộc di tản những ngày cuối cùng và sự thiệt hại về trang bị do sự thất thủ của Sài Gòn là rất to lớn. Các nghị sĩ đã nêu ra con số ước tính của Lầu Năm Góc: Quân giải phóng đã chiếm được hơn năm tỷ đôla vũ khí do Mỹ cung cấp, đủ để trang bị cho cả một quân đội hiện đại gồm đầy đủ hải, lục, không quân.

Cuộc điều trần tại Quốc hội đã được Martin chuẩn bị rất kỹ lưỡng. Mặc dù được G. Ford tuyên dương và đám tay chân thân cận của mình được tặng thưởng nhưng Martin vẫn cảm thấy bị Chính phủ Mỹ bỏ rơi, để mặc Martin hứng chịu những lời chỉ trích "như tát nước vào mặt" về những thất bại thảm hại của Mỹ ở Việt Nam, đặc biệt là những ngày sụp đổ cuối cùng của chính quyền Sài Gòn. Kissinger thậm chí đã tung tin đồn khắp Washington là "Martin hơi mất trí". Chính vì thế mà Martin quyết tâm trả miếng. Sau phát đạn mở đầu tại cuộc điều trần ở Quốc hội, Martin lẳng lặng tuồn cho các nhà báo những tài liệu

mật để hậu thuẫn tô vẽ cho những quan điểm của mình trong những ngày cuối cùng của chiến tranh.

Vào một buổi chiều thứ sáu cuối tháng 2-1977, Martin gọi điện thoại nhắn Frank Snepp đến gặp mình trên tầng thượng trụ sở Bộ Ngoại giao Mỹ. Trong cuốn sách *Khoảng cách thời gian vừa phải*, Frank Snepp đã thuật lại buổi gặp gỡ cuối cùng giữa mình với Martin như sau:

"Cái bóng ma ra đón tôi ở ngoài cửa chỉ là cái bóng của nhà ngoại giao năng nổ mà tôi còn nhớ qua những lần gặp gỡ đầu tiên tại Sài Gòn vào mùa hè năm 1973. Mệt mỏi, bộ mặt nhăn nheo vì già nua, Martin chỉ tay bảo tôi ngồi xuống cái ghế đối diện với bàn giấy của ông ta. Hôm nay là ngày cuối cùng của ông ta tại Bộ Ngoại giao - ông ta nói với tôi như vậy, cho nên ông ta muốn tôi nắm được những sự việc đúng để đưa vào cuốn sách của tôi. Sau đó ông ta điểm lại phần lớn những điều mà hai chúng tôi đã từng thảo luận trong những lần gặp gỡ trước. Như thường lệ, ông ta cố trình bày một cách có lợi nhất cho mình về tất cả những hành động và những quyết định của ông ta trong những ngày cuối cùng của Nam Việt Nam. Khi ông ta trình bày xong thì cuộc hội kiến đã diễn ra được một tiếng rưỡi, thế nhưng tôi chẳng ghi lại một chữ nào. Sau bốn năm ngồi ở sát nách ông ta, tôi đã thuộc lòng tất cả những lập luận và lý lẽ cũ rích ấy rồi. Khi Martin đứng dậy tiễn tôi ra về, một vẻ buồn bã lộ ra trong đôi mắt mệt mỏi, thẫn thờ. Martin nói: "Anh biết không, tôi sắp ra khỏi đây giống như lúc tôi đến đây. Cách đây hơn 40 năm, tôi đã tuyên thệ phục vụ trong chính quyền này trước một nhà thuyết giáo già, và hôm nay tôi sắp từ bỏ nơi đây mà không có một nghi thức nào hết. Sau tất cả từng ấy năm tôi đã làm việc tại bộ này, các đồng nghiệp của tôi thậm chí cũng không tổ chức một bữa ăn trưa tiễn tôi". Tôi nhìn ông ta một lúc, không biết có nên mỉm cười hay biểu thị sự đồng cảm hay

không. Tôi chưa kịp định như thế nào thì cái bộ mặt kia đã trở thành một cái mặt ma. Tôi bắt tay ông ta rồi ra về. Bước vào thang máy, tôi bất giác nhớ lại lời một đồng nghiệp đã nói về Martin, lời nói đến thật đúng lúc và cũng coi như một lời an ủi cuối cùng về ông ta là: "Ông ta giống hệt cái chính sách của Mỹ ở Việt Nam. Ông ta tự coi mình là con cáo già của đầm lầy, có thể bằng sự khôn ngoan, giảo quyệt của mình mà làm thay đổi được bất kỳ cái gì mà ông ta muốn. Nhưng thực ra ông ta chỉ như một đốm lửa ở đầm lầy, cho một thứ ánh sáng hư ảo, lóe lên chỗ này một tí, chỗ kia một tí, nhưng chẳng làm thay đổi được gì. Một số người nói rằng cái Nam Việt Nam mà người Mỹ đã nuôi dưỡng và ủng hộ thế nào cũng đã kết thúc như nó đã kết thúc, rằng các chính sách của chúng ta trong cuộc chiến tranh ở Việt Nam đã sai lầm và khờ dại ngay từ đầu, đến nỗi những chính sách ấy chỉ có thể đem lại thất bại cho chúng ta và thắng lợi cho đối phương. Hy vọng rằng với thời gian và sự hàn gắn những chấn thương dân tộc, chúng ta sẽ có khả năng trả lại cho lịch sử cái giá phải trả. Tức là một sự đánh giá ngược lại thời gian một cách đầy đủ và dứt khoát, vượt lên trên những điều tầm thường vô vị và những lời chỉ trích lẫn nhau mà cho đến nay vẫn còn làm cho biết bao nhiêu người trong chúng ta mờ mắt không nhìn thấy những điều lẽ ra phải nhìn thấy hai năm sau ngày ký kết Hiệp định Paris. Nếu chúng ta không nắm được cơ hội này, mà cứ tiếp tục coi Nam Việt Nam như một sự lầm lạc của chúng ta - nhớ lại thì đau xót, quên đi là tốt nhất - đặc biệt trong cơn đau lìa đời của nó; nếu như vậy chúng ta sẽ không thể hy vọng tránh khỏi kiểu lãnh đạo kể cả trong lĩnh vực tình báo và lĩnh vực hoạch định chính sách đã làm cho "khoảng cách thời gian vừa phải" mà Kissinger muốn dành cho Nam Việt Nam trở thành một sự kết thúc nhục nhã cho tấn bi kịch này của nước Mỹ".

TÀI LIỆU THAM KHẢO[1]

Xếp theo trình tự thời gian

1- Điện của Tổng thống Mỹ Richard Nixon gửi Nguyễn Văn Thiệu ngày 5-1-1973.

2- Điện của Tổng thống Mỹ Richard Nixon gửi Nguyễn Văn Thiệu ngày 17-1-1973.

3- Điện của Tổng thống Mỹ Richard Nixon gửi Nguyễn Văn Thiệu ngày 20-1-1973.

4- Điện của Tổng thống Mỹ Richard Nixon gửi Nguyễn Văn Thiệu ngày 22-1-1973.

5- Phúc trình của phái đoàn Việt Nam Cộng hòa tại Hoa Thịnh Đốn, Ba Lê và Luân Đôn từ ngày 5-1 đến 19-1-1973 do Trần Văn Đỗ và Bùi Diễm cầm đầu.

6- Điện của Tổng thống Mỹ Geranld R. Ford gửi Nguyễn Văn Thiệu ngày 10-8-1974.

---

1. Tài liệu tham khảo nguyên bản in trong phần phụ lục được lựa chọn trong số các tài liệu cơ mật về cuộc chiến của phía chính quyền Sài Gòn tác giả đang lưu giữ. Đây đều là các tài liệu được đánh máy nguyên văn từ gần 40 năm trước theo đúng các tài liệu gốc (kể cả hình thức trình bày, những chữ tiếng Anh và các chữ viết tắt) thu được tại phòng làm việc và nơi ở của Nguyễn Văn Thiệu, Tổng thống Việt Nam Cộng hòa tại Dinh Độc Lập và phòng làm việc của Cao Văn Viên, Đại tướng, Tổng tham mưu trưởng Quân lực Việt Nam Cộng hòa tại Trụ sở Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn vào trưa và chiều ngày 30-4-1975 - *N.V.*

7- Công hàm ngày 26-2-1975 của Tổng thống Mỹ Geranld R. Ford gửi Nguyễn Văn Thiệu.

8- Điện của Tổng thống Mỹ Geranld R. Ford gửi Nguyễn Văn Thiệu ngày 21-3-1975.

9- Điện của Tổng thống Mỹ Geranld R. Ford gửi Nguyễn Văn Thiệu ngày 25-3-1975.

10- Hội nghị bàn chủ trương đối phó với tình thế ngày 10-12-1974 do Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu chủ trì.

11- Dự thảo Thư của Bộ Tổng tham mưu Quân lực Việt Nam Cộng hòa gửi Đại tướng George Brown, Chủ tịch Hội đồng tham mưu trưởng Liên quân Hoa Kỳ.

12- Phiếu đệ trình Tổng thống Việt Nam Cộng hòa.

13- "Tóm tắt tổng hợp tình báo hằng tuần" của Phòng Tình báo (Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn).

14- Bút phê của Tổng thống về vấn đề các tin tức tình báo.

15- Công điện thượng khẩn ngày 24-3-1975 của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa.

16- Tư văn ngày 6-4-1975 của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa.

17- Những điểm nói chuyện tại phiên họp vạch chương trình khẩn cấp của Bộ Tổng tham mưu Quân lực Việt Nam Cộng hòa.

18- Phiếu đệ trình thượng khẩn ngày 8-4-1975 của Bộ Tổng tham mưu Quân lực Việt Nam Cộng hòa.

19- Phúc trình thanh tra về tình hình quốc phòng hiện tại ngày 18-4-1975 của Trần Văn Đôn, Phó Thủ tướng kiêm Tổng trưởng Quốc phòng.

20- Tài liệu nguyên bản đánh giá tình hình đến ngày 19-4-1975 của đại sứ Martin gửi Nguyễn Văn Thiệu.

21- Nguyễn Văn Thiệu phát biểu trước khi từ chức.

PHỤ LỤC

BẢNG CHỮ VIẾT TẮT

BV	Bắc Việt
BĐQ	Biệt động quân
BKTĐ	Biệt khu Thủ đô
BQP	Bộ Quốc phòng
BTTM	Bộ Tổng tham mưu
BTL	Bộ Tư lệnh
CPCMLT	Chính phủ Cách mạng lâm thời
CS	Cộng sản
CSBV	Cộng sản Bắc Việt
CSQG	Cảnh sát quốc gia
ĐPQ	Địa phương quân
MT	Mặt trận
HQ	Hải quân
KQ	Không quân
LQ	Lục quân
QĐ	Quân đoàn
QK	Quân khu
QLVNCH	Quân lực Việt Nam Cộng hòa
TQLC	Thủy quân lục chiến
VC	Việt cộng
VNCH	Việt Nam Cộng hòa
VNDCCH	Việt Nam Dân chủ Cộng hòa
C	Đại đội

D	Tiểu đoàn
E	Trung đoàn
F	Sư đoàn
CĐ	Chiến đoàn
GĐ	Giang đoàn
LĐ	Lữ đoàn, Liên đoàn
TĐ	Thiết đoàn
NV	Người viết
BT	Biên tập chú dẫn

Cách đọc ngày, giờ viết tắt trong các công điện, điện chỉ huy tác chiến của Bộ Tổng tham mưu Quân đội Sài Gòn, thí dụ:

12112156/3/1975 xin đọc là 11 giờ 21 phút 56 giây ngày 12 tháng 3 năm 1975.

ĐIỆN CỦA TỔNG THỐNG MỸ RICHARD NIXON GỬI NGUYỄN VĂN THIỆU NGÀY 5-1-1973[1]

Nhà Trắng, ngày 5-1-1973

Tổng thống Thiệu thân mến!

Tôi viết bức thư này trả lời thư đề ngày 20-12-1972 của ông. Tôi không thể bổ sung điều gì lớn so với nhiều bức điện trước đây của tôi, kể cả bức thư ngày 17-12-1972, bức thư đã nói rõ quan điểm về ý định của tôi. Về vấn đề quân Bắc Việt Nam, chúng tôi sẽ một lần nữa đưa ý kiến của ông cho phía cộng sản, như chúng tôi đã tích cực làm trong mọi dịp khác tại các cuộc thương lượng. Kết quả chắc chắn một lần nữa lập trường của chúng ta lại bị gạt bỏ. Chúng tôi đã nhiều lần giải thích cho ông rõ tại sao chúng tôi cho rằng với Hiệp định này, chúng ta có thể quản lý lại vấn đề quân Bắc Việt Nam, và tôi thấy không có lý do gì để nhắc lại tất cả những lý lẽ đó.

Tuần sau, chúng tôi sẽ xúc tiến cuộc thương lượng tại Paris theo phương hướng như Tướng Haig đã giải thích cho ông.

---

1. Điện, Công hàm của Tổng thống Mỹ Richard Nixon và Tổng thống Mỹ Geranld R. Ford (bản dịch tiếng Việt), ta thu được tại phòng làm việc và nơi ở của Nguyễn Văn Thiệu, Tổng thống Việt Nam Cộng hòa tại Dinh Độc Lập vào trưa và chiều ngày 30-4-1975 cùng nhiều tài liệu cơ mật khác - *N.V.*

Theo đó, nếu như Bắc Việt Nam đáp ứng yêu cầu của chúng tôi về hai vấn đề quan trọng hàng đầu trong Hiệp định là vấn đề khu phi quân sự và phương pháp ký kết, và nếu chúng tôi có thể dàn xếp một bộ máy giám sát chấp nhận được, thì chúng tôi sẽ xúc tiến hoàn thành giải pháp này. Nếu như chính phủ ngài quyết định bác bỏ Hiệp định và tách khỏi Mỹ thì sẽ xảy ra những hậu quả nghiêm trọng nhất. Như tôi đã nói trong thư ngày 17-12, tôi tin rằng việc ngài không chịu hợp tác với chúng tôi sẽ dẫn đến tai họa, hoặc sẽ dẫn đến chỗ mất hết những gì chúng ta đã phấn đấu để thực hiện trong suốt 10 năm qua. Điều này sẽ không thể tha thứ được vì chúng ta sẽ để mất một "giải pháp công bằng và có danh dự".

Khi chúng tôi bước vào đợt thương lượng mới này, tôi hy vọng hai nước chúng ta sẽ tỏ ra là một mặt trận thống nhất để phục vụ cho mục tiêu chung của chúng ta. Điều bắt buộc phải là chính phủ của ông không được có thêm công việc của chúng ta làm cho tất cả các bên thêm khó khăn trong việc chấp nhận Hiệp định. Chúng tôi sẽ giúp ông nắm được tin tức về Hội nghị Paris bằng cách hằng ngày thông báo cho Đại sứ Lắm[1].

Tôi chỉ có thể nhắc lại điều mà tôi vẫn thường nói là "bảo đảm tốt nhất cho sự tồn vong của Nam Việt Nam là sự đoàn kết giữa hai nước, sự đoàn kết này sẽ bị phá hoại nghiêm trọng nếu ông cứ khăng khăng theo con đường hiện tại của ông. Hoạt động của quốc hội chúng tôi từ khi nhóm họp lại rõ ràng đã nói lên những lời cảnh cáo mà chúng tôi đã nêu".

---

1. Tức Trần Văn Lắm - Tổng trưởng Ngoại giao kiêm Trưởng phái đoàn Việt Nam Cộng hòa tại Hội nghị Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

Nếu ông quyết định (và tôi tin là ông sẽ làm như vậy cùng đi với chúng tôi một con đường, thì tôi cam đoan rằn ông sẽ được tiếp tục viện trợ trong giai đoạn sau Hiệp định và chúng tôi sẽ trả lời bằng lực lượng mạnh mẽ nếu Bắc Việ Nam vi phạm Hiệp định. Kết cục tôi kêu gọi ông đứng về phí chúng tôi.

Trân trọng
Richard Nixon

ĐIỆN CỦA TỔNG THỐNG MỸ RICHARD NIXON GỬI NGUYỄN VĂN THIỆU NGÀY 17-1-1973

Nhà Trắng, ngày 17-1-1973

Tổng thống Thiệu thân mến!

Tôi đã nhận được thư của ông đề ngày 17-1-1973 và tôi đã nghiên cứu rất cẩn thận.

Tôi phải nhắc lại những gì mà tôi đã nói với ông trong các bức thư trước: Nền tự do và độc lập của Việt Nam Cộng hòa vẫn là mục đích tối cao của đường lối ngoại giao của Mỹ. Suốt cuộc đời chính trị của tôi, tôi đã phấn đấu cho mục tiêu này và trong bốn năm qua, tôi đã liều đón nhận những hậu quả nghiêm trọng trong nước và ngoài nước để theo đuổi mục tiêu đó. Chính là vì để bảo vệ cho các mục tiêu chung của chúng ta mà tôi đã quyết định theo con đường hiện nay và không thay đổi. Tôi tin chắc rằng nếu không ký kết Hiệp định hiện tại thì Quốc hội Mỹ sẽ cắt hoàn toàn viện trợ cho đất nước ông. Do vậy chúng tôi sẽ ký tắt Hiệp định (mà Tướng Haig đã đưa tới ông) ngày 23-1-1973 và sẽ ký chính thức ngày 27-1-1973, cho nên trước mắt, chúng tôi chỉ có một quyết định tiếp tục hay không tiếp tục trong thời bình sự hợp tác đã phục vụ rất tốt cho chúng ta trong thời chiến.

Tôi xin phát biểu về những nỗi lo ngại cụ thể mà bức thư của ông đã nêu. Về các nghị định thư, tôi xin nói để ông biết rằng, những ý kiến phê phán này đưa ra quá chậm vì chúng tôi đã đề nghị Chính phủ Việt Nam Cộng hòa cùng tham gia vào những

tài liệu này, cũng như xin ý kiến đóng góp của các ông đối với các tài liệu này từ hơn hai tháng nay. Mãi đến ngày 16-1, các đại diện của ông ở Paris vẫn không chịu đưa ra ý kiến đóng góp nào cho Đại sứ Sullivan. Trong các cuộc thương lượng của chúng tôi, và với các tài liệu này, tôi đã bảo vệ lợi ích của ông và bảo đảm rằng các nghị định thư, cơ bản vẫn là những công cụ kỹ thuật để góp phần thực hiện Hiệp định. Chúng tôi cho rằng các nghị định thư này đúng đắn và có tác dụng thêm nữa để củng cố Hiệp định.

Về văn bản Hiệp định, ông nêu lên những điều khoản có lợi mà ông tuyên bố là bị cắt bỏ trong Hiệp định. Nhưng thực tế, những điều khoản này chưa khi nào có trong Hiệp định, đó là những thay đổi mà chúng tôi đã hết sức cố gắng (và đã thất bại) để đưa vào văn bản Hiệp định (vì các ông). Tôi có thể nói thêm rằng, về nhiều điểm trong các vấn đề này (ví dụ như các điều khoản chính trị), bức thư ngày 5-1 của ông đã chấp nhận kết quả.

Mặt khác như ông biết, chúng tôi đã cố gắng qua các cuộc thương lượng gay go, đưa nhiều đề nghị khác nữa của chính phủ ông vào văn bản dự thảo tháng 10. Bức thư ngày 14-1 của tôi và cuộc gặp gỡ của Tướng Haig (với ông) đã nêu rõ những cải thiện này. Những thay đổi đáng kể mà chúng ta đã đạt được một phần do chính sách của chính phủ ông, bao gồm:

- Trong văn bản mà chính phủ ông sẽ ký, CPCMLT không được đề cập tới ở mọi chỗ trong lời mở đầu cũng như trong văn bản, trong khi đó thì được nhắc đến.

- Viện trợ quân sự được phép theo điều khoản thay thế được mở rộng cả đến vật tư "dùng hết" hoặc "bị phá hủy" ngoài những thứ "bị hư hỏng hoặc hao mòn".

- Bây giờ không chỉ có Mỹ bị đòi hỏi tôn trọng quyền tự quyết chính trị của miền Nam mà cả các nước.

- Chữ "cơ cấu chính quyền" dùng để chỉ Hội đồng quốc gia hòa giải đã hoàn toàn bỏ đi.

- Vai trò của Hội đồng quốc gia hòa giải càng bị giảm xuống vì nó không có vai trò trong việc duy trì ngừng bắn và giữ gìn hòa bình.

- Việc giảm quân số hiệu lực của cả hai bên và việc phục viên chung sẽ được thực hiện càng nhanh càng tốt.

- Đường lối ngoại giao của Nam Việt Nam sẽ được thực hiện trên cơ sở "cần tôn trọng chủ quyền và độc lập của nhau", đề cao địa vị chủ quyền của nước ông.

- Bắc Việt Nam bây giờ phải có nghĩa vụ tôn trọng khu phi quân sự ở cả hai bên đường giới tuyến quân sự tạm thời.

- Ủy ban quốc tế sẽ thực hiện nhiệm vụ của nó theo nguyên tắc tôn trọng chủ quyền của Nam Việt Nam.

- Bốn bên có nghĩa vụ tôn trọng chặt chẽ Hiệp định Geneva năm 1954 và năm 1962[1].

- Không có điểm nào nhắc đến ba nước Đông Dương.

- Thời gian giữa ngừng bắn ở Việt Nam và ở Lào rút từ 30 ngày xuống 15 ngày.

- Bộ máy kiểm soát quốc tế đã được bố trí đầy đủ và bây giờ sẽ có thể bắt đầu hoạt động ngay sau khi ngừng bắn.

Tất cả những cải thiện này (so với Hiệp định tháng 10) đã thành đạt được mà không để cho bất kỳ một thay đổi nào có lợi cho cộng sản.

Ngoài việc củng cố cho chính bản Hiệp định như bức thư ngày 14-1 của tôi đã nêu rõ, địa vị chính trị và an ninh của ông cũng được củng cố nhiều mặt để chuẩn bị cho cuộc ngưng bắn.

---

1. Hiệp định Geneva về Lào được ký kết ngày 23-7-1962 là hiệp định quốc tế xác nhận và phát triển thêm những điểm cơ bản trong Hiệp định Geneva về Đông Dương năm 1954. Các nước tham gia ký kết thừa nhận, tôn trọng nền độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Lào; không để nghị hoặc thúc ép Lào tham gia vào bất cứ liên minh quân sự nào không phù hợp với nền trung lập của Lào.

Về những điều chỉnh khác mà ông vẫn muốn đưa vào bản Hiệp định, tôi xin nhắc lại để ông biết một lần nữa rằng, bản Hiệp định, phương pháp ký và các nghị định thư đã ở mức tốt nhất mà chúng ta có thể đạt tới. Không thể thay đổi chúng được nữa đâu. Còn về thủ tục ký kết, ông Haig sẽ trình bày với ông toàn bộ vấn đề. Chính phủ ông sẽ ký một tài liệu trong đó không hề nhắc tới CPCMLT. Hiệp định này sẽ được ký trước, có trang ký riêng cho cả hai bên. Nó không đề cập đến hiệp định giữa hai bên. Đây là sự cải thiện lớn so với thủ tục trước và là một cải thiện hoàn toàn bảo vệ địa vị cho ông.

Trong bất kỳ tình huống nào, bây giờ bàn đến các điều không cụ thể không còn thích hợp nữa. Như tôi đã nêu để ông biết trong nhiều dịp, vấn đề then chốt không còn là những hàm ý cụ thể trong Hiệp định mà là sự hợp tác hậu chiến giữa hai nước chúng ta và sự cần thiết của việc Mỹ tiếp tục viện trợ. Chính để bảo đảm cho viện trợ này mà tôi đã chiến đấu. Việc ông gạt bỏ bản Hiệp định lúc này sẽ phá hoại không thể cứu vãn nổi khả năng chúng tôi có thể viện trợ cho ông. Quốc hội và dư luận công chúng sẽ trói tay tôi. Do đó đây là lúc phải đi cùng nhau và bảo vệ lợi ích chung qua sự hợp tác chặt chẽ và đoàn kết.

Như ông Haig đã nói, tôi sẵn sàng cử Phó Tổng thống Agnew tới Sài Gòn để bàn kế hoạch về mối quan hệ hậu chiến giữa hai nước. Ông ta sẽ rời Washington ngày 28-1, một ngày sau lễ ký kết Hiệp định Paris, và trong chuyến đi này, ông ta sẽ công khai khẳng định lại những bảo đảm mà tôi đã bày tỏ với ông. Tôi xin nêu lại những bảo đảm đó trong bức thư này:

Thứ nhất: chúng tôi công nhận chính phủ ông là chính phủ hợp pháp duy nhất ở miền Nam.

Thứ hai: chúng tôi không thừa nhận quyền để quân nước ngoài trên đất Nam Việt Nam.

Thứ ba: Mỹ sẽ phản ứng mạnh mẽ đối với hành động vi phạm Hiệp định.

Ngoài ra, tôi sẵn sàng gặp riêng ông vào ba hoặc bốn tuần sau ở San Clemente, lúc đó chúng ta có thể công khai khẳng định một lần nữa sự hợp tác chung và những bảo đảm của Mỹ.

Trong hoàn cảnh này, tôi hy vọng ông sẽ cùng chúng tôi ký bản Hiệp định. Do tính chất nghiêm trọng của tình hình và do những hậu quả đối với tương lai, tôi đã chỉ thị cho Tướng Haig trở lại Sài Gòn vào sáng thứ 7 (ngày 20-1). Đây là dịp cuối cùng để chúng tôi biết được lập trường cuối cùng của ông, để chúng tôi biết được rằng chúng tôi sẽ xúc tiến một mình hay xúc tiến cùng với ông. Thời gian làm việc đã được ấn định lần cuối và dù sao cũng không thể thay đổi được nữa. Ông Kissinger sẽ ký tắt Hiệp định ở Paris ngày 23-1-1973, tôi sẽ thông báo ngắn với nhân dân Mỹ tối hôm đó và lễ ký chính thức sẽ tiến hành vào ngày 27-1-1973, nếu ông không chịu cùng ký với chúng tôi, thì Chính phủ VNCH phải gánh chịu trách nhiệm về những hậu quả sẽ xảy ra.

Như tôi đã nói trong thư trước, tôi rất muốn gặp ông Lắm vào ngày 25-1 khi ông ta trên đường tới Paris để dự lễ ký và tôi mong sẽ được gặp ông trong một ngày gần đây.

Cuối thư, tôi xin bày tỏ lòng tôn trọng tinh thần kiên quyết của ông bảo vệ lợi ích của Tổ quốc mình. Tôi thừa nhận rằng Hiệp định Paris không phải là lý tưởng, nhưng đó là một hiệp định tốt nhất có thể đạt được trong những hoàn cảnh hiện tại, và tôi đã giải thích tại sao hoàn cảnh này đòi hỏi phải có giải pháp ngay.

Theo tôi, ông có hai sự lựa chọn cơ bản: Tiếp tục con đường ngăn cản Hiệp định, con đường này có vẻ gây sự chú ý nhưng thiển cận hoặc thiết lập cơ sở mới cho những mối quan hệ Mỹ - Nam Việt Nam. Tôi không cần thiết phải nói là tôi hy vọng mãnh liệt rằng ông sẽ chọn con đường duy nhất có thể bảo đảm những lợi ích của chúng ta.

Trân trọng

Richard Nixon

ĐIỆN CỦA TỔNG THỐNG MỸ RICHARD NIXON GỬI NGUYỄN VĂN THIỆU NGÀY 20-1-1973

Nhà Trắng, ngày 20-1-1973

Tổng thống Thiệu thân mến!

Xin cảm ơn đã gửi cho tôi bức thư ngày 20-1 và tôi đã đọc kỹ nó. Bây giờ kiểm điểm lại tất cả những thư từ trao đổi của chúng ta về Hiệp định và các nghị định thư thì cũng chẳng có lợi ích gì. Tuy có thể đúng là mãi đến 11-1 thì các văn bản cuối cùng của các nghị định thư mới tới Sài Gòn, song cũng đúng là các đại diện của ông ở Paris liên tục không nhận được chỉ thị gì trong nhiều cuộc họp thương lượng tháng 11 và 12, và do đó, chúng tôi buộc phải xúc tiến công việc theo nhận định tốt nhất của chúng tôi. Trong quá trình này, chúng tôi luôn thông báo tin tức cho các đại diện của ông, trong khi đó vẫn đề nghị xin ý kiến của chính phủ ông mà không được đáp lại.

Dù sao thì tất cả những cân nhắc này bây giờ cũng đều vô ích. Thực tế căn bản là tình hình ở Mỹ đòi hỏi phải đặt quan hệ của chúng ta trên cơ sở mới. Rõ ràng chúng ta vấp phải một tình hình cực kỳ nghiêm trọng khi những người bạn lâu năm của Việt Nam như Goldwater, Stennis đã tuyên bố rằng chính phủ ngài đã gạt bỏ những điều khoản hòa bình hợp lý sẽ làm cho nước Mỹ không thể tiếp tục viện trợ được nữa. Chính tình hình này sẽ đe dọa mọi vấn đề mà vì chúng cả hai nước chúng ta đã chịu đựng nhiều hy sinh.

Chúng tôi xin nói về những đề nghị cụ thể mà ông đã nêu lên trong thư trước. Chúng tôi đã có vô kể nỗ lực nhằm đạt tới những đề nghị mà ông đã nêu về vấn đề quân Bắc Việt Nam, cả ở trong văn bản Hiệp định và cả trong những thỏa thuận chính thức. Chúng tôi kết luận rằng phương hướng mà chúng tôi đã chọn là phương hướng tốt nhất có thể đạt được. Tuy không có điều khoản cụ thể nào về chuyện đó trong văn bản, song có nhiều điều khoản qua đó có thể hiểu là việc quân Bắc Việt Nam tiếp tục hiện diện ở Nam Việt Nam chỉ có thể là những hành động bất hợp pháp, và việc đưa quân số bổ sung vào chỉ có thể là hành động vi phạm Hiệp định. Tôi thấy những điều khoản sau đây trong Hiệp định đạt được mục tiêu đó:

- Việc khẳng định nền độc lập và chủ quyền của Nam Việt Nam ở các điều 14, 18 (2) và 20.

- Thống nhất đất nước chỉ với các biện pháp dân sự thông qua sự thỏa thuận và không ép buộc gán ép, điều này làm cho mọi hành động dùng bạo lực hay đe dọa dùng bạo lực dưới chiêu bài thống nhất nước nhà sẽ là bất hợp pháp (điều 15).

- Mỹ và VNDCCH (ngang nhau) cam kết chống can thiệp từ bên ngoài trong việc thực hiện quyền tự quyết của nhân dân Việt Nam (điều 9).

- Ngăn cản về pháp lý việc đưa quân, cố vấn và vật liệu chiến tranh từ nước ngoài vào Nam Việt Nam (điều 7).

- Nguyên tắc tôn trọng khu phi quân sự và đường giới tuyến quân sự tạm thời (điều 15).

- Ngăn cấm dùng lãnh thổ Lào, Campuchia để trà đạp lên chủ quyền và an ninh của Nam Việt Nam (điều 20).

- Mọi lực lượng cộng sản ở Nam Việt Nam phải chịu theo điều khoản quy định việc hiệp thương để giảm quân số và phục viên số quân đã giảm càng nhanh càng tốt (điều 13).

Ngoài ra, chúng tôi sẵn sàng gửi tới ông một công hàm của phía Mỹ tóm tắt nhận thức của chúng tôi về vấn đề này. Ông Bunker sẽ cho ông xem dự thảo bức công hàm mà tôi sẽ phát hành ở Sài Gòn vào ngày 27-1-1973.

Về vấn đề nghị định thư, tôi thấy là điều 6 trong nghị định thư về ngừng bắn và các ban liên hợp quân sự cho phép các lực lượng cảnh sát của ông tiếp tục mang súng cácbin và súng trường vì sự hiện diện của quân Bắc Việt Nam, rõ ràng là những "hoàn cảnh đặc biệt". Tuy vậy tôi sẽ chỉ thị cho ông Kissinger tìm cách thay đổi điều khoản này để làm mất tính chất mập mờ của nó. Song tôi không thể hứa hẹn là ông Kissinger sẽ thành công.

Tuy vậy, vấn đề then chốt không phải là vấn đề đó. Hiện nay, chúng ta đã đi tới điểm quyết định. Tôi không thể trì hoãn quyết định của mình trong khi chờ đợi kết quả của những trao đổi thêm nữa. Khi ông Kissinger rời khỏi Washington vào sáng thứ hai tức là đường đi cơ bản của chúng ta đã được ổn định. Như vậy tôi báo để ông biết, chúng tôi sẽ ký tắt Hiệp định vào ngày 23-1. Tôi cần biết là ông có sẵn sàng cùng đi với chúng tôi theo con đường này không, vì tôi phải nhận được trả lời của ông vào 12 giờ Washington ngày 21-1-1973.

Tôi phải gặp gỡ các lãnh tụ quốc hội chủ chốt vào tối thứ bảy (ngày 21-1) để báo cáo cho họ biết các điều kiện chung của con đường đi của chúng ta. Nếu ông không thể trả lời là ông nhận lời ký vào lúc đó thì tôi sẽ cho họ biết là tôi cho phép Kissinger ký tắt Hiệp định dù không được sự đồng ý của chính phủ ông. Trong trường hợp đó, dù cho ông quyết định cùng hợp tác với chúng tôi sau này, thì khả năng tiếp tục được quốc hội ủng hộ vẫn sẽ giảm hẳn đi. Trong trường hợp ấy tôi cũng sẽ không thể đưa vào diễn văn ngày 23-1-1973 của tôi những lời

cam đoan như tôi đã nêu với ông bởi vì lúc ấy tôi không tự nguyện có những cam đoan đó. Không cần nói cũng rõ là tôi sẽ rất ngại ngần trong việc thực hiện bước đi số mệnh này.

Vì vậy tôi xin tóm tắt lập trường của tôi như sau: Trước hết tôi xin hoan nghênh quyết định của ông đưa Ngoại trưởng Lắm tới Paris và tôi sẽ chỉ thị cho Kissinger gặp ông ta cả trước và sau khi ông Kissinger họp với đại diện Bắc Việt Nam để tỏ rõ là chính phủ của ông tham gia đầy đủ vào các hoạt động của chúng tôi. Thứ hai là tôi đã chỉ thị cho ông Kissinger tìm cách thay đổi nghị định thư về lực lượng cảnh sát. Thứ ba là vấn đề quân Bắc Việt Nam, tôi không thể đi xa hơn bản dự thảo công hàm mà tôi đã đề nghị ông Bunker chuyển cho ông và chúng tôi sẽ chính thức trao cho ông ngày 27-1. Thứ tư là nếu ông cùng ký với chúng tôi, chúng tôi sẽ tuyên bố Phó Tổng thống Agnew tới thăm Sài Gòn trước ngày ký kết mặc dù ông ta có thể rời Washington trước ngày 28-1.

Điều cuối cùng và quan trọng nhất tôi cần được ông đảm bảo rằng khi chúng tôi ký tắt tức là chúng tôi đã biết được rằng ông sẽ tiến hành ký Hiệp định cùng với chúng tôi.

Một lần nữa, tôi cam đoan với ông rằng Hiệp định này sẽ là mở đầu cho một giai đoạn mới của sự hợp tác chặt chẽ và ủng hộ mạnh mẽ lẫn nhau giữa Việt Nam Cộng hòa và Mỹ. Ông với tôi cùng làm việc với nhau trong thời bình cũng như chúng ta đã làm như vậy trong thời chiến. Nếu chúng ta cùng đứng về một phía và cùng tiến tới nhau thì chúng ta sẽ chiến thắng.

Trân trọng
Richard Nixon

ĐIỆN CỦA TỔNG THỐNG MỸ RICHARD NIXON GỬI NGUYỄN VĂN THIỆU NGÀY 22-1-1973

Nhà Trắng, ngày 22-1-1973

Tổng thống Thiệu thân mến!

Cảm ơn ông đã trả lời tôi nhanh chóng trong bức thư ngày 21-1. Tôi muốn ông biết rằng, mặc dù có mọi khó khăn và những bất đồng giữa hai chính phủ chúng ta trong giai đoạn hiện nay, tôi rất tôn trọng lòng kiên trì và dũng cảm của ông trong việc bảo vệ lợi ích của dân tộc Việt Nam trong mục tiêu chung của chúng ta là duy trì nền tự do và độc lập cho nhân dân Việt Nam. Tôi hy vọng chúng ta sẽ tiếp tục có quan hệ chặt chẽ.

Bây giờ tôi sẽ báo cáo cho các lãnh tụ quốc hội biết rằng chúng ta sẽ tiếp tục công việc với sự đồng ý cần có của ông. Về vấn đề quân Bắc Việt Nam, chúng tôi sẽ gửi tới ông bức công hàm phù hợp với lời lẽ trong thư ông. Đại sứ Bunker sẽ đưa ông bản thảo. Ngoài ra, chúng tôi sẽ tìm cơ hội trong tuần lễ ký tắt bản Hiệp định để bày tỏ quan điểm của chúng ta công khai theo cùng đường lối như nhau.

Về vấn đề lực lượng cảnh sát, tôi đã chỉ thị cho ông Sullivan nói tại hội nghị với Bắc Việt Nam ngay lập tức để tìm cách đưa vào một vài điều chỉnh cho nghị định thư lần này. Ông Kissinger sẽ tiếp tục giải quyết vấn đề này với Ngoại trưởng Lắm và trong các cuộc họp với ông Lê Đức Thọ. Dù sao chúng tôi vẫn ký tắt vào

ngày 23-1 và ký chính thức vào ngày 27-1. Nếu chúng ta không đạt được yêu cầu thay đổi nghị định thư nói trên thì chúng ta sẽ phải hiểu câu văn trong nghị định thư "các hoàn cảnh đặc biệt" theo cách tạo cho ta phạm vi hoạt động cần thiết.

Về các nghị định thư nói chung, tôi không đồng ý cho rằng những văn kiện này ràng buộc về pháp lý nhiều hơn là chính Hiệp định. Hơn nữa ông sẽ nhận thấy rằng chúng tôi cố ý để nhiều vấn đề quan trọng trong nghị định thư, như các cửa khẩu và địa vị của Ban Liên hiệp hai bên, cho hai bên miền Nam Việt Nam giải quyết, do đó phản ánh lập trường cơ bản của ông là để các vấn đề cho người Việt Nam thương lượng với nhau. Cho nên tôi sẽ chuẩn bị bài diễn văn ngày 23-1 theo những nét đại cương mà Tướng Haig đã cho ông biết. Bài diễn văn này sẽ đề cập rõ tới tình hình đoàn kết cơ bản của chúng ta và cũng sẽ nêu lên rằng cá nhân ngoại trưởng Việt Nam Cộng hòa sẽ tham dự vào giai đoạn cuối cùng các cuộc thương lượng. Như tôi đã nêu trong bức thư trước, ông Kissinger sẽ trao đổi ý kiến chặt chẽ (và sẽ hợp tác một cách dễ thấy) với ông Lắm khi họ ở Paris.

Mối quan tâm chung to lớn của chúng ta bây giờ phải là củng cố chính phủ ông và nhân dân ông trong giai đoạn thực hiện Hiệp định Paris. Từ nay trở đi, chúng ta phải nhấn mạnh tới sự hợp tác chặt chẽ và vào thái độ đầy tin tưởng vào việc thực hiện Hiệp định này.

Với sự lãnh đạo của ông, và với mối quan hệ tốt vẫn tiếp tục giữa hai nước, chúng ta sẽ thắng lợi trong công cuộc tìm kiếm các mục tiêu chung của chúng ta.

Trân trọng

Richard Nixon

PHÚC TRÌNH VỀ NHỮNG HOẠT ĐỘNG TẠI HOA THỊNH ĐỐN, BA LÊ VÀ LUÂN ĐÔN[1] TỪ NGÀY 5-1 ĐẾN NGÀY 19-1-1973 CỦA PHÁI ĐOÀN VIỆT NAM CỘNG HÒA DO TRẦN VĂN ĐỖ[2] VÀ BÙI DIỄM[3] CẦM ĐẦU

I- PHẦN LƯỢC THUẬT NHỮNG BUỔI HỘI ĐÀM VỚI CÁC NHÂN VẬT NƯỚC NGOÀI

HOA THỊNH ĐỐN

1. Chính phủ Hoa Kỳ

Ngay sau khi tới Hoa Thịnh Đốn sáng ngày 5-1-1973, chúng tôi đã thảo luận ngay với Đại sứ Phương[4], và với sự hoàn toàn đồng ý của ông, chúng tôi đã gọi điện thoại vào tòa Bạch Ốc ngỏ ý muốn gặp ông Kissinger. Mặc dù hết sức bận rộn sửa soạn trở lại Paris và tiếp các nhân vật ngoại quốc quan trọng ghé qua Hoa Thịnh Đốn nhân dịp dự đám tang của cố Tổng thống Truman, ông Kissinger đã cho trả lời ngay là ông sẽ tiếp

---

1. Các danh từ riêng trong phần Phụ lục được Việt hóa để nguyên bản theo tài liệu gốc.

2. Ngoại trưởng Việt Nam Cộng hòa (1965 - 1967).

3. Đại sứ lưu động, Đại sứ Việt Nam Cộng hòa tại Washington (1967 - 1972).

4. Tức Hoàng Kim Phương, Đại sứ Việt Nam Cộng hòa tại Washington.

chúng tôi vào hồi 2 giờ 30 phút. Trong buổi thảo luận kéo dài gần một giờ và với sự có mặt của Đại sứ Phương, chúng tôi đã nói lên những thắc mắc của chính phủ chúng ta về những điểm: vấn đề sự có mặt của quân đội Bắc Việt Nam tại Nam Việt Nam; sự cần thiết phải xác nhận cho ra nguyên tắc hai quốc gia riêng biệt, ranh giới chia đôi mà hai bên phải tôn trọng và tính cách hợp pháp duy nhất của Chính phủ Việt Nam Cộng hòa ở miền Nam Việt Nam. Ông Kissinger nói ngay là ông chia sẻ những thắc mắc của Việt Nam và cũng nói ngay là về vấn đề đòi hỏi quân đội Bắc Việt phải rút khỏi miền Nam, ông đã cố gắng nhiều lần mà không đạt được kết quả. Ông nói rằng nguyên tắc "ngừng bắn tại chỗ" đã được chấp thuận từ lâu, nên trở lại vấn đề thật là khó, tuy nhiên ông hứa là ông sẽ cố gắng lần chót trong buổi họp với ông Lê Đức Thọ ngày 8-1, khi ông trở lại Paris. Rồi vượt ra khỏi những điểm chúng tôi đã nêu ra, ông nói rằng: Tổng thống Nixon và ông trong bốn năm qua đã cố gắng hết sức để giữ vững lập trường của Hoa Kỳ tại Việt Nam. Lập trường đó là tìm đủ mọi cách, mọi hình thức giúp đỡ Nam Việt Nam và để Nam Việt Nam khỏi rơi vào tay cộng sản. Ông thổ lộ rằng, trong những buổi mật đàm với ông Lê Đức Thọ trước đây, rất nhiều lần ông Lê Đức Thọ đã đề nghị với ông rằng chỉ cần đánh đổ chế độ miền Nam thì Bắc Việt sẽ chịu hết mọi điều kiện khác. Ông đã bác bỏ tất cả những đề nghị "đi đôi" (deal) của Bắc Việt trong nhiều năm qua thì ngày nay ông không có lý do gì để không cố gắng giúp đỡ Nam Việt Nam trong phần hoàn tất bản thỏa hiệp. Ông nói rằng Tổng thống Nixon và ông sau khi xem xét kỹ những áp lực của quốc hội và dư luận Hoa Kỳ, tình trạng quốc tế và tình trạng ở Việt Nam đã đi tới kết luận một cách rõ rệt và "in cold blood" (lạnh lùng *B.T.*) rằng chiến lược duy nhất để có thể tiếp tục

giúp đỡ Nam Việt Nam là một thỏa hiệp với Bắc Việt, thỏa hiệp với sự đồng tình (không nói ra) của Nga Xô và Trung cộng, để tạo ra một thế mới trong đó có thể trông cậy vào quốc hội Hoa Kỳ và những mối liên lạc giữa Hoa Kỳ - Nga Xô - Trung cộng, một thỏa hiệp là một "cần thiết" và Hoa Kỳ có còn tiếp tục giúp đỡ Việt Nam nữa hay không cũng là tùy ở sự kiện có thực hiện được một thỏa hiệp hay không. Ông Kissinger cũng nói thêm rằng, trên phương diện chiến lược toàn diện, vấn đề Việt Nam lúc này là then chốt, nó quyết định sự thành bại của chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ trong bốn năm qua cũng như trong bốn năm tới. Hơn nữa, đối với Quốc hội Hoa Kỳ, ngày nào còn vấn đề Việt Nam thì Tổng thống Nixon còn khó khăn trong việc thực hiện những cải cách nội bộ và cũng vì lẽ đó nên Tổng thống Nixon mới quyết tâm giải quyết vấn đề Việt Nam càng sớm càng tốt.

Ông Kissinger kết luận rằng, ông mong Tổng thống Thiệu sẽ hiểu rõ hai điều mà ông cho là tối cần thiết: a) Sự cộng tác chặt chẽ giữa Hoa Kỳ và Nam Việt Nam trong lúc này, vì Hà Nội chỉ chờ có sự rạn nứt giữa Hoa Thịnh Đốn và Sài Gòn để đưa thêm những đòi hỏi, và b) Tổng thống Thiệu phải nhìn rõ đâu là những người bạn chân thật của Việt Nam Cộng hòa lúc này tại Hoa Kỳ. Ông nói là cứ nghe lời những phần tử của Hoa Kỳ, hoặc lời đề nghị của báo giới Hoa Kỳ, hoặc lời khuyến cáo của Quốc hội Hoa Kỳ thì ngày nay đã không còn Nam Việt Nam nữa (ông ngụ ý rằng hiện nay ở Hoa Thịnh Đốn chỉ còn thái độ liên tục giúp đỡ Nam Việt Nam để Nam Việt Nam khỏi rơi vào tay cộng sản).

Sau hết, ông hứa sẽ nêu lại tại Ba Lê vấn đề rút quân đội Bắc Việt Nam ra khỏi miền Nam Việt Nam và hứa sẽ gặp lại chúng tôi ở Ba Lê. Ngày thứ hai mồng 8-1, ông A. Johnson mời chúng tôi dùng cơm trưa với Đại sứ Phương để rồi sau bữa cơm,

tôi gặp Ngoại trưởng Rogers. Chúng tôi có ghi lại sự có mặt tại bữa cơm của các ông thứ trưởng ngoại giao Marshall Green, Howridger (phụ tá của ông Kissinger lúc trước chuyên về Việt Nam, nay chuyên về vấn đề Trung Đông), cựu Phó đại sứ Hoa Kỳ tại Sài Gòn Berger, thứ trưởng phụ trách các vấn đề liên lạc với quốc hội. Trong suốt bữa cơm Đại sứ Phương và chúng tôi thay phiên nhau bênh vực quan điểm của Nam Việt Nam, nhấn mạnh đến hai nguyên tắc mà không ai phủ nhận được (chủ quyền của quốc gia Nam Việt Nam và quyền độc lập tự quyết) để trình bày tại sao trên phương diện thực tế cũng như trên phương diện nguyên tắc Việt Nam Cộng hòa khó lòng có thể chấp nhận được sự có mặt của quân đội Bắc Việt tại miền Nam. Lập luận của ông A. Johnson để trả lời chúng tôi là đã đành trên nguyên tắc, các ông có phần có lý của các ông, nhưng đặt lại câu hỏi: Với áp lực nặng nề của Quốc hội Hoa Kỳ lúc này và nếu Bắc Việt cứ một mực từ chối thì không thể tiếp tục mãi chiến tranh được, các ông có giải pháp gì không? Rồi kéo riêng anh Bùi Diễm ra một góc phòng để nói cho tiện. Ông Johnson nói tiếp, tôi với anh là bạn lâu năm, tôi nói với anh lời nói của một người bạn: Tổng thống Thiệu trong mấy tháng qua bằng cách xử sự hết sức khéo léo của ông đã chứng tỏ cho mọi người và thế giới rằng ông không phải là bù nhìn của ai cả, và nếu tôi không nhầm (vẫn theo lời của ông Johnson) ông đã đạt được cao độ trong đời chính trị của ông, ông đầy đủ uy tín và được mọi người kính nể và ủng hộ, vì vậy ông nên lợi dụng uy tín đó và nhìn rõ thực tế là cho đến nay Hoa Kỳ chưa bao giờ thay đổi mục tiêu ở Nam Việt Nam, nếu ngày nay Hoa Kỳ có phải thay đổi chiến thuật thì chỉ bởi vì Chính phủ Hoa Kỳ đã đi tới kết luận là không còn cách nào khác. Nếu trong một tương lai gần đây có được một sự thỏa hiệp với Bắc Việt mà Tổng thống Thiệu

lại từ chối thì quả thực là một sự "đổ vỡ" tai hại cho hai dân tộc. Và tới lúc đó, với tất cả sự đau lòng tôi cũng đành phải từ bỏ lập trường của tôi trong nhiều năm qua, và anh có thể tin được rằng với những người như tôi mà còn phải bỏ thì các anh khó mà có thể tìm được bạn nào khác. Để trả lời một nhận xét của anh Bùi Diễm nói rằng, theo chỗ anh hiểu thì Tổng thống Thiệu không lúc nào có ý muốn trì hoãn hoặc cản trở hòa bình, nhưng Hoa Kỳ vụng về hay lầm lỗi đã đặt ông vào một tình trạng khó xử quá, và lúc này là lúc Hoa Kỳ phải cố gắng giúp Tổng thống Thiệu giữ được trách nhiệm của ông đối với dân tộc Việt Nam, ông Johnson liền đặt ngược lại câu hỏi: "Chúng tôi sẵn sàng, nhưng liệu ông Thiệu có thực sự muốn chúng tôi giúp ông không?", rồi ông nói tiếp luôn là theo ông hiểu thì Tổng thống Nixon sẵn sàng nói lên sự quyết tâm ủng hộ Việt Nam Cộng hòa của Chính phủ Hoa Kỳ. Sau bữa cơm trưa, chúng tôi cùng Đại sứ Phương gặp Ngoại trưởng Rogers. Chúng tôi có nói rõ với ông Rogers rằng, vì sự sống còn của Nam Việt Nam nên chúng tôi mới nêu ra những điểm mà chúng tôi gọi là "Basic requirements" (yêu cầu cơ bản - *B.T.*). Chúng tôi nói với ông: Vấn đề Việt Nam đối với Hoa Kỳ chỉ là một vấn đề trong nhiều vấn đề, nhưng vấn đề đó là sự sống còn của hơn 17 triệu dân. Ông Rogers liền cải chính rằng, Tổng thống Nixon không bao giờ coi nhẹ vấn đề Việt Nam. Sau đó Đại sứ Phương cùng chúng tôi nêu lại vấn đề rút quân đội Bắc Việt ra khỏi miền Nam và nhắc lại rằng, trên thực tế và trên nguyên tắc vấn đề này hết sức quan trọng đối với Nam Việt Nam. Ông Rogers liền trả lời ngay rằng: "nói về nguyên tắc thì chúng ta nên nhớ rằng nguyên tắc mà không có những điều kiện thực tế để thực hiện nguyên tắc thì nguyên tắc cũng vô ích". Lúc này, theo ông Rogers, không phải là lúc còn có thời gian để nói đến nguyên tắc, lúc này là lúc phải lựa chọn.

Ông nói tiếp là Tổng thống Nixon cho đến nay, với áp lực hiện tại của quốc hội và dư luận đã không thể đi xa hơn được nữa. Nếu đến khi điều đình được một thỏa hiệp mà các ông quyết định từ chối, thì lúc đó chúng tôi phải nói rõ là chúng tôi không thể tiếp tục giúp các ông được nữa, vì lẽ rất đơn giản là chúng tôi không có sự ủng hộ của quốc hội để tiếp tục như cũ.

Ngày thứ ba 9-1, chúng tôi gặp lại ông Marshall Green, nhưng cuộc thảo luận chỉ có tính chất tổng quát nên chúng tôi xin miễn ghi chi tiết để tránh bản phúc trình quá dài.

Ngày thứ năm 11-1, chúng tôi đã gặp Tướng Haig trước khi ra sân bay để lên đường đi Ba Lê (vì nhiều buổi gặp gỡ trùng hợp và vào phút chót ông Haig mới thu xếp được giờ tiếp nên chỉ có anh Bùi Diễm tới thăm ông Haig). Ông Haig lúc này đang ngồi tại Ngũ Giác Đài và thấy vậy nhiều người đã đặt câu hỏi: Phải chăng ông không còn dính dáng gì nữa vào vấn đề Việt Nam. Nhưng vừa tới thì ông Haig đã cho biết ngay là tối hôm trước ông đã phải hội ý với Tổng thống Nixon tới 12 giờ khuya. Ông nói là ông rất vui mừng gặp lại chúng tôi, vì như vậy ông có dịp nói "hết" và nói "thật" mọi sự, rằng ông hết sức lo lắng về một sự rạn nứt giữa Hoa Kỳ và Nam Việt Nam. Ông nói là giữa Tổng thống Thiệu và Tổng thống Nixon có thể có những điều khác biệt, nhưng ông nghĩ những khác biệt đó không quá lớn, nhưng điều làm ông lo hơn cả đó là sự tin cậy giữa hai tổng thống. Ông nói rằng Tổng thống Nixon có cảm tưởng như Tổng thống Thiệu đã trở lại những điều đã được thỏa thuận. Và Tổng thống Nixon hết sức thắc mắc. Tổng thống Nixon nghĩ rằng Tổng thống Thiệu đã làm cho ông mất những sự thuận lợi để tiếp tục giúp Tổng thống Thiệu. Ông nói lúc này Hoa Kỳ muốn tiến tới một thỏa hiệp, vì thực tế bó buộc cũng có, nhưng vì đó là một chiến lược rộng lớn cũng có (chiến

lược rộng lớn có nghĩa bao gồm sự đồng tình của Nga Xô và Trung cộng) và ông tin rằng chiến lược đó sẽ thành công. Chúng tôi lúc đó có nói rằng, sở dĩ một phần có sự "trục trặc" giữa Hoa Kỳ và Nam Việt Nam là ở chỗ hồi tháng 10, ông và ông Kissinger mang bản dự thảo thỏa hiệp sang Sài Gòn, hai ông không hề tham khảo ý kiến trước của Chính phủ Việt Nam. Chúng tôi lại nhắc thêm là đầu năm 1972, lúc chúng tôi còn làm đại sứ tại Hoa Thịnh Đốn, chúng tôi có nói với ông rằng Tổng thống Thiệu hết sức bực mình về chuyện tháng 9-1971 ông qua thăm Tổng thống ở Sài Gòn, rồi bẵng đi bốn tháng không có sự tham khảo ý kiến gì cho đến lúc gần công bố 8 điểm hồi tháng 1-1972 thì những sự tham khảo mới dồn dập, và lúc đó ông cũng nhận là "we mishandle" (chúng tôi xử lý sai - *B.T.*). Sang đến chuyện thái độ của chính phủ ta đối với ông Kissinger thì ông nói: "Your President misreads Henry Kissinger but I think that it was partly due to Henry's fault" (Tổng thống của Ngài đánh giá sai Henry Kissinger nhưng tôi cho rằng một phần là do Henry - *B.T.*). Ông trả lời rằng theo chỗ ông biết thì kỳ này Bắc Việt Nam sẽ giải quyết một cách mau chóng. Chúng tôi hỏi ông có yếu tố đặc biệt gì để quả quyết như vậy không, thì ông trả lời là vụ oanh tạc đã làm Hà Nội lo lắng, và thiệt hại nhiều hơn là thái độ của Nga Xô, Trung cộng không cho phép Hà Nội tiếp tục chiến tranh lâu dài hơn nữa. Tới đây, với tư cách một người bạn quen biết ông và cùng ông trải qua nhiều bước khó khăn trong quá khứ, chúng tôi nói thẳng với ông rằng Hoa Kỳ đã đặt Tổng thống Thiệu vào một tình thế hết sức khó khăn. Tổng thống Thiệu hiểu hết những thực tế chính trị tại Hoa Thịnh Đốn, nhưng vì quyền lợi của Hoa Kỳ cũng như của Việt Nam, Hoa Kỳ phải cố gắng thêm để giúp Tổng thống Thiệu. Ông nói ông được biết chắc chắn rằng: "Tổng thống Nixon sẽ làm đủ mọi cách

để nói lên sự ủng hộ Việt Nam Cộng hòa và để tiếp tục giúp đỡ Việt Nam về mọi mặt, một khi thỏa hiệp hòa bình được thực hiện và chấp nhận. Rồi ông ta thêm luôn "If there is an agreement accepted by our President and if your President decides to reject it. It will be the abandonment of Vietnam" (giả sử là có một sự thỏa hiệp được Tổng thống chấp nhận, và nếu Tổng thống của các ông bác bỏ nó thì Việt Nam vẫn sẽ bị bỏ rơi - *B.T.*). Ông nói là ông không có một chút nghi ngờ nào về sự quyết tâm của Tổng thống Nixon: "I have no doubt about the determination of the President. If there is an acceptable agreement, he will proceed how painful it may because he has no flexibility" (Tôi không có chút nghi ngờ về sự quan tâm của Tổng thống. Nếu có một thỏa thuận được chấp nhận thì ông sẽ tiến hành dù cay đắng biết nhường nào bởi ông không có sự mềm dẻo - *B.T.*). Rồi ông kết luận là ông sẽ đi Sài Gòn trong một tương lai gần để tiến tới lúc mà ông gọi là "Moment of truth". Tới đây cuộc hội đàm đã kéo dài gần một giờ. Ông Haig phải ra quốc hội để tường trình (và chúng tôi trở về ra sân bay đi Ba Lê). Chúng tôi nói với ông trước khi đứng dậy: Hoa Kỳ không nên hiểu nhầm Tổng thống Thiệu. Tổng thống Thiệu không có ý dùng kế hoãn binh để trì hoãn, hoặc cản trở hòa bình. Hơn nữa, Tổng thống Thiệu là người hiểu rõ những thực tế "chính trị" tại Hoa Kỳ và ông chỉ đang làm bổn phận của ông là cố gắng tìm tới mức tối đa những bảo đảm cho sự sống còn của 17 triệu dân Việt Nam.

Chúng tôi từ giã ông Haig ra về với mối ưu tư nặng trĩu trong lòng, trở về sứ quán để thảo mật điện trình Tổng thống và ra sân bay để đi Ba Lê.

2. Quốc hội và dư luận Hoa Kỳ

Xen kẽ vào những buổi hội đàm với các nhân vật trong

Chính phủ Hoa Kỳ, chúng tôi đã gặp nhiều nhân vật trong quốc hội và báo chí Hoa Kỳ. Vì thời gian eo hẹp, nên chúng tôi chỉ đặt trọng tâm vào những nhân vật thực sự có ảnh hưởng (từ phía cực tả và cực hữu). Trong số các vị thượng nghị sĩ chúng tôi gặp, chúng tôi xin ghi lại ý kiến của bốn vị: các ông Humphrey, Javilo, Aiken và Tower (vì bốn ông trên đây tiêu biểu cho dư luận đi từ phía Đảng Dân chủ sang phía Đảng Cộng hòa). Trước hết, bốn thượng nghị sĩ trên đây đều đồng ý trên một điểm: Chiều hướng của Quốc hội Hoa Kỳ lúc này là chấm dứt chiến tranh và vụ oanh tạc Bắc Việt bằng B.52 đã gây xúc động tới mức độ những nghị sĩ trong Đảng Cộng hòa (bắt đầu bằng Thượng nghị sĩ Saxbec) cũng phản đối chính sách của Tổng thống Nixon và sốt ruột về hòa bình. Thêm vào đó, các ông còn cho rằng Tổng thống Nixon đã quá "coi rẻ" quốc hội và quốc hội phải xác nhận lại "quyền" của mình, và vấn đề Việt Nam là dịp đầu tiên và dễ dàng để quốc hội làm việc đó. Trước đây, Hạ viện Hoa Kỳ thường không đồng ý với Thượng viện về những "tu chính án" ngừng ngân khoản dành cho chiến tranh Việt Nam, thì lúc này Hạ viện lại đi trước Thượng viện đòi cắt giảm ngân khoản. Chúng tôi trong phần thảo luận đã nhấn mạnh tới điểm là cá nhân Tổng thống Thiệu cũng như nhân dân Việt Nam không cản trở hòa bình. Chúng tôi lập luận là "các ông cứ thử đặt mình vào địa vị của những người Việt Nam thì các ông sẽ hiểu tại sao chúng tôi thận trọng". Chúng tôi cũng nêu ý kiến rằng rất có thể có nhiều người Việt Nam không đồng ý với Tổng thống Thiệu về một vài khía cạnh của "chính sách" của ông, nhưng trong vấn đề sống còn của Nam Việt Nam, và thứ nhất về thái độ của Tổng thống Thiệu đối với những bản dự thảo thỏa hiệp tháng 10, thì ngoại trừ một số người tối thiểu không đáng kể, toàn thể những người quốc gia Việt Nam đều

ủng hộ Tổng thống Thiệu. Do đó lập trường của Tổng thống Thiệu là lập trường của những người quốc gia Việt Nam. Vì những lẽ đó, nếu nói rằng cá nhân Tổng thống Thiệu là một cản trở cho hòa bình thì là một sự nhầm lẫn.

Đề cập tới vấn đề viện trợ thì bốn thượng nghị sĩ trên đây đều nghĩ rằng Hoa Kỳ chắc chắn sẽ giúp đỡ Việt Nam, nhưng bầu không khí lúc này hết sức khó khăn, và lại càng khó khăn thêm nếu Chính phủ Việt Nam từ chối bản thỏa hiệp. Các ông cũng nói tiếp là trong trường hợp có một thỏa hiệp hòa bình mà Việt Nam vui lòng ký thì rất có thể có yếu tố tâm lý để làm cho bầu không khí hoàn toàn xoay ngược trở lại và thuận tiện cho Việt Nam. Ông Humphrey còn nói thêm rằng: chúng tôi sẵn sàng nghiên cứu vấn đề viện trợ quân sự trở lại nếu cộng sản trắng trợn vi phạm thỏa hiệp hòa bình. Riêng hai ông Aiken và Tower (vì đã quen biết chúng tôi từ lâu trên một căn bản rất thân) có hứa rằng, bằng đủ mọi cách và tùy thời cơ thuận tiện, các ông sẽ bênh vực lập trường viện trợ cho Việt Nam. Nhưng các ông cũng khuyên chúng tôi là nên thực tế để nhận rõ rằng Hoa Kỳ không thể đi xa hơn được nữa. Ông Tower còn nói rằng, nếu phải chọn "nguyên tắc" và "thực chất" thì ông sẽ chọn thực chất dù rằng "bề ngoài" có thể bị mất mặt đôi chút.

Về phía báo giới Hoa Kỳ thì chúng tôi chỉ tìm gặp những người thực sự có ảnh hưởng, hoặc những người thường có liên lạc với ông Kissinger để dò hỏi tin tức và trình bày sự thành tâm của Việt Nam. Thái độ chung của báo chí Hoa Kỳ qua nhiều năm nay như chúng ta đã rõ, không thuận lợi cho Nam Việt Nam. Trên phương diện cá nhân họ rất thông cảm những khó khăn của Nam Việt Nam, nhưng vì phải chiều theo dư luận chung, họ đều phải đi đến kết luận là không thể trì hoãn được lâu hơn nữa việc tái lập hòa bình ở Việt Nam. Họ đưa ra lập

luận: Các cường quốc đã có sự thỏa thuận ngầm với nhau là phải chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam. Họ cho đó là một trong những lý do tại sao Hoa Kỳ không ủng hộ lập trường của Việt Nam Cộng hòa đòi Bắc Việt phải rút quân ra khỏi miền Nam và tại sao Nga Xô - Trung cộng đã phản ứng yếu ớt đối với vụ oanh tạc B.52 và không ủng hộ lập trường của Hà Nội muốn đánh đổ chế độ ở miền Nam Việt Nam.

Trước khi sang phần lược thuật hoạt động tại Ba Lê, chúng tôi thiết nghĩ cũng phải thêm rằng, chúng tôi đã thảo luận với các ông Hooters, Holddige và các vị chuyên viên về vấn đề liên lạc với quốc hội và vấn đề viện trợ. Tất cả họ đều lưu ý chúng tôi rằng, có hai thời hạn cần phải ghi nhớ, trước hết là thời hạn ngày 28-2 và sau nữa là thời hạn tháng 6-1973. Vì tới ngày 28-2 thì "committing - resolution" (cam kết giải quyết - *B.T.*) cho phép Chính phủ Hoa Kỳ viện trợ kinh tế cho Việt Nam và sẽ hết hạn và vì tới tháng 6 thì hết "fiscal year" (năm tài chính - *B.T.*) do đó viện trợ quân sự sẽ phải ngừng. Những vị trên nghĩ rằng họ chưa ngại quốc hội sẽ biểu quyết "cắt" viện trợ (vì quốc hội lúc đó sẽ phải nhận trách nhiệm với dư luận Hoa Kỳ). Nhưng họ ngại là quốc hội sẽ trì hoãn việc thảo luận tiếp tục hay không tiếp tục "committing - resolution" hoặc trì hoãn biểu quyết toàn thể đạo luật, do đó chính phủ Hoa Kỳ sẽ ở một tình trạng hết sức khó khăn. Trước đây vì còn nhiều quân đội ở Việt Nam và quỹ quốc phòng còn nhiều nên còn có thể lấy khoản này bù đắp sang khoản khác, nhưng nay thì không còn làm thế được nữa.

BA LÊ

1. Chúng tôi tới Ba Lê sáng thứ sáu ngày 12-1, tới buổi trưa

thì phái đoàn Việt Nam nhận được điện thoại của phái đoàn Hoa Kỳ nói rằng hôm đó Kissinger sẽ đích thân tham dự buổi họp trình bày về những diễn tiến cuộc mật đàm, đồng thời yêu cầu có sự có mặt của hai chúng tôi. Tới buổi họp, ông Kissinger nói ngay là ông giữ lời hứa gặp lại chúng tôi nên mời chúng tôi tới để cùng họp với phái đoàn Việt Nam. Về buổi họp này, Mật điện số 11 ngày 12-1 của phái đoàn Việt Nam đã phúc trình đầy đủ lên Tổng thống mọi chi tiết. Chúng tôi chỉ xin ghi thêm rằng, trong suốt buổi họp, ông Kissinger đã kể lại những sự khác biệt giữa bản dự thảo của thỏa hiệp mới và bản thỏa hiệp hồi tháng 10, những khác biệt mà ông gọi là "considerable improvement" (sự cải thiện đáng kể - *B.T.*). Lập luận và lời lẽ của ông thì cũng như lập luận và lời lẽ của ông Haig bữa trước. Chúng tôi có nói với ông rằng Chính phủ Việt Nam hiểu rõ những thực tế kể cả những thực tế phũ phàng, nhưng vì sự sống còn của Việt Nam và để tạo những điều kiện tối đa cho sự sống còn, chúng tôi sẽ cố gắng để làm cho bản thỏa hiệp được tốt đẹp hơn, dù rằng chỉ còn một giờ một phút và yêu cầu ông hiểu rằng những cố gắng đó không phải là để cản trở hòa bình. Ông hứa với chúng tôi là trong buổi họp sau với ông Lê Đức Thọ, ông sẽ cố gắng nêu lại những điểm mà phái đoàn Việt Nam nêu ra...

2. Do sự sắp xếp trước của phái đoàn Việt Nam tại Ba Lê, ngày 16-1, chúng tôi cùng với Đại sứ Lắm tới gặp ông M. Schuman, Ngoại trưởng Pháp. Buổi hội đàm không liên hệ mật thiết với vấn đề Việt Nam, nhưng chúng tôi cũng ghi những điểm dưới đây: Theo ông Schuman (vừa đi Mạc Tư Khoa về), ông Brejnev biết là sắp có thỏa hiệp Việt Nam, nói là Pháp không muốn tham dự vào ủy ban kiểm soát đình chiến nhưng sẽ tham dự vào hội nghị quốc tế sau này.

- Ông nói Pháp sẽ giúp Việt Nam trên phương diện kinh tế và văn hoá và mong Việt Nam sẽ là một nước "neuter".

- Để trả lời về một ý kiến của bác sĩ Đỗ nói rằng có lẽ sau khi có thỏa hiệp hòa bình, Pháp nên có đại sứ ở Sài Gòn. Ông Schuman tỏ vẻ đồng ý nhưng không nói rõ là vào lúc nào.

- Bác sĩ Đỗ đã nói trong buổi thảo luận về lập trường của Việt Nam là trở lại Hiệp định Geneva năm 1954, hai quốc gia riêng biệt với ranh giới là vĩ tuyến 17 mà hai bên phải tôn trọng trong khi chờ đợi vấn đề thống nhất được giải quyết. Còn vấn đề thái độ của Việt Nam thì Việt Nam sẽ mở cửa và thân thiện với mọi nước, miễn là chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam được tôn trọng.

3. Trong những ngày ngắn ngủi tại Ba Lê, chúng tôi đã gặp một số kiều bào mà chúng tôi nghĩ rằng còn tha thiết đến quê hương xứ sở. Tất cả những người này đều:

- Hết sức đồng ý và thán phục Tổng thống về thái độ cứng rắn của Tổng thống tới việc bản thỏa hiệp tháng 10.

- Hiểu rõ thực tế chính trị quốc tế hiện tại và cũng không lo ngại lắm về bản thỏa hiệp.

- Nhận định rằng đằng nào thì cũng không được 100%, vì vậy vấn đề căn bản là sau đó thì làm gì để đối phó với tình hình mới.

- Nghĩ rằng thỏa hiệp tốt nhưng không có đoàn kết quốc gia và điều kiện trong nước xấu thì cũng không hơn gì, trái lại, dầu có thỏa hiệp không được hoàn hảo nhưng có sự nhất trí, cố gắng thì cũng không đáng lo.

- Tha thiết mong Tổng thống Thiệu và Chính phủ Việt Nam thực hiện đoàn kết quốc gia thực sự để gom góp những tài năng (mà họ cho là phí phạm quá nhiều trong những năm qua) và để cho đại đa số kiều bào có thể về để phục vụ đất nước.

LUÂN ĐÔN

Theo sự sắp xếp của Đại sứ Vương Văn Bắc, chúng tôi tới Luân Đôn gặp Ngoại trưởng Alex Douglas Home - Ngài Thứ trưởng phụ trách Á Đông, sự vụ Royle, các nghị sĩ Anh kể cả về phía đối lập (ông Alaphan ở Đảng Lao động). Thái độ của Chính phủ Anh rất thân thiện, cởi mở và ông ngoại trưởng Anh hứa với chúng tôi rằng ông sẽ làm đủ mọi cách có thể làm được để giúp Việt Nam. Được hỏi về quan niệm của Chính phủ Anh về một cuộc hội nghị quốc tế sắp tới thì ông nói Chính phủ Anh chưa có quan niệm gì rõ rệt, nhưng nếu có thì cũng đứng về phía Việt Nam.

II. PHẦN NHẬN ĐỊNH TỔNG QUÁT

Chúng tôi đã cố gắng lược thuật trên đây một cách trung thực những buổi hội đàm với các nhân vật ngoại quốc. Những quan điểm ghi lại là những quan điểm của họ (ngoại trừ những lúc chúng tôi trình bày lập trường của Việt Nam).

Chúng tôi cũng hiểu rõ, thứ nhất là về phía Hoa Kỳ, những điều họ nói với chúng tôi là những điều họ muốn chúng tôi trình lại với Tổng thống. Có thể họ chỉ nói một phần và giữ lại một phần. Vì vậy, chúng tôi đã có sự dè dặt ở trên. Bản phúc trình của chúng tôi chắc chắn sẽ thiếu sót và có nhiều điều phiến diện. Nhưng nếu đứng trên bình diện tổng quát thì nhận định của chúng tôi sau hai tuần là:

- Quả thực dư luận quốc tế, và nhất là dư luận Hoa Kỳ, đã đi đến chỗ không thể nào chấp nhận được một sự trì hoãn trong vấn đề lập lại hòa bình tại Việt Nam.

- Phải hay trái lúc này hầu như không còn thành vấn đề, vấn đề còn lại chỉ là: Bao giờ có hòa bình (dù chỉ là hòa bình tạm thời, giả tạo). Do đó, như Tổng thống đã chỉ thị cho chúng tôi trước khi đi, Việt Nam phải tránh đừng để cho dư luận quốc tế đổ lỗi là cản trở hòa bình vì lúc đó thì Việt Nam sẽ bị cô lập hoàn toàn.

- Còn về phần Hoa Kỳ, chúng tôi nghĩ rằng những lời lẽ của các ông Rogers, Kissinger, Haig có lẽ một phần nào có tính cách "áp đảo tình hình", nhưng dù có thế đi chăng nữa thì cũng chỉ là một phần nhỏ, còn phần lớn vẫn là chính phủ Nixon đã bắt buộc phải giải quyết vấn đề Việt Nam, vì nếu không sẽ thất bại hoàn toàn trên hai phương diện ngoại giao và nội bộ.

Trong khung cảnh dư luận quốc tế hối thúc hòa bình và với những thực tế chính trị tại Hoa Kỳ như trình bày ở trên, chúng tôi đã luôn cố gắng hết sức trong những tuần qua để, như Tổng thống nói với chúng tôi trước khi đi, "còn nước còn tát". Nếu không hơn được về vấn đề quân đội Bắc Việt, thì phải cố gắng về những điều khoản chính trị và "cộng" thêm vào đó những cam kết ủng hộ của Hoa Kỳ. Được bao nhiêu và bản dự thảo lúc này hơn bản dự thảo lúc trước tới mức nào, và sau hết những bảo đảm tối thiểu cho sự sống còn của Nam Việt Nam đã được hội đủ chưa, điều đó thực sự đã vượt quá sự suy xét của chúng tôi, và chúng tôi nghĩ rằng chỉ có Tổng thống mới có đầy đủ những yếu tố để quyết định. Chúng tôi đã cố gắng tới mức tối đa để trình lại Tổng thống mọi yếu tố, và nếu có một nhận định cuối cùng nào đó thì nhận định đó là:

Lịch sử Việt Nam lúc này đã bước vào một khúc quẹo và lúc này là lúc phải lựa chọn. Lựa chọn giữa: 1) Từ chối không ký thỏa hiệp vì cho là chưa đủ bảo đảm và do đó chấp nhận tất cả những hậu quả của sự từ chối đó và 2) Chấp nhận bản thỏa

hiệp dù rằng biết bản thỏa hiệp đó chưa hoàn hảo nhưng với sự nhất trí của toàn dân, với quyết tâm đoàn kết thực sự, chấp nhận sự thử thách do tình thế mới gây ra, và hy vọng và cố gắng lấy sự hỗ trợ tối đa của Hoa Kỳ.

Kính thưa Tổng thống!

Với sự thành tâm đối với đất nước, với sự thành kính đối với Tổng thống để đáp lại sự tin cậy của Tổng thống, chúng tôi cố gắng để thâu thập những yếu tố đệ trình lên Tổng thống. Chúng tôi không dám mạo muội có lời đề nghị mà chỉ dám trình lên sự thật theo đúng con mắt nhìn nhận của chúng tôi.

Chúng tôi xin chúc Tổng thống dồi dào sức khỏe và xin Tổng thống nhận sự biết ơn của chúng tôi.

Kính

Trần Văn Đỗ - Bùi Diễm

ĐIỆN CỦA TỔNG THỐNG MỸ GERANLD R. FORD GỬI NGUYỄN VĂN THIỆU NGÀY 10-8-1974 (DO ĐẠI SỨ MARTIN CHUYỂN)

Sài Gòn, ngày 10-8-1974

Ngài Tổng thống kính mến!

Tổng thống G. Ford yêu cầu tôi chuyển tới ngài bức điện sau đây:

Tổng thống Thiệu thân mến!

Tôi đã nhậm nhiệm vụ Tổng thống nước Mỹ, một trong những suy nghĩ đầu tiên của tôi là về các cuộc tấn công vũ trang tàn bạo mà các lực lượng vũ trang của ngài đang chống lại thành công bằng lòng dũng cảm và gan dạ. Tôi nghĩ là tôi không cần thiết phải báo với ngài rằng chính sách đối ngoại của Mỹ xưa nay vẫn mang tính nổi bật quan trọng là tính kế thừa và mang nội dung lưỡng đảng. Điều đó ngày nay được thể hiện đúng sự thực hơn. Những cam kết mà Mỹ đã tiến hành trước đây vẫn còn giá trị và sẽ được tôn trọng đầy đủ dưới chính quyền của tôi.

Những sự bảo đảm này đặc biệt có liên quan đến Việt Nam Cộng hòa. Chúng ta đã cùng kề vai sát cánh với nhau trên một con đường dài và đầy khó khăn. Tôi đã nghe Đại sứ Martin báo cáo về những tiến bộ phi thường mà Việt Nam Cộng hòa đã đạt được dưới sự lãnh đạo của ngài. Trong giai đoạn kế thừa từ sau

Hiệp định Paris được ký kết, tôi đã phấn chấn lên và được khích lệ bởi các bản báo cáo của ngài Đại sứ Martin về quyết tâm của cá nhân ngài trong việc tiếp tục làm tốt hơn nữa các quá trình quản lý và bảo đảm rằng viện trợ của chúng tôi và số viện trợ của các nước khác mà chúng tôi hy vọng sẽ tăng lên có thể được sử dụng một cách nhanh chóng và hữu hiệu để đưa nền kinh tế Nam Việt Nam đến mức có thể tự túc được trong một vài năm tới. Do việc các nhà lãnh đạo của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Hà Nội ngày càng thấy rõ hơn về khả năng chuyên môn, tinh thần cao và hiệu quả chiến đấu của các lực lượng vũ trang Việt Nam Cộng hòa, nên tôi rất hy vọng là họ sẽ chấp nhận trở lại tham gia vào các tổ chức do Hiệp định Paris quy định, và cùng với phía ngài nghiêm chỉnh đề ra các thể thức nhằm thực hiện đầy đủ Hiệp định Paris, mà theo tôi biết thì đó là điều ngài mong muốn.

Tôi biết là ngài đang quan ngại về những biện pháp khởi đầu của Quốc hội Mỹ về vấn đề chuẩn chi viện trợ kinh tế và quân sự cho Việt Nam Cộng hòa trong năm tài khóa này. Quá trình lập pháp của nước chúng tôi là một quá trình phức tạp và chưa hoàn chỉnh. Mặc dù còn phải chờ đợi thêm ít thời gian nữa, nhưng tôi muốn bảo đảm lại với ngài về lòng tin cậy của tôi rằng cuối cùng việc giúp đỡ của chúng tôi cho ngài sẽ đầy đủ cả về hai mặt kinh tế và quân sự. Nhằm đạt được những cố gắng quan trọng này, tôi sẽ nhờ tiến sĩ Kissinger, người mà tôi đã đề nghị giữ chức bộ trưởng ngoại giao hướng dẫn và giúp đỡ. Tiến sĩ Kissinger và Đại sứ Martin là những người tôi tin cẩn nhất.

Kính chào ngài
Geranld R. Ford

CÔNG HÀM NGÀY 26-2-1975 CỦA TỔNG THỐNG MỸ GERANLD R. FORD GỬI NGUYỄN VĂN THIỆU (DO ĐẠI SỨ MARTIN CHUYỂN)

Sài Gòn, ngày 26-2-1975

Thưa tổng thống!

Tổng thống Ford đề nghị tôi chuyển tới ngài bức điện sau:

Tổng thống thân mến!

Những bức thư đầy suy tư của ngài đề ngày 24 và 25-1 đã đến với tôi vào lúc mà vấn đề Việt Nam là vấn đề luôn trong đầu óc tôi và những người Mỹ cũng như nhân dân thế giới. Tôi xin chia sẻ cùng ngài nỗi lo ngại về việc Bắc Việt Nam không thực hiện những điều khoản cơ bản nhất của Hiệp định Paris, và việc áp lực quân sự của Bắc Việt Nam tăng mạnh lên. Tôi xin cam đoan với ngài rằng Chính phủ Mỹ sẽ tiếp tục gây áp lực (press) buộc thực hiện đầy đủ Hiệp định này.

Một lần nữa, nhân dân và các lực lượng vũ trang Nam Việt Nam đang bộc lộ một cách có hiệu quả quyết tâm của mình chống lại các cuộc tấn công của Hà Nội. Mặc dù hiện nay các ngài bị hạn chế về đạn dược và các mặt hàng tiếp tế khác, nhưng tôi đặc biệt xúc động trước hiệu lực của các lực lượng của ngài tại Phước Long và núi Bà Đen, tại đây chỉ bị tràn ngập sau khi họ bị cắt nguồn tiếp tế bổ sung và quân tăng viện, và quân địch gấp bội về số lượng.

Mặc dù vậy, những đề nghị của ngài để tái tục thương lượng cho đến nay vẫn bị bác bỏ. Những việc đó chứng tỏ rõ ràng rằng chính phía cộng sản, chứ không phải Việt Nam Cộng hòa đang kéo dài chiến tranh. Chúng tôi tiếp tục tin tưởng rằng việc thi hành Hiệp định Paris, với những cuộc thương lượng trực tiếp giữa các bên Việt Nam với nhau là cách thích hợp nhất và hữu hiệu nhất để chấm dứt việc đổ máu ở Việt Nam. Chúng tôi ủng hộ mạnh mẽ những cố gắng của ngài để tái tục các cuộc thương lượng và sẽ cố gắng hết sức để cung cấp viện trợ, điều rất cần thiết cho cuộc đấu tranh của ngài cho đến khi đạt được hòa bình.

Con đường đi tới hòa bình không bao giờ dễ dàng. Đó là con đường quá ư lâu dài và khó khăn ở Việt Nam, nhưng tôi vẫn hy vọng nếu chúng ta kiên trì, bền bỉ, chúng ta sẽ đạt được mục tiêu hòa bình, công bằng cho chúng ta, một nền hòa bình vĩnh viễn, và một nền hòa bình phù hợp với ý chí của nhân dân Việt Nam, xứng đáng với những sự hy sinh của dân tộc Việt Nam và Mỹ.

Với sự bảo đảm và tôn trọng nhất của tôi.
Xin gửi tới ngài lời chào kính trọng.

Geranld R. Ford

ĐIỆN CỦA TỔNG THỐNG MỸ GERANLD R. FORD GỬI NGUYỄN VĂN THIỆU NGÀY 21-3-1975

Nhà Trắng, Hoa Thịnh Đốn, ngày 21-3-1975

Tổng thống Thiệu thân!

Cuộc tấn công hiện tại của Bắc Việt Nam là điều vô cùng phiền phức và làm bản thân tôi cảm thấy không vui. Theo tôi, cuộc tấn công của Hà Nội chẳng qua chỉ là hành động xóa bỏ Hiệp định Paris bằng bạo lực.

Các sự kiện này gây hậu quả trầm trọng nhất đối với hai nước chúng ta. Đối với ông và đồng bào của ông, đây là thời gian chịu đựng sự hy sinh tột độ, sự hy sinh để quyết định sinh mệnh của Tổ quốc mình. Tôi tin rằng dưới sự lãnh đạo của ông, quân đội Việt Nam Cộng hòa sẽ tiếp tục công cuộc phòng thủ kiên trì chống cuộc xâm lược mới này. Tôi cũng tin rằng với sự giúp đỡ thêm từ bên ngoài, ông sẽ chiến thắng trong cuộc đấu tranh giành quyền tự quyết.

Về phía Mỹ, vấn đề không kém phần quan trọng. Bằng hành động của họ, Hà Nội một lần nữa đang tìm cách phá hoại tất cả những gì mà chúng tôi đã cố gắng đạt tới với cái giá to lớn trong suốt 10 năm qua. Đồng thời quyết tâm của Mỹ chi viện cho một người bạn đang bị các lực lượng vũ trang cỡ lớn tấn công, vi phạm một hiệp ước quốc tế nghiêm chỉnh, quyết tâm đó đang bị thách thức.

Về phần tôi, tôi quyết định rằng nước Mỹ sẽ đứng vững đằng sau Việt Nam Cộng hòa trong giờ phút nghiêm trọng này. Để giữ vững trách nhiệm của Hoa Kỳ trong tình hình này, tôi đang theo dõi chặt chẽ những phát triển ở Việt Nam và trao đổi ý kiến khẩn cấp với các cố vấn của tôi về những hành động cần thiết trong tình hình này và hợp với pháp luật.

Việc bảo đảm viện trợ quân sự đầy đủ cho các lực lượng vũ trang của ông, ông có thể tin chắc rằng, tôi sẽ cố gắng hết sức đáp ứng những nhu cầu về vật chất của ông trên chiến trường.

Trước khi kết thúc bức thư này, tôi xin một lần nữa nhắc lại lòng kính trọng của tôi trước quyết tâm của ông và trước lòng dũng cảm, bền bỉ của nhân dân nước ông.

Thân

Geranld R. Ford

ĐIỆN CỦA TỔNG THỐNG MỸ GERANLD R. FORD GỬI NGUYỄN VĂN THIỆU NGÀY 25-3-1975

Tổng thống Thiệu thân!

Tôi rất hiểu về thời kỳ khó khăn mà ông đang phải trải qua, tôi đã nhờ Đại sứ Martin chuyển đến ông lòng khâm phục của tôi trước quyết tâm, ý chí và lòng dũng cảm của ông. Tôi tin rằng đến cuối cùng, nhân dân Việt Nam sẽ thắng lợi trong cuộc đấu tranh giành độc lập và tự do.

Tôi rất lấy làm tiếc về những sự kiện xảy ra trong 12 tháng qua. Những sự kiện mà cả hai bên chúng ta đều không thể hoàn toàn kiểm soát được, đã dẫn đến chỗ có sự giảm sút trong chi viện vật chất của Mỹ, một sự chi viện chính mà chính phủ của ông đã hy vọng nhận được. Tuy rằng tôi rất tiếc cho những cuộc rút quân mà cũng cảm thấy bắt buộc phải thực hiện, song tôi hoàn toàn hiểu rõ những lý do của các hành động đó, nhằm để giảm bớt các con đường giao thông và tiếp tế kéo dài, và để các lực lượng quân sự của ông có thể tập trung tốt hơn vào bảo vệ các vùng sinh tử.

Bây giờ vấn đề cơ bản là phải quyết định một cách chính xác những hành động mà cả hai bên chúng ta có thể thực hiện để đem lại những triển vọng tốt đẹp nhất cho tương lai. Mặc dù qua thái độ của quốc hội và công chúng Mỹ, ông có thể đánh giá bi quan về triển vọng viện trợ kinh tế và quân sự của Mỹ, song tôi cho rằng tình hình ngày nay đã thay đổi hẳn. Các cuộc rút

quân của ông đã phản ánh những nét thực tế của tình hình hiện tại rõ rệt hơn mọi lời lẽ. Do vậy, ở đất nước này, chúng tôi ngày càng hiểu thấu nhu cầu cấp bách của ông về viện trợ bổ sung với khối lượng đầy đủ.

Ông có thể tin chắc rằng chúng tôi sẽ cố hết sức giành giật từ quốc hội những khối lượng viện trợ đầy đủ cho Nam Việt Nam. Chúng tôi thấy rằng phải làm việc này nhanh chóng.

Để bảo đảm cho tôi được thông báo đầy đủ, hoàn chỉnh và để bảo đảm rằng những đề nghị viện trợ quân sự của chúng tôi đề ra đáp ứng được với nhu cầu thực sự hiện tại của ông, tôi đề nghị ông Weyand đến Sài Gòn cùng với Martin khi ông này trở lại đó. Tôi chắc rằng ông sẽ chân thành xem xét lại tình hình hiện tại cùng với ông ta và thông báo cho ông ta biết đầy đủ về những trang bị mà ông và các cố vấn quân sự của ông cho là quan trọng nhất trong lúc này.

Tôi cũng biết rằng một số nhân viên trong Bộ Tham mưu của ông có lúc đoán rằng lợi ích của Mỹ ở nơi khác đã làm giảm bớt đi lợi ích của Mỹ ở Việt Nam. Martin cho tôi biết rằng ông hiểu là điều này không thể có được, bởi vì cách thức chúng tôi thực hiện cam kết của chúng tôi ở Việt Nam tất yếu ảnh hưởng tới uy tín và quyền lợi của Mỹ ở nơi khác. Do vậy, chúng tôi vẫn giữ vững ý định giúp đỡ để bảo đảm sức sống kinh tế và khả năng của Việt Nam Cộng hòa bảo vệ nền tự do và các thể chế của mình.

Để đạt được các mục tiêu này, cả hai phía đều phải có những cố gắng tối đa. Nó cũng đòi hỏi chúng ta phải có quan hệ gần gũi, thân thiết. Tôi đã chỉ thị cho Đại sứ Martin trực tiếp trình cho tôi biết để giải quyết mọi phương tiện liên lạc mà ông cho rằng cần thiết.

Trước đây, hai dân tộc chúng ta đã vượt qua những thời kỳ khó khăn hơn. Ông và nhân dân Việt Nam có thể tin rằng tôi vẫn sẽ tiếp tục ủng hộ kiên quyết và quyết tâm làm mọi việc có thể làm để giúp đỡ nước Việt Nam Cộng hòa. Một lần nữa tôi tin rằng những cố gắng chung của chúng ta sẽ thành công.

Gửi lời chào nồng nhiệt nhất của tôi.

Thân

Geranld R. Ford

HỘI NGHỊ BÀN CHỦ TRƯƠNG ĐỐI PHÓ VỚI TÌNH THẾ NGÀY 10-12-1974[1] DO TỔNG THỐNG NGUYỄN VĂN THIỆU CHỦ TRÌ

CÁC CHỈ THỊ TRONG PHIÊN HỌP NGÀY 10-12-1974

1. Khả năng của địch

- Mạnh hơn năm 1972.
- Sức xung kích có thể kéo dài cả năm.
- Tổng tấn công năm 1975 bằng và hơn năm 1972 trong dịp đông - xuân này.

a) Tại QK1: - Lấy Quảng Trị.
- Cô lập Huế - Đà Nẵng.
- Vấn đề bến Tân Mỹ phải có giải pháp tối đa.

b) Tại QK2: - Lấy Kon Tum.
- Cô lập Pleiku.
- Cô lập quốc lộ 19.
- Áp lực bắc Bình Định.

c) Tại QK3: - Lấy Tây Ninh - Bình Long làm thủ đô.
- Chơn Thành - Đôn Luận - Dầu Tiếng.

---

1. Ngày 10-12-1974, Nguyễn Văn Thiệu chủ trì phiên họp Hội đồng An ninh quốc gia mở rộng bàn về chủ trương đối phó với cuộc Tổng tấn công và nổi dậy năm 1975 của Quân giải phóng. Trên đây là toàn văn chỉ thị trong phiên họp ta thu được - *N.V.*

d) Tại QK4: - Ung thối tối đa vùng đồng bằng (miền Hậu Giang).

- Gây áp lực quốc lộ 4.

e) Mục tiêu chung của cộng sản:

- Đánh phá BĐPT (bình định phát triển - *N.V.*).

- Diệt chủ lực và nguồn sinh lực của ta.

2. Công tác phải làm

- Phải giải quyết vấn đề quân số: tiểu khu, chi khu, phân khu phải cung cấp tài nguyên nhân lực.

- Phải củng cố, kiện toàn phân chi khu, nếu cần phân chi khu trưởng kiêm luôn xã trưởng.

- Kiện toàn LĐLĐ/ĐP (liên đoàn liên đội/địa phương - *N.V.*), phải lưu động, phải giao mặt trận hẳn hoi (cơ động tỉnh cộng sản - mật khu lõm). Hành quân liên ranh tỉnh, hành quân ở tỉnh xa tối đa 2 tháng, lúc đi và về có CTCT (công tác chính trị - *N.V.*), nhất là lúc về nói láo và vô tình đề cao địch, làm "teo" thanh niên, không dám vào địa phương quân.

- Quân khu phải tiếp tục kế hoạch đồng khởi, dẹp tệ đoan lính ma, lính kiểng, mua quan bán tước.

- Phải tìm mục tiêu địch mà đánh trước cho yếu (chiến trường hay đơn vị địch). QK1 chấp nhận MT Phú Lộc, QK3 công trường[1]... cộng sản, QK4 công trường 5 cộng sản.

- Phải hành động trước các chiến dịch của cộng sản để làm suy yếu hay giảm thiểu hiệu quả của chiến dịch.

- Vì rán thâu hồi Sư đoàn dù để làm lực lượng trù bị.

- Phải chú trọng bảo vệ trục giao thông huyết mạch (cầu kỳ),

---

1. "Công trường" là ký hiệu địch dùng để chỉ các sư đoàn chủ lực của quân đội miền Bắc Việt Nam - *N.V.*.

phân công rõ ràng cho từng đơn vị, cơ quan trách nhiệm, đổi quy luật hoạt động nhất là đầu trọng điểm địch, kho tàng cũng thế, vị trí chỉ huy, vị trí pháo.

- Khu Mỏ Vẹt, hành quân phối hợp giữa hai quân khu.

- Phải chuẩn bị các ông phó cho giỏi, sẵn sàng thay thế ông trưởng lúc cần để có sự liên tục.

- Lấy LĐLĐ/ĐP tiểu đoàn ĐPQ tăng phái thay cho sư đoàn nếu sư đoàn bị tổn thất nặng nề, tái lập nhanh chóng khả năng tác chiến của sư đoàn trong lúc chờ đợi tái tổ chức lại đơn vị bị tổn thất. Phải có kế hoạch sẵn "Mật" không được tiết lộ hoang mang anh em địa phương quân.

- LĐLĐ/ĐP yếu, thiếu quân số phải lấy quân số đại đội - tiểu đội biệt lập ít quân số bù vào. Giữ lấy cán bộ, tổ chức lại đơn vị mới sau.

- Trong giai đoạn địch ở thế trên, ta phải biết tiết kiệm lực lượng như dùng lực lượng hợp lý và hữu hiệu.

3. Các câu hỏi có ý nghĩa cần suy nghĩ

a) Để tránh tiếng vi phạm lớn HĐ Ba Lê[1] phải chăng cộng sản áp dụng lối cho xâm nhập từng tiểu đoàn?

b) Địch có khả năng tăng cường vào QK2 không? Cỡ nào? Lấy ở đâu?

c) Nếu địch đánh Kon Tum như năm 1972, BQP có chịu nổi không? Từ quân đến lính.

d) Khả năng di động tăng cường các mặt trận ở QK2 là cái gì? Bao nhiêu?

---

1. Hiệp định Paris năm 1973 gọi theo phiên âm Hán Việt của miền Nam là Hiệp định Ba Lê - *B.T.*

e) Sa Huỳnh vẫn còn là mục tiêu của CS trong việc tìm một hải khẩu?

f) Có thêm tin tức gì về CS chiếm cứ Tây Ninh? Lấy Tây Ninh CS có lợi gì? CS có khả năng lấy không? Nếu muốn lấy phải bao nhiêu lực lượng? và đem từ đâu tới?

g) Tại sao CS không lấy An Lộc? Dễ ăn hơn?

h) Tại sao mình lại loại Phước Long ra ngoài mục tiêu của CS?

i) Phòng không của cộng sản có thể mạnh đến nỗi khống chế đường bay quốc tế ở miền Nam này để buộc các quốc gia phải nhìn nhận chúng để có an phi (an toàn máy bay khi qua không phận - *N.V.*) không?

DỰ THẢO THƯ CỦA BỘ TỔNG THAM MƯU QUÂN LỰC VIỆT NAM CỘNG HÒA GỬI ĐẠI TƯỚNG GEORGE BROWN - CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THAM MƯU TRƯỞNG LIÊN QUÂN HOA KỲ[1]

VIỆT NAM CỘNG HÒA BỘ QUỐC PHÒNG	DỰ THẢO THỬ Gởi: KBC.4.002, ngày...
	Đại tướng George Brown - Chủ
BTTM - QLVNCH	tịch Hội đồng Tham mưu trưởng
Số: /TTM	Liên quân Hoa Kỳ

Đề mục: Viện trợ quân sự cho QLVHCH tài khóa FY-75.

Kính thưa Đại tướng!

Tôi xin trân trọng kính gởi Đại tướng những nhận xét và đề nghị của tôi liên quan đến ngân sách viện trợ cho QLVNCH tài khóa 1975.

---

1. Dự thảo thư trên đây ta thu được tại bàn làm việc của Cao Văn Viên - Đại tướng, Tổng Tham mưu trưởng Quân lực Việt Nam Cộng hòa cùng với Phiếu đệ trình của Cao Văn Viên chuẩn bị cho Nguyễn Văn Thiệu gặp Đại sứ Martin ngày 30-1-1975 - *N.V.*.

1. Với mật độ viện trợ 700 triệu đôla US

Phân phối:

- DAO cho chúng tôi biết là với 700 triệu cần phải để qua một bên (Set - A sidos) 230 triệu cho các chi phí sau đây:

+ Mua máy bay F.5E	77,4 triệu
+ Đạn dược huấn luyện (Amo - pipeline)	55,0 triệu
+ Chuyển vận (Packaging - Crating - Handling - Transportation)	47,0 triệu
+ Chi phí điều hành DAO (DAO Operating Cost)	39,4 triệu
+ Huấn luyện tài khóa 74 chuyển sang (Training Earry Over)	9,9 triệu
+ Trả chi phí F. 5A cho Đại Hàn (F. 5A Pay Back)	3,3 triệu

Chi còn 470 triệu khả dụng để phân chia cho 3 quân chủng:

- Lục quân	329, hay 70%
- Không quân	130, hay 27%
- Hải quân	11, hay 3%
Cộng	470 triệu hay 100%

Do đó chỉ thỏa mãn được 38% chi phí điều hành phân chia như sau:

- Lục quân 329 triệu/770 triệu nhu cầu điều hành, hay 42,9%
- Không quân 130 triệu/415 triệu nhu cầu điều hành, hay 31,3%
- Hải quân 11 triệu/44 triệu nhu cầu điều hành, hay 32,3%

Cộng 470 triệu/1.219 triệu.

(Xem phụ bản 1: A, B, C đính hậu).

Hậu quả:

- Ngân khoản điều hành quá yếu kém này (470/1.219 triệu

nhu cầu) ảnh hưởng trầm trọng đến tiềm năng chiến đấu của QLVNCH, đến tinh thần của anh em binh sĩ.

- Khả năng tự vệ của QLVNCH sẽ tuột dốc nhanh chóng, kể từ đệ nhị tam cá nguyệt FY-75 hoặc chậm lắm là đệ tam tam cá nguyệt FY-75.

- Không đủ đạn dược tác chiến, ảnh hưởng trầm trọng đến tinh thần binh sĩ.

- Trong năm 1975, QLVNCH đã áp dụng nhiều biện pháp tiết kiệm đạn dược trong mức độ khả chấp trước nhịp độ gia tăng hoạt động của cộng sản. Từ ngày 29-6-1973 đến ngày 15-8-1974, cộng sản đã gia tăng 46% pháo kích (ARF), 23% đụng độ nhỏ, 89% đụng độ lớn. Cường độ cũng gia tăng. 61% tổn thất nhân mạng là trong các đụng độ lớn.

Với nhịp độ gia tăng mức độ và cường độ của cộng sản, với kinh nghiệm tiêu thụ đã tiết giảm và so ngân khoản viện trợ này đến cuối tài khóa FY-75, mức độ dự trữ của QLVNCH trên đất liền chỉ còn 37 ngày tiếp liệu với nhịp độ tác chiến 72 (intensive combatrate). Thật là nguy hiểm nếu cuộc tổng tấn công toàn diện xảy ra lúc này (1-1975), vì thời gian lưu vận (Order and Shipping Time) phải mất 90 ngày từ lục địa Hoa Kỳ hay 30 ngày từ nguồn hải ngoại (Off Shore).

- Dự trữ nhiên liệu sẽ cạn vào cuối tháng 12-1974.

- Việc điều trị các thương bệnh binh sẽ không được hữu hiệu, kéo dài thời gian bất khiển dụng vì thiếu thuốc. Nhiều loại thuốc tối tân cho mạng sống sẽ khô cạn từ 2 đến 6 tháng.

- Vũ khí, trọng pháo, quân xa, chiến xa bất khiển dụng sẽ gia tăng vì thiếu cơ phân.

- Hệ thống truyền tin chiến thuật bị ảnh hưởng trầm trọng vì thiếu cơ phân.

- Chương trình tân trang trong xứ và ngoại quốc cũng bị đình trệ, ảnh hưởng đến việc thay thế một đổi một các quân dụng thượng đẳng tổn thất và hao mòn.

- Không quân chỉ đủ khả năng yểm trợ từ 700 - 800 phi cơ. Một số lớn phải đình đóng ngoài trời và sẽ hư hỏng mau chóng.

- Việc không thám chỉ còn độ 42% nhu cầu. Đây là một thời cơ rất tốt để địch điều động đơn vị của chúng, nhất là các đơn vị trù bị ở miền Bắc Việt Nam, tấn công bất ngờ.

- Việc sút giảm không trợ tiếp cận 30 - 50% sẽ tạo thêm cơ hội tốt để cộng sản dễ dàng tự do xâm nhập vào miền Nam cả người, quân dụng, tiếp liệu để gia tăng tiềm năng của chúng.

- Khả năng không vận cũng bị tiết giảm còn 50% so với tháng 7-1974, ảnh hưởng đến di động tính của QLVNCH. Di động tính là một yếu tố quan trọng giúp QLVNCH đối phó hữu hiệu và kịp thời với tình hình. Nhờ di động tính, mà các Sư đoàn 22, SĐ 23, SĐ nhảy dù đã có mặt kịp thời ở khắp các mặt trận cao nguyên, đồng bằng từ Bắc xuống Nam.

- Sự cắt giảm trầm trọng giờ bay trực thăng UH1 còn 10 đến 20% của tháng 7-1974 ảnh hưởng đến các cuộc hành quân trực thăng vận đánh vào lòng địch và nhất là sự kiểm soát chiến trường của các tư lệnh quân khu, sư đoàn và tiểu khu.

- Để tiết kiệm được một số tiền dành cho nhu cầu đạn dược, nhiên liệu, BTTM đã buộc lòng rút 316/750 khóa sinh không quân đang học dở dang bên Mỹ về nước, ảnh hưởng lớn đến tinh thần cán bộ không quân.

- Việc bắt buộc phải cắt giảm và sớm các khế ước với nhà thầu Hoa Kỳ trong công tác yểm trợ kỹ thuật trong lúc chuyên viên Việt Nam chưa thuần thục sẽ làm giảm bách phân sẵn sàng của phi cơ, của các quân dụng mới.

- Về hải quân, 59% chiến hạm (Plue Water), 72% chiến đỉnh (Brown Water) và 61% quân vận đỉnh/lục quân sẽ bị bất khiển dụng vì thiếu cơ phân và phẩm dụng.

- Không một ngân khoản nào còn để dành cho việc thay thế một đổi một quân dụng chiến tranh được trù liệu trong Hiệp định Ba Lê.

- Trị giá tổn thất từ ngày 29-1-1973 đến ngày 31-7-1974: 144.405.420 đôla US.

- Trị giá được chấp thuận viện trợ thay thế 15.480.331 đôla US.

- Trị giá còn lại chưa có ngân khoản: 128.924.989 đôla US.

- Trị giá đã nhận 8.585.574 đôla US.

(Xem phụ bản A, B, C đính hậu)

- Với mức độ 600 triệu/700 triệu đôla US viện trợ.

- Với hậu quả quá ư trầm trọng trên, QLVNCH không thể hoàn thành sứ mạng giữ toàn vẹn miền Nam Việt Nam trước ngày ngưng bắn. Máu sẽ đổ nhiều, số người gục ngã sẽ gia tăng nhiều, đất, dân cũng phải mất thêm dưới bạo lực của CS miền Bắc và tay sai.

- Trước khi đề cập đến việc xin thêm hơn 700 triệu, tôi đã chỉ thị cho BTTM và DAO hợp tác chặt chẽ để nghiên cứu giảm bớt hoặc hoãn lại các chi phí của 230 triệu đã để riêng (set a side) hầu gia tăng chi phí điều hành và bảo trì lên ít nhất 600 triệu đôla US.

- Tôi thiết nghĩ có thể hoãn lại đến một tài khóa khác việc mua 35 F.5E để hoàn tất chương trình FRE cho KQ Việt Nam. Trong hoàn cảnh thiếu hụt kinh phí trầm trọng này, việc dành tiền để mua 35 F.5E để được giao vào năm 1976 xét cho cùng không mấy hợp lý.

- Có thể xin Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ gánh vác dùm chi phí luân chuyển đạn dược, chi phí trả cho Đại Hàn về F.5E.

- 600 triệu được phân chia cho 3 quân chủng như sau:

+ LQ 424 triệu, hay 70%

+ KQ 165 triệu, hay 27%

+ HQ 11 triệu, hay 3%.

- Tình hình yểm trợ gia tăng từ 38% lên 49% nhưng cũng còn trầm trọng không thể chấp nhận được.

- Các loại tiếp liệu quan yếu cũng còn quá thấp kém như đạn dược, nhiên liệu, cơ phân, tân trang. Đặc biệt cũng không có một ngân khoản nào còn thừa để dành cho chương trình một đổi một theo Hiệp định Ba Lê.

2. Với mức viện trợ 1.000 triệu đôla US

Hy vọng với bầu không khí chính trị thuận lợi hơn sau khi tân Tổng thống Ford nhậm chức, quốc hội Hoa Kỳ sẽ xét lại, vào lúc thuận tiện cho phép chi tiêu cho QLVNCH một tỉ đôla như quốc hội đã biểu quyết hồi tháng 6-1974, tôi đã chỉ thị BTTM của tôi hợp tác DAO thiết lập dự án chi tiêu 900 triệu được đính kèm ở phụ bản 4.

Ba quân chủng được phân chia như sau:

LQ 585 triệu, hay 65%

KQ 295 triệu, hay 32%

HQ 20 triệu, hay 3%

Cộng 900 triệu, hay 100%

(Xem phụ bản 3 A, B, C).

Nhu cầu yểm trợ được gia tăng lên 73% tương đối khả chấp.

Tuy nhiên vẫn còn các khó khăn đặc biệt như sau:

- Có thể thiếu ngân khoản đạn dược nếu mật độ và cường độ vi phạm của cộng sản tiệm tăng như trong 5 tháng qua, và việc tăng giá sản xuất.

- Có thể thiếu nhiên liệu nếu có sự xét lại giá cả trên thế giới.

- Không có một khoản chi nào cho quân dụng thượng đặng chiến tranh một đổi một quy định trong Hiệp định Ba Lê. Quân dụng tổn thất về chiến trận, vì hao mòn không được thay thế. Dự trù hiện hữu ít ỏi sẽ bị hao hụt dần. Tiềm năng của đơn vị chiến đấu sẽ sút giảm. Kinh nghiệm tổn thất chiến tranh trong 12 tháng qua ước tính cũng vào 35 triệu đôla US cho lục quân, 60 triệu không quân, 11 triệu cho hải quân.

- Đề nghị:

Để giúp QLVNCH hoàn thành nhiệm vụ bảo vệ miền Nam Việt Nam tự do mà quân lực Hoa Kỳ đã chi tiêu hàng trăm tỉ đôla, đã đầu tư hàng vạn con dân yêu quý Hoa Kỳ, tôi xin thành thật đề nghị với Đại tướng các điều sau đây:

+ Giảm bớt số chi phí phải dành riêng (Set A - sidos) để gia tăng chi phí điều hành từ 470 triệu đôla US lên 600 triệu đôla US như:

- Duyệt xét lại quyết định mua 35 F.5F trong tài khóa này mà có thể hoãn đến tài khóa tới.

- Duyệt xét nếu có thể để cho lục quân Hoa Kỳ gánh vác các chi phí đạn dược luân chuyển như các năm qua.

- Nếu không được xin duyệt xét hệ thống tiếp liệu đạn dược cho QLVNCH được tiếp liệu từ các kho Hoa Kỳ ở hải ngoại và gần Việt Nam như Nhật, Okinawa, Thái Lan, Đại Hàn lúc bình thường cũng như khẩn cấp.

- Chấp thuận để cho không quân Hoa Kỳ gánh chịu chi phí hoàn trả cho Đại Hàn liên quan đến F.5A.

+ Sớm can thiệp với quốc hội Hoa Kỳ cho giải tỏa nốt 300 triệu trong số 1 tỉ đôla US mà quốc hội đã biểu quyết cho phép viện trợ QLVNCH hồi tháng 6-1974.

- Cho tái trù vào ngân sách quân viện cho VNCH tài khóa 75 một ngân khoản là 591.508.858 đôla US chia ra

218.473.485 đôla US dành thêm cho chi phí điều hành và 273.331.473 đôla US dành cho chi phí đầu tư thay thế một phần quân dụng thượng đẳng một đổi một quy định trong Hiệp định Ba Lê.

Ngân sách quân viện cho VNCH tài khóa năm 1975 sẽ là 1.491.508.958 đôla US hay 1.218.177.485 đôla US chi phí điều hành và bảo trì và 273.331.473 đôla US chi phí đầu tư quân dụng thượng đẳng một đổi một.

Trân trọng kính chào Đại tướng.

PHỤ BẢN ĐÍNH KÈM

+ Từ khi ngừng bắn đến ngày 31-7-1974, QLVNCH đã tổn thất về chiến trận hao mòn một số quân dụng quan yếu sau đây:

- Quân xa	4.189 chiếc
- Chiến xa	173 chiếc
- Vũ khí cá nhân	19.387
- Trọng pháo	79
- Truyền tin	2.104
- Phi cơ	183
- Tàu thủy	53

+ Nhưng chỉ mới được thay thế:

- Quân xa	247 chiếc	5,9%
- Chiến xa	73 chiếc	42,5%
- Vũ khí cá nhân	1.814	12,9%
- Trọng pháo	0.5	6,3%
- Truyền tin	569	27,0%
- Phi cơ	0	0
- Tàu thủy	0	0

PHIẾU ĐỆ TRÌNH
TỔNG THỐNG VIỆT NAM CỘNG HÒA[1]

Trân trọng kính trình Tổng thống các tin tức liên quan đến quân viện 700 triệu đôla US, sự ảnh hưởng của nó và các đề nghị quân viện thêm.

Các tài liệu này được chúng tôi trình bày cho quý vị dân biểu, nghị sĩ Hoa Kỳ, cùng quý vị thứ trưởng, phụ tá Tổng trưởng Quốc phòng Hoa Kỳ đến thăm BTTM.

1. Ảnh hưởng của quân viện 700 triệu

a) Lục quân

- Đạn dược thiếu hụt trầm trọng. Cần 427 triệu, chỉ yểm trợ 239 triệu, hay 56%.
- Nhiên liệu sẽ hết sau tháng 4-1975. Cần 85 triệu, chỉ thỏa mãn 60 triệu, hay 71%.
- Thuốc men thiếu hụt. Cần 16 triệu, chỉ yểm trợ được 11 triệu, hay 69%.
- Cơ phân thay thế thiếu hụt trầm trọng. Quân dụng nằm liệt chờ sửa chữa gia tăng. Cần 72 triệu, chỉ yểm trợ được 24 triệu, hay 33%.

---

1. "Phiếu đệ trình Tổng thống Việt Nam Cộng hòa" của Cao Văn Viên, Đại tướng, Tổng Tham mưu trưởng QLVNCH chuẩn bị cho Nguyễn Văn Thiệu gặp Đại sứ Martin ngày 30-1-1975 - *N.V.*

- Chương trình xuất cảng tân trang ngừng.

- Hệ thống truyền tin chiến thuật ngưng trệ. Cần 23 triệu, chỉ thỏa mãn 5 triệu, hay 22%.

- Chương trình kiều lộ chiến lược tạm ngừng. Cần 15 triệu, chỉ thỏa mãn 2 triệu, hay 11%.

- Quân dụng thượng đẳng tổn thất không được thay thế như đã dự liệu trong Hiệp định Ba Lê. Cần 125 triệu, chỉ yểm trợ 1 triệu, hay 1%.

b) Không quân

- Việc không thám giảm sút 75%.

- Không còn khả năng bay đêm.

- Giảm từ 30 - 50% khả năng yểm trợ trực tiếp và nghinh cản.

- Việc tiếp tế, thả dù giảm hiệu năng và chính xác.

- Giảm 50% khả năng chuyên vận.

- Số phi cơ khả dụng giảm sút vì thiếu cơ phân. Cần 83 triệu, chỉ yểm trợ được 37 triệu, hay 45%.

- Hệ thống truyền tin và phụ trợ không hành suy đồi. Cần 21 triệu, chỉ yểm trợ được 9 triệu, hay 43%.

- Yểm trợ kỹ thuật bị cắt giảm ảnh hưởng đến số phi cơ khiển dụng và sự an toàn của phi công. Cần 75 triệu, chỉ yểm trợ được 29 triệu, hay 39%.

- Phi cơ tổn thất không được thay thế như đã dự liệu trong Hiệp định Ba Lê.

c) Hải quân

- Khả năng hành quân giảm sút trầm trọng. Hải lục giảm 59%, giang lục giảm 72%.

- Các chương trình tu bổ đại kỳ phải hủy bỏ.

- Chiến hạm, chiến đỉnh tổn thất không được thay thế như dự liệu.

d) Sự tăng giá: Sự thiếu hụt lại trầm trọng thêm lên vì sự tăng giá nhiên liệu, đạn dược. So với FY-74, giá nhiên liệu tăng từ 169 đến 186%, giá đạn tăng 28%, cơ phân tăng 25%.

e) Đề nghị 1: Xin quân viện thêm trong FY-75 tối thiểu 300 triệu đôla để thỏa mãn nhu cầu điều hành tối thiết như đạn dược, nhiên liệu và cơ phân thay thế.

2. Nhu cầu một đổi một

a) Sau đây là tình trạng một đổi một vật dụng chiến tranh dự liệu trong Hiệp định Ba Lê, kể từ ngày 28-1-1973.

Mô tả	Tổn thất	Cả ngân khoản (đôla US)	Tỷ lệ %
Quân xa	6.792 chiếc	2.807	41,3
Thiết giáp	190	156	72,3
Vũ khí	16.217	7.365	45,3
Trọng pháo	121	59	48,8
Truyền tin	3.159	1.871	53,2
Phi cơ	262	0	0
Tàu thủy	109	0	0
Đạn dược	685.000.000 đôla	505.000.000	73,7

Nếu tính theo trị giá đôla thì

- Trị giá tổn thất: 928.100.000 đôla;
- Đã có ngân khoản: 535.700.000 đôla;
- Chưa có ngân khoản: 392.400.000 đôla.

b) Đề nghị 2: Xin quân viện thêm 400 triệu đôla trong FY-75 để thực hiện thay thế số quân dụng chiến tranh thay thế số tổn thất từ ngày 28-1-1973 đến nay đã được dự liệu trong Hiệp định Ba Lê, nhưng chưa có đủ ngân khoản.

3. Nhu cầu cấp thiết khi có tổng tấn công

a) Xin sớm giải tỏa ngân khoản đã được chấp thuận trong tài khóa.

b) Gia tăng quân viện theo nhu cầu chiến trường.

c) Gia tăng nhịp độ tiếp liệu và thay thế quân dụng thượng đẳng tổn thất, để đáp ứng nhu cầu chiến trường.

d) Tiếp trợ hỏa lực của không quân chiến thuật, chiến lược và hỏa lực hải quân, trước để nâng cao thêm tinh thần chiến đấu của quân dân miền Nam, sau để tiêu diệt nguồn sinh lực địch, gây sự nao núng và nản lòng của cộng sản xâm lược.

e) Tiếp trợ không và hải vận trước để gia tăng di động tính của các đơn vị trù bị chiến lược của QLVNCH trên các mặt trận, sau là hữu hiệu thêm chương trình phân phối tiếp liệu.

"TÓM TẮT TỔNG HỢP TÌNH BÁO HẰNG TUẦN" CỦA PHÒNG TÌNH BÁO BỘ TỔNG THAM MƯU QUÂN ĐỘI SÀI GÒN[1]

1. Nhận định và ước tính (tuần từ 2-3 – 8-3-1975)

- Học tập về nhiệm vụ hoạt động trong năm 1975, đa số các đơn vị chủ lực địch đã được phổ biến mục tiêu lấn chiếm trong năm nay phải hoàn thành là các khu vực đông dân cư, các trục lộ giao thông chiến lược và một số đô, tỉnh thị.

- Đến nay khởi sự kế hoạch hoạt động năm 1975, địch đã đặc biệt dồn nỗ lực vào các mặt trận phong tỏa giao thông mong làm suy yếu Việt Nam Cộng hòa cả về lãnh vực quân sự và kinh tế, rồi có thể ảnh hưởng đến cả lãnh vực chính trị.

Riêng kế hoạch phong tỏa các trục lộ giao thông chiến lược dẫn lên Cao Nguyên của địch, hiện nay có một số tình thế rất quan trọng vì địch đã có chủ trương sẽ giữ lâu dài (có tin NC đã tiết lộ SĐ3/NT3 sẽ bám giữ quốc lộ 19 trong 3 tháng). Ý đồ của địch là sử dụng một lực lượng cơ động mạnh đầy đủ hỏa lực để bức rút hay làm tê liệt các hệ thống bảo vệ an ninh các trục lộ giao thông, đồng thời thu hút và cầm chân, phân tán, tiêu hao

---

1. Hằng tuần, Phòng 2 (Phòng Tình báo) Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn đệ trình cho Tổng tham mưu trưởng Cao Văn Viên bản "Tóm tắt tổng hợp tình báo hằng tuần". Trên đây là trích dịch phần nhận định trong các văn bản tóm lược đó - *N.V.*

lực lượng bạn trước khi địch tung ra các cuộc tấn công vào mục tiêu đô tỉnh, thị mà Buôn Ma Thuột và Quảng Đức là hai mục tiêu địch đang dự trù hiện nay.

2. Nhận định và ước tính (tuần từ 9-3 – 15-3-1975)

- Chiến dịch tấn công quy mô đầu năm 1975 của cộng sản khai diễn đến nay đã được 1... (mất chữ - *N.V.*) ngày. Sơ khởi diễn biến tình hình cho thấy địch đang lấy chiến trường Cao Nguyên làm "điểm" trong khi các chiến trường khác như Trị Thiên, QK3... chỉ là "điểm" giữ vai trò hỗ trợ.

- Địch đang nhằm cầm chân chia cắt quân ta ở Trị Thiên, và Nam Tín, Ngài Đinh (QK5/CS) đồng thời căng kéo phân tán quân ta ở miền Đông và đồng bằng sông Cửu Long để hỗ trợ cho kế hoạch lấn chiếm Cao Nguyên.

- Tại Trị Thiên, ngoài tính cách hỗ trợ cho các chiến trường khác, địch đang tập trung nỗ lực vào hai mục tiêu là chọc thủng phòng tuyến bạn ở vùng giáp ranh và đánh phá đồng bằng duyên hải đưa dần áp lực vào gần thị xã, thị trấn, đô thị để chuẩn bị cho giai đoạn II của chiến dịch 1975. Đáng lưu ý nhất hiện nay địch đang dự trù kế hoạch cô lập Huế và tái chiếm Quảng Trị.

- Tại Nam Tín, Ngài Đinh (QK5/CS) ngoài kế hoạch bức rút các quận lỵ tiền đồn còn lại như Đức Dục, Quế Sơn (Quảng Nam); Trà Bồng, Sơn Hà (Quảng Ngãi), lấn chiếm vùng đồng bằng duyên hải hay tái chiếm khu vực nam Quảng Ngãi, bắc Bình Định, cắt đứt quốc lộ 1, chốt giữ lâu dài quốc lộ 19, pháo kích khống chế phi trường Phù Cát, địch còn có khả năng đột nhập thị xã Tam Kỳ và Quảng Ngãi. Hiện thời, QK5/CS chỉ mới đưa khoảng 50% lực lượng ra tham chiến quy mô tại chiến trường này và chưa sử dụng đến lực lượng chiến xa (hợp đồng binh chủng).

- Tuy nhiên theo những chỉ dẫn ghi nhận đến nay, địch đang tập trung nỗ lực vào tỉnh Quảng Tín và phía nam tỉnh Bình Định. Do đó, khu vực Thăng Bình, Tam Kỳ, Lý Tín và Bình Khê, Phù Cát, An Nhơn là mục tiêu địch đang nhằm đánh phá mạnh trong giai đoạn I của chiến dịch quân sự năm 1975.

- Tại Cao Nguyên, địch vẫn tiếp tục cố gắng thanh toán mặt trận Đắk Lắk. Với sự tăng cường của thành phần F316 mới xâm nhập, Sư đoàn 32 đang có chiều hướng triển khai hoạt động xuống Cam Ranh, Khánh Hòa để ngăn chặn quân ta phản công. Trong khi đó thành phần Sư đoàn 968 và lực lượng còn lại của F10 có thể gia tăng hoạt động trở lại mặt trận tây nam Pleiku và bắc Kon Tum để phân tán nỗ lực quân ta. Riêng phi trường Cù Hạnh (Pleiku) hiện trở thành mục tiêu trọng yếu địch đang nhằm khống chế bằng hỏa lực pháo sau khi đã phong tỏa các trục lộ giao thông dẫn lên Cao Nguyên.

Tại miền Đông, địch đang có nhiều hướng phối hợp hai sư đoàn chủ lực vào mỗi mặt trận, Sư đoàn CT9 (-) và Sư đoàn 3 Tân Lập ở mặt trận Tây Ninh, Sư đoàn CT7 (-) và Sư đoàn 6 Tân Lập ở mặt trận Long Khánh, Bình Tuy. Mục tiêu chủ yếu của địch đang nhằm cắt đứt các quốc lộ 1, 22 và 20 dẫn về Thủ đô, cô lập Tây Ninh và ngăn cách miền Đông với Trung phần, đồng thời gia tăng quấy phá vùng ven đô và đánh phá các mục tiêu tiếp vận ở Biên Hòa, Phước Tuy.

- Tại vùng đồng bằng sông Cửu Long, chiều hướng hoạt động hiện nay của địch vẫn là nỗ lực thường xuyên, nhằm tiến tới ung thối hóa được nhiều khu vực xen kẽ trong vùng kiểm soát của QLVNCH đồng thời nhằm phá hoại kinh tế của Việt Nam Cộng hòa.

3. Nhận định và ước tính (tuần từ 16-3 – 22-3-1975)

Cộng sản đã nhận định cuộc tổng tấn công hiện là một thời cơ to lớn nhất, các đơn vị phải dốc toàn lực lượng giành thắng lợi to lớn nhất. Do đó, cuộc tổng tấn công này sẽ còn được tiếp diễn với nhiều trận đánh quan trọng trong những ngày tới. Riêng các đợt tấn công của địch trong những ngày qua cho thấy địch đã tập trung nỗ lực vào ba yêu cầu lớn:

Sử dụng lực lượng mạnh chốt chặn và phong tỏa cho bằng được các trục lộ giao thông chiến lược để cô lập quân ta vào những chiến trường nhất định.

Tập trung binh hỏa lực tấn công thẳng vào những mục tiêu quan trọng là cơ quan đầu não quận lỵ, tỉnh lỵ hay hậu cứ bộ chỉ huy hành quân, các đơn vị lớn để tiêu diệt đại bộ phận sinh lực của QLVNCH.

Sử dụng một phần quân chủ lực hỗ trợ cho lực lượng địa phương đánh phá các phân chi khu và đồn bốt lẻ tẻ để tiêu diệt lực lượng điền địa và hạ tầng cơ sở của ta.

Trong kế hoạch điều quân, địch đã áp dụng tối đa nguyên tắc cơ động dưới hình thức bôn tập để khai thác nhanh chóng các chiến quả, đồng thời ngăn chặn kế hoạch phản công hay rút quân của Quân lực Việt Nam Cộng hòa.

Điểm đáng chú ý nhất là khả năng tham chiến của địch trong tương lai, sẽ còn được tăng cường mạnh mẽ. Hiện thời ta đã phát hiện bốn sư đoàn tổng trù bị của miền Bắc được điều động vào Nam. Đó là Sư đoàn 341, 312, 316, 308 cộng với Sư đoàn 968 từ Hạ Lào xâm nhập nâng tổng số sư đoàn bộ binh cộng sản tại miền Nam là 19 sư đoàn.

Chiều hướng hoạt động trong những ngày tới được ước tính như sau:

- Tại Thừa Thiên, sau khi cắt đứt quốc lộ 1 ở bắc Đèo Hải Vân và khởi sự tấn công các căn cứ bạn ở mặt trận tây bắc Huế, địch có thể mở các đợt tấn công khắp dọc tuyến nhằm phá thế liên hoàn của quân ta và tiến vào thành phố Huế.

- Tại Nam Tín, Sư đoàn 304 và MT44 có thể "vào đợt" mạnh mẽ ở Quảng Nam, hỗ trợ cho Sư đoàn 711 tiến về các quận đồng bằng Quảng Tín, cắt đứt quốc lộ 1 và tràn ngập thị xã Tam Kỳ và làm cô lập tỉnh Quảng Ngãi ở phía nam.

- Tại Bình Định, Sư đoàn NT3 vẫn còn cố gắng cầm chân lực lượng Sư đoàn 22 của ta ở mặt trận quốc lộ 19 để cho lực lượng địa phương mở rộng diện tấn công dọc theo quốc lộ 1.

- Tại Phú Yên, và Khánh Hòa, lực lượng địa phương và đặc công cộng sản có thể gia tăng đánh phá các trục giao thông để chờ đón các Sư đoàn 320 và F10 từ Cao Nguyên có thể cơ động xuống vùng Côn Sơn.

- Tại QK3/VNCH, địch vẫn có khả năng tiếp tục triển khai các mặt trận Long Khánh, Bình Tuy và Tây Ninh, Hậu Nghĩa theo chiều hướng hiện tại, tiến đến tấn công thị xã Xuân Lộc, cô lập rồi dứt điểm thị xã Tây Ninh.

- Tại QK4/VNCH địch vẫn tiếp tục nỗ lực đánh phá nông thôn ở ba khu vực trọng điểm:

+ Định Tường, Kiến Tường, Kiến Phong với lực lượng sáu trung đoàn chủ lực;

+ Phong Dinh, Ba Xuyên, Bắc Chương Thiện với lực lượng ba trung đoàn chủ lực;

+ Vĩnh Long, Vĩnh Bình, Kiến Hòa với lực lượng bốn trung đoàn.

Mục tiêu đánh phá đa số vẫn nằm dọc theo quốc lộ 4, các tỉnh lộ và vùng liên ranh các tỉnh nêu trên, nhất là vòng đai thị xã Cần Thơ.

4. Nhận định và ước tính (tuần từ 23-3 – 29-3-1975)

Tình hình Nam Việt Nam biến chuyển quá mau lẹ nên cộng quân đang có chiều hướng triệt để khai thác ưu thế quân sự để đốt ngắn giai đoạn cuộc tổng tiến công hiện nay, không dừng lại để củng cố vùng mới lấn chiếm mà đã cho các đại đơn vị cơ động từ chiến trường này sang chiến trường khác tạo khả năng mới tấn công QLVNCH.

Trong những ngày sắp tới, đáng chú ý kế hoạch tấn công của địch tại mặt trận Bình Định với Sư đoàn NT3 và có thể tăng cường thêm đơn vị mới xâm nhập của miền Bắc hoặc Sư đoàn 52 từ Quảng Ngãi xuống, mặt trận Phú Yên và Khánh Hòa với Sư đoàn 320 và F10, mặt trận Lâm Đồng với Sư đoàn CT7. Sau mục tiêu Đà Nẵng, địch đang gấp rút chuẩn bị tấn công cảng Quy Nhơn.

Tại Quân khu 3 và Quân khu 4 Việt Nam Cộng hòa, Trung ương Cục miền Nam ra sức chuẩn bị cho đợt tấn công quy mô sắp tới tiếp theo chiến trường miền Trung. Ngoài các mặt trận Long Khánh, Bình Tuy, Tây Ninh, Hậu Nghĩa, Bắc Bình Dương, địch còn dự trù mở thêm các mặt trận Biên Hòa (quốc lộ 1), Long An (quốc lộ 4), nhất là sẽ đánh mạnh ở mặt trận Kiến Tường, Định Tường, tiến chiếm thị xã Mộc Hóa, cắt đứt quốc lộ 4. Mục tiêu tối hậu của địch đang nhằm tiến tới vây hãm Thủ đô Sài Gòn.

5. Nhận định và ước tính (tuần từ 31-3 – 5-4-1975)

- Cuộc tổng tấn công năm 1975 của CSBV tại miền Nam hiện nay nhằm thực hiện đúng những quy luật căn bản giành thắng lợi chiến tranh mà địch đã đề ra trong các nghị quyết và chỉ thị từ sau khi ký kết Hiệp định Ba Lê:

+ Kết hợp quân sự, chính trị và ngoại giao;

+ Tấn công và nổi dậy, nổi dậy và tấn công;

+ Tiêu diệt "địch" giành dân, giành quyền làm chủ;

+ Phối hợp ba vùng, ba mũi, ba quả đấm.

Quy luật này địch sẽ còn áp dụng trong tương lai để phối hợp hình thức chiến tranh quy ước với chiến tranh nhân dân nổi dậy.

6. Nhận định và ước tính (tuần từ 6-4 – 12-4-1975)

Sau khi lấn chiếm gần hết các tỉnh thuộc QK2/VNCH, CSBV đang mưu đồ dồn QLVNCH vào những chiến trường quan trọng ở QK3 và QK4/VNCH.

Mục tiêu trọng yếu của địch hiện nhằm vào các trục lộ giao thông chiến lược dẫn vào Thủ đô như quốc lộ 1, quốc lộ 4, quốc lộ 15 và các thành phố quan trọng như Biên Hòa, Mỹ Tho, Vĩnh Long, Cần Thơ.

Chiến tranh bùng nổ trong tuần qua ở Long Khánh và Long An cho thấy rõ địch đang mưu toan gia tăng áp lực ở mặt trận đông và tây nam Thủ đô. Trong khi đó áp lực địch ở mặt trận bắc Thủ đô là Tây Ninh và Bình Dương lại có vẻ tạm thời lắng dịu so với những ngày đầu của cuộc tổng tấn công. Chỉ dấu này cũng đáng lưu tâm vì ở các tỉnh bắc QK3/QLVNCH, địch có khả năng tăng cường rất nhanh chóng các đơn vị cộng sản Bắc Việt từ Cao Nguyên xuống theo quốc lộ 14 vào tới Chơn Thành và Tri Tâm.

7. Nhận định và ước tính (tuần từ 13-4 – 19-4-1975)

Sau bảy tuần lễ tổng tấn công Việt Nam Cộng hòa, địch đang có chiều hướng dồn nỗ lực quân sự về QK3/VNCH mà mục tiêu cuối cùng là Thủ đô Sài Gòn.

Ý đồ chiến lược của địch hiện nay đã được cụ thể hóa qua các mặt trận đã khai diễn:

- Mặt trận Long Khánh với trên ba sư đoàn của cộng sản Bắc Việt đang nhằm thu hút, cầm chân và tiêu hao bộ phận quan trọng của QLVNCH để tiến tới khống chế phi trường chiến lược Biên Hòa.

- Mặt trận QL4 Long An, Định Tường cùng với trên năm sư đoàn cộng sản Bắc Việt đang nhằm cô lập vây hãm Thủ đô Sài Gòn với đồng bằng sông Cửu Long.

- Mặt trận Cần Thơ, Bình Long với trên một sư đoàn cộng sản Bắc Việt còn có mục tiêu hỗ trợ cho chiến trường lớn của địch ở chung quanh Thủ đô Sài Gòn.

Trong tương lai rất đáng quan tâm địch còn có khả năng khai triển tiếp mặt trận Bình Dương, Tây Ninh nhằm gây áp lực vào phía bắc Thủ đô và mặt trận Bình Tuy - Phước Tuy (dọc LTL.2, LTL.3 và QL15) nhằm cô lập hải cảng Vũng Tàu bằng những đơn vị tăng cường ở QK1, QK2/VNCH vào qua ngả quốc lộ 14, quốc lộ 1 và quốc lộ 20.

BÚT PHÊ CỦA TỔNG THỐNG VỀ VẤN ĐỀ CÁC TIN TỨC TÌNH BÁO

Sài Gòn, ngày 17-4-1975

VIỆT NAM CỘNG HÒA
PHỦ TỔNG THỐNG
ỦY BAN PHỐI HỢP TÌNH BÁO QG

Số: 440/UBPHTBQG/VP

Phiếu lưu ý

TRUNG TƯỚNG TM
TRƯỞNG BTTM

Trích yếu: Bút phê của Tổng thống về vấn đề các tin tức tình báo.

Thưa Trung tướng!

Sau khi duyệt lại những tin tức tình báo do các cơ quan tình báo của ta thâm nhập được, Tổng thống có bút phê như sau: "Cần được lưu ý vấn đề Oxication ta về tình báo tung ra với mục đích chính đông kích tây".

Ví dụ: - Tại QK1 trước đây thay vì Quảng Nam, Quảng Ngãi, Đà Nẵng thì lại Quảng Tín.

- Tại QK2: thay vì Kon Tum, Pleiku thì lại Buôn Ma Thuột.

- Tại QK3: thay vì Kiến Tường, Mỹ Tho thì lại Tân An.

Nay thì thấy rõ CS nhắm vào các tỉnh lỵ, có phi trường, các BTL đầu não và có logistics nhiều như: - Phan Rang

- Biên Hòa
- Cần Thơ

(Và Tân Sơn Nhất).

Kính chào Trung tướng

Trung tướng Đặng Văn Quang

CÔNG ĐIỆN THƯỢNG KHẨN NGÀY 24-3-1975 CỦA TỔNG THỐNG VIỆT NAM CỘNG HÒA

Thượng khẩn

Nơi gửi: Tổng thống Việt Nam Cộng hòa

Nơi nhận: Các Tư lệnh Quân khu
Các Tư lệnh Quân binh chủng
Tư lệnh Biệt khu Thủ đô
Các Tư lệnh Sư đoàn
Các Tỉnh trưởng kiêm Tiểu khu trưởng
Tư lệnh Cảnh sát quốc gia.

Bản văn số: 013 - TT/ CĐ/M.

Công điện này của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa đặc biệt dành cho riêng cá nhân quý vị.

A- Đất nước hiện đang trải qua một cơn thử thách nghiêm trọng. Tình hình hiện tại rất dễ gây hoang mang trong quân đội và dân chúng. Tôi đã giải thích sơ lược tình hình chung trong ngày 20-3-1975. Từ đây, tôi sẽ còn nhiều dịp nói chuyện với dân quân về tình hình đất nước. Hôm nay, tôi thấy cần lưu ý thêm quý vị về các sự kiện sau đây:

Thứ nhất: Nhơn danh Tổng tư lệnh tối cao quân lực, tôi rất

hãnh diện về tinh thần chiến đấu anh dũng của toàn thể chiến hữu các cấp trong thời gian qua.

Thứ hai: Những việc làm của chính phủ và quân lực trong những ngày qua là do những quyết định can đảm được Hội đồng An ninh quốc gia ban hành sau khi đã cân nhắc kỹ lưỡng để bảo toàn lực lượng ta, hầu đủ khả năng giữ vững những vùng đông dân cư và trù phú của đất nước. Tôi đã nhấn mạnh ngày 20-3-1975 là tất cả những phần đất còn lại sẽ được bảo vệ đến cùng.

Thứ ba: Mọi tin đồn và suy diễn bừa bãi trái với các sự kiện nêu trên đều nằm trong kế hoạch của cộng sản. Toan dùng chiến tranh cân não để phá hoại tinh thần chiến đấu của quân dân ta.

B- Trong giai đoạn này, nhiệm vụ cứu quốc của quân đội có được chu toàn hay không là do nơi quý vị. Từ đó tôi ân cần nhắc nhở quý vị lưu tâm thi hành các điều sau đây:

Thứ nhất: Phải luôn luôn bình tĩnh. Trước mọi tình hình phải đối phó có kế hoạch trong phạm vi trách nhiệm.

Thứ hai: Phải luôn luôn đề cao cảnh giác, sẵn sàng đừng để bị bất ngờ.

Thứ ba: Lệnh chiến đấu và giữ đất bảo vệ dân phải cương quyết và phải được triệt để thi hành.

Thứ tư: Phải duy trì kỷ luật tối đa. Những hành động hèn nhát trước mắt địch quân phải được trừng trị nhanh chóng và mạnh mẽ để làm gương.

Thứ năm: Phải tích cực tiếp xúc với cấp dưới để tác động tinh thần hun đúc ý chí bất khuất và lòng dũng cảm của chiến sĩ các cấp đúng với truyền thống quân đội.

Thứ sáu: Phải giữ vững tinh thần của anh em binh sĩ, để binh sĩ đừng nản lòng trước nghịch cảnh và khó khăn.

Thứ bảy: Phải bảo vệ tối đa quân dụng và chiến cụ.

Toàn dân đang đặt hết tin tưởng vào quý vị và chiến hữu các cấp.

Sao kính gửi:
- Phó Tổng thống VNCH
- Thủ tướng Chính phủ kiêm Tổng trưởng Quốc phòng.
- Đại tướng TTMT Quân lực Việt Nam Cộng hòa
"Để kính tường"

Sài Gòn, ngày 24 tháng 3 năm 1975

CHÁNH VĂN PHÒNG

Võ Văn Cầm

TƯ VĂN NGÀY 6-4-1975
CỦA TỔNG THỐNG VIỆT NAM CỘNG HÒA

VIỆT NAM CỘNG HÒA
PHỦ TỔNG THỐNG

TƯ VĂN
Kính gửi: Đại tướng
Tổng tham mưu trưởng QLVNCH.

Số: 021/TT/TV/M.

Thưa Đại tướng,

1. Từ trước đến nay đã có một nhu cầu thực sự của các quân đoàn quân khu giáp ranh nhau cần được chỉ huy phối hợp trong các cuộc hành quân liên ranh và hỗn hợp để đạt được kết quả tối đa. Nay với diễn biến của tình hình quân sự, lại còn có thêm nhu cầu khẩn thiết về chỉ huy phối hợp liên quân để sự vận dụng các lực lượng thuộc lục, hải, không quân được thêm hữu hiệu.

Vì hai nhu cầu kể trên, đồng thời để ứng phó với hiệu năng tối đa và kịp thời với tình hình, tôi nhận định nay Bộ Tổng tham mưu nên được cải tiến lại để ngoài nhiệm vụ quản trị và tham mưu thông thường sẽ đảm trách trực tiếp chỉ huy và phối hợp các cuộc hành quân xét ra vượt khả năng và giới hạn của cấp quân khu/quân đoàn, kể cả việc sử dụng không, hải quân trong vùng địch ngoài lãnh thổ các quân khu hiện hữu.

2. Ngoài ra, với sự thu hẹp của lãnh thổ hiện hữu và cho đến khi chúng ta có khả năng tái chiếm một cách đáng kể những

phần đất đã mất, nếu thấy cần kể cả trên hai phương diện hành quân lưu động và an ninh lãnh thổ, thì Đại tướng cứ cho nghiên cứu lại ranh giới giữa các quân khu hiện hữu và đề nghị lên tôi.

Ngay cả bên trong lãnh thổ mỗi quân khu, nếu xét rằng việc phân định thêm những "vùng trách nhiệm" hoặc "mặt trận" để giao cho nhiều vị tư lệnh trực thuộc tư lệnh quân đoàn, quân khu đảm trách sẽ mang lại thêm hiệu năng thì Đại tướng cứ tùy nghi quyết hoặc ủy thác cho các vị tư lệnh quân đoàn, quân khu tự quyết định lấy.

Sài Gòn, ngày 6 tháng 4 năm 1975

TỔNG THỐNG VIỆT NAM CỘNG HÒA

Ký tên

Nguyễn Văn Thiệu

NHỮNG ĐIỂM NÓI CHUYỆN TẠI PHIÊN HỌP VẠCH CHƯƠNG TRÌNH KHẨN CẤP CỦA BỘ TỔNG THAM MƯU QUÂN LỰC VIỆT NAM CỘNG HÒA[1]

I- QUÂN SỰ

1. Chính phủ Nam Việt Nam cần phải có một kế hoạch hoàn hảo về chiến lược để đối phó với tình hình chiến sự hiện tại.

2. Tình hình chiến sự tại chỗ cần phải được ấn định bởi vì hiện nay rất bấp bênh.

3. Quân lực Việt Nam Cộng hòa cần có thắng lợi. Liệu có thể đạt thắng lợi đó nếu tấn công khu Sư đoàn bộ Sư đoàn 5 Bắc Việt Nam hay không?

4. Phòng thủ không phải là giữ một tuyến kháng cự chính. Trong tình hình này, phòng thủ mang tính chất cơ động và tập trung vào tiêu diệt các lực lượng địch.

5. Các Quân lực Việt Nam Cộng hòa hiện tại cần được tăng cường cho đủ số quân theo bảng biên chế trang bị.

---

1. Tài liệu này thu được trên bàn làm việc của Cao Văn Viên kèm dưới bản tư văn của Nguyễn Văn Thiệu gửi TTMT Cao Văn Viên số 021/TT/TV/M ngày 6-4-1975. Có thể đây là tài liệu của BTTM chuẩn bị cho Cao Văn Viên nói trong một phiên họp quân sự để thi hành tư văn của Thiệu - *N.V.*

6. Số quân đã được di tản cần được tổ chức lại với các đơn vị có hiệu lực chiến đấu.

7. Cần vận dụng quan điểm phòng thủ khu vực secteur vào CMD (Biệt khu quân sự Thủ đô - C52) và vùng 3. Phải có một tư lệnh khu ở phía đông và phía tây.

8. Phải tổ chức chỉ huy tập trung đối với cuộc chiến tranh. Có thể lựa chọn như sau:

- Tổng thống Thiệu chỉ huy cuộc chiến tranh.

- Ban Tham mưu quân lực chỉ huy cuộc chiến tranh và có quyền lực để làm như vậy.

9. Cần phải tăng cường hơn nữa việc dùng KQ chiến thuật của Quân lực Việt Nam Cộng hòa. Điều này phải được phối hợp hoàn toàn với Ban TMLQ (Ban Tham mưu lục quân - *N.V.*).

10. Phải xác định rõ các yêu cầu về trang thiết bị.

11. Các đơn vị Việt Nam Cộng hòa hiện đang bị đánh cho tơi tả vì các đơn vị gốc không duy trì được nguyên vẹn.

12. Phải thông báo các kế hoạch, các quan điểm cho các tư lệnh đơn vị chính và các Ban tham mưu của Quân lực Việt Nam Cộng hòa.

13. So sánh lực lượng hiện tại ở Nam Việt Nam đã nghiêng về phía Hà Nội.

14. Ý đồ của Hà Nội chưa rõ nhưng có thể là những sự lựa chọn như sau:

a) Khai thác triệt để thuận lợi chiến thuật và cái đà họ giành được trên chiến trường để giáng cho Nam Việt Nam một thất bại quân sự.

b) Lợi dụng tình hình đã thay đổi hiện nay nhằm củng cố những thành tựu đã đạt được đồng thời có ý đồ chiếm Tây Ninh. Khi đã củng cố được tình hình và nếu chiếm được Tây Ninh thì Hà Nội sẽ đòi hỏi thương lượng nhằm đạt được một thắng lợi

chính trị ở miền Nam Việt Nam. Nếu thương lượng dẫn đến một giải pháp mà Hà Nội chấp nhận được thì sẽ có ngừng bắn và sẽ có một chính phủ liên hiệp. Nếu Sài Gòn không đồng ý một giải pháp chính trị mà Hà Nội có thể chấp nhận được thì Bắc Việt Nam sẽ trở lại tấn công để áp đặt một thắng lợi cho toàn bộ vào năm 1975 - 1976.

II- DÂN TỊ NẠN

1. Vấn đề tị nạn là một vấn đề duy nhất quan trọng nhất về hành chính.

2. Nếu giải quyết thích đáng thì tình hình tị nạn có thể đem lại một số kết quả.

a) Tranh thủ được sự ủng hộ của dân chúng cho Chính phủ Sài Gòn vì tỏ ra rằng chính phủ Trung ương có thể và sẽ chăm sóc đến dân của mình.

b) Sẽ tạo nên sự ủng hộ quốc tế cho Chính phủ Nam Việt Nam. Sự ủng hộ của thế giới, của nhân dân trong nước sẽ tạo điều kiện dễ dàng cho việc tranh thủ sự ủng hộ của Quốc hội Mỹ.

3. Yêu cầu sự ủng hộ nhân đạo của thế giới từ: Nhật, Pháp, Tây Đức, Thái Lan, Tân Gia Ba, Nam Hàn, Đài Loan, Tân Tây Lan, Úc, Hồng Kông, Phi Luật Tân, Mỹ.

4. Công bố mỗi lần nhận viện trợ cho cả trong nước và thế giới biết.

III- TINH THẦN

1. Tinh thần ở mức thấp nhất xưa nay, ở cả dân chúng lẫn Quân lực Việt Nam Cộng hòa, vì lý do:

a) Dân chúng không hiểu những gì đang xảy ra. Họ phải chịu đựng tình trạng rõ ràng thiếu tin tức và họ cần được giải thích trung thực về tình hình đe dọa hiện tại đối với quốc gia.

b) Dân chúng muốn có các nhà lãnh đạo mạnh và hoạt động mạnh. Họ cần thấy giới lãnh đạo trên vô tuyến, nghe họ nói trên đài, xem ảnh họ trên báo.

c) Chính người ta không giải thích các chính sách của chính phủ cho các sĩ quan quân lực cộng hòa cũng như quan chức dân sự. Các cá nhân không biết mình đang chiến đấu cho những mục tiêu gì. Do vậy, chính phủ không thể có hiệu lực như mức độ đáng lẽ họ phải làm được.

2. Việc tổ chức lại nội các diễn ra quá lâu và do vậy tác động của việc tổ chức lại hầu như đã bị rơi vãi đi. Nếu như các nhà chính trị có năng lực không chịu vào nội các thì hãy lấy những người tốt, tuy họ không phải là các nhà chính trị.

3. Cần động viên dân chúng vào việc bảo vệ Tổ quốc. Vận động họ bố trí những bao cát, v.v..

4. Các gia đình quân nhân (Sài Gòn) cần được tổ chức ở hậu phương để binh lính có thể tập trung vào chiến đấu chứ không phải lo vào gia đình họ.

5. Có thể áp dụng luật quốc gia nếu không thể thành lập nội các tốt.

6. Triệu tập một phiên họp liên tịch của quốc hội và đề nghị Tổng thống đọc một thông điệp về tình hình quốc gia, ngắn gọn, có thực tế, và gây xúc động. Cho phát chương trình này trên vô tuyến.

IV- CHƯƠNG TRÌNH THÔNG TIN

Chính phủ Sài Gòn phải nhấn mạnh những luận điểm sau:

1. Hà Nội xâm lược Nam Việt Nam.

2. Nhân dân Nam Việt Nam khi đứng trước nạn xâm lăng đã thực hiện cuộc bỏ phiếu bằng đôi chân để tránh xa ách kiểm soát của cộng sản.

3. Chính phủ Sài Gòn thành công trong việc tái định cư dân tị nạn.

4. Chính phủ Sài Gòn cần ngoại viện vào các mục đích nhân đạo và phòng thủ.

5. Công bố mọi sự viện trợ của bên ngoài.

PHIẾU ĐỆ TRÌNH THƯỢNG KHẨN NGÀY 8-4-1975 CỦA BỘ TỔNG THAM MƯU QUÂN LỰC VIỆT NAM CỘNG HÒA

Thượng khẩn

PHIẾU ĐỆ TRÌNH
TỔNG THỐNG VIỆT NAM CỘNG HÒA

Phong BA-DT, 30631
1214 - P341
Ngày 8 tháng 4 năm 1975

Trích yếu: Về việc các công tác ưu tiên của BTTMQLVNCH.

Tham chiếu: Tư văn số 021/TT/TV/M ngày 6-4-1975 của Phủ Tổng thống.

Trân trọng kính trình Tổng thống.

Tuân hành chỉ thị của Tổng thống tại tư văn ngày 6-4-1975, Bộ Tổng tham mưu trân trọng đệ trình Tổng thống về một số công tác có tầm mức quan trọng ưu tiên mà Bộ Tổng tham mưu đã, đang và sẽ tuần tự thi hành sau đây:

1. Ổn định tình hình

Các diễn biến dồn dập tại QK1 và QK2 đã tạo nên tình trạng vô cùng xáo trộn và căng thẳng, chẳng những tại các quân khu này mà còn ảnh hưởng tới các QK3 và QK4. Hệ thống chỉ huy và kiểm soát tại QK1 và QK2 hầu như hoàn toàn tan

rã, do đó quân sĩ và dân chúng mặc ai nấy chạy gây cảnh rối loạn khắp mọi nơi.

Trước tình thế này, công tác đầu tiên của BTTM là phải ổn định tình hình, chặn đứng lại các sự rút quân bừa bãi của các lực lượng và dân chúng. Biện pháp đầu tiên là phần lãnh thổ của cực nam còn lại của QK2 đã được BTTM cho sáp nhập ngay vào lãnh thổ QK3 để cấp thời được chỉ huy và yểm trợ, đồng thời để dễ dàng cho việc chỉ huy và kiểm soát. Một Bộ Tư lệnh tiền phương QK3 + QK4 đã được thành lập và phối trí tại Phan Rang với trách nhiệm kiểm soát hành quân tại các tiểu khu: Tiểu khu Ninh Thuận; Tiểu khu Bình Thuận; Tiểu khu Bình Tuy; Tiểu khu Long Khánh.

Với trách nhiệm giao phó, BTLQĐ3 + QK3 phối trí và điều động các lực lượng phòng thủ các tiểu khu trên, đồng thời tung quân hoạt động về hướng Bắc và Tây hầu chặn đứng các cuộc tấn công hoặc xâm nhập của địch từ xa.

2. Chỉnh bị và tái tổ chức các đơn vị di tản

Các đơn vị di tản từ QK1 và QK2 đa số hầu như tan rã, quân sĩ di tản hỗn độn mỗi nơi một số và quân dụng thường đang thất thoát gần hết. Do đó vấn đề cấp thiết của BTTM là phải nỗ lực gom góp tập trung mọi đơn vị, mọi quân binh chủng của QK1 và QK2 để tái tổ chức và chỉnh bị để sớm có thể sử dụng được số đơn vị di tản trên trong thời gian sớm nhất. Việc tái tổ chức trên được ưu tiên hành động nhằm phục hồi khả năng các đơn vị tác chiến, kế đó mới tới các đơn vị yểm trợ hay tiếp sức.

3. Ấn định hai nhiệm vụ của không quân và hải quân

Để ứng phó với tình hình có thể đột biến trong thời gian gấp sắp tới, BTTM đã ấn định một số nỗ lực cần ưu tiên thi hành như sau:

a) Không quân

- Tái phối trí lại các sư đoàn không quân cho phù hợp với tình hình mới.

- Tăng cường khả năng không vận cho QK3 và QK4 bằng cách tận dụng trực tiếp của BCH/HQ/KQ (Bộ Chỉ huy hành quân không quân - *N.V.*) để thực hiện các cuộc tuần thám và không thám võ trang dọc hành lang quốc lộ 14 và quốc lộ 20 vào lãnh thổ QK3.

- Tăng cường các phi xuất, hỏa công, hỏa lôi để tấn công các mục tiêu chiến lược do BTTM chỉ định.

b) Hải quân

- Tái phối trí các đơn vị hải quân V1/DH (vùng 1 Duyên Hải - *N.V.*) cho phù hợp với tình hình.

- Tuần thám ngăn chặn các cuộc xâm nhập địch từ miền Bắc vào lãnh thổ Nha Trang trở về phía sau.

- Phong tỏa không cho địch sử dụng cảng Đà Nẵng, Nha Trang và Cam Ranh.

- Tăng cường các chiến hạm có khả năng hải pháo mạnh dọc theo bờ biển từ Nha Trang xuống phía nam, ưu tiên yểm trợ trực tiếp cho các tiểu khu Ninh Thuận, Bình Thuận và Bình Tuy.

4. Thành lập Bộ tư lệnh hành quân Tổng tham mưu

Chiến lược trong tương lai được ước đoán sẽ xảy ra dưới hình thức chiến tranh quy ước với sự phối hợp liên binh và vô cùng quy mô. Để đối phó với nhu cầu mới này, Bộ Tổng tham mưu cũng đã nghĩ đến việc cần phải thành lập một Bộ Tư lệnh

hành quân Tổng tham mưu để ngoài nhiệm vụ quản trị và tham mưu thông thường, BTTM còn có khả năng chỉ huy và kiểm soát trực tiếp các lực lượng tổng trù bị (như Sư đoàn dù, Sư đoàn thủy quân lục chiến), các sư đoàn bộ binh của QĐ1 và QĐ2 sau khi đã chỉnh bị và tái tổ chức xong các quân chủng không quân và hải quân.

5. Tái tổ chức lãnh thổ

BTTM đã ý thức được công tác quan trọng tiếp theo là việc phải cải tổ lại lãnh thổ quân sự hiện tại cho phù hợp với tình hình, tuy nhiên vấn đề này sẽ được thực hiện vào các giai đoạn kế tiếp nghĩa là sau khi ta đã ấn định lại được tình hình, tái tổ chức trong các đơn vị đã có đủ khả năng chiến đấu và thành lập được một Bộ Tư lệnh hành quân cấp Tổng tham mưu để chỉ huy lực lượng tổng trù bị và các đại đơn vị khi vượt quá khả năng quân đoàn, quân khu như hiện nay.

Trân trọng kính trình Tổng thống thẩm tường!

TỔNG THAM MƯU TRƯỞNG QUÂN LỰC VNCH

(Ký tên)

Đại tướng Cao Văn Viên

PHÚC TRÌNH THANH TRA VỀ TÌNH HÌNH QUỐC PHÒNG HIỆN TẠI CỦA TRẦN VĂN ĐÔN, PHÓ THỦ TƯỚNG KIÊM TỔNG TRƯỞNG QUỐC PHÒNG

VIỆT NAM CỘNG HÒA PHỦ THỦ TƯỚNG VĂN PHÒNG	PHIẾU ĐỆ TRÌNH TỔNG THỐNG VIỆT NAM CỘNG HÒA
Phó thủ tướng đặc trách thanh tra các chương trình phát triển quốc gia kiêm nhiệm liên lạc Quốc hội.	Đề mục: Phúc trình thanh tra về tình hình quốc phòng hiện tại.
Số: 212/PTH.T/ĐTTTT/QP/VP	

Trân trọng kính trình Tổng thống!

Sau khi nhậm chức Tổng trưởng Quốc phòng, liên tiếp trong các ngày 15, 16, 17-4-1975, chúng tôi đã đi thăm một số đơn vị và cơ sở thuộc Quân lực Việt Nam Cộng hòa. Cuộc thăm viếng này nhằm mục đích:

- Xem xét tại chỗ tình hình quân sự;
- Thăm hỏi, và khuyến lệ tinh thần của các đơn vị;
- Bảo đảm các nỗ lực cứu trợ gia đình binh sĩ của chính phủ;

- Xác quyết với các đơn vị trưởng các cấp nhu cầu giữ đất, cứu nước.

Chúng tôi đã thăm viếng Bộ Tư lệnh tiền phương QK2 tại Phan Rang, Bộ Tư lệnh QĐ1 tại Trung tâm huấn luyện Vạn Kiếp, Bộ Tư lệnh Sư đoàn 22BB, Bộ Tư lệnh Sư đoàn 7BB (có sự tham dự của thiếu tướng tư lệnh Quân khu 4), Bộ Tư lệnh không quân, Bộ Tư lệnh hải quân, Bộ Tư lệnh lục quân và Tiểu khu Long An.

I- Tình hình chiến sự tổng quát

1. Tại chiến trường cực bắc Quân khu 3 (Phan Rang), tương quan lực lượng nghiêng về địch rõ rệt, khả năng hỏa lực của chúng vượt trội hơn ta rất nhiều, nhất là chiến xa (ta không có một đơn vị thiết giáp nào tại đó) và đại pháo (ta chỉ còn bốn khẩu đại pháo 155 ly và 105 ly, thiếu máy ngắm). Sau khi đánh bật được ta ra khỏi Phan Rang, địch còn khả năng tấn công Phan Thiết, nếu ta không giải tỏa kịp quốc lộ 1 để đưa thiết giáp tới ngăn chặn.

2. Tại chiến trường Xuân Lộc, theo Trung tướng TL QK3, sau những trận tấn công liên tiếp, các sư đoàn CSBV đều bị thiệt hại nặng. Tương quan lực lượng ngả về ta, nhưng nếu địch tiếp tục tăng cường các đơn vị mới cộng thêm chiến xa, đại pháo (có nhiều chỉ dẫn chúng đang thực hiện), tương quan này sẽ nghiêng về địch. Ta khó có thể giữ được Long Khánh.

3. Tại chiến trường Long An, cho tới nay công trường 5/CSBV bị chặn đứng, thiệt hại của chúng rất cao. Địch đang tăng cường mới với việc tăng viện một trung đoàn còn lại của công trường trên. Dù với sự tăng cường mới này của địch, ta vẫn có khả năng giữ vững các tuyến còn lại. Sự phối trí Sư đoàn 22BB tại tiểu khu này bảo đảm thêm cho chiến trường này.

4. Tại chiến trường vùng 4 nói chung, mục tiêu của địch là đánh chiếm Cần Thơ, cắt phá quốc lộ 4, cho đến nay đã bị quân ta chặn đứng. Địch mới tăng viện thêm hai trung đoàn của Công trường 3 từ Kiến Tường xuống, nhưng Sư đoàn 9 cũng đã di chuyển Trung đoàn 14, 15 đi theo và chặn đứng chúng tại ranh giới Long An - Định Tường.

5. Địch hiện đang vận chuyển từ Quân khu 1 và 2 nhiều đại pháo và chiến xa để tập trung vào bắc QK3 cho cuộc tấn công vào Thủ đô. Có thể hỏa tiễn SAM2 sẽ được đưa xuống vùng Đồng Xoài trong những ngày sắp tới. Do các sự kiện này, có thể địch sẽ đưa không quân của chúng tham chiến, và đang chuẩn bị gấp rút kế hoạch bao vây và tấn công Thủ đô.

6. Nói chung, tình hình quân sự, tuy ta giữ được ba vùng chiến lược Xuân Lộc và Long An cũng như Cần Thơ kể cả quốc lộ 1, nhưng tương quan lực lượng đã và đang chuyển hẳn về địch.

II- Tinh thần binh sĩ

1. Nói chung tinh thần binh sĩ, ngoại trừ Sư đoàn 22BB, các đơn vị thuộc QĐ1 rất kém sút. Sư đoàn 2BB tham chiến tại Phan Rang quá sớm, tinh thần lại càng xuống thêm sau vụ di tản ở Phan Rang.

2. Lý do chính vì gia đình thất lạc, không có tin tức của thân nhân khiến họ không còn tâm trí phục vụ. Bộ Quốc phòng đặt từ mức ưu tiên cho vấn đề này và đang gửi cấp tốc các toán kiểm kê và cứu trợ (Tổng cục chiến tranh chính trị phụ trách) tới các trại tạm cư để đem gia nhân binh sĩ về những nơi có an ninh và nuôi nấng họ.

3. Các đơn vị thuộc Quân khu 3 và 4 vì không bị ảnh hưởng của việc triệt thoái nên tinh thần của họ tương đối khả quan.

III- Tình trạng quân số

1. Đối với các đơn vị di tản, trong tổng số hơn 340.000 quân chủ lực, địa phương quân và nghĩa quân thuộc hai QK1 và I2, đến nay ta mới chỉ thu hồi được 72.000 người (nói chung cả yểm trợ lẫn tác chiến).

2. Quân đoàn 1 (Sư đoàn 3) đang cố gắng với quân số hiện hữu tái tổ chức Trung đoàn 2 và ba tiểu đoàn. Hiện đã thành lập xong hai tiểu đoàn, còn lại một sẽ xong vào tuần sau.

3. Sư đoàn 22BB khi di tản còn 2.000 người, nay được tăng cường lên 6.000 người và đang hoàn thành trung đoàn thứ 4 của họ (Trung đoàn 47).

4. Nỗ lực tái tổ chức được dồn vào bốn sư đoàn và bốn liên đoàn biệt động quân triệt thoái từ Quân khu 1 và Quân khu 2 và kể như đã đạt trên 50% chỉ tiêu.

5. Theo kế hoạch tổ chức lại các đơn vị chung cho toàn quốc của BTTM, còn có từ 190.000 người (giải pháp tạm chế một trung đoàn, ba tiểu đoàn) hoặc 240.000 người (theo giải pháp tự chế) cho tới cuối năm 1975, số tân binh này sẽ không đạt đến một cách dễ dàng.

IV - Tình trạng quân dụng

1. Đạn dược: Nếu với mức độ sử dụng hiện nay, các loại đạn dược sẽ cạn vào cuối tháng 6-1975 ngoại trừ bom của không quân còn đủ dùng trong năm tháng và hải quân còn khoảng một năm.

2. Các quân dụng khác như vũ khí cá nhân, cộng đồng, các đại bác, chiến xa nói chung đều thiếu. Hiện còn khoản thuộc tài khóa năm 1975 (93 triệu mỹ kim) đang thực hiện các vật dụng khác, và đang do một cầu không vận (bốn chiếc CF141/1 ngày) chở đến.

3. Trường hợp không có quân viện bổ túc 722 triệu mỹ kim, ta không thể tổ chức lại các đơn vị theo như kế hoạch dự trù.

4. Có thể có được tiếp tế đạn dược trên căn bản đang ứng trước (tài khóa năm 1976) sau ngày 30-6 nếu Quốc hội Mỹ chưa giải quyết xong mức độ quân viện tài khóa năm 1976. Số quân viện ứng trước này khoảng 25 triệu mỹ kim một tháng.

V- Không quân

1. Hiện chỉ có khả năng clesesairsuppert, không đủ sức thực hiện các nhiệm vụ chiến lược xa.

2. Hệ thống rađa gần như tê liệt vì hệ thống kiểm báo Đà Nẵng, Pleiku, Buôn Ma Thuột, Phan Rang không còn.

3. Một giới hạn duy nhất của không quân là sự hiện diện của SAM2 Bắc Việt.

4. Hai phi trường chính: Biên Hòa và Sài Gòn có thể bị tê liệt trong thời gian gần.

5. Với số phi cơ hiện hữu (1.200 chiếc) không quân Việt Nam còn đủ nhân sự điều hành.

VI- Hải quân

1. Số tàu hiện hữu đủ để yểm trợ nhu cầu quân lực.

2. Khả năng hải pháo giới hạn.

3. Có khả năng giữ thủy lộ chính Sài Gòn - Vũng Tàu.

4. Chưa ước lượng được khả năng hải quân địch và khả năng chống trả của ta.

VII- Tổng kết

1. Xét tình hình chung, quốc gia đang trong tình trạng nguy ngập thật sự. Sự sống còn chỉ có thể tính từng ngày, từng tuần, không thể tính từng tháng. Với khả năng trù bị dồi dào, hỏa lực

của địch trội hẳn so với các đơn vị ta. Việc chống trả của các đơn vị VNCH sẽ rất vất vả trong những ngày tới.

2. Tinh thần quân sĩ, trừ những đơn vị di tản (mặc dù còn vững nhưng không chắc có thể giữ mãi được).

3. Vấn đề quân viện khẩn cấp chẳng những có tính chất tinh thần mà còn ảnh hưởng tới nhu cầu thật sự cấp bách tại các mặt trận.

VIII- Kết luận và đề nghị

Từ một tháng nay, mặc dù chưa có quân viện bổ túc, quân lực chúng ta vẫn chiến đấu. Trong những ngày sắp tới dù có hay không có quân viện, chúng ta vẫn phải tiếp tục chiến đấu với những phương tiện đang có.

Để có thể tạo ra những động lực cần thiết cho tinh thần chiến đấu của quân dân, chúng tôi trân trọng kính xin Tổng thống cứu xét và cho ban hành gấp những biện pháp sau đây:

1. Ban bố ngay tình trạng đất nước lâm nguy, cho lệnh chính phủ được trưng dụng tức khắc tất cả tài nguyên nhân lực, vật lực của quốc gia theo nhu cầu.

2. Để có một luồng sinh khí mới trong công cuộc lãnh đạo quân sự, cho phép Bộ Quốc phòng được sử dụng tất cả quân nhân các cấp theo nhu cầu và gọi tái ngũ các quân nhân các cấp nếu cần.

3. Cho quyền chính phủ được áp dụng các biện pháp thật mạnh như xử tử tức khắc những người đào ngũ, những người có vũ khí bất hợp pháp (cả ta lẫn địch).

4. Tuyên bố trên toàn quốc là các tuyến đầu sẽ không có nơi nào là hậu phương. Sài Gòn cũng là một mặt trận. Mỗi ngành sinh hoạt công cũng như tư (thể lệ hành chính, tài chính) phải được thay đổi cho phù hợp với tình trạng tổ quốc lâm nguy).

5. Các đơn vị nhân dân tự vệ phải được ghép vào hệ thống chỉ huy quân lực để đáp ứng nhu cầu tại các mặt trận khi cần.

6. Với tư cách tổng tư lệnh tối cao, ban lệnh cho Sư đoàn thủy quân lục chiến mở các cuộc đột kích ngoài phạm vi những vùng ta đang kiểm soát, để giải tỏa áp lực địch, và cắt đường tiếp vận của chúng đang mỗi ngày một thọc sâu xuống miền Nam, nhất là các đơn vị chiến xa và đại pháo. Biện pháp này còn nhằm gia tăng tinh thần quân dân của ta trong tình thế này.

7. Các phương tiện sản xuất phải được dồn nỗ lực vào phạm vi cứu nước lúc này.

Kính xin Tổng thống xét gấp các đề nghị trên.

Trân trọng!

Sài Gòn, ngày 18 tháng 4 năm 1975

PHÓ THỦ TƯỚNG ĐẶC TRÁCH TỔNG THANH TRA
KIÊM TỔNG TRƯỞNG QUỐC PHÒNG

Trần Văn Đôn

TÀI LIỆU NGUYÊN BẢN ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH ĐẾN NGÀY 19-4-1975 CỦA ĐẠI SỨ MARTIN GỬI NGUYỄN VĂN THIỆU[1] NGÀY 19 THÁNG 4 NĂM 1975

1. Với việc sụp đổ phòng thủ tuyến của phía chính phủ xung quanh Xuân Lộc và việc tiếp tục tăng cường quân Bắc Việt ở QK3 của Chính phủ (Sài Gòn), cán cân lực lượng ở vùng Sài Gòn rộng lớn hơn đã chắc chắn nghiêng về phía có lợi cho quân Bắc Việt và Việt cộng. Mặc dù Chính phủ Việt Nam có thể tăng viện cho một trong những vùng mục tiêu chủ yếu nằm trong tình trạng nguy cấp trước mắt của một trận tấn công Biên Hòa - Long Bình phía đông Sài Gòn, hai tỉnh Long An và Hậu Nghĩa phía tây Sài Gòn và tỉnh Bình Dương phía bắc Sài Gòn, nhưng chính phủ không có khả năng phòng thủ tất cả các vùng này như nhau cùng một lúc. Thế nhưng quân Bắc Việt và Việt cộng lại có khả năng trong vòng ba hoặc bốn

---

1. Tài liệu này ta thu được trên bàn làm việc của Cao Văn Viên, Đại tướng Tổng tham mưu trưởng Quân lực Việt Nam Cộng hòa. Tài liệu do Trung tướng Đặng Văn Quang, cố vấn an ninh của Thiệu gửi cho Cao Văn Viên hồi 11 giờ ngày 20-4-1975. Trên đầu trang 1, tài liệu đề như sau: "Ông đại sứ Martin trao cho tôi 3 tài liệu này về tình hình, vậy... (mất 2 chữ) gửi 1 set và trao ngay cho Đại tướng Tổng tham mưu trưởng 1 set để tùy nghi" - *N.V.*

ngày nữa sẽ mở những cuộc tấn công hợp đồng gồm nhiều sư đoàn vào tất cả các mục tiêu này và có thể áp sát vùng phụ cận Sài Gòn nếu một trong những mục tiêu này thất thủ. Như vậy Chính phủ Việt Nam sẽ gặp phải một tình hình mà trong đó ngay bản thân Sài Gòn cũng sẽ trở nên cô lập và bị cắt đứt hoàn toàn với bên ngoài trong vòng khoảng hai tuần hoặc có thể rơi vào tay các lực lượng Bắc Việt và Việt cộng trong vòng ba hoặc bốn tuần nữa.

2. Ngoài 5 sư đoàn Bắc Việt hiện nay đã tham chiến ở QK3 của Chính phủ Việt Nam (các F5, 6, 7, 325, và 341), có khả năng 7 sư đoàn nữa đã có ở sẵn hoặc nằm gần trong quân khu và có thể được điều động vào làm nhiệm vụ chiến đấu trong vòng từ ba đến năm ngày (đó là các F9, 312, 320[b], 304, 10, 316). Trong số các sư đoàn này có 3F mới thuộc Quân đoàn 1 của quân đội Bắc Việt được điều động từ miền Bắc vào, vừa rồi bố trí ở vùng biên giới hai tỉnh Bình Long, Bình Dương, những sư này có thể phối hợp tấn công vào mạn đông của QK3 phía chính phủ, thực tế, Chính phủ Việt Nam Cộng hòa không có quân trù bị, tất cả 5F hoặc các đơn vị tương đương F của chính phủ ở QK3 đều đã tham chiến và nhiều đơn vị thiếu quân số, kém sức chiến đấu. Do đó quân Bắc Việt có thể áp đảo các lực lượng chính phủ đơn giản bằng uy thế về quân số của họ.

3. Để yểm trợ cho các lực lượng bộ binh này, quân Bắc Việt có 7 trung đoàn pháo binh và 2 sư phòng không ở trong vùng, cùng với 200 xe thiết giáp và xe tăng. Tên lửa phòng không SAM2 có thể để bảo vệ các sở chỉ huy tiền phương cũng được ghi nhận là đang chuyển vào QK3 của chính phủ. Những tài liệu tình báo gần đây chỉ rõ rằng quân Bắc Việt cũng có ý định sử dụng máy bay trong các cuộc tấn công sắp tới (đã phát hiện máy bay MIG bay vào Phú Bài và Đà Nẵng ngày 19-4 vừa qua).

TÌNH HÌNH CHIẾN THUẬT

1. Những bộ phận lớn của các F quân đội Bắc Việt trước đây nhiều tuần đe dọa tỉnh Tây Ninh đã được điều động xuống xa hơn về phía nam. Ở QK3 chính phủ, mặc dù không có bằng chứng để xác minh việc có mặt của các lực lượng tăng cường quân của Bắc Việt tại Tây Ninh, chúng tôi phán đoán rằng F315 quân Bắc Việt đã được bố trí trong khu vực đó.

2. Trong lúc đó việc tăng cường lớn số lượng quân Bắc Việt cũng đang tiến hành ở phía tây nam Sài Gòn. Các bộ phận của 4F Bắc Việt (F3, 5, 8, và 9) được các đơn vị pháo binh và đặc công tăng cường đang tập trung ở tỉnh Long An và tây nam tỉnh Hậu Nghĩa. Các quận lỵ Tân Phú và Bến Lức thuộc Long An đang bị cô lập và có nguy cơ bị tràn ngập. Quận lỵ Đức Hòa ở tỉnh Hậu Nghĩa cũng có khả năng bị tấn công. Việc mất các quận lỵ này sẽ đưa các đơn vị quân Bắc Việt vào trong tầm tấn công phía tây của tỉnh Gia Định và tạo điều kiện cho họ có đường 1/22 giữa Tây Ninh và Sài Gòn, do đó sẽ cô lập Tây Ninh và F25 Quân lực Việt Nam Cộng hòa. Ngoài ra, quân Bắc Việt sẽ có khả năng đánh vào các vùng ngoại ô Sài Gòn, kể cả Tân Sơn Nhất, bằng pháo hạng nặng...

3. Ở vùng sát nách Sài Gòn, quân Bắc Việt cũng đang đặt kế hoạch những trận tấn công mạnh vào phía bắc quận Bình Chánh, các quận Củ Chi và Thủ Đức để mở đường cho đặc công xâm nhập vào thành phố.

4. Mặc dù ở phía bắc Sài Gòn, hình như chỉ có một số ít đơn vị quân Bắc Việt nhưng việc gần đây triển khai sở chỉ huy Quân đoàn 1 Bắc Việt và Sư đoàn 312 thuộc quân đoàn này vào tỉnh Phước Long nói lên rằng việc tăng cường đang được tiến hành, và việc tăng cường này có thể sẽ tạo ra một mối đe dọa có ý nghĩa

đối với những vùng đông dân cư ở phía nam tỉnh Bình Dương và những đường tiếp vận phía bắc thị xã Biên Hòa.

5. Tại phía đông QK3 của lực lượng Bắc Việt, Việt cộng hình như đang bóc sườn các lực lượng chính phủ ở tỉnh Long Khánh và đang chuẩn bị cho những cuộc tấn công vào vùng Biên Hòa - Long Bình, F6 quân Bắc Việt đang chuyển từ tây nam Xuân Lộc tới các quận lỵ Long Thành và Nhơn Trạch trong tỉnh Biên Hòa đe dọa đường 15 và đông nam Long Bình. Thêm vào đó, các bộ phận của 3F Bắc Việt đang di chuyển tới giáp giới Biên Hòa ngang phía tây thị xã Xuân Lộc. Trong khi đó pháo binh Bắc Việt rất có thể có cả pháo 130 ly đang cơ động vào đông nam tỉnh Long Khánh và phía nam tỉnh Biên Hòa, đặt khu vực Long Bình và các vị trí lớn của chính phủ dọc đường 15 vào trong tầm bắn.

6. Nói tóm lại, các đơn vị quân Bắc Việt đang cùng lúc hội tụ về khu vực Sài Gòn rộng lớn hơn từ mọi hướng với một lực lượng trù bị to lớn hơn lực lượng trù bị phía chính phủ rất nhiều, và có khả năng bao vây thành phố (Sài Gòn) và cô lập thành phố này trong vòng một hoặc hai tuần nữa, trong khi đó bắt dân chúng và các sân bay chịu một hỏa lực pháo binh nặng nề. Mặc dù phía chính phủ có thể tăng viện một hoặc hai mặt trận bằng cách rút bớt lực lượng từ khu vực Cần Thơ hoặc Mỹ Tho trong châu thổ nhưng việc này cũng không thể làm gì hơn là kéo dài thêm sự tồn tại của Sài Gòn khoảng một tuần, bởi vì quân Bắc Việt hầu như ngay tức khắc sẽ có khả năng loại trừ những lực lượng tăng cường này với lực lượng lớn gấp đôi của họ.

NGUYỄN VĂN THIỆU PHÁT BIỂU TRƯỚC KHI TỪ CHỨC*

Kính thưa Phó Tổng thống,

Kính thưa Chủ tịch Thượng nghị viện,

Thưa ông Quyền Chủ tịch Hạ nghị viện,

Thưa ông Chủ tịch Tối cao Pháp viện,

Thưa ông Thủ tướng Chính phủ,

Thưa Chủ tịch Giám sát viện,

Thưa tất cả quý vị nghị sĩ và dân biểu,

Thưa tất cả quý vị thẩm phán tối cao, quý vị giám sát viện,

Thưa tất cả quý vị nhân viên chính phủ,

Thưa anh em quân đội và anh em cảnh sát,

Thưa toàn thể đồng bào,

Thưa anh em chiến sĩ và cán bộ.

Trước hết, tôi xin lỗi hôm nay tôi nói chuyện một cách trực tiếp mà không có đọc một cái thông điệp trước quý vị và trước quốc dân đồng bào hay là anh em chiến sĩ cán bộ.

---

* Bài do Nguyễn Văn Thiệu nói trực tiếp trên Đài Sài Gòn hồi 19 giờ 00 ngày 21-4-1975. Thông tấn xã Việt Nam ghi âm, in trong "Tài liệu tham khảo đặc biệt" số 093-TTX - ngày 22-4-1975. Chúng tôi đăng nguyên văn để bạn đọc tham khảo, và có cái nhìn khách quan, toàn diện về sự sụp đổ của chính quyền tay sai Sài Gòn - *B.T.*

Cũng vì cái vấn đề cấp bách đòi hỏi một quyết định cấp bách và phải được sự bảo vệ sự kín đáo tối đa vì lý do an ninh quốc gia. Cho nên tôi mạn phép mời quốc hội lưỡng viện, tối cao pháp viện, các cơ quan hiến định và tất cả quý vị với một thời hạn rất ngắn ngủi ở trong một cái khung cảnh đáng lẽ phải là khác hơn ở cái ngôi nhà Dinh Độc Lập.

Đối với đồng bào và anh chị em chiến sĩ cũng vậy. Đây là một cuộc nói chuyện rất quan trọng nên không được thông báo trước cũng vì lý do an ninh quốc gia và tính cách quan trọng của nó đối với quốc gia. Cho nên tôi xin đồng bào và anh chị em chiến sĩ, cán bộ, cảnh sát quốc gia hãy thông cảm.

Đáng lý ra nếu thì giờ cho phép thì tôi đã triệu tập một phiên khoáng đại lưỡng viện quốc hội, có sự hiện diện của tối cao pháp viện, các đoàn thể dân chúng, tôn giáo để tôi trình bày về tình hình mà tôi sẽ trình bày hôm nay.

Tôi xin quý vị lượng thứ cho các vấn đề cấp bách và sơ suất có thể nói rằng thiếu cả nghi lễ.

Thưa quý vị,

Thưa tất cả đồng bào và anh chị em,

Hôm nay tôi xin được lược kê lại cái diễn tiến của đất nước.

Thứ nhất cái diễn tiến của đất nước từ ngày tôi đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo quốc gia và cho đến nay, qua hai nhiệm kỳ Tổng thống, chỉ còn 6 tháng nữa là hết. Năm 1965, tại miền Nam này chúng ta chỉ kiểm soát còn có 50% dân số và cũng khoảng 50% đất đai; tình hình rất nghiêm trọng, quân xâm lược cộng sản cũng ở trên cái đà thắng thế nhất có thể chiến thắng bằng quân sự chúng ta trong một thời gian rất ngắn. Lúc đó nhờ sự can thiệp mạnh mẽ và quyết tâm của Hoa Kỳ và các đồng minh khác, nhờ sự hiện diện lần lượt của nửa triệu lính đồng minh của 6 quốc gia đồng minh, nhờ sự sử dụng mạnh mẽ

không quân và hải quân của Hoa Kỳ để trừng phạt Bắc Việt xâm lược ở cả miền Nam lẫn miền Bắc, chúng ta đã tiến tới một tình trạng rất tốt đẹp. Cho đến 1968, lúc đó cộng sản Bắc Việt ở trong đà suy yếu không thể chịu nổi nữa của cuộc oanh tạc, cho nên Bắc Việt đã chấp nhận đến Paris thương thuyết bởi vì cộng sản chỉ có một mục đích duy nhất là để cho Mỹ chấm dứt vô điều kiện và vĩnh viễn oanh tạc Bắc Việt. Và có như vậy thì Bắc Việt mới có cơ hội ngóc đầu trở lại, xây dựng lại cái tiềm năng xâm lược để chờ một thời gian khác tái xâm lăng Việt Nam Cộng hòa một cách mạnh mẽ hơn. Cũng vì cái đó, cộng sản có mục tiêu, chúng muốn đạt cái gì chúng muốn, phía đồng minh thì lại chỉ muốn có hòa đàm, dẫu biết là cuộc hòa đàm không đi đến đâu. Cho nên chúng ta không lấy làm lạ từ 1968 cho đến năm 1972, cuộc hòa đàm không có tiến bộ một bước, cộng sản mỗi ngày mỗi thêm ngoan cố, đánh đánh đàm đàm, cộng sản áp dụng cái chiến thuật của chúng rất là khéo léo, có thể nói là gạ gẫm được thế giới và đồng minh Hoa Kỳ.

Đến năm 1972, là cộng sản được 4 năm yên ổn, để lập những đơn vị chính quy các quân đoàn, sư đoàn, nhận được hàng ngàn xe tăng, đại pháo của Nga Xô, Trung cộng, thì lúc đó cộng sản mở cuộc tấn công vào mùa hè đỏ lửa hồi 1972. Cộng sản muốn lật ngược lại thế cờ bằng một chiến thắng quân sự - nhưng sau đó cộng sản lại bị chúng ta đánh bật ra các nơi Bình Long, Kon Tum, Bình Định, Quảng Trị. Cộng sản lại chấp nhận thương thuyết, bởi vì lúc đó cộng sản lại bị oanh tạc nặng nề hơn lúc trước và tiềm năng chiến đấu của cộng sản không có đủ để khả dĩ tiếp tục thương thuyết nghiêm chỉnh thì sẽ bị tiêu diệt vĩnh viễn.

Sách lược của cộng sản lúc nào mạnh về quân sự thì đánh mạnh và đàm yếu, mà lúc nào yếu về quân sự thì đánh nhẹ mà

đàm mạnh. Nhưng mà chúng ta không thấy cộng sản có những tiến bộ gì về hòa đàm một cách công khai tại hội đàm Paris giữa ta, cộng sản và Mỹ hết. Nhưng mà trong lúc đó có một sự cấu kết... giữa cộng sản và đồng minh Hoa Kỳ để đi tới cái bản văn Hiệp định ngày 26-10-1972. Cái bản văn Hiệp định đó tôi đã tốn rất nhiều thì giờ, tôi đã giải thích với đồng bào tôi chắc đồng bào hãy còn nhớ.

Cái bản Hiệp định đó là cái bản văn Hiệp định Hoa Kỳ bán miền Nam Việt Nam cho cộng sản. Và tôi đã có đủ can đảm nói với ông ngoại trưởng Kissinger lúc đó, nếu như ông chấp nhận cái bản Hiệp định này nghĩa là ông chấp nhận bán miền Nam Việt Nam cho cộng sản. Còn tôi mà chấp nhận cái bản văn Hiệp định này tôi cũng chấp nhận phản quốc và bán dân tộc và đất nước miền Nam cho cộng sản. Ông có chấp nhận thì chấp nhận vì quyền lợi Hoa Kỳ, vì lý do riêng tư tôi không biết, vì mấy ông là cường quốc đổi chác với nhau tôi không biết, nể nang nhau, đổi chác nhau, đem cái quyền lợi và cái sinh mạng của dân tộc miền Nam này ra bán. Chứ tôi là người Việt Nam tôi không chấp nhận. Bản văn Hiệp định đó là cái bản văn mà tôi đã từ chối, tôi đã phản đối trong ba tháng trời. Và trong ba tháng trời chỉ có ba điểm chính mà tôi tranh đấu sống chết. Sự tranh đấu sống chết. Sự tranh đấu của tôi được... (mất)... dần dần bởi mỗi lần tôi mời họp có ông Chủ tịch thượng viện Nguyễn Văn Huyền cũ, ông Chủ tịch hạ viện Nguyễn Bá Cẩn, ông Tổng trưởng Ngoại giao, ông Chủ tịch tối cao pháp viện, có Phó Tổng thống, có Đại tướng Tổng tham mưu trưởng, Phó Thủ tướng, thỉnh thoảng có một vài người chính trị khác.

Ba điểm mà tôi cho là mất nước:

Một chính phủ ba thành phần ở trên chóp bu để chỉ huy, ba chính phủ là Chính phủ Việt Nam Cộng hòa và Chính phủ của

Mặt trận giải phóng và Chính phủ liên hiệp, ba thành phần đó được đặt để xuống cho tới tỉnh, quận, xã, ấp. Tôi cho đó là một chính phủ liên hiệp dù dưới hình thức nào, dù ở cấp bậc nào, tôi không chấp nhận. Và tôi không chấp nhận cái việc đó từ năm, bảy năm trước. Cho nên đừng có nói gì cho tới xã, ấp ngay cả trung ương tôi đã không chấp nhận. Ba thành phần, bốn thành phần, hai thành phần tôi cũng không chấp nhận. Cho nên tôi nói không chấp nhận.

Họ chỉ nói ở Đông Dương này có ba quốc gia thôi, là Cao Miên, Ai Lao và Việt Nam. Thì tôi muốn hỏi ông Ngoại trưởng Kissinger là Việt Nam nào, Việt Nam của Sài Gòn hay Việt Nam của Hà Nội? Nhưng mà ông chấp nhận bản văn này nghĩa là ông chấp nhận cái Việt Nam chờ thống nhất theo luận điệu của cộng sản nói rằng từ Bắc chí Nam. Tôi không chấp nhận. Tôi muốn trở về nguyên thủy Hiệp định Geneva là có hai quốc gia Việt Nam, hai chính quyền Hà Nội và Sài Gòn, tôi kêu họ là Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, họ phải kêu tôi là Việt Nam Cộng hòa, không xâm phạm lẫn nhau và lấy vĩ tuyến 17, lấy bản Hiệp định Geneva làm căn bản, chờ đợi ngày thống nhất bằng phương tiện hòa bình và dân chủ, dù cho ngày đó không biết là ngày nào. Tôi bác cái chuyện đó. Tôi nói trở về hai miền Nam - Bắc, hai quốc gia riêng biệt có thể vô liên hiệp, dù vĩ tuyến 17 vẫn giữ vùng phi quân sự chờ ngày thống nhất.

Quân đội Bắc Việt thì ông Ngoại trưởng Kissinger chấp nhận là quân đội Bắc Việt được quyền ở trong miền Nam một cách hợp pháp đương nhiên. Tôi nói điều này là điểm quan trọng nhất. Không có một cái gì kỳ quái cho bằng cái thằng xâm lăng khi chấm dứt chiến tranh, có hòa bình thì lại được quyền để lại, được quyền đem quân đội của mình ở vào một lãnh thổ của người khác. Nói điều kiện cương quyết và quan trọng nhất là

quân Bắc Việt phải rút lui về Bắc. Ông Kissinger trả lời với tôi rằng cái chuyện này thương thuyết ba năm nay mà không được. Mỹ chịu thua. Tôi hỏi: À! Cũng vì cái lẽ đó mà lúc đầu ông Tổng thống Hoa Kỳ đặt điều kiện với Bắc Việt và nói rằng Bắc Việt là quân xâm lược phải rút lui trước rồi Mỹ sẽ rút lui sau thì nói nó hợp tình hợp lý và nghe nói... Về sau mấy ông nói là rút lui song phương cùng rút thì nghe nói cũng hợp lý, cũng hòa bình, nhưng mà sau đến lúc ông Tổng thống Nixon lại đọc bài diễn văn lại nói thôi thế Mỹ rút lui một mình, không có nói Bắc Việt rút, chắc có phải là vậy? Thì ông Kissinger nói phải là vậy. Điều đó tôi không chịu. Bắc Việt phải rút lui, cái đó là điều kiện đương nhiên và thông thường khi cuộc chiến tranh kết thúc và nhất là ở miền Nam này chiến tranh bị cộng sản Bắc Việt xâm lược.

Sau cùng phải đi đến một giải pháp dung hòa, một giải pháp tìm cho được lối ra để giải quyết vấn đề quân Bắc Việt - tôi mới chịu: giải pháp đó là vấn đề quân đội hai bên miền Nam Việt Nam và quân đội giữa Nam và Bắc, giờ nói Chính phủ Việt Nam những thành phần Việt Nam giải quyết với nhau trên căn bản là tụt quân số dần dần, giảm quân số dần dần và cho phục viên nghĩa là giải ngũ thì tôi nghĩ đó không phải là một cách, giải quyết quân đội Bắc Việt mà như mình mong muốn, không phải là lý tưởng nhưng mà không thể làm gì hơn nữa, mình không thể đánh nó hết được, đuổi nó hết khi mà Mỹ không còn đánh nữa. Mỹ không giúp chúng ta nữa. Tôi cho giải pháp đó khả dĩ chấp nhận được nếu như Bắc Việt có thiện chí, nghĩa là Bắc Việt có 300 ngàn quân mà chúng ta có 1 triệu quân, thì Bắc Việt cứ tụt 300 ngàn đi, cho phục viên đi, bên đây của mình xuống còn 700 ngàn. Còn quân đội giải phóng nói là có 100 ngàn chẳng hạn thì tôi tụt xuống 100 ngàn và cũng cho giải ngũ về tất cả, công dân miền Nam thi hành quân dịch tại miền Nam, còn lính Bắc Việt thì đi về Bắc thi hành nghĩa vụ quân dịch của miền Bắc, như vậy mới thỏa đáng.

Còn chính phủ liên hiệp ba thành phần thì tôi nhất định không chấp nhận, sau đó phải đổi ra là một. Hội đồng quốc gia hòa giải hòa hợp dân tộc ba thành phần chỉ có nhiệm vụ tổ chức bầu cử mà thôi, chứ không có quyền hành cai trị ở miền Nam này. Cho nên, lúc đó tôi còn nhớ tôi nói rằng chính phủ còn, hiến pháp còn, chế độ còn, quân đội còn, cảnh sát còn, hệ thống hành chính còn, không có gì thay đổi. Khi nào có tổng tuyển cử thì chúng ta chỉ tranh đấu chính trị với cộng sản và hội đồng quốc gia hòa hợp và hòa giải dân tộc ba thành phần sẽ là cơ quan tổ chức bầu cử, dưới sự giám sát của quốc tế. Điểm đó tôi đã tranh đấu.

Điểm thứ hai, tôi bảo chỉ có hai quốc gia chứ không có ba, viết cả cái vùng phi quân sự và vĩ tuyến 17 trở vào đây cho tôi. Cái đó tôi đã mất ba tháng trời với không biết bao nhiêu sự đe dọa, không biết bao nhiêu áp lực.

Nói về áp lực tôi thẳng thắn mà nói, quý vị đây là nhân chứng. Ông Nixon nói với tôi như thế này, ông nói tất cả những hiệp định chẳng qua là những tờ giấy mà không có giá trị gì nếu không được thi hành, nếu như Bắc Việt vi phạm. Cho nên điều quan trọng không phải ông ký hiệp định và ông chấp nhận hiệp định, điều quan trọng là khi cộng sản Bắc Việt mà phản bội vi phạm hiệp định và tái tấn công miền Nam, thì ông sẽ làm cái gì và với phương diện gì, mà tôi sẽ giúp ông cái gì, cái đó mới là quan trọng. Cho nên ngày nay ông đừng có thắc mắc vấn đề ký hiệp định này mà tôi thấy là nó tốt nhất không có tốt hơn nữa, chúng tôi cũng muốn tốt hơn được nữa nhưng mà chúng tôi không thể can thiệp được hơn với Nga Xô và Trung cộng, chúng tôi đành chịu vậy thôi. Nhưng mà Tổng thống Thiệu, ông phải nghĩ rằng ông có làm hiệp định cách mấy mà ông nghĩ rằng cộng sản nó không tôn trọng, mà nó đưa quân vô

đánh ông trở lại thì vấn đề không phải giở hiệp định đưa ra mà cộng sản sợ, vấn đề là người Mỹ sẽ giúp cho Việt Nam Cộng hòa cái gì để đánh lại cộng sản. Cái đó mới quan trọng và tôi mời ông vô Washington để đặt lại nền tảng mới, căn bản mới của mối bang giao giữa hai quốc gia Việt - Mỹ thời hậu chiến và sự cam kết giúp đỡ lẫn nhau để bảo vệ tự do, độc lập của miền Nam nếu cộng sản vi phạm hiệp định.

Tôi nghĩ rằng cũng thực tế và tôi biết đồng bào miền Nam cũng thực tế. Thực sự cộng sản vi phạm, mình đưa bản hiệp định ra mình nói, bản hiệp định sơn son thếp vàng thì cộng sản cũng không sợ bản hiệp định. Nhưng nếu mình có viện trợ quân sự đầy đủ của Mỹ. Việt Nam hóa chương trình và chương trình tối tân hóa quân đội Việt Nam Cộng hòa mà Mỹ trở lại giúp đỡ chúng ta về phương diện không quân, để trừng phạt xâm lược, thì tôi cho cái đó thực tế hơn. Chúng ta sống vì có bom có đạn, có quân số hỗ trợ cho chiến trường, có Mỹ giúp đỡ cho nên thực tế hơn chứ đem hiệp định sơn son thếp vàng để rồi không có gì chống đỡ... nói thì rất là hấp dẫn, áp lực quan trọng nhất đối với tôi lúc đó là, nếu như chính phủ Việt Nam Cộng hòa không ký hiệp định này thì chắc chắn tức khắc Quốc hội Mỹ sẽ cúp viện trợ, trong đó có viện trợ quân sự và kinh tế tức khắc. Dù cho sau này ông có bằng lòng ông trở lại ông ký, ông cũng không mua chuộc được sự viện trợ đó nữa. Cái đó là cái quyết định của quốc hội không có trở lại được. Một khi cộng sản trở vô đánh ông thì ông sẽ không có một chút viện trợ quân sự, sẽ không có một chút viện trợ kinh tế để chống nó nữa thì chúng tôi mới cần. Ông có thấy cái tương lai quan trọng hay là thấy cái hiện tại bây giờ. Với sự cam kết long trọng mà tôi thấy không phải giữa cá nhân ông Nixon với ông, mà giữa ông Tổng thống Mỹ với ông Tổng thống Việt Nam Cộng hòa, giữa một người đại

diện cho một đồng minh dân tộc Hoa Kỳ, lãnh đạo Hoa Kỳ, lãnh đạo thế giới tự do và một đồng minh đã chiến đấu là Việt Nam Cộng hòa chứ không phải giữa cá nhân và hai chính quyền. Cam kết cái gì?

Cam kết thứ nhất là nếu cộng sản Bắc Việt tái xâm lăng, vi phạm hiệp định thì Hoa Kỳ sẽ phản ứng mạnh mẽ quyết liệt và tức khắc để ngăn chặn sự xâm lăng đó.

Điểm cam kết thứ hai là chỉ nhìn nhận chính phủ Việt Nam Cộng hòa là chính phủ duy nhất tại miền Nam Việt Nam.

Điểm cam kết thứ ba là sẽ cung cấp dồi dào cùng kịp thời viện trợ kinh tế và quân sự cho nhân dân miền Nam Việt Nam chiến đấu chống lại cộng sản xâm lược, nếu cộng sản tái xâm lăng và đủ viện trợ kinh tế để phát triển đất nước. Và ông có nói một vài hôm nữa ông Phó Tổng thống Agnew qua đây sẽ công khai tuyên bố ba điều đó tại Sài Gòn, nhưng khi ông Agnew qua đây thì ông tuyên bố có hai điều, bỏ mất hết một điều, phớt tỉnh cái chuyện là can thiệp trả đũa mạnh mẽ và phản ứng mạnh mẽ. Kể từ lúc đó tôi đã đâm ra nghi ngờ.

Thưa quý vị,

Thưa đồng bào và anh chị em,

Khi mà đưa bản văn Hiệp định ngày 26-10-1972 tôi nghĩ rằng một ông ngoại trưởng như ông Kissinger mà không thấy đó là cái bản văn đưa dân tộc và quốc gia Việt Nam đến chỗ chết. Tôi không tin là ông không thấy, nếu tôi không muốn nói là ông dễ chấp nhận cái đó, mọi người đều thấy thì ông ta phải thấy. Tôi nghĩ rằng ông đã chấp nhận vì cái lý do gì, điều đó tôi có nói với đồng bào: các siêu cường quốc phải có những quyền lợi to lớn hơn giữa họ khắp thế giới, cho nên đối với các nước nhược tiểu, đối với chúng ta quyền lợi hơi ít thì họ dám đổi chác với nhau, họ dám hy sinh. Nhưng mà chúng ta không có cái gì để

hy sinh hết, không có còn cái gì hơn để hy sinh, chỉ có một mảnh đất nhỏ bé miền Nam này, còn có ít không khí tự do để thở là còn có được dân chủ mà sống, chúng ta đã hy sinh không lấy cái gì... Cho nên đồng bào đừng có lấy làm lạ lập trường của tôi lúc đó không cắt thêm đất cho cộng sản xâm lược. Không thể chấp nhận liên hiệp với cộng sản, vì liên hiệp là một viên thuốc độc bọc đường, không thể để cho cộng sản thôn tính miền Nam mà cũng không thể nói rằng trung lập theo kiểu cộng sản muốn...

Với sự cam kết như vậy, với sự tin tưởng như vậy, tôi đã đi Mỹ hồi tháng 3-1975. Tôi sang tới nơi với ông Tổng thống Nixon và Chính phủ Mỹ và cả với Quốc hội Mỹ nữa. Tôi nói tôi không đòi hỏi quý ông một sự viện trợ vô hạn định hai, ba chục năm, bởi vì tiềm năng kinh tế và nguồn tài nguyên thiên nhiên của miền Nam rất dồi dào, ông giúp tôi phát triển mạnh mẽ để không cần viện trợ của ông càng sớm càng tốt thay vì như hai, ba chục năm như Đại Hán, Trung Hoa quốc gia hay là ở những xứ khác sau đệ nhị thế chiến. Ông chỉ cần giúp cho tôi năm năm mà cho thật dồi dào hay ba năm cho thật dồi dào để cho tôi có cái đà để phát triển kinh tế rồi sau đó ông cúp luôn... Tôi có đưa ra một thí dụ nói chúng ta là một con bệnh mới đau dậy, nếu như mỗi ngày ông cho tôi một viên thuốc thì tôi chỉ đủ sức để... không có bệnh lại, nhưng cũng không làm ăn gì được, không đứng dậy đi, không đứng dậy chạy, không có làm ăn sinh sống được... Nhưng bây giờ tôi là con bệnh mới đau dậy, ông giúp thuốc cho tôi nó mạnh lên, ông giúp tôi thuốc nhiều đi, mỗi ngày bảy, tám thứ thuốc đi thì tôi tập thể thao, thì bốn, năm hay ba năm sau tôi sẽ trở thành một người mạnh. Khi trở thành người mạnh tôi đi làm ăn... tôi khỏi nhờ ông... Nhưng sau đó thì rất tiếc bên Mỹ xảy ra vụ Watergate, chính trị nội bộ Hoa Kỳ đã làm cho sự viện trợ kinh tế không

được dồi dào, chương trình Việt Nam hóa và tối tân hóa quân đội không được tiếp tục. Và thêm vào đó những diễn biến trên trường quốc tế về năng lượng, về thực phẩm đã gây khó khăn trong nội bộ nhân dân và gây những mâu thuẫn với nhau. Cộng sản không ngu dại mà không thấy, cộng sản gian manh không ngu dại mà không khai thác đúng mức.

Trong lúc viện trợ kinh tế giảm sút, trong lúc viện trợ quân sự giảm sút, chương trình Việt Nam hóa không dồi dào, chương trình tối tân hóa không thực hiện được, cộng sản Bắc Việt Nam còn 300 ngàn quân ở đây, trong lúc đó trước ngày mở chiến dịch đã tăng năm phần đạn dược ở miền Nam này, năm lần, lớn hơn của chúng ta có, rồi sửa lại phi trường, làm thêm xa lộ, bắt ống dẫn dầu tiếp tục mang xe tăng, đại pháo vào, thì sự tai điếc mắt ngơ của Hoa Kỳ với sự bất động của Hoa Kỳ, đến mức cho thêm quân vô tới 570 ngàn, lập thêm sư đoàn, quân đoàn, thêm xe tăng, đại bác, thêm xa lộ, thêm phi trường, thêm hỏa tiễn, thêm súng phòng không, thêm đủ thứ dụng cụ tối tân ở miền Nam này. Trong lúc đó chúng ta mọi viện trợ bị giảm bớt, giảm luôn cả sự cương quyết của Mỹ, không nói năng gì đối với cộng sản hết.

Trong lúc đó ở miền Nam chúng ta ở cái thế rất là khó xử. Tôn trọng Hiệp định Paris cho vừa lòng dư luận thế giới, vừa lòng dư luận Hoa Kỳ, chứng tỏ mình là người yêu chuộng hòa bình và tôn trọng Hiệp định Paris, cứ ngồi moi móc giải pháp này, giải pháp nọ mà chỉ phòng thủ thôi... mà muốn đánh cũng không có phương tiện dồi dào để đánh sâu, đánh mạnh vào hậu phương địch, cũng không oanh tạc Bắc Việt được vì không có phương tiện. Và nếu như chúng ta làm cái chuyện đó thì Mỹ lại còn cúp mau nữa. Cho nên cộng sản hăng say thêm nữa. Ngay lúc tôi ở bên Mỹ tháng 3-1973 đã có vụ Tống Lê Chân, giá trị

của nó không phải là tiền đồn Tống Lê Chân, mà cộng sản đánh Tống Lê Chân là xét nghiệm sự cương quyết của Mỹ, nói là phải phản ứng mà có dám phản ứng không. Mỹ không dám phản ứng, cộng sản càng không sợ. Từ sau vụ Tống Lê Chân, cái này qua cái kia, những căn cứ như vậy ở những chỗ xa xôi hẻo lánh không tiếp tế được, không tăng cường được, không tải thương được, không yểm trợ bằng quân sự, bằng không quân được, thì cộng sản tiến dần mà chúng ta không có phương tiện đầy đủ, không có trực thăng, không có đủ phương tiện không quân để yểm trợ. Mà chúng ta không thể không rút. Đứng về phương diện quân sự thuần túy thì chuyện đó là rất dại dột, thêm một vài tiền đồn ở chỗ xa xôi hẻo lánh mà không đủ phương tiện tiếp tế tải thương như vậy, về phương diện quân sự là phải rút, phải bỏ, nhưng bỏ thì lại nói rằng tại Việt Nam Cộng hòa bỏ chạy, chứ không phải là người cộng sản đánh; như vậy là Việt Nam Cộng hòa thiếu cương quyết đánh giặc. Còn hễ đánh giữ thì không có cái gì để đánh giữ thành ra cứ kéo dây chuyền mà không biết bao nhiêu tiền đồn của chúng ta mất, mất không biết bao nhiêu đơn vị chiến đấu tốt của chúng ta.

Như vậy, căn cứ nhỏ đến căn cứ lớn rồi đến các quận lỵ để xét nghiệm, thử thách sự cương quyết và phản ứng của Mỹ thì Mỹ cũng nín thinh. Rồi đến tỉnh lỵ, Mỹ cũng nín thinh, Mỹ cũng không dám đả động gì, cũng không dám phản ứng gì. Thử hỏi thái độ đó làm sao lại không khuyến khích thằng xâm lăng, mà thằng xâm lăng đó mỗi ngày một mạnh mẽ, mà người tự vệ chúng ta mỗi ngày bị ông bạn chúng ta làm suy yếu. Cộng sản lại được những đồng chí bố con giúp đỡ cho mỗi ngày mỗi mạnh, mà Mỹ cũng không dám đụng đến lông chân thằng cộng sản ở Bắc Việt, hoặc kể cả ở Miền Nam. Cho đến Phước Long cũng không có phản ứng. Tôi xin lỗi quý vị, vì tới cái lúc đó thì nó đã

xảy ra cái gì? Quân viện từ 1973 trở đi đã giảm rồi, chương trình Việt Nam hóa không thực hiện, chương trình tối tân hóa bị bỏ dở sau Hiệp định Paris.

Đánh giặc không có phép lạ, đánh giặc là phải tương quan lực lượng, đánh giặc là phải có bom, có đạn, có phương tiện. Ngoài cái ý chí chiến đấu, ngoài cái gan dạ ra thì cũng phải thực tế một chút, gan dạ không thể ôm người để cắn, gan dạ không thể thắng được ở thời buổi này. Cộng sản không còn ở thời kỳ còn súng ngựa trời, mã tấu v.v.. Phương tiện của cộng sản dồi dào hơn, tối tân hơn nhiều, mạnh hơn, quân số nhiều hơn cho nên đã đến lúc mà cộng sản buộc lòng chúng ta lấy quân đội chính quy bảo vệ lãnh thổ. Vì chúng ta có lãnh thổ, có dân, có đường sá, có cầu cống, có kinh tế, có phương tiện, có sông, có ngòi mà chúng ta căng quân đội của chúng ta và bảo vệ hữu hiệu cho tới hai năm. Đến cái lúc cộng sản cứ đưa vào miền Nam thêm quân, thêm xe tăng, thêm đại pháo, thêm vũ khí, phòng không, thêm hỏa tiễn thì cứ mỗi một chỗ của ta giữ một quận lỵ, một tỉnh lỵ hay một căn cứ thì: ta một sư đoàn, nó hai sư đoàn, ta một trung đoàn, nó một sư đoàn, ta một tiểu đoàn, nó một trung đoàn, ta 15 cái xe tăng, nó có 20 cái xe tăng, ta 10 đại pháo, nó 20 đại pháo, nghĩa là cán cân lực lượng nghiêng về phía cộng sản, như vậy là một số căn cứ, quận lỵ, tỉnh lỵ phải bị tràn ngập. Đến lúc chúng ta phải nghĩ rằng Hoa Kỳ có viện trợ hay không? Hoa Kỳ có can thiệp hay không? Mà chúng ta cứ ngồi đợi Hoa Kỳ viện trợ để đánh phản công hay Hoa Kỳ sẽ can thiệp thì đến một hồi sẽ mất đất. Tay chân mà bủn rủn, nghĩa là các tỉnh lỵ, các thành phố ở tỉnh lỵ, các quận lỵ bị bủn rủn thì cái đầu phải mất là cái Thủ đô... Đến lúc chúng ta phải quyết định, bởi vì thấy người Mỹ có thái độ chủ bại đối với hành động xâm lăng cộng sản.

Chúng ta phải tính đến việc của chúng ta. Cho nên khi thành phố Buôn Ma Thuột là một vùng trù phú, dân cư quan trọng nhất của vùng cao nguyên mất, thì chúng ta mới hỏi rằng quân đội có giữ được Kon Tum và Pleiku không? Quân đội không giữ được ở đó có thể chết nay, chết mai, ngày một ngày hai. Buôn Ma Thuột mất, lính ở đâu mà giữ Buôn Ma Thuột, mà lấy lại Buôn Ma Thuột. Chúng ta đã lấy một quyết định chính trị là không tử thủ Kon Tum và Pleiku và với ý kiến của Thủ tướng, của Đại tướng và của Tư lệnh Quân khu, đã rút quân để lấy quân ở Kon Tum và Pleiku về, để mà lấy lại Buôn Ma Thuột và lấy lại được Buôn Ma Thuột thì lẽ dĩ nhiên là có cơ lấy lại Kon Tum và Pleiku. Cái đó đã là một quyết định chiến thuật, một quyết định chính trị toàn bộ mà mặt kia nó có tính cách chiến thuật ở Quân khu 2. Nhưng mà rủi thay mọi cuộc phối trí hay là muốn nói rút quân cũng không phải dễ dàng, đó là cái khó làm nhất trong quân đội. Mà cái quân số ngay tại Buôn Ma Thuột, cái quân số cộng sản dùng để chặn đường của chúng ta từ Kon Tum, Pleiku về cho tới Tuy Hồ đã là quá sức, không còn đủ để cản được Buôn Ma Thuột ở chỗ cái đèo... thì có hy vọng gì lấy lại Buôn Ma Thuột bởi vì chỗ nào chúng ta cũng là một đương đầu với ba. Cho nên đành phải lấy nhảy dù, mà nhảy dù thì quý vị và đồng bào có nghĩ rằng nhảy dù là những người chiến sĩ có dở đâu, mà đã bị tràn ngập và hy sinh. Tiếp cái đó thì đến Nha Trang bị uy hiếp, ở Nha Trang, Phan Rang, Phú Yên, Cam Ranh bởi vì những chỗ đó toàn là địa phương quân.

Ở Quy Nhơn chúng ta có một sư đoàn tại Bình Định, mấy năm nay sau cùng thời gian nó đi qua thì cái quân số của địch nó lại nặng hơn, vũ khí địch nó nặng hơn dù cho Sư đoàn 22 có chiến đấu anh dũng cách mấy, rút cục cũng phải hao mòn và

cũng phải rút lui. Ở Huế và Đà Nẵng thì cũng vấn đề tương quan lực lượng. Tôi có thể nhìn nhận rằng có một vài... cán bộ chỉ huy chủ bại, một vài sự hỗn loạn do vấn đề tản cư, di tản của đồng bào gây nên. Tôi nói một cách thẳng thắn chứ không muốn đổ lỗi cho quân đội hay đổ lỗi cho đồng bào nhưng mà cái sự kiện của chiến trường có những cái dự liệu được, có những cái không dự liệu được.

Thứ nhất là có áp lực của địch vào Đà Nẵng, với cái này cái kia chúng ta không có thể tử thủ lâu dài. Chúng tôi ở đây ra lệnh tử thủ nhưng viên tư lệnh chiến trường là cái người ở với lính, ở với dân khi mà họ quyết tâm làm cái nhiệm vụ mà họ làm không được thì, chúng tôi không có cách gì bảo họ làm trừ khi phải đưa thêm quân thì không có quân, phải đưa thêm máy bay và bom thì không có máy bay và bom, phải đưa thêm xe tăng, đại pháo, không có xe tăng đại pháo! Chính lúc trước người Mỹ đứng đầu có B.52 đó. Người Mỹ sài B.52 nhiều hơn quân đội Việt Nam Cộng hòa, họ chiến thắng dễ dàng, họ làm cho địch phải cúi đầu dễ dàng.

Sau năm 1973 có những trận đánh mà chính tướng lãnh Mỹ khi trở vô đây phải thán phục quân đội Việt Nam từ khi tôi ra lệnh phải đánh theo lối Việt Nam, phải tiết kiệm súng đạn, liệu cơm gắp mắm, phải nói là những trận này không chắc gì thủy quân lục chiến Mỹ với B.52 đã đánh được mà mấy sư đoàn đánh bằng chân không và với đại pháo thường mà đánh thôi. Họ phải thán phục. Nhưng mà trong cái khoảng thời gian thì chúng ta xin hơn 1 tỉ 400 triệu đôla, họ cắt xuống còn 700, rồi còn 300, họ cứ treo lắc lư cả năm trời... Trong cái khoảng thời gian đó, quân đội Việt Nam Cộng hòa đã mất hết 60% tiềm năng chiến đấu. Một võ sĩ mất hết 60% sức lực. Và cái vấn đề đánh giặc hễ mình mà mạnh là mạnh luôn mà yếu thì nó đi luôn,

nó cũng như con bệnh, hễ mạnh là vượt qua luôn, hễ yếu là bệnh... thì quý vị có thể tưởng tượng là trong thời gian Hoa Kỳ cắt viện trợ của chúng ta mất hết 60% tiềm lực chiến đấu thì cái gì xảy ra, số thương vong gấp bội. Bởi vì không có phương tiện không quân yểm trợ, mà pháo của ta lại thua pháo của địch, thì nội cái thương vong vì pháo cho nên nó cao. Và cái số chết lại lên cao vì thiếu trực thăng để tải thương, thậm chí vô nhà thương một cái băng phải băng đi băng lại hai lần. Vô nhân đạo với một chiến sĩ bị thương, vô nhân đạo, một cái băng cứ phải băng đi băng lại hai lần, cứ giặt đi rồi lại băng lại. Đạn dược thiếu phải tính. Hiệp định Paris là một đổi một cũng không có một đổi một... thì thử hỏi dầu cho chiến sĩ ta có can trường đến mấy, tướng tá có giỏi đến mấy, cũng phải chịu tổn thất, phải mất đất mất dân, và quả đã có mất đất mất dân. Chúng tôi thấy cái đó không thể chịu được nữa.

Đã nhiều lần chúng tôi nghĩ rằng, vì phải bảo vệ đất, phải bảo vệ dân mà chúng ta phải chấp nhận một cái chiến thuật vô lý, đánh giặc thiếu cái sự thuận lý mà vẫn phải đánh. Bởi vì chúng ta có trách nhiệm, thằng cộng sản không có trách nhiệm... Tôi đã nói với mấy người Mỹ: mấy ông bảo chúng tôi làm những việc mà, chính mấy ông với nửa triệu lính, binh hùng tướng mạnh sài gần 300 tỉ đôla trong sáu năm trời, nhưng không muốn nói là bị cộng sản đánh bại ở Việt Nam thì, cũng phải ở Việt Nam, mà mấy ông tìm cái lối ra danh dự. Thì bây giờ với cái quân đội này, súng thiếu, đạn thiếu, thuốc thiếu, xăng thiếu, máy bay thiếu, không có B.52, lại bảo tôi làm cái chuyện đội đá vá trời, thì có khác gì mấy ông cho tôi ba mỹ kim và bảo: hãy đi máy bay hạng nhất. Họ không biết rằng thuê một phòng ngủ một ngày đã 30 mỹ kim. Không làm được, phi lý. Rồi ông để cho chiến sĩ của tôi phải chết vì pháo là vô

nhân đạo, một đồng minh vô nhân đạo, không giúp, bỏ rơi một đồng minh là vô nhân đạo.

Vì cái chỗ đó mà cái phái đoàn nghị sĩ dân biểu Mỹ qua, tôi hỏi - các ông đã đem lại 300 triệu mỹ kim vô đây. Tôi nói không phải vấn đề 300 triệu mỹ kim, mà mấy ông phải giữ lời cam kết của Mỹ, là giúp đỡ nhân dân Việt Nam bảo vệ cái sự độc lập và tự do, là lý tưởng tự do mà mấy ông đã chiến đấu ở đây và hy sinh 50.000 công dân Mỹ của mấy ông, mà mấy ông tự hào là cái người vô địch bảo vệ tự do và chính nghĩa trên thế giới này. Và mấy ông còn một năm nữa mấy ông ăn cái lễ 200 năm, thì tôi có hỏi hẳn hoi là lời nói của Hoa Kỳ còn có đáng tin cậy hay không? 300 triệu mỹ kim có đáng gì với mấy ông, 300 triệu mỹ kim so với cái chuyện mấy ông sài ở đây 10 năm thì nó có 10 ngày chiến đấu, 10 ngày chiến đấu mà mấy ông bảo tôi rằng hãy nắm chiến thắng, hãy ngăn chặn một sự xâm lăng mà mấy ông làm trong sáu năm trời không được với tất cả lực lượng của Mỹ và tiền bạc. Như vậy là phi lý.

Thưa quý vị,

Thưa đồng bào và anh chị em,

Đó là những cái đưa đến tình trạng đất nước ngày nay. Tôi nhìn nhận cái sự chỉ trích của thế giới, của đồng minh và kể cả những sự chỉ trích chủ bại chính đáng của người Việt Nam. Đành rằng trong chiến trận vừa rồi có những vị chỉ huy ươn hèn, có tinh thần chủ bại, thiếu can trường chiến đấu, nhưng không phải tất cả. Có những người đã chiến đấu anh dũng. Tôi không nghĩ rằng quân đội đồng minh có thể chiến đấu anh dũng như vậy. Phải công bằng, cho nên tôi đã nói phải phạt kẻ ươn hèn, mà những người có công cần phải thưởng xứng đáng. Chúng ta cũng phải hãnh diện có những chiến trận vừa rồi, chưa chắc gì quân đội đồng minh của Mỹ ở đây đã đánh được.

Bây giờ trở lại với cái tình hình chung của đất nước với cái đà cộng sản đưa 20 sư đoàn, đưa hỏa tiễn, đưa phòng không, đưa đại pháo, xe tăng, đại bác rầm rầm rộ rộ. Chúng tôi rất tiếc, chúng tôi cũng rất đau lòng là, cái tình hình nó diễn ra quá nhanh ở miền Trung, nhưng chúng tôi có can đảm với tư cách là một vị Tổng thống và một người có biết đến quân sự nhanh hay là chậm, nhưng mà cái tình hình này đến nay cũng phải như vậy. Tôi thưa thật với quý vị, quý vị có dịp phối kiểm với tất cả những người quân sự, nếu như không lấy quân ở Kon Tum, ở Pleiku về với ý muốn tốt đẹp là lấy lại Buôn Ma Thuột thì Kon Tum, Pleiku tôi chắc cũng không còn... mà rồi thì lính mất, xe tăng mất, đại pháo mất hết chứ chúng ta rút về cũng còn được phần nửa. Lúc đó Quảng Tín sẽ phải mất; ông Trung tướng Trưởng nhìn nhận cũng phải mất. Bình Định, Quy Nhơn ở trong cái thế cô lập... Huế sẽ trở thành một cái thế bị bốn, năm sư đoàn bao vây, dân chúng sẽ bị ăn pháo. Và tôi nghĩ với Sư đoàn 1, với một sư đoàn thủy quân lục chiến kể từ Huế ra Đà Nẵng, với một Sư đoàn 3 ở Đà Nẵng thì tôi nghĩ rằng, rút nhanh thì cũng đáng trách, nhưng cái kết quả hậu sau nó cũng vậy.

Phú Yên, Tuy Hòa, địa phương quân, nghĩa quân không thể chống đỡ được và với hai, ba sư đoàn kìm kẹp Nha Trang, chúng ta sẽ mất tất cả. Và bây giờ nói tới Phan Rang, Phan Thiết thì không phải là không chiến đấu, không phải là không có những người bỏ chạy, có những người chiến đấu rất anh dũng. Tôi đã đưa các tướng lãnh ra đó, mấy ông tướng tư lệnh vùng và Trung tướng Nguyễn Vĩnh Nghi nằm dưới quyền tư lệnh của một ông tướng tư lệnh vùng khác hoàn toàn đấy... Không nề hà cấp bậc, không nề hà nguy hiểm. Nhưng mà thế quân yếu, phương tiện thiếu chống đỡ, rồi cũng phải mất.

Phan Thiết cũng vậy, cho đến tình trạng ngày nay ta phải cố gắng sắp xếp để bảo vệ vùng 3, vùng 4 của ta cũng trong một cái thế chỉ dựa vào cái can đảm và cái quyết tâm của chiến sĩ, cái sự ủng hộ của đồng bào, cái sự hy sinh tối đa của chiến sĩ mà bảo vệ, chứ không có thể nói rằng dựa trên cái quân số và vũ khí mà nói.

Chiến trận trong những ngày sắp tới sẽ rất cam go, sẽ rất ác liệt, sẽ rất thử thách cho quân đội và nhân dân chúng ta.

Thưa quý vị,

Hôm nay, trước lưỡng viện quốc hội, trước tối cao pháp viện, tôi trân trọng đứng trước đồng bào, đứng trước anh em chiến sĩ cán bộ toàn quốc: Tôi tuyên bố từ chức Tổng thống.

Và theo Hiến pháp, Phó Tổng thống Trần Văn Hương sẽ đảm nhận chức vụ Tổng thống, nó cũng đúng với Điều 55 Hiến pháp khi tôi nhậm chức tuyên thệ trước quốc dân, với sự chứng kiến của Tối cao pháp viện và Quốc hội. Hôm nay vì tình hình cũng như vì thời gian cấp bách, cái sự từ chức của tôi cũng không được trang trọng đối với quốc dân đồng bào cũng như với quý vị, đối với anh em chiến sĩ, cán bộ, nó không có thì giờ làm trang trọng hơn ở một cái khung cảnh trang trọng.

Đáng lẽ ra tôi đã được một sự tín nhiệm và ủy nhiệm của quốc dân bốn năm về trước. Thì khi ra đi tôi cũng phải có ý kiến của quốc dân qua một hình thức nào đó, dù trong Hiến pháp không có dự liệu một hình thức trưng cầu dân ý, không có dự liệu một hình thức nào của quốc dân nói lên cái sự tín nhiệm của mình đối với vị Tổng thống đương nhiệm. Nhưng tôi nghĩ rằng tôi không đòi hỏi cái sự đó, vì tình hình, vì tốn kém mà tôi nghĩ rằng đôi khi tôi lấy một cái quyết định là trách nhiệm để từ chức... Thì hôm nay cũng chiếu Điều 55 Hiến pháp, đáng lẽ cái sự tuyên thệ nhậm chức của Phó Tổng thống Trần Văn Hương

phải được tổ chức trong một khung cảnh trang nghiêm, nhưng cũng vì lý do không thể có một cái sự... tránh những khoảng trống chính trị, tránh sự khai thác của kẻ thù, cho nên hôm nay tôi yêu cầu chuyển tiếp...

... Thằng cộng sản năm 1966 không đánh được thì đàm, rồi năm 1972 đánh không được thì đàm và bây giờ cộng sản nghĩ rằng còn quân Mỹ ở đây, còn B.52 thì cộng sản không thể nào thắng, thay bằng cái ký Hiệp định Paris, Mỹ đi về, còn thằng Nam Việt Nam ta sẽ làm thịt nó. Tôi đã nói với người Mỹ, nếu như miền Nam và miền Bắc mà lấy cái rào cản lại mà để cho hai nhân dân miền Bắc và miền Nam đánh lẫn nhau mà không ai viện trợ từ ngoài vào thì, mấy ông có thể nói tôi thua vì tôi yếu hơn miền Bắc. Chứ còn cái này mấy ông không giúp đỡ được cho tôi, mà thằng cộng sản được giúp đỡ 10 lần nhiều hơn... Dư luận bên Mỹ, một phần dư luận trong Quốc hội cứ nói rằng còn ông Thiệu là không thể thương thuyết được, ông Thiệu không phải là người chấp nhận thương thuyết, ông Thiệu là người hiếu chiến, không thi hành Hiệp định Paris. Còn ông Thiệu không thể viện trợ đầy đủ được là bởi vì viện trợ cho ông Thiệu thì ông ta đánh giặc hoài không chịu thương thuyết. Đó là cái chủ mưu không giúp chúng ta nữa rồi, phủi tay ra đi, không còn được một chút lương tri, vô nhân đạo... thì hiện nay tôi từ chức để coi thế là ông Thiệu đi rồi cộng sản có chịu thương thuyết, miền Nam chịu thương thuyết, thì cái đó là cái đáng mừng cho đất nước, cho cả nhân loại. Còn ông Thiệu ra đi mà viện trợ đầy đủ dồi dào rồi tức khắc để cho Việt Nam Cộng hòa chiến đấu, thì cái đó là cái mong muốn, mà cái sự ra đi của tôi chỉ là hạt cát đối với một bãi sa mạc, hy sinh rất đáng, một cái ghế Tổng thống mà đổi lại nguồn viện trợ dồi dào đầy đủ cho nhân dân miền Nam, chiến đấu bảo vệ đất nước, rồi để thương thuyết có một giải pháp bảo đảm được

miền Nam tự do dân chủ không bị cộng sản đô hộ thì cái đó tôi xin chấp tay cả ngón tôi lạy, lạy... cả người Mỹ.

Còn nếu như ông Thiệu còn đó không thể thương thuyết, để không viện trợ được mà lấy cái tôi làm cái cớ để rút lui phủi tay, bất chấp lương tri, tinh thần trách nhiệm, bất chấp sự... vô nhân đạo. Thì đó lại là chuyện khác, để cho lịch sử, để cho thế giới phê phán... Chính phủ Hoa Kỳ nói là phải ổn định tình thế, ổn định tình hình quân sự, không phải bằng nước miếng, ổn định tình hình quân sự bằng súng đạn, vũ khí dồi dào đầy đủ nhanh chóng, không thể ổn định bằng từ 700 triệu đôla kéo dài từ một năm rồi xuống 300 triệu không chịu cho, rồi mặc cả 300 mấy chục, 300 năm chục, 300 năm mươi nhăm, 300 sáu chục. Cái danh dự của một quốc gia đồng minh và cái vận mạng của một dân tộc đồng minh mà mặc cả từng đồng từng cắc... Tôi không thể không đau đớn... tôi không thể, vì tôi ngồi cái ghế Tổng thống này mà tạo ra một cái hại cho dân tộc này từ 10 triệu đôla, hai triệu đôla, một triệu đôla hết tháng này rồi qua tháng khác vô hạn định, vô tương lai, không có bảo đảm. Đó là lý do tôi ra đi... Tôi cũng mong rằng người Việt Nam chúng ta, dân Việt Nam của chúng ta đã đủ trưởng thành khôn ngoan để không tin lời cộng sản nói. Nhưng mà sự thật, có một số dư luận thế giới bị đầu độc ngây thơ, khờ dại chưa đủ kinh nghiệm với cộng sản... kể cả những chính trị gia lỗi lạc cũng bị đầu độc. Cho nên cộng sản nói rằng còn ông Thiệu là không có thương thuyết, còn ông Thiệu là không có hòa bình, còn ông là chúng tôi tiếp tục đánh... mà hễ đánh là ăn, bởi vì Mỹ không giúp. Tôi không sợ có những lời cộng sản nói, bởi vì tôi tin rằng người Việt Nam đã hiểu, đại đa số người Việt Nam đã hiểu, đã có kinh nghiệm. Nhưng mà tôi cũng phải chấp nhận rằng, một phần dư luận đã bị đầu độc như vậy... Cái đó làm ảnh hưởng đến sự viện trợ kinh tế và

quân sự cũng như thiện chí hỗ trợ Việt Nam Cộng hòa trên khắp thế giới... Tôi có đi thì cộng sản cũng không thương thuyết, tôi có đi thì chưa chắc sự viện trợ của Mỹ dồi dào hơn. Bởi vì họ nghĩ rằng có sự sút kém nào đó, có sự phủi tay của Mỹ mà chỉ lấy ông Thiệu làm cái cớ. Cho nên quý vị đã có sự công bằng và sáng suốt và công bằng nhận định không phải do ông Thiệu. Ông Thiệu chỉ là nạn nhân bị người ta đổ lỗi lên trên đầu, để lấy cái cớ đó buông xuôi bỏ rơi Việt Nam.

Trái lại cũng có một số tôn giáo, cũng có một số các chính trị gia, cũng có một số đoàn thể, có một số người có tai mắt nói rằng ông Thiệu cút đi để chúng tôi thương thuyết, thế nào với miền Nam này cũng được tự do dân chủ mà cộng sản phải nể, phải chấp nhận... Họ còn nói rằng ông Thiệu không có đoàn kết quốc gia, không có đoàn kết quốc gia là không có chiến thắng cộng sản. Họ nói rằng còn ông Thiệu là cộng sản đánh, sẽ đánh mất hết... Họ nói rằng còn ông Thiệu là Mỹ không viện trợ, cho nên không đánh được... Lúc này có một sự tuyên truyền kinh khủng, tuyên truyền đổ lỗi lên đầu ông Thiệu hết. Ví dụ năm 1963 cái gì cũng đổ lên đầu ông Diệm hết.

Quý vị và đồng bào cũng biết cái xuất xứ của nó ở đâu. Đến nỗi rằng một số anh em trong quân đội nói rằng còn Tổng thống Thiệu, Mỹ không viện trợ và không viện trợ anh em chúng tôi chiến đấu không được sẽ mất, sẽ chết mà không được chiến đấu, không ổn định được tình hình quân sự này thì sẽ không có thương thuyết.

Như vậy, Tổng thống xuống là chúng tôi có viện trợ đầy đủ để ổn định tình hình và thương thuyết bảo vệ được miền Nam tự do. Với ba cái đó, Mỹ, dư luận thế giới, dư luận đồng minh, tuyên truyền của cộng sản đã đầu độc được dư luận thế giới. Tôi cũng thấy rằng quả thật và đã có sự xô đổ tất cả lên đầu tôi...

Cho nên thấy rằng tôi hy sinh cá nhân tôi, chức vụ của tôi là đúng... Bữa nay là vấn đề viện trợ được đem ra mổ xẻ ở bên Mỹ bằng mặc cả từ 300 năm chục, 300 năm mươi lăm chục, 300 sáu chục triệu đôla trong cái con số 722 mà Tổng thống Hoa Kỳ xin Quốc hội. Với con số 722 mà Tổng thống G. Ford xin Quốc hội, không đủ cho miền Nam này, cho quân đội chặn đứng quân đội cộng sản Bắc Việt, ổn định tình hình chiến sĩ để mà thương thuyết một cách nghiêm chỉnh được. Mà biết cái đó, mà cộng sản chỉ có một cách là thừa thắng xông lên chiến thắng bằng quân sự không có thương thuyết.

Muốn đạt được cái mục tiêu mà Chính phủ Hoa Kỳ mong muốn ổn định tình hình chiến sự để mà thương thuyết trên Hiệp định Paris bằng các giải pháp chính trị thì phải trên con số 722 triệu đôla. Và chẳng những như vậy phải có B.52 trừng phạt cộng sản ở miền Nam này, nếu được trừng phạt luôn cả cộng sản Bắc Việt, phải có luôn cả xe tăng, đại pháo, dụng cụ súng lớn, súng nhỏ, truyền tin, đạn dược chở tới tấp, tới tấp, tức khắc, tức khắc, tức khắc không phải tháng mà phải là vấn đề hàng ngày... dồi dào đầy đủ mới có thể giải quyết được. Đủ trang bị và làm thêm những sư đoàn chính quy để đánh lại với 20 sư đoàn Bắc Việt.

Tôi thách thức quân đội Mỹ có đủ số quân như quân đội Việt Nam Cộng hòa, phối trí vũ khí cũng như vậy liệu quân đội Hoa Kỳ chịu được mấy ngày... Nếu như chúng tôi không là cái người có thiện chí thương thuyết thì làm sao có Hiệp định Paris ký ngày 27-1-1973 và khắp xứ... cũng phải chấp nhận một bản hiệp định không lý tưởng, không vừa đúng mức mà chúng ta chỉ trông chờ hai chuyện: thiện chí của cộng sản, thiện chí của các quan thầy của chúng. Nhưng chúng ta không trông chờ hai chuyện đó, mà trông chờ cái thứ ba là Mỹ với đầy đủ các viện trợ quân sự, kinh tế

cho ta lớn mạnh. Cả ba cái không có gì hết. Người Mỹ đánh giặc, không đánh được, đặt ra một chương trình Việt Nam hóa. Việt Nam hóa rồi hứa rằng cộng sản xâm lăng và tái xâm lăng thì sẽ phản ứng, cũng không phản ứng thì còn một cái chuyện tối thiểu đưa đồ cho người ta đánh mà không đưa thì, thử hỏi cái đó là cái gì? Thất hứa! Thiếu công bằng, thiếu tín nghĩa, vô nhân đạo đối với một đồng minh đang chịu đau khổ triền miên, trốn tránh trách nhiệm của một cường quốc. Cho nên tôi nghĩ là Phó Tổng thống cũng như tôi là người ái quốc và biết thương thuyết, chịu thương thuyết. Chính phủ nào, mặc dù là Chính phủ của Thủ tướng Nguyễn Bá Cẩn hay là chính phủ nào sau này mà Tổng thống Hương đặt lên, thì cũng vẫn là một chính phủ thương thuyết. Nói rõ lên với Hoa Kỳ và thế giới cộng sản: chúng tôi xách vali qua Paris ngồi chờ cuộc thương thuyết không cần điều kiện tiên quyết nơi đó mấy anh muốn nói xé Hiệp định Paris cũng được, mấy anh muốn nói cái gì trên trời dưới đất gì cũng được, miễn là có một cuộc đấu khẩu tức khắc, vô điều kiện tiên quyết mà Tổng thống Hương và Chính phủ yêu cầu cộng sản Bắc Việt ngưng tức khắc những hành động xâm lược vũ trang trong những ngày tới, để mở lại các cuộc hòa đàm nghiêm chỉnh và Chính phủ cũng kêu gọi sự viện trợ tức khắc, đầy đủ, nếu như Hoa Kỳ muốn rằng ổn định tình hình chiến sự để thương thuyết, có căn bản thương thuyết đàng hoàng. Viện trợ đầy đủ, nhanh chóng, kịp thời để cho chúng ta thương thuyết. Kêu gọi bên kia ngưng hành động quân sự.

Sở dĩ tôi từ chức hôm nay bởi vì hôm nay ở bên Hoa Kỳ, Quốc hội mang vấn đề về viện trợ ra mổ xẻ. Tôi nghĩ rằng hành động từ chức ngày hôm nay của tôi biết đâu ngày mai từ chỗ 300 nó lên tới 722 hay lên tới 1 tỉ đôla rồi tới tấp cầu hàng không chở xe tăng, đại pháo tới... viện trợ, viện trợ, viện trợ. Tôi hy vọng như vậy. Để coi thử Quốc hội Hoa Kỳ có làm không. Tôi cũng hy vọng

rằng trong tình thế quân sự căng thẳng tại Quân khu 3, Quân khu 4, ông Thiệu đi rồi, ở lại Tổng thống Hương không kể cả một sự kêu gọi của Hoa Kỳ đối với thế giới kêu gọi cộng sản ngưng tức khắc những cuộc tấn công quân sự và trở lại hòa đàm, thì biết đâu cái chuyện đó có thể làm được, còn nếu như để ngày mai, ngày mốt tôi từ chức thì cộng sản nó tiến công...

Không có sớm mà cũng không có trễ hơn, bởi vì tôi nghĩ rằng cái thời gian tính mà hôm nay sự hy sinh của tôi sẽ giúp được một mặt thay đổi cục diện viện trợ quân sự của Mỹ tại Mỹ và thay đổi được cục diện quân sự tại chiến trường miền Nam, bằng mở lại thương thuyết và cái đó Tổng thống Hương và Chính phủ sẽ dư thiện chí để làm, đầy đủ thiện chí để làm. Tôi cũng có thiện chí. Tôi kêu gọi mấy lần ngay cả bom đạn trên đầu, ngày 4-4, tôi kêu gọi, mà bữa nay tôi hết làm Tổng thống tôi cũng kêu gọi. Nhưng họ nói rằng tôi là một người thối chí. Cho nên tôi... thưa đồng bào và anh chị em, lương tâm của tôi, lương tâm tiếng nói của tôi bắt tôi phải chọn lựa một trong hai con đường: ở lại cương vị Tổng thống để lãnh đạo cuộc kháng chiến toàn quân, toàn dân, nhưng mà không có đủ tư thế cung cấp đầy đủ, phương tiện cho quân đội chiến đấu, có thể bị nhân dân hiểu lầm là trở ngại cho hòa bình, tiếp tục gây tang tóc đổ vỡ, điêu linh, chết chóc, nhà tan cửa nát, dư luận tiếp tục đẩy tôi làm chứng cớ mà nói rằng miền Nam không có hòa bình là vì ông Thiệu, Quốc hội Hoa Kỳ để rồi đây sẽ chứng tỏ tôi là nguyên nhân hay họ dùng tôi là chứng cớ để "cúp viện trợ quân sự". Giải pháp thứ hai là như ba chuyện nãy tôi nói.

Tôi nghĩ rằng sự từ chức của tôi chỉ là một sự hy sinh rất nhỏ, nếu như toàn dân, toàn quân được sự viện trợ dồi dào hơn để chiến đấu tại những phần đất còn lại, nếu như không còn sự hiện diện của tôi, các cuộc thương thuyết với cộng sản sau này

sẽ bảo vệ được một miền Nam tự do và dân chủ theo Hiệp định Paris, thì tôi kêu gọi những ai, những đoàn thể, những tôn giáo, những chính trị gia, từ trước đến giờ đã nói tôi là một cái trở ngại cho hòa bình và một sự bất lực để có hòa bình và bảo vệ miền Nam, không chiến thắng được cộng sản và cũng không đem lại hòa bình được mà chỉ gieo tang tóc đau khổ thì chỉ vì lòng ái quốc, vì tình thương dân tộc, giúp sức cho Tổng thống Trần Văn Hương đem lại hòa bình, đem lại thêm viện trợ, đem lại sự tự do, no ấm và dân chủ, đem lại sự thực thi nghiêm chỉnh Hiệp định Paris mà cộng sản buộc phải làm và đem lại một sự thực thi quyền dân tộc tự quyết của nhân dân miền Nam theo như Hiệp định Paris đã ấn định.

Tóm tắt, tôi không muốn cho ai lấy tôi, lấy cá nhân Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu làm cái cớ để hành hạ dân tộc này, mà những người đó, kể từ giờ phút này không còn có cớ đó nữa và phải tỏ sự thành thật và lương thiện của mình.

Thưa quý vị.

Thưa đồng bào và anh chị em,

Tôi đã phục vụ đồng bào và anh chị em suốt 10 năm nay, như tôi đã nói, tôi không phải cái người thiếu trách nhiệm.

Không phải một cuộc biểu tình, một cuộc xuống đường, một cuộc vu khống mà làm cho tôi nản chí, thiếu tinh thần, mất nghị lực và ra đi một cách vô ý thức, vô trách nhiệm.

Cũng không phải là vì áp lực của đồng minh, mà cũng không phải vì sự... phải chiến đấu cam go với cộng sản làm cho tôi phải thiếu trách nhiệm, thiếu tinh thần trách nhiệm mà tôi ra đi.

Những vị Tổng thống ở những quốc gia lớn, người ta đã tự hào rằng, người ta chỉ có sáu, bảy hay là mười cơn khủng hoảng, người ta đã viết được một cuốn sách, mà người ta tự hào là một chính trị gia lỗi lạc.

Tôi trong 10 năm nay, nếu như muốn nói tử vi mà nói thì năm nào cũng xấu, tháng nào cũng xấu, ngày nào cũng xấu, giờ nào cũng xấu. Nếu nói số mệnh mà nói thì, không có cái gì sướng. Đã không sướng, đã không hưởng thụ thì cũng không tìm cách hưởng thụ. Cai trị đất nước có những cái vinh và những cái nhục. Có những cái vinh thì có những cái nhục; chấp nhận những cái vinh thì có những cái nhục; chấp nhận những cái vinh, những cái nhục tôi đứng ra lãnh đạo đất nước. Có những cái tốt không muốn được đồng bào khen, nhưng mà có những cái xấu, cái lỗi sẵn sàng cho đồng bào phê phán...

Ngày hôm nay khi tôi ra đi, tôi xin đồng bào, chiến sĩ, cán bộ... hãy thứ lỗi cho tôi những lỗi lầm gì đã có với quốc dân trong suốt 10 năm qua.

Tôi rất cảm ơn Quốc hội, tất cả những cơ quan hiến định, tất cả các đoàn thể, những tôn giáo, những cá nhân đồng bào các giới, anh chị em chiến sĩ, cán bộ đã hợp tác với tôi để giúp đỡ tôi qua những thăng trầm của đất nước cho đến nay. Đất nước sẽ ghi ơn đồng bào và các bạn ở đâu, riêng tôi xin ghi ơn đồng bào và các bạn.

Tôi từ nhiệm chứ tôi không đào nhiệm. Kể từ giờ phút này, tôi xin đặt mình dưới sự sử dụng của Tổng thống, của nhân dân và của quân đội, không làm thì... có thể đất nước không mất một chiến sĩ ra đi. Tôi sẽ sát cánh cùng đồng bào và chiến sĩ để bảo vệ đất nước.

Giờ đây tôi xin cảm ơn đồng bào, quý vị, anh chị em chiến sĩ, cán bộ toàn quốc và tôi xin từ biệt. Tôi trở lại lời yêu cầu của tôi, yêu cầu lưỡng viện Quốc hội, tối cao pháp viện chấp nhận... theo Điều 55 của Hiến pháp, để cho Phó Tổng thống Trần Văn Hương tuyên thệ nhậm chức Tổng thống.

TÁC PHẨM VÀ DƯ LUẬN

'ĐẬM CHẤT PHÓNG SỰ KHÁCH QUAN... ĐẦY PHẨM CHẤT VĂN HỌC ĐỘC ĐÁO..."

"Cuốn *Biên bản chiến tranh 1-2-3-4.75* có thể nói là đặc sắc hơn cả, dựng một bức tranh bao quát và chi tiết về quá trình sụp đổ của chính thể Việt Nam Cộng hòa trong bốn tháng 1, 2, 3, 4 năm 1975 cùng nhiều chân dung sinh động của tướng lĩnh quân đội Sài Gòn và số phận những người ấy.

Tác phẩm đậm chất phóng sự khách quan và cũng đầy phẩm chất văn học độc đáo này, chỉ tái hiện chân trời sụp đổ của một chế độ nhưng lại giúp người đọc hình dung đầy đủ hơn cái giá và tầm vóc của chiến thắng lịch sử mùa xuân 1975, đồng thời gợi lên suy ngẫm phong phú về những điều ta quen gọi là "những bài học lịch sử". Thêm nữa, tác phẩm này mang lại một gợi ý sáng giá cho dòng văn học viết về chiến tranh của chúng ta đương đại, gợi ý về sự dày công nghiên cứu và sử dụng tư liệu, khai thác khối di sản khổng lồ của một thời đại cách mạng "vô tiền khoáng hậu" đã làm nên kỷ nguyên của nước Việt Nam hiện đại ngày nay".

Trích nhận xét của Hội đồng Giải thưởng
Văn học năm 2014 - Hội Nhà văn Việt Nam.

"BỨC PHÁC THẢO TOÀN CỤC, CHI TIẾT..."

"... Trên cơ sở những tài liệu nguyên bản tuyệt mật quý giá, những sự kiện, sự việc có tính xác thực của chính phía bên kia chiến tuyến (phía Việt Nam Cộng hòa và phía Hoa Kỳ) được phục dựng lại xuyên suốt và hệ thống, với cái nhìn điềm tĩnh gần 40 năm sau khi chiến tranh kết thúc của tác giả - một nhà báo may mắn được tham gia Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử từ đầu, có mặt chứng kiến những giờ phút lịch sử trưa 30-4-1975 tại Dinh Độc Lập, *Biên bản chiến tranh 1-2-3-4.75* là bức phác thảo toàn cục, chi tiết, một bức tranh tham khảo sống động về toàn bộ quá trình diễn ra sự sụp đổ cùng số phận của hầu hết tướng lĩnh và những người cầm đầu chính thể Việt Nam Cộng hòa trong những ngày tháng cuối cùng của chiến tranh...".

Trích nhận xét của ông M.R. Sukhumbhand Paribatra, Chủ tịch Hội đồng Giải thưởng Văn học ASEAN 2015 tại Lễ trao giải về tác giả Trần Mai Hạnh và tác phẩm *Biên bản chiến tranh 1-2-3-4.75*.

"... THỨ KIM CƯƠNG CỦA VĂN HỌC TƯ LIỆU"

"... Tác phẩm *Biên bản chiến tranh 1-2-3-4.75* đã góp phần bỏ phiếu thuận cho những dự báo rằng thế kỷ XXI là thế kỷ của văn học tư liệu. Sức mạnh của sự thật là không gì có thể chống lại được, nó vượt qua sự hoen gỉ của thời gian. Sự thật trong cuốn tiểu thuyết tư liệu lịch sử *Biên bản chiến tranh 1-2-3-4.75* là thứ kim cương của văn học tư liệu. Nhiều tác phẩm khi được giải thưởng của Hội Nhà văn Việt Nam đã không tránh khỏi những đánh giá trái chiều. Tuy nhiên, *Biên bản chiến tranh 1-2-3-4.75* là cuốn sách nhận được sự đồng thuận cao nhất, tiếng vỗ tay ủng hộ lớn nhất. Giải thưởng là sự ghi nhận tâm huyết của nhà báo, nhà văn Trần Mai Hạnh trong việc góp phần mang lại cái nhìn đa chiều về những sự kiện trọng đại trong trang sử hào hùng của dân tộc... ".

Trích phát biểu của nhà thơ Hữu Thỉnh, Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam tại buổi giới thiệu tác phẩm *Biên bản chiến tranh 1-2-3-4.75* do Câu lạc bộ Văn chương Hội Nhà văn Việt Nam tổ chức sáng 16-4-2015 chào mừng kỷ niệm 40 năm Ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

"MỘT THỨ VĂN TRẦM TĨNH... RẤT CÓ CHIỀU SÂU"

"... Văn của Trần Mai Hạnh là một thứ văn trầm tĩnh, một thứ văn được nghiền ngẫm, rất có chiều sâu. Nó vừa cho chúng ta thấy từng chi tiết diễn biến ở chiến trường vừa cung cấp cho chúng ta bối cảnh toàn cục, nghĩa là cho chúng ta thấy bối cảnh của cả nước chứ không chỉ thấy từng mặt trận. Người ta có thể ví như một cận cảnh của điện ảnh, đặc tả cụ thể chân dung một người lính như thế nào, đồng thời máy quay phim lại lùi ra bao quát toàn cảnh của một chiến dịch, toàn cảnh của đất nước ta trong khí thế tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng.

Trần Mai Hạnh đã lý giải một điều vô cùng quan trọng, đó là đỉnh cao của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, đỉnh cao của chủ nghĩa yêu nước. Ngày 30-4-1975 ấy còn là đỉnh cao của chiến tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Cho nên lúc viết tác phẩm này, anh Trần Mai Hạnh chưa phải là nhà văn chuyên nghiệp, chưa phải là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam, nhưng ngay từ vòng sơ khảo cho đến chung khảo tác phẩm của Trần Mai Hạnh vẫn được sự đồng thuận cao nhất. Vừa qua anh Trần Mai Hạnh đã đi Thái Lan nhận Giải thưởng Văn học ASEAN 2015. Phát biểu tại Lễ trao giải và tham luận của anh tại Diễn đàn Văn học ASEAN cùng tóm lược một số chương *Biên bản chiến tranh 1-2-3-4.75* được dịch sang tiếng Anh đã giành được dư luận rất tốt từ các nước. Và tôi cũng xin

vui mừng thông báo rằng, cuộc họp Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam mới đây đã quyết định dịch tác phẩm *Biên bản chiến tranh 1-2-3-4.75* của Trần Mai Hạnh sang tiếng Anh để có thể quảng bá ra thế giới".

Phát biểu của nhà thơ Hữu Thỉnh, Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam trên Truyền hình Đài Tiếng nói Việt Nam và Truyền hình Quốc hội Việt Nam trong chương trình "Văn chương vì phẩm giá hiện tại và tương lai" phát sóng ngày 26-12-2015 nhân dịp nhà văn Trần Mai Hạnh với tác phẩm *Biên bản chiến tranh 1-2-3-4.75* giành được Giải thưởng Văn học ASEAN 2015.

"MÓN QUÀ CỦA SỐ PHẬN"

- Thưa nhà thơ Hữu Thỉnh, Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam!

- Thưa Ban Chấp hành, các anh chị nhà văn của nhiều thế hệ cùng toàn thể các vị đại biểu!

Với niềm hạnh phúc, tôi xúc động bày tỏ lòng cảm ơn sâu sắc tới Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam đã quyết định trao tặng Giải thưởng Văn học năm 2014 của Hội cho đứa con tinh thần của tôi - cuốn tiểu thuyết tư liệu lịch sử *Biên bản chiến tranh 1-2-3-4.75*.

Trong giờ phút đáng nhớ này, lòng biết ơn sâu sắc là điều tôi mong muốn được bày tỏ tới Thông tấn xã Việt Nam - mảnh đất đã nuôi dưỡng tôi trưởng thành từ những năm tháng làm phóng viên chiến tranh trên các mặt trận, chiến trường, tới các đồng chí và các cơ quan có thẩm quyền trong và ngoài quân đội đã tạo điều kiện cho tôi tiếp cận những tài liệu quý giá, cùng tình cảm và sự quan tâm của Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật đã dành cho tôi trong việc thẩm định và xuất bản tác phẩm này.

Số phận cuốn sách không may gắn với cuộc đời làm báo nhiều sóng gió, thăng trầm của tác giả nên sau gần 40 năm mới ra mắt bạn đọc. Tôi đã viết nó cả trong những giờ phút đắng cay của số phận. Giải thưởng Văn học Hội Nhà văn Việt Nam đến với tôi như giọt nước mát lành đến với con lạc đà đang nhẫn nại lầm lũi xuyên qua một sa mạc nóng bỏng hoang vắng. Nó như

món quà của số phận, mang tới cho tôi niềm hạnh phúc, tin tưởng khát khao cùng năng lượng để tôi tiếp tục hoàn thành những trang sách mà mình ôm ấp với niềm say mê văn chương, với trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân của người cầm bút. Sự đón nhận với niềm cảm thông và lượng thứ của bạn đọc trước những thiếu sót không sao tránh khỏi, cùng tình cảm và sự quan tâm của các cơ quan thông tấn báo chí dành cho *Biên bản chiến tranh 1-2-3-4.75* đã mang đến cho tác giả niềm động viên, khích lệ.

Thế sự thăng trầm, nhân tình thế thái đổi thay rồi cũng qua đi, chỉ ngôi đền văn chương - nơi trú ngụ, gửi gắm tâm hồn của thân phận con người là còn lại mãi.

Xin trân trọng cảm ơn.

Phát biểu của nhà báo, nhà văn Trần Mai Hạnh tại Lễ trao tặng Giải thưởng Văn học năm 2014 của Hội Nhà văn Việt Nam.

"SỰ TÔN VINH ĐÓNG GÓP CỦA NỀN VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC"

- Kính thưa Hoàng gia Thái Lan!
- Thưa Hội đồng Giải thưởng Văn học ASEAN của Thái Lan!
- Thưa các vị quan khách!

Trước hết, tôi xin bày tỏ niềm cảm ơn chân thành nhất đến Hoàng gia Thái Lan, nơi sáng lập và tổ chức Giải thưởng Văn học ASEAN đã dành cho tôi vinh dự nhận phần thưởng cao quý này. Xin cảm ơn Hội Nhà văn Việt Nam đã ghi nhận và đề cử tác phẩm của tôi.

Với những tài liệu nguyên bản tuyệt mật của phía Việt Nam Cộng hòa, có cơ duyên chứng kiến và thu thập được trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử giải phóng Sài Gòn, sau nhiều năm lao động, tôi đã xây dựng nên cuốn tiểu thuyết tư liệu lịch sử *Biên bản chiến tranh 1-2-3-4.75* phục dựng trung thực sự thật lịch sử đã diễn ra trong những ngày tháng cuối cùng của cuộc chiến tranh năm 1975 ở Việt Nam. Ngày hôm nay, tại đất nước Thái Lan tươi đẹp, yên bình, thân thiện và giàu truyền thống văn hóa, *Biên bản chiến tranh 1-2-3-4.75* được vinh danh trong khung cảnh trang trọng của Lễ trao Giải thưởng Văn học ASEAN 2015, đã làm thức dậy ký ức về cuộc chiến tranh mà nhân dân Việt Nam chúng tôi đã phải trải qua những hy sinh to lớn với tinh thần quả cảm để có được nền hòa bình và thống nhất đất nước.

Cuộc chiến tranh nào rồi cũng qua đi và trở thành một phần của lịch sử. Nhưng lịch sử không yên nghỉ, mà nó luôn thức với ánh sáng chiếu rọi mách bảo chúng ta cần phải làm gì trong cuộc đấu tranh bảo vệ những phẩm giá tốt đẹp của hiện tại và tương lai trong một thế giới đang trĩu nặng âu lo vì những tham vọng, chiến tranh và xung đột.

Giải thưởng Văn học ASEAN là sự tôn vinh đóng góp của nền văn hóa mỗi dân tộc, là biểu hiện đẹp đẽ của tinh thần cùng tồn tại trong hòa bình, cùng phát triển trong ổn định, cùng thịnh vượng trong hài hòa của cộng đồng các nước ASEAN.

Trên tinh thần ấy, một lần nữa tôi xin trân trọng cảm ơn Hoàng gia Thái Lan.

Xin trân trọng cảm ơn quý vị quan khách, đại biểu các cơ quan thông tấn báo chí và các bạn.

Phát biểu của nhà văn Trần Mai Hạnh tại Lễ trao Giải thưởng Văn học ASEAN 2015.

VĂN CHƯƠNG VÌ PHẨM GIÁ HIỆN TẠI VÀ TƯƠNG LAI

Khi bắt đầu xây dựng cuốn tiểu thuyết tư liệu lịch sử *Biên bản chiến tranh 1-2-3-4.75*, ngay khi chiến dịch Hồ Chí Minh kết thúc thắng lợi, tôi đã hiểu rằng dù dữ dội và đau đớn đến đâu, cuộc chiến tranh nào rồi cũng qua đi. Những năm tháng khổ đau, máu và nước mắt của bất cứ bên tham chiến nào cũng không bao giờ bị lãng quên và tất yếu trở thành một phần của lịch sử.

Đã hơn bốn thập niên trôi qua, nhưng những hồi ức về cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc vẫn chưa phai nhạt trong lòng người dân Việt Nam, kể cả những người lính cộng hòa bên kia chiến tuyến, và cả các cựu binh cũng như người dân Mỹ. Xin hãy trân trọng những hồi ức ấy, nhưng cũng xin đừng quên một điều quan trọng rằng, lịch sử luôn sôi động, lịch sử không bao giờ ngừng lại. Và mỗi sáng chúng ta thức dậy, thế giới đã lên đường. Trong dòng chảy khôn cùng của cuộc sống, chúng ta luôn phải hiểu mình cần làm gì trong cuộc đấu tranh bảo vệ những phẩm giá tốt đẹp của hiện tại và tương lai trong một thế giới đang trĩu nặng âu lo vì những tham vọng, chiến tranh và xung đột. Viết vì phẩm giá con người là một điều không bao giờ cũ với các nhà văn trên khắp thế giới, đặc biệt với các nhà văn đã, đang phải sống trong một đất nước có chiến tranh.

Rất dễ để nhận thấy rằng, thế giới ngày hôm nay đang đổ không biết bao nhiêu tiền bạc vào những vũ khí giết người, tận diệt sự sống, tận diệt các di sản văn hóa. Trong khi đó, văn hóa, đặc biệt là văn học chính là ngọn lửa để sưởi ấm tình yêu, lòng nhân văn, xích con người lại gần nhau. Chỉ có tình yêu của con người dành cho nhau mới có thể xóa nhòa mọi ranh giới, xóa nhòa mọi mưu đồ đã và đang hủy hoại thế giới. Chính vì vậy, mỗi một nhà văn không chỉ là người dân của một quốc gia nào đó mà còn là người dân của toàn nhân loại. Nhà văn với sức mạnh của ngôn từ có vai trò quan trọng trong sự phát triển của xã hội, mà ở đó giá trị của hòa bình cao hơn quyền lực, sự hy sinh cao hơn lợi lộc và sự sống của con người là trên hết.

Tôi đã viết *Biên bản chiến tranh 1-2-3-4.75* với những tài liệu nguyên bản tuyệt mật của phía Việt Nam Cộng hòa, có cơ duyên chứng kiến và thu thập được trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử giải phóng Sài Gòn. Sau nhiều năm lao động, tôi đã xây dựng nên cuốn tiểu thuyết tư liệu lịch sử *Biên bản chiến tranh 1-2-3-4.75* phục dựng trung thực sự thật lịch sử đã diễn ra trong những ngày tháng cuối cùng của cuộc chiến tranh năm 1975 ở Việt Nam. Tôi chưa bao giờ nguôi những ký ức về cuộc chiến tranh đó, nhưng điều quan trọng nhất với tôi, viết không phải là để nhắc lại cuộc chiến, mà là làm thế nào để qua trang sách góp phần nhỏ bé của mình vào ước vọng con người sống tin yêu nhau hơn, cùng nhau xây dựng những giá trị đạo đức tốt đẹp cho tương lai. Có một đúc kết rằng: "Cho dù là cuộc chiến tranh nào đi chăng nữa thì đó cũng không phải là hòa bình". Nhân loại thẫm đẫm nỗi khát khao bình dị mong được sống yên bình. Nhưng lịch sử của nhân loại lại chưa bao giờ ngưng tiếng súng. Khép lại cuộc chiến, bước sang giai đoạn xây dựng đất nước, mong muốn nâng cao vị thế và hình ảnh của đất nước,

hình ảnh của dân tộc trong mắt bạn bè luôn là khát vọng cháy bỏng của mỗi người dân nước Việt, của các nhà văn nước Việt.

Văn chương luôn gắn liền với phẩm giá của con người và dân tộc, từ trong quá khứ, đến hiện tại và cả tương lai. "Khi chúng ta đến với nhau thì cần phải phiên dịch ngôn ngữ để hiểu được nhau nhưng khi đã hiểu nhau thì tình yêu của chúng ta dành cho nhau đã gắn kết chúng ta một cách tự nhiên nhất. Và duy nhất trên thế gian này chỉ có tình yêu là không cần đến phiên dịch"[1].

Và giao tiếp văn chương, không cần đến giấy thông hành vẫn khiến con người hiểu nhau, say đắm nhau, và say đắm chính mình. Say đắm văn chương là món quà kỳ lạ mà tạo hóa đã ban tặng cho con người.

Vì khát vọng hòa bình, vì chất lượng cuộc sống, vì quyền con người, vì phẩm giá tốt đẹp của hiện tai và tương lai mà mãi mãi chúng ta cần đến văn chương, cần đến nhịp cầu hòa bình, hữu nghị, hợp tác giữa các dân tộc và các nền văn hóa.

Với tôi, giải thưởng lớn nhất nhận được chính là sự tin cậy vào phẩm giá nhà văn mà bạn đọc trao cho tôi khi đón nhận *Biên bản chiến tranh 1-2-3-4.75*.

Tham luận của nhà văn Trần Mai Hạnh tại Diễn đàn Văn học ASEAN tổ chức tại Bangkok, Thái Lan.

---

1. Lời nhà thơ Hữu Thỉnh tại Hội nghị quốc tế giới thiệu Văn học Việt Nam lần thứ III tại Hà Nội, tháng 3-2015.

CẢM NHẬN TỪ BẢN THẢO

Cuốn sách này sẽ không có người đọc nếu không hiểu một câu bất hủ của một học giả người Italia - Benedetto Croce: "Tất cả lịch sử là lịch sử đương đại".

Tức là lịch sử - cái đã đi qua - song hành với thời đại chúng ta. Là cơm ăn, nước uống, tinh thần thời chúng ta đang sống. Lịch sử, theo định nghĩa của một triết gia "là một câu chuyện nói chúng ta là ai".

Vì thế, lịch sử không bao giờ cũ.

Nếu có giá trị để tìm về sự thật, lịch sử càng cũ càng mới.

Vô giá là đồ cổ...

*

* *

Tác giả Trần Mai Hạnh viết về thân phận của một thể - chế - thất - thế, thân phận những cá nhân xếp hàng trong thể chế ấy và những giờ phút hấp hối của SỤP ĐỔ.

Ngay cả trong bi kịch của kẻ thua trận, sự hiếu thắng tột cùng vẫn trỗi dậy mới dựng nên một sân khấu chính trị đáng cười, đáng sợ lẫn đáng thương...

Sân khấu ấy, thực ra được dựng nên với những diễn viên đóng thế, đóng giả và được hóa trang bằng phấn son nhập ngoại mà chính họ cũng không nhận ra họ. Đó là những vai hề của trò thực dân kiểu cũ và những nghệ nhân khói lửa hạng tồi.

Những "diễn viên" bên kia chiến tuyến cách đây gần bốn thập kỷ hiện hồn trong *Biên bản chiến tranh 1-2-3-4.75* hầu hết đã lìa đời, lìa quê. Họ đã mất mạng hoặc tự tử tinh thần nơi đất khách quê người.

Xương máu đã chấm dứt một hình nộm thể chế.

*

* *

Lịch sử ghi lại quá khứ để đời sau phân giải và tìm phương thuốc cho tương lai. Hận thù thực ra là thuốc độc của cả người khỏe và người yếu. Nó rất hữu hiệu để giết chết kẻ mạnh nếu kéo dài sự tung hô chiến thắng.

Gót giày viễn chinh và sự ngù ngờ của một nhóm tư duy nô lệ đã chia cắt đất đai thành giới tuyến. Một mất một còn vì Tổ quốc và dân tộc cũng là lẽ đương nhiên của phe chính nghĩa.

Nhưng chiến tranh là nhất thời vì nhân loại vẫn hàm nghĩa nhân tính.

Bất luận chính thể nào khát khao đến hai chữ vững bền cũng cần tìm ra nguyên nhân và vết thương hoại thư của kẻ thua trận.

*

* *

Biên bản chiến tranh 1-2-3-4.75 là tập hợp các tư liệu sống của một người lâm trận yêu nước. Cuốn sách là tư liệu lịch sử nhưng không chép lại với ý đồ giáo huấn. Nó cũng không hàm ý về sự đắc thắng của người chiến thắng như sự báo thù chữ nghĩa thông qua các tư liệu rất khó lòng bác bỏ. Nó quý vì

không chan các bình luận cá nhân. Nó phơi bày đương nhiên như lịch sử - cái đã xảy ra trong quá khứ.

Một cuốn sách dày về nội dung và số trang. Rất đáng đọc.

Vì...

Nó lộ sáng những câu chuyện gần như giai thoại về một chính quyền bị xé rách trong một tương phản đầy quy mô giữa thắng và bại.

Hà Nội, ngày 5-1-2014

Mai Linh

BIÊN BẢN CHIẾN TRANH 1-2-3-4.75 LÀ CUỐN SÁCH RẤT ĐẶC BIỆT

Tình cờ tôi được tặng cuốn sách *Biên bản chiến tranh 1-2-3-4.75*. Tôi đã đọc một mạch từ hôm trước, hầu như thâu đêm, đến khoảng 4 giờ sáng thì xong. Tôi nhắn tin ngay cho tác giả Trần Mai Hạnh nói lên cảm xúc tại lúc đó. Bất ngờ rằng anh trả lời ngay. Hóa ra anh hiểu tâm tư và tấm lòng của tôi.

Biên bản chiến tranh 1-2-3-4.75 là cuốn sách rất đặc biệt. Số phận của cuốn sách cũng rất đặc biệt. Bản sách tôi có trên tay là tái bản lần thứ hai. Tôi tìm thấy trong cuốn sách 550 trang này rất nhiều điều mới lạ và quý giá.

Nói thật rằng nhờ cuốn sách này mà tôi biết và hiểu hơn về hàng chục tướng lĩnh của quân đội Việt Nam Cộng hòa. Cuốn sách đã giúp tôi thấy rõ cuộc chiến để thống nhất đất nước những tháng cuối cùng, những ngày cuối cùng của chiến tranh. Đối với tôi, cuốn sách là cơ may của lịch sử vì nhiều tư liệu quý lần đầu được công bố. Tôi gặp tác giả Trần Mai Hạnh qua những trang sách như một cơ duyên.

Đọc và đọc lại, tôi tưởng tượng ra kho tài liệu đồ sộ mà tác giả đã tham khảo để viết lên thiên tiểu thuyết này. Tôi đã đọc không biết bao nhiêu cuốn tiểu thuyết lừng danh viết về chiến tranh của nhân loại, nhưng đọc một cuốn tiểu thuyết tư liệu lịch sử viết về chiến tranh dưới dạng biên bản như *Biên bản chiến tranh 1-2-3-4.75* của tác giả Trần Mai Hạnh, với tôi là lần đầu.

Tôi chắc rằng tác giả phải mất rất nhiều công sức trong việc truy tìm, tập hợp tài liệu, đọc, nghiên cứu, so sánh, đối chiếu, thẩm định và phải là một chứng nhân của thời khắc lịch sử ấy và phải quả cảm lao động với biết bao nhiệt huyết thì mới có những trang viết này. Tác giả quả là một nhà báo kỳ cựu, tài năng, đầy kinh nghiệm đồng thời là một nhà văn có sức tưởng tượng phong phú mới có thể kỳ công phục dựng được sự thật lịch sử đã diễn ra của phía bên kia (phía Việt Nam Cộng hòa và phía Hoa Kỳ) trong những ngày tháng cuối cùng của chiến tranh với những trang viết sống động, cô đọng, súc tích, tâm huyết và tin cậy đến thế.

Đọc lại tôi nghĩ rằng bên cạnh tác giả phải có rất nhiều người hỗ trợ, giúp đỡ, động viên ông. Tôi không biết hết họ nhưng phải nhiều lắm. Tôi thầm biết ơn họ. Và có lẽ hai người tôi nghĩ đến đầu tiên là nhà thơ Bùi Kim Anh, vợ ông và nhà báo Trần Mai Anh, con gái ông - người đã đặt tên cuối cùng cho tác phẩm này. Không có họ (và nhiều người khác, kể cả những người vô danh) góp sức, chắc chắn không thể có được cuốn sách giá trị này.

Tôi đọc và như thấy trước mắt mình là cơn mưa trái mùa giá lạnh trút xuống Phước Long và Sài Gòn đúng ngày Phước Long "thất thủ", như thấy con đường 7B kinh hoàng hiện ra. Tôi như thấy tác giả Trần Mai Hạnh trên chiếc honda đang lao hết tốc lực bám theo các Lữ đoàn xe tăng tiến vào Sài Gòn trong hai ngày cuối tháng Tư năm ấy. Anh như thoắt ẩn thoắt hiện và thu gom bao thông tin, bao cảnh ngộ vào tâm trí mình với một bộ nhớ siêu phàm. Tôi trân trọng hơn nữa bởi anh cũng như những người đã từng một thời là nhân chứng sống của lịch sử.

Tác phẩm kết thúc bất ngờ khi đoàn quân tiến vào và đất nước thống nhất. Tôi như vỡ òa. Tôi đọc đi đọc lại bài phát biểu (thực ra là bài nói trực tiếp) của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu trước khi từ chức được in toàn văn trong phần *Phụ lục* cuối sách. Nói thật rằng tôi nhận biết được sự thật lịch sử và những bài học vô giá ở đây. Thật sự là vậy.

Chúng tôi đến thăm tác giả Trần Mai Hạnh và gia đình khi anh chị vừa từ Cần Thơ bay ra sau chuyến thăm lại Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long đúng dịp kỷ niệm 41 năm Ngày thống nhất đất nước. Chính xác là anh chị vừa về tới nhà là chúng tôi đến. Bên chén trà và xoài chín chị mang từ miền Nam ra, chúng tôi ngồi tâm sự hơn ba giờ đồng hồ. Câu chuyện thân tình như thể chúng tôi là anh em một nhà.

Chúng tôi bàn với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật và tác giả việc tái bản ngay lập tức cuốn sách này. Tôi biết rằng bạn đọc đang rất mong chờ. Trong lần tái bản này chúng tôi sẽ có thêm phương án bìa cứng trang trọng, được in đẹp, bên cạnh bản bìa mềm. Chúng tôi bắt tay ngay vào làm việc nỗ lực hết mình với sự cộng tác từ ba phía: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, tác giả Trần Mai Hạnh và Công ty Cổ phần Sách Thái Hà. Kết quả cuối cùng là cuốn sách mà quý vị đang có trên tay.

Chúng tôi thật sự đã nỗ lực hết mình để sách ra tốt nhất, đẹp nhất, trang trọng nhất. Tuy nhiên chúng tôi vẫn chờ mong các góp ý của bạn đọc để lần tái bản tới sẽ còn tốt hơn. Quý vị hãy đọc chậm từng chương. Nên đọc chậm và suy ngẫm. Sẽ có nhiều điều thú vị và bất ngờ đến trong tâm trí của quý vị.

Thêm nhiều lần nữa tôi muốn chúc mừng anh Trần Mai Hạnh đã nhận được hai giải thưởng danh giá: Giải thưởng Văn học năm 2014 của Hội Nhà văn Việt Nam và Giải thưởng Văn học ASEAN năm 2015. Tôi biết ơn anh, thành tâm biết ơn công sức và tâm huyết của anh bao ngày tháng để cho ra đời một tác phẩm tầm vóc như *Biên bản chiến tranh 1-2-3-4.75*.

Hà Nội tháng 5-2016

TS. NGUYỄN MẠNH HÙNG
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần sách Thái Hà

TRA CỨU TÊN NGƯỜI

A

A. Johnson 421, 422
Aiken 427, 428
Agnew 411, 416, 504
Alex Douglas Home 432
Alan Pottier 161, 162
Andersen 296
Al Francis 151-154, 156, 159-164
Alaphan 432

B

Bích Liên 347
Bob Stephen 299
Berger 422
Brocent 329
Brent Scowcroft 310
Brejenev 430
Bundro 394
Bùi Diễm 60, 67, 403, 419, 422-424, 434
Bùi Thế Lân 165
Bùi Tường Huân 386
Bùi Xuân Hiến 366
Bửu Viên 13, 249

C

Carter 352
Cao Hảo Hớn 315
Cao Văn Viên 7, 24-28, 30, 32-37, 49, 72-73, 79-80, 82, 84, 87, 95, 97, 107, 109-111, 129-130, 133-138, 140-141, 144-145, 154, 156, 160-161, 166-169, 173-174, 188, 190, 198, 202-203, 209-210, 213-215, 242, 245, 249, 251, 269, 278, 284, 294-296, 320, 324, 330, 333, 335-338, 357, 364, 373-374, 376, 384
Caster 394
Chung Tân Cang 210, 249
Chuẩn tướng Cẩm 45-47, 51-54, 179
Chuẩn tướng Nhật 276
Chuẩn tướng Niêm 179, 384
Chuẩn tướng Oánh 183-187
Chuẩn tướng Quang 317
Chuẩn tướng Sang 45, 52, 54, 58
Chuẩn tướng Tần 317-318, 320-323, 341-342
Chuẩn tướng Thăng 317
Clark Clifford 393
Colby 394

D

Dean Rusk 393
Dư Quốc Đống 3-5, 7-8, 190, 348-349
Dương Văn Minh 20, 27, 149, 223, 225, 230, 289-290, 292, 296, 327-335, 338-342, 346-349, 357, 364, 374-377, 379-381, 385-391
Dương Kích Nhưỡng 267

Đ

Đại sứ Sullivan 409, 417
Đại sứ Bunker 415-417
David Kennerly 198
Đại tá Biết 195
Đại tá Duệ 92-94, 109, 115-117
Đại tá Đại 176, 177
Đại tá Đang 74-75, 90, 94-97, 107-111
Đại tá Hy 107-112
Đại tá Lưỡng 276
Đại tá Phúc 182, 184-185
Đại tá Thanh 382, 383
Đại tá Thô 286
Đại úy Giàu 180
Đại úy Long 231
Đặng Đình Siêu 58-59
Đặng Văn Quang 5-6, 25-28, 30-34, 68, 73, 120, 129, 140-141, 195, 197-198, 202, 226, 244-247, 249, 251, 263-265, 284, 294, 302, 358, 470, 492
Đoàn Minh Quang 267
Đoàn Văn Quảng 382
Đỗ Công Thành 8, 9
Đỗ Kế Giai 382
Đỗ Kiến Nhiễu 11
Đỗ Ngọc Nhân 376
Đỗ Thị Lâm Đề 188
Đồng Văn Khuyên 4, 6, 48-50, 109, 129, 133, 136, 138, 180, 183-184, 209-210, 324, 335-337, 341, 347, 354-357, 373-374

E

Eric P. Carbot 198
Eric Svarei 299

F

Frank Snepp 304-309, 369, 392, 395, 397

G

G. Ford 70-73, 101, 103, 105-106, 124, 127, 141, 143, 144, 170, 193-194, 198, 201, 205, 223, 250-253, 256, 259-261, 266, 271, 273, 299, 311-312, 314, 370, 394-396, 405, 435-443, 453, 518
Gayler 10, 352-354
George Carver 198
George Brown 125, 253, 448
Golber 353
Goldwater 413

H

Hancy Leandri 40-41, 43
Humphrey 393, 427-428
Howridger 422
Holddige 429
Hoàng Đức Nhã 73, 82-83, 120-123, 125-130, 140, 141, 244-247, 251-257, 301-302, 312, 315, 358
Hoàng Kim Phương 124
Hoàng Liên 16
Hoàng Ngọc Lung 24-25, 48-50, 208, 336
Hoàng Văn Lạc 74, 108, 279
Hooters 429
Howard Asher 394

Hồ Văn Châm 191
Hồ Văn Kỳ Thoại 109, 113-114, 159, 165-166
Hồ Văn Kỳ Tường 165
Huỳnh Tấn Mẫm 377-381
Huỳnh Văn Nghi 11, 277

J

Jacques Chirac 239
Jame Kean 372
Jardinsky 394
Javet Levit 276
Javilo 427
Jeanco Novilon 42
Johnson 393, 422, 423
J. Kingsly 305, 309

K

Khiêm Cát 10
Kim Anh 122, 231
Kim Loan 123
Kissinger 66, 124-125, 150, 193-194, 198, 201, 205-206, 250-252, 271, 274, 297, 361, 314, 371-372, 391, 395-396, 398, 412, 415-422, 425, 428, 430, 433, 436, 499-501, 504

L

Lâm Quang Thi 26, 74, 76-77, 90, 107-108, 110-112, 138-139, 159, 165-166, 279
Lâm Văn Phát 382
Lê Công Chất 249
Lê Đức Thọ 417, 420, 430
Lê Khắc Lý 44-48, 50-54, 57-62, 64, 173-176, 179-181, 183-185, 202

Lê Minh Đảo 210, 215, 283, 285-287, 289, 316, 319, 344-347, 383-384
Lê Ngọc Danh 343-344
Lê Ngọc Triền 138-140, 144
Lê Nguyên Khang 144, 166
Lê Nguyên Vỹ 210, 323-324, 345-346
Lê Quang Bình 177
Lê Quang Trường 267
Lê Trung Hiền 40, 83, 190
Lê Trung Hoàn 51-52, 61, 174
Lê Trung Tường 18-19, 23, 32, 34-35, 345, 383
Lehmann 31, 67-69, 101, 103-106, 152, 370, 394
Lansdale 22
Lê Văn Điệp 267
Lê Văn Hưng 317, 343-344, 346
Lê Văn Thân 54, 61-64, 173, 177
Lê Văn Tống 318-319
Lữ Lan 159, 250, 376
Lý Bá Phẩm 174, 176-178, 180-187, 196
Lý Long Thân 3-4
Lý Quý Chung 376-379, 381, 386, 390
Lý Tòng Bá 210, 323-324, 345, 374, 384

M

Martin 13, 31, 67-69, 101, 124, 127, 141-143, 163-164, 194, 197-201, 203-205, 228-230, 273-274, 283, 288-289, 292-293, 298, 307-314, 330, 348, 352-353, 358, 360, 370-371, 394-399, 435-437, 441-442, 492
Mạch Văn Trường 317, 319, 342, 343
Mặc Thu 15
Medison 370

Mai Anh 121-123, 193, 231, 233, 257-258, 301, 311-313
Marshall Green 422, 424
Merion 296, 329, 332, 349, 387
Mitocher 317, 320-323, 341
Mỹ Cơ 10

N

Nesson 124, 296
Nelson Rockefeller 205
Ngô Đình Cẩn 26
Ngô Đình Diệm 16, 26-27, 69, 99, 213, 244, 292, 305, 517
Ngô Đình Nhu 27
Ngô Đình Thục 26
Ngô Khắc Tỉnh 9
Ngô Quang Trưởng 3, 29-30, 69-70, 74-101, 106-115, 127, 136-140, 144, 151-161, 163-166, 168-170, 197, 203, 214, 250, 278-279, 289, 349, 364-367, 513
Nguyễn Bá Cẩn 218-219, 238, 241-243, 247-248, 266-269, 275-276, 289, 294, 315, 330, 358, 499, 519
Nguyễn Cao Kỳ 69-70, 121, 146-147, 193, 223-225, 228-230, 237, 244-246, 292, 295, 312, 327, 329, 331, 334, 347, 357-360, 364-366, 381
Nguyễn Duy Hinh 108, 159, 164, 250, 279, 367
Nguyễn Duy Quang 256
Nguyễn Đức Khánh 109, 115, 139, 152-153, 157-160, 165-167
Nguyễn Đức Thắng 292, 331, 332
Nguyễn Hữu Có 381, 382, 385-388
Nguyễn Hữu Dương 147
Nguyễn Hữu Hạnh 375, 381-382, 386, 389
Nguyễn Hữu Lợi 129, 133, 137

Nguyễn Hữu Mai 221
Nguyễn Khắc Bình 68, 140-141, 146, 197, 226, 244, 249, 251, 294-295, 315-316, 358
Nguyễn Khắc Tuân 376, 382
Nguyễn Khoa Nam 3, 207, 327, 317, 341-344, 346, 384, 387
Nguyễn Ngọc Thân 382
Nguyễn Tấn Đời 227, 232
Nguyễn Tấn Triều 232
Nguyễn Tấn Trung 222, 227, 232, 257, 301
Nguyễn Thanh Trí 109, 113-114, 160, 167
Nguyễn Thành Trung 246, 249-250, 339, 358
Nguyễn Thành Vinh 147
Nguyễn Thị Kim 231
Nguyễn Thị Tuấn Anh 232
Nguyễn Tiến Hưng 28, 120, 266, 268, 270-271, 273-274
Nguyễn Tú 83-84
Nguyễn Tường Nhung 367
Nguyễn Văn Bình 277-278
Nguyễn Văn Chín 320-323
Nguyễn Văn Chức 147, 375-376, 382
Nguyễn Văn Điềm 76-77, 91, 107-108, 110, 112, 115, 137, 159, 188
Nguyễn Văn Đồng 57-58
Nguyễn Văn Đức 32-33, 181-182, 196, 303
Nguyễn Văn Hảo 11, 267, 333, 386
Nguyễn Văn Hiếu 187-188
Nguyễn Văn Huân 384
Nguyễn Văn Hùng 271
Nguyễn Văn Huyền 339, 386, 390, 499
Nguyễn Văn Kiểu 232-236, 257-258, 301-302, 311
Nguyễn Văn Lượng 173, 183-187, 196
Nguyễn Văn Minh 192, 210-211, 215, 244, 246, 324-325
Nguyễn Văn Thiệu 1, 3, 5-10, 11, 13-39, 41, 45, 57, 63, 66-71,

73-74, 76, 78, 80-87, 89-90, 98-106, 120-131, 133, 134, 136-138, 140-141, 143-150, 161, 165-166, 169, 184, 186, 190, 192-242, 244-258, 263-264, 266-274, 278, 280-285, 288-312, 314, 326-328, 334, 336, 338-339, 353, 358, 364, 376-381, 385, 403-405, 408, 413, 417, 421-428, 431, 435, 437, 439, 441, 444, 475, 477, 492, 496, 502, 515-517, 520-521, 530, 536-537.

Nguyễn Văn Toàn 4, 190, 208, 211, 214, 216, 226, 234-236, 276-277, 283, 285-287, 323-324, 344-345, 365, 383

Nguyễn Văn Trung 26

Nguyễn Vĩnh Nghi 19-20, 208, 211, 213-214, 216, 245, 269, 276-278, 281, 513

Nguyễn Xuân Trang 382

Nhan Văn Thiệt 301, 303, 304

Nixon 66-67, 70, 72, 105, 201, 254, 258, 370-371, 405, 407, 408, 412, 413, 416-418, 420-421, 423-427, 501-503, 505

Nicol Kim 366

P

Phạm Bá Hoa 48-51, 354-357, 373-376, 390

Phạm Bá Lân 376, 381-382

Phạm Duy Tất 38-39, 44-46, 52-54, 57-63, 133, 167, 175, 176, 181, 184-185, 196, 197

Phạm Hà Thanh 337, 382

Phạm Kỳ Loan 50-51, 355

Phạm Nam Sách 147

Phạm Quốc Thuần 181, 196

Phạm Văn Chung 188-189

Phạm Văn Phô 208-209
Phạm Văn Phú 3, 23-24, 31-39, 44-47, 52-54, 58-64, 69, 80, 84-85, 98, 112, 133, 167, 173-189, 195-197, 203, 214, 289, 363-364
PhạmVăn Tam 147
Phan Hòa Hiệp 191, 267
Phan Khắc Sửu 290
Phó đề đốc Châu 184
Phó đề đốc Minh 197-198
Peter Cop 254-255
Paul Dreipha 334
Polgar 68, 201, 305, 307-309, 352, 358, 369-370, 395
Paul Leandri 40-43

Q

Quỷ Cốc 17-18, 19-21, 214, 233
Quỷ Cốc Tử 214, 233-235

R

Robert Thompson 394
Rean Marin 40, 43
Rogers 422-423, 433
Royle 432

S

Saxbec 427
Schlesinger 13, 170, 223, 271
Schuman 430-431
Smith 49, 316, 351, 354, 356-357, 360, 363
Struharic 31
Stenneith 413
Stevenson 124
Swanson 317, 320-323, 341

T

Timmes 56, 288, 230, 305-306
Ted Shackley 198
Terzanni 10
Tower 427-428
Thiếu tá Minh 234
Tôn Thất Ái Chiêu 303
Tôn Thất Đính 15
Tổng thống Truman 419
Trang Sĩ Tấn 226
Trần Anh Tuấn 304
Trần Cao Thắng 376
Trần Cửu Thiên 174, 178, 181, 185, 195-197
Trần Đình Thọ 48-50, 336
Trần Hữu Thanh 14-15, 69, 146-147, 224-227, 237, 292
Trần Quốc Đông 344
Trần Thanh Điền 301, 303-304
Trần Thiện Khiêm 6, 11, 13, 25, 26, 28, 30, 32-34, 73, 80-82, 84-89, 129, 138, 140-141, 143-146, 149, 192, 216-218, 237, 241-242, 247, 249, 256-257, 266-268, 303-305, 308, 310
Trần Văn Đỗ 224, 403, 419, 431, 434
Trần Văn Đôn 90, 166, 238-243, 247-248, 256, 267-268, 270, 276-280, 283-284, 292, 303, 329-333, 347-348, 364, 404, 485, 491
Trần Văn Hai 317, 346, 388
Trần Văn Hương 6, 14, 241, 248, 267, 290, 293-297, 304, 306, 326, 328-335, 338, 339, 514, 519-522
Trần Văn Lắm 333-334, 406, 412, 416-418, 430
Trần Văn Minh 249, 320-321
Trần Văn Trung 381-382, 385
Trung tá Cầu 157-158

Tướng Dy 384
Tướng Đính 26
Tướng Haig 405, 408-409, 411, 412, 418, 424, 426, 430, 433
Tướng Hunter 307
Tướng Khôi 384
Tướng Lãm 26
Tưởng Giới Thạch 233, 258
Tưởng Kinh Quốc 233, 258, 302, 311
Tuyết Mai 237, 366

V
Văn Thành Cao 381-382
Võ Đông Giang 10
Võ Quốc Thanh 11
Võ Văn Cầm 130, 132, 303, 473
Võ Xuân Lành 152, 246
Vũ Bằng 15
Vũ Ngọc Hoàn 381-382
Vũ Trung Hương 164
Vũ Văn Mẫu 15, 339, 347-348, 377-378, 386-388, 390
Vương Văn Bắc 129, 248, 267, 270, 432
Vĩnh Lộc 347, 374-377, 381-386, 388

W
Walter Hockey 299
Weyand 70, 73, 127, 138, 141-142, 145, 150, 173-174, 193-195, 197-207, 214, 251-253, 260, 350, 396
William Bundy 393
William Westmoreland 392

MỤC LỤC

	Trang
LỜI NHÀ XUẤT BẢN	V
LỜI TÁC GIẢ	VII
1. Lễ Giáng sinh cuối cùng	1
2. Sài Gòn nơm nớp đón Tết Ất Mão	14
3. Nước cờ định mệnh	22
4. "... Trên bốn phương trời đi tìm sự thật..."	40
5. "... Chương bi thảm nhất của chiến tranh..."	44
6. "Người Mỹ muốn gì đây?"	66
7. Huế ngợp thở	74
8. Thiệu lên gân trong cô độc, sợ hãi	120
9. Đà Nẵng điên loạn và sụp đổ	151
10. Nha Trang tắt thở. Quân đoàn 2 bị xóa sổ	172
11. Sài Gòn bên bờ sụp đổ. Cuộc đấu với Weyand	190
12. Cuộc phòng thủ sinh tử	207
13. Chính quyền bán đấu giá	220
14. Thiệu như ngọn đèn trước gió	244
15. Giờ tận số đã điểm	275
16. Thiệu cuốn gói	288
17. Sự kháng cự cuối cùng bị nghiền nát, Sài Gòn trống rỗng về chính trị	314

18. Chiếc trực thăng cuối cùng 350
19. Phút tắt thở của Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn và chính thể Việt Nam Cộng hòa 373
TÀI LIỆU THAM KHẢO 399
PHỤ LỤC 401
TÁC PHẨM VÀ DƯ LUẬN 523
TRA CỨU TÊN NGƯỜI 544

Chịu trách nhiệm xuất bản
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
TS. HOÀNG PHONG HÀ
Chịu trách nhiệm nội dung
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
TS. VŨ TRỌNG LÂM

Biên tập nội dung: ThS. CHU VĂN KHÁNH
ThS. NGUYỄN THỊ THU TRANG
Trình bày bìa: ThS. PHÙNG MINH TRANG
TRẦN NGỌC THẮNG
Chế bản vi tính: NGUYỄN THỊ HẰNG
Sửa bản in: THU TRANG
Đọc sách mẫu: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT

In 5031 cuốn, khổ 16x24 cm, tại Công ty Cổ phần In truyền thông Việt Nam
Địa chỉ: Số 843 đường Hồng Hà, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
Số đăng ký xuất bản: 488-2016/CXBIPH/2-05/CTQG.
Quyết định xuất bản số: 396-QĐ/NXBCTQG, ngày 13-5-2016.
Mã số ISBN: 978-604-57-0395-3.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 5 năm 2016.

BIÊN BẢN CHIẾN TRANH

1-2-3-4.75

"Những sự kiện lịch sử chỉ diễn ra một lần, cũng như đời mỗi con người chỉ sống có một lần. Nhưng để hiểu hết chân giá trị của lịch sử, để hiểu đúng một con người lại cần có thời gian, nhiều khi không thể chỉ đánh giá một lần. Lịch sử và cuộc sống luôn là một dòng chảy liên tục, bất tận. Trong cuộc sống hiện tại ngày hôm nay có nền tảng và những giá trị tinh thần vô giá của quá khứ, đồng thời nó cũng chứa đựng mầm mống và sức sống mãnh liệt của tương lai..."

TRẦN MAI HẠNH

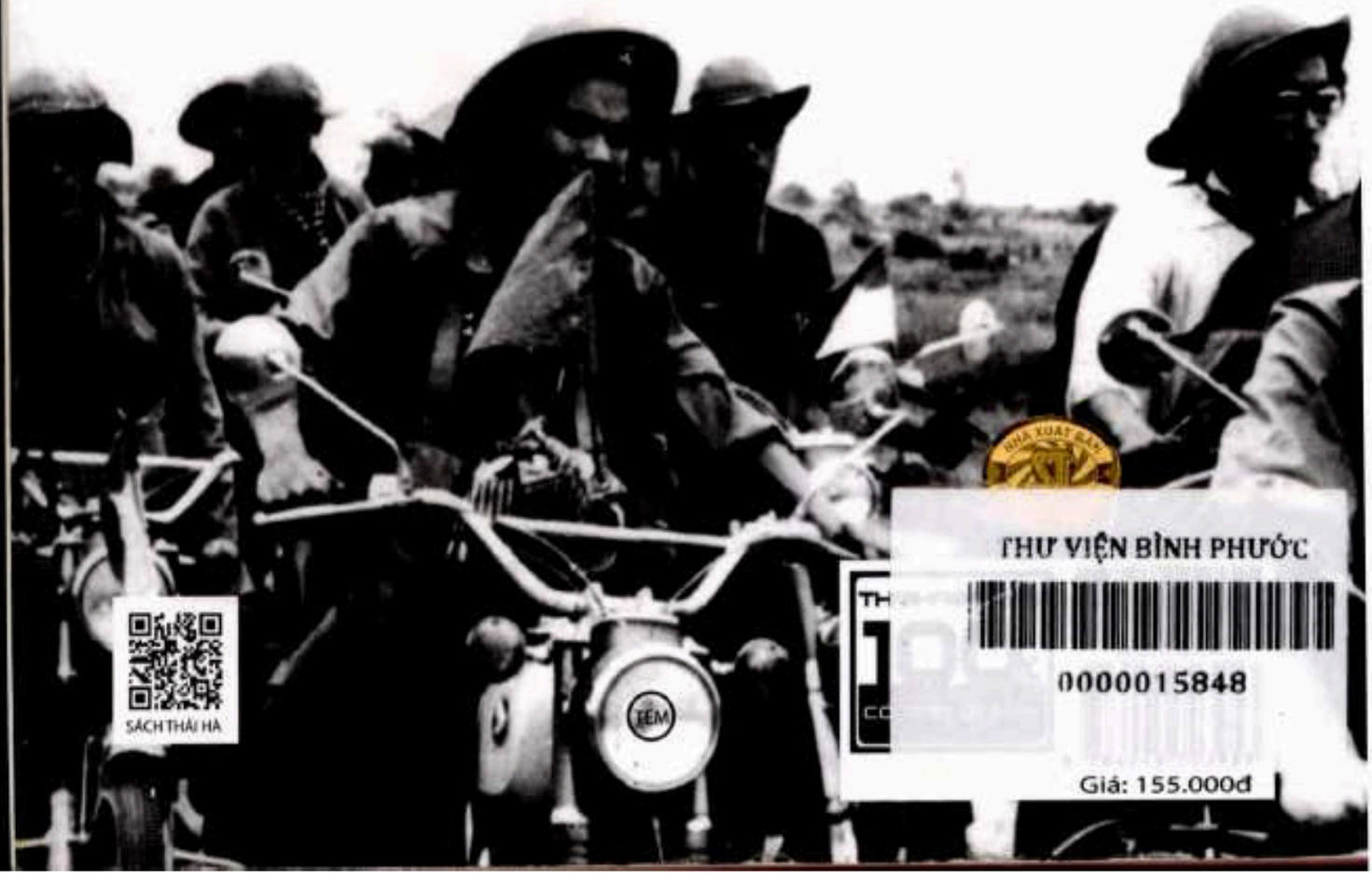

SÁCH THÁI HÀ

THƯ VIỆN BÌNH PHƯỚC
0000015848
Giá: 155.000đ